



VIỆN NGHIÊN CỨU  
CHÂU ÂU



VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM



VIỆN PHÁP LUẬT KINH DOANH  
VÀ ĐẦU TƯ CHÂU ÂU

# HỘI THẢO KHOA HỌC

## HAI NĂM THỰC HIỆN HIỆP ĐỊNH EVFTA: TÁC ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 4 tháng 8 năm 2022

ĐƠN VỊ ĐỒNG HÀNH



**MỤC LỤC**

|  | Trang      |
|--|------------|
| <b>PHẦN I: TỔNG QUAN TÁC ĐỘNG CỦA EVFTA ĐỐI VỚI THƯƠNG MẠI, ĐẦU TƯ VIỆT NAM - LIÊN MINH CHÂU ÂU</b>  | <b>1</b>   |
| <b>Quan hệ thương mại, đầu tư giữa Việt Nam và EU sau 2 năm thực thi EVFTA</b><br><i>TS.Hoàng Xuân Trung</i>   | <b>2</b>   |
| <b>Hiệp định EVFTA sau 2 năm thực thi: Tác động đối với kinh tế Việt Nam</b><br><i>PGS.TS.Phạm Thị Thanh Bình &amp; ThS.Vũ Nhật Quang</i>  | <b>17</b>  |
| <b>Một số tác động của Hiệp định thương mại tự do EU - Việt Nam (EVFTA)</b><br><i>ThS.Dương Yến Phi</i>  | <b>29</b>  |
| <b>Tác động của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-EU đối với quan hệ thương mại Việt Nam-EU trong hơn hai năm qua</b><br><i>TS.Nguyễn Mậu Hùng</i>   | <b>35</b>  |
| <b>Đánh giá tác động của Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu đối với thương mại song phương</b><br><i>Nguyễn Thị Thơ</i>   | <b>52</b>  |
| <b>Các biện pháp phi thuế quan mới trong bối cảnh đại dịch Covid-19 và những ảnh hưởng đến xuất khẩu của Việt Nam</b><br><i>ThS.Nguyễn Minh Phương &amp; ThS.Lê Thu Hà &amp; PGS.TS.Vũ Hoàng Nam</i> | <b>61</b>  |
| <b>Hiệp định EVFTA và những vấn đề đặt ra đối với nền kinh tế Việt Nam</b><br><i>ThS.Vũ Nhật Quang</i>   | <b>93</b>  |
| <b>Hai năm thực hiện EVFTA nhìn từ công tác quản lý nhà nước</b><br><i>Nguyễn Khánh Ngọc</i>   | <b>102</b> |
| <b>Thực thi các cam kết về lao động của Việt Nam trong EVFTA</b><br><i>PGS.TS.Đặng Thị Phương Hoa</i>  | <b>111</b> |
| <b>Thị trường lao động của Liên minh Châu Âu và gợi mở cho Việt Nam</b><br><i>ThS.Trịnh Thành Vinh</i>   | <b>129</b> |
| <b>PHẦN II: THỰC THI EVFTA Ở CẤP ĐỘ QUAN HỆ KINH TẾ SONG PHƯƠNG</b>  | <b>143</b> |
| <b>Tác động của hiệp định EVFTA đối với quan hệ kinh tế - thương mại giữa Việt Nam và Cộng hòa Séc</b><br><i>TS.Luật gia.Lê Hoàng Anh Tuấn</i>   | <b>144</b> |

|  |            |
|--|------------|
| <b>EVFTA và triển vọng quan hệ thương mại, đầu tư giữa Việt Nam và Ba Lan</b><br><i>ThS.Trịnh Thị Hiền</i>   | <b>154</b> |
| <b>Quan hệ kinh tế Việt Nam - Phần Lan trong bối cảnh triển khai EVFTA</b><br><i>ThS.Lê Thị Kim Oanh</i>   | <b>165</b> |
| <b>Quan hệ thương mại - đầu tư giữa Việt Nam và Thụy Điển trong bối cảnh thực hiện EVFTA</b><br><i>ThS.Hồ Thị Thu Huyền</i>  | <b>177</b> |
| <b>EVFTA và quan hệ kinh tế Việt Nam - Tây Ban Nha</b><br><i>Ths.Đinh Thị Ngọc Linh</i>  | <b>185</b> |
| <b>Quan hệ kinh tế Việt Nam - Hà Lan trong bối cảnh triển khai EVFTA</b><br><i>TS.Nguyễn Bích Thuận</i>  | <b>198</b> |
| <b>EVFTA và triển vọng hợp tác thương mại, đầu tư Việt Nam - Pháp</b><br><i>ThS.Đỗ Hồng Huyền</i>  | <b>208</b> |
| <b>Quan hệ kinh tế Việt Nam - Italia: 2 năm sau khi triển khai EVFTA</b><br><i>ThS.Vũ Thanh Hà</i>   | <b>219</b> |
| <b>Tại sao thương mại Việt - Đức vẫn duy trì tăng trưởng trong bối cảnh đại dịch Covid-19</b><br><i>Nguyễn Phúc Hiền &amp; Nguyễn Thị Khánh Huyền</i>  | <b>231</b> |
| <b>Quan hệ kinh tế Việt Nam - CHLB Đức trong bối cảnh triển khai EVFTA</b><br><i>ThS.Nguyễn Thanh Lan</i>  | <b>243</b> |
| <b>Xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài từ Đức vào Việt Nam trong bối cảnh thực thi EVFTA và EVIPA</b><br><i>PGS.TS.Nguyễn Anh Thu &amp; TS.Cao Thị Hồng Vinh &amp; Nguyễn Thúy Hạnh &amp; Vũ Hoàng Anh Minh</i> | <b>257</b> |
| <b>Cơ hội và thách thức của dòng chảy hỗ trợ phát triển chính thức song phương của Đức vào Việt Nam trong cam kết theo EVFTA và dưới góc nhìn của chủ nghĩa quốc tế</b><br><i>ThS.Nguyễn Ngọc Xuân Thu</i>       | <b>270</b> |
| <b>PHẦN III: THỰC THI EVFTA Ở CẤP ĐỘ ĐỊA PHƯƠNG, NGÀNH VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ XÃ HỘI</b>  | <b>283</b> |
| <b>Xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài của Thành phố Hà Nội trong bối cảnh thực thi EVFTA và EVIPA</b><br><i>Nguyễn Hữu Lương &amp; TS.Cao Thị Hồng Vinh &amp; Nguyễn Hoài Chung</i>                            | <b>284</b> |

|   |            |
|---|------------|
| <b>Hiệp định thương mại tự do và triển vọng về công nghiệp văn hóa ở Việt Nam</b><br><i>ThS.Dương Trường Phúc</i>   | <b>303</b> |
| <b>Một số vấn đề đặt ra đối với xuất khẩu sản phẩm dệt may của Việt Nam sau hai năm thực hiện hiệp định EVFTA</b><br><i>ThS.Vũ Thị Nhung</i>                                | <b>310</b> |
| <b>Một số giải pháp thúc đẩy xuất khẩu nông, thủy sản sang thị trường EU trong bối cảnh thực thi EVFTA</b><br><i>TS.Đình Mạnh Tuấn &amp; ThS.Trần Thị Thảo</i>              | <b>320</b> |
| <b>Xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam sang thị trường Liên minh Châu Âu sau hai năm thực thi EVFTA</b><br><i>ThS.Phùng Xuân Hội</i>                                | <b>328</b> |
| <b>Xuất khẩu nông sản của Việt Nam: Triển vọng và thách thức từ Hiệp định thương mại tự do EU-Việt Nam (EVFTA)</b><br><i>ThS.Hà Thị Ngọc Niềm</i>                           | <b>346</b> |
| <b>Xuất khẩu sản phẩm rau quả của Việt Nam sang thị trường EU kể từ khi Hiệp định EVFTA được thực thi</b><br><i>TS.Hoa Hữu Cường</i>  | <b>355</b> |
| <b>Xuất khẩu trái cây Việt Nam sang EU trong bối cảnh thực thi EVFTA: Rào cản kỹ thuật và kiến nghị</b><br><i>TS.Lê Văn Tuyên</i>   | <b>367</b> |
| <b>Kinh nghiệm của địa phương trong việc thúc đẩy xuất khẩu hàng trái cây sang thị trường EU nhằm tận dụng những cơ hội đặt ra từ EVFTA</b><br><i>TS.Hoàng Thị Thúy Hà</i>  | <b>381</b> |
| <b>Một số vấn đề đặt ra đối với xuất khẩu gạo của Việt Nam vào thị trường Liên minh Châu Âu khi EVFTA có hiệu lực</b><br><i>ThS.Nguyễn Thị Thơm &amp; ThS.Trần Thị Thảo</i> | <b>386</b> |
| <b>Việt Nam thực hiện Hiệp định thương mại tự do Liên minh Châu Âu-Việt Nam (EVFTA) - nhìn từ góc độ quyền con người</b><br><i>CVCC.Vũ Ngọc Bình</i>                        | <b>393</b> |
| <b>Các quy định về môi trường trong Hiệp định EVFTA</b><br><i>TS.Nguyễn Đình Đáp</i>  | <b>402</b> |



|  |            |
|--|------------|
| <b>Rào cản SPS trong EVFTA và vấn đề đáp ứng của Việt Nam</b><br><i>ThS.Trần Thị Khánh Hà</i>  | <b>411</b> |
| <b>PHẦN IV: MỘT SỐ SLIDE TRÌNH BÀY TẠI HỘI THẢO</b>  | <b>423</b> |
| <b>Thuận lợi - Khó khăn trong thực thi EVFTA của doanh nghiệp Việt Nam sau 2 năm nhìn lại</b><br><i>TS.Nguyễn Thị Thu Trang</i>                        | <b>424</b> |
| <b>Thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp/HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Sơn La trong bối cảnh thực thi EVFTA</b><br><i>TS.Bùi Việt Hưng</i> | <b>435</b> |

**PHẦN I: TỔNG QUAN TÁC ĐỘNG CỦA EVFTA  
ĐỐI VỚI THƯƠNG MẠI, ĐẦU TƯ  
VIỆT NAM - LIÊN MINH CHÂU ÂU**

## QUAN HỆ THƯƠNG MẠI, ĐẦU TƯ GIỮA VIỆT NAM VÀ EU SAU 2 NĂM THỰC THI EVFTA

*TS. Hoàng Xuân Trung*  
Viện Nghiên cứu Châu Âu

**Tóm tắt:** Bài viết này phân tích đánh giá tác động của hiệp định EVFTA đến thương mại và đầu tư ở Việt Nam. Sử dụng số liệu về xuất nhập khẩu và đầu tư giữa Việt Nam và EU, kết quả phân tích cho thấy xuất nhập khẩu có dấu hiệu tăng sau khi thực hiện EVFTA, tuy nhiên do tác động của đại dịch Covid-19 nên ảnh hưởng của EVFTA đến Việt Nam chưa được rõ ràng. Vốn đầu tư từ châu Âu sang Việt Nam giảm sau khi thực hiện EVFTA, điều này chủ yếu là do tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19. Tác động của đại dịch Covid-19 làm cho đánh giá về hiệu quả của EVFTA trở nên khó khăn hơn.

### 1. Giới thiệu

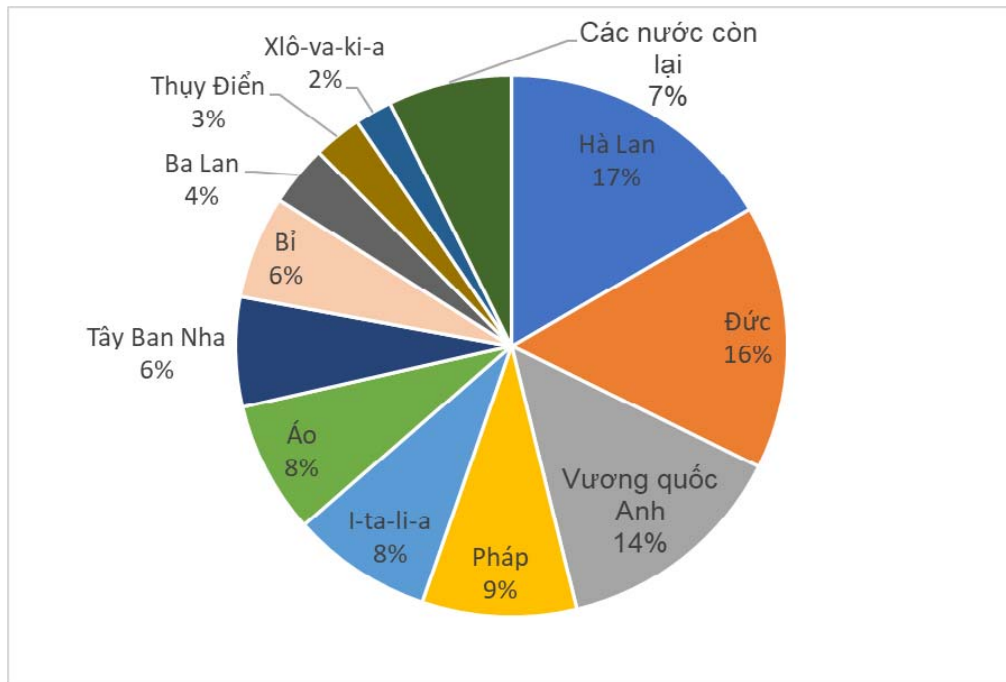
Theo nghiên cứu đánh giá của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, sau khi EVFTA có hiệu lực, hiệp định này sẽ có tác động tích cực ở nhiều khía cạnh đối với kinh tế Việt Nam và quan hệ kinh tế Việt Nam - EU. Trên thực tế, sau hơn một năm rưỡi thực hiện EVFTA, tính đến hết quý I/2022, thương mại hai chiều và đầu tư của EU vào Việt Nam vẫn tiếp tục đà tăng trưởng, tuy nhiên, tốc độ tăng có phần chậm lại so với giai đoạn trước, chủ yếu do tác động của đại dịch Covid-19 đối với nền kinh tế Việt Nam và EU. Mặc dù các nội dung của EVFTA bao gồm: đối xử quốc gia và mở cửa thị trường hàng hóa, hải quan và tạo thuận lợi thương mại, mua sắm công, minh bạch, bảo vệ sở hữu trí tuệ và các nội dung khác đã góp phần quan trọng thúc đẩy trao đổi thương mại giữa Việt Nam và EU, đồng thời cũng tạo môi trường kinh doanh lành mạnh ở Việt Nam nhằm tăng cường thu hút đầu tư của EU vào Việt Nam, song đại dịch Covid-19 với sự gián đoạn chuỗi cung ứng và việc vận chuyển khó khăn thực sự đã trở thành lực cản lớn đối với quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và các nước EU. Thương mại hai chiều và đầu tư của EU vào Việt Nam được dự báo sẽ tăng trưởng với tốc độ cao hơn đáng kể trong bối cảnh bình thường mới. Triển vọng này sẽ đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế của Việt Nam, tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động Việt Nam, tăng thu ngân sách<sup>1</sup>. Phần này sẽ phân tích tác động của EVFTA đối với quan hệ thương mại và đầu tư Việt Nam – EU sau hơn một năm thực thi.

<sup>1</sup> Vụ Chính sách đa biên (2020), Đánh giá tác động của EVFTA tới Việt Nam, <http://www.moit.gov.vn>.

## 2. Thực trạng xuất nhập khẩu của Việt Nam sang EU trước khi thực hiện EVFTA

Hình 1 cho thấy Hà Lan là nước đứng đầu về nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam, chiếm 17% trong tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu năm 2019. Tiếp đến là Đức, chiếm 16% trong tổng kim ngạch xuất khẩu. Anh cũng là nước mà tỷ trọng xuất khẩu của Việt Nam chiếm tỷ lệ lớn, khoảng 14%. Tỷ trọng xuất khẩu của Việt Nam sang Pháp là 9%, Italia là 8%, Áo là 8%.

**Hình 1: Cơ cấu xuất khẩu sang các nước EU năm 2019**

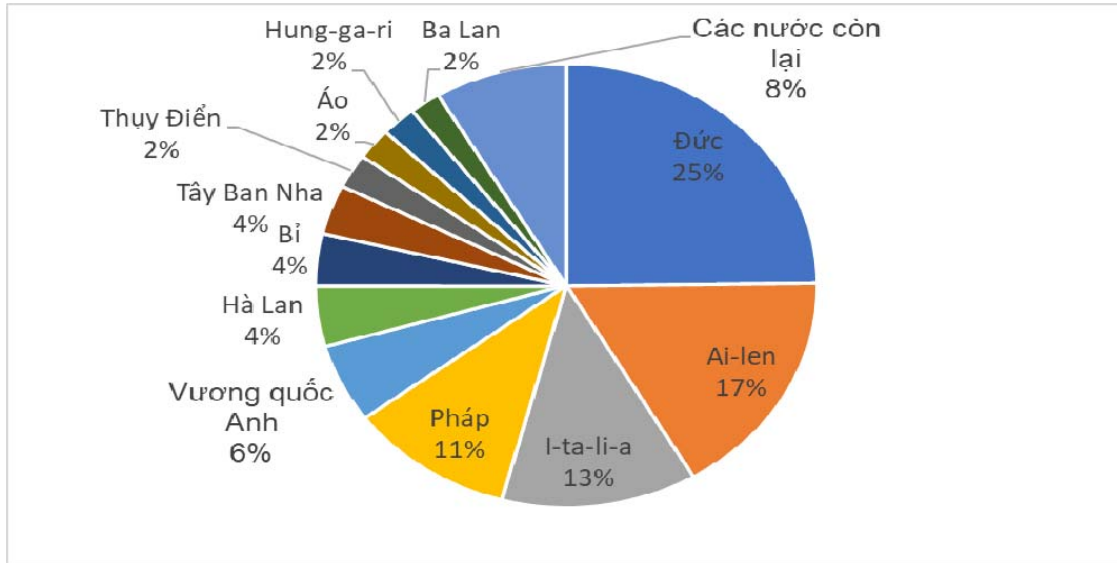


*Nguồn: Tổng cục Thống kê*

Hình 2 minh họa cơ cấu nhập khẩu của Việt Nam từ EU trước khi ký hiệp định thương mại EVFTA. Kết quả cho thấy Việt Nam nhập khẩu chủ yếu từ các nước: Đức, Ai-len, Italia, Pháp, Anh, Hà Lan, Bỉ, Tây Ban Nha. Cụ thể, tỷ trọng nhập khẩu của Việt Nam từ Đức chiếm 25% trong tổng kim ngạch nhập khẩu từ EU năm 2019, từ Ai-len là 17%, từ Italia là 13%, từ Pháp là 11%, từ Anh là 6%. Tỷ trọng nhập khẩu của Việt Nam từ Bỉ, Hà Lan và Tây Ban Nha đều chiếm khoảng 4%. Mặc dù xuất khẩu của Việt Nam sang Ai-len chiếm tỷ lệ nhỏ nhưng xuất khẩu lại chiếm tỷ trọng lớn. Điều này là do Ai-len có chính sách ưu đãi thuế, chỉ 12,5% đối với thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong khi đó mức thuế này là 35% tại Mỹ. Các doanh nghiệp có doanh thu liên quan tới bằng sáng chế hoặc sở hữu trí tuệ thì mức thuế phải nộp chỉ còn 6,25%. Do mức thuế doanh nghiệp thấp nên Ai-len đã thu hút nhiều doanh nghiệp ở các nước trên thế giới đến đầu tư.



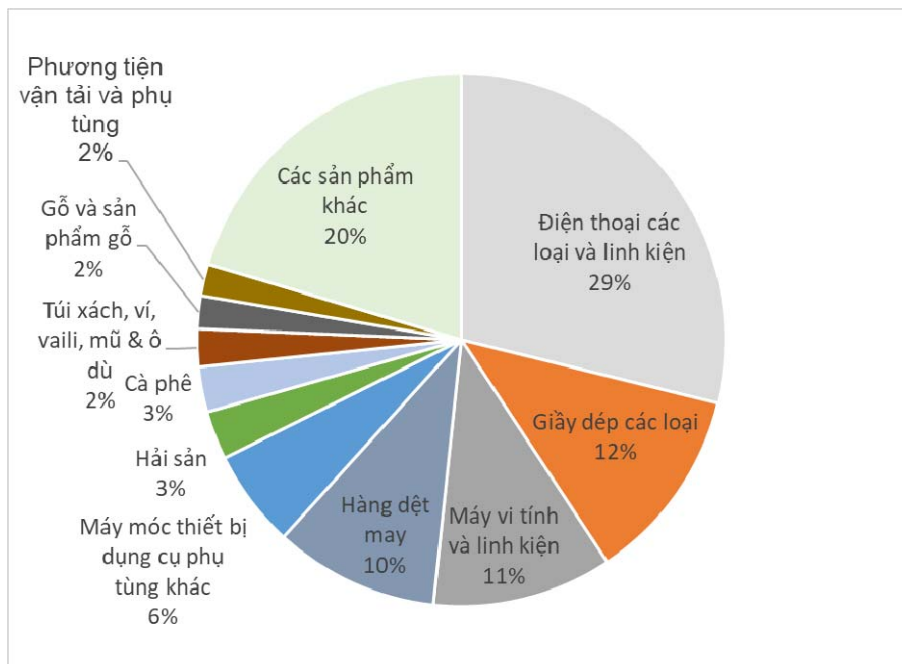
**Hình 2. Cơ cấu nhập khẩu của Việt Nam từ EU năm 2019**



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Hình 3 phân tích cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam sang EU năm 2019. Kết quả cho thấy ngành điện thoại các loại và linh kiện chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng kim ngạch xuất khẩu sang EU, chiếm 29%. Đây có thể là ngành có thế mạnh xuất khẩu của Việt Nam. Giấy dép, máy vi tính và linh kiện, hàng dệt may, máy móc thiết bị, hải sản cũng là những ngành chiếm tỷ trọng xuất khẩu lớn sang EU. Ví dụ, tỷ trọng xuất khẩu của giấy dép trong tổng kim ngạch xuất khẩu sang EU là 12%, ngành máy vi tính và linh kiện là 11%, hàng dệt may là 10%, máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng chiếm 6%, hải sản và cà-phê đều chiếm khoảng 3%.

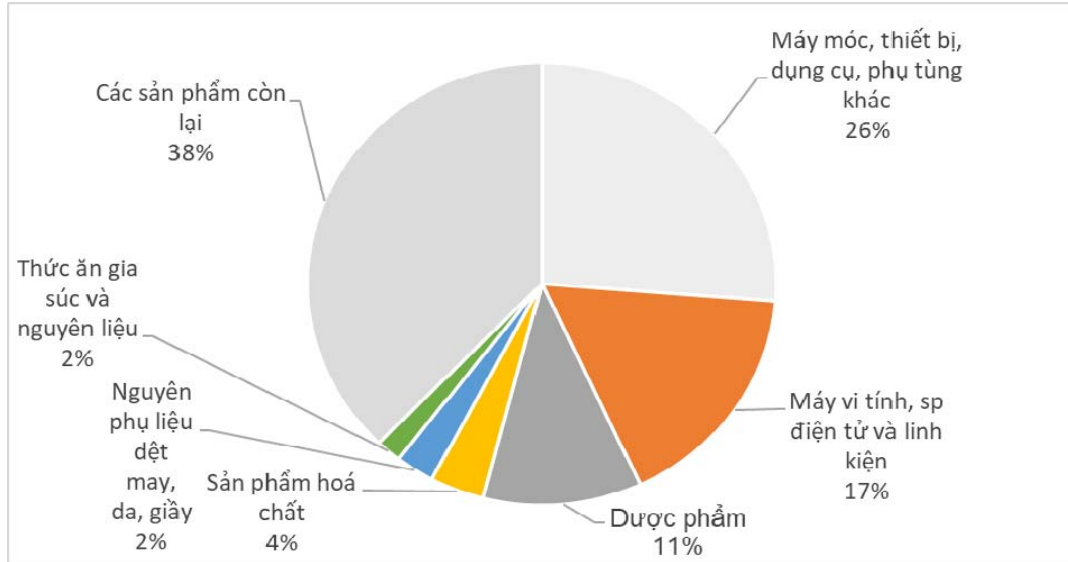
**Hình 3. Cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam sang EU năm 2019**



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Xét về cơ cấu nhập khẩu của Việt Nam sang EU năm 2019 cho thấy máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng chiếm tỷ trọng lớn nhất 26%. Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện chiếm tỷ trọng lớn thứ 2 - 17%. Tiếp đến là dược phẩm, chiếm 11%.

**Hình 4. Cơ cấu nhập khẩu của Việt Nam sang EU năm 2019**



Nguồn: Tổng cục Thống kê

### 3. Tác động đối với thương mại

Quan hệ thương mại được coi là tiền đề quan trọng thúc đẩy hợp tác chính trị và các hoạt động hợp tác giữa EU và Việt Nam trên cơ sở đôi bên cùng có lợi. Trước khi Hiệp định EVFTA được ký kết, quan hệ Việt Nam - EU vẫn đang trên đà phát triển, thương mại hai chiều giữa Việt Nam và EU có xu hướng ngày càng tăng. Theo số liệu thống kê của Eurostat, năm 2020, Việt Nam là đối tác xuất khẩu hàng hóa lớn thứ 30 và là đối tác nhập khẩu hàng hóa lớn thứ 10 của EU<sup>2</sup>.

Việc ký kết EVFTA là một bước đi nhằm khẳng định cam kết của Việt Nam đối với hệ thống thương mại quốc tế, hiệp định này không chỉ thể hiện nỗ lực của chính phủ Việt Nam trong việc thúc đẩy quan hệ với EU mà còn thể hiện nỗ lực thúc đẩy quá trình đàm phán các FTA của Việt Nam với các đối tác kinh tế quan trọng trên thế giới. Hiệp định này đã góp phần tăng cường quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và EU không chỉ về chiều rộng mà cả về chiều sâu, phù hợp với chủ trương, chính sách hội nhập quốc tế của Việt Nam.

Về cơ cấu xuất nhập khẩu, các quốc gia thành viên EU và Việt Nam có cơ cấu hàng hóa xuất nhập khẩu về cơ bản là mang tính bổ sung cho nhau chứ không cạnh tranh trực tiếp, trong đó mỗi quốc gia lại có những thế mạnh về hàng hóa xuất khẩu

<sup>2</sup> Eurostat (2021), Vietnam-EU-international trade in goods statistics, [https://ec.europa.eu/eurostat/statistics-explained/index.php?title=Vietnam-EU\\_-\\_international\\_trade\\_in\\_goods\\_statistics](https://ec.europa.eu/eurostat/statistics-explained/index.php?title=Vietnam-EU_-_international_trade_in_goods_statistics)

khác nhau và hỗ trợ cho nhau. Chẳng hạn, các quốc gia EU có lợi thế về xuất khẩu máy móc, thiết bị, dược phẩm, sữa, thịt,...; trong khi đó Việt Nam lại có ưu thế về xuất khẩu các sản phẩm dệt may, giày dép, các mặt hàng nông sản nhiệt đới, thủy hải sản, công cụ và thiết bị cơ khí. Về dịch vụ, EU xuất khẩu các dịch vụ tài chính, logistics, trong khi đó Việt Nam có thế mạnh về cung ứng các dịch vụ đóng tàu, vận tải nội địa. Đặc biệt, Việt Nam rất cần nhập khẩu các công nghệ tiên tiến, công nghệ nguồn, máy móc thiết bị hiện đại từ EU và các nước phát triển nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, tăng cường năng lực cạnh tranh đối với các sản phẩm hàng hóa, đặc biệt là hàng công nghiệp.

Thực tế đã cho thấy rằng, EU là một thị trường rộng lớn đầy tiềm năng, có sự thống nhất trong đa dạng, có nhiều dư địa tăng trưởng. EVFTA có tác động tích cực tới quan hệ thương mại Việt Nam- EU còn bởi vì cơ cấu xuất nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam và EU mang tính hỗ trợ hơn là đối đầu cạnh tranh. Thông qua việc cam kết xóa bỏ thuế nhập khẩu lên tới gần 100% biểu thuế sau lộ trình nhất định, EVFTA tạo động lực quan trọng thúc đẩy xuất khẩu của Việt Nam tới thị trường EU, đặc biệt là xuất khẩu các mặt hàng trọng điểm như dệt may, da giày, nông sản, thủy sản. EVFTA cũng góp phần đa dạng hóa thị trường, đa dạng hóa các mặt hàng xuất khẩu sang thị trường EU đầy tiềm năng. Các mặt hàng có thế mạnh xuất khẩu của Việt Nam như dệt may, da giày, nông sản, thủy sản tận dụng được ưu đãi về thuế thông qua EVFTA có thêm cơ hội thúc đẩy xuất khẩu vào thị trường các nước EU.

Trong thời gian đầu thực thi EVFTA, do tác động của đại dịch Covid-19 cùng với các biện pháp phong tỏa, đóng cửa nhiều nhà máy và cơ sở sản xuất, kinh doanh trên toàn thế giới khiến chuỗi cung ứng bị gián đoạn và việc vận chuyển gặp nhiều khó khăn. Tính trong cả năm 2020, kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường EU đã giảm 2,7% so với năm 2019.

Sau hơn một năm thực thi, Hiệp định EVFTA được đánh giá là đã góp phần thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam, đồng thời góp phần cải thiện cả về pháp luật và thể chế của Việt Nam. Trong thời gian qua, thương mại song phương giữa Việt Nam và EU đã có những tăng trưởng tích cực. Số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan cho thấy, trong 6 tháng đầu năm 2021, thương mại hai chiều giữa Việt Nam và EU đạt 27,67 tỷ USD, tăng 18,4% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó xuất khẩu từ Việt Nam sang EU tăng 18,3% (đạt 19,4 tỷ USD), nhập khẩu từ EU vào Việt Nam tăng hơn 19,1% (đạt 8,2 tỷ USD) so với cùng kỳ năm 2020<sup>3</sup>. Trong 9 tháng đầu năm 2021, tính

---

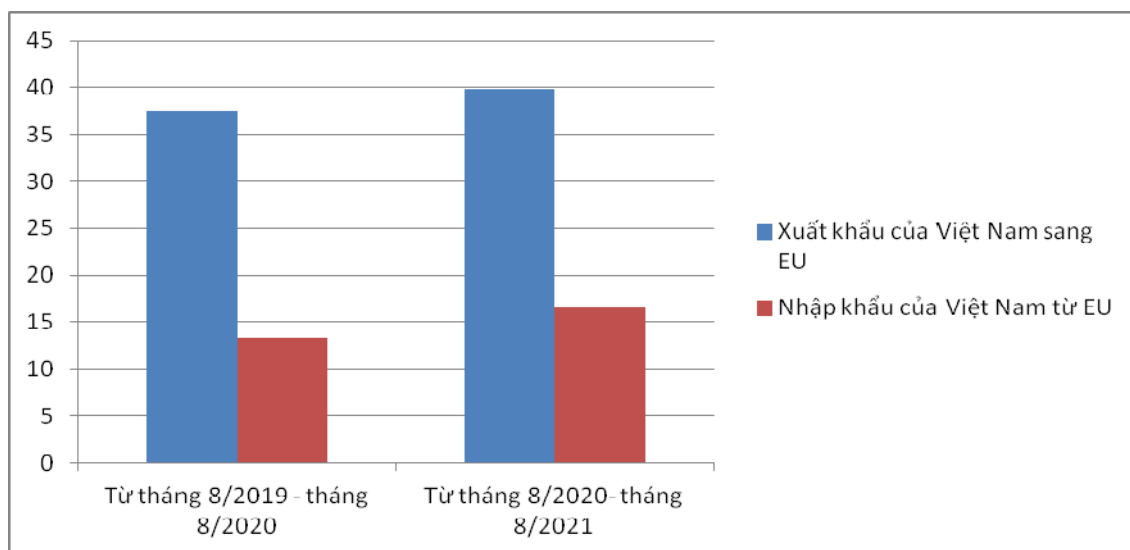
<sup>3</sup> Ngân An (2021), “Thương mại Việt Nam –EU sau một năm thực thi hiệp định EVFTA”, Tạp chí Con số và Sự kiện, tháng 11/2021.

cả quý III/2021 khi nền kinh tế chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi tình hình dịch Covid-19, kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và EU đạt khoảng 41,3 tỷ USD, tăng 13,4% so với cùng kỳ năm 2020. Tính trong 9 tháng năm 2021, Việt Nam xuất siêu sang thị trường EU 16,41 tỷ USD, con số này tăng 7,68% so với cùng kỳ năm 2020<sup>4</sup>. Trong quý III/2021, cùng với sự bùng phát của làn sóng dịch Covid-19 tại Việt Nam, xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường EU chịu tác động của sự gián đoạn chuỗi cung ứng và các hoạt động sản xuất ở Việt Nam bị đình trệ do thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía nam buộc phải áp dụng các biện pháp giãn cách xã hội nhằm ngăn ngừa sự lây lan của dịch bệnh.

Trên thực tế, đánh giá sau một năm kể từ khi EVFTA có hiệu lực, tốc độ tăng nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Việt Nam từ thị trường EU còn nhanh hơn so với tốc độ tăng xuất khẩu. Nhập khẩu hàng hóa từ EU vào Việt Nam tăng mạnh khiến thặng dư thương mại của Việt Nam với EU có xu hướng thu hẹp lại. Xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường EU từ 37,5 tỷ USD trong 12 tháng trước khi EVFTA có hiệu lực (từ 1/8/2019-1/8/2020 tăng lên 39,8 tỷ USD trong 12 tháng sau khi EVFTA có hiệu lực (chỉ tăng 6,1%). Trong khi đó, nhập khẩu của Việt Nam từ EU tăng từ 13,31 tỷ USD lên 16,51 tỷ USD tương ứng, tức là tăng 24%, cho thấy hàng hóa và châu Âu đang bắt đầu thâm nhập mạnh mẽ vào thị trường Việt Nam.

**Hình 5. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam sang thị trường EU trước và sau 12 tháng khi EVFTA có hiệu lực**

*Đơn vị: tỷ USD*



*Nguồn:* Tổng hợp từ số liệu các tháng của Tổng cục Hải quan năm 2019-2021

<sup>4</sup> Bộ Công thương (tháng 12/2021), Thương mại hai chiều giữa Việt Nam với EU tiếp tục tăng trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/thuong-mai-hai-chieu-giua-viet-nam-voi-eu-tiep-tuc-tang-trong-boi-can-dich-covid-19-dien-bien-phuc-tap.html>



Điều này cũng không hẳn mang ý nghĩa tiêu cực mà có thể phản ánh xu hướng gia tăng nhập khẩu các hàng hóa có chất lượng cao của các doanh nghiệp và người tiêu dùng Việt Nam. Các doanh nghiệp có thể nhập khẩu được ngày càng nhiều nguyên vật liệu đầu vào, máy móc thiết bị, công nghệ tiên tiến phục vụ cho sản xuất công nghiệp hiện đại. Người tiêu dùng có thể tiếp cận nhiều hàng hóa có chất lượng cao do giá bán sản phẩm cạnh tranh hơn khi được hưởng ưu đãi về thuế nhập khẩu. Đa phần các hàng hóa nhập khẩu tăng thêm của Việt Nam là các sản phẩm trung gian được sử dụng cho sản xuất công nghiệp trong nước như máy móc thiết bị, nguyên vật liệu đầu vào, dược phẩm. Ở một góc độ nào đó, điều này cũng mang lại lợi ích cho các ngành sản xuất trong nước, nhờ đó các doanh nghiệp Việt Nam có thể tiếp cận được các sản phẩm hàng hóa có hàm lượng công nghệ và có chất lượng cao để phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng của người Việt, tận dụng được những cơ hội mà EVFTA mang lại.

Xét về dài hạn, nếu không tính đến tác động của đại dịch Covid-19, sự gia tăng thương mại hai chiều nói chung sẽ đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế, tạo thêm nhiều công ăn việc làm cho người lao động, tăng thu ngân sách nhà nước trung và dài hạn. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã đưa ra dự báo, EVFTA sẽ góp phần làm tăng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường EU 42,7% vào năm 2025 và 44,37% vào năm 2030 so với trường hợp không có EVFTA. Kim ngạch nhập khẩu từ EU vào Việt Nam được dự báo tăng với thêm 33,06% vào năm 2025 và 36,7% vào năm 2030. Cũng theo dự báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, EVFTA sẽ góp phần làm GDP của Việt Nam tăng khoảng 2,18%-2,5% trong giai đoạn 2019-2023; 4,57%-5,3% trong giai đoạn 2024-2028 và 7,07%-7,72% trong giai đoạn 2029-2033<sup>5</sup>.

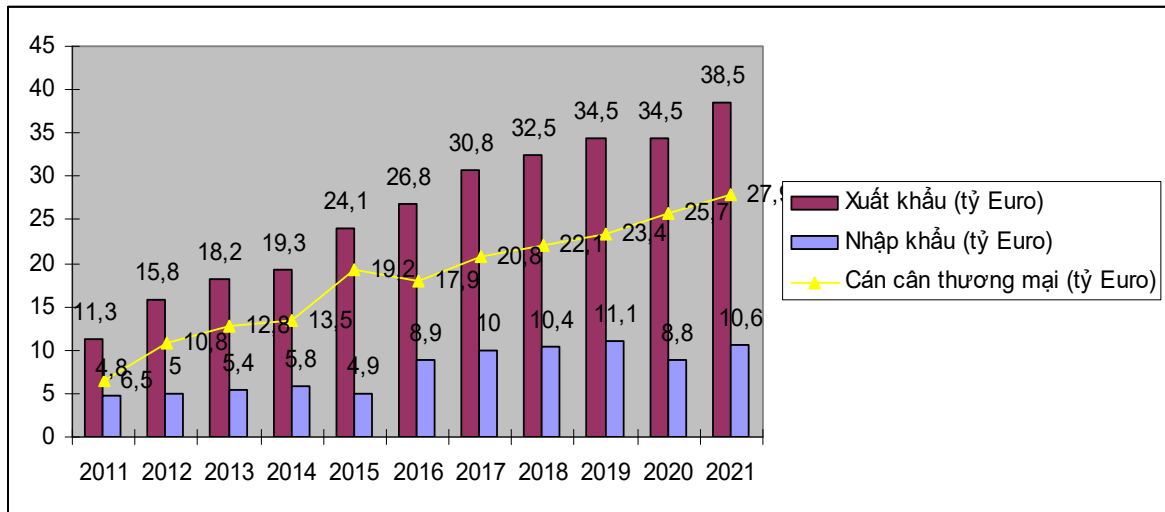
Nhìn vào đồ thị Hình 6, có thể thấy tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường EU từ năm 2017 có xu hướng chậm lại. Năm 2020, do tác động của đại dịch Covid-19, xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường EU không tăng so với năm 2019 và nhập khẩu của Việt Nam từ EU giảm 2,3 tỷ Euro (tương đương 20,7%). Tuy nhiên, năm 2021, với việc nới lỏng các biện pháp phong tỏa chống dịch và dưới tác động của EVFTA, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường EU có xu hướng tăng trở lại, từ 34,5 tỷ Euro năm 2020 lên 38,5 tỷ Euro năm 2021 (tăng 4 tỷ Euro hay 11,6%), đồng thời nhập khẩu cũng tăng nhưng với giá trị ít hơn (1,8 tỷ Euro) khiến thặng dư thương mại tăng từ 25,7 tỷ Euro năm 2020 lên 27,9 tỷ Euro năm 2021.

---

<sup>5</sup> Ngân An (2021), “Thương mại Việt Nam – EU sau một năm thực thi hiệp định EVFTA”, Tạp chí Con số và Sự kiện, 1/11/2021.

### Hình 6. Xuất khẩu của Việt Nam sang EU, nhập khẩu của Việt Nam từ EU và cán cân thương mại Việt Nam- EU giai đoạn 2011-2021

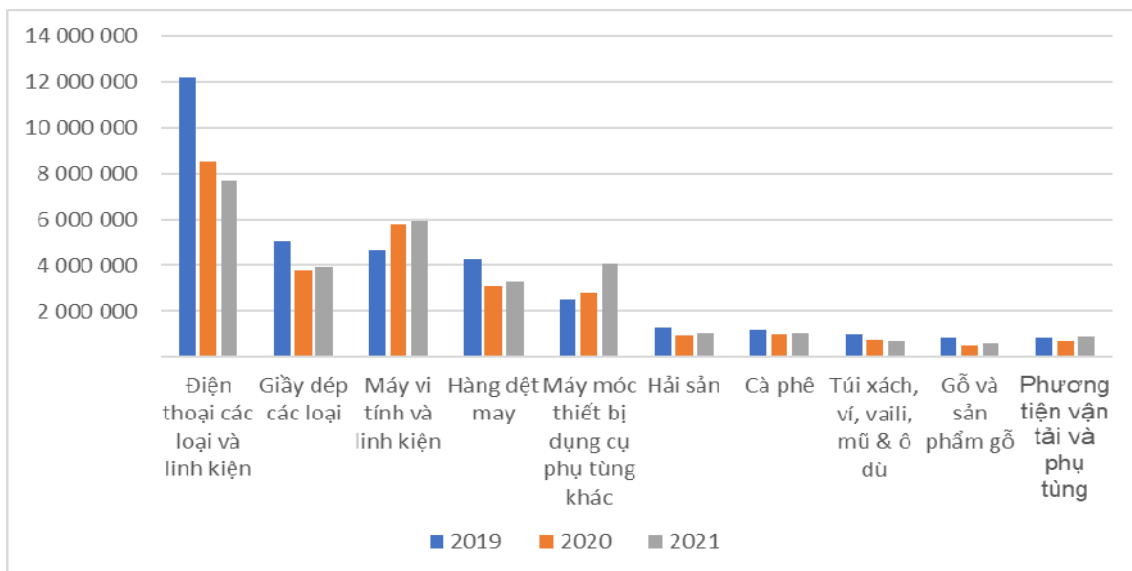
Đơn vị: tỷ EUR



Nguồn: Eurostat (2022)

Xem xét kỹ các mặt hàng chủ lực xuất khẩu sang EU theo thời gian, Hình 5 cũng cho thấy các mặt hàng đều có xu hướng giảm trong năm 2020 và có xu hướng tăng nhẹ trong năm 2021 khi các biện pháp nới lỏng phong tỏa được thực hiện. Chỉ có duy nhất sản phẩm máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác là có xu hướng tăng theo thời gian, và tăng mạnh vào năm 2021.

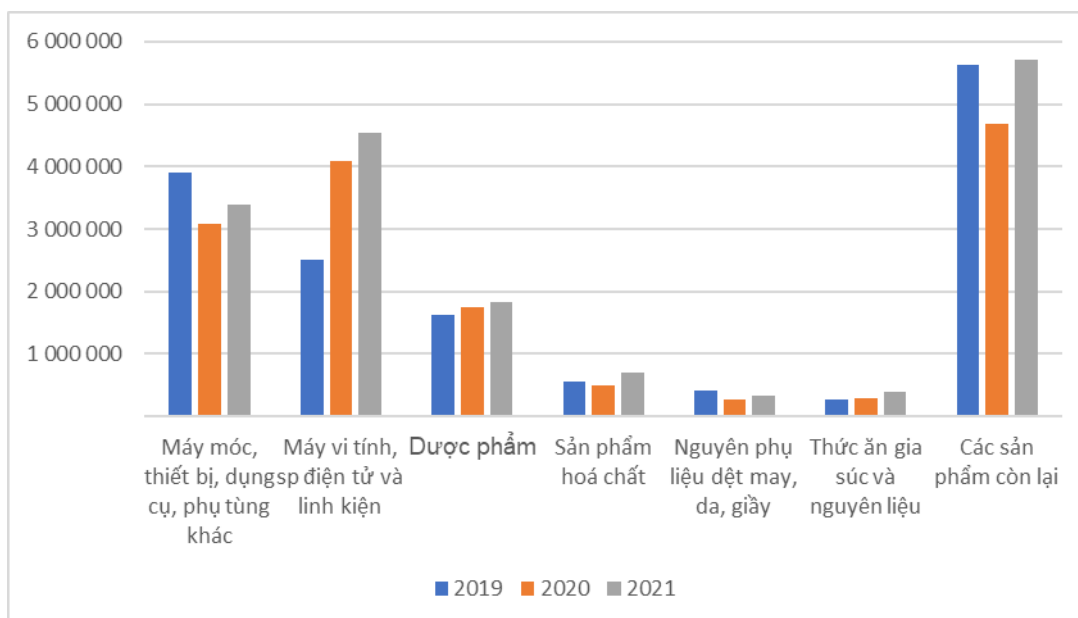
### Hình 5. Xuất khẩu các mặt hàng chủ yếu sang EU theo thời gian



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Hình 6 cũng cho thấy các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu của Việt Nam từ EU giảm vào năm 2020 và tăng trở lại vào năm 2021, ngoại trừ máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện là có xu hướng tăng cả trong năm 2020 và 2021.

**Hình 6. Nhập khẩu các mặt hàng chủ yếu của Việt Nam từ EU theo thời gian**



*Nguồn: Tổng cục Thống kê*

#### 4. Tác động đối với đầu tư

Thông qua những cam kết về quản trị minh bạch theo các nội dung của EVFTA và những cam kết về tạo môi trường kinh doanh và đầu tư thông thoáng, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp và nhà đầu tư của cả Việt Nam và các nước EU, Việt Nam tiếp tục nhận được các nguồn vốn đầu tư có chất lượng, hấp thụ khoa học và công nghệ tiên tiến từ các nước EU, mang lại lợi ích cho cả hai bên.

Việc thực thi EVFTA có thể tạo nền tảng để Việt Nam phát triển bền vững trong dài hạn thông qua tăng cường những quy định về môi trường. Đối với các ngành công nghiệp, đặc biệt là ngành sản xuất ô tô, việc đáp ứng các tiêu chuẩn của EU từ EVFTA cũng tương đương với những tiêu chuẩn của Liên Hợp Quốc. Các tiêu chuẩn về khí thải theo Euro3, Euro4, Euro5 chính là cơ sở, tiền đề để các doanh nghiệp Việt Nam đáp ứng được những tiêu chuẩn quốc tế trong sản xuất công nghiệp, cần thiết cho sự phát triển dài hạn.

Tính đến tháng 11/2021, Chính phủ và các bộ, ban, ngành đã sửa đổi, ban hành tám văn bản quy phạm pháp luật nhằm hoàn thiện hành lang pháp lý phù hợp với EVFTA. Thêm vào đó, các bộ, ban, ngành có liên quan cũng rà soát kỹ lưỡng các văn bản quy phạm pháp luật để có thể đưa ra những điều chỉnh kịp thời và tạo điều kiện

thuận lợi đảm bảo thực hiện các cam kết của EVFTA. Trước đó, Chính phủ Việt Nam đã ban hành Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 8/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và Nghị quyết 68/NQ-CP ngày 12/05/2020 về ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020-2025, góp phần đảm bảo việc tuân thủ các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam tham gia, trong đó có EVFTA.

Luật Đầu tư mới, được Quốc hội thông qua vào tháng 6 năm 2020, có hiệu lực thực thi vào ngày 1/1/2021, với mục tiêu nới lỏng các quy định về kinh doanh ở Việt Nam nhằm tạo điều kiện thu hút FDI và cải thiện môi trường kinh doanh ở Việt Nam. Luật này được ban hành đúng vào thời điểm triển khai thực hiện các hiệp định thương mại tự do có sự tham gia của Việt Nam như RCEP, CPTPP và EVFTA, trong đó hiệp định thương mại tiên tiến và hiện đại nhất là EVFTA. Luật đầu tư 2020 sửa đổi những quy định chông chéo liên quan đến đầu tư, làm rõ các điều kiện và nguyên tắc để lựa chọn các nhà đầu tư cho các dự án sử dụng đất đai, bao gồm đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, thông qua các nhà đầu tư và các thủ tục đầu tư.

Với EVFTA, Luật Đầu tư 2020 cho phép tiếp cận thị trường lớn nhất thế giới của các quốc gia có nền kinh tế phát triển. Trước những thách thức về kinh tế và xã hội do đại dịch Covid-19, Việt Nam có thể tận dụng các thị trường EU làm động lực để phục hồi kinh tế, hưởng những lợi ích từ chuyển giao công nghệ và tiếp nhận công nghệ hiện đại từ EU. Trong bối cảnh cạnh tranh thương mại và công nghệ quyết liệt giữa Mỹ và Trung Quốc, Việt Nam có thể đa dạng hóa thị trường xuất nhập khẩu và đa dạng hóa nguồn FDI, trong đó EU có thể được coi là bên trung gian (Andreas Stoffers, 2021).

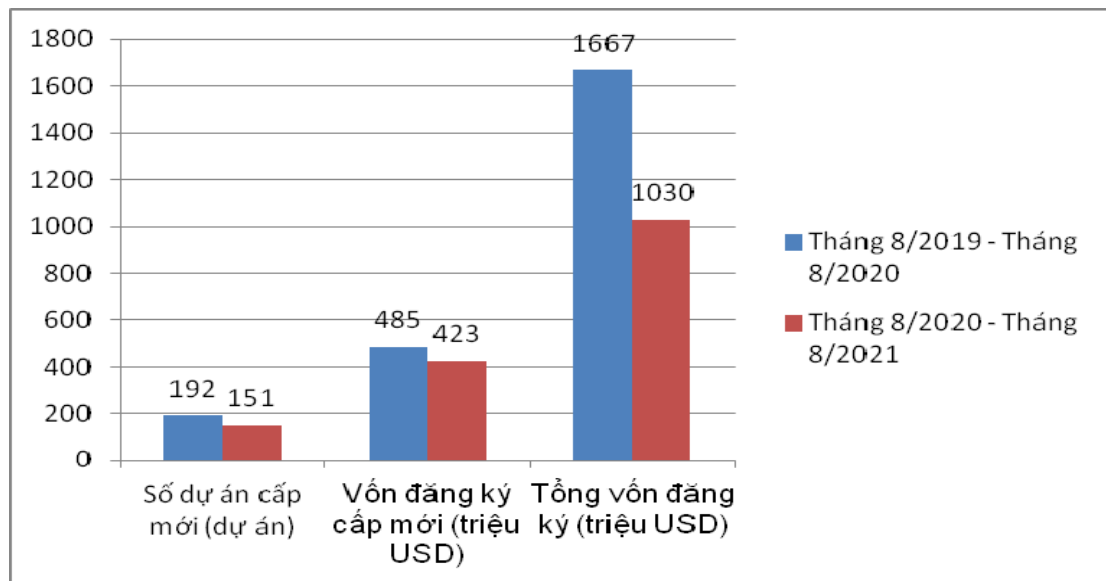
Chính sách thu hút FDI mới của Việt Nam có xu hướng tập trung có chọn lọc vào các dự án có chất lượng, loại bỏ các dự án đầu tư có quy mô nhỏ và ít giá trị gia tăng. Tỷ lệ FDI đầu tư vào các lĩnh vực có nguy cơ ô nhiễm cao và sử dụng công nghệ lạc hậu như dệt nhuộm có xu hướng giảm dần, thay vào đó là sự gia tăng các dự án chất lượng cao với xu hướng xanh hóa, sử dụng nguyên liệu tái tạo.

EVFTA được kỳ vọng sẽ giúp Việt Nam trở thành điểm đến thu hút đầu tư từ EU, tạo thêm cơ hội cho các doanh nghiệp EU tiếp cận với thị trường của Việt Nam, tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động, thúc đẩy các lĩnh vực công nghiệp sử dụng công nghệ cao của Việt Nam như: điện tử, ô tô, công nghiệp chế biến và chế tạo,



công nghệ thông tin và các lĩnh vực khác như nông sản thực phẩm chế biến, dịch vụ, tài chính. Tuy nhiên, trong thời gian đầu thực thi EVFTA, hầu hết các quốc gia và khu vực trên thế giới đều phải đối mặt với những tác động tiêu cực về mặt kinh tế và xã hội do đại dịch Covid-19 gây ra, khiến dòng chảy FDI toàn cầu giảm 35% từ 1500 tỷ USD năm 2019 xuống còn 1000 tỷ USD năm 2020. FDI của EU vào Việt Nam năm 2020 cũng giảm, song mức giảm tương đối ít.

**Hình 7. FDI của EU vào Việt Nam trong 12 tháng trước khi EVFTA có hiệu lực và 12 tháng sau khi EVFTA có hiệu lực**



*Nguồn:* Tổng hợp từ số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư các năm 2019-2021.

Trên thực tế khó có thể đánh giá ảnh hưởng của EVFTA đối với quan hệ đầu tư Việt Nam – EU trong năm đầu tiên thực thi hiệp định khi số liệu về đầu tư bị ảnh hưởng rất nhiều bởi hậu quả của đại dịch Covid-19, khi các biện pháp phong tỏa, cách ly và hạn chế đi lại giữa các nước khiến hoạt động đầu tư bị gián đoạn. Số liệu của Tổng cục Thống kê cho thấy, do tác động nghiêm trọng của đại dịch Covid-19 đối với các nền kinh tế EU và Việt Nam, tổng vốn FDI đăng ký của các quốc gia EU vào Việt Nam năm 2020 giảm nhẹ so với năm 2019 bất chấp những triển vọng tích cực mà EVFTA mang lại.

Trong số các đối tác EU, Hà Lan là quốc gia có vốn FDI đổ vào Việt Nam nhiều nhất với 382 dự án có tổng giá trị FDI là 10,4 tỷ USD, chiếm 46,5% tổng FDI của EU vào Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2021. Đứng thứ hai trong danh sách này là Cộng hòa Pháp với tổng giá trị FDI đạt 3,62 tỷ USD và đứng thứ ba là Cộng hòa Liên bang Đức với 2,25 tỷ USD (Sputnik Việt Nam, 2021).

Các tập đoàn lớn của EU ở Việt Nam có thể kể đến như Shell Group của Hà Lan, Total Elf Fina của Pháp và Bỉ, Daimler Chrysler của Đức. Lĩnh vực FDI mà EU đầu tư vào Việt Nam chủ yếu là các ngành công nghiệp dựa trên công nghệ cao. Một số tập đoàn hiện nay đang có xu hướng chuyển đầu tư sang các ngành dịch vụ, công nghiệp phụ trợ, nông nghiệp công nghệ cao, dược phẩm và năng lượng sạch. Đặc biệt, nhiều nhà đầu tư EU đang có xu hướng quan tâm đầu tư vào lĩnh vực năng lượng sạch ở Việt Nam, trong đó đáng chú ý là năng lượng điện gió ngoài khơi.

Theo báo cáo của Chính phủ gửi Quốc hội năm 2021 cho biết, từ sau khi EVFTA có hiệu lực, các doanh nghiệp FDI của EU ngày càng tiếp cận gần hơn với cộng đồng kinh doanh Việt Nam. Tính lũy kế đến hết tháng 9 năm 2021, các nước thành viên EU đã có 2.242 dự án FDI vào Việt Nam, chiếm 6,57% tổng số dự án đầu tư vào Việt Nam, tăng 164 dự án so với một năm trước. Tổng số vốn đăng ký lũy kế của các dự án này là 22,24 tỷ USD, chiếm 5,58% tổng số vốn đầu tư vào Việt Nam, tăng 483 triệu USD so với cùng kỳ năm 2020 (Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2021).

Với EVFTA là chất xúc tác, Việt Nam đang là điểm đến hấp dẫn thu hút đầu tư trong lĩnh vực công nghệ cao. Sau một thời gian thực hiện EVFTA, theo bảng xếp hạng GII năm 2021 của Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (WIPO), Việt Nam xếp thứ 44 trong tổng số 132 quốc gia, thấp hơn so với thứ hạng 42 của năm 2019 và năm 2020, song vẫn đứng đầu trong nhóm các quốc gia có cùng mức thu nhập. Theo một nghiên cứu của Trung tâm Nghiên cứu Quốc tế và Chiến lược (CSIS) được công bố vào tháng 2 năm 2022, Việt Nam đang dần vươn lên trở thành trung tâm công nghệ mới ở khu vực Đông Nam Á. Mặc dù tổng giá trị sản lượng hàng hóa của nền kinh tế Internet còn tụt hậu so với một số quốc gia trong khu vực, chỉ đạt khoảng 21 tỷ USD trong năm 2021, song con số này có thể tăng lên 150 tỷ USD- 220 tỷ USD vào năm 2030 (Center for Strategic and International Studies, 2022).

Báo cáo Chỉ số môi trường kinh doanh (BCI) được Hiệp hội doanh nghiệp châu Âu (EuroCharm) công bố vào đầu tháng 5 năm 2022 cho thấy, niềm tin của các doanh nghiệp châu Âu đối với môi trường kinh doanh ở Việt Nam đã dần tăng trở lại và đạt mức cao nhất kể từ đợt bùng phát của đại dịch Covid-19 vào tháng 4 năm 2021. Nhiều doanh nghiệp cũng khẳng định EVFTA có tác động tích cực nhất định đối với hoạt động kinh doanh của họ. Trong quý I/2022, chỉ số BCI đã tăng lên 73, đây là mức cao

nhất kể từ sau làn sóng dịch thứ tư của đại dịch Covid-19 vào năm 2021. Các doanh nghiệp ở châu Âu cũng tỏ ra lạc quan hơn sau khi chính phủ Việt Nam nới lỏng các biện pháp phòng chống dịch và tiếp tục thúc đẩy các biện pháp phát triển kinh tế.

Biến thể Omicron lây lan mạnh vào cuối năm 2021 và đầu năm 2022 được coi là ít nghiêm trọng hơn, ít gây ra gánh nặng đối với hệ thống y tế hơn và có thể kiểm soát được. Điều này tạo cơ sở cho triển vọng tăng trưởng kinh tế khả quan của Việt Nam. Hơn 2/3 số doanh nghiệp cho biết họ tin tưởng vào khả năng tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam trong quý II và quý III/2022. Gần 50% các nhà lãnh đạo doanh nghiệp châu Âu ở Việt Nam tin rằng EVFTA này có tác động tích cực đến các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trong đó khoảng 6% các lãnh đạo doanh nghiệp của châu Âu ở Việt Nam khẳng định niềm tin rằng EVFTA đã mang lại hiệu quả rõ nét cho các hoạt động kinh doanh của công ty họ. Với các cải tổ của Việt Nam để phù hợp với EVFTA, thương mại và đầu tư sẽ tiếp tục phát triển mạnh, giúp Việt Nam hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế quốc tế.

Những áp lực về cải thiện môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh mà EVFTA đặt ra chính là động lực giúp Việt Nam thực hiện các chương trình phục hồi kinh tế. Bên cạnh đó, EVFTA cũng giúp Việt Nam đa dạng hóa thị trường, từ đó có thể tăng cường khả năng ứng phó với các cú sốc bên ngoài và thúc đẩy phục hồi nền kinh tế.

FDI vào Việt Nam tăng, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ cao, một phần nhờ các dự án của các quốc gia EU. Các nhà đầu tư tham gia vào hầu hết các lĩnh vực kinh tế quan trọng của Việt Nam, trong đó các dự án đầu tư của FDI thường có hàm lượng và tỷ lệ chuyển giao công nghệ tương đối cao, với phương pháp quản lý kinh doanh tiên tiến, đóng góp một phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế của Việt Nam.

## **5. Một số hạn chế**

Đại dịch Covid-19 kéo dài suốt từ đầu năm 2020 với những diễn biến phức tạp và việc thực hiện các biện pháp phong tỏa phòng chống dịch đã làm giảm đáng kể sức mua ở hai thị trường Việt Nam và EU, làm gián đoạn chuỗi cung ứng sản xuất. Nhiều người lao động về quê tránh dịch và sự lo ngại về sức khỏe đã gây ra tình trạng thiếu hụt lao động và việc các nước đóng cửa biên giới, hoạt động vận chuyển khó khăn ảnh hưởng rất lớn tới nguồn cung nguyên vật liệu cho sản xuất. Ngoài ra, các biện pháp hạn chế nhằm phòng chống dịch dẫn đến việc đi lại hạn chế, ảnh hưởng lớn tới việc tổ

chức các hoạt động xúc tiến thương mại ra thị trường nước ngoài, gây ra những vấn đề khó khăn đối với cả các doanh nghiệp Việt và doanh nghiệp của các nước EU, đòi hỏi các doanh nghiệp phải nỗ lực tận dụng các cơ chế sẵn có. Ngoài ra, các doanh nghiệp Việt Nam phải đối mặt với nhiều khó khăn trong việc tìm hiểu các cam kết và các quy định của EVFTA, đồng thời họ cũng còn nhiều vướng mắc liên quan đến thủ tục cấp giấy chứng nhận xuất xứ khi tiếp cận thị trường EU. Một số lĩnh vực xuất khẩu chủ chốt của Việt Nam như dệt may, nông sản, thực phẩm gặp trở ngại không nhỏ trong việc đáp ứng quy tắc xuất xứ, thiếu cơ sở chiếu xạ và kiểm nghiệm chất lượng hàng hóa theo yêu cầu của EU khi tiếp cận thị trường các nước này<sup>6</sup>.

Hiện nay, Việt Nam vẫn đang phụ thuộc nhiều vào nguyên liệu sản xuất từ EU và các nước. Các ngành sản xuất chủ lực của Việt Nam sử dụng giá trị gia tăng từ nước ngoài cao hơn là giá trị gia tăng được tạo ra từ trong nước, đặc biệt là các ngành công nghiệp sử dụng công nghệ cao như hàng điện tử, ô tô.

Trong lĩnh vực xuất khẩu nông sản, thủy sản, nhiều sản phẩm của các doanh nghiệp Việt Nam không đáp ứng được tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm, làm giảm uy tín của Việt Nam trong xuất khẩu hàng hóa vào thị trường quốc tế. Sau khi EVFTA có hiệu lực, vẫn có nhiều vụ việc vi phạm quy định về các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động vật (SPS) bao gồm:

Tháng 8 năm 2021, mì Hảo Hảo của Việt Nam bị thu hồi tại EU vì dư lượng chất ethylene oxide. Tháng 10 năm 2021, EU đã thu hồi và cảnh báo đối với sản phẩm đùi ếch đông lạnh và bươi của Việt Nam có chứa các chất nitrofurans (furazonidone) và chất propargite, fenobucarb vượt dư lượng cho phép. Tiếp đó, cũng trong tháng 10 năm 2021, Văn phòng SPS của Bộ Công Thương nhận được hai công văn về việc nông sản, thủy sản xuất khẩu của Việt Nam có chứa dư lượng hóa chất vượt quá mức quy định, trong đó có 01 lô gạo thơm ST25 hiệu Nữ hoàng của Vinamex Group xuất khẩu vào thị trường Bỉ có mức dư lượng BVTV tricyclazole lên tới 0,017 mg/kg, vượt quá mức tối đa cho phép theo tiêu chuẩn của EU là 0,01 mg/kg; lô hàng mướp đắng của công ty TNHH Saka Saka xuất khẩu vào thị trường Hà Lan có chứa hóa chất chlorpyrifos ethyl; lô hàng động vật giáp xác và hải sản của Công ty TNHH chế biến

---

<sup>6</sup> Trung tâm WTO (2022), Chuyên gia Đức: EVFTA là trợ lực giúp Việt Nam phục hồi kinh tế, <https://trungtamwto.vn/chuyen-de/20728-chuyen-gia-duc-evfta-la-tro-luc-giup-viet-nam-phuc-hoi-kinh-te>



thủy sản xuất nhập khẩu Minh Châu xuất khẩu vào thị trường Tây Ban Nha có chứa chất cấm profenofos ngoài chất chlorpyrifos ethyl của công ty TNHH Saka Saka<sup>7</sup>.

Có thể thấy, các tiêu chuẩn SPS và quy định về an toàn thực phẩm của EU được đặt ra cao hơn so với nhiều quốc gia và khu vực khác. Bên cạnh đó, ngoài các biện pháp SPS được EU ban hành thì các doanh nghiệp nhập khẩu và người tiêu dùng của EU cũng có những yêu cầu khắt khe hơn. Với EVFTA, doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam phải điều chỉnh và nâng cao chất lượng sản phẩm để có thể đáp ứng cả những tiêu chuẩn của chính phủ cũng như người tiêu dùng EU, đây cũng là một trong những thách thức lớn của doanh nghiệp Việt khi tiếp cận thị trường EU.

Bên cạnh đó, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường các nước EU cũng phải đối mặt với sự cạnh tranh của các quốc gia trong khu vực, đặc biệt là sự cạnh tranh của các quốc gia trong khối ASEAN. Thời gian qua, EU đã ký FTA với Việt Nam và Singapore, đồng thời đang đàm phán FTA với Thái Lan, Malaysia, Indonesia và Phillipines. Các nước này cũng có lợi thế về xuất khẩu nông sản, hàng dệt may, linh kiện và thiết bị điện tử, do đó có thể trở thành đối thủ cạnh tranh của Việt Nam khi tiếp cận thị trường EU.

Nhìn chung, EVFTA mở ra cơ hội rất lớn cho các doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận công nghệ tiên tiến, hiện đại từ các quốc gia EU. Việc tăng cường nhập khẩu thiết bị, máy móc và công nghệ hiện đại góp phần giúp cho hàng hóa sản xuất trong nước đạt được tiêu chuẩn cao hơn, giúp doanh nghiệp Việt Nam tăng khả năng tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Tuy nhiên, để tận dụng được điều đó, các doanh nghiệp Việt Nam cần không ngừng đổi mới, nâng cao năng lực để có thể tiếp nhận công nghệ tiên tiến, cải thiện chất lượng sản phẩm, tránh để mất lợi thế ở ngay cả các lĩnh vực có tính cạnh tranh của Việt Nam.

---

<sup>7</sup> Văn phòng SPS Việt Nam (2021), EU liên tiếp cảnh báo hàng Việt Nam, Bộ trưởng Lê Minh Hoan khuyến nghị thay đổi tư duy.

## HIỆP ĐỊNH EVFTA SAU 2 NĂM THỰC THI: TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI KINH TẾ VIỆT NAM

*PGS.TS. Phạm Thị Thanh Bình*

*Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới*

*ThS. Vũ Nhật Quang*

*Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới*

**Tóm tắt:** Bài viết tìm hiểu những đặc điểm đặc thù của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Châu Âu (EVFTA) - là một trong ba Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mà Việt Nam đã ký kết và thực thi (cùng với Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương CPTPP và Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực RCEP). Bài viết chỉ ra những điểm khác biệt giữa EVFTA so với những Hiệp định mà Việt Nam đã ký kết trước đó. EVFTA được xem là có quy mô và chiều sâu hơn CPTPP. Sau 2 năm thực thi EVFTA (8/2020), hàng hoá Việt Nam có điều kiện phát triển mạnh tại thị trường châu Âu. Việt Nam là nước đang phát triển đầu tiên trên thế giới ký FTA với EU và là nước thứ tư ở Châu Á (thứ hai trong ASEAN) sau Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore (là 3 nước đã phát triển). Bài viết phân tích những lợi ích và thuận lợi Việt Nam có được sau 2 năm EVFTA có hiệu lực. Tuy nhiên, Việt Nam cũng phải đối diện với nhiều thách thức. Bài viết phân tích những khó khăn Việt Nam cần phải khắc phục để tận dụng được cơ hội mà EVFTA mang lại. Cuối cùng bài viết đề xuất một số vấn đề đặt ra cho Việt Nam khi tham gia Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

Trong bối cảnh cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung vẫn đang tiếp diễn, ảnh hưởng đến thương mại toàn cầu và nhiều quốc gia đang chịu tác động xấu thì việc ký kết Hiệp định thương mại tự do châu Âu-Việt Nam (EVFTA) ngày 30/6/2019 càng khẳng định những lợi ích mà Việt Nam được hưởng từ cuộc chiến thương mại. Hiệp định EVFTA sẽ có tác động tích cực và là tấm đệm cho phát triển kinh tế Việt Nam.

Sau 8 năm đàm phán (từ năm 2012), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-EU (EVFTA) chính thức được ký kết ngày 30/6/2019. EVFTA là Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, với phạm vi cam kết rộng và mức độ cam kết cao, mở cơ hội hợp tác toàn diện và phát triển giữa Việt Nam và châu Âu. EVFTA là hiệp định chất lượng cao và đảm bảo cân bằng lợi ích cho cả Việt Nam và EU.

## 1. Vài nét về Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Châu Âu (EVFTA)

Hiệp định EVFTA được Hội đồng châu Âu đánh giá là Hiệp định thương mại tự do tham vọng nhất từng được EU ký kết với quốc gia đang phát triển. Đối với Việt Nam, EVFTA là một trong hai hiệp định (cùng với CPTPP) có độ cam kết và độ mở toàn diện, có trình độ và đẳng cấp cao hơn so với 12 hiệp định thương mại tự do Việt Nam đã ký kết.

Sự khác biệt giữa EVFTA so với các hiệp định mà Việt Nam đã ký kết, đó là:

*Thứ nhất, EVFTA có sự đòi hỏi rất cao về yêu cầu mở cửa thị trường.* Việt Nam sẽ được hưởng việc cắt giảm hàng rào thuế quan của EU gần như 100% dòng thuế ngay sau khi hiệp định có hiệu lực. EVFTA là hiệp định toàn diện trải rộng trong tất cả các lĩnh vực cả về thương mại hàng hóa dịch vụ, đầu tư, các điều kiện ưu đãi về mua sắm Chính phủ, phòng vệ thương mại, ưu đãi trong các hoạt động của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong hoạt động sở hữu trí tuệ...

*Thứ hai, EU là đối tác quan trọng của Việt Nam cả về công nghệ và nguồn lực đầu tư.* Việt Nam rất tin tưởng vào quan hệ hợp tác với EU, mỗi quan hệ hợp tác căn bản, quan trọng trong chiến lược phát triển của hai bên. Cùng với các FTA đã ký, EVFTA sẽ tạo nên sự phát triển đột biến, giúp Việt Nam hoàn thiện các khuôn khổ pháp luật để phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nếu biết tận dụng EVFTA, Việt Nam sẽ sớm giúp giải quyết những vấn đề khúc mắc về kinh tế mà Việt Nam hiện đang gặp phải.

*Thứ ba, EVFTA được xem như đòn giáng trả chính sách bảo hộ của Mỹ ở thời điểm hiện tại.* EVFTA được ký kết trong thời điểm mà mâu thuẫn thương mại Trung-Mỹ vẫn đang căng thẳng. Ký kết EVFTA giúp Việt Nam thoát khỏi thế kẹt trong cuộc đối đầu giữa Trung Quốc và Mỹ, giúp Việt Nam giảm phụ thuộc vào thị trường tiêu dùng Mỹ, thoát khỏi ảnh hưởng của Trung Quốc và tìm kiếm vai trò lớn hơn trong chuỗi công nghiệp toàn cầu. Với EVFTA, tự do hóa thương mại vẫn đang tiếp diễn.

*Thứ tư, yêu cầu về nguồn gốc xuất xứ hàng hóa của EVFTA “dễ chịu” hơn các Hiệp định cùng tiêu chuẩn (TPP, CPTPP).* Trong khi các Hiệp định có cùng tiêu chuẩn đòi hỏi các sản phẩm may mặc phải sử dụng sợi nhập khẩu từ các nước trong TPP mới được hưởng ưu đãi thuế quan khi nhập khẩu, thì EVFTA dễ dàng hơn khi không truy xuất đến sợi mà chỉ dừng ở vải, nghĩa là phải sử dụng vải từ các nước đã ký

Hiệp định thương mại tự do với EU (nguyên tắc “cộng gộp xuất xứ”). Nghĩa là, nếu vải được nhập khẩu từ Hàn Quốc (nước đã có Hiệp định thương mại tự do với EU) về Việt Nam may thành sản phẩm, sau đó xuất khẩu sang EU vẫn được áp dụng ưu đãi từ EVFTA. Hơn nữa, yêu cầu truy xuất nguồn gốc xuất xứ từ vải tạo động lực để Việt Nam hình thành ngành công nghiệp vải để đi lên trong chuỗi giá trị và chuyển từ may mặc sang thiết kế để có giá trị gia tăng cao hơn.

Khác với các Hiệp định thương mại thông thường, EVFTA thường được gọi là “Hiệp định thương mại sâu sắc” vì không phải chỉ đòi hỏi những cải tổ về mậu dịch hàng hóa, mà còn cải tổ ở các lĩnh vực khác gọi là “cải tổ phi biên giới”. Đó là các lĩnh vực đầu tư, dịch vụ, bảo vệ sở hữu trí tuệ, giảm thủ tục hải quan, bảo vệ môi trường, ngăn chặn vai trò các công ty quốc doanh, mua sắm hàng hóa nhà nước, giải quyết các tranh chấp, nghĩa là đi xa hơn các thỏa thuận của Tổ chức thương mại thế giới (WTO). Các “cải tổ phi biên giới” mà EVFTA đòi hỏi sẽ đem lại nhiều lợi ích cho kinh tế Việt Nam vì làm gia tăng tính cạnh tranh cho hàng hóa Việt Nam nhờ giải quyết được 2 vấn đề khúc mắc nhất trong kinh tế Việt Nam, đó là: tăng năng suất lao động và giúp các doanh nghiệp tư nhân Việt Nam phát triển lớn mạnh như các doanh nghiệp nước ngoài. “Cải tổ phi biên giới” hay “cải tổ của thế hệ thứ hai” là cách duy nhất để Việt Nam trở thành nước có thu nhập cao và một nền kinh tế dựa trên giá trị gia tăng của trí tuệ, nâng cấp kỹ nghệ theo chiều ngang lẫn chiều sâu nhằm tăng sức cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam và tạo công ăn việc làm vững vàng cho người dân.

Hiệp định EVFTA có quy mô và chiều sâu lớn hơn CPTPP vì sau khi Mỹ rút khỏi TPP, thì CPTPP đã giảm đi rất nhiều những đòi hỏi mà Mỹ đã đặt ra trong TPP. Hiệp định EVFTA cắt giảm thuế quan đối với hàng hóa và dịch vụ, giúp tạo điều kiện cho hàng hóa Việt Nam có điều kiện cạnh tranh, phát triển mạnh tại thị trường châu Âu. Các hàng hóa xuất khẩu chính của Việt Nam sang EU được hưởng ưu đãi đều là những ngành hàng chính, ngành kinh tế mũi nhọn của Việt Nam như: gạo, cà phê, mật ong, sản phẩm chăn nuôi, hoa quả, thủy sản, chế biến...là những ngành hàng được hưởng ưu đãi cao ngay từ khi cắt giảm trong năm đầu. Các sản phẩm tăng trưởng mạnh ở thị trường EU (dệt may, da giày, công nghiệp chế biến đồ gỗ, tin học, công nghệ thông tin, công nghiệp hóa dầu...) cũng được hưởng những điều kiện thuế quan

ưu đãi trong những năm tiếp theo. Hiện Việt Nam vẫn đang hưởng quy chế GSP<sup>1</sup> từ EU với 42% các dòng thuế được hưởng giúp các doanh nghiệp có nhiều cơ hội tăng khả năng cạnh tranh khi nhập khẩu vào thị trường EU. Tuy nhiên, để hàng hóa xuất nhập khẩu được hưởng ưu đãi thuế, hạn ngạch như cam kết thì doanh nghiệp Việt Nam cần đáp ứng yêu cầu về quy tắc nguồn gốc xuất xứ với hàm lượng giá trị nội khối không dưới 40% và các cam kết sở hữu trí tuệ (cam kết về nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, bằng sáng chế, thông tin bí mật...).

Việt Nam là nước đang phát triển đầu tiên trên thế giới ký FTA với EU và là nước thứ tư ở Châu Á (thứ hai trong ASEAN) sau Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore (đều là 3 nước đã phát triển).

## 2. Tác động của Hiệp định EVFTA đối với Việt Nam

Theo đánh giá của Ngân hàng thế giới (WB), Việt Nam là một trong những nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất khu vực, được hỗ trợ chủ yếu bởi nhu cầu nội địa mạnh và hoạt động sản xuất theo hướng xuất khẩu. Được tham gia vào thị trường lớn và thống nhất như EU là cơ hội hiếm có của Việt Nam-quốc gia có tổng sản phẩm quốc nội (GDP) chỉ khoảng 240 tỷ USD (chưa bằng 1,3% GDP của EU). EVFTA là hiệp định toàn diện, có mức độ và phạm vi cam kết theo tiêu chuẩn cao. Do thị trường Việt Nam và EU có tính bổ sung cao, EVFTA được kỳ vọng đem lại lợi ích to lớn và cân bằng cho cả Việt Nam và EU. Hiệp định EVFTA tác động đến kinh tế và chính trị cho Việt Nam và đem đến nhiều cơ hội, đó là:

*Thứ nhất, tạo cơ hội thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu sang EU:* Mặc dù EU chưa phải là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam (đạt 56,3 tỷ USD năm 2018)<sup>2</sup> nhưng tăng trưởng xuất khẩu sang thị trường EU cao, tới 17%<sup>3</sup>. Việt Nam luôn là bên có thặng dư thương mại<sup>4</sup>. Hiệp định EVFTA mở rộng thị trường xuất khẩu, tăng xuất khẩu của Việt Nam sang khối thị trường lớn (chiếm 15% thị trường thế giới). Các sản phẩm xuất khẩu chính của Việt Nam như gạo, hải sản, quần áo và giày dép được hưởng lợi lớn từ Hiệp định EVFTA. Đặc biệt sự tương tác, bổ sung giữa hai thị trường Việt Nam-EU rất lớn. Cơ cấu xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và EU mang tính bổ

<sup>1</sup> GSP (Generalized System of Preference) là Quy chế ưu đãi thuế quan phổ cập mà EU hỗ trợ các nước đang phát triển thông qua việc tạo thuận lợi cho các nước xuất khẩu vào thị trường EU. Quy chế được thực hiện dưới hình thức giảm thuế cho hàng hóa của các nước đang phát triển khi xuất khẩu sang thị trường EU.

<sup>2</sup> Theo tin Tham khảo nội bộ của TTXVN ngày 9/7/2019.

<sup>3</sup> EU là thị trường xuất khẩu lớn thứ 2 của Việt Nam, sau Hoa Kỳ.

<sup>4</sup> Năm 2018, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang EU đạt hơn 42 tỷ USD, trong khi nhập khẩu từ EU chỉ đạt 13,9 tỷ USD. Nguồn: Xuất khẩu vào EU rộng mở, Vietnam Economic Times, số 182 (31/7/2019).

sung, ít mang tính cạnh tranh đối đầu trực tiếp. Vì vậy, dư địa tăng trưởng xuất khẩu và hợp tác kinh tế cũng như những lĩnh vực khác với EU lớn.

Hiệp định EVFTA có thời gian cắt giảm thuế quan với lộ trình rất ngắn, chỉ 7 năm toàn bộ thuế quan gần như giảm về 0%. Nhiều mặt hàng xuất khẩu sang EU có mức thuế 0% ngay khi Hiệp định có hiệu lực, như gạo rất khó thâm nhập vào EU vì phải cạnh tranh với gạo Campuchia và Myanmar có thuế suất 0%. Với EVFTA, gạo về thuế 0% nên cơ hội có ngay cần tận dụng càng lâu càng tốt khi mà các đối thủ Trung Quốc, Thái Lan, Indonesia chưa có FTA với EU. Năm 2021, xuất khẩu gạo của Việt Nam sang thị trường EU đạt 53.910 tấn, trị giá 38,07 triệu USD, tăng 0,8% về lượng, Tỷ trọng gạo thơm trong tổng xuất khẩu gạo của Việt Nam sang EU cũng tăng lên 70% năm 2021.

Bất chấp nền kinh tế phải đối mặt với nhiều khó khăn do tác động của đại dịch COVID-19, Hiệp định EVFTA giúp kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU đạt 45,8 tỷ USD, tăng 14,2% (2021)<sup>5</sup>; Dự báo xuất khẩu của Việt Nam sang EU sẽ tăng 42,7% (2025) và 44,37% (2030)<sup>6</sup>. Kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ thị trường EU đạt 16,51 tỷ USD (2021), tăng hơn 24%<sup>7</sup>. Tăng trưởng đột biến diễn ra trong lĩnh vực máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện. Tăng trưởng nhập khẩu nhanh hơn xuất khẩu cho thấy dấu hiệu của sự thay đổi trong thương mại giữa Việt Nam và EU theo hướng giảm thặng dư thương mại. Điều đó không có nghĩa là Việt Nam đang gặp bất lợi trong quan hệ thương mại với EU mà là bằng chứng cho thấy có sự chuyển hướng nhập khẩu khỏi các thị trường khác, chuyển sang nhập nhiều hàng hóa từ EU với chất lượng cao hơn và mức giá cạnh tranh do được giảm thuế. Người tiêu dùng Việt Nam được hưởng lợi từ việc chuyển hướng thương mại bởi EU có thể mạnh vượt trội về dược phẩm, máy móc, thiết bị và đặc biệt là công nghệ, đều là những mặt hàng Việt Nam cần cho phát triển. EVFTA giúp đa dạng hóa thị trường và mặt hàng xuất khẩu, đặc biệt là các mặt hàng nông, thủy sản cũng như những mặt hàng Việt Nam vốn có nhiều lợi thế cạnh tranh.

*Thứ hai, giúp đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng kinh tế.* Hiệp định EVFTA góp phần giúp GDP của Việt Nam tăng thêm 2,18-3,25% trong giai đoạn 2019-2023 lên 4,57-

<sup>5</sup> Minh Chiến (2022), Xuất khẩu sang EU tăng mạnh nhờ "cao tốc" EVFTA, <https://nld.com.vn/kinh-te/xuat-khau-sang-eu-tang-manh-nho-cao-toc-evfta-20220130135343777.htm>

<sup>6</sup> Triển vọng thương mại ngày càng sáng. Vietnam Economic Times, số 172+173 ngày 19-20/7/2019.

<sup>7</sup> Konrad-Adenauer-Stiftung - Văn phòng Foundation Việt Nam - Đánh giá một năm thực hiện hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) (kas.de)



đầu tư vào các lĩnh vực năng lượng sạch, kinh doanh nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất thực phẩm, dược phẩm. Các nhà đầu tư châu Âu có ưu thế về công nghệ, vì vậy sẽ góp phần tích cực trong việc tạo lập một số ngành nghề mới và sản phẩm mới có hàm lượng công nghệ cao. Dòng đầu tư từ EU vào Việt Nam về trung hạn và dài hạn sẽ gia tăng đáng kể với nhiều dự án chất lượng có giá trị cao, đồng thời đẩy mạnh hỗ trợ chuyển giao công nghệ. Doanh nghiệp Đức đầu tư vào đào tạo nghề để hướng tới phát triển bền vững. Hiệp định EVFTA yêu cầu xuất xứ từ vải cũng sẽ tạo ra lực hút để hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài vào đầu tư các khâu mà Việt Nam còn yếu. Bên cạnh đó, việc thực thi các cam kết trong EVFTA về các vấn đề thể chế, pháp luật, môi trường kinh doanh sẽ được cải thiện theo hướng minh bạch hơn, thuận lợi và phù hợp với thông lệ quốc tế.

*Thứ tư, tạo cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận công nghệ cao, công nghệ nguồn.* Với các cam kết trong EVFTA về phát triển bền vững, thương mại số sẽ tạo điều kiện thuận lợi để Việt Nam tiếp cận “công nghệ số, công nghệ xanh” hiện đại và tiên tiến của EU để đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng “đi tắt đón đầu” hướng đến kinh tế số và xanh, thân thiện môi trường, chuyển đổi sang công nghệ tiêu chuẩn cao, giúp hàng hóa Việt Nam có ưu thế về chất lượng, đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật và môi trường cao như thị trường EU.

Với EVFTA Việt Nam còn có cơ hội nhiều hơn khi tiếp cận công nghệ cao. Đức, Pháp và một số nước khác là những ứng cử viên hàng đầu trong cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0. Doanh nghiệp Việt Nam có cơ hội nhập khẩu nguồn hàng hóa, nguyên liệu với chất lượng tốt, công nghệ hiện đại với giá hợp lý từ EU, được tiếp cận với nguồn máy móc, thiết bị, công nghệ, kỹ thuật cao từ các nước EU, qua đó để nâng cao năng suất và cải thiện chất lượng sản phẩm. Đồng thời, hàng hóa, dịch vụ từ EU nhập khẩu vào Việt Nam sẽ tạo ra một sức ép cạnh tranh để doanh nghiệp Việt Nam nỗ lực cải thiện năng lực cạnh tranh.

*Thứ năm, lợi thế về chính trị.* Hiệp định EVFTA được ký kết đúng vào thời điểm quan trọng đối với Việt Nam, khi mà Việt Nam sẽ trở thành thành viên không thường trực Hội đồng Bảo an LHQ năm 2020 cùng lúc đảm nhiệm chức chủ tịch ASEAN. Với lợi thế của việc ký kết FTA với EU, Việt Nam sẽ trụ được tốt hơn trước các áp lực từ Trung Quốc trong khu vực.



Hiệp định EVFTA được ký kết đã minh chứng cho thành công của Việt Nam trong thực hiện đa dạng hóa, đa phương hóa kinh tế đối ngoại, tránh phụ thuộc vào một thị trường, một nguồn cung ứng duy nhất và giảm sức ép rủi ro cho nền kinh tế.

Là một trong những nền kinh tế kém phát triển nhất trong số các đối tác thương mại tự do của EU, Việt Nam không tránh khỏi phải đối diện với một số **khó khăn, thách thức**:

*Một là, khó đáp ứng về các yêu cầu quy tắc xuất xứ hàng hóa:* Hàng hóa muốn được hưởng ưu đãi thuế quan EVFTA thì nguyên liệu phải đáp ứng được một tỷ lệ hàm lượng nội khối nhất định (nguyên liệu có xuất xứ tại EU hoặc Việt Nam). Đây là thách thức lớn đối với các doanh nghiệp Việt Nam bởi nguyên liệu cho sản xuất hàng xuất khẩu chủ yếu được nhập khẩu từ Trung Quốc hoặc ASEAN, nhưng đồng thời là cơ hội để Việt Nam thu hút các nhà đầu tư nước ngoài vào phát triển ngành công nghiệp phụ trợ nhằm tận dụng tối đa cơ hội từ EVFTA. Một số doanh nghiệp Trung Quốc và Hàn Quốc sẽ dịch chuyển vào Việt Nam để tận dụng lợi thế từ Hiệp định EVFTA, tạo áp lực cạnh tranh không hề dễ dàng.

*Hai là, khó đáp ứng được các rào cản kỹ thuật thương mại, các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật.* EU là thị trường khó tính. Khách hàng có yêu cầu cao về chất lượng sản phẩm. Các yêu cầu bắt buộc về vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường, dán nhãn, lao động... của EU rất khắt khe và không dễ đáp ứng. Vì vậy, dù có được hưởng lợi về thuế quan thì hàng hóa của Việt Nam cũng phải hoàn thiện rất nhiều về chất lượng để có thể vượt qua được các rào cản từ EU. Bên cạnh đó, các biện pháp phòng vệ thương mại (các biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp, tự vệ để bảo vệ ngành sản xuất nội địa từ EU cũng là thách thức đối với các doanh nghiệp Việt Nam. Doanh nghiệp dệt may khó đáp ứng quy tắc xuất xứ để được hưởng ưu đãi. Do công nghiệp phụ trợ của ngành dệt may còn hạn chế, Việt Nam lại chủ yếu nhập khẩu linh kiện ngoài khối, nên không tận dụng được nhiều ưu đãi từ EVFTA. Các ngành nông sản, thực phẩm thiếu cơ sở chiếu xạ, kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của EU trước khi xuất khẩu.

*Ba là, đối diện với sức ép cạnh tranh từ hàng hóa và dịch vụ của EU.* Mở cửa thị trường Việt Nam cho hàng hóa, dịch vụ từ EU đồng nghĩa với việc doanh nghiệp Việt Nam sẽ phải cạnh tranh khó khăn hơn ngay tại thị trường nội địa. Những công ty lớn ở châu Âu sẽ dễ khống chế thị trường Việt Nam. Các tiêu chuẩn sản xuất tương đối cao

liên quan đến các chỉ số môi trường và địa lý, cũng như các tiêu chuẩn quá cao về quyền con người và quyền lao động sẽ ảnh hưởng đến Việt Nam một cách toàn diện. Đây là thách thức lớn, bởi các doanh nghiệp EU có lợi thế hơn hẳn các doanh nghiệp Việt Nam về năng lực cạnh tranh, kinh nghiệm thị trường cũng như khả năng tận dụng các FTA. Tuy nhiên, đây cũng là cơ hội, sức ép hợp lý để các doanh nghiệp Việt Nam điều chỉnh, thay đổi phương thức kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh của mình.

*Bốn là, nguy cơ về các biện pháp phòng vệ thương mại.* Khi rào cản thuế quan không còn là công cụ hữu hiệu để bảo vệ nữa, doanh nghiệp ở thị trường nhập khẩu có xu hướng sử dụng nhiều hơn các biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp hay tự vệ để bảo vệ ngành sản xuất nội địa. Hàng hóa Việt Nam sẽ phải vượt qua những kỹ thuật cao (về y tế, về môi trường, về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ) trước khi được các nước trong EU nhập khẩu). EU cũng là một trong những thị trường có “truyền thống” sử dụng các công cụ phòng vệ thương mại. Các nước EU đều có trình độ kinh tế và trình độ quản lý hàng hóa cao. Tham gia EVFTA, Việt Nam chấp nhận cuộc chơi với xuất phát điểm kém hơn. Do đó, mọi thách thức sẽ lớn hơn.

### **3. Những vấn đề đặt ra cho Việt Nam**

Với độ mở kinh tế cao (chỉ sau Singapore trong khu vực ASEAN), nhưng năng lực hội nhập, cạnh tranh của Việt Nam chỉ ở mức trung bình, xếp thứ 77/140 nền kinh tế<sup>12</sup>, trong đó, năng lực cạnh tranh thể chế xếp thứ 94/140, năng lực cạnh tranh doanh nghiệp 101/140. Điều đó chứng tỏ độ sẵn sàng của cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam, của các cơ quan quản lý vẫn còn thấp. Các doanh nghiệp Việt Nam vẫn còn sức ò lớn trong việc chuẩn bị đón bắt những lợi thế từ EVFTA.

Hiện các đối thủ của Việt Nam trong khu vực như Trung Quốc, Thái Lan, Myanmar, Malaysia... chưa có FTA với EU, nhưng trong tương lai các quốc gia cũng sẽ tiếp cận FTA với thị trường EU<sup>13</sup>. Đây đều là các quốc gia cạnh tranh trực tiếp với Việt Nam trong việc xuất khẩu hàng hóa sang khu vực EU. Trong khi EVFTA có lộ trình cắt giảm thuế quan rất ngắn, nhiều mặt hàng có cơ hội vào thị trường EU tốt với thuế suất bằng 0%. Vì vậy, Việt Nam cần nhanh chóng tận dụng và duy trì lợi thế này càng sớm càng tốt. Vấn đề đặt ra đối với Việt Nam là:

<sup>12</sup> Theo xếp hạng của Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF).

<sup>13</sup> Hiện EU cũng đang đàm phán FTA với các quốc gia khác trong khu vực như Thái Lan, Malaysia, Philippines và Indonesia

*Thứ nhất, cần nhanh chóng đổi mới công nghệ và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.* Do không phải chịu thuế nhập khẩu nên hàng hóa của EU vừa có chất lượng tốt, vừa có giá cả cạnh tranh với sản phẩm cùng loại của doanh nghiệp Việt Nam. Doanh nghiệp Việt Nam cần phải đổi mới công nghệ, sáng tạo mẫu mã mới, nâng cao chất lượng sản phẩm thì mới có thể cạnh tranh được với hàng hoá của EU trên thị trường nội địa Việt Nam. Nếu không doanh nghiệp sẽ chịu thua lỗ, thậm chí phá sản.

Tăng cường hơn nữa năng lực, công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, bởi nguồn nhân lực chất lượng cao, có khả năng vận hành máy móc hiện đại, thành thạo kỹ năng vận hành sản xuất sẽ giúp Việt Nam thu hút tốt hơn đầu tư từ EU và các quốc gia khác. Gia tăng chất lượng về nguồn lực - tài sản chính của quốc gia. Tăng cường về trình độ học thuật, kỹ năng làm kinh tế, ngoại ngữ sẽ thúc đẩy tăng cường hợp tác giữa EU với doanh nghiệp Việt Nam. Cùng với đó, để thu hút dòng vốn từ các doanh nghiệp EU, Việt Nam cũng cần tăng cường đối thoại với cộng đồng doanh nghiệp, từ đó có các chính sách phù hợp, tăng tính hấp dẫn môi trường đầu tư.

*Thứ hai, cập nhật thông tin kịp thời về thị trường EU.* Để hạn chế tăng nhập khẩu từ một quốc gia, EU quy định khá nghiêm ngặt đối với hàng nhập khẩu và thường áp dụng rào cản kỹ thuật như đã sử dụng "thẻ vàng" đối với hàng thủy sản của Việt Nam, luật chống bán phá giá.... Đối với sản phẩm xuất khẩu là thế mạnh, EU đòi hỏi đối tác cắt giảm hàng rào phi thuế quan, loại bỏ phương thức trợ giá của Chính phủ. Việt Nam cần thực hiện nghiêm túc quy định về xuất xứ sản phẩm để được hưởng thuế ưu đãi. Việt Nam cần theo dõi cập nhật thông tin về thị trường EU để ứng phó kịp thời khi EU áp dụng các biện pháp trên nếu không, sẽ chịu thiệt hại lớn.

*Thứ ba, tiếp tục cải cách thể chế và tái cấu trúc doanh nghiệp.* Việc thực thi EVFTA không chỉ tạo lợi thế, lợi ích bổ sung cơ cấu kinh tế mà còn thúc đẩy quá trình cải cách thể chế của Việt Nam. Vì vậy, để thực thi EVFTA có hiệu quả, cần tiếp tục cải cách thể chế, thực thi thể chế. Các vấn đề về chống tham nhũng, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động như tiền lương, bảo hiểm xã hội, chống cưỡng bức lao động, làm thêm giờ... là những vấn đề Việt Nam đang tiến hành nhưng chưa đáp ứng được đòi hỏi của nhà đầu tư từ EU khi nhiều tập đoàn kinh tế lớn của EU đầu tư vào Việt Nam. Bên cạnh đó, bản thân doanh nghiệp cũng phải tái cấu trúc lại về quản trị, công nghệ để đáp ứng yêu cầu về quy tắc xuất xứ, vệ sinh, kỹ

thuật, phát triển bền vững... Cơ hội đang mở ra, nhưng rủi ro cũng rất lớn, cần có các biện pháp phòng ngừa rủi ro trong bối cảnh thương mại thế giới đang thay đổi.

*Thứ tư, tăng cường hợp tác và hội nhập doanh nghiệp để nâng cao năng lực cạnh tranh.* Hội nhập là không chỉ tuân thủ hiệp định mà còn vận dụng có lợi nhất cho doanh nghiệp Việt Nam, thúc đẩy doanh nghiệp có thể vươn lên tận dụng lợi thế, ưu đãi thuế quan và khả năng thâm nhập thị trường. Nâng cao tiềm lực và mở rộng quan hệ hợp tác giữa các doanh nghiệp theo chuỗi cung ứng trong từng sản phẩm được hình thành tại các cụm công nghiệp chuyên ngành để tận dụng cơ sở hạ tầng kỹ thuật- xã hội, tiết kiệm chi phí logistics, hạ thấp giá thành và nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường đầy tiềm năng và khó tính như EU. Tập trung xây dựng cụm công nghiệp hỗ trợ một số sản phẩm chủ lực nhằm giúp Việt Nam trở thành công xưởng sản xuất nhiều sản phẩm công nghệ cao của thế giới, tạo ra giá trị gia tăng ngày càng lớn cho doanh nghiệp Việt Nam.

**Tóm lại,** EU tập hợp 27 quốc gia ở khu vực châu Âu với dân số hơn 740 triệu người, tổng GDP khoảng 16,7 nghìn tỷ USD (2021), là nền kinh tế lớn thứ 3 thế giới (sau Mỹ và Trung Quốc). Tham gia EVFTA giúp Việt Nam có được nhiều cơ hội nhưng cũng phải đối diện với nhiều thách thức buộc Việt Nam phải tiến hành cải cách. Những cuộc cải cách của Việt Nam sẽ cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao nền tảng kinh tế giúp bộ máy chính trị vận hành hiệu quả và minh bạch hơn. Nhờ hiệu ứng tích cực từ EVFTA, thương mại và đầu tư giữa Việt Nam và EU chắc chắn sẽ chuyển đổi theo hướng lợi ích, chất lượng hơn. Hợp tác sẽ trở nên rộng mở và toàn diện hơn. Bởi trước EU, Việt Nam đã mở cửa khá rộng theo Hiệp định CPTPP cho những đối tác có thể mạnh cạnh tranh tương tự EU. Do đó, các doanh nghiệp và nền kinh tế đã có kinh nghiệm ở mức độ đáng kể để đối mặt với các thách thức từ EVFTA. Dự báo, xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường EU năm 2022 sẽ tăng trưởng khả quan hơn so với năm 2021 do các doanh nghiệp Việt Nam ngày càng tận dụng tốt những ưu đãi từ EVFTA.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Lê Duy Bình, Trần Thị Phương (2020), Kinh tế số và chuyển đổi số tại Việt Nam,  
<https://www.economica.vn/Content/files/PUBL%20%26%20REP/EVFTA%20and%20Digital%20Economy%20in%20Vietnam%20VIE.pdf>

2. VEPR & Konrad Adenauer Stiftung (2021), Policy Brief: Agriculture and Free Trade in Vietnam: How to develop Agricultural Products to meet the requirements of the EVFTA,

<https://www.kas.de/documents/267709/11704235/Policy+brief+of+three+studies+%28EN%29.pdf/6647d412-7efc-7f0f-c628-a7fbebef70f6?version=1.2&t=1641958106666>

3. Nguyen Tien Hoang (2021), Impacts of EVFTA on the exportation of Vietnamese agricultural products to the EU market. Journal of International Economics and Management, Vol 21, N1/2021.

4. Linh Thanh (2022), Tác động của EVFTA đối với Việt Nam sau đại dịch Covid-19: Cơ hội tùy thuộc vào sự chủ động thích ứng, <https://kinhtevadubao.vn/tac-dong-cua-evfta-doi-voi-viet-nam-sau-dai-dich-covid-19-co-hoi-tuy-thuoc-vao-su-chu-dong-thich-ung-21581.html>

5. Thuý Hiền (2022), Tận dụng cơ hội từ Hiệp định EVFTA và các biện pháp ứng phó phù hợp, <https://bnews.vn/tan-dung-co-hoi-tu-hiep-dinh-evfta-va-cac-bien-phap-ung-pho-phu-hop/234400.html>

6. Lưu HIệp (2022), FTA tiếp tục là động lực thúc đẩy tăng trưởng và phục hồi kinh tế, <https://cand.com.vn/Thi-truong/fta-tiep-tuc-la-dong-luc-thuc-day-tang-truong-va-phuc-hoi-kinh-te-i640145/>

## MỘT SỐ TÁC ĐỘNG CỦA HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO EU - VIỆT NAM (EVFTA)

*ThS.Dương Yến Phi*

**Đại học An Giang, Đại học Quốc gia TP.HCM**

**Tóm tắt:** *Hiệp định EVFTA thể hiện quyết tâm mạnh mẽ của cả Việt Nam và EU trong việc thúc đẩy quan hệ song phương, góp phần đưa quan hệ giữa hai bên phát triển sâu rộng và thực chất hơn. Hiệp định EVFTA thực thi không chỉ tạo động lực cho kinh tế Việt Nam phát triển, hội nhập mạnh mẽ mà còn làm gia tăng vai trò, vị thế Việt Nam trên trường quốc tế. Bài viết đánh giá tác động của EVFTA đến một số lĩnh vực trong phát triển kinh tế ở Việt Nam nhằm mang đến những hàm ý chính sách cho việc thực thi những FTA thế hệ mới.*

### **1. Giới thiệu**

Sau hơn 30 năm đổi mới, Việt Nam hiện là một trong những nước tiếp nhận đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) lớn nhất trong khu vực ASEAN, chỉ thấp hơn Singapore. Tự do hóa thương mại hàng hóa và dịch vụ cùng với cải thiện đáng kể trong quy định về quyền sở hữu trí tuệ (IPR) cũng làm thay đổi cơ cấu thương mại. Trong năm 2018, Tổng cục Hải quan ghi nhận tổng trị giá hàng hóa xuất nhập khẩu của cả nước lập kỷ lục, đạt 480,17 tỷ USD, tăng hơn 52 tỷ USD về mặt số tuyệt đối so với kết quả thực hiện của một năm trước đó.

Kết quả ấn tượng này là nhờ vào quá trình cải cách kinh tế theo hướng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cùng với việc hội nhập vào kinh tế toàn cầu. Từ năm 1995, Việt Nam tăng cường quan hệ với các đối tác hàng đầu trong hệ thống kinh tế thế giới như Cộng đồng Châu Âu, Mỹ. Đồng thời, Việt Nam tiếp tục thực hiện đường lối thương mại, đầu tư và hội nhập chính trị tích cực trong phạm vi ASEAN với việc tham gia vào những cam kết mới có tính tham vọng hơn về thương mại hàng hóa, dịch vụ và đầu tư. Trong mấy năm gần đây, trong khuôn khổ ASEAN, Việt Nam bắt đầu hội nhập kinh tế theo khung khổ ưu đãi đặc biệt với một số đối tác, với việc Việt Nam tham gia vào năm hiệp định thương mại tự do (FTA): ASEAN-Trung Quốc, ASEAN-Ấn Độ, ASEAN-Hàn Quốc, ASEAN-Nhật Bản và ASEAN-Úc-Niu Di-lân.

Gần đây, nhờ có sức hút về kinh tế, Việt Nam đã bắt đầu đàm phán FTA với một số đối tác tiềm năng khác, như Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu.

## **2. Khái quát chung về EVFTA**

Trong những năm gần đây, hình thức FTA (Free Trade Agreement) “thế hệ mới” song phương hoặc đa phương ngày càng trở nên phổ biến hơn, với phạm vi hợp tác rộng hơn, và dần sẽ có khả năng thay thế cho các thỏa thuận thương mại thế hệ cũ. Một số lượng khá lớn các FTA đã được kí kết và thực hiện gần đây thu hút được rất nhiều sự chú ý, quan sát và đánh giá các tác động xung quanh các hiệp định này, ví dụ như Hiệp định Đối tác thương mại và đầu tư xuyên Đại Tây Dương (TTIP), EVFTA, CPTPP,.... Xu hướng tham gia đàm phán và kí kết các FTA “thế hệ mới” đã trở thành xu thế tất yếu trong thời điểm hiện nay, khi mà sự hợp tác kinh tế song phương hoặc đa phương không còn chỉ dừng ở mức là cắt giảm thuế quan mà còn liên quan đến các vấn đề quan trọng khác như lao động, bảo vệ môi trường, khai thác đánh bắt có chọn lọc, hay thậm chí là xã hội dân sự. Hiện nay theo cách xác định của một số tổ chức nghiên cứu trên thế giới, cũng như tại Việt Nam thì chúng ta chỉ mới có 2 FTA “thế hệ mới” đã kết thúc việc đàm phán đó là CPTPP và EVFTA, trong đó CPTPP đã chính thức có hiệu lực từ 01/2019 (Hiền & Bích, 2016; Ninh, 2019; Wang, 2018). Việc xem xét và đánh giá những tác động (có thể xảy ra) của 2 FTA này là vô cùng quan trọng, khi mà xu hướng tham gia kí kết các FTA mới sẽ tuân theo các bộ quy tắc do 2 FTA này đã tạo ra.

Trong những FTA ký kết gần đây của mình, EU xóa bỏ thuế quan với hầu hết các sản phẩm và tiến hành tự do hóa trên phạm vi rộng đối với thương mại dịch vụ theo mọi phương thức cung cấp. Các hiệp định này có các quy định về đầu tư đối với cả lĩnh vực dịch vụ và công nghiệp với các nguyên tắc quan trọng áp dụng với nhiều lĩnh vực, như bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, mua sắm của Chính phủ, cạnh tranh, minh bạch hóa và phát triển bền vững (gồm môi trường và các quyền dân sự). Các quy định khác cũng có mặt trong các hiệp định này, theo đó các bên đưa ra các cam kết cụ thể đối với một số ngành về xóa bỏ các rào cản phi thuế đối với thương mại (ví dụ: trong hiệp định với Hàn Quốc có các ngành như ô tô, dược phẩm và điện tử được đưa vào cam kết). Thông thường, các bên đối tác của EU cũng cam kết cắt giảm thuế quan theo lộ trình dưới 10 năm, có thể có ngoại lệ đối với một số ngành cụ thể. Về các hàng rào kỹ

thuật và vệ sinh dịch tễ, đàm phán FTA là cơ hội để thảo luận và giải quyết các vấn đề bất cập mà các nhà xuất khẩu Việt Nam gặp phải khi xuất khẩu sang EU.

Ngoài ra, phía EU cũng lo ngại về thời gian của quy trình đăng ký sở hữu trí tuệ (Intellectual property - IP) đối với nhãn hiệu cũng như chậm trễ trong các thủ tục kháng cáo. Trong khi các cơ quan có thẩm quyền ở cấp quốc gia được phía EU đánh giá là khá tích cực, thì các điểm yếu vẫn được ghi nhận ở cấp địa phương. Điều này đòi hỏi sự cải cách hơn nữa trong các vấn đề liên quan đến thực thi quyền sở hữu trí tuệ (IPR). Trong các báo cáo gần đây, các nhà hoạt động trong lĩnh vực IP của EU cho rằng các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ vẫn còn phổ biến trên cả nước, đặc biệt là ở các thị trường đường phố và khu vực thương mại. Có một thực tế là các biện pháp trừng phạt vẫn chưa đủ tính chất răn đe với những người vi phạm đồng thời Việt Nam vẫn còn thiếu các quan chức IP được đào tạo, bao gồm cả trong các đơn vị thuộc lực lượng hải quan. Trong Báo cáo thường niên của Ủy ban về thực thi IPR của Hải quan EU năm 2016, Việt Nam vẫn là một trong "top 7" quốc gia có hàng hóa vi phạm IPR bị giam giữ và tịch thu tại biên giới EU. Có thể nói rằng, hệ thống thực thi của Việt Nam vẫn còn rất phức tạp, khiến cho các chủ sở hữu quyền IP gặp khó khăn rất nhiều trong việc tự bảo vệ khỏi hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

### **3. Tác động của hiệp định EVFTA**

#### ***3.1. Cắt giảm thuế quan và các thủ tục xuất nhập khẩu***

Như với bất kỳ hiệp định thương mại tự do nào, việc dỡ bỏ các hạn chế biên giới đóng vai trò trung tâm trong EVFTA. Cụ thể, thỏa thuận giữa EU và Việt Nam có thể thấy trước việc loại bỏ thuế quan trung bình khoảng 2,2% ở EU và 5% tại Việt Nam trên cơ sở trọng số thương mại. Đối với hầu hết tất cả các thuế nhập khẩu, việc cắt giảm này sẽ được thực hiện trong vòng bảy năm tại EU và mười năm tại Việt Nam, kể từ khi hiệp định có hiệu lực. Tuy nhiên, một số trường hợp linh hoạt sẽ được xem xét dành cho các sản phẩm nhạy cảm. Ví dụ, thuế quan của EU đối với hàng dệt may xuất khẩu của Việt Nam sẽ được gỡ bỏ trong vòng từ năm đến bảy năm đối với các mặt hàng nhạy cảm và trong ba năm hoặc trực tiếp có hiệu lực đối với hàng hóa ít nhạy cảm hơn. Đối với giày dép, thuế quan của EU sẽ được loại bỏ sau bảy năm đối với các mặt hàng nhạy cảm và ba năm hoặc khi có hiệu lực đối với các mặt hàng ít nhạy cảm hơn. Về phía mình, Việt Nam sẽ cắt giảm thuế đối với hàng xuất khẩu của EU đối với hầu hết các mặt hàng máy móc và thiết bị và tất cả hàng dệt may khi có hiệu lực của



hiệp định. Ngoài ra, khoảng một nửa sản phẩm được phẩm xuất khẩu của EU sẽ có thể được miễn thuế ngay lập tức khi vào thị trường Việt Nam.

### **3.2. Tự do hóa thương mại dịch vụ**

Thỏa thuận bao gồm một số điều khoản nhằm cải thiện điều kiện tiếp cận thị trường song phương cho các công ty trong các lĩnh vực dịch vụ. Chúng bao gồm những thay đổi về quy định ảnh hưởng đến thương mại dịch vụ xuyên biên giới (theo phương thức 1 trong tiếp cận thị trường trong dịch vụ được quy định trong GATS) và hiện diện thương mại xuyên biên giới thông qua đầu tư trực tiếp nước ngoài (phương thức 3).

EU đồng ý cung cấp cho Việt Nam sự đảm bảo rằng mức độ mở cửa hiện tại sẽ không thay đổi. Điều này có nghĩa là EU đã đồng ý các ràng buộc trong tiếp cận thị trường Việt Nam và các cam kết đối xử quốc gia vượt ra ngoài GATS. Tuy nhiên, do các ngành dịch vụ của EU nói chung tương đối rộng mở nên đã không đồng ý thực hiện bất kỳ sự giảm bớt nào đối với các "rào cản" còn lại. Mặt khác, đối với Việt Nam, hiệp định đã tạo cơ hội tốt cho việc điều chỉnh toàn diện khung pháp lý và quy định của nhiều lĩnh vực dịch vụ, trong một số trường hợp bao gồm việc tiếp cận thị trường mới và các cam kết đối xử quốc gia vượt ra ngoài GATS.

### **3.3. Đầu tư**

Không nghi ngờ gì về việc khu vực sản xuất hàng công nghiệp chế tạo ở Việt Nam có khả năng cạnh tranh nhất định. Sự kết hợp lao động giá rẻ với quyền tiếp cận thị trường ASEAN+ một cách tự do đang tạo điều kiện cho Việt Nam trở thành trung tâm chung chuyên xuất khẩu sang toàn khu vực. Có FTA với EU sẽ không chỉ giúp tăng cường thu hút đầu tư của EU vào Việt Nam mà còn đem lại thêm các lợi ích khác đối với nền kinh tế Việt Nam. Lợi ích này được thể hiện rõ qua việc Việt Nam có thể tận dụng để tăng cường hơn nữa vị thế là cơ sở sản xuất và xuất khẩu (hàng hóa chất lượng tốt hơn, giá rẻ hơn từ EU; thị trường lớn hơn với 3,5 tỷ người; tăng chuyển giao công nghệ sang Việt Nam), từ đó sẽ thu hút được nhiều vốn đầu tư hơn, có chất lượng đầu tư tốt hơn từ cả bên trong và bên ngoài khu vực FTA.

## **4. Kết luận**

FTA EU-Việt Nam thể hiện cơ hội thúc đẩy hội nhập chuỗi giá trị EU-Việt Nam thông qua gia tăng hoạt động FDI và mở rộng thương mại song phương về hàng hóa và dịch vụ trung gian giữa EU và Việt Nam. Đối với EU, điều này sẽ cải thiện khả

năng tiếp cận vào một trung tâm lắp ráp đang phát triển trong khu vực ASEAN và châu Á. Đối với Việt Nam, nó sẽ thúc đẩy mối quan hệ kinh tế chặt chẽ hơn với một trung tâm công nghiệp lớn và nhà đầu tư lớn ở châu Á, cuối cùng là lợi ích của vị thế của nó trong chuỗi giá trị nội khối ASEAN. Các công ty EU dự kiến sẽ dẫn đầu quá trình này vì việc thiết lập các hoạt động tại Việt Nam là điều kiện để tích hợp vào chuỗi cung ứng của họ. Điều này có thể đóng một vai trò quan trọng trong chiến lược của các doanh nghiệp EU để phục vụ thị trường châu Á rộng lớn hơn. Ngoài ra, các công ty từ các quốc gia khác sẽ được nhắc sử dụng các hoạt động sản xuất tại Việt Nam như một phương tiện để tạo ra một nền tảng để có quyền tiến vào vào thị trường EU với các ưu đãi do FTA đưa ra. Từ đó, các công ty Việt Nam có khả năng tận dụng cơ hội để gắn vào các chuỗi giá trị do EU hoặc các công ty nước thứ ba tổ chức.

Nhìn chung, thỏa thuận này tạo cơ hội cho các doanh nghiệp có trụ sở tại Việt Nam tham gia nhiều hơn vào việc chia sẻ sản xuất trong khu vực, đặc biệt là các lĩnh vực thâm dụng lao động. Việc tiếp cận ưu đãi vào thị trường EU sẽ giúp các doanh nghiệp này có lợi thế hơn so với các quốc gia khác trong khu vực. Cuối cùng, những phát triển liên quan đến chuỗi giá trị chính mà hiệp định EVFTA có thể mang lại sẽ được quyết định bởi các quyết định chiến lược của các công ty tại Việt Nam và tại EU dựa trên những thay đổi của môi trường kinh doanh.

### **Tài liệu tham khảo**

1. European Commission (2017). The economic impact of the EU - Vietnam free trade agreement. Retrieved from Luxembourg: Publications Office of the European Union.
2. Panagiotis Delimatsis (2017). The evolution of the EU external trade policy in services—CETA, TTIP, and TiSA after brexit. *Journal of International Economic Law*, 20(3), 583-625.
3. Thu Hiền Doãn (2015). Các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới: Cơ hội và thách thức của nền kinh tế Việt Nam. *Báo Diễn đàn Doanh nghiệp*, Cơ quan của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam. Retrieved from <http://enternews.vn/cac-hiep-dinh-thuong-mai-tu-do-the-he-moi-co-hoi-va-thach-thuc-cua-nen-kinh-te-viet-nam-90312.html>

4. Mai Thu Hiền & Bích, Nguyễn Ngọc (2016). Tác động của tự do hoá thương mại thế hệ mới đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam. *Tạp chí Kinh tế Đối Ngoại*, 82(82), 41-51.

5. Lâm Nguyễn (2019). *Tác động của các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới với kinh tế Việt Nam*. Tạp chí Tài Chính.

6. Sơn Ninh (2019). Khởi động FTA thế hệ mới. Báo Nhân Dân. Retrieved from <http://www.nhandan.com.vn/baothoinay/baothoinay-quocte/baothoinay-quocte-tieudiem/item/38807402-khoi-dong-fta-the-he-moi.html>

7. Jean Marc Philip, Laurenza, Eugenia, Pasini, Federico Lupo, Ân, Đinh Văn, Sơn, Nguyễn Hoài, Minh, Nguyễn Lê, & Tuấn, Phạm Anh (2011). Báo cáo hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu: đánh giá tác động định lượng và định tính.

8. Dirk Willem Te Velde, & Bezemer, Dirk (2006). Regional integration and foreign direct investment in developing countries. *Transnational Corporations*, 15(2), 41-70.

# TÁC ĐỘNG CỦA HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VIỆT NAM-EU ĐỐI VỚI QUAN HỆ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM-EU TRONG HƠN HAI NĂM QUA

*TS. Nguyễn Mậu Hùng*

**Trưởng Đại học Quốc tế Hồng Bàng**

**Tóm tắt:** *Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-EU (EVFTA) chính thức có hiệu lực từ ngày 1 tháng 8 năm 2020. EVFTA và CPTPP là hai hiệp định thương mại tự do thế hệ mới thể hiện các nỗ lực hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng và toàn diện của Việt Nam trong những năm qua. Mặc dù mới được triển khai thực hiện chưa được 2 năm, nhưng EVFTA đã để lại nhiều ảnh hưởng tích cực đối với quá trình phát triển của Việt Nam nói chung và các hoạt động thương mại nói riêng. Đáng chú ý nhất trong số này là các tác động thuận lợi của EVFTA đối với các hoạt động xuất nhập khẩu và quan hệ thương mại hai chiều giữa Việt Nam và EU. EVFTA không chỉ chứng minh tầm quan trọng của thị trường EU đối với sự phát triển của kinh tế Việt Nam và ngược lại, mà còn mang đến cho các doanh nghiệp xuất khẩu của hai bên nhiều lợi thế cạnh tranh không nhỏ. Nhiều nhà đầu tư của EU không chỉ lựa chọn Việt Nam làm xuất phát điểm cho chiến lược tiếp cận khu vực châu Á, mà còn để tận hưởng các lợi thế do EVFTA mang lại. Trong khi đó, việc giảm chi phí đầu vào cũng tạo ra những lợi thế cạnh tranh nhất định đối với các mặt hàng của Việt Nam. Biểu hiện rõ nhất của quá trình này là kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và EU tăng mạnh sau hai năm thực hiện EVFTA. Mặc dù vậy, quá trình thực hiện EVFTA cũng gặp phải một số khó khăn nhất định, nên các giải pháp đi kèm là điều không thể tránh khỏi.*

## **1. Đặt vấn đề**

Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EU) hay còn được biết đến bên ngoài Việt Nam với cái tên là EU-Vietnam Free Trade Agreement (EVFTA) và thường được gọi tắt là EVFTA là một trong những hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới giữa Việt Nam và 28 nhà nước thành viên EU.<sup>1</sup> EVFTA được chính thức khởi động vào tháng 10 năm 2010 trong cuộc gặp giữa Thủ

---

<sup>1</sup> WTO Center, *Việt Nam - EU (EVFTA)*, <https://trungtamwto.vn/fta/199-viet-nam--eu-evfta/1> (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

tướng Chính phủ Việt Nam và Chủ tịch EU<sup>2</sup> và chính thức có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 08 năm 2020.<sup>3</sup> Điều đó có nghĩa là EVFTA phải mất qua gần một thập kỷ chuẩn bị và trải qua 14 vòng đàm phán với rất nhiều cuộc họp các cấp khác nhau. Đến tháng 9 năm 2017, EU chính thức đề nghị tách riêng nội dung bảo hộ đầu tư và cơ chế giải quyết tranh chấp giữa nhà nước với nhà đầu tư ra khỏi Hiệp định EVFTA. Đề xuất này đã làm cho các nội dung đầu tư trong EVFTA chỉ bao gồm tự do hóa đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhưng EU có quyền phê chuẩn hiệp định và đưa vào áp dụng trong thời gian sớm nhất có thể. Trong khi đó, Hiệp định Bảo hộ đầu tư (IPA) chỉ có hiệu lực với sự phê chuẩn của cả Nghị viện Châu Âu và Nghị viện các nhà nước thành viên của tổ chức này.<sup>4</sup> Đến ngày 26 tháng 06 năm 2018, việc chia tách EVFTA thành Hiệp định Thương mại (EVFTA) và Hiệp định Bảo hộ Đầu tư (EVIPA) chính thức được chấp thuận và kết thúc quá trình rà soát pháp lý.<sup>5</sup> Đến ngày 30 tháng 6 năm 2019, cả EVFTA và IPA đều đã được Việt Nam và EU chính thức ký kết. Ngày 30 tháng 3 năm 2020, Hiệp định EVFTA đã được Hội đồng châu Âu thông qua. Hiệp định này cũng nhận được sự đồng thuận tối đa của tất cả đại biểu Quốc hội Khóa XIV của Việt Nam (457/457 đại biểu) vào ngày 08 tháng 6 năm 2020.<sup>6</sup> EVFTA được khởi động với các cuộc đàm phán giữa Việt Nam với 28 nhà nước thành viên của EU từ tháng 10 năm 2010, nhưng sau khi Vương quốc Anh rời khỏi EU, EVFTA chỉ còn hiệu lực giữa 27 nhà nước thành viên của EU hiện tại với Việt Nam. Trong khi đó, EVIPA cần phải có thêm sự phê chuẩn của Nghị viện tất cả các nước thành viên EU. EVFTA và Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) là hai hiệp định thương mại tự do (FTA) toàn diện, rộng lớn, và mạnh mẽ nhất trong lịch sử hình thành và phát triển của chính thể Việt Nam hiện tại.<sup>7</sup> Ví dụ, EVFTA đã tạo cơ hội cho các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam được xâm nhập thị trường EU nhanh chóng và

---

<sup>2</sup> Công thông tin điện tử tỉnh Quảng Nam (2021), *Những mốc quan trọng của EVFTA*, trong: [https://quangnam.gov.vn/webcenter/portal/ubnd/pages\\_tin-tuc/chi-tiet?dDocName=PORTAL114325](https://quangnam.gov.vn/webcenter/portal/ubnd/pages_tin-tuc/chi-tiet?dDocName=PORTAL114325) (truy cập ngày 10 tháng 07 năm 2022).

<sup>3</sup> WTO Center, *Việt Nam - EU (EVFTA)*, <https://trungtamwto.vn/fta/199-viet-nam--eu-evfta/1> (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>4</sup> Công thông tin điện tử tỉnh Quảng Nam (2021), *Những mốc quan trọng của EVFTA*, trong: [https://quangnam.gov.vn/webcenter/portal/ubnd/pages\\_tin-tuc/chi-tiet?dDocName=PORTAL114325](https://quangnam.gov.vn/webcenter/portal/ubnd/pages_tin-tuc/chi-tiet?dDocName=PORTAL114325) (truy cập ngày 10 tháng 07 năm 2022).

<sup>5</sup> WTO Center, *Việt Nam - EU (EVFTA)*, <https://trungtamwto.vn/fta/199-viet-nam--eu-evfta/1> (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>6</sup> Công thông tin điện tử tỉnh Quảng Nam (2021), *Những mốc quan trọng của EVFTA*, trong: [https://quangnam.gov.vn/webcenter/portal/ubnd/pages\\_tin-tuc/chi-tiet?dDocName=PORTAL114325](https://quangnam.gov.vn/webcenter/portal/ubnd/pages_tin-tuc/chi-tiet?dDocName=PORTAL114325) (truy cập ngày 10 tháng 07 năm 2022).

<sup>7</sup> WTO Center, *Việt Nam - EU (EVFTA)*, <https://trungtamwto.vn/fta/199-viet-nam--eu-evfta/1> (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

thuận lợi hơn. Khoảng 94% trong tổng số 547 dòng thuế của các mặt hàng rau quả tươi và chế biến nông sản sẽ bị loại bỏ hoàn toàn. Rất nhiều mặt hàng trong số này là các sản phẩm xuất khẩu lợi thế của Việt Nam. EVFTA đã tạo thuận lợi cho các sản phẩm nông sản của Việt Nam có sức cạnh tranh cao hơn trên thị trường EU.<sup>8</sup> Việc hoàn thành ký kết EVFTA chính vì thế được xem là một trong những dấu mốc quan trọng nhất trong tiến trình hội nhập kinh tế Việt Nam.<sup>9</sup> EVFTA mở ra những cơ hội tiềm năng và triển vọng dồi dào cho các mối quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và các nhà nước thành viên của EU.<sup>10</sup> Tuy nhiên, các hiệp định thương mại tự do nói chung và EVFTA nói riêng không chỉ mang đến cơ hội, mà còn có thể tạo ra nhiều thách thức không nhỏ đối với các hoạt động xuất khẩu của Việt Nam.<sup>11</sup> Bài viết này chính vì thế không chỉ phân tích các tác động tích cực của EVFTA đối với các hoạt động xuất khẩu của Việt Nam thời gian qua và tìm hiểu các bất lợi mà các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam thường hay gặp phải trong quá trình thực hiện EVFTA trong gần hai năm qua, mà còn đề xuất một số giải pháp nhằm làm cho các hoạt động xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường EU được thuận lợi hơn.

## **2. Những ảnh hưởng tích cực của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-EU (EVFTA) đối với các hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam với EU từ khi có hiệu lực**

EVFTA có nhiều tác động tích cực đối với các hoạt động xuất khẩu của Việt Nam thời gian qua, nhưng dễ nhận thấy nhất là trên các phương diện như sau:

*Thứ nhất*, EU là một thị trường rộng lớn và tiềm năng cũng như một đối tác thương mại quan trọng của Việt Nam. Tất cả 27 nhà nước thành viên của EU có tổng dân số lên đến khoảng 516 triệu người. Thu nhập bình quân đầu người của EU lên đến 35.000/năm. Sức mua của người dân EU chính vì thế không chỉ rất mạnh, mà thị trường EU hàng năm đều có nhu cầu nhập khẩu một khối lượng rất lớn nhiều mặt hàng

---

<sup>8</sup> Bộ Công thương (2021), *Chuyên san EVFTA với thương mại Việt Nam, Chuyên ngành: Hàng nông sản*, tr. 3, trong: [https://trungtamwto.vn/file/21397/chuyen-san-evfta-voi-tm-vn\\_q4.2021\\_nganh-nong-san.pdf](https://trungtamwto.vn/file/21397/chuyen-san-evfta-voi-tm-vn_q4.2021_nganh-nong-san.pdf) (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>9</sup> Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Nam (2021), *Những mốc quan trọng của EVFTA*, trong: [https://quangnam.gov.vn/webcenter/portal/ubnd/pages\\_tin-tuc/chi-tiet?dDocName=PORTAL114325](https://quangnam.gov.vn/webcenter/portal/ubnd/pages_tin-tuc/chi-tiet?dDocName=PORTAL114325) (truy cập ngày 10 tháng 07 năm 2022).

<sup>10</sup> WTO Center, *Việt Nam - EU (EVFTA)*, <https://trungtamwto.vn/fta/199-viet-nam--eu-evfta/1> (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>11</sup> Bộ Công thương (2021), *Chuyên san EVFTA với thương mại Việt Nam, Chuyên ngành: Hàng nông sản*, tr. 3, trong: [https://trungtamwto.vn/file/21397/chuyen-san-evfta-voi-tm-vn\\_q4.2021\\_nganh-nong-san.pdf](https://trungtamwto.vn/file/21397/chuyen-san-evfta-voi-tm-vn_q4.2021_nganh-nong-san.pdf) (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

từ bên ngoài.<sup>12</sup> Ví dụ, kim ngạch nhập khẩu hàng năm của EU lên đến gần 2.000 tỷ USD. Khoảng 8,3% trong số này được sử dụng để nhập khẩu các sản phẩm nông nghiệp. EU chính vì thế là một thị trường nhập khẩu nông sản tiềm năng và triển vọng đối với các nền sản xuất nông nghiệp quy mô lớn.<sup>13</sup> EU là thị trường nhập khẩu rau quả lớn nhất thế giới. Mỗi năm thị trường này bỏ ra đến 35 tỷ Euro để nhập khẩu rau quả. Con số này chiếm đến 45% giá trị thương mại của các mặt hàng rau quả trên toàn thế giới.<sup>14</sup> Các nước EU thường chi khoảng hơn 160 tỷ USD để nhập khẩu các mặt hàng nông sản mỗi năm. Khoảng 5,5 tỷ USD trong số này dành cho các mặt hàng nông sản từ Việt Nam. Con số này đã biến EU thành thị trường tiêu thụ nông sản lớn thứ ba của Việt Nam.<sup>15</sup> Điều đó có nghĩa EU là một trong những thị trường xuất khẩu nông sản lớn nhất của Việt Nam.<sup>16</sup> Thị trường EU chiếm 13,7% tổng kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nông sản chính yếu của Việt Nam.<sup>17</sup> Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường EU lên đến 41,48 tỷ USD và nhập khẩu đạt 14,91 tỷ USD năm 2019.<sup>18</sup> Các nước Hà Lan, Đức, Anh, Italy đều là những thị trường xuất khẩu điều trọng điểm của Việt Nam.<sup>19</sup> EU là thị trường xuất khẩu hạt điều lớn thứ 2 của Việt Nam (23% giá trị xuất khẩu và 22% trị giá sản xuất). Năm 2021, Việt Nam xuất khẩu 135.000 tấn hạt điều sang thị trường EU để thu về 816 triệu USD. Con số này tăng 16,5% số lượng và 8% giá trị so với năm trước.<sup>20</sup> EU là thị trường

<sup>12</sup> Bộ Công thương (2021), *Chuyên san EVFTA với thương mại Việt Nam, Chuyên ngành: Hàng nông sản*, tr. 43, trong: [https://trungtamwto.vn/file/21397/chuyen-san-evfta-voi-tm-vn\\_q4.2021\\_nganh-nong-san.pdf](https://trungtamwto.vn/file/21397/chuyen-san-evfta-voi-tm-vn_q4.2021_nganh-nong-san.pdf) (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>13</sup> Bộ Công thương (2021), *Nông sản Việt Nam một năm hái quả ngọt từ Hiệp định EVFTA*, trong: <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/hiiep-dinh-evfta/nong-san-viet-nam-mot-nam-hai-qua-ngot-tu-hiep-dinh-evfta.html> (truy cập ngày 10 tháng 07 năm 2022).

<sup>14</sup> Gia Thành (2022), *Tận dụng EVFTA đưa rau quả tới 'mảnh đất vàng' EU*, trong: <https://baoquocte.vn/tan-dung-evfta-dua-rau-qua-toi-manh-dat-vang-eu-183802.html> (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>15</sup> Bộ Công thương (2021), *Chuyên san EVFTA với thương mại Việt Nam, Chuyên ngành: Hàng nông sản*, tr. 43, trong: [https://trungtamwto.vn/file/21397/chuyen-san-evfta-voi-tm-vn\\_q4.2021\\_nganh-nong-san.pdf](https://trungtamwto.vn/file/21397/chuyen-san-evfta-voi-tm-vn_q4.2021_nganh-nong-san.pdf) (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>16</sup> Gia Thành (2022), *Tận dụng EVFTA đưa rau quả tới 'mảnh đất vàng' EU*, trong: <https://baoquocte.vn/tan-dung-evfta-dua-rau-qua-toi-manh-dat-vang-eu-183802.html> (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>17</sup> Bộ Công thương (Quý IV năm 2021), *Chuyên san EVFTA với thương mại Việt Nam, Chuyên ngành: Hàng nông sản*, tr. 4, trong: [https://trungtamwto.vn/file/21397/chuyen-san-evfta-voi-tm-vn\\_q4.2021\\_nganh-nong-san.pdf](https://trungtamwto.vn/file/21397/chuyen-san-evfta-voi-tm-vn_q4.2021_nganh-nong-san.pdf) (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>18</sup> Viện Chiến lược và Chính sách tài chính (2020), *Doanh nghiệp cần nắm vững quy định của EVFTA để tăng xuất khẩu*, trong: [https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages\\_r/l/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM174493](https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages_r/l/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM174493) (truy cập ngày 10 tháng 07 năm 2022).

<sup>19</sup> Vân Chi (2022), *Xuất khẩu ngày 13-15/5: Chuyên gia 'mách chiêu' để nông sản Việt 'lấy lòng' thị trường Hoa Kỳ; tận dụng tối đa 'cao tốc' EVFTA*, trong: <https://baoquocte.vn/xuat-khau-ngay-13-155-chuyen-gia-mach-chieu-de-nong-san-viet-lay-long-thi-truong-hoa-ky-tan-dung-toi-da-cao-toc-evfta-183786.html> (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>20</sup> Vân Chi (2022, ngày 16 tháng 05, 12:01 PM), *Xuất khẩu ngày 13-15/5: Chuyên gia 'mách chiêu' để nông sản Việt 'lấy lòng' thị trường Hoa Kỳ; tận dụng tối đa 'cao tốc' EVFTA*, trong: <https://baoquocte.vn/xuat-khau-ngay-13-155-chuyen-gia-mach-chieu-de-nong-san-viet-lay-long-thi-truong-hoa-ky-tan-dung-toi-da-cao-toc-evfta-183786.html> (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

nhập khẩu rau quả lớn nhất thế giới. Mỗi năm thị trường này bỏ ra đến 35 tỷ Euro để nhập khẩu rau quả. Con số này chiếm đến 45% giá trị thương mại của các mặt hàng rau quả trên toàn thế giới.<sup>21</sup> Kim ngạch buôn bán song phương giữa Việt Nam và EU năm 2021 đạt mức 57 tỷ USD.<sup>22</sup> EVFTA là một cơ hội hiếm có để các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam thâm nhập sâu hơn vào thị trường rộng lớn này. Nhu cầu tiêu dùng rau quả nhiệt đới của EU đang tăng cao. Nhu cầu rau quả tươi tăng 15-20% mỗi năm, trong khi các sản phẩm chế biến tăng hơn 30%.<sup>23</sup> Khoảng 80.000 tấn gạo hạn ngạch không đánh thuế theo EVFTA năm 2021 chưa được sử dụng hết. Việc xuất khẩu gạo của Việt Nam sang thị trường EU được dự báo sẽ còn tiếp tục gia tăng mạnh mẽ hơn nữa trong thời gian tới. Cà phê, hạt điều, cao su, rau quả, hạt tiêu... cũng được dự báo sẽ được xuất khẩu nhiều vào thị trường EU trong năm 2022.<sup>24</sup> Tất cả các diễn biến đó đã chứng minh rằng EU là một trong những thị trường xuất khẩu hàng hóa và đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam.<sup>25</sup> EVFTA đã giúp Việt Nam đa dạng hóa các đối tác thương mại truyền thống. Thị trường EU rộng lớn và tiềm năng chính vì thế đã góp phần thúc đẩy khả năng ứng phó và phục hồi kinh tế của Việt Nam trước các khó khăn khách quan của đại dịch Covid-19.<sup>26</sup> Việc tận dụng tốt con đường cao tốc EVFTA không chỉ giúp các mặt hàng nông sản của Việt Nam chiếm lĩnh thị trường EU ở quy mô rộng lớn hơn, mà uy tín của nhiều mặt hàng khác cũng sẽ được nâng lên ở các thị trường khó tính tương tự.<sup>27</sup>

*Thứ hai*, cả CPTPP và EVFTA đều cam kết mở cửa thị trường khá mạnh đối với một số mặt hàng nguyên vật liệu của Việt Nam.<sup>28</sup> EU loại bỏ 85,6% tổng số dòng

<sup>21</sup> Gia Thành (2022), *Tận dụng EVFTA đưa rau quả tới 'mảnh đất vàng' EU*, trong: <https://baoquocte.vn/tan-dung-evfta-dua-rau-qua-toi-manh-dat-vang-eu-183802.html> (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>22</sup> Linh Chi (2022), *Chuyên gia Đức: EVFTA là trợ lực giúp Việt Nam phục hồi kinh tế*, trong: <https://baoquocte.vn/chuyen-gia-duc-evfta-la-tro-luc-giup-viet-nam-phuc-hoi-kinh-te-184056.html> (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>23</sup> Gia Thành (2022), *Tận dụng EVFTA đưa rau quả tới 'mảnh đất vàng' EU*, trong: <https://baoquocte.vn/tan-dung-evfta-dua-rau-qua-toi-manh-dat-vang-eu-183802.html> (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>24</sup> Hải An (2022), *Tận dụng ưu thế từ các FTA, nâng cao chất lượng, nông sản Việt tiếp tục 'bay cao, bay xa'*, trong: <https://baoquocte.vn/tan-dung-uu-the-tu-cac-fta-nang-cao-chat-luong-nong-san-viet-tiep-tuc-bay-cao-bay-xa-176415.html> (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>25</sup> Viện Chiến lược và Chính sách tài chính (2020), *Doanh nghiệp cần nắm vững quy định của EVFTA để tăng xuất khẩu*, trong: [https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages\\_r/l/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM174493](https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages_r/l/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM174493) (truy cập ngày 10 tháng 07 năm 2022).

<sup>26</sup> Linh Chi (2022), *Chuyên gia Đức: EVFTA là trợ lực giúp Việt Nam phục hồi kinh tế*, trong: <https://baoquocte.vn/chuyen-gia-duc-evfta-la-tro-luc-giup-viet-nam-phuc-hoi-kinh-te-184056.html> (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>27</sup> Bộ Công thương (2021), *Chuyên san EVFTA với thương mại Việt Nam, Chuyên ngành: Hàng nông sản*, tr. 44, trong: [https://trungtamwto.vn/file/21397/chuyen-san-evfta-voi-tm-vn\\_q4.2021\\_nganh-nong-san.pdf](https://trungtamwto.vn/file/21397/chuyen-san-evfta-voi-tm-vn_q4.2021_nganh-nong-san.pdf) (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>28</sup> Phan Linh (2021), *Tác động của các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đến việc phát triển công nghiệp vật liệu của Việt Nam*, trong: <https://moit.gov.vn/tin-tuc/phat-trien-cong-nghiep/tac-dong-cua-cac-hiep-dinh->



thuế đang áp dụng đối với các mặt hàng nhập khẩu từ Việt Nam. Năng lực cạnh tranh của khoảng 70,3% kim ngạch xuất khẩu của hàng hóa Việt Nam vào thị trường EU sẽ được cải thiện đáng kể.<sup>29</sup> Thuế nhập khẩu các mặt hàng hàng gốm, sứ, thủy tinh từ Việt Nam sang EU giảm từ khoảng 5% xuống chỉ còn 1,8% ngay trong năm đầu tiên. Hơn 73% các mặt hàng này có thuế suất bằng 0%. Đây được xem là một lợi thế lớn để các sản phẩm gốm, sứ, thủy tinh của Việt Nam thâm nhập mạnh mẽ hơn vào thị trường EU.<sup>30</sup> EVFTA mở ra những cơ hội lớn cho các doanh nghiệp dệt may và thủy sản của Việt Nam tiếp cận thị trường EU. EVFTA giảm thuế suất bình quân 9,6% xuống còn 0% trong vòng 7 năm. Giá trị các sản phẩm may mặc của Việt Nam xuất sang EU có thể lên đến 100 tỷ USD mỗi năm.<sup>31</sup> Các mặt hàng nông sản chủ lực của Việt Nam như hạt tiêu, hạt điều, rau quả, cà phê, chè và cao su đều được hưởng mức thuế suất ưu đãi ở thị trường EU.<sup>32</sup> EVFTA đã mở ra rất nhiều cơ hội thuận lợi đối với các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam trên con đường chinh phục thị trường EU.<sup>33</sup> Trước khi EVFTA được áp dụng, các mặt hàng rau quả của Việt Nam thường bị đánh thuế lên đến 10-20%.<sup>34</sup> EVFTA đã bãi bỏ hầu hết các loại thuế đối với nông sản Việt Nam.<sup>35</sup> Các mặt hàng được chế biến từ hạt điều của Việt Nam phải chịu thuế khoảng 7-12% tại thị trường EU. Tuy nhiên, EVFTA đã loại bỏ hoàn toàn các loại thuế đánh vào các sản phẩm hạt điều của Việt Nam. Sự kiện này không chỉ là một cơ hội lớn, mà còn là một cột mốc hiếm có đối với các doanh nghiệp xuất khẩu điều của Việt Nam.<sup>36</sup> Ưu đãi

---

thuong-mai-tu-do-the-he-moi-den-viec-phat-trien-cong-nghiep-vat-lieu-cua-viet-nam.html (truy cập ngày 10 tháng 07 năm 2022).

<sup>29</sup> Viện Chiến lược và Chính sách tài chính (2020), *Doanh nghiệp cần nắm vững quy định của EVFTA để tăng xuất khẩu*, trong: [https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages\\_r/l/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM174493](https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages_r/l/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM174493) (truy cập ngày 10 tháng 07 năm 2022).

<sup>30</sup> Phan Linh (2021), *Tác động của các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đến việc phát triển công nghiệp vật liệu của Việt Nam*, trong: <https://moit.gov.vn/tin-tuc/phat-trien-cong-nghiep/tac-dong-cua-cac-hiep-dinh-thuong-mai-tu-do-the-he-moi-den-viec-phat-trien-cong-nghiep-vat-lieu-cua-viet-nam.html> (truy cập ngày 10 tháng 07 năm 2022).

<sup>31</sup> Viện Chiến lược và Chính sách tài chính (2020), *Doanh nghiệp cần nắm vững quy định của EVFTA để tăng xuất khẩu*, trong: [https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages\\_r/l/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM174493](https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages_r/l/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM174493) (truy cập ngày 10 tháng 07 năm 2022).

<sup>32</sup> Bộ Công thương (2021), *Chuyên san EVFTA với thương mại Việt Nam, Chuyên ngành: Hàng nông sản*, tr. 43-44, trong: [https://trungtamwto.vn/file/21397/chuyen-san-evfta-voi-tm-vn\\_q4.2021\\_nganh-nong-san.pdf](https://trungtamwto.vn/file/21397/chuyen-san-evfta-voi-tm-vn_q4.2021_nganh-nong-san.pdf) (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>33</sup> Bộ Công thương (2021, ngày 31 tháng 12, 16:31 PM), *Nông sản Việt Nam một năm hái quả ngọt từ Hiệp định EVFTA*, trong: <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/hiep-dinh-evfta/nong-san-viet-nam-mot-nam-hai-qua-ngot-tu-hiep-dinh-evfta.html> (truy cập ngày 10 tháng 07 năm 2022).

<sup>34</sup> Gia Thành (2022), *Tận dụng EVFTA đưa rau quả tới 'mảnh đất vàng' EU*, trong: <https://baoquocte.vn/tan-dung-evfta-dua-rau-qua-toi-manh-dat-vang-eu-183802.html> (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>35</sup> Gia Thành (2022), *Tận dụng EVFTA đưa rau quả tới 'mảnh đất vàng' EU*, trong: <https://baoquocte.vn/tan-dung-evfta-dua-rau-qua-toi-manh-dat-vang-eu-183802.html> (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>36</sup> Vân Chi (2022), *Xuất khẩu ngày 13-15/5: Chuyên gia 'mách chiêu' để nông sản Việt 'lấy lòng' thị trường Hoa Kỳ; tận dụng tối đa 'cao tốc' EVFTA*, trong: <https://baoquocte.vn/xuat-khau-ngay-13-15-5-chuyen-gia-mach-chieu-de-nong-san-viet-lay-long-thi-truong-hoa-ky-tan-dung-toi-da-cao-toc-evfta>

này sẽ làm cho các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam sở hữu nhiều lợi thế cạnh tranh với các nước trong khu vực.<sup>37</sup> EVFTA giúp các doanh nghiệp thép Việt Nam có thêm một số lợi thế cạnh tranh nhất định và thúc đẩy các hoạt động xuất khẩu thép diễn ra mạnh mẽ hơn.<sup>38</sup> Các áp lực cải thiện môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh từ EVFTA đã trở thành một *công cụ* hữu hiệu để cải thiện môi trường kinh doanh.<sup>39</sup> Các tiêu chuẩn khắt khe của EVFTA buộc các doanh nghiệp Việt Nam phải chuyên đổi mô hình hoạt động theo hướng ngày càng chuyên nghiệp hơn. Việc tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, thể hiện trách nhiệm xã hội, và đầu tư phát triển bền vững dần trở thành những bộ phận tất yếu trong quá trình phát triển của các doanh nghiệp Việt Nam.<sup>40</sup> Nhiều mặt hàng rau quả của Việt Nam đã dần dần đáp ứng các yêu cầu khắt khe của thị trường EU.<sup>41</sup> Việt Nam được dự báo sẽ trở thành một đối tác đầy hứa hẹn trong bản đồ thương mại thế giới trong năm 2022.<sup>42</sup>

*Thứ ba* là thu hút thêm nhiều nguồn lực đầu tư từ các nước trên thế giới. EVFTA giúp Việt Nam thu hút thêm nhiều nhà đầu tư nước ngoài để phát triển các nguồn cung còn thiếu hụt và giải quyết quy tắc xuất xứ 2 công đoạn.<sup>43</sup> Các quy định chặt chẽ về nguồn xuất xứ hàng hóa của EVFTA đã tạo ra làn sóng đầu tư vào ngành dệt nhuộm và sản xuất nguyên vật liệu cho các ngành dệt may, da-giày... Đa phần trong số này đến từ Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc.<sup>44</sup> Tuy nhiên, nhiều công ty Đức

---

chieu-de-nong-san-viet-lay-long-thi-truong-hoa-ky-tan-dung-toi-da-cao-toc-evfta-183786.html (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>37</sup> Bộ Công thương (2021), *Chuyên san EVFTA với thương mại Việt Nam, Chuyên ngành: Hàng nông sản*, tr. 43-44, trong: [https://trungtamwto.vn/file/21397/chuyen-san-evfta-voi-tm-vn\\_q4.2021\\_nganh-nong-san.pdf](https://trungtamwto.vn/file/21397/chuyen-san-evfta-voi-tm-vn_q4.2021_nganh-nong-san.pdf) (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>38</sup> Phan Linh (2021), *Tác động của các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đến việc phát triển công nghiệp vật liệu của Việt Nam*, trong: <https://moit.gov.vn/tin-tuc/phan-trien-cong-nghiep/tac-dong-cua-cac-hiep-dinh-thuong-mai-tu-do-the-he-moi-den-viec-phan-trien-cong-nghiep-vat-lieu-cua-viet-nam.html> (truy cập ngày 10 tháng 07 năm 2022).

<sup>39</sup> Linh Chi (2022), *Chuyên gia Đức: EVFTA là trợ lực giúp Việt Nam phục hồi kinh tế*, trong: <https://baoquocte.vn/chuyen-gia-duc-evfta-la-tro-luc-giup-viet-nam-phuc-hoi-kinh-te-184056.html> (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>40</sup> Ngọc Hân (2021), *Thương mại Việt Nam – EU: Đóng góp tích cực từ EVFTA*, trong: <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/thuong-mai-viet-nam-eu-dong-gop-tich-cuc-tu-evfta.html> (truy cập ngày 10 tháng 07 năm 2022).

<sup>41</sup> Bộ Công thương (2021), *Chuyên san EVFTA với thương mại Việt Nam, Chuyên ngành: Hàng nông sản*, tr. 26, trong: [https://trungtamwto.vn/file/21397/chuyen-san-evfta-voi-tm-vn\\_q4.2021\\_nganh-nong-san.pdf](https://trungtamwto.vn/file/21397/chuyen-san-evfta-voi-tm-vn_q4.2021_nganh-nong-san.pdf) (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>42</sup> Linh Chi (2022), *Chuyên gia Đức: EVFTA là trợ lực giúp Việt Nam phục hồi kinh tế*, trong: <https://baoquocte.vn/chuyen-gia-duc-evfta-la-tro-luc-giup-viet-nam-phuc-hoi-kinh-te-184056.html> (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>43</sup> Ngọc Hân (2021, ngày 22 tháng 07, 12:13 PM), *Thương mại Việt Nam – EU: Đóng góp tích cực từ EVFTA*, trong: <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/thuong-mai-viet-nam-eu-dong-gop-tich-cuc-tu-evfta.html> (truy cập ngày 10 tháng 07 năm 2022).

<sup>44</sup> Phan Linh (2021), *Tác động của các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đến việc phát triển công nghiệp vật liệu của Việt Nam*, trong: <https://moit.gov.vn/tin-tuc/phan-trien-cong-nghiep/tac-dong-cua-cac-hiep-dinh->

ở châu Á đang chuyển dịch sản xuất sang Việt Nam để tranh cách tác động tiêu cực của cuộc Chiến tranh thương mại Mỹ-Trung, chính sách Zero-Covid-19 của Trung Quốc, và tận dụng các ưu thế của EVFTA. Việt Nam từ đó không chỉ trở thành một lựa chọn được ưu tiên của các công ty Đức, mà còn có thể trở thành một trung tâm sản xuất tiềm năng của các nhà đầu tư Đức ở châu Á. Rất nhiều doanh nghiệp của Đức tiến hành các hoạt động khảo sát thị trường để mở rộng đầu tư hoặc chuyển dịch sản xuất sang Việt Nam từ ngày 15 tháng 3 năm 2022. Nhà sản xuất đồ chơi LEGO của Đan Mạch, tập đoàn Kärcher ở Winnenden (bang Baden-Württemberg), hãng sản xuất các sản phẩm ép phủ bề mặt Kurz (Fürth, Bayern), công ty Magnetec ở Hessen, nhà sản xuất băng dính Tesa đều đã lựa chọn Việt Nam để đầu tư.<sup>45</sup> Khoảng 21% các công ty Ấn Độ đang hoạt động tại Đông Nam Á đang lên kế hoạch mở rộng kinh doanh tại Việt Nam trong hai năm tới. Khoảng 26% doanh nghiệp Trung Quốc tại Việt Nam cũng đang đầu tư phát triển ở thị trường sở tại.<sup>46</sup> Các Hiệp định thương mại tự do (FTA) mà quan trọng nhất là EVFTA và CPTPP cũng như các chính sách thân thiện đối với các nhà đầu tư cho phép Việt Nam có thể trở thành một trong những nơi trú ẩn an toàn cho các dòng vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài.<sup>47</sup> Việc thu hút đầu tư không chỉ góp phần giải quyết việc làm, tăng cường tích lũy vốn, và tiếp cận công nghệ hiện đại,<sup>48</sup> mà còn giúp các doanh nghiệp nâng cao chất lượng sản phẩm theo các tiêu chuẩn quốc tế.<sup>49</sup> Sự phát triển ấn tượng và ổn định của kinh tế Việt Nam trong những năm gần đây cũng như các mối quan hệ thương mại tốt đẹp với nhiều thị trường thương mại tự do lớn nhất thế giới ở châu Á làm cho Việt Nam trở thành một công xưởng sản xuất của các tập đoàn để cung cấp sản phẩm cho các nền kinh tế trong khu

---

thuong-mai-tu-do-the-he-moi-den-viec-phat-trien-cong-nghiep-vat-lieu-cua-viet-nam.html (truy cập ngày 10 tháng 07 năm 2022).

<sup>45</sup> Mạnh Hùng (2022), *Việt Nam đang trở thành lựa chọn mới của các doanh nghiệp Đức*, trong: <https://vietnambiz.vn/viet-nam-xuat-sieu-sang-duc-hon-2-ty-usd-nho-tan-dung-tot-evfta-20226167470933.htm> (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>46</sup> N.Bình (2022), *Doanh nghiệp Ấn Độ, Trung Quốc... chọn Việt Nam vì muốn tận dụng EVFTA*, trong: <https://tuoitre.vn/doanh-nghiep-an-do-trung-quoc-chon-viet-nam-vi-muon-tan-dung-evfta-2022052616051597.htm> (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>47</sup> Linh Chi (2022), *Chuyên gia Đức: EVFTA là trợ lực giúp Việt Nam phục hồi kinh tế*, trong: <https://baoquocte.vn/chuyen-gia-duc-evfta-la-tro-luc-giup-viet-nam-phuc-hoi-kinh-te-184056.html> (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>48</sup> Ngọc Hân (2021), *Thương mại Việt Nam – EU: Đóng góp tích cực từ EVFTA*, trong: <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/thuong-mai-viet-nam-eu-dong-gop-tich-cuc-tu-evfta.html> (truy cập ngày 10 tháng 07 năm 2022).

<sup>49</sup> Phan Linh (2021), *Tác động của các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đến việc phát triển công nghiệp vật liệu của Việt Nam*, trong: <https://moit.gov.vn/tin-tuc/phat-trien-cong-nghiep/tac-dong-cua-cac-hiep-dinh-thuong-mai-tu-do-the-he-moi-den-viec-phat-trien-cong-nghiep-vat-lieu-cua-viet-nam.html> (truy cập ngày 10 tháng 07 năm 2022).

vực.<sup>50</sup> Khoảng 49% doanh nghiệp được khảo sát đến từ Trung Quốc, Ấn Độ, và Mỹ muốn tận dụng các lợi thế của EVFTA để đẩy mạnh các hoạt động thương mại của họ ở châu Á.<sup>51</sup>

*Thứ ba* là thuế nhập khẩu thấp sẽ là một cơ hội quan trọng để các doanh nghiệp nội địa tiếp cận các nguồn nguyên liệu giá cả phải chăng hơn.<sup>52</sup> Việt Nam cũng loại bỏ rất nhiều hàng rào thuế quan đối với các mặt hàng nguyên liệu và máy móc phục vụ sản xuất đến từ EU.<sup>53</sup> Việt Nam gỡ bỏ 48,5% các loại thuế đánh vào hàng nhập khẩu từ EU. Con số này tương đương với khoảng 64,5% kim ngạch nhập khẩu hàng năm của Việt Nam.<sup>54</sup> Giá nguyên liệu giảm là một trong những mắt xích quan trọng để giảm chi phí đầu tư cho các doanh nghiệp. Các tiêu chuẩn xuất xứ hàng hóa từ đó cũng có thể được đáp ứng một cách dễ dàng và thuận lợi hơn đối với thị trường EU.<sup>55</sup> Các doanh nghiệp Việt Nam được dự báo sẽ có thêm nhiều cơ hội thuận lợi để có thể nhập khẩu nhiều mặt hàng máy móc, thiết bị sản xuất, và linh kiện điện tử chất lượng cao với giá thành hợp lý hơn.<sup>56</sup> Thuế nhập khẩu thấp sẽ làm cho các chi phí đầu vào của các doanh nghiệp giảm xuống. Giá cả hàng hóa của Việt Nam cũng sẽ có sức cạnh tranh lớn hơn trên thị trường thế giới. Các mối quan hệ thương mại giữa Việt Nam và EU cũng sẽ trở nên thuận lợi hơn. Cả người tiêu dùng Việt Nam lẫn châu Âu đều có thêm nhiều cơ hội lựa chọn nhiều mặt hàng giá cả phải chăng nhưng chất lượng phải

---

<sup>50</sup> Mạnh Hùng (2022), *Việt Nam đang trở thành lựa chọn mới của các doanh nghiệp Đức*, trong: <https://vietnambiz.vn/viet-nam-xuat-sieu-sang-duc-hon-2-ty-usd-nho-tan-dung-tot-evfta-20226167470933.htm> (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>51</sup> N.Bình (2022), *Doanh nghiệp Ấn Độ, Trung Quốc... chọn Việt Nam vì muốn tận dụng EVFTA*, trong: <https://tuoitre.vn/doanh-nghiep-an-do-trung-quoc-chon-viet-nam-vi-muon-tan-dung-evfta-2022052616051597.htm> (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>52</sup> Phan Linh (2021), *Tác động của các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đến việc phát triển công nghiệp vật liệu của Việt Nam*, trong: <https://moit.gov.vn/tin-tuc/phat-trien-cong-nghiep/tac-dong-cua-cac-hiep-dinh-thuong-mai-tu-do-the-he-moi-den-viec-phat-trien-cong-nghiep-vat-lieu-cua-viet-nam.html> (truy cập ngày 10 tháng 07 năm 2022).

<sup>53</sup> Hoàng Anh (2022), *Việt Nam xuất siêu sang Đức hơn 2 tỷ USD nhờ EVFTA*, trong: <https://vietnambiz.vn/viet-nam-xuat-sieu-sang-duc-hon-2-ty-usd-nho-tan-dung-tot-evfta-20226167470933.htm> (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>54</sup> Viện Chiến lược và Chính sách tài chính (2020, ngày 24 tháng 03, 16:14 PM), *Doanh nghiệp cần nắm vững quy định của EVFTA để tăng xuất khẩu*, trong: [https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvctc/pages\\_r/l/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM174493](https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvctc/pages_r/l/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM174493) (truy cập ngày 10 tháng 07 năm 2022).

<sup>55</sup> Phan Linh (2021), *Tác động của các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đến việc phát triển công nghiệp vật liệu của Việt Nam*, trong: <https://moit.gov.vn/tin-tuc/phat-trien-cong-nghiep/tac-dong-cua-cac-hiep-dinh-thuong-mai-tu-do-the-he-moi-den-viec-phat-trien-cong-nghiep-vat-lieu-cua-viet-nam.html> (truy cập ngày 10 tháng 07 năm 2022).

<sup>56</sup> Hoàng Anh (2022), *Việt Nam xuất siêu sang Đức hơn 2 tỷ USD nhờ EVFTA*, trong: <https://vietnambiz.vn/viet-nam-xuat-sieu-sang-duc-hon-2-ty-usd-nho-tan-dung-tot-evfta-20226167470933.htm> (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

biết.<sup>57</sup> Việc đa dạng hóa các nguồn cung đầu vào nhờ EVFTA làm cho thị trường Việt Nam trở nên hấp dẫn hơn, khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế cũng được cải thiện, và có nhiều điều kiện để tham gia sâu rộng vào các chuỗi cung ứng giá trị toàn cầu trong thời gian tới.<sup>58</sup> Sức ép cạnh tranh của việc giảm thuế nhập khẩu các nguồn nguyên và nhiên liệu buộc các doanh nghiệp Việt Nam phải không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm và hạ giá thành sản phẩm để khẳng định thị phần của mình trên thị trường trong nước.<sup>59</sup>

Thứ năm là kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam sang các nước EU tăng mạnh kể từ khi EVFTA có hiệu lực. Kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và EU lên đến 27,67 tỷ USD trong 6 tháng đầu năm 2021. Con số này tăng 18,4% so với thời kỳ chưa áp dụng EVFTA năm 2020. Giá trị xuất khẩu tăng 18,3% (19,4 tỷ USD) và giá trị nhập khẩu tăng hơn 19,1% (8,2 tỷ USD).<sup>60</sup> Kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Đan Mạch lên đến 308,51 triệu USD trong sáu tháng đầu năm 2021. Việt Nam xuất khẩu hơn 181,98 triệu USD hàng hóa sang Đan Mạch, nhưng nhập khẩu 126,53 triệu USD hàng hóa từ Đan Mạch. Những con số này lần lượt tăng 29,16% và 32,17% so với cùng kỳ năm 2020.<sup>61</sup> Kim ngạch thương mại giữa Việt Nam và Na Uy lên đến khoảng 246,93 triệu USD trong sáu tháng đầu năm 2021. Việt Nam xuất khẩu khoảng 66,6 triệu USD hàng hóa sang Na Uy, nhưng nhập khẩu khoảng 180,33 triệu USD hàng hóa từ Na Uy. Những con số này lần lượt tăng 4,3% và 11,27% so với cùng kỳ năm 2020.<sup>62</sup> Ngành dệt may là một minh chứng cụ thể cho các tác động tích cực của EVFTA đối với các hoạt động thương mại của Việt Nam. Kim ngạch xuất khẩu các

<sup>57</sup> Viện Chiến lược và Chính sách tài chính (2020), *Doanh nghiệp cần nắm vững quy định của EVFTA để tăng xuất khẩu*, trong: [https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages\\_r/l/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM174493](https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages_r/l/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM174493) (truy cập ngày 10 tháng 07 năm 2022).

<sup>58</sup> Vân Chi (2022), *Xuất khẩu ngày 13-15/5: Chuyên gia 'mách chiêu' để nông sản Việt 'lấy lòng' thị trường Hoa Kỳ; tận dụng tối đa 'cao tốc' EVFTA*, trong: <https://baoquocte.vn/xuat-khau-ngay-13-155-chuyen-gia-mach-chieu-de-nong-san-viet-lay-long-thi-truong-hoa-ky-tan-dung-toi-da-cao-toc-evfta-183786.html> (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>59</sup> Phan Linh (2021), *Tác động của các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đến việc phát triển công nghiệp vật liệu của Việt Nam*, trong: <https://moit.gov.vn/tin-tuc/phat-trien-cong-nghiep/tac-dong-cua-cac-hiep-dinh-thuong-mai-tu-do-the-he-moi-den-viec-phat-trien-cong-nghiep-vat-lieu-cua-viet-nam.html> (truy cập ngày 10 tháng 07 năm 2022).

<sup>60</sup> Ngọc Hân (2021), *Thương mại Việt Nam – EU: Đóng góp tích cực từ EVFTA*, trong: <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/thuong-mai-viet-nam-eu-dong-gop-tich-cuc-tu-evfta.html> (truy cập ngày 10 tháng 07 năm 2022).

<sup>61</sup> Thương vụ Việt Nam tại Thụy Điển (2021), *Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Đan Mạch tăng 29,6% trong nửa đầu năm 2021*, trong: <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/kim-ngach-xuat-khau-cua-viet-nam-sang-dan-mach-tang-29-6-tro.html> cập ngày 10 tháng 07 năm 2022).

<sup>62</sup> Thương vụ Việt Nam tại Thụy Điển (2021), *Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Đan Mạch tăng 29,6% trong nửa đầu năm 2021*, trong: <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/kim-ngach-xuat-khau-cua-viet-nam-sang-dan-mach-tang-29-6-tro.html> cập ngày 10 tháng 07 năm 2022).

mặt hàng dệt may của Việt Nam sang thị trường EU thương chỉ đạt khoảng 700-800 triệu USD trong hai quý đầu mỗi năm, nhưng con số này đã tăng lên đến 2,263 tỷ USD. EVFTA đã có nhiều tác động tích cực đến các hoạt động xuất khẩu của ngành dệt may sang thị trường EU.<sup>63</sup> Tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê, hạt điều, cao su, rau quả, hạt tiêu, gạo và chè của Việt Nam sang thị trường EU lên đến khoảng 2,2 tỷ USD trong 11 tháng đầu năm 2021. Con số này tăng 10,1% so với cùng kỳ năm 2020.<sup>64</sup> Tổng trị giá xuất khẩu các mặt hàng rau quả của Việt Nam sang thị trường châu Âu năm 2021 tăng 17,4% so với năm 2020 và đạt mức 303 triệu USD.<sup>65</sup> Đầu năm 2022, 3 tấn xoài cát chu, có mã vùng trồng, truy xuất nguồn gốc, và có chứng nhận chỉ dẫn địa lý xoài Cao Lãnh của Đồng Tháp đã được xuất khẩu sang châu Âu. Con số này dự kiến sẽ tăng lên 8 tấn đến tháng 3 năm 2022. Một tập đoàn ở Hà Lan sẽ tiếp nhận 8 tấn xoài mỗi tuần trong thời gian đầu, nhưng sẽ tăng số lượng lên trong các thời gian sau cùng với việc mở rộng thị trường sang các nước khác. Bên cạnh đó, các nông sản thế mạnh của Đồng Tháp như gạo, nhãn, sầu riêng, mít, ôi, ớt... cũng sẽ được xuất sang thị trường EU theo con đường EVFTA.<sup>66</sup> Tổng giá trị hàng hóa Việt Nam xuất sang Đức trong 5 tháng đầu năm 2022 lên đến 3,6 tỷ USD, nhưng chiều ngược lại chỉ dừng ở mức 1,5 tỷ USD. Điều đó có nghĩa là các ưu đãi của EVFTA đã giúp các doanh nghiệp Việt Nam giữ lợi thế xuất siêu sang nền kinh tế lớn nhất EU lên đến 2,1 tỷ USD. Trong số này, hàng dệt may đóng góp 409 triệu USD, các mặt hàng giày dép đóng góp 518 triệu USD, và cá thiết bị máy móc, dụng cụ sản xuất, và linh kiện phụ tùng đóng góp 613 triệu USD...<sup>67</sup> Đức là thị trường xuất khẩu các mặt hàng chủ lực của Việt Nam tại thị trường EU. Cho dù các mặt hàng giày dép, quần áo, rau quả, thủy sản, cà phê, đồ gỗ... chỉ chiếm một tỷ lệ khiêm tốn trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Đức, nhưng tốc độ xuất khẩu của Việt Nam sang Đức gia tăng mạnh mẽ và nhiều mặt hàng của Việt Nam đã bắt đầu khẳng định được chỗ đứng của mình ở thị trường

<sup>63</sup> Ngọc Hân (2021), *Thương mại Việt Nam – EU: Đóng góp tích cực từ EVFTA*, trong: <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/thuong-mai-viet-nam-eu-dong-gop-tich-cuc-tu-evfta.html> (truy cập ngày 10 tháng 07 năm 2022).

<sup>64</sup> Bộ Công thương (2021), *Chuyên san EVFTA với thương mại Việt Nam, Chuyên ngành: Hàng nông sản*, tr. 4, trong: [https://trungtamwto.vn/file/21397/chuyen-san-evfta-voi-tm-vn\\_q4.2021\\_nganh-nong-san.pdf](https://trungtamwto.vn/file/21397/chuyen-san-evfta-voi-tm-vn_q4.2021_nganh-nong-san.pdf) (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>65</sup> Gia Thành (2022), *Tận dụng EVFTA đưa rau quả tới 'mảnh đất vàng' EU*, trong: <https://baoquocte.vn/tan-dung-evfta-dua-rau-qua-toi-manh-dat-vang-eu-183802.html> (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>66</sup> Văn An (2022), *Xoài Đồng Tháp 'vượt biên' sang châu Âu*, trong: <https://baoquocte.vn/xoai-dong-thap-vuot-bien-sang-chau-au-174514.html> (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>67</sup> Hoàng Anh (2022, ngày 16 tháng 06, 10:10 AM), *Việt Nam xuất siêu sang Đức hơn 2 tỷ USD nhờ EVFTA*, trong: <https://vietnambiz.vn/viet-nam-xuat-sieu-sang-duc-hon-2-ty-usd-nho-tan-dung-tot-evfta-20226167470933.htm> (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

khó tính này kể từ khi EVFTA có hiệu lực. EVFTA chính vì thế được xem là chìa khóa cho hàng hóa Việt Nam thâm nhập thị trường Đức trong bối cảnh nhiều nước trong khu vực chưa thể ký kết các hiệp định thương mại tự do với EU.<sup>68</sup>

Tóm lại, EVFTA biến Việt Nam trở thành quốc đang phát triển đầu tiên ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương chính thức thiết lập các mối quan hệ thương mại tự do với EU. Thực tế đó không chỉ khẳng định vị thế địa-chính trị ngày càng quan trọng của Việt Nam đối với EU, mà còn biến Việt Nam từ một nước đi sau trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế thành một nước tiên phong đi đầu trong mở cửa nền kinh tế với thế giới bên ngoài.<sup>69</sup> Các tác động tích cực của EVFTA đối với các hoạt động thương mại của Việt Nam là rất rõ ràng.<sup>70</sup> EVFTA tạo ra nhiều cơ hội để doanh nghiệp Việt Nam tăng cường xuất khẩu vào thị trường EU trong bối cảnh nhiều nước Đông Nam Á chưa có các hiệp định thương mại tương tự.<sup>71</sup> Khoảng 99% các loại thuế đánh vào hàng nông sản Việt Nam xuất sang EU sẽ bị EVFTA loại bỏ hoàn toàn.<sup>72</sup> EVFTA có nhiều đóng góp quan trọng đối với các hoạt động xuất khẩu của Việt Nam sang EU nửa đầu năm 2021.<sup>73</sup> Các mặt hàng thế mạnh của Việt Nam vì thế đang đứng trước nhiều cơ hội xâm nhập thị trường EU.<sup>74</sup> EVFTA là một trong những động lực phát triển chiến lược của ngành dệt may Việt Nam.<sup>75</sup> Các hoạt động thương mại quốc tế trở thành một trong những nguồn động lực quan trọng cho tốc độ tăng trưởng của kinh tế Việt Nam. Giá trị nhập khẩu tăng 15,7%, trong khi các hoạt động xuất khẩu tăng

<sup>68</sup> Hoàng Anh (2022), *Việt Nam xuất siêu sang Đức hơn 2 tỷ USD nhờ EVFTA*, trong: <https://vietnambiz.vn/viet-nam-xuat-sieu-sang-duc-hon-2-ty-usd-nho-tan-dung-tot-evfta-20226167470933.htm> (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>69</sup> Viện Chiến lược và Chính sách tài chính (2020), *Doanh nghiệp cần nắm vững quy định của EVFTA để tăng xuất khẩu*, trong: [https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages\\_r/l/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM174493](https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages_r/l/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM174493) (truy cập ngày 10 tháng 07 năm 2022).

<sup>70</sup> Linh Chi (2022), *Chuyên gia Đức: EVFTA là trợ lực giúp Việt Nam phục hồi kinh tế*, trong: <https://baoquocte.vn/chuyen-gia-duc-evfta-la-tro-luc-giup-viet-nam-phuc-hoi-kinh-te-184056.html> (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>71</sup> Ngọc Hân (2021), *Thương mại Việt Nam – EU: Đóng góp tích cực từ EVFTA*, trong: <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/thuong-mai-viet-nam-eu-dong-gop-tich-cuc-tu-evfta.html> (truy cập ngày 10 tháng 07 năm 2022).

<sup>72</sup> Viện Chiến lược và Chính sách tài chính (2020, ngày 24 tháng 03, 16:14 PM), *Doanh nghiệp cần nắm vững quy định của EVFTA để tăng xuất khẩu*, trong: [https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages\\_r/l/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM174493](https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages_r/l/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM174493) (truy cập ngày 10 tháng 07 năm 2022).

<sup>73</sup> Ngọc Hân (2021), *Thương mại Việt Nam – EU: Đóng góp tích cực từ EVFTA*, trong: <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/thuong-mai-viet-nam-eu-dong-gop-tich-cuc-tu-evfta.html> (truy cập ngày 10 tháng 07 năm 2022).

<sup>74</sup> Viện Chiến lược và Chính sách tài chính (2020), *Doanh nghiệp cần nắm vững quy định của EVFTA để tăng xuất khẩu*, trong: [https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages\\_r/l/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM174493](https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages_r/l/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM174493) (truy cập ngày 10 tháng 07 năm 2022).

<sup>75</sup> Ngọc Hân (2021), *Thương mại Việt Nam – EU: Đóng góp tích cực từ EVFTA*, trong: <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/thuong-mai-viet-nam-eu-dong-gop-tich-cuc-tu-evfta.html> (truy cập ngày 10 tháng 07 năm 2022).

16,4% trong 4 tháng đầu năm 2022.<sup>76</sup> Ngày càng nhiều doanh nghiệp toàn cầu chuyển hướng đầu tư đến Việt Nam. Xu hướng này không chỉ là một hiện tượng tạm thời, mà trong thực tế còn mang tính chiến lược và lâu dài.<sup>77</sup> Điều đó có nghĩa là EVFTA không chỉ tạo ra những lợi thế đáng kể cho các hoạt động xuất khẩu của hàng may mặc Việt Nam, mà còn tránh việc phải lệ thuộc quá nhiều vào các thị trường truyền thống Hoa Kỳ và Nhật Bản.<sup>78</sup> Các mối quan hệ trao đổi thương mại giữa Việt Nam và EU phát triển tích cực sau gần hai năm thực hiện EVFTA.<sup>79</sup> Triển vọng xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam sang thị trường EU năm 2022 là rất khả quan. Tuy nhiên, EVFTA vừa là cơ hội vừa là thách thức đối với các hoạt động xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam.<sup>80</sup> Điều đó không chỉ đúng đối với các sản phẩm nông nghiệp, mà còn đối với gần như tất cả các mặt hàng của Việt Nam được xuất khẩu sang thị trường EU.

### 3. Kết luận

EVFTA là một hiệp định thương mại tự do toàn diện và chất lượng cao.<sup>81</sup> Sự ra đời và đưa vào áp dụng của EVFTA đánh dấu một bước phát triển mới và một cột mốc quan trọng trong quan hệ thương mại giữa Việt Nam và EU.<sup>82</sup> EVFTA có nhiều tác động tích cực đối với quá trình phát triển của Việt Nam.<sup>83</sup> Các động tích cực nhất của EVFTA đối với kinh tế Việt Nam thường xuất hiện trên lĩnh vực xuất nhập khẩu.<sup>84</sup> EU

---

<sup>76</sup> Linh Chi (2022), *Chuyên gia Đức: EVFTA là trợ lực giúp Việt Nam phục hồi kinh tế*, trong: <https://baoquocte.vn/chuyen-gia-duc-evfta-la-tro-luc-giup-viet-nam-phuc-hoi-kinh-te-184056.html> (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>77</sup> N.Bình (2022), *Doanh nghiệp Ấn Độ, Trung Quốc... chọn Việt Nam vì muốn tận dụng EVFTA*, trong: <https://tuoitre.vn/doanh-nghiep-an-do-trung-quoc-chon-viet-nam-vi-muon-tan-dung-evfta-2022052616051597.htm> (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>78</sup> Viện Chiến lược và Chính sách tài chính (2020), *Doanh nghiệp cần nắm vững quy định của EVFTA để tăng xuất khẩu*, trong: [https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages\\_r/l/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM174493](https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages_r/l/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM174493) (truy cập ngày 10 tháng 07 năm 2022).

<sup>79</sup> Ngọc Hân (2021), *Thương mại Việt Nam – EU: Đóng góp tích cực từ EVFTA*, trong: <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/thuong-mai-viet-nam-eu-dong-gop-tich-cuc-tu-evfta.html> (truy cập ngày 10 tháng 07 năm 2022).

<sup>80</sup> Bộ Công thương (2021), *Chuyên san EVFTA với thương mại Việt Nam, Chuyên ngành: Hàng nông sản*, tr. 43-45, trong: [https://trungtamwto.vn/file/21397/chuyen-san-evfta-voi-tm-vn\\_q4.2021\\_nganh-nong-san.pdf](https://trungtamwto.vn/file/21397/chuyen-san-evfta-voi-tm-vn_q4.2021_nganh-nong-san.pdf) (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>81</sup> Viện Chiến lược và Chính sách tài chính (2020), *Doanh nghiệp cần nắm vững quy định của EVFTA để tăng xuất khẩu*, trong: [https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages\\_r/l/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM174493](https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages_r/l/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM174493) (truy cập ngày 10 tháng 07 năm 2022).

<sup>82</sup> Công thông tin điện tử tỉnh Quảng Nam (2021), *Những mốc quan trọng của EVFTA*, trong: [https://quangnam.gov.vn/webcenter/portal/ubnd/pages\\_tin-tuc/chi-tiet?dDocName=PORTAL114325](https://quangnam.gov.vn/webcenter/portal/ubnd/pages_tin-tuc/chi-tiet?dDocName=PORTAL114325) (truy cập ngày 10 tháng 07 năm 2022).

<sup>83</sup> Ngọc Hân (2021), *Thương mại Việt Nam – EU: Đóng góp tích cực từ EVFTA*, trong: <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/thuong-mai-viet-nam-eu-dong-gop-tich-cuc-tu-evfta.html> (truy cập ngày 10 tháng 07 năm 2022).

<sup>84</sup> Phan Linh (2021), *Tác động của các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đến việc phát triển công nghiệp vật liệu của Việt Nam*, trong: <https://moit.gov.vn/tin-tuc/phat-trien-cong-nghiep/tac-dong-cua-cac-hiep-dinh->



là một trong các thị trường xuất khẩu nông sản lớn nhất của Việt Nam. Nhu cầu nhập khẩu các mặt hàng rau quả của thị trường EU lên tới khoảng 100 tỷ USD mỗi năm. Các lợi thế EVFTA được dự đoán sẽ mang đến nhiều cơ hội xuất khẩu của các mặt hàng rau quả Việt Nam sang EU trong năm 2022. Doanh thu của các sản phẩm rau quả xuất khẩu sang thị trường EU trong năm 2022 sẽ đạt khoảng 200 triệu USD. Mức độ tăng trưởng của các hoạt động xuất khẩu rau quả sẽ tăng khoảng 10-15% so với năm 2021.<sup>85</sup> Mặc dù vậy, EVFTA cũng đặt ra không ít thách thức cho các hoạt động xuất khẩu hàng hóa nói riêng và các hoạt động thương mại của Việt Nam nói chung.<sup>86</sup> Điều đó có nghĩa là EVFTA là một trong những trợ lực quan trọng đã góp phần giúp Việt Nam vượt qua được nhiều khó khăn trước mắt trong bối cảnh đại dịch Covid-19 và đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong quá trình phục hồi nền kinh tế thời gian vừa qua, nhưng những thách thức phía trước không phải là ít.<sup>87</sup>

EU là một thị trường khó tính, có nhiều chính sách bảo vệ người tiêu dùng chặt chẽ, và đặt ra nhiều yêu cầu chất lượng đối với các sản phẩm nhập khẩu.<sup>88</sup> Ví dụ, các mặt hàng dệt may phải chuyển đổi mã hàng hoá đối với các mặt hàng xơ, sợi, vải (từ chương 50-60), trong khi các hoạt động dệt phải đi liền với các hoạt động may đối với các mặt hàng may mặc (HS61-63). Các mặt hàng da giày cũng được yêu cầu chuyển đổi mã hàng hoá hoặc tỉ lệ nội khối của các sản phẩm (HS 42, 43, và 64).<sup>89</sup> Trong khi đó, không ít phương thức nuôi trồng và thực tiễn sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam vẫn chưa phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế.<sup>90</sup> Việc đáp ứng các quy tắc xuất xứ hàng

---

thuong-mai-tu-do-the-he-moi-den-viec-phat-trien-cong-nghiep-vat-lieu-cua-viet-nam.html (truy cập ngày 10 tháng 07 năm 2022).

<sup>85</sup> Bộ Công thương (2021), *Chuyên san EVFTA với thương mại Việt Nam, Chuyên ngành: Hàng nông sản*, tr. 3, 26, trong: [https://trungtamwto.vn/file/21397/chuyen-san-evfta-voi-tm-vn\\_q4.2021\\_nganh-nong-san.pdf](https://trungtamwto.vn/file/21397/chuyen-san-evfta-voi-tm-vn_q4.2021_nganh-nong-san.pdf) (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>86</sup> Hoàng Anh (2022), *Việt Nam xuất siêu sang Đức hơn 2 tỷ USD nhờ EVFTA*, trong: <https://vietnambiz.vn/viet-nam-xuat-sieu-sang-duc-hon-2-ty-usd-nho-tan-dung-tot-evfta-20226167470933.htm> (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>87</sup> Linh Chi (2022), *Chuyên gia Đức: EVFTA là trợ lực giúp Việt Nam phục hồi kinh tế*, trong: <https://baoquocte.vn/chuyen-gia-duc-evfta-la-tro-luc-giup-viet-nam-phuc-hoi-kinh-te-184056.html> (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>88</sup> Viện Chiến lược và Chính sách tài chính (2020), *Doanh nghiệp cần nắm vững quy định của EVFTA để tăng xuất khẩu*, trong: [https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages\\_r/l/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM174493](https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages_r/l/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM174493) (truy cập ngày 10 tháng 07 năm 2022).

<sup>89</sup> Phan Linh (2021), *Tác động của các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đến việc phát triển công nghiệp vật liệu của Việt Nam*, trong: <https://moit.gov.vn/tin-tuc/phat-trien-cong-nghiep/tac-dong-cua-cac-hiep-dinh-thuong-mai-tu-do-the-he-moi-den-viec-phat-trien-cong-nghiep-vat-lieu-cua-viet-nam.html> (truy cập ngày 10 tháng 07 năm 2022).

<sup>90</sup> Bộ Công thương (2021), *Chuyên san EVFTA với thương mại Việt Nam, Chuyên ngành: Hàng nông sản*, tr. 44, trong: [https://trungtamwto.vn/file/21397/chuyen-san-evfta-voi-tm-vn\\_q4.2021\\_nganh-nong-san.pdf](https://trungtamwto.vn/file/21397/chuyen-san-evfta-voi-tm-vn_q4.2021_nganh-nong-san.pdf) (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

hóa của EVFTA là một thách thức không nhỏ đối với các doanh nghiệp Việt Nam để có thể tận dụng các cơ hội thuế quan của EVFTA.<sup>91</sup>

Cùng lúc đó, việc xuất khẩu thép của Việt Nam vào EU không tiến triển đáng kể. Việc xuất khẩu thép của Việt Nam sang EU sẽ giảm khoảng 2-3% tới năm 2025 so với tình huống không có EVFTA. Tổng kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm thép của Việt Nam sang EU cũng giảm khoảng 1,4-2,3%.<sup>92</sup> Bên cạnh đó, EU là thị trường nông sản lớn thứ 3 của Việt Nam. Kim ngạch xuất khẩu lên đến khoảng 5,5 tỷ USD mỗi năm. Con số này chiếm khoảng 15% tổng giá trị sản xuất hàng nông sản của Việt Nam. Tuy nhiên, con số này chỉ chiếm 4% thị phần nông sản EU. Thực tế đó cho thấy tổng giá trị sản phẩm và tổng kim ngạch xuất khẩu của các sản phẩm nông nghiệp Việt Nam sang thị trường EU vẫn còn rất khiêm tốn và chưa tương xứng với tiềm năng xuất khẩu của nền nông nghiệp Việt Nam và nhu cầu nhập khẩu hàng nông sản của thị trường EU.<sup>93</sup> Tương tự như vậy, mặc dù mặt hàng rau quả của Việt Nam được đánh giá cao tại thị trường EU, nhưng chưa ác doanh nghiệp Việt Nam vẫn chưa tận dụng triệt để các cơ hội. Thị phần rau quả của Việt Nam tại EU vẫn còn hết sức khiêm tốn và chỉ chiếm chưa đến 1% nhu cầu của thị trường rộng lớn này.<sup>94</sup> Thậm chí có đến 80.000 tấn gạo hạn ngạch không đánh theo EVFTA của năm 2021 không được sử dụng hết.<sup>95</sup>

Năng lực nội tại của các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam còn tương đối hạn chế. Nhiều sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam vẫn chủ yếu được xuất khẩu dưới dạng thô, giá cả tương đối thấp, và chỉ tập trung vào 3 nhóm cà phê, trái cây, và hạt tiêu. Các quy định xuất nhập khẩu của EU thường thay đổi liên tục, nhưng khả năng cập nhật của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu là tương đối chậm.<sup>96</sup> Nhiều doanh nghiệp Việt Nam vẫn còn khó khăn trong việc tìm hiểu các cam kết và quy định của

<sup>91</sup> Hoàng Anh (2022), *Việt Nam xuất siêu sang Đức hơn 2 tỷ USD nhờ EVFTA*, trong: <https://vietnambiz.vn/viet-nam-xuat-sieu-sang-duc-hon-2-ty-usd-nho-tan-dung-tot-evfta-20226167470933.htm> (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>92</sup> Phan Linh (2021), *Tác động của các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đến việc phát triển công nghiệp vật liệu của Việt Nam*, trong: <https://moit.gov.vn/tin-tuc/phat-trien-cong-nghiep/tac-dong-cua-cac-hiep-dinh-thuong-mai-tu-do-the-he-moi-den-viec-phat-trien-cong-nghiep-vat-lieu-cua-viet-nam.html> (truy cập ngày 10 tháng 07 năm 2022).

<sup>93</sup> Bộ Công thương (2021), *Chuyên san EVFTA với thương mại Việt Nam, Chuyên ngành: Hàng nông sản*, tr. 43, trong: [https://trungtamwto.vn/file/21397/chuyen-san-evfta-voi-tm-vn\\_q4.2021\\_nganh-nong-san.pdf](https://trungtamwto.vn/file/21397/chuyen-san-evfta-voi-tm-vn_q4.2021_nganh-nong-san.pdf) (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>94</sup> Gia Thành (2022), *Tận dụng EVFTA đưa rau quả tới 'mảnh đất vàng' EU*, trong: <https://baoquocte.vn/tan-dung-evfta-dua-rau-qua-toi-manh-dat-vang-eu-183802.html> (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>95</sup> Hải An (2022), *Tận dụng ưu thế từ các FTA, nâng cao chất lượng, nông sản Việt tiếp tục 'bay cao, bay xa'*, trong: <https://baoquocte.vn/tan-dung-uu-the-tu-cac-fta-nang-cao-chat-luong-nong-san-viet-tiep-tuc-bay-cao-bay-xa-176415.html> (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>96</sup> Bộ Công thương (2021), *Chuyên san EVFTA với thương mại Việt Nam, Chuyên ngành: Hàng nông sản*, tr. 44-45, trong: [https://trungtamwto.vn/file/21397/chuyen-san-evfta-voi-tm-vn\\_q4.2021\\_nganh-nong-san.pdf](https://trungtamwto.vn/file/21397/chuyen-san-evfta-voi-tm-vn_q4.2021_nganh-nong-san.pdf) (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

EVFTA.<sup>97</sup> Trong khi vấn đề sở hữu trí tuệ được thị trường EU hết sức coi trọng, thì nhiều doanh nghiệp Việt Nam vẫn chưa quan tâm đúng mức.<sup>98</sup>

EVFTA vừa là một thời cơ hiếm có, nhưng đồng thời cũng là một thách thức không hề đơn giản đối với các hoạt động xuất nhập khẩu của hàng hóa Việt Nam sang thị trường EU.<sup>99</sup> Doanh nghiệp Việt cần tận dụng triệt để các lợi thế của EVFTA và đưa ra được các chiến lược xuất khẩu dài hơi sang thị trường EU.<sup>100</sup> Các doanh nghiệp xuất khẩu nông sản của Việt Nam cần tập trung tối đa mọi nguồn lực có thể để nhanh chóng cải thiện thị phần các sản phẩm nông nghiệp của mình đối với thị trường quan trọng này trước khi EU thiết lập các FTA mới với các đối thủ cạnh tranh khác.<sup>101</sup> Ví dụ, nhiều doanh nghiệp nông nghiệp Việt Nam đang tận dụng cao tốc EVFTA để tăng cường xuất khẩu các sản phẩm được chế biến từ hạt điều sang thị trường EU.<sup>102</sup> Trong khi đó, ngành nông nghiệp đang nỗ lực đàm phán với các bên liên quan của EU để tiếp tục mở rộng danh mục các mặt hàng được xuất khẩu chính ngạch vào thị trường này.<sup>103</sup>

Việt Nam cần nâng cao chất lượng các mặt hàng thế mạnh để đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe của EU.<sup>104</sup> Các mặt hàng dệt may và da giày của Việt Nam muốn xâm nhập vào thị trường EU mà không bị đánh thuế, thì không được nhập khẩu nguyên vật liệu đầu vào từ các nước ngoài khu vực. Thay vào đó, các doanh nghiệp ngành dệt may và da giày của Việt Nam cần phải mua nguyên vật liệu đầu vào từ các nước thành viên EU hoặc tự sản xuất ở trong nước.<sup>105</sup> Các mặt hàng nông sản phục vụ xuất khẩu

---

<sup>97</sup> Linh Chi (2022), *Chuyên gia Đức: EVFTA là trợ lực giúp Việt Nam phục hồi kinh tế*, trong: <https://baoquocte.vn/chuyen-gia-duc-evfta-la-tro-luc-giup-viet-nam-phuc-hoi-kinh-te-184056.html> (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>98</sup> Bộ Công thương (2021), *Chuyên san EVFTA với thương mại Việt Nam, Chuyên ngành: Hàng nông sản*, tr. 45, trong: [https://trungtamwto.vn/file/21397/chuyen-san-evfta-voi-tm-vn\\_q4.2021\\_nganh-nong-san.pdf](https://trungtamwto.vn/file/21397/chuyen-san-evfta-voi-tm-vn_q4.2021_nganh-nong-san.pdf) (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>99</sup> Bộ Công thương (2021), *Nông sản Việt Nam một năm hái quả ngọt từ Hiệp định EVFTA*, trong: <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/hiiep-dinh-evfta/nong-san-viet-nam-mot-nam-hai-qua-ngot-tu-hiep-dinh-evfta.html> (truy cập ngày 10 tháng 07 năm 2022).

<sup>100</sup> Gia Thành (2022), *Tận dụng EVFTA đưa rau quả tới 'mảnh đất vàng' EU*, trong: <https://baoquocte.vn/tan-dung-evfta-dua-rau-qua-toi-manh-dat-vang-eu-183802.html> (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>101</sup> Bộ Công thương (2021), *Chuyên san EVFTA với thương mại Việt Nam, Chuyên ngành: Hàng nông sản*, tr. 43-44, trong: [https://trungtamwto.vn/file/21397/chuyen-san-evfta-voi-tm-vn\\_q4.2021\\_nganh-nong-san.pdf](https://trungtamwto.vn/file/21397/chuyen-san-evfta-voi-tm-vn_q4.2021_nganh-nong-san.pdf) (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>102</sup> Văn Chi (2022), *Xuất khẩu ngày 13-15/5: Chuyên gia 'mách chiêu' để nông sản Việt 'lấy lòng' thị trường Hoa Kỳ; tận dụng tối đa 'cao tốc' EVFTA*, trong: <https://baoquocte.vn/xuat-khau-ngay-13-155-chuyen-gia-mach-chieu-de-nong-san-viet-lay-long-thi-truong-hoa-ky-tan-dung-toi-da-cao-toc-evfta-183786.html> (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>103</sup> Hải An (2022), *Tận dụng ưu thế từ các FTA, nâng cao chất lượng, nông sản Việt tiếp tục 'bay cao, bay xa'*, trong: <https://baoquocte.vn/tan-dung-uu-the-tu-cac-fta-nang-cao-chat-luong-nong-san-viet-tiep-tuc-bay-cao-bay-xa-176415.html> (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>104</sup> Bộ Công thương (2021), *Chuyên san EVFTA với thương mại Việt Nam, Chuyên ngành: Hàng nông sản*, tr. 43, trong: [https://trungtamwto.vn/file/21397/chuyen-san-evfta-voi-tm-vn\\_q4.2021\\_nganh-nong-san.pdf](https://trungtamwto.vn/file/21397/chuyen-san-evfta-voi-tm-vn_q4.2021_nganh-nong-san.pdf) (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>105</sup> Phan Linh (2021), *Tác động của các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đến việc phát triển công nghiệp vật liệu của Việt Nam*, trong: <https://moit.gov.vn/tin-tuc/phat-trien-cong-nghiep/tac-dong-cua-cac-hiep-dinh->

của Việt Nam cần đáp ứng các quy định nguồn gốc xuất xứ của hàng hoá. Cả người sản xuất lẫn doanh nghiệp xuất khẩu phải áp dụng các công nghệ truy xuất nguồn gốc sản phẩm vào trong từng quá trình sản xuất các sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu.<sup>106</sup> Ngành nông nghiệp sẽ phải đẩy mạnh cấp mã số vùng trồng và vùng nuôi để không chỉ đáp ứng các điều kiện xuất khẩu khắt khe sang thị trường EU, mà còn có thể đẩy mạnh các hoạt động xuất khẩu sang tất cả các thị trường khó tính khác Mỹ, Nhật Bản, Úc... Các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam cần phải được tiếp tục hoàn thiện chuỗi sản xuất, nâng cao chất lượng hàng hóa, và cải thiện khả năng truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Việc này chỉ có thể được hoàn thành cùng với việc tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng thích ứng với các tiêu chí và tiêu chuẩn khắt khe của thị trường EU.<sup>107</sup>

Năng lực hoạt động của các doanh nghiệp xuất khẩu cần phải được nâng cao, trong khi các hoạt động xúc tiến thương mại đối với thị trường EU cần phải được đẩy mạnh hơn nữa. Các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam cần tích cực tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại với các đối tác EU để tìm kiếm các nguồn nguyên liệu nội khối và mở rộng danh sách bạn hàng. Tuy nhiên, mấu chốt của vấn đề vẫn là chú trọng vào việc phát triển và khai thác các vùng nguyên liệu trong nước. Việc xây dựng và phát triển các thương hiệu mạnh đang là một trong những vấn đề thiết yếu đối với các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam hiện nay.<sup>108</sup> Các doanh nghiệp Việt Nam cần thường xuyên cập nhật các quy định và thủ tục nhập khẩu của EU để tìm hiểu các cam kết thuế quan mà EU dành cho Việt Nam.<sup>109</sup> Các doanh nghiệp Việt Nam cần phải nắm vững các quy định của EVFTA. Quan trọng nhất trong số này là các thủ tục và quy trình chứng nhận xuất xứ hàng hóa.<sup>110</sup>

---

thuong-mai-tu-do-the-he-moi-den-viec-phat-trien-cong-nghiep-vat-lieu-cua-viet-nam.html (truy cập ngày 10 tháng 07 năm 2022).

<sup>106</sup> Bộ Công thương (2021), *Chuyên san EVFTA với thương mại Việt Nam, Chuyên ngành: Hàng nông sản*, tr. 44, trong: [https://trungtamwto.vn/file/21397/chuyen-san-evfta-voi-tm-vn\\_q4.2021\\_nganh-nong-san.pdf](https://trungtamwto.vn/file/21397/chuyen-san-evfta-voi-tm-vn_q4.2021_nganh-nong-san.pdf) (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>107</sup> Hải An (2022), *Tận dụng ưu thế từ các FTA, nâng cao chất lượng, nông sản Việt tiếp tục ‘bay cao, bay xa’*, trong: <https://baoquocte.vn/tan-dung-uu-the-tu-cac-fta-nang-cao-chat-luong-nong-san-viet-tiep-tuc-bay-cao-bay-xa-176415.html> (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>108</sup> Bộ Công thương (2021), *Chuyên san EVFTA với thương mại Việt Nam, Chuyên ngành: Hàng nông sản*, tr. 42, 44-45, trong: [https://trungtamwto.vn/file/21397/chuyen-san-evfta-voi-tm-vn\\_q4.2021\\_nganh-nong-san.pdf](https://trungtamwto.vn/file/21397/chuyen-san-evfta-voi-tm-vn_q4.2021_nganh-nong-san.pdf) (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>109</sup> Hoàng Anh (2022), *Việt Nam xuất siêu sang Đức hơn 2 tỷ USD nhờ EVFTA*, trong: <https://vietnambiz.vn/viet-nam-xuat-sieu-sang-duc-hon-2-ty-usd-nho-tan-dung-tot-evfta-20226167470933.htm> (truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2022).

<sup>110</sup> Viện Chiến lược và Chính sách tài chính (2020), *Doanh nghiệp cần nắm vững quy định của EVFTA để tăng xuất khẩu*, trong: [https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages\\_r/l/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM174493](https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages_r/l/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM174493) (truy cập ngày 10 tháng 07 năm 2022).

# **ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO GIỮA VIỆT NAM VÀ LIÊN MINH CHÂU ÂU ĐỐI VỚI THƯƠNG MẠI SONG PHƯƠNG**

*Nguyễn Thị Thơ*

**Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh**

**Tóm tắt:** Bài viết này nhằm ước tính hiệu ứng ròng đối với khối lượng hàng hóa cảng được tạo ra bởi Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EU) bằng cách phân tích thực nghiệm về hàng hóa cảng, sử dụng các mô hình trọng lực. Kết quả thử nghiệm của chúng tôi cho thấy các hiệu ứng ròng của EVFTA có tác động tích cực đáng kể tới thương mại song phương cả hai bên và nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ phía EU. Tuy nhiên, kết quả ước lượng lại không thể hiện rõ tác động tích cực từ Hiệp định tới xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang các nước EU. Từ kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đưa ra một số hàm ý chính sách nhằm tận dụng tốt hơn các cơ hội từ việc ký kết hiệp định EVFTA.

## **1. Giới thiệu**

Mục đích chính của Hiệp định thương mại tự do (FTA) là thúc đẩy thương mại quốc tế giữa các quốc gia liên quan cho phép cải thiện phân bổ nguồn lực. Với việc tăng cường năng suất và tích lũy vốn trong quá trình này, nó sẽ dẫn đến tăng trưởng kinh tế lâu dài. Các FTA đang trở thành một đặc điểm nổi bật trong hệ thống thương mại thế giới: năm 1990, 27 FTA đã được báo cáo lên GATT và con số này tăng lên 421 vào tháng 12 năm 2008.<sup>1</sup> Hơn 90% thành viên của WTO là thành viên tham gia các FTA. Sự gia tăng đáng kể các FTA này được thúc đẩy bởi sự thất bại của các cuộc đàm phán thương mại quốc tế tại WTO.<sup>2</sup> Các tác động có thể có của các FTA sau khi được ký kết có thể là GDP, cán cân thương mại, điều khoản thương mại, giá trị xuất nhập khẩu trong một lĩnh vực cụ thể, sản lượng và giá trị thương mại trong các lĩnh vực khác nhau trong nước, phúc lợi quốc gia (Witada, 2015).

Chính phủ Việt Nam đã có nhiều nỗ lực ký kết FTA với các đối tác giao dịch quan trọng của mình trên thế giới. Kết quả là, tính đến tháng 9/2020, Việt Nam đã có

<sup>1</sup> WTO website, “Regional Trade Agreement”, <[www.wto.org/english/tratop\\_e/region\\_e/region\\_e.htm](http://www.wto.org/english/tratop_e/region_e/region_e.htm)>.

<sup>2</sup> Mitsuo Matsushita (2010), “Proliferation of Free Trade Agreements and Development Perspectives”, Law and Development Institute Inaugural Conference, Sydney, Australia, October 2010.

13 FTA có hiệu lực và hiện đang đàm phán 03 FTA. Trong số 13 FTA đã có hiệu lực và đang triển khai, Hiệp định Đối tác toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) là FTA thế hệ mới đầu tiên mà Việt Nam tham gia, tiếp theo đó là Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Châu Âu (EVFTA).

**Bảng 1. Các hiệp định thương mại tự do (FTA) Việt Nam đã tham gia**

| STT | Tên viết tắt | Tên đầy đủ   | Năm có hiệu lực |
|-----|--------------|--|-----------------|
| 1   | AFTA         | Khu vực Mậu dịch Tự do ASEAN                                 | 1993            |
| 2   | ACFTA        | Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN-Trung Quốc                  | 2003            |
| 3   | AKFTA        | Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN-Hàn Quốc                    | 2007            |
| 4   | AJCEP        | Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản         | 2008            |
| 5   | VJEPA        | Hiệp định Đối tác Kinh tế Việt Nam-Nhật Bản                  | 2009            |
| 6   | AIFTA        | Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN - Ấn Độ                     | 2010            |
| 7   | AANZFTA      | Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN -Australia-New Zealand      | 2010            |
| 8   | VCFTA        | Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Chi Lê                 | 2014            |
| 9   | VKFTA        | Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Hàn Quốc               | 2015            |
| 10  | VN-EAEU FTA  | Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Liên minh Kinh tế Á Âu | 2016            |
| 11  | CPTPP        | Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương | 2018            |
| 12  | AHKFTA       | Hiệp định Thương mại tự do ASEAN và Hồng Kông (Trung Quốc)   | 2019            |
| 13  | EVFTA        | Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Châu Âu      | 2020            |
| 14  | VN-EFTA FTA  | Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và Khối EFTA        | Đang đàm phán   |
| 15  | RCEP         | Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực                  |                 |
| 16  | VIFTA        | Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và Isarel           |                 |

*Nguồn: Đề cương tuyên truyền về hội nhập kinh tế quốc tế, Tài liệu gửi kèm theo Công văn số: 1288/TTCS-TT ngày 30/12/2020.*

Trong các hiệp định được ký kết, EVFTA được kỳ vọng mang đến nhiều cơ hội và lợi ích cho nền kinh tế - xã hội Việt Nam. EVFTA là FTA thế hệ mới quan trọng mà Việt Nam tham gia. Việc kết thúc đàm phán, ký kết và tiến tới phê chuẩn Hiệp định là một chặng đường dài với sự nỗ lực, cố gắng và quyết tâm chính trị rất cao của Đảng và Nhà nước ta. Đây cũng là một Hiệp định toàn diện, chất lượng cao, cân bằng về lợi ích cho cả Việt Nam và EU, đồng thời phù hợp với các quy định của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Hiệp định gồm 17 chương, 2 nghị định thư và một số biên bản ghi nhớ kèm theo với các nội dung chính, đó là: Thương mại hàng hóa (gồm

các quy định chung và cam kết mở cửa thị trường); quy tắc xuất xứ, hải quan và thuận lợi hóa thương mại; các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm; các rào cản kỹ thuật trong thương mại; thương mại dịch vụ, đầu tư, phòng vệ thương mại; cạnh tranh, doanh nghiệp nhà nước; mua sắm của Chính phủ, sở hữu trí tuệ; thương mại và phát triển bền vững, hợp tác và xây dựng năng lực; các vấn đề pháp lý - thể chế.

Tính đến nay, Hiệp định EVFTA có hiệu lực gần 2 năm kể từ ngày ký. Việc đo lường tác động của Hiệp định tới nền kinh tế Việt Nam là rất cần thiết. Bài viết nhằm đo lường các tác động về mặt giá trị thương mại của Hiệp định này đối với các quốc gia liên quan.

## **2. Tổng quan nghiên cứu**

Đã có một số nghiên cứu nhằm phân tích tác động tác động của hiệp định EVFTA đối với nền kinh tế Việt Nam (Nguyễn Đức Thành, Phạm Văn Long, Phan Nhật Quang, Đỗ Thị Lê (2021); Nguyễn Tiến Hoàng, Trần Thị Vân (2021); Duc Trong Tran, Van Thu Bui, Ngoc Minh Vu, Tung Son Pham, Hue Minh Truong, Thuy Thu Dang, Tu Van Trinh (2021)). Dựa trên dữ liệu thương mại giữa các đối tác EVFTA, các mô hình phân tích khác nhau đã được phát triển để ước tính các tác động đến sản xuất, giá trị gia tăng và việc làm. Tác động (lợi ích) của việc cắt giảm và loại bỏ thuế quan được tập trung nghiên cứu theo cả phương pháp định tính và định lượng. Nguyễn Đức Thành, Phạm Văn Long, Phan Nhật Quang, Đỗ Thị Lê (2021) đã tóm tắt những điểm chính của hiệp định EVFTA. Sau đó, đánh giá tổng thể tác động của EVFTA đến nền kinh tế Việt Nam sau khi có hiệu lực và tìm ra những thay đổi trong hành vi của nhân viên Chính phủ, các nhà hoạch định chính sách và các chủ doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh mới. Cuối cùng, trong bối cảnh đại dịch COVID-19 lúc bấy giờ, nhóm tác giả đã đề xuất và khuyến nghị nhằm cải tiến các chính sách, các quy định và luật pháp nhằm đáp ứng với các yêu cầu của Hiệp định. Nguyễn Tiến Hoàng, Trần Thị Vân (2021) phân tích tác động thuế quan của EVFTA đối với nhập khẩu dược phẩm của Việt Nam từ thị trường EU, bao gồm 4 nhóm tác động: tác động tạo thương mại, tác động chuyển hướng thương mại, thu thuế và tác động phúc lợi. Để đánh giá tác động của chính sách thuế quan trong EVFTA đối với nhập khẩu dược phẩm, nhóm tác giả sử dụng mô hình SMART cùng với phân tích định tính. Theo đó, kết quả nghiên cứu cho thấy tác động tạo ra thương mại được kỳ vọng sẽ lớn hơn tác động chuyển hướng thương mại, tổng thu thuế quan sẽ giảm trong khi phúc lợi xã hội

được dự đoán sẽ tăng lên khi EVFTA có hiệu lực. Trên cơ sở phân tích, các khuyến nghị cho chính phủ, doanh nghiệp và các bên liên quan được đưa ra. Duc Trong Tran, Van Thu Bui, Ngoc Minh Vu, Tung Son Pham, Hue Minh Truong, Thuy Thu Dang, Tu Van Trinh (2021) sử dụng phương pháp phân tích định lượng thông qua mô hình WITS-SMART với dữ liệu về kim ngạch xuất khẩu và cắt giảm thuế quan song song với việc phân tích sự thay đổi của các nhân tố ảnh hưởng đến dòng chảy thương mại trái cây giữa hai thị trường khi EVFTA có hiệu lực. Kết quả là, nhập khẩu trái cây của Việt Nam từ EU dự kiến sẽ leo thang 29,18% vào năm 2021, trong khi dòng xuất khẩu sẽ chỉ nhích lên 0,955%, khá thấp so với mức tăng giá trị nhập khẩu. Do đó, Việt Nam phải đưa ra các chính sách hiệu quả để đổi mới phương thức sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm, để EVFTA có thể được sử dụng để thúc đẩy xuất khẩu trái cây của Việt Nam sang EU. Ủy ban châu Âu (2018) thực hiện nghiên cứu sử dụng mô hình cân bằng tổng thể nhằm phân tích tác động của Hiệp định EVFTA đối với EU và Việt Nam, trong đó ngành dược phẩm được đưa vào phân tích như một khía cạnh của tác động kinh tế. Kết quả nghiên cứu thể hiện xuất khẩu của EU sang Việt Nam sẽ tăng lên khoảng 29%, ngược lại, xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường EU dự đoán sẽ tăng lên 18%. Cụ thể, tác động lớn nhất đối với nhập khẩu của Việt Nam từ EU thuộc về mặt hàng phương tiện xe cơ giới với giá trị tăng lên tới 1,5 tỷ Euro, đứng thứ hai là ngành hóa chất, trong đó có nhóm mặt hàng dược phẩm, ước tính tăng 655 triệu Euro.

Tuy nhiên, có thể thấy, trong các nghiên cứu trên, chưa có nghiên cứu nào ứng dụng mô hình trọng lực nhằm chỉ ra mức độ tác động của hiệp định này tới nền kinh tế các nước liên quan. Bài viết này áp dụng mô hình trọng lực để ước tính tác động thuế quan của hiệp định EVFTA đối với cả giá trị xuất khẩu, nhập khẩu, và tổng xuất nhập khẩu của Việt Nam và các nước thuộc Liên minh châu Âu.

### **3. Mô hình phân tích thực nghiệm**

#### **3.1. Mô hình nghiên cứu**

Hiệp định EVFTA có mang lại tác động như tích cực đến các ngành cụ thể như dự kiến ban đầu? Để trả lời các câu hỏi này, các phương pháp tiếp cận tiếp cận hậu kỳ trả lời câu hỏi này bằng cách ước tính điều gì sẽ xảy ra đối với các dòng thương mại nếu không có FTA. Do đó phải tạo ra một kịch bản ngược lại so với thực tế, từ đó so sánh dòng chảy giả định và dòng chảy thực tế. Bằng cách này, mô hình trọng lực được dùng để ước tính mức độ thay đổi trong dòng chảy thương mại tới các nước liên quan.



Mô hình trọng lực ngày nay đã rất phổ biến trong tài liệu, được sử dụng rộng rãi để mô hình hóa thương mại nông nghiệp và nghiên cứu tác động thực nghiệm của các hiệp định thương mại. Ban đầu, mô hình bắt nguồn từ mô hình trọng lực được rút ra từ Định luật vạn vật hấp dẫn của Newton năm 1687. Người đầu tiên đưa ra ý tưởng là Ravenstein (1885), sau đó Tinbergen lần đầu tiên xây dựng phương trình kinh tế lượng cho mô hình này với ba biến đơn giản là thu nhập quốc gia  $i$  (quốc gia xuất khẩu), thu nhập quốc gia  $j$  (quốc gia nhập khẩu) và khoảng cách hai quốc gia. Cho đến nay, các kết quả nghiên cứu của mô hình đã giải thích được gần như tuyệt đối các vấn đề của mô hình trọng lực truyền thống ban đầu.

Để đạt được kết quả nghiên cứu chính xác, không chệch, đáng tin cậy, làm cơ sở cung cấp thông tin cho các nhà hoạch định chính sách, mô hình cần đảm bảo phù hợp trong cả ba vấn đề là: lựa chọn biến, lựa chọn dữ liệu, lựa chọn phương pháp ước lượng. Nhiều nhà kinh tế lượng đã tập trung nghiên cứu việc lựa chọn biến để đảm bảo một mô hình tốt nhất. Trong đó, Baltagi (2003) đã dựa trên nền tảng cơ bản của mô hình trọng lực, kết hợp các lý thuyết của các nhà khoa học thuộc trường phái Thương mại mới (Helpman và Krugman, 1985) rằng thương mại song phương phụ thuộc vào lợi thế theo quy mô của các quốc gia đó, cũng như sự tương đồng về quy mô như theo lý thuyết của Linder (1963), và sự khác biệt hóa sản phẩm để chỉ ra ba biến quan trọng có ảnh hưởng đến thương mại song phương đó là: Tổng GDP thực tế của hai quốc gia làm thước đo quy mô tổng thể song phương hai quốc gia; (2) chỉ số tương đồng của hai đối tác thương mại GDP như một thước đo về tính tương đồng về quy mô quốc gia giữa hai quốc gia; (3) và sự khác biệt tuyệt đối về các yếu tố tài trợ. Kết quả nghiên cứu được nhiều nhà khoa học khác ứng dụng và mang lại kết quả tốt. Trong nghiên cứu này, tác giả giữ nguyên biến khoảng cách địa lý như mô hình trọng lực gốc để đo lường ảnh hưởng của chi phí vận chuyển. Đồng thời, bổ sung các biến như trong nghiên cứu của Baltagi (2003) như đã nói ở trên. Như vậy, các biến được lựa chọn đưa vào mô hình như sau:

**Bảng 1: Nguồn dữ liệu nghiên cứu**

| TT | Tên biến   | Ký hiệu    | Nguồn                              |
|----|--|------------|------------------------------------|
| 1  | Tổng giá trị xuất khẩu của Việt Nam sang các nước EU       | LEX        | Trung tâm thương mại quốc tế - ITC |
| 2  | Tổng giá trị nhập khẩu của Việt Nam sang các nước thuộc EU | LIMP       | Trung tâm thương mại quốc tế - ITC |
| 3  | Tổng sản phẩm quốc nội của Việt Nam                        | LGDPV<br>N | Ngân hàng Thế giới                 |

| TT | Tên biến   | Ký hiệu | Nguồn   |
|----|--|---------|---|
| 4  | Tổng sản phẩm quốc nội của nước thuộc EU   | LGDPJ   | Ngân hàng Thế giới  |
| 5  | Khoảng cách giữa tọa độ trung tâm của Việt Nam và tọa độ trung tâm của các nước thuộc EU | LDIS    | <a href="https://distancecalculator.globefeed.com">https://distancecalculator.globefeed.com</a> |
| 6  | Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU   | LGDT    | ITC - Market Access Map   |
| 7  | Quy mô tổng thể song phương  |         |   |
| 8  | Sự tương đồng về quy mô song phương (LSIM)   | LSIM    | Tác giả tính toán dựa trên nguồn của Ngân hàng thế giới   |
| 9  | Sự khác biệt về yếu tố tài trợ   | LRFAC   | Tác giả tính toán dựa trên nguồn của Ngân hàng thế giới   |

Trong đó:

$$LGDT = \log(\text{GDPVN} + \text{GDPJ})$$

$$LSIM = \log[1 - (\text{GDPVN}/(\text{GDPVN} + \text{GDPJ}))^2 - (\text{GDPJ}/(\text{GDPVN} + \text{GDPJ}))^2]$$

$$LRFAC = |\log(\text{GDPVN}/\text{capitalVN}) - \log(\text{GDPJ}/\text{capitalJ})|$$

### 3.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp ước lượng OLS thông thường. Các phương trình ước lượng lúc này như sau:

- Mô hình 1:

$$LTRADE = \alpha + \beta_1 LGDT + \beta_2 LSIM + \beta_3 LFRAC + \beta_4 LDIS + \varepsilon_{ij}^t$$

- Mô hình 2:

$$LIMP = \alpha + \beta_1 LGDT + \beta_2 LSIM + \beta_3 LFRAC + \beta_4 LDIS + \varepsilon_{ij}^t$$

- Mô hình 3:

$$LEX = \alpha + \beta_1 LGDT + \beta_2 LSIM + \beta_3 LFRAC + \beta_4 LDIS + \varepsilon_{ij}^t$$

### 3.3. Dữ liệu nghiên cứu

Để đạt được phân tích thống kê có ý nghĩa, chúng tôi đã mở rộng tới đa giới hạn các quốc gia được đưa vào nghiên cứu. Theo đó, dữ liệu không gian bao gồm Việt Nam và 27 quốc gia thuộc Liên minh châu Âu EU hiện nay. Về thời gian, căn cứ vào mức độ khai thác tối đa các dữ liệu thương mại trên trang web của Trung tâm thương mại quốc tế - ITC (<https://www.trademap.org/>), tác giả sử dụng bộ dữ liệu thương mại từ 2001 đến 2020 (20 năm) để đưa vào nghiên cứu. Lưu ý rằng, đối tượng nghiên cứu ở đây bao gồm cả thương mại xuất khẩu tổng cộng tất cả các loại hàng hóa từ Việt Nam sang các nước thuộc EU và xuất khẩu tổng cộng tất cả hàng hóa từ các nước thuộc EU sang Việt Nam, và tổng thương mại hai chiều đối với tất cả các hàng hóa giữa Việt Nam và EU trong thời gian nghiên cứu.

**Bảng 2. Thống kê mô tả các biến đưa vào nghiên cứu**

| Biến    | Số quan sát | Giá trị trung bình | Độ lệch chuẩn | Giá trị nhỏ nhất | Giá trị lớn nhất |
|---------|-------------|--------------------|---------------|------------------|------------------|
| LTRADE1 | 540         | 11.98              | 2.27          | 0                | 16.18            |
| LEX1    | 540         | 11.45              | 2.58          | -6.91            | 15.78            |
| LIMP1   | 540         | 10.65              | 2.52          | 0                | 15.22            |
| LGDT    | 540         | 26.61              | 1.04          | 24.33            | 29.07            |
| LSIM    | 540         | -1.25              | 0.62          | -3.49            | -0.69            |
| LRFAC   | 540         | 1.93               | 0.45          | 1.04             | 3.27             |
| LDIS    | 540         | 9.12               | 0.09          | 8.96             | 9.32             |

Một số giá trị xuất khẩu, nhập khẩu, thương mại song phương giữa các quốc gia sẽ bằng 0 ở một số thời điểm (không có giao dịch với nhau). Điều này dẫn đến các logaris của các biến liên quan sẽ không có giá trị và bị loại bỏ. Để khắc phục vấn đề này, tác giả cộng thêm một giá trị nhỏ (0.001) để đảm bảo số quan sát tối ưu và không làm thay đổi đáng kể kết quả ước lượng như nhiều nghiên cứu vẫn thường làm.

### 3.4. Kết quả nghiên cứu

Trên Stata 14.0, tác giả tiến hành ước lượng mô hình trọng lực của thương mại giữa Việt Nam và nước EU bằng phương pháp OLS với các biến phụ thuộc lần lượt là giá trị xuất khẩu, giá trị nhập khẩu, thương mại song phương giữa Việt Nam và các nước EU. Kết quả thu được như sau:

#### - Mô hình 1

| LTRADE1 | Hệ số  | Độ lệch chuẩn | Hệ số p |
|---------|--------|---------------|---------|
| LGDT    | 2.19   | 0.07          | 0.00    |
| LSIM    | 0.79   | 0.14          | 0.00    |
| LDIS    | -1.22  | 0.49          | 0.02    |
| EVFTA   | 0.16   | 0.06          | 0.01    |
| LRFAC   | -0.16  | 0.17          | 0.35    |
| Hằng số | -33.96 | 3.80          | 0.00    |

#### - Mô hình 2

| LIMP1   | Hệ số  | Độ lệch chuẩn | Hệ số p |
|---------|--------|---------------|---------|
| LGDT    | 2.37   | 0.11          | 0.00    |
| LSIM    | 0.84   | 0.18          | 0.00    |
| LDIS    | -3.09  | 0.74          | 0.00    |
| EVFTA   | 0.21   | 0.06          | 0.00    |
| LRFAC   | 0.36   | 0.17          | 0.05    |
| Hằng số | -23.94 | 4.86          | 0.00    |

#### - Mô hình 3

| LEX1    | Hệ số  | Độ lệch chuẩn | Hệ số p |
|---------|--------|---------------|---------|
| LGDT    | 2.28   | 0.10          | 0.00    |
| LSIM    | 0.81   | 0.19          | 0.00    |
| LDIS    | -1.26  | 0.55          | 0.03    |
| EVFTA   | 0.01   | 0.09          | 0.93    |
| LRFAC   | -0.59  | 0.25          | 0.03    |
| Hằng số | -35.63 | 3.32          | 0.00    |

Kết quả nghiên cứu từ mô hình cho thấy, EVFTA có tác động tích cực đáng kể đối với nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ EU và tổng giá trị thương mại song phương giữa Việt Nam và EU. Đặc biệt là giá trị nhập khẩu hàng hóa. Đối với giá trị xuất khẩu của Việt Nam sang các nước EU, biên giả EVFTA không có ý nghĩa thống kê.

#### **4. Kết luận**

Như vậy, kết quả nghiên cứu cho thấy EVFTA sẽ thúc đẩy và gia tăng nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ EU khoảng 0.21% và dẫn tới tổng giá trị thương mại song phương tăng 0.16%. Điều này chứng tỏ, các doanh nghiệp EU đã khai thác tốt các lợi thế từ Hiệp định và đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa sang Việt Nam. Tuy nhiên, các doanh nghiệp Việt Nam thì vẫn chưa thể hiện rõ điều này. Điều này có thể do các doanh nghiệp Việt Nam vẫn chưa tận dụng được các cơ hội, hoặc hàng hóa của chúng ta chưa đạt các tiêu chuẩn chất lượng để thâm nhập vào thị trường này, hoặc các hàng rào phi thuế quan từ phía EU quá khắt khe và thay đổi liên tục khiến các doanh nghiệp của chúng ta không kịp thích ứng. Dựa trên những phân tích kết quả nghiên cứu và cơ sở khoa học, tác giả đưa ra một số hàm ý chính sách như sau: Thứ nhất, Chính phủ cần có các chính sách hỗ trợ, đặc biệt về vốn và công nghệ giúp các doanh nghiệp Việt Nam nâng cao chất lượng sản phẩm. Thứ hai, cần có các chỉ dẫn, hướng dẫn cụ thể để các doanh nghiệp hiểu rõ và nắm bắt được các quy định về tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm nói riêng và vượt qua các hàng rào phi thuế quan nói chung. Thứ ba, cần có các hội nghị, hội thảo và các chương trình phổ biến các điều khoản của Hiệp định tới doanh nghiệp. Điều này sẽ giúp các doanh nghiệp Việt Nam khai thác tốt hơn các lợi thế từ việc ký kết Hiệp định.

#### **Tài liệu tham khảo**

1. Nguyễn Đức Thành, Phạm Văn Long, Phan Nhật Quang, Đỗ Thị Lê (2021), Báo cáo đánh giá một năm thực hiện hiệp định EVFTA, Tác động đến nền kinh tế Việt Nam và sự thay đổi chính sách.
2. Nguyễn Tiến Hoàng, Trần Thị Vân (2021), Impacts of the EVFTA on the importation of pharmaceutical products from the EU into Vietnam, Tạp chí Nghiên cứu Tài chính – Marketing, số 61 – Tháng 02 Năm 2021, trang 64-81.
3. Duc Trong Tran, Van Thu Bui, Ngoc Minh Vu, Tung Son Pham, Hue Minh Truong, Thuy Thu Dang, Tu Van Trinh (2021) Impact of EVFTA on trade flows of

fruits between Vietnam and the EU, *Journal of Asian Finance, Economics and Business* Vol 8 No 5 (2021) 0607–0616.

4. European Union (2018), *The economic impact of the EU - Vietnam Free Trade Agreement*, Publications Office of the European Union.

5. Badi H. Baltagi, Peter Egger, Michael Pfaffermayr (2003), "A generalized design for bilateral trade flow models", *Economics Letters* 80 (2003) 391–397.

6. E. Helpman and P. Krugman (1985), *Market Structure and Foreign Trade, Increasing Returns, Imperfect Competition, and the International Economy*, MIT Press, Cambridge MA/London.

7. Witada Aunkoonwattaka (2015), *Tools for trade policy analysis: examples from impact assessment of FTAs, Myanmar and the Asia-Pacific region: Role of policy research in economic and trade reforms 19-21 February 2015*, Yangon.

# **CÁC BIỆN PHÁP PHI THUẾ QUAN MỚI TRONG BỐI CẢNH ĐẠI DỊCH COVID-19 VÀ NHỮNG ẢNH HƯỞNG ĐẾN XUẤT KHẨU CỦA VIỆT NAM**

*ThS. Nguyễn Minh Phương*  
Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam  
*ThS. Lê Thu Hà*  
Đại học Quốc gia Yokohama, Yokohama, Nhật Bản  
*PGS.TS. Vũ Hoàng Nam*  
Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

**Tóm tắt:** Trong những năm gần đây, hàng rào thuế quan không còn là vấn đề cốt yếu khi các doanh nghiệp cân nhắc và lựa chọn xuất khẩu. Hàng rào phi thuế quan hay các biện pháp phi thuế quan đã trở thành vấn đề đòi hỏi các doanh nghiệp, chính phủ cần quan tâm nhiều hơn, đặc biệt trong bối cảnh Đại dịch Covid-19. Bài viết xem xét các tác động của các biện pháp phi thuế quan được áp dụng trong năm 2020 tới các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam. Kết quả cho thấy có một xu hướng tăng áp dụng các biện pháp phi thuế quan trên thế giới. Việc này đã ảnh hưởng tới hoạt động xuất khẩu của Việt Nam. Từ đó, bài viết đề xuất một số gợi ý về chính sách đối với Chính phủ và doanh nghiệp để chủ động thích ứng với các biện pháp phi thuế quan mới sau này.

## **1. Đặt vấn đề**

Sau gần hai năm kể từ khi ca nhiễm Covid-19 đầu tiên được phát hiện ở Vũ Hán, Đại dịch Covid-19 đã lan rộng và có những ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi mặt kinh tế, xã hội ở hầu hết tất cả các quốc gia trên thế giới (WHO, 2020). Tính đến tháng 7 năm 2021, tổ chức Y tế Thế giới (WHO) đã ghi nhận trên 184 triệu ca nhiễm trong đó có 3,9 triệu trường hợp tử vong có nguyên nhân bắt nguồn từ loại virus này (WHO, 2021).

Đại dịch Covid-19 không chỉ gây thiệt hại về con người, nó còn gây nên tác động rất lớn đến nền kinh tế toàn cầu. Đại dịch là nguyên nhân làm trầm trọng thêm sự mất cân đối trong cán cân thương mại giữa các nước, mất cân đối sản xuất và tiêu thụ hàng hóa. Trong bối cảnh hàng rào thuế quan đang dần được dỡ bỏ và các quốc gia tăng cường các biện pháp phi thuế quan (PTQ), đặc biệt là các rào cản kỹ thuật đối với

thương mại, các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động thực vật, chống trợ cấp, chống bán phá giá và tự vệ thì sự xuất hiện của Đại dịch Covid-19 càng làm gia tăng số lượng và tần suất xuất hiện của các biện pháp PTQ. Việc các quốc gia đối tác thương mại đặt ra các hàng rào phi thuế quan khắt khe là một thách thức lớn đối với xuất khẩu của Việt Nam. Trong khi thuế quan có mục tiêu chính sách, cách thức thực hiện tương đối rõ ràng và đơn giản, thì tiêu chí thực hiện của các biện pháp PTQ lại khá ngắn gọn, nên các nước (đặc biệt là các nước có kinh nghiệm về tranh chấp thương mại) có thể lợi dụng để gây khó khăn cho xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam.

Trên cơ sở tổng hợp các số liệu, dữ liệu thứ cấp và những đánh giá về việc áp dụng các biện pháp PTQ trên thế giới, bài viết tập trung phân tích những xu hướng áp dụng các biện pháp PTQ mới mà các quốc gia áp dụng đối với các mặt hàng nhập khẩu nói chung và các mặt hàng nhập khẩu từ Việt Nam nói riêng trong khoảng thời gian kể từ khi Đại dịch Covid-19 xuất hiện và bùng phát từ cuối năm 2019. Câu hỏi chính mà bài viết muốn hướng tới là liệu những biện pháp PTQ mới ngoài các biện pháp PTQ đã được áp dụng từ trước đó được triển khai để ứng phó với Đại dịch Covid-19 có thể trở thành những biện pháp PTQ được áp dụng lâu dài kể cả sau khi Đại dịch Covid-19 được kiểm soát và thương mại trở lại trạng thái bình thường hay không. Kết quả cho thấy, có khá nhiều biện pháp PTQ mới đã được các quốc gia áp dụng đối với hàng nhập khẩu, đặc biệt là các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động thực vật. Những biện pháp này có khả năng cao sẽ được tiếp tục duy trì và áp dụng đối với hàng nhập khẩu kể cả sau khi Đại dịch Covid-19 đã được kiểm soát hoàn toàn và thương mại quốc tế quay trở lại trạng thái bình thường. Đây là một trong những thách thức mới đối với các quốc gia có độ mở lớn và phụ thuộc nhiều vào xuất khẩu, đặc biệt là xuất khẩu các sản phẩm thuộc nhóm chịu ảnh hưởng của những biện pháp PTQ nói trên. Chính phủ, doanh nghiệp của các quốc gia như Việt Nam cần có sự chuẩn bị sẵn sàng cho khả năng này.

Bên cạnh đó, bài viết cũng cung cấp một số đánh giá bước đầu về ảnh hưởng của những biện pháp PTQ mới này đối với thương mại của Việt Nam trong thời gian qua. Kết quả nghiên cứu cho thấy những biện pháp PTQ mới này đã ảnh hưởng tới xuất khẩu của Việt Nam bên cạnh những tác động tiêu cực của Đại dịch Covid-19. Từ những phân tích, đánh giá đó, bài viết đề xuất một số gợi ý về chính sách, giải pháp

đối với Chính phủ và doanh nghiệp Việt Nam để có thể chủ động thay đổi và thích ứng trong thời gian tới.

## **2. Đại dịch Covid-19 và xu hướng tăng cường các biện pháp phi thuế quan mới**

Chính phủ 198 quốc gia đang gấp rút nghiên cứu và sản xuất vắc-xin và thuốc đặc trị để đối phó với Covid-19 (Reuters, 2021). Bên cạnh đó, tất cả các quốc gia đều đang đẩy nhanh tiến độ tiêm vắc-xin Covid-19 cho người dân, với mục tiêu tạo ra sự miễn dịch cộng đồng để các nước có thể trở lại trạng thái bình thường. Tuy nhiên, các biến thể ngày càng nguy hiểm đã xuất hiện. Biến thể Delta đã và đang gây ra những đợt dịch mới có tốc độ lan truyền nhanh hơn và nguy hiểm hơn (WHO, 2021). Các quốc gia một lần nữa phải xem xét lại các điều kiện mở cửa của mình, cũng như trì hoãn quyết định bình thường hóa cuộc sống của người dân mà không cần sự can thiệp của các biện pháp phòng chống.

Đại dịch Covid-19 tiếp tục kéo dài hơn 20 tháng qua đã làm gián đoạn hoạt động thương mại, sản xuất và gây tổn hại nghiêm trọng cho toàn bộ nền kinh tế toàn thế giới (Baldwin & Mauro, 2020; Hassani & Dost, 2020). Tuy Đại dịch Covid-19 có những ảnh hưởng tới nhiều khía cạnh khác nhau của nền kinh tế các quốc gia, nhưng các nhà nghiên cứu nhất trí rằng xét tổng thể, những tác động tiêu cực đối với thương mại nội địa và thương mại quốc tế ở các quốc gia là rất nghiêm trọng. Thậm chí với 10 nước/vùng lãnh thổ có nền thương mại hàng đầu thế giới là: Mỹ, Trung Quốc, Anh, Đức, Pháp, Italy, Nhật Bản, Hàn Quốc, Hồng Kông, Ấn Độ cũng không tránh khỏi bị ảnh hưởng và thiệt hại nặng nề (Vidya & Prabheesh, 2020). Sản lượng và kim ngạch xuất khẩu giảm mạnh, đặc biệt là ở những ngành nghề và quốc gia nơi việc triển khai làm việc từ xa và điều hành từ xa được thực hiện không hiệu quả (Maliszewska và cộng sự, 2020). Tác động của Đại dịch Covid-19 đối với các nước nhập khẩu chủ yếu là do sự không chắc chắn trong tiêu dùng và những rủi ro trên thị trường tăng lên, dẫn tới tổng cầu giảm mạnh và nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm nhập khẩu sụt giảm nghiêm trọng (Boone và cộng sự, 2020; Hayakawa & Mukunoki, 2021; UNCTAD, 2021).

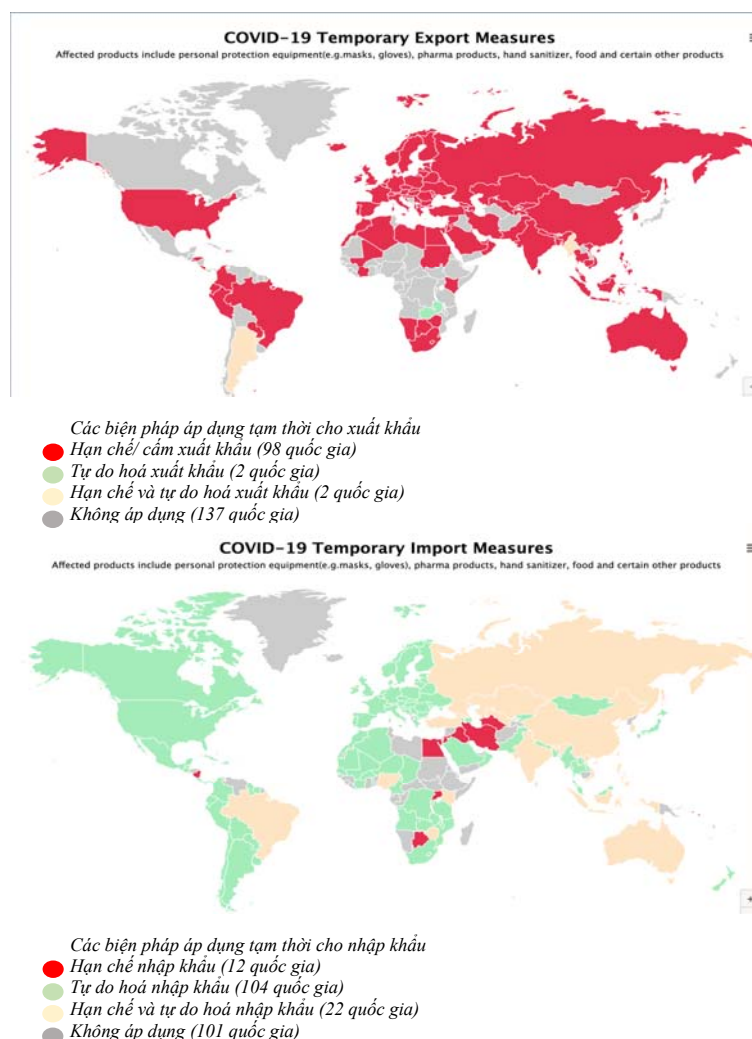
Thông thường khi cân nhắc để thay đổi chính sách thương mại, bất kỳ quốc gia nào cũng cần phải nghiên cứu rất kỹ, vì một thay đổi trong chính sách thương mại nội địa có thể tác động tới quan hệ thương mại, cạnh tranh và phúc lợi không chỉ của quốc gia ban hành chính sách mà còn tác động tới các nước đối tác một cách trực tiếp hoặc gián tiếp (Barua, 2020). Tuy nhiên, theo UNCTAD (2021), Đại dịch Covid-19 đã



khuyến hơn 140 quốc gia đã ngay lập tức đưa ra các biện pháp PTQ mới. Những biện pháp này phần lớn là để bảo vệ an ninh và an toàn của mỗi quốc gia trong những diễn biến ngày càng phức tạp của Đại dịch Covid-19. Một số biện pháp đã được triển khai nhằm đáp ứng với những thay đổi đột ngột về nhu cầu của thị trường ví dụ như đối với các hàng hoá thiết yếu và các hàng hoá y tế. Một số biện pháp đã được ban hành bởi những nước xuất khẩu nhằm đảm bảo an ninh lương thực và ổn định nguồn cung cho quốc gia. Trong khi một số biện pháp làm gia tăng thương mại thì một số khác được đặt ra với mục tiêu hạn chế hoạt động này.

Theo tổng hợp từ Macmap (2021), từ tháng 3 năm 2020 đến tháng 6 năm 2021, có 98 quốc gia đã áp dụng các biện pháp PTQ để kiểm soát xuất khẩu và 104 quốc gia đã tạo điều kiện thúc đẩy nhập khẩu với các biện pháp nhập khẩu nới lỏng hơn như đồng ý trả chậm, giảm thuế. Hình 1 tóm tắt dưới dạng biểu đồ từ Macmap về việc sửa đổi chính sách trong giai đoạn Covid-19 (từ tháng 2 năm 2020 đến tháng 6 năm 2021).

**Hình 1.** Bản đồ phân bố các chính sách xuất nhập khẩu trên thế giới 2020-2021



Nguồn: Macmap (2021)

Bảng 1 tổng hợp danh sách các hàng rào PTQ được các quốc gia trên thế giới áp dụng phổ biến trong bối cảnh đại dịch Covid-19 (UNCTAD, 2021):

**Bảng 1. Hàng rào PTQ phổ biến được các quốc gia sử dụng trong giai đoạn Covid-19**

| <b>Biện pháp tạo thuận lợi thương mại</b>   | <b>Biện pháp hạn chế thương mại</b>   |
|---|---|
| L41* Miễn, giảm thuế (tax) và các khoản thuế (duty), các ưu đãi tài chính khác để giảm gánh nặng các khoản thuế phải nộp khác | P31 Cấm xuất khẩu   |
| G4 Quy định liên quan đến điều khoản thanh toán cho hàng nhập khẩu  | P33 Các yêu cầu về giấy phép, cấp phép hoặc đăng ký để xuất khẩu                                  |
| E125* Cấp phép để bảo vệ sức khỏe cộng đồng   | A11 Cấm vì lý do SPS (vệ sinh và kiểm dịch động thực vật)   |
| A83* Yêu cầu chứng nhận vì lý do SPS (vệ sinh và kiểm dịch động thực vật)   | E313 Cấm tạm thời, bao gồm đình chỉ cấp giấy phép   |
| L11 Chuyển quỹ (chuyển tiền) của Chính phủ (cho doanh nghiệp) - Trợ cấp   | P32 Hạn ngạch xuất khẩu   |
| D12* Thuế chống bán phá giá   | P22 Yêu cầu giám sát và giám sát xuất khẩu  |
| B83* Yêu cầu chứng nhận đối vì lý do TBT (rào cản kỹ thuật đối với thương mại)  | E325 Cấm để bảo vệ sức khỏe cộng đồng   |
| L9 Hỗ trợ cho người tiêu dùng hoặc nhà sản xuất không được chỉ định ở nơi khác  | C9 Các thủ tục kiểm tra trước khi vận chuyển khác chưa được quy định ở nơi khác                   |
| B7* Các yêu cầu về chất lượng, an toàn hoặc hiệu suất của sản phẩm vì lý do TBT (hàng rào kỹ thuật đối với thương mại)        | B14 Yêu cầu cấp phép nhập khẩu một số sản phẩm vì lý do TBT (rào cản kỹ thuật đối với thương mại) |
| B14* Yêu cầu cấp phép nhập khẩu các sản phẩm nhất định vì lý do TBT (rào cản kỹ thuật đối với thương mại)                     |   |

\* Các biện pháp được nói lỏng để tạo thuận lợi cho thương mại

*Nguồn: UNCTAD (2021)*

Trong số 19 biện pháp PTQ được phổ biến áp dụng, các hàng rào PTQ được áp dụng tại bảy thị trường có lượng hàng hóa xuất nhập khẩu cao nhất năm 2020 bao gồm: Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức, Vương quốc Anh và Pháp được trình bày trong Bảng 2 dưới đây:

**Bảng 2. Các biện pháp PTQ do một số nước áp dụng  
trong bối cảnh đại dịch Covid-19**

| STT | Nước ban hành  | Số lượng biện pháp NK | Biện pháp   | Số lượng biện pháp XK | Biện pháp  |
|-----|----------------|-----------------------|---|-----------------------|--|
| 1   | Mỹ             | 4                     | Giảm thuế quan; Dỡ bỏ lệnh cấm; Hoãn thuế nhập khẩu   | 3                     | Các yêu cầu cấp phép hoặc cho phép để xuất khẩu; Cấm xuất khẩu       |
| 2   | Trung Quốc     | 5                     | Giảm thuế quan; Các lệnh cấm / hạn chế nhập khẩu vì lý do SPS; Cấm nhập khẩu; Các biện pháp đặc biệt để tạo điều kiện nhập khẩu | 2                     | Đánh giá sự phù hợp; Các yêu cầu cấp phép hoặc cho phép để xuất khẩu |
| 3   | Nhật Bản       | 3                     | Giảm thuế quan  | 0                     | -  |
| 4   | Hàn Quốc       | 3                     | Giảm thuế quan; Cấm nhập khẩu   | 4                     | Cấm xuất khẩu; Các yêu cầu cấp phép hoặc cho phép để xuất khẩu       |
| 5   | Đức            | 0                     | -   | 1                     | Các yêu cầu cấp phép hoặc cho phép để xuất khẩu                      |
| 6   | Vương quốc Anh | 3                     | Giảm thuế quan  | 2                     | Cấm xuất khẩu; Các yêu cầu cấp phép hoặc cho phép để xuất khẩu       |
| 7   | Pháp           | 0                     | -   | 1                     | Cấm xuất khẩu  |

*Nguồn: Macmap (2021) và WTO (2021)*

Các sản phẩm bị ảnh hưởng bởi các biện pháp PTQ này bao gồm: các sản phẩm cung cấp y tế (găng tay, thiết bị bảo hộ cá nhân, vaccine, khẩu trang, bộ lọc, ...), động vật (động vật hoang dã), nông sản (thịt, cá và hải sản,...). Một số biện pháp đã được áp dụng đối với một số sản phẩm của một số quốc gia nhất định, liên quan đến cuộc chiến tranh thương mại giữa các quốc gia liên quan ví dụ như giữa Hoa Kỳ, Trung Quốc và Malaysia. Còn lại, các biện pháp đều được áp dụng chung cho các dòng sản phẩm của tất cả các nước (Chi tiết xem thêm tại Phụ lục 1). Chỉ có một biện pháp để kích thích thương mại được bảy nước nói trên sử dụng chủ yếu là miễn hoặc giảm thuế đối với hàng hoá (L41), còn lại là các biện pháp được ban hành để điều tiết và đảm bảo nhu cầu nội địa như: cấm xuất nhập khẩu (P31; A11; E313; E325) và yêu cầu về cấp phép hoặc giấy phép xuất khẩu (P33).

Bốn trên bảy quốc gia có luồng thương mại lớn nhất trên thế giới năm 2020 cũng chính là các thị trường lớn cho hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam, cùng Đức thuộc Liên minh châu Âu và Vương quốc Anh là hai quốc gia trong nhóm thị trường tiềm năng. Chính vì vậy, các ảnh hưởng của những biện pháp PTQ được các quốc gia này áp dụng sẽ được làm rõ hơn trong mục 3.

### **3. Ảnh hưởng của các hàng rào PTQ tới hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam**

Việt Nam ghi nhận trường hợp nhiễm Covid-19 đầu tiên sớm hơn công bố đại dịch của thế giới, vào giữa tháng 2 năm 2020 (Bộ Y tế, 2020), các trường hợp nhiễm bệnh ở các tỉnh có người từ Vũ Hán, Trung Quốc trở về. Cho đến tháng 8 năm 2021, Việt Nam đã trải qua bốn đợt bùng phát dịch mạnh trên khắp các tỉnh thành. Mặc dù vậy, số liệu thống kê cho thấy tốc độ tăng trưởng và giá trị xuất nhập khẩu của Việt Nam vẫn giữ được đà tăng trưởng trong năm 2020 và đầu năm 2021 (Tổng cục thống kê, 2021).

Theo thống kê của Macmap (năm 2021), Việt Nam đã ban hành thêm ba quy định có liên quan tới đối phó với Covid-19: (1) Ngày 23/7/2020, cấm nhập khẩu động vật hoang dã và các sản phẩm từ động vật hoang dã từ tất cả các nước; (2) Gian đoạn từ 16/04/2020 tới 07/05/2020, cấm xuất khẩu dược phẩm sang tất cả các quốc gia; (3) Giai đoạn từ 25/3/2020 tới 1/5/2020, kiểm soát lượng gạo xuất khẩu sang các nước. Có thể thấy, Chính phủ Việt Nam cũng đã có những phản ứng nhanh chóng để đảm bảo an sinh xã hội trước sự lây lan của đại dịch trên toàn thế giới cũng như điều tiết thị trường, dỡ bỏ lệnh cấm xuất khẩu sau một thời gian ngắn để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu nắm bắt cơ hội.

Trong phần này, tác giả tập trung phân tích các quốc gia là thị trường lớn và tiềm năng của Việt Nam trong các năm đến năm 2020. Các thị trường chính có lượng hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam lớn nhất trong các năm đến năm 2020 bao gồm: Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và Hồng Kông (TrendEconomy, 2020) và các thị trường tiềm năng được đánh giá là thị trường có các hiệp định thương mại tự do với Việt Nam vừa có hiệu lực hoặc đã được ký kết và sẽ có hiệu lực vào năm 2021, bao gồm: các thành viên của Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do Liên minh châu Âu - Việt Nam (EVFTA) và Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Vương quốc Anh (UKFTA).

### 3.1. Hoa Kỳ

Theo thống kê của trang OEC năm 2019, trong bảng xếp hạng các nước xuất khẩu, Việt Nam đứng thứ 20 trên toàn thế giới với tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa năm 2019 là 2,608 tỷ USD. Xét theo khu vực trên bản đồ thế giới, Châu Á là thị trường nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam lớn nhất và đa dạng nhất. Tính riêng từng quốc gia, Hoa Kỳ là thị trường được ưa chuộng nhất đối với hàng hóa “made in Việt Nam” trong nhiều năm qua với giá trị hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ trong năm 2019 đạt 61,4 tỷ đô la Mỹ và năm 2020 là 77,07 tỷ đô la Mỹ (UN Comtrade, 2021).

Theo thống kê của WTO, UNCTAD và Macmap (2021), Mỹ đã áp dụng sáu chính sách PTQ tạo thuận lợi cho nhập khẩu đối với các sản phẩm vật tư y tế, nông sản; trong khi cấm nhập khẩu động vật hoang dã và một số thực phẩm đông lạnh do lo ngại truyền bệnh từ vật trung gian. Theo thống kê từ Global Trade Alert (GTA), trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 đến hết năm 2020, có tổng cộng 90 chính sách can thiệp từ Hoa Kỳ bị treo cờ đỏ, có nghĩa là chính sách đó có khả năng gây tác động tiêu cực tới hàng hoá và 8 chính sách để tạo điều kiện thông thương, được gắn nhãn là cờ xanh.

Cũng theo thống kê của GTA trong thời gian nói trên, có tổng cộng 58 mặt hàng nhập khẩu từ Việt Nam bị ảnh hưởng bởi 98 biện pháp PTQ mới được áp dụng vào năm 2020 (bao gồm ảnh hưởng tiêu cực: gắn cờ đỏ và ảnh hưởng tích cực: gắn cờ xanh), 38 mặt hàng được GTA nhận định gắn “cờ đỏ”, 20 mặt hàng còn lại được coi là sẽ được thúc đẩy hơn nữa nhờ 8 biện pháp can thiệp tạo thuận lợi cho thương mại.

Theo thống kê từ UN Comtrade trong khoảng thời gian 3 năm, từ 2018 đến 2020, khi xem xét 38 mặt hàng bị gắn cờ đỏ từ GTA, có 12 mặt hàng thuộc nhóm bị gắn cờ đỏ và 1 mặt hàng gắn cờ xanh chịu ảnh hưởng tiêu cực của các hàng rào PTQ do Hoa Kỳ áp dụng trong thời gian này. Giá trị nhập khẩu 13 mặt hàng này từ Việt Nam vào Hoa Kỳ năm 2020 so với năm 2019 giảm mạnh (> 20%) gồm: một số mặt hàng sắt, thép (nhóm mã HS 72, HS 73) có giá trị nhập khẩu từ Việt Nam giảm từ 5% tới 97,5%; ắc quy điện (nhóm mã HS 85) với giá trị giảm 76,02%; máy bay và tàu vũ trụ (nhóm mã HS 88) giảm 75,2%; dầu và dầu hỏa (nhóm mã HS 27) đã có giá trị nhập

khẩu từ Việt Nam giảm 30,1%. Trong đó, các mặt hàng thuộc nhóm mã HS 72 và 73 bị ảnh hưởng nhiều nhất (Xem thêm tại phụ lục 2).

Bên cạnh những mặt hàng bị ảnh hưởng tiêu cực, cũng có 18 mặt hàng đã tận dụng thời cơ với chính sách nới lỏng, xúc tiến thương mại gồm: Nhiệt kế (giá trị nhập khẩu từ Việt Nam tăng 502,6%); Kính mắt, kính bảo hộ ... (giá trị nhập khẩu từ Việt Nam tăng 187,0%), hàng dệt may mã HS 630790 (giá trị nhập khẩu từ Việt Nam tăng 159,1%); Hàng may mặc và một số mặt hàng thuộc nhóm mã HS 61 và 62 (giá trị nhập khẩu từ Việt Nam tăng trên 95%);... (Xem thêm ở Phụ lục 3).

### **3.2. Trung Quốc**

Đối với thị trường Trung Quốc, WTO, UNCTAD và Macmap (2021) cho thấy, Trung Quốc đã áp dụng bảy biện pháp PTQ mới trong năm 2020. Vào cùng thời gian này, GTA thống kê được có bảy biện pháp kích thích nhập khẩu hàng hóa và bảy biện pháp có khả năng hạn chế một số mặt hàng nhập khẩu từ Việt Nam. Theo GTA tổng kết, 114 mặt hàng bị ảnh hưởng bởi 14 biện pháp can thiệp này.

Khác với thị trường Mỹ, thị trường Trung Quốc trong năm 2020 vừa qua khắt khe hơn với các sản phẩm nhập khẩu. Mặc dù đã có các biện pháp khuyến khích nhập khẩu đối với một số mặt hàng nhưng có tới 19 trong số 38 sản phẩm được cho là có thể được hưởng ưu đãi lại không thể tận dụng cơ hội thị trường này mở cửa. Trong số 76 mặt hàng bị GTA gắn cờ đỏ, 39 mặt hàng bị ảnh hưởng tiêu cực, trong đó 25/39 mặt hàng bị ảnh hưởng nặng (Giá trị nhập khẩu các mặt hàng này từ Việt Nam năm 2020 giảm trên 20%). Các mặt hàng có giá trị nhập khẩu giảm mạnh chủ yếu là một số mặt hàng là nguyên, phụ liệu sản xuất hàng may mặc: sợi bông, vải, thoi dệt, sợi tổng hợp (nhóm mã HS 52, 54). Bên cạnh đó là các mặt hàng thuốc chữa bệnh (nhóm mã HS 30), dụng cụ và thiết bị (nhóm mã HS 90), nhựa (nhóm mã HS 39), dầu và dầu mỏ (nhóm mã HS 27), sắt (nhóm mã HS 72), khăn giấy, khăn ăn và khăn tắm (nhóm mã HS 48), Đồ trang sức giả, trừ kim loại cơ bản, đã hoặc chưa mạ kim loại quý (nhóm mã HS 71), ắc quy điện (nhóm mã HS 85).

Về ảnh hưởng đến các mặt hàng thuộc nhóm nguyên, phụ liệu sản xuất hàng may mặc, có hai tình huống. Thứ nhất, các đơn vị sợi Việt Nam rơi vào tình trạng không có đơn hàng, không thể xuất khẩu, nguồn cung bị gián đoạn do dịch bệnh. Do căng thẳng thương mại Mỹ - Trung kéo dài, thị trường Mỹ và châu Âu đều tránh các sản phẩm có gắn nhãn từ Trung Quốc trong những năm gần đây nên việc hàng may

mặc Trung Quốc vào Mỹ và châu Âu sụt giảm mạnh. Bởi vậy, việc không nhập khẩu nguyên phụ liệu đầu vào sản xuất hàng may mặc là điều tất yếu xảy ra. Thứ hai, Việt Nam không thể tự cung cấp đủ bông và sợi dệt, còn phụ thuộc vào nhập khẩu nguyên liệu, nên khi đại dịch Covid-19 bùng phát, gây đình trệ thương mại, tăng giá vận tải và hậu cần thì các doanh nghiệp cũng phải cân nhắc hơn trong vấn đề nhập khẩu các nguyên liệu này.

Tuy nhiên, một số mặt hàng của Việt Nam đã tận dụng được cơ hội và có giá trị xuất khẩu cao vào năm 2020 (giá trị xuất khẩu lớn hơn 20% so với năm 2019). Theo UN Comtrade (2020), một số mặt hàng Việt Nam có giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc năm 2020 tăng cao, có thể kể đến như: Gỗ nhiệt đới (nhóm mã HS 44) tăng 783,06%; đồng, phế liệu và nhôm, mảnh vụn phế liệu (nhóm mã HS 74, 76) tăng lần lượt là 406,7% và 504,67%; một số mặt hàng giấy và bìa (nhóm mã HS 48) tăng từ 104% lên 225%, trong đó đáng chú ý nhất là nhóm mã HS 85 sản phẩm liên quan đến mạch tích hợp điện tử, thống kê cho thấy có sản phẩm tăng tới 147,878% so với giá trị năm 2019 (Xem thêm tại phụ lục 4).

### **3.3. Nhật Bản, Hàn Quốc, Hồng Kông và các thị trường tiềm năng khác**

#### **3.3.1. Nhật Bản, Hàn Quốc, Hồng Kông**

Nhật Bản đã đưa ra hai biện pháp hạn chế nhập khẩu (GTA, 2021) có thể tác động tiêu cực đến sáu mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam. Dù vậy, nhiều mặt hàng Việt Nam xuất khẩu sang Nhật Bản đã có giá trị xuất khẩu tăng gồm: thực vật, hoa (nhóm mã HS 06) và hàng dệt (nhóm mã HS 63).

Tương tự như thị trường Nhật Bản, đã có 6/8 sản phẩm của Việt Nam đã thông qua gói hỗ trợ của Chính phủ Hàn Quốc trong việc kích cầu sản xuất và tiêu dùng trong nước để tiếp tục thâm nhập thị trường này. Giá trị xuất khẩu của 6 mặt hàng đều tăng, thậm chí tăng cao hơn năm 2019 là 1342,7% (sản phẩm không dệt; đã hoặc chưa ngâm tẩm, tráng, phủ hoặc dát mỏng, sợi filament nhân tạo, trọng lượng trên 25g/m<sup>2</sup> nhưng không quá 70g/m<sup>2</sup>, Mã HS 560312).

Trong khi đó, Hồng Kông không ghi nhận bất kỳ biện pháp PTQ nào được áp dụng trong năm 2020 ảnh hưởng đến hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam.

#### **3.3.2. Các thành viên của hiệp định CPTPP**

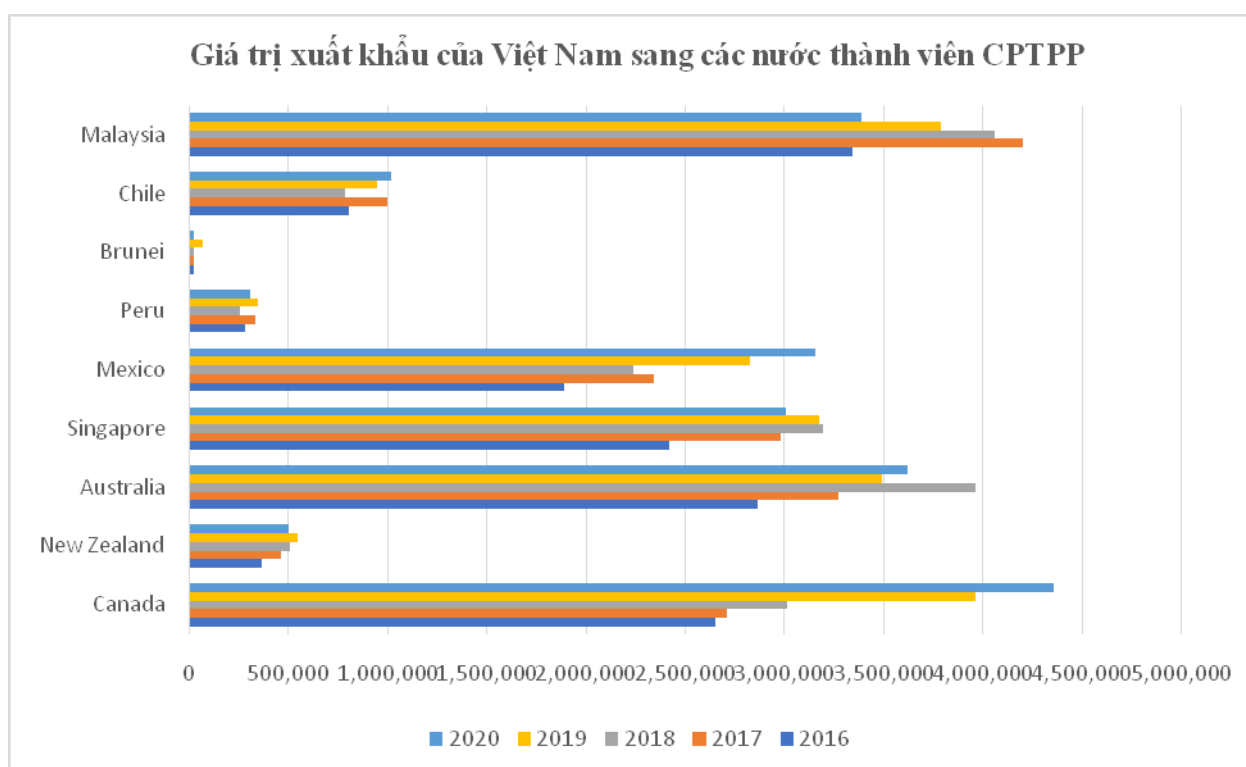
Bên cạnh những quốc gia là thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam là những thị trường mà Việt Nam mới tham gia và ký kết các hiệp định thương mại tự do. Ba

FTA mới nhất đã được ký kết và có hiệu lực là CPTPP (có hiệu lực từ 14 tháng 1 năm 2019), EVFTA (có hiệu lực từ ngày 1 tháng 8 năm 2020) và UKFTA (sẽ có hiệu lực từ ngày 1 tháng 5 năm 2021). Với các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, thuế suất không còn là vấn đề chính khi các nước đối tác đồng ý và có lộ trình giảm hàng rào thuế quan. Dù vậy, yêu cầu kỹ thuật cũng như xuất xứ sẽ khắt khe hơn. Đây là những thị trường tiềm năng, sẵn sàng tiếp nhận và sử dụng các sản phẩm mới. Nếu nắm bắt được cơ hội và chuẩn bị sớm các điều kiện bắt buộc về hàng rào PTQ thì việc mở rộng thị trường xuất khẩu của Việt Nam là khả thi.

Thống kê giá trị xuất khẩu của Việt Nam sang các nước trong CPTPP (trừ Nhật Bản) trong 5 năm qua như sau:

**Hình 2. Giá trị xuất khẩu của Việt Nam sang các quốc gia thành viên CPTPP từ năm 2016 tới 2020**

Đơn vị: USD



Nguồn: WITS (2016-2020)

So với năm 2016, Việt Nam có giá trị xuất khẩu nhiều hơn sang chín quốc gia trong CPTPP. Tuy nhiên, so sánh số liệu giai đoạn khi CPTPP bắt đầu có hiệu lực với Việt Nam và giai đoạn Đại dịch Covid-19, các nước có giá trị nhập khẩu thay đổi nhiều hơn 10% gồm: Mexico, Peru, Malaysia. Đặc biệt, với Brunei giá trị nhập khẩu bất ngờ giảm tới 306,9%.



Theo thống kê của WITS từ 2017 đến hết 2019, nhóm sản phẩm cốt lõi được nhập khẩu từ Việt Nam sang Mexico, Peru, Malaysia và Brunei bao gồm:

- Brunei: Kim loại (nhóm mã HS 72 đến 79; 80 đến 83), Máy móc và đồ điện tử (nhóm mã HS: 84; 85), Khác (nhóm mã HS 90 đến 99), Động vật (nhóm mã HS 01 đến 05).

- Mexico: Máy móc và đồ điện tử (nhóm mã HS 84; 85), Khác (nhóm mã HS 90 đến 99), Giày dép (nhóm mã HS 64 đến 67).

- Peru: Máy móc và đồ điện tử (nhóm mã HS 84; 85), Giày dép (nhóm mã HS 64 đến 67), Khoáng sản (nhóm mã HS 25; 26)

- Malaysia: Máy móc và đồ điện tử (nhóm mã HS 84; 85), Nhiên liệu (nhóm mã HS 27), Khác (nhóm mã HS 90 đến 99)

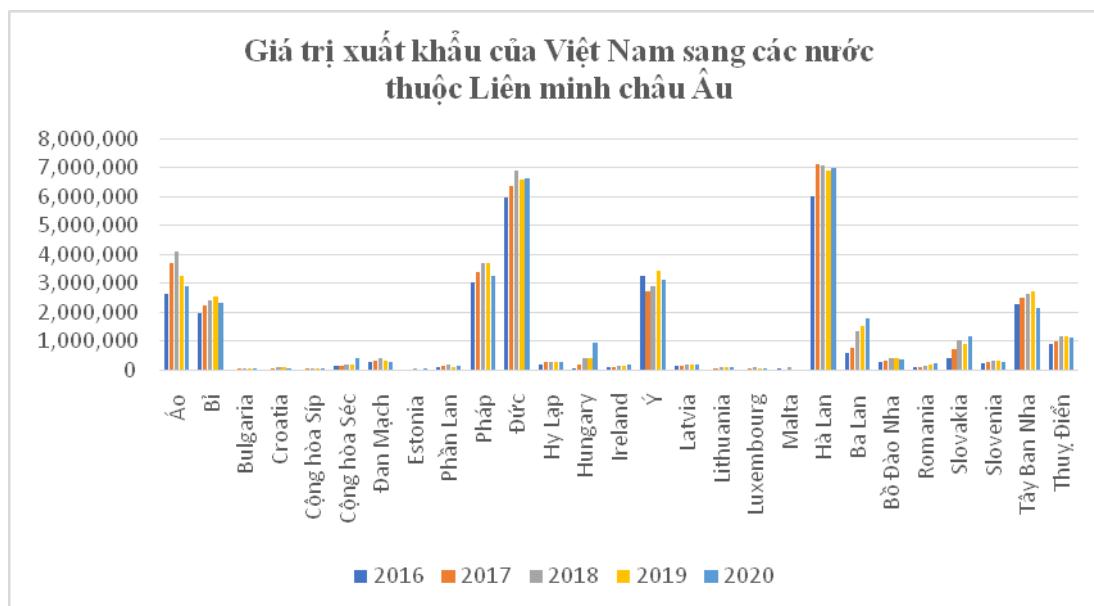
Khi so sánh với các biện pháp thương mại tạm thời của bốn quốc gia nêu trên áp dụng cho các sản phẩm trong Đại dịch Covid-19 (Macmap, 2021; WTO, 2021), không có biện pháp nào được áp dụng đối với các sản phẩm liên quan, dù là biện pháp để hạn chế hay tạo điều kiện cho nhập khẩu. Theo UN Comtrade (2021), Malaysia và Mexico là hai quốc gia có chính sách và áp dụng hàng rào PTQ cho các sản phẩm nhập khẩu từ Việt Nam. Tuy nhiên, trong số sáu sản phẩm được miễn thuế nhập khẩu và thuế bán hàng từ Malaysia, chỉ có một sản phẩm tận dụng được ưu đãi này là dệt may (nhóm mã HS 63). Các sản phẩm liên quan đến khẩu trang, thiết bị y tế và phòng thí nghiệm, đồ bảo hộ cá nhân và sản phẩm dùng một lần không tận dụng được các chính sách ưu đãi từ chính phủ Malaysia. Trong khi đó, cà phê và các sản phẩm gạo từ Việt Nam có thể bị hạn chế nhập khẩu vào thị trường Mexico với quy trình hỗ trợ cho nông dân quy mô vừa và nhỏ trong nước, nhưng ngũ cốc, sản phẩm gạo (HS 100630) của Việt Nam đã thành công trong năm 2020 với giá trị xuất khẩu tăng 333,27% so với năm trước đó.

### 3.3.3. Các nước thành viên Liên minh Châu Âu

Sau CPTPP, EVFTA là hiệp định tiếp theo có hiệu lực vào năm 2020 và được các chuyên gia kỳ vọng vào sự gia tăng của hàng hóa Việt Nam vào các thị trường này. Thống kê giá trị xuất khẩu của Việt Nam sang các nước thành viên của Liên minh Châu Âu trong 5 năm qua như sau:

**Hình 3. Giá trị xuất khẩu của Việt Nam sang các nước thành viên Liên minh Châu Âu từ năm 2016 đến năm 2020**

Đơn vị: USD



Nguồn: WITS (2016-2020)

Trong giai đoạn từ 2016 tới 2020, nhiều quốc gia đã trở thành đối tác tiềm năng, ngày càng tin tưởng và lựa chọn nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam như Hungary (tăng 89,9%), Slovakia (tăng 64,2%), Ba Lan (66,3%), Czech (65%). Malta vẫn là thị trường không ổn định, biên độ nhập khẩu hàng hóa thay đổi không đồng đều giữa năm trước và năm sau.

Trong thời gian Covid-19, hầu hết các nước vẫn duy trì thương mại với Việt Nam. Các nước có tỷ lệ lựa chọn hàng Việt Nam cao (trên 20%) gồm Estonia (34,7%), Hungary (55,8%), Luxembourg (21,3%), Malta (27,6%), Slovakia (21,6%). Những quốc gia có giá trị nhập khẩu hàng từ Việt Nam giảm mạnh (trên 20%) gồm Croatia (66,8%), Slovenia (20,5%), Tây Ban Nha (27,1%).

Theo kết quả tổng hợp báo cáo của Ủy ban Châu Âu (EC), tổng lượng hàng hóa mà các nước trong Liên minh Châu Âu nhập khẩu từ Việt Nam theo các ngành hàng phân theo mã HS năm 2020 được tổng kết trong hình 4 như sau:

## Hình 4. Luồng thương mại theo mã HS giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam năm 2020

| Phân HS   | Nhập khẩu            |        |            |             | Xuất khẩu            |        |            |             |
|---|----------------------|--------|------------|-------------|----------------------|--------|------------|-------------|
|   | Giá trị (triệu Euro) | % Tổng | % Ngoài EU | Tăng trưởng | Giá trị (triệu Euro) | % Tổng | % Ngoài EU | Tăng trưởng |
| I Động vật sống; sản phẩm động vật                                  | 517                  | 1,5    | 1,9        | -17,0       | 414                  | 4,7    | 1,0        | -5,0        |
| II Sản phẩm rau   | 1.881                | 5,5    | 3,4        | 0,1         | 158                  | 1,8    | 0,4        | -12,9       |
| III Dầu mỡ động vật hoặc thực vật                                   | 10                   | 0      | 0,1        | -47,4       | 9                    | 0,1    | 0,1        | 4,4         |
| IV Thực phẩm; đồ uống, thuốc lá                                     | 526                  | 1,5    | 1,1        | 4,5         | 452                  | 5,1    | 0,5        | -7,7        |
| V Sản phẩm khoáng   | 24                   | 0,1    | 0,0        | -28,1       | 48                   | 0,6    | 0,1        | -32,4       |
| VI Sản phẩm của ngành công nghiệp hóa chất hoặc các ngành liên quan | 177                  | 0,5    | 0,1        | -60         | 1.953                | 22,2   | 0,5        | 10,2        |
| VII Nhựa, cao su và các sản phẩm của chúng                          | 999                  | 2,9    | 1,6        | 1,3         | 304                  | 3,5    | 0,4        | -5,5        |
| VIII Da sống, da thuộc và bộ đồ yên cương                           | 758                  | 2,2    | 6,9        | -16,7       | 211                  | 2,4    | 1,2        | -32,6       |
| IX Than gỗ, nút chai và các sản phẩm của chúng                      | 181                  | 0,5    | 1,6        | 2,2         | 181                  | 2,1    | 1,0        | -1,0        |
| X Bột gỗ, giấy hoặc bìa   | 20                   | 0,1    | 0,1        | -25,5       | 138                  | 1,6    | 0,4        | -12,4       |
| XI Hàng dệt và các sản phẩm dệt                                     | 3.501                | 10,2   | 3,1        | -0,9        | 340                  | 3,9    | 0,6        | -15,6       |
| XII Giấy dếp, mũ và các vật đội đầu khác                            | 3.613                | 10,5   | 17,3       | -12,9       | 16                   | 0,2    | 0,1        | -44,7       |
| XIII Các sản phẩm bằng đá, thủy tinh và gốm sứ                      | 185                  | 0,5    | 1,4        | 14,8        | 74                   | 0,8    | 0,3        | -14,2       |
| XIV Ngọc trai, kim loại quý và các sản phẩm của chúng               | 143                  | 0,4    | 0,3        | -13,8       | 89                   | 1,0    | 0,2        | -14,7       |
| XV Kim loại cơ bản và các sản phẩm của chúng                        | 1.03                 | 3,0    | 1,0        | -9,3        | 406                  | 4,6    | 0,4        | -1,9        |
| XVI Máy móc và thiết bị   | 18.41                | 53,5   | 4,0        | 4,1         | 2.675                | 30,4   | 0,5        | -6,5        |
| XVII Thiết bị vận tải   | 527                  | 1,5    | 0,4        | -4,5        | 493                  | 5,6    | 0,2        | -79,9       |
| XVIII Quang học và nhiếp ảnh  | 569                  | 1,7    | 0,8        | 11,0        | 541                  | 6,2    | 0,5        | -2,2        |
| XIX Vũ khí và đạn dược  | 0                    | 0,0    | 0,0        | 41,0        | 2                    | 0,0    | 0,1        | -8,0        |
| XX Các mặt hàng khác  | 1.295                | 3,8    | 3,0        | 7,3         | 101                  | 1,1    | 0,3        | -18,8       |
| XXI Tác phẩm nghệ thuật và đồ cổ                                    | 0                    | 0,0    | 0,0        | -43,5       | 6                    | 0,1    | 0,2        | 38,9        |
| XXII Bổ sung  | 51                   | 0,1    | 4,0        | 27,6        | 177                  | 2,0    | 0,9        | 28,2        |

% Tăng trưởng: sự thay đổi tương đối giữa giai đoạn hiện tại và giai đoạn trước

% Tổng: Tổng được xác định là tất cả các sản phẩm

% Ngoài EU: nhập khẩu / xuất khẩu theo % của tất cả các đối tác EU, tức là không bao gồm thương mại giữa các quốc gia thành viên EU

Nguồn: Ủy ban Châu Âu (2021)

Theo thông kê trên, hầu hết các nhóm hàng nhập khẩu từ Việt Nam trong nhóm EU-27 đều giảm, thậm chí giảm mạnh (47,4% đối với nhóm III). Theo GTA, có bảy chính sách thương mại mang lại lợi ích và tự do hóa thương mại cho hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam, nhưng có tới 49 biện pháp PTQ được đặt ra dường như đã gây khó

khăn hơn cho hàng hóa từ Việt Nam. Các biện pháp PTQ được đặt ra trong thời gian này bao gồm: viện trợ tài chính, thuế nhập khẩu, hạn ngạch thuế quan nhập khẩu, khoản vay nhà nước, bảo lãnh khoản vay, rót vốn và cổ phần (bao gồm cả các gói cứu trợ) (xem thêm ở Phụ lục 1).

Việt Nam vẫn chưa thể được Ủy ban Châu Âu đồng ý gỡ thẻ vàng đối với thủy sản. Theo ông Trần Đình Luân - Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản (VOV, 2021), mặc dù Ủy ban Châu Âu đã có thêm hai đợt kiểm tra thực tế tại Việt Nam vào tháng 5 năm 2018 và tháng 11 năm 2019, nhưng họ vẫn đưa ra bốn nhóm khuyến nghị mà Việt Nam cần thực hiện và triển khai trong thời gian tới bao gồm: Khung pháp lý; Theo dõi, kiểm tra, kiểm soát hoạt động tàu cá, quản lý đội tàu; Chứng nhận sản lượng và truy xuất nguồn gốc sản phẩm thủy sản từ đánh bắt; Thực thi pháp luật.

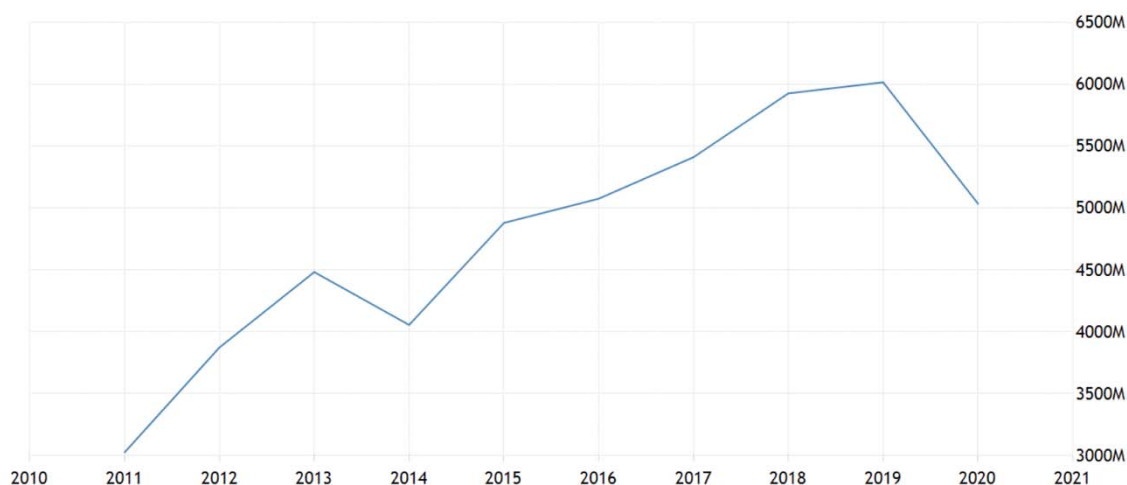
Từ việc phân tích các dữ liệu lịch sử, cho thấy Việt Nam chưa thể bứt phá và tiếp cận các thị trường tiềm năng trong khuôn khổ hợp tác của các hiệp định CPTPP và EVFTA. Tính đến cuối năm 2020, sau gần 2 năm Việt Nam tham gia vào CPTPP và 4 tháng sau khi EVFTA có hiệu lực, sự nổi bật của hàng hóa “Made in Việt Nam” tại các thị trường này là rất khiêm tốn. Việt Nam chưa tận dụng được những ưu đãi và hỗ trợ mà hai hiệp định này mang lại, cũng như phần nào cho thấy sự chuẩn bị chưa đầy đủ của Việt Nam để đón đầu cơ hội này.

#### 3.3.4. Vương quốc Anh

Kể từ khi Vương quốc Anh rời Liên minh châu Âu, Việt Nam và Vương quốc Anh đều sẵn sàng kết nối thương mại và dịch vụ chặt chẽ hơn. UKFTA cũng nhằm giảm thuế quan và tăng khả năng tiếp cận thị trường cho Việt Nam và Vương quốc Anh. TrendingEconomics đã tổng kết tổng giá trị hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam của Vương quốc Anh từ năm 2011 đến năm 2020 như Hình 5 dưới đây.

## Hình 5. Giá trị nhập khẩu từ Việt Nam của Vương quốc Anh giai đoạn 2011-2020

Đơn vị: USD



Nguồn: TradingEconomics (2021)

Theo thống kê của GTA (2021), Việt Nam có thể bị ảnh hưởng tiêu cực từ 9 chính sách can thiệp của Vương quốc Anh tới 11 mặt hàng do bối cảnh của Đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, thống kê thương mại từ UN Comtrade cho thấy chỉ một số mặt hàng như kim loại đồng, sắt, thép, nhôm, nắp và nắp từ nhựa có giá trị xuất khẩu giảm. Các sản phẩm y tế, cao su và các sản phẩm cho ngành may mặc (dệt, sợi đặc biệt) đã tận dụng tốt các ưu đãi từ Vương quốc Anh. Giá trị xuất khẩu của các mặt hàng này tăng lên so với năm 2019.

Qua những phân tích trên cho thấy, ngoài tác động của Đại dịch Covid-19, các biện pháp PTQ đã và đang có những ảnh hưởng rõ ràng tới xuất khẩu của Việt Nam. Những biện pháp PTQ mới này sẽ còn tiếp tục ảnh hưởng đến hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam tới các thị trường trong thời gian tới. Khi lộ trình giảm thuế được đưa ra, các quy định tiêu chuẩn về chất lượng, mỹ quan, vệ sinh, môi trường ... sẽ nhiều hơn trong khi vẫn yêu cầu các nhà sản xuất, kinh doanh Việt Nam phải có giá cả cạnh tranh. Năm 2020 với bối cảnh Đại dịch Covid-19 và sự gia tăng các biện pháp PTQ, Việt Nam dù có lợi thế về các sản phẩm thuộc nhóm nguyên, phụ liệu dệt may, điện tử, thực phẩm khô và thủy sản nhưng chưa thấy được sự tăng trưởng trong xuất khẩu đáng kể của những mặt hàng nói trên.

### 4. Khuyến nghị chính sách

Đại dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp và đặt ra những thách thức và khó khăn to lớn chưa từng có đối với toàn bộ nền kinh tế. Tác động của Đại dịch Covid-19

đối với chuỗi giá trị toàn cầu là rất lớn. Các mắt xích trung tâm của chuỗi thương mại là các quốc gia lớn có tầm ảnh hưởng lớn trên thế giới như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi Đại dịch. Đây cũng là những đối tác thương mại và thị trường xuất khẩu lớn của Việt Nam. Do đó, khi các đối tác này bị ảnh hưởng bởi Đại dịch Covid-19, xuất khẩu của Việt Nam sẽ bị ảnh hưởng lớn.

Trong bối cảnh của Đại dịch, nhiều quốc gia trên thế giới đã tăng cường các biện pháp PTQ để đảm bảo an toàn phòng chống dịch. Có thể những biện pháp này sẽ còn được tiếp tục áp dụng sau khi Đại dịch đã được kiểm soát và sẽ gây khó khăn cho xuất khẩu của Việt Nam. Dù rằng có một sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam không liên quan trực tiếp tới sức khỏe của con người ví dụ như Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam nhưng các mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam qua thị trường này chủ yếu là dệt may, da giày, đồ gỗ, máy móc thiết bị điện tử; các sản phẩm hàng tiêu dùng liên quan trực tiếp đến sức khỏe con người chiếm tỷ trọng nhỏ nhưng có rất nhiều mặt hàng có vai trò quan trọng trong cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam có liên quan trực tiếp tới các biện pháp PTQ mới được áp dụng. Nếu không có sự đầu tư chuẩn bị thích đáng, xuất khẩu của những mặt hàng này sẽ bị ảnh hưởng lớn.

Bên cạnh đó, Việt Nam ngày càng tham gia nhiều hơn vào nhiều hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương với các nước và khu vực. Khi hàng rào thuế quan giảm đi, hàng rào phi thuế quan sẽ tăng lên tương ứng. Thị trường quốc tế sẽ ngày càng khắt khe hơn về các yêu cầu phòng vệ thương mại, yêu cầu kỹ thuật cho hàng hoá,... Nếu các doanh nghiệp Việt Nam không nâng cao nhận thức và chuẩn bị cho các yêu cầu PTQ ngày càng phức tạp hơn từ các nước nhập khẩu, việc bị điều tra hoặc khởi kiện có thể xảy ra với mọi mặt hàng chứ không chỉ dừng lại ở những mặt hàng xuất khẩu truyền thống của Việt Nam. Do vậy, các cơ quan quản lý và các doanh nghiệp nên chuẩn bị sẵn những giải pháp, phương án để ứng phó với những sự thay đổi này.

Trước hết, Việt Nam cần có sự chuẩn bị kỹ lưỡng về mặt pháp lý để chuẩn bị sẵn sàng cho việc phải đáp ứng các biện pháp PTQ mới. Các điều kiện về pháp lý không chỉ để hướng các doanh nghiệp xuất khẩu quan tâm và nâng cao chất lượng đáp ứng các yêu cầu mới về PTQ của nước nhập khẩu mà còn tạo tiền đề cần thiết để giúp các doanh nghiệp phòng tránh và xử lý các vấn đề pháp lý có thể phát sinh khi xuất khẩu trong thời gian tới. Bên cạnh đó, một nhiệm vụ quan trọng của các cơ quan quản lý ở

trong nước và cơ quan ngoại giao ở nước ngoài là cập nhật liên tục chính sách pháp luật của nước xuất khẩu, đánh giá và dự báo kịp thời các nguy cơ bị kiện ở từng sản phẩm và thị trường cụ thể. Từ đó, các cơ quan này cần phải kịp thời thông tin tới các doanh nghiệp và hợp tác có hiệu quả với Phòng Thương mại các nước để bảo vệ các sản phẩm của Việt Nam.

Tất cả các giải pháp đều không có ý nghĩa nếu chất lượng sản phẩm của các doanh nghiệp không được cải thiện, không đáp ứng được các yêu cầu mới của các nước nhập khẩu. Các doanh nghiệp cần phải được cập nhật ngay những thay đổi cũng như xu hướng của những thay đổi này nhằm có sự chuẩn bị kịp thời và nhanh chóng thay đổi công nghệ, quy trình sản xuất phù hợp, đáp ứng được những yêu cầu PTQ mới của các quốc gia nhập khẩu. Kể cả khi các quốc gia nhập khẩu dỡ bỏ một số biện pháp PTQ mới thì những nâng cấp về chất lượng của các doanh nghiệp cũng không dư thừa do chất lượng tăng lên làm năng lực cạnh tranh của sản phẩm Việt Nam tăng. Doanh nghiệp cũng cần phải có kế hoạch sản xuất cập nhật, phù hợp hơn với thị trường xuất khẩu, thể hiện qua việc xác định rõ đặc điểm của từng sản phẩm và thị trường xuất khẩu, quan tâm đến nguyên liệu đầu vào và chất lượng, vệ sinh an toàn của sản phẩm.

Do năng lực đầu tư và tài chính cũng như các điều kiện của doanh nghiệp để đổi mới còn hạn chế, đặc biệt phải chống chịu trong thời gian dài ảnh hưởng tiêu cực của Đại dịch Covid-19 nên nhiều doanh nghiệp sẽ rất khó có thể đầu tư, nâng cấp chất lượng sản phẩm đáp ứng các yêu cầu mới về PTQ. Do vậy, sự hỗ trợ có trọng tâm của Nhà nước là hết sức cần thiết. Những lĩnh vực, mặt hàng xuất khẩu quan trọng nhất, có tính liên kết dọc mạnh mẽ, cần phải được tập trung hỗ trợ vừa để tăng cường xuất khẩu, vừa để kéo các lĩnh vực khác tăng lên. Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng luôn là chính sách quan trọng hàng đầu để thúc đẩy xuất khẩu. Cơ sở hạ tầng được cải thiện sẽ tăng cơ hội, giảm chi phí và rủi ro cho hoạt động đầu tư, đổi mới công nghệ, quy trình sản xuất của các doanh nghiệp xuất khẩu để đáp ứng các biện pháp PTQ mới.

Trong trung hạn và dài hạn, Việt Nam cần có lộ trình thúc đẩy chuỗi giá trị để thu hút các ngành công nghệ cao, các công ty thân thiện với môi trường, năng lượng sạch, thiết bị y tế tiên tiến và ngành chăm sóc sức khỏe. Việt Nam đang học theo mô hình tăng trưởng kinh tế hướng vào xuất khẩu của các nước công nghiệp phát triển mới nổi như Thái Lan và Hàn Quốc. Mô hình này chủ yếu là công nghiệp nặng, hóa

chất và các ngành sử dụng nhiều tài nguyên khác, vốn dựa vào dòng vốn đầu tư nước ngoài mạnh mẽ và tăng trưởng năng suất. Tuy nhiên, mô hình phát triển này sẽ gây áp lực lớn đến môi trường và xã hội và cản trở sự phát triển lâu dài.

### Tài liệu tham khảo

1. Baldwin, R., and Mauro, B. W. (2020) “Introduction: Mitigating the COVID Economic Crisis: Act fast and do whatever it takes”, CEPR Press: London.
2. Barua, S., (2020), “COVID-19 pandemic and world trade: Some analytical notes”. Doi: 10.2139/ssrn.3677627.
3. Bộ Y tế (2020), “2 ca nhiễm COVID-19 đầu tiên ở Việt Nam điều trị tại Bệnh viện huyện âm tính với virus”, <https://ncov.moh.gov.vn/-/2-ca-nhiem-covid-19-au-tien-o-viet-nam-ieu-tri-tai-benh-vien-huyen-am-tinh-voi-virus>, truy cập ngày 18/08/2021.
4. Boone, L., Haugh, D., Pain, N., Salins, V., (2020), “Tackling the fallout from COVID-19”, Economics in the Time of COVID-19, CEPR Press: London.
5. Global Trade Alert (2021), Countries, <https://www.globaltradealert.org/countries>, truy cập ngày 10/08/2021.
6. Hasani, K., and Dost, S. (2020), “Impact of COVID 19 on international trade and China’s trade”, *Turkish Economic Review*, 7(2), tr. 103 – 110.
7. Hayakawa, K., and Mukunoki, H.,(2021), “Impacts of COVID-19 on Global Value Chains”, *The Developing Economies*, 59(2), tr. 154 – 177. Doi: <https://doi.org/10.1111/deve.12275>
8. Macmap (2021), “COVID-19 Temporary Trade Measures”, <https://www.macmap.org/covid19>, truy cập ngày 10/08/2021.
9. Maliszewska, M., Mattoo, A., Mensbrugge, D., (2020), “The Potential Impact of COVID-19 on GDP and Trade: A Preliminary Assessment”, *Policy Research Working Paper Series of the Office of the Chief Economist, East Asia and the Pacific Region and the Macroeconomics, Trade and Investment Global Practice*, <https://ssrn.com/abstract=3573211>, truy cập ngày 18/08/2021.
10. OEC (2019), Vietnam, <https://oec.world/en/profile/country/vnm>, truy cập ngày 12/08/2021.
11. Reuters (2021), <https://graphics.reuters.com/world-coronavirus-tracker-and-maps/>, truy cập ngày 18/08/2021.
12. Tổng cục thống kê (2021), “Kinh tế Việt Nam 2020: một năm tăng trưởng đầy bản lĩnh”, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/01/kinh-te-viet-nam-2020-mot-nam-tang-truong-day-ban-linh/>, truy cập ngày 28/08/2021.



13. Tổng cục thống kê (2021), “Kinh tế 6 tháng đầu năm 2021 tăng trưởng khá bất chấp dịch Covid-19 diễn biến phức tạp”, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/07/kinh-te-6-thang-dau-nam-2021-tang-truong-kha-bat-chap-dich-covid-19-dien-bien-phuc-tap/>, truy cập ngày 28/08/2021.

14. TradingEconomics (2021), United Kingdom imports from Vietnam, <https://tradingeconomics.com/united-kingdom/imports/vietnam>, truy cập ngày 18/08/2021.

15. TrendEconomy (2020), “Annual international trade statistics by country”, [https://trendeconomy.com/data/h2?commodity=TOTAL&reporter=Vietnam&trade\\_flow=Export,Import&partner=World&indicator=TV,YoY](https://trendeconomy.com/data/h2?commodity=TOTAL&reporter=Vietnam&trade_flow=Export,Import&partner=World&indicator=TV,YoY), truy cập ngày 03/08/2021.

16. UN Comtrade (2021), Trade Data, <https://comtrade.un.org/Data/>, truy cập ngày 28/08/2021

17. UNCTAD (2021), “Global Trade Update”, [https://unctad.org/system/files/official-document/ditcinf2021d2\\_en.pdf](https://unctad.org/system/files/official-document/ditcinf2021d2_en.pdf), truy cập ngày 18/08/2021.

18. Ủy ban Châu Âu (2021), Trade in goods with Vietnam, [https://webgate.ec.europa.eu/isdb\\_results/factsheets/country/details\\_vietnam\\_en.pdf](https://webgate.ec.europa.eu/isdb_results/factsheets/country/details_vietnam_en.pdf), truy cập ngày 18/08/2021.

19. Vidya, C. T., and Prabheesh, K. P. (2020), “Implications of COVID-19 Pandemic on the Global Trade Networks”, *Emerging Markets Finance and Trade*, 56(10), tr. 2408-2421, Doi: 10.1080/1540496X.2020.1785426, truy cập ngày 03/08/2021.

20. VOV (2021), “Gỡ “thẻ vàng” với thủy sản: Vì sao 4 năm vẫn loay hoay?”, <https://vov.vn/kinh-te/go-the-vang-voi-thuy-san-vi-sao-4-nam-van-loay-hoay-873513.vov>, truy cập ngày 18/08/2021.

21. WHO (2021), WHO Coronavirus (COVID-19) Dashboard, <https://covid19.who.int/>, truy cập ngày 03/08/2021.

22. WITS (2020), Trade Stats by Country, <https://wits.worldbank.org/countrysnapshot/en/VNM>, truy cập ngày 18/08/2021.

23. WTO (2021) “COVID-19: Measures affecting trade in goods”, [https://www.wto.org/english/tratop\\_e/covid19\\_e/trade\\_related\\_goods\\_measure\\_e.htm](https://www.wto.org/english/tratop_e/covid19_e/trade_related_goods_measure_e.htm), truy cập ngày 18/08/2021

## PHỤ LỤC

### PHỤ LỤC 1: Các biện pháp PTQ được các nước áp đặt trong đại dịch Covid-19 từ 01/2020 đến 06/2021 (Nguồn: Macmap, 2021)

| STT | Quốc gia ban hành | Luồng thương mại | Loại biện pháp                                    | Sản phẩm bị ảnh hưởng   | Biện pháp  |
|-----|-------------------|------------------|---|---|--|
| 1   |                   | Nhập khẩu        | Giảm thuế quan                                    | Một số sản phẩm trước đây bị ảnh hưởng bởi thuế quan tạm thời | Tạm thời loại trừ một số sản phẩm khỏi mức thuế bổ sung 25% trong danh sách 19 sản phẩm từ Trung Quốc  |
| 2   |                   | Nhập khẩu        | Gỡ bỏ lệnh cấm với Nhập khẩu                      | Găng tay cao su   | Mỹ dỡ bỏ lệnh cấm găng tay cao su nhập khẩu từ công ty Malaysia trong bối cảnh thiếu hụt.  |
| 3   |                   | Xuất khẩu        | Các yêu cầu cấp phép hoặc cho phép để xuất khẩu   | mặt nạ phòng độc, mặt nạ phẫu thuật và găng tay phẫu thuật    | Chính quyền đã ban hành lệnh hành pháp chỉ đạo các quan chức y tế và quản lý khẩn cấp liên bang sử dụng thẩm quyền của luật để bảo quản mặt nạ phòng độc, mặt nạ phẫu thuật và găng tay phẫu thuật cho mục đích gia dụng.  |
| 4   | Mỹ                | Xuất khẩu        | Cấm Xuất khẩu                                     | thiết bị bảo vệ cá nhân                                       | Quy định tạm thời cấm Xuất khẩu năm loại thiết bị bảo vệ cá nhân (PPE) từ Hoa Kỳ mà không có sự chấp thuận rõ ràng của FEMA, cho đến ngày 10 tháng 8 năm 2020.   |
| 5   |                   | Nhập khẩu        | Hoãn thuế Nhập khẩu                               | Một số mặt hàng   | Thời gian hoãn 0 ngày đối với một số khoản thanh toán nhất định cho Người nhập khẩu (áp dụng cho các khoản thanh toán cho hàng hóa Nhập khẩu vào tháng 3 và tháng 4 năm 2020).   |
| 6   |                   | Xuất khẩu        | Các yêu cầu cấp phép hoặc cho phép để xuất khẩu   | vaccines, thiết bị bảo vệ cá nhân                             | Chính quyền đã ban hành lệnh hành pháp, chỉ đạo các quan chức y tế và quản lý khẩn cấp liên bang sử dụng quyền của luật pháp để sử dụng các nguồn cung cấp, cần thiết để chống lại COVID-19 (nguồn cung cấp ứng phó đại dịch), bao gồm thiết bị bảo vệ cá nhân (PPE) và các nguồn lực cần thiết để sản xuất và phân phối hiệu quả xét nghiệm và vắc xin, để sử dụng trong nước. (Đạo luật sản xuất quốc phòng) |
| 7   |                   | Xuất khẩu        | Đánh giá sự phù hợp                               | sản phẩm y tế   | Yêu cầu chứng nhận và kiểm tra mới đối với một số sản phẩm vật tư y tế như khẩu trang phẫu thuật, bộ dụng cụ thử nghiệm và nhiệt kế.   |
| 8   |                   | Xuất khẩu        | Các yêu cầu cấp phép hoặc cho phép để xuất khẩu   | bộ dụng cụ xét nghiệm, vật tư y tế                            | Ngày 26 tháng 4 năm 2020: Sự kiểm chế Xuất khẩu được hạ cấp xuống Mức độ hạn chế Xuất khẩu khi được ủy quyền. Ngày 1/4/2020: Trung Quốc cấm Xuất khẩu các bộ dụng cụ xét nghiệm, vật tư y tế của các công ty không được cấp phép bán trong nước  |
| 9   | Trung Quốc        | Nhập khẩu        | Giảm thuế quan                                    | Một số sản phẩm trước đây bị ảnh hưởng bởi thuế quan tạm thời | Danh mục các sản phẩm nhập khẩu từ Hoa Kỳ được tạm thời miễn thuế suất thuế theo giá trị bổ sung 10%.  |
| 10  |                   | Nhập khẩu        | Các lệnh cấm / hạn chế nhập khẩu vì lý do SPS     | Động vật hoang dã và các sản phẩm của chúng                   | Chính phủ Trung Quốc đã ban hành lệnh cấm ngay lập tức và toàn diện đối với mọi hoạt động buôn bán và tiêu thụ động vật hoang dã.  |
| 11  |                   | Nhập khẩu        | Giảm thuế quan                                    | vật tư y tế, nguyên liệu thô, nông sản, thịt                  | Tạm thời giảm thuế Nhập khẩu đối với một số sản phẩm nhất định, ví dụ: vật tư y tế, nguyên liệu thô, nông sản, thịt.   |
| 12  |                   | Nhập khẩu        | Các biện pháp đặc biệt để tạo điều kiện nhập khẩu | Các sản phẩm nông nghiệp                                      | Thực hiện chín biện pháp tạo thuận lợi liên quan đến ba loại phê duyệt hành chính nông nghiệp nhằm ngăn chặn sự lây lan thêm của đại dịch.   |

|    |                |           |   |   |   |
|----|----------------|-----------|---|---|---|
| 13 |                | Nhập khẩu | Cấm Nhập khẩu                                   | thịt, cá và hải sản   | Ngày 19 tháng 8 năm 2020: Một số quốc gia được phép tiếp tục Xuất khẩu sang Trung Quốc. Ngày 17 tháng 8 năm 2020: Thủ phủ của tỉnh Quảng Đông, miền nam Trung Quốc đã đình chỉ Nhập khẩu thịt, cá và hải sản đông lạnh từ các quốc gia bị nhiễm coronavirus. (chỉ áp dụng một phần)   |
| 14 | Nhật Bản       | Nhập khẩu | Giảm thuế quan                                  | theo tài liệu kèm theo  | Hàng hóa nhập khẩu có thể được miễn thuế hải quan và thuế tiêu thụ (nội địa) nếu chúng được chứng minh là được tặng miễn phí. Khi nộp tờ khai Nhập khẩu đối với hàng cứu trợ liên quan đến các biện pháp đối phó với COVID-19, sẽ có một mẫu tờ khai đơn giản để làm thủ tục hải quan và việc nộp giấy chứng nhận miễn thuế đối với hàng tặng, v.v. sẽ được đơn giản hóa. |
| 15 |                | Nhập khẩu | Giảm thuế quan                                  | theo tài liệu kèm theo  | Gia hạn thời hạn làm thủ tục hải quan, bao gồm cả thủ tục nộp thuế hải quan trong một số trường hợp nhất định, do đại dịch COVID-19. Xem thêm hoàn, giảm hoặc miễn một số lệ phí hải quan.  |
| 16 |                | Nhập khẩu | Giảm thuế quan                                  | theo tài liệu kèm theo  | Loại bỏ thuế Nhập khẩu đối với gang tay và một số loại polyme.  |
| 17 |                | Xuất khẩu | Cấm Xuất khẩu                                   | Melt Blown filters (Masks)  | Bộ lọc Melt Blown (Mặt nạ)  |
| 18 |                | Xuất khẩu | Các yêu cầu cấp phép hoặc cho phép để xuất khẩu | Lọc mặt nạ  | Ngày 23 tháng 10 năm 2020: Hàn Quốc nâng cấp Xuất khẩu trên bộ lọc mặt nạ. Ngày 12/7/2020: Tạm thời Hạn chế lọc mặt nạ phòng độc.   |
| 19 |                | Nhập khẩu | Giảm thuế quan                                  | mặt nạ, bộ lọc  | Hàn Quốc đã miễn thuế đối với việc Nhập khẩu khẩu trang phẫu thuật và vệ sinh   |
| 20 |                | Xuất khẩu | Cấm Xuất khẩu                                   | sản phẩm cung cấp y tế, khẩu trang  | Một luật mới hoàn toàn cấm Xuất khẩu mặt nạ của Hàn Quốc và yêu cầu các nhà sản xuất phân phối 80% mặt nạ thông qua các kênh công khai chính thức.  |
| 21 |                | Nhập khẩu | Cấm Nhập khẩu                                   | nhựa phế thải   | Điều tra cấm Nhập khẩu nhựa phế thải (PET / PE / PP / PS) để thúc đẩy tái chế rác thải sinh hoạt do giá đầu giảm và tác động của COVID-19.  |
| 22 |                | Nhập khẩu | Cấm Nhập khẩu                                   | Động vật hoang dã bao gồm Rắn (phần bộ Serpentes), Dơi (bộ Chiroptera), Gấu trúc, Bộ gậy, Cây hương (họ Viverridae), Tê tê (họ Manidae) | Hạn chế nhập khẩu tạm thời các động vật hoang dã được coi là vật chủ trung gian có thể lây truyền COVID-19.   |
| 23 | Hàn Quốc       | Xuất khẩu | Cấm Xuất khẩu                                   | filters for masks   | Ngày 23 tháng 10 năm 2020: Hàn Quốc nâng cấp Xuất khẩu trên bộ lọc mặt nạ. Ngày 06 tháng 8 năm 2020: Tạm thời Hạn chế bộ lọc làm tan chảy và bộ lọc SMS (bộ lọc spunbond tan chảy spunbond) do sự bùng phát toàn cầu của COVID-19.  |
| 24 | Đức            | Xuất khẩu | Các yêu cầu cấp phép hoặc cho phép để xuất khẩu | sản phẩm cung cấp y tế, khẩu trang  | Bộ Kinh tế cho biết Đức đã một lần nữa dỡ bỏ Xuất khẩu đối với thiết bị y tế được ban hành vào đầu tháng này để tránh tình trạng thiếu khẩu trang, kính bảo hộ và gang tay.   |
| 25 | Vương quốc Anh | Xuất khẩu | Cấm Xuất khẩu                                   | Thuốc, dược phẩm  | Xuất khẩu của hơn 80 loại thuốc quan trọng đã bị cấm bởi các bộ trưởng để ngăn chặn NHS thiếu hụt các loại thuốc cần thiết để điều trị coronavirus.   |

|    |      |           |   |   |  |
|----|------|-----------|---|---|--|
| 26 |      | Xuất khẩu | Các yêu cầu cấp phép hoặc cho phép để xuất khẩu | kính bảo hộ, găng tay và quần áo, tấm che mặt, thiết bị bảo vệ mũi miệng, | Tạm thời cần có giấy phép để Xuất khẩu PPE bên ngoài EU, các quốc gia thành viên EFTA và một số vùng lãnh thổ khác.<br><br>Ngày 24 tháng 11 năm 2020: Biện pháp đã được gia hạn, ít nhất là đến ngày 31 tháng 12 năm 2020. Ngày 06 tháng 8 năm 2020: Danh sách đã được cập nhật và gia hạn. Khoản cứu trợ áp dụng đối với Nhập khẩu vào Vương quốc Anh từ ngày 30 tháng 1 năm 2020 cho đến ngày 31 tháng 10 năm 2020. Ngày 27 tháng 3 năm 2020: Không có thuế Nhập khẩu và VAT đối với thiết bị bảo hộ, thiết bị y tế liên quan hoặc thiết bị được đưa vào Vương quốc Anh từ các nước không thuộc EU trong thời gian bùng phát covid-19. |
| 27 |      | Nhập khẩu | Giảm thuế quan                                  | thiết bị hoặc dụng cụ y tế  | Vương quốc Anh tạm thời loại bỏ thuế Nhập khẩu và thuế VAT áp dụng đối với Nhập khẩu vắc xin COVID-19.   |
| 28 |      | Nhập khẩu | Giảm thuế quan                                  | COVID-19 vaccines.  |  |
| 29 |      | Nhập khẩu | Giảm thuế quan                                  | một số mặt hàng y tế  | Tạm thời loại bỏ thuế Nhập khẩu đối với một số mặt hàng y tế quan trọng đối với COVID-19.  |
| 30 | Pháp | Xuất khẩu | Cấm Xuất khẩu                                   | thuốc chữa bệnh hydroxychloroquine  | Ngày 11 tháng 5 năm 2020: Biện pháp bị bãi bỏ. Ngày 24 tháng 4 năm 2020: Pháp đã mở rộng danh sách các loại thuốc phải đối mặt với tiêu chuẩn Xuất khẩu. Ngày 25 tháng 3 năm 2020: Pháp đã cấm Xuất khẩu thuốc chữa bệnh dựa trên hydroxychloroquine.  |

## PHỤ LỤC 2: Các mặt hàng bị gắn “cờ đỏ” xuất khẩu từ Việt Nam sang Hoa Kỳ (Nguồn: UN Comtrade, 2021)

| STT | Mã HS hàng hóa | Năm  | Hàng hoá   | Giá trị thương mại (US \$) |
|-----|----------------|------|--|----------------------------|
| 1   | 722020         | 2018 | Thép không gỉ; cán phẳng, chiều rộng dưới 600mm, cán nguội   | 4412100                    |
|     |                | 2019 | Thép không gỉ; cán phẳng, chiều rộng dưới 600mm, cán nguội   | 5048188                    |
|     |                | 2020 | Thép không gỉ; cán phẳng, chiều rộng dưới 600mm, cán nguội   | 2505359                    |
| 2   | 730619         | 2018 | Sắt hoặc thép (trừ gang); ống đường dây dùng cho đường ống dẫn dầu hoặc khí đốt (không phải bằng thép không gỉ hoặc ống liền mạch), n.e.c. trong chương 73 | 17615425                   |
|     |                | 2019 | Sắt hoặc thép (trừ gang); ống đường dây dùng cho đường ống dẫn dầu hoặc khí đốt (không phải bằng thép không gỉ hoặc ống liền mạch), n.e.c. trong chương 73 | 2809359                    |
|     |                | 2020 | Sắt hoặc thép (trừ gang); ống đường dây dùng cho đường ống dẫn dầu hoặc khí đốt (không phải bằng thép không gỉ hoặc ống liền mạch), n.e.c. trong chương 73 | 62552                      |
| 3   | 730629         | 2018 | Sắt hoặc thép (trừ gang); vỏ và ống dùng trong khoan dầu khí (trừ thép không gỉ hoặc thép liền mạch), n.e.c. trong chương 73                               | 29171842                   |
|     |                | 2019 | Sắt hoặc thép (trừ gang); vỏ và ống dùng trong khoan dầu khí (trừ thép không gỉ hoặc thép liền mạch), n.e.c. trong chương 73                               | 36543283                   |
|     |                | 2020 | Sắt hoặc thép (trừ gang); vỏ và ống dùng trong khoan dầu khí (trừ thép không gỉ hoặc thép liền mạch), n.e.c. trong chương 73                               | 3984451                    |
| 4   | 730793         | 2018 | Sắt hoặc thép; ống hoặc phụ kiện đường ống, phụ kiện hàn đối đầu, trừ thép không gỉ  | 5193961                    |
|     |                | 2019 | Sắt hoặc thép; ống hoặc phụ kiện đường ống, phụ kiện hàn đối đầu, trừ thép không gỉ  | 12389204                   |
|     |                | 2020 | Sắt hoặc thép; ống hoặc phụ kiện đường ống, phụ kiện hàn đối đầu, trừ thép không gỉ  | 3743525                    |
| 5   | 720916         | 2018 | Sắt hoặc thép không hợp kim; ở dạng cuộn, cán phẳng, chiều rộng từ 600mm trở lên, cán nguội, có độ dày trên 1mm đến dưới 3mm                               | 117010395                  |
|     |                | 2019 | Sắt hoặc thép không hợp kim; ở dạng cuộn, cán phẳng, chiều rộng từ 600mm trở lên, cán nguội, có độ dày trên 1mm đến dưới 3mm                               | 47245610                   |
|     |                | 2020 | Sắt hoặc thép không hợp kim; ở dạng cuộn, cán phẳng, chiều rộng từ 600mm trở lên, cán nguội, có độ dày trên 1mm đến dưới 3mm                               | 6562240                    |
| 6   | 720917         |      |  |                            |

|    |        |      |   |           |
|----|--------|------|---|-----------|
|    |        | 2018 | Sắt hoặc thép không hợp kim; ở dạng cuộn, cán phẳng, chiều rộng từ 600mm trở lên, cán nguội, có độ dày từ 0,5mm trở lên nhưng không quá 1mm                   | 57304421  |
|    |        | 2019 | Sắt hoặc thép không hợp kim; ở dạng cuộn, cán phẳng, chiều rộng từ 600mm trở lên, cán nguội, có độ dày từ 0,5mm trở lên nhưng không quá 1mm                   | 22823118  |
|    |        | 2020 | Sắt hoặc thép không hợp kim; ở dạng cuộn, cán phẳng, chiều rộng từ 600mm trở lên, cán nguội, có độ dày từ 0,5mm trở lên nhưng không quá 1mm                   | 4022377   |
| 7  | 721049 | 2018 | Sắt hoặc thép không hợp kim; cán phẳng, chiều rộng từ 600mm trở lên, (không tôn), mạ hoặc tráng kẽm (không điện phân)   | 279503255 |
|    |        | 2019 | Sắt hoặc thép không hợp kim; cán phẳng, chiều rộng từ 600mm trở lên, (không tôn), mạ hoặc tráng kẽm (không điện phân)   | 68801826  |
|    |        | 2020 | Sắt hoặc thép không hợp kim; cán phẳng, chiều rộng từ 600mm trở lên, (không tôn), mạ hoặc tráng kẽm (không điện phân)   | 15714241  |
| 8  | 721230 | 2018 | Sắt hoặc thép không hợp kim; cán phẳng, chiều rộng dưới 600mm, được mạ hoặc tráng kẽm (không điện phân)   | 5460918   |
|    |        | 2019 | Sắt hoặc thép không hợp kim; cán phẳng, chiều rộng dưới 600mm, được mạ hoặc tráng kẽm (không điện phân)   | 5823689   |
|    |        | 2020 | Sắt hoặc thép không hợp kim; cán phẳng, chiều rộng dưới 600mm, được mạ hoặc tráng kẽm (không điện phân)   | 144487    |
| 9  | 721935 | 2018 | Thép không gỉ; cán phẳng, chiều rộng 600mm trở lên, cán nguội, có độ dày dưới 0,5mm   | 22253882  |
|    |        | 2019 | Thép không gỉ; cán phẳng, chiều rộng 600mm trở lên, cán nguội, có độ dày dưới 0,5mm   | 20946484  |
|    |        | 2020 | Thép không gỉ; cán phẳng, chiều rộng 600mm trở lên, cán nguội, có độ dày dưới 0,5mm   | 11820816  |
| 10 | 850780 | 2018 | Ắc quy điện; trừ axit-chì, niken-cadimi, niken-sắt, niken-kim loại hydro và liti-ion, kể cả các dải phân cách, có hoặc không hình chữ nhật (kể cả hình vuông) | 4456175   |
|    |        | 2019 | Ắc quy điện; trừ axit-chì, niken-cadimi, niken-sắt, niken-kim loại hydro và liti-ion, kể cả các dải phân cách, có hoặc không hình chữ nhật (kể cả hình vuông) | 543602    |
|    |        | 2020 | Ắc quy điện; trừ axit-chì, niken-cadimi, niken-sắt, niken-kim loại hydro và liti-ion, kể cả các dải phân cách, có hoặc không hình chữ nhật (kể cả hình vuông) | 130328    |
| 11 | 880330 | 2018 | Máy bay và tàu vũ trụ; các bộ phận của máy bay hoặc trực thăng n.e.c. trong tiêu đề số. 8803  | 73845672  |
|    |        | 2019 | Máy bay và tàu vũ trụ; các bộ phận của máy bay hoặc trực thăng n.e.c. trong tiêu đề số. 8803  | 159357823 |



|    |        |   |          |
|----|--------|---|----------|
|    | 2020   | Máy bay và tàu vũ trụ; các bộ phận của máy bay hoặc trực thăng n.e.c. trong tiêu đề số. 8803  | 39476743 |
| 12 | 271019 |   |          |
|    | 2018   | Dầu mỏ và dầu từ khoáng bitum, không chứa dầu diesel sinh học, không phải dầu thô, không phải dầu thải; các chế phẩm n.e.c, có chứa từ 70% trọng lượng trở lên từ dầu mỏ hoặc dầu từ khoáng bitum; không phải dầu nhẹ và các chế phẩm | 403368   |
|    | 2019   | Dầu mỏ và dầu từ khoáng bitum, không chứa dầu diesel sinh học, không phải dầu thô, không phải dầu thải; các chế phẩm n.e.c, có chứa từ 70% trọng lượng trở lên từ dầu mỏ hoặc dầu từ khoáng bitum; không phải dầu nhẹ và các chế phẩm | 261387   |
|    | 2020   | Dầu mỏ và dầu từ khoáng bitum, không chứa dầu diesel sinh học, không phải dầu thô, không phải dầu thải; các chế phẩm n.e.c, có chứa từ 70% trọng lượng trở lên từ dầu mỏ hoặc dầu từ khoáng bitum; không phải dầu nhẹ và các chế phẩm | 182544   |

### PHỤ LỤC 3: Các mặt hàng được gắn “cờ xanh” xuất khẩu từ Việt Nam sang Hoa Kỳ (Nguồn: UN Comtrade, 2021)

| STT | Mã HS hàng hóa | Năm  | Hàng hoá   | Giá trị thương mại (US \$) |
|-----|----------------|------|--|----------------------------|
| 1   | 160414         | 2018 | Các chế phẩm từ cá; cá ngừ, cá ngừ vằn và cá ngừ Đại Tây Dương ( <i>sarda spp.</i> ), đã chế biến hoặc bảo quản, nguyên con hoặc miếng (nhưng không băm) | 75486109                   |
|     |                | 2019 | Các chế phẩm từ cá; cá ngừ, cá ngừ vằn và cá ngừ Đại Tây Dương ( <i>sarda spp.</i> ), đã chế biến hoặc bảo quản, nguyên con hoặc miếng (nhưng không băm) | 114838755                  |
|     |                | 2020 | Các chế phẩm từ cá; cá ngừ, cá ngừ vằn và cá ngừ Đại Tây Dương ( <i>sarda spp.</i> ), đã chế biến hoặc bảo quản, nguyên con hoặc miếng (nhưng không băm) | 154905506                  |
| 2   | 392620         | 2018 | Chất dẻo; các mặt hàng may mặc và phụ kiện quần áo (bao gồm găng tay, găng tay và găng tay hở ngón)  | 4527085                    |
|     |                | 2019 | Chất dẻo; các mặt hàng may mặc và phụ kiện quần áo (bao gồm găng tay, găng tay và găng tay hở ngón)  | 12646394                   |
|     |                | 2020 | Chất dẻo; các mặt hàng may mặc và phụ kiện quần áo (bao gồm găng tay, găng tay và găng tay hở ngón)  | 21125523                   |
| 3   | 392690         | 2018 | Chất dẻo; các vật n.e.c. khác trong chương 39  | 115176327                  |
|     |                | 2019 | Chất dẻo; các vật n.e.c. khác trong chương 39  | 132895112                  |
|     |                | 2020 | Chất dẻo; các vật n.e.c. khác trong chương 39  | 224813649                  |
| 4   | 401519         | 2018 | Cao su; lưu hóa (trừ cao su cứng), găng tay, găng tay và găng tay hở ngón trừ găng tay phẫu thuật  | 12508582                   |
|     |                | 2019 | Cao su; lưu hóa (trừ cao su cứng), găng tay, găng tay và găng tay hở ngón trừ găng tay phẫu thuật  | 26217600                   |
|     |                | 2020 | Cao su; lưu hóa (trừ cao su cứng), găng tay, găng tay và găng tay hở ngón trừ găng tay phẫu thuật  | 63991149                   |
| 5   | 590390         | 2018 | Các loại vải dệt; ngâm tẩm, trắng, phủ hoặc dát mỏng bằng chất dẻo, (trừ polyvinyl clorua, polyurethane và những loại thuộc nhóm 5902)                   | 641444                     |
|     |                | 2019 | Các loại vải dệt; ngâm tẩm, trắng, phủ hoặc dát mỏng bằng chất dẻo, (trừ polyvinyl clorua, polyurethane và những loại thuộc nhóm 5902)                   | 1223268                    |
|     |                | 2020 | Các loại vải dệt; ngâm tẩm, trắng, phủ hoặc dát mỏng bằng chất dẻo, (trừ polyvinyl clorua, polyurethane và những loại thuộc nhóm 5902)                   | 994669                     |
| 6   | 611610         | 2018 | Găng tay, găng tay và găng tay hở ngón; dệt kim hoặc móc, ngâm tẩm, trắng hoặc phủ bằng chất dẻo hoặc cao su   | 26978333                   |
|     |                | 2019 | Găng tay, găng tay và găng tay hở ngón; dệt kim hoặc móc, ngâm tẩm, trắng hoặc phủ bằng chất dẻo hoặc cao su   | 40960343                   |



|    |        |      |   |           |
|----|--------|------|---|-----------|
|    |        | 2020 | Găng tay, găng tay và găng tay hở ngón; dệt kim hoặc móc, ngâm tẩm, trắng hoặc phủ bằng chất dẻo hoặc cao su  | 48274620  |
| 7  | 621010 |      |   |           |
|    |        | 2018 | Hàng may mặc; bằng ni hoặc không dệt (không dệt kim hoặc móc)   | 22918130  |
|    |        | 2019 | Hàng may mặc; bằng ni hoặc không dệt (không dệt kim hoặc móc)   | 51779931  |
|    |        | 2020 | Hàng may mặc; bằng ni hoặc không dệt (không dệt kim hoặc móc)   | 295129936 |
| 8  | 621020 |      |   |           |
|    |        | 2018 | Hàng may mặc; áo khoác ngoài, áo mưa, áo khoác xe hơi, áo choàng, áo choàng và các mặt hàng tương tự, dành cho nam hoặc nam, bằng các loại vải thuộc nhóm số. 5602, 5603, 5903, 5906 hoặc 5907 (không dệt kim hoặc móc)           | 2592980   |
|    |        | 2019 | Hàng may mặc; áo khoác ngoài, áo mưa, áo khoác xe hơi, áo choàng, áo choàng và các mặt hàng tương tự, dành cho nam hoặc nam, bằng các loại vải thuộc nhóm số. 5602, 5603, 5903, 5906 hoặc 5907 (không dệt kim hoặc móc)           | 5419848   |
|    |        | 2020 | Hàng may mặc; áo khoác ngoài, áo mưa, áo khoác xe hơi, áo choàng, áo choàng và các mặt hàng tương tự, dành cho nam hoặc nam, bằng các loại vải thuộc nhóm số. 5602, 5603, 5903, 5906 hoặc 5907 (không dệt kim hoặc móc)           | 13798051  |
| 9  | 621030 |      |   |           |
|    |        | 2018 | Hàng may mặc; áo khoác ngoài, áo mưa, áo khoác xe hơi, áo choàng, áo choàng và các sản phẩm tương tự, dành cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, bằng các loại vải thuộc nhóm số. 5602, 5603, 5903, 5906 hoặc 5907 (không dệt kim hoặc móc) | 12272444  |
|    |        | 2019 | Hàng may mặc; áo khoác ngoài, áo mưa, áo khoác xe hơi, áo choàng, áo choàng và các sản phẩm tương tự, dành cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, bằng các loại vải thuộc nhóm số. 5602, 5603, 5903, 5906 hoặc 5907 (không dệt kim hoặc móc) | 12394438  |
|    |        | 2020 | Hàng may mặc; áo khoác ngoài, áo mưa, áo khoác xe hơi, áo choàng, áo choàng và các sản phẩm tương tự, dành cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, bằng các loại vải thuộc nhóm số. 5602, 5603, 5903, 5906 hoặc 5907 (không dệt kim hoặc móc) | 66371275  |
| 10 | 621050 |      |   |           |
|    |        | 2018 | Hàng may mặc; phụ nữ hoặc trẻ em gái ', n.e.c. trong mục số. 6210.3, từ các loại vải thuộc nhóm số. 5602, 5603, 5903, 5906 hoặc 5907 (không dệt kim hoặc móc)   | 73000884  |
|    |        | 2019 | Hàng may mặc; phụ nữ hoặc trẻ em gái ', n.e.c. trong mục số. 6210.3, từ các loại vải thuộc nhóm số. 5602, 5603, 5903, 5906 hoặc 5907 (không dệt kim hoặc móc)   | 109447959 |
|    |        | 2020 | Hàng may mặc; phụ nữ hoặc trẻ em gái ', n.e.c. trong mục số. 6210.3, từ các loại vải thuộc nhóm số. 5602, 5603, 5903, 5906 hoặc 5907 (không dệt kim hoặc móc)   | 214074619 |
| 11 | 621600 |      |   |           |
|    |        | 2018 | Găng tay, găng tay và găng tay hở ngón (không dệt kim hoặc móc)   | 81886130  |
|    |        | 2019 | Găng tay, găng tay và găng tay hở ngón (không dệt kim hoặc móc)   | 77609454  |
|    |        | 2020 | Găng tay, găng tay và găng tay hở ngón (không dệt kim hoặc móc)   | 80656306  |
| 12 | 630790 |      |   |           |

|    |        |      |   |            |
|----|--------|------|---|------------|
| 13 | 640419 | 2018 | Hàng dệt may; các sản phẩm trang trí (bao gồm cả các mẫu trang phục), n.e.c. trong chương 63, n.e.c. trong tiêu đề số. 6307   | 270596588  |
|    |        | 2019 | Hàng dệt may; các sản phẩm trang trí (bao gồm cả các mẫu trang phục), n.e.c. trong chương 63, n.e.c. trong tiêu đề số. 6307   | 353857594  |
|    |        | 2020 | Hàng dệt may; các sản phẩm trang trí (bao gồm cả các mẫu trang phục), n.e.c. trong chương 63, n.e.c. trong tiêu đề số. 6307   | 916918527  |
| 14 | 650500 | 2018 | iày dép; (trừ quần áo thể thao), có đế ngoài bằng cao su hoặc chất dẻo và mũ bằng vật liệu dệt  | 1064935405 |
|    |        | 2019 | iày dép; (trừ quần áo thể thao), có đế ngoài bằng cao su hoặc chất dẻo và mũ bằng vật liệu dệt  | 1243922800 |
|    |        | 2020 | iày dép; (trừ quần áo thể thao), có đế ngoài bằng cao su hoặc chất dẻo và mũ bằng vật liệu dệt  | 1338420996 |
| 15 | 846610 | 2018 | Mũ và các vật đội đầu khác; dệt kim hoặc móc, hoặc làm từ ren, ni hoặc vải dệt khác, ở dạng mảnh (nhưng không ở dạng dải), đã hoặc chưa lót hoặc trang trí; lưới che tóc bằng bất kỳ chất liệu nào, đã hoặc chưa lót hoặc trang trí | 162089479  |
|    |        | 2019 | Mũ và các vật đội đầu khác; dệt kim hoặc móc, hoặc làm từ ren, ni hoặc vải dệt khác, ở dạng mảnh (nhưng không ở dạng dải), đã hoặc chưa lót hoặc trang trí; lưới che tóc bằng bất kỳ chất liệu nào, đã hoặc chưa lót hoặc trang trí | 195707110  |
|    |        | 2020 | Mũ và các vật đội đầu khác; dệt kim hoặc móc, hoặc làm từ ren, ni hoặc vải dệt khác, ở dạng mảnh (nhưng không ở dạng dải), đã hoặc chưa lót hoặc trang trí; lưới che tóc bằng bất kỳ chất liệu nào, đã hoặc chưa lót hoặc trang trí | 208308732  |
| 16 | 900490 | 2018 | Các bộ phận & phụ kiện chi phù hợp để sử dụng / chủ yếu cho các máy thuộc nhóm 8456-8465; giá đỡ dụng cụ và đầu cắt tự mở   | 953291     |
|    |        | 2019 | Các bộ phận & phụ kiện chi phù hợp để sử dụng / chủ yếu cho các máy thuộc nhóm 8456-8465; giá đỡ dụng cụ và đầu cắt tự mở   | 690117     |
|    |        | 2020 | Các bộ phận & phụ kiện chi phù hợp để sử dụng / chủ yếu cho các máy thuộc nhóm 8456-8465; giá đỡ dụng cụ và đầu cắt tự mở   | 736859     |
| 17 | 901890 | 2018 | Kính đeo, kính bảo hộ và các loại tương tự; (trừ kính râm) điều chỉnh, bảo vệ hoặc khác   | 2783384    |
|    |        | 2019 | Kính đeo, kính bảo hộ và các loại tương tự; (trừ kính râm) điều chỉnh, bảo vệ hoặc khác   | 682442     |
|    |        | 2020 | Kính đeo, kính bảo hộ và các loại tương tự; (trừ kính râm) điều chỉnh, bảo vệ hoặc khác   | 1958847    |

|    |        |      |   |          |
|----|--------|------|---|----------|
|    |        | 2018 | Dụng cụ và thiết bị y tế, phẫu thuật hoặc nha khoa; n.e.c. trong tiêu đề số. 9018                   | 22239110 |
|    |        | 2019 | Dụng cụ và thiết bị y tế, phẫu thuật hoặc nha khoa; n.e.c. trong tiêu đề số. 9018                   | 28833442 |
|    |        | 2020 | Dụng cụ và thiết bị y tế, phẫu thuật hoặc nha khoa; n.e.c. trong tiêu đề số. 9018                   | 33953855 |
| 18 | 902519 | 2018 | Nhiệt kế và nhiệt kế; (trừ chất lỏng đồ đầy, để đọc trực tiếp), không kết hợp với các thiết bị khác | 1038756  |
|    |        | 2019 | Nhiệt kế và nhiệt kế; (trừ chất lỏng đồ đầy, để đọc trực tiếp), không kết hợp với các thiết bị khác | 6656008  |
|    |        | 2020 | Nhiệt kế và nhiệt kế; (trừ chất lỏng đồ đầy, để đọc trực tiếp), không kết hợp với các thiết bị khác | 40109595 |

## PHỤ LỤC 4: Xuất khẩu hàng hóa từ Việt Nam sang Trung Quốc

(Nguồn: UN Comtrade, 2021)

| STT | Mã HS hàng hóa | Hàng hoá   |
|-----|----------------|--|
| 1   | 520527         | Sợi bông; (không phải chỉ khâu), sợi đơn, từ xơ chải kỹ, tỷ trọng bông từ 85% trở lên, dưới 106,38 nhưng không dưới 83,33 decitex (trên 94 nhưng không quá 120 theo số mét), không bán lẻ                                    |
| 2   | 520548         | Sợi bông; (không phải chỉ khâu), nhiều sợi hoặc sợi cáp, từ xơ chải kỹ, tỷ trọng bông từ 85% trở lên, dưới 83,33 decitex (trên 120 hệ mét) trên mỗi sợi đơn, không bán lẻ  |
| 3   | 520611         | Sợi bông; (không phải chỉ khâu), sợi đơn, từ xơ chưa chải kỹ, có tỷ trọng bông dưới 85%, độ mảnh từ 714,29 decitex trở lên (số hệ mét không quá 14), không bán lẻ  |
| 4   | 520612         | Sợi bông; (không phải chỉ khâu), sợi đơn, từ xơ chưa chải kỹ, có tỷ trọng bông dưới 85%, nhỏ hơn 714,29 nhưng không dưới 232,56 decitex (trên 14 nhưng không quá 43 hệ mét), không bán lẻ                                    |
| 5   | 520623         | Sợi bông; (không phải chỉ khâu), dạng sợi đơn, từ xơ chải kỹ, có tỷ trọng bông dưới 85%, nhỏ hơn 232,56 nhưng không dưới 192,31 decitex (trên 43 nhưng không quá 52 chỉ số), không bán lẻ                                    |
| 6   | 30389          | Cá; đông lạnh, n.e.c. trong nhóm 0303, trừ philê, thịt cá từ 0304 và nội tạng cá ăn được của các phân nhóm 0303.91 đến 0303.99   |
| 7   | 100630         | Ngũ cốc; gạo, nửa xay hoặc xát toàn bộ, đã hoặc chưa đánh bóng hoặc tráng men  |
| 8   | 740400         | Đồng; phế thải và mảnh vụn   |
| 9   | 760200         | Nhôm; phế thải và mảnh vụn   |
| 10  | 844331         | Máy in, sao chép và fax; máy thực hiện hai hoặc nhiều chức năng in, sao chép hoặc truyền fax, có khả năng kết nối với máy xử lý dữ liệu tự động hoặc với mạng  |
| 11  | 848180         | òì, tắc te, van và các thiết bị tương tự; cho đường ống, vỏ nồi hơi, bể chứa, thùng chứa hoặc tương tự, bao gồm cả van điều khiển bằng nhiệt   |
| 12  | 848310         | Trục truyền động (bao gồm trục cam và trục quay) và tay quay   |
| 13  | 851762         | Thiết bị thông tin liên lạc (không bao gồm máy điện thoại hoặc trạm gốc); máy thu, chuyên đổi và truyền hoặc tái tạo giọng nói, hình ảnh hoặc dữ liệu khác, bao gồm cả thiết bị chuyển mạch và định tuyến                    |
| 14  | 854370         | Máy và thiết bị điện; có các chức năng riêng lẻ, chưa được chỉ định hoặc bao gồm ở nơi khác trong chương này, n.e.c. trong tiêu đề số. 8543  |
| 15  | 900219         | Ống kính; vật kính, (trừ cho máy ảnh, máy chiếu hoặc máy phóng to hoặc thu nhỏ ảnh), được gắn bằng bất kỳ vật liệu nào (ngoại trừ các thành phần của thủy tinh không được gia công về mặt quang học)                         |
| 16  | 901890         | Dụng cụ và thiết bị y tế, phẫu thuật hoặc nha khoa; n.e.c. trong tiêu đề số. 9018  |
| 17  | 540220         | Sợi tổng hợp; filament, monofilament (dưới 67 decitex), bằng sợi polyeste có độ bền cao, đã hoặc chưa kết cấu, không dùng để bán lẻ, không phải chỉ khâu   |
| 18  | 540244         | Sợi tổng hợp; filament, monofilament (dưới 67 decitex), trừ sợi có độ bền cao hoặc sợi có kết cấu, đàn hồi, đơn, không xoắn hoặc xoắn 50 vòng trở xuống trên mỗi mét, không bán lẻ, không phải chỉ khâu                      |
| 19  | 540246         | Sợi tổng hợp; filament, monofilament (dưới 67 decitex), bằng polyeste (độ bền hoặc kết cấu không cao), được định hướng một phần, đơn, không xoắn hoặc xoắn 50 vòng trở xuống trên mỗi mét, không bán lẻ, không phải chỉ khâu |
| 20  | 540247         | Sợi tổng hợp; dây tóc, monofilament (dưới 67 decitex), polyeste (độ bền hoặc kết cấu không cao), không định hướng từng phần, đơn, không xoắn hoặc xoắn 50 vòng trở xuống trên mỗi mét, không bán lẻ, không phải chỉ khâu     |

|    |        |   |
|----|--------|---|
| 21 | 902790 | Microtomes và các bộ phận và phụ kiện của chúng   |
| 22 | 902830 | Đồng hồ đo; cung cấp điện hoặc công tơ sản xuất, bao gồm cả công tơ hiệu chuẩn của chúng  |
| 23 | 902890 | Đồng hồ đo; các bộ phận và phụ kiện của đồng hồ đo khí, lỏng, cung cấp điện hoặc sản xuất, bao gồm cả đồng hồ hiệu chuẩn của chúng  |
| 24 | 903190 | Dụng cụ, thiết bị và máy móc; các bộ phận và phụ kiện cho các thiết bị đo lường hoặc kiểm tra thuộc nhóm số. 9031   |
| 25 | 903289 | Điều tiết hoặc kiểm soát các công cụ và bộ máy; tự động, trừ thủy lực hoặc khí nén  |
| 26 | 440839 | Gỗ, của gỗ nhiệt đới; như trong Chú giải phân nhóm 2 của Chương này, n.e.c. trong tiêu đề số. 4408.31, tấm làm ván lạng hoặc ván ép, các loại gỗ khác có chiều dài xẻ khôn, cắt lát hoặc bóc vỏ, đã hoặc chưa bào, đánh nhám hoặc ghép đầu, không dày hơn 6mm |
| 27 | 440890 | Gỗ; n.e.c. trong tiêu đề số. 4408, tấm làm ván lạng hoặc ván ép, gỗ khác xẻ dọc, cắt lát hoặc bóc vỏ, đã hoặc chưa bào, đánh nhám hoặc ghép cuối, chiều dày không quá 6mm   |
| 28 | 482390 | Bột giấy, giấy, bìa, tấm lót xenlulo hoặc màng sợi xenlulo; các bài báo n.e.c. trong tiêu đề số. 4823   |
| 29 | 854231 | Mạch tích hợp điện tử; bộ xử lý và bộ điều khiển, đã hoặc chưa kết hợp với bộ nhớ, bộ chuyển đổi, mạch logic, bộ khuếch đại, mạch đồng hồ và thời gian hoặc các mạch khác   |
| 30 | 854232 | Mạch tích hợp điện tử; ký ức  |
| 31 | 854239 | Mạch tích hợp điện tử; n.e.c. trong tiêu đề số. 8542  |
| 32 | 480255 | Giấy và bìa không tráng phủ (không phải 4801 hoặc 4803); in, viết hoặc đồ họa, từ 10% trở xuống trọng lượng sợi đã qua xử lý cơ học hoặc cơ khí hóa học, trọng lượng từ 40g /m <sup>2</sup> đến 150g/m <sup>2</sup> , ở dạng cuộn                             |
| 33 | 480431 | Giấy và bìa kraft; chưa tráng, chưa tẩy trắng, trọng lượng từ 150g / m <sup>2</sup> trở xuống, ở dạng cuộn hoặc tấm, trừ loại thuộc nhóm số. 4802 hoặc 4803   |
| 34 | 480511 | Giấy và bìa; không tráng phủ, giấy thô bán hóa chất, cuộn hoặc tờ   |
| 35 | 480519 | Giấy và bìa; không tráng phủ, giấy gấp nếp trừ giấy bán hóa chất hoặc rơm, cuộn hoặc tờ   |
| 36 | 480524 | Giấy & bìa; không tráng phủ, testliner (tấm lót tái chế), trọng lượng 150g/m <sup>2</sup> trở xuống, ở dạng cuộn hoặc tấm   |
| 37 | 480525 | Giấy & bìa; không tráng phủ, testliner (tấm lót tái chế), trọng lượng trên 150g/m <sup>2</sup> , ở dạng cuộn hoặc tấm   |
| 38 | 852580 | Máy quay truyền hình, máy ảnh kỹ thuật số và máy ghi hình máy quay phim   |

## HIỆP ĐỊNH EVFTA VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI NỀN KINH TẾ VIỆT NAM

*ThS. Vũ Nhật Quang*

**Viện Kinh tế và Chính trị thế giới**

**Tóm tắt:** *Hội nhập là một xu thế tất yếu, không quốc gia nào có thể nằm ngoài xu thế này. Với phương châm hội nhập quốc tế sâu rộng, Việt Nam này càng tích cực tham gia vào các hợp tác song phương và đa phương để tiếp cận được các thị trường nước ngoài phục vụ các mục tiêu xây dựng và phát triển đất nước. Kể từ khi chính thức có hiệu lực vào ngày 1-8-2021, Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA) đã thúc đẩy mạnh mẽ các hoạt động kinh tế, thương mại, chính trị của Việt Nam. Sau hơn một năm thực thi Hiệp định, kim ngạch thương mại xuất nhập khẩu giữa Việt Nam - EU đã tăng 18%. Việt Nam xuất siêu sang EU hơn 11 tỷ USD, trong đó bao gồm nhiều mặt hàng thế mạnh như dệt may, da giày, nông thủy sản... Việt Nam đã tận dụng tốt được lợi thế ở cả mảng xuất nhập khẩu và xuất khẩu. Tuy nhiên, bên cạnh những lợi thế đã được tận dụng tốt, Việt Nam cũng còn phải đối mặt với một số khó khăn trong quá trình thực thi Hiệp định, như những quy định liên quan đến nguồn gốc xuất xứ, thực thi pháp luật, sở hữu trí tuệ và tiêu chuẩn môi trường..., những vấn đề này sẽ mang đến thách thức nhất định cho sự phát triển kinh tế và xã hội của Việt Nam. Việt Nam là đối tác thương mại quan trọng trong EU, do đó nghiên cứu và đánh giá thành quả và những khó khăn trong quá trình thực thi EVFTA có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của Việt Nam trong bối cảnh đại dịch COVID-19 vẫn diễn biến hết sức phức tạp, cuộc cạnh tranh thương mại Mỹ-Trung chưa có hồi kết. Bên cạnh đó, nền kinh tế thế giới đã chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ cuộc xung đột Nga - Ukraine (tháng 2-2022), cuộc xung đột đã tác động lên tất cả các lĩnh vực, làm gián đoạn chuỗi giá trị sản xuất quan trọng, làm suy giảm các ngành tiêu dùng, ảnh hưởng đến kim ngạch thương mại xuất nhập khẩu, khiến các doanh nghiệp trong nước lâm vào tình trạng khó khăn do nhu cầu thương mại sụt giảm.*

### **1. Những lợi ích mà Hiệp định EVFTA mang lại cho Việt Nam**

Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA) là hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, toàn diện và mở cửa thị trường đầu tiên của Liên minh châu Âu (EU) với một quốc gia đang phát triển tại châu Á. Việt Nam đã tích cực thúc

đẩy tiến trình triển khai EVFTA. Hiệp định EVFTA có hiệu lực, tạo động lực phát triển kinh tế Việt Nam.

*Thứ nhất, lợi ích về kinh tế.* Khi hiệp định có hiệu lực, các rào cản thuế quan và thương mại giữa Việt Nam và EU giảm, các doanh nghiệp Việt Nam có thêm nhiều cơ hội tham gia sâu, rộng hơn và chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu, cũng như mở rộng thị trường quốc tế. Những cam kết liên quan đến quy mô và mức độ đầu tư trong hiệp định sẽ thay thế hiệp định đầu tư song phương giữa Việt Nam và các nước thành viên EU, giúp Việt Nam tiếp tục cải cách cơ cấu kinh tế, hoàn thiện thể chế kinh tế và cải thiện môi trường kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư EU triển khai các hoạt động kinh doanh tại Việt Nam. Khi Hiệp định có hiệu lực, rào cản đối với hàng hóa EU tiếp cận thị trường Việt Nam sẽ giảm, buộc các doanh nghiệp Việt Nam phải nâng cao chất lượng và hiệu quả sản xuất để tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Ngoài ra, hiệp định EVFTA mang đến cho Việt Nam cơ hội thu hút thêm nhiều vốn đầu tư từ EU, đặc biệt trong các lĩnh vực như công nghệ cao, kỹ năng và kinh nghiệm quản lý hiện đại. Hiệp định EVFTA giúp tổng sản phẩm quốc nội (GDP) Việt Nam tăng 2% lên 2,5%, xuất khẩu của Việt Nam sang EU tăng 75% và nhập khẩu tăng từ 25% lên 35%. Trong giai đoạn 2020-2023, EVFTA giúp GDP bình quân hàng năm Việt Nam tăng từ 2,18% lên 3,25%, triển vọng tăng hơn 4% trong năm 2024<sup>1</sup>.

*Thứ hai, lợi ích về chiến lược.* Hiệp định thúc đẩy vai trò Việt Nam với tư cách là một quốc gia quan trọng trong khu vực, nâng cao vị thế của Việt Nam trong khu vực và tại các diễn đàn đại chính trị ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương. Những năm gần đây, Việt Nam tích cực thực hiện chính sách ngoại giao cân bằng giữa các nước lớn, thông qua đó giảm thiểu chi phí cạnh tranh và khéo léo tìm kiếm lợi ích chiến lược. Trong bối cảnh xung đột thương mại Mỹ - Trung chưa có hồi kết và rủi ro địa chính trị ở Biển Đông ngày càng gia tăng, việc Việt Nam tăng cường quan hệ kinh tế và thương mại với EU không những giúp Việt Nam bảo vệ an ninh kinh tế và tăng cường vị thế của chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa và đa phương hóa, mà còn có thể thúc đẩy chính trị cũng như đặt nền tảng vững chắc cho việc tăng cường hợp tác chính trị và quân sự với EU. EVFTA là hiệp định đầu tiên được ký EU ký kết với một quốc gia đang phát triển ở châu Á nên dưới ảnh hưởng của các nhân tố như tiến trình toàn

---

<sup>1</sup> Dự án hỗ trợ chính sách thương mại và đầu tư EU cho Việt Nam (MUTRAP)

cầu hóa bị cản trở, đại dịch Covid-19, xung đột Nga - Ukraine, Việt Nam cùng với EVFTA nỗ lực trong việc bảo vệ thương mại tự do, phát huy vai trò dẫn dắt trong khu vực, và tích cực mở cửa và hội nhập kinh tế thế giới.

*Thứ ba, EVFTA giúp bảo vệ an ninh kinh tế, cơ hội phát triển lĩnh vực hậu cần (Logistics).* Việt Nam coi EVFTA là một khâu quan trọng trong việc bảo vệ an ninh kinh tế và chính trị, giúp Việt Nam giảm bớt sự phụ thuộc vào nền kinh tế của các nước, bảo vệ an ninh kinh tế và ứng phó tốt hơn với tình hình bất ổn trong khu vực và trên thế giới. Ký kết hiệp định EVFTA giúp Việt Nam giảm phụ thuộc và một thị trường nước ngoài, đồng thời nâng cao khả năng tự chủ, và khả năng bảo vệ an ninh kinh tế. Thông qua hiệp định EVFTA các doanh nghiệp Việt Nam có cơ hội tham gia chuỗi cung ứng mới để thay thế chuỗi cung ứng chuyên thống đã bị gián đoạn do đại dịch Covid-19. Thương mại Việt Nam - EU tăng cơ hội đầu tư vào Logistics, (mục tiêu năm 2025 Việt Nam trở thành trung tâm logistics của khu vực). Từ chính sách mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam thu hút đầu tư của nhiều nhà khai thác cảng và các hãng tàu hàng đầu thế giới như: Tập đoàn APMT - Đan Mạch tại Cảng CMIT; PSA của Singapore tại SP-PSA, CICT; Tập đoàn DP World (UAE) tại cảng SPCT (TP HCM)...<sup>2</sup> tạo ra cơ hội nhu cầu mới trong ngành vận tải đường sắt và đường biển. Bên cạnh đó, do ảnh hưởng đại dịch Covid-19 làm tắc nghẽn và thiếu container vận chuyển hàng hóa bằng đường sắt, điều này làm cản trở phát triển vận tải biển.

## **2. Thành quả tham gia EVFTA của Việt Nam**

Sau hai năm Hiệp định EVFTA có hiệu lực, trước khó khăn đại dịch Covid-19, cuộc xung đột Nga - Ukraine làm ảnh hưởng thương mại xuất nhập khẩu. Tuy nhiên, EVFTA mang đến cơ hội, mở cửa thị tạo ra phát triển kinh tế cho Việt Nam. EVFTA là hiệp định có sự ràng buộc về pháp lý, Việt Nam và EU ký kết đã thúc đẩy sự phát triển kinh tế và thương mại hai bên. Tác động tích cực của hiệp định EVFTA với Việt Nam chủ yếu ở lĩnh vực kinh tế. Hiệp định EVFTA mang lại nhiều ưu đãi lớn trong số các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết. Hiệp định EVFTA đã xóa bỏ 85,6% thuế nhập khẩu đối với hàng hóa Việt Nam, tương đương 70,3% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam. Lộ trình sau 7 năm khi hiệp định có hiệu lực, EU sẽ xóa bỏ 99,2% thuế nhập khẩu, tương đương 99,7% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam (0,3% còn lại sẽ được hưởng thuế suất 0%). Việt Nam cam kết xóa bỏ 48,5% thuế nhập khẩu

<sup>2</sup> Hàng hải vươn mình “đón sóng”, <https://www.vinamarine.gov.vn/vi/tin-tuc/hang-hai-vuon-minh-don-song>



đối với hàng hóa EU, tương đương 64,5% kim ngạch xuất khẩu của EU sang Việt Nam. Sau 7 năm, Việt Nam xóa bỏ 99,8% thuế nhập khẩu, tương đương 98,3% kim ngạch xuất khẩu EU sang Việt Nam (1,7% còn lại sẽ được hưởng thuế suất 0% trong vòng 10 năm tiếp theo)<sup>3</sup>. Việt Nam nhận được nhiều đơn đặt hàng với hàng dệt may, hải sản, rau quả, sản phẩm gỗ, điện tử, điện thoại và các sản phẩm nhiệt đới. Các mặt hàng thủy sản, thị trường EU chiếm 17%-18% tổng giá trị xuất khẩu mặt hàng thủy sản của Việt Nam. Lộ trình trong ba đến bốn năm thuế suất giảm khoảng 90% đối với hàng hải sản giảm từ mức 14% xuống còn 0%. Mặt hàng thủy hải sản Việt Nam sẽ mang lại nhiều lợi ích kinh tế hơn. Bên cạnh đó, các mặt hàng nông, lâm, cà phê tăng cao lên đến 57,1%, giá trị đạt 1,7 tỷ USD, thủy sản tăng 46,6% đạt 3,6 tỷ USD, hạt tiêu tăng 28%, đạt 362 triệu USD, cao su tăng 9,3% đạt 857 triệu USD tập trung xuất khẩu vào thị trường tiềm năng như Đức, Italy, Tây Ban Nha và Bỉ. Mặt hàng cà phê, hạt điều, cao su, rau quả, hạt tiêu, gạo và chè làm những mặt hàng đóng góp lớn vào tổng kim ngạch xuất khẩu ngành hàng đối với EU có mặt tăng trưởng cao trong năm 2022. Đặc biệt cà phê có lợi thế thuế suất bằng 0% gia tăng thị phần trong tổng nhu cầu cà phê của EU<sup>4</sup>.

Ngành chế tạo của Việt Nam đón nhận diện mạo phát triển mới. Điện thoại, máy tính và các sản phẩm điện tử là những mặt hàng xuất khẩu quan trọng nhất của Việt Nam sang thị trường EU. Miễn thuế không những tạo ra ưu thế cạnh tranh cho các mặt hàng điện tử xuất khẩu của Việt Nam, thúc đẩy các doanh nghiệp nước ngoài dịch chuyển nhà máy từ các nước đến Việt Nam để tận dụng ưu thế về thuế quan. EVFTA thúc đẩy các ngành nghề của Việt Nam phát triển như ngành tài chính, ngân hàng, du lịch, và vận tải hàng không. EU chủ yếu xuất khẩu máy móc, chế phẩm hóa học và thiết bị vận tải sang Việt Nam. Đây là lĩnh vực quan trọng giúp thúc đẩy mô hình phát triển kinh tế và tiến trình hiện đại hóa của Việt Nam, có lợi cho các doanh nghiệp Việt Nam trong việc nâng cao năng suất lao động và tăng cường ứng dụng công nghệ cao, mang lại cơ hội, hội nhập sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Những cam kết có liên quan đến quy mô và mức độ đầu tư trong hiệp định sẽ thay thế hiệp định đầu tư song phương giữa Việt Nam và các nước thành viên EU, có lợi cho Việt Nam trong việc tiếp tục cải cách cơ cấu kinh tế, hoàn thiện thể chế và môi trường kinh doanh, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư EU triển khai hoạt động kinh doanh ở

<sup>3</sup> Vụ Chính sách Thương mại đa biên, Bộ Công Thương 2021

<sup>4</sup> Kỳ vọng xuất khẩu bút phá trong năm 2022, (<https://www.gso.gov.vn/>)

Việt Nam. Hiệp định EVFTA thúc đẩy GDP của Việt Nam tăng từ 2,18% lên 3,25%; trong giai đoạn 2018-2024 từ 4,57% lên 5,30% và trong giai đoạn 2029-2033 từ 7,07% lên 7,72%<sup>5</sup>.

Hiệp định EVFTA tác động đến thể chế. EVFTA sẽ là cơ hội để Việt Nam tiếp tục cải cách thể chế - pháp lý phù hợp với các chuẩn mực quốc tế, hoàn thiện môi trường kinh doanh theo hướng cởi mở, minh bạch và dễ dự báo, qua đó thúc đẩy cả đầu tư trong và ngoài nước cũng như các hoạt động kinh doanh khác, bao gồm giao dịch xuyên biên giới, dịch vụ xuyên biên giới,... Ngoài ra, các sửa đổi, bổ sung đối với EVFTA trong một số lĩnh vực như sở hữu trí tuệ cũng sẽ giúp doanh nghiệp được hưởng sự bảo hộ lớn hơn đối với kết quả đầu tư cho hoạt động sáng tạo. Đây là động lực để các doanh nghiệp tiếp tục đầu tư nhiều hơn vào các hoạt động sáng tạo nhằm đổi mới công nghệ, tạo môi trường tốt để thu hút chuyển giao công nghệ nước ngoài nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm Việt Nam.

Hiệp định EVFTA cải thiện an sinh xã hội. EVFTA kỳ vọng giúp tăng thêm khoảng 146.000 lao động/năm, tập trung vào các ngành thâm hụt lao động và tỷ lệ xuất khẩu cao vào thị trường EU. Không chỉ vậy, Hiệp định EVFTA còn được kỳ vọng sẽ giúp tăng lương cho người lao động thông qua hoạt động thị trường hiệu quả hơn và tác động lan tỏa đến các doanh nghiệp FDI. Theo tính toán, mức lương của doanh nghiệp FDI sẽ cao hơn doanh nghiệp trong nước xấp xỉ 1%. Ngoài ra, do nền kinh tế của các nước thành viên EU phát triển ở trình độ cao hơn Việt Nam và mang tính hỗ trợ cho nền kinh tế Việt Nam nên hàng nhập khẩu từ các nước EU phần lớn không có tính cạnh tranh trực tiếp, do đó với lộ trình giảm thuế hợp lý, kết hợp với hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội, Việt Nam có thể xử lý được các vấn đề xã hội nảy sinh khi tham gia EVFTA. Hiệp định EVFTA bao gồm các cam kết về bảo vệ môi trường, quá trình mở cửa, tự do hóa thương mại và thu hút đầu tư sẽ được thực hiện theo hướng thân thiện hơn với môi trường, giúp kinh tế Việt Nam phát triển bền vững, vững chắc.

Bên cạnh những cơ hội, phát triển kinh tế. Việt Nam gặp những khó khăn trong cam kết mở cửa thị trường hàng hóa và dịch vụ cho EU, tạo áp lực cạnh tranh nhất định đối với nền kinh tế, doanh nghiệp và hàng hóa, dịch vụ Việt Nam. Tuy nhiên, đây là áp lực cạnh tranh lành mạnh, có chọn lọc. Quan trọng hơn, do cơ cấu kinh tế của EU và Việt Nam bổ sung cho nhau, không có sự đối đầu trực tiếp nên áp lực cạnh tranh

<sup>5</sup> Final-report-AGB-2020, (<https://www.aciar.gov.au/>)

không lớn. Ngoài ra, cam kết mở cửa của Việt Nam có lộ trình, nhất là đối với các nhóm hàng nhạy cảm, nên Hiệp định EVFTA cũng là cơ hội và áp lực để các doanh nghiệp Việt Nam điều chỉnh, thay đổi phương thức kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh. Trước sức ép cạnh tranh, hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa tận dụng cơ hội cũng như hạn chế thấp nhất những thách thức gặp phải trong quá trình thực hiện Hiệp định EVFTA. Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, ngành tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết của doanh nghiệp về các quy định và cam kết của Hiệp định. Ngoài ra, Chính phủ cũng chỉ đạo các bộ, ngành chủ động nghiên cứu, áp dụng các biện pháp được phép áp dụng phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam nói chung và EVFTA nói riêng để hỗ trợ và bảo vệ lợi ích. lợi ích hợp pháp của các ngành sản xuất trong nước trước sự cạnh tranh của hàng hóa nước ngoài.

Hiệp định EVFTA bao gồm các quy tắc và quy định chặt chẽ về thủ tục đầu tư, hải quan, tạo thuận lợi thương mại, tiêu chuẩn kỹ thuật, các biện pháp kiểm dịch động thực vật, sở hữu trí tuệ và mua bán. mua sắm chính phủ, phát triển bền vững,... Việc tuân thủ đầy đủ các quy định này đòi hỏi phải cải cách hệ thống pháp luật Việt Nam. Tuy nhiên, về cơ bản, điều này cũng phù hợp với chủ trương cải cách thủ tục hành chính, tăng hiệu quả mua sắm công, đổi mới mô hình tăng trưởng. Mặt khác, công tác này đã được Chính phủ triển khai tích cực, khẩn trương. Ngay trước khi EVFTA được ký kết, Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, ngành phối hợp với Bộ Tư pháp khẩn trương rà soát các quy định hiện hành của các văn bản quy phạm pháp luật do mình quản lý để đề xuất hướng giải quyết. được sửa đổi, bổ sung hoặc áp dụng chính thức để đảm bảo phù hợp với các yêu cầu của EVFTA.

Việt Nam đã tận dụng tốt lợi thế thương mại xuất nhập khẩu với EU, xuất nhập khẩu tăng theo các năm, cho đến nay Việt Nam đang dẫn đầu thương mại với EU, với nhiều lợi thế để duy trì tăng trưởng đều thương mại xuất nhập khẩu. Việt Nam cần tiếp tục xây dựng các cơ chế, chính sách xúc tiến thương mại phù hợp. Các cơ chế, chính sách xuất khẩu không chỉ theo hướng thúc đẩy xuất khẩu mà cần có cơ chế thúc đẩy phát triển nhập khẩu bền vững. Các chính sách, các mặt hàng chiến lược, chú trọng bảo vệ lợi ích doanh nghiệp Việt Nam. Cung cấp thông tin cho các doanh nghiệp về cơ hội phát triển thị trường, phương hướng phát triển, đa dạng hóa thị trường, hỗ trợ

doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh, phát huy lợi thế so sánh để duy trì phát huy lợi thế có sẵn trong quan hệ thương mại với EU.

### **3. Những vấn đề còn tồn tại Việt Nam tham gia EVFTA**

Bên cạnh những lợi thế tăng thương mại xuất nhập khẩu sâu rộng vào thị trường EU, thúc đẩy phát triển kinh tế Việt Nam, trong quá trình thực hiện Hiệp định EVFTA Việt Nam còn gặp phải những vấn đề sau:

*Thứ nhất, Hiệp định EVFTA làm tăng áp lực cạnh tranh đối với các doanh nghiệp trong nước.* Việt Nam được miễn hơn 90% thuế quan cho hàng hóa của EU, nên nhiều mặt hàng có khả năng cạnh tranh mạnh của châu Âu tràn vào thị trường Việt Nam. Hầu hết các doanh nghiệp Việt Nam đều là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, trong khi các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đến từ EU có ưu thế về vốn, nhân lực và công nghệ, có ưu thế về kinh nghiệm quản lý, uy tín trên thế giới. Các doanh nghiệp EU có khả năng cạnh tranh mạnh mẽ, kinh nghiệm thị trường phong phú, chất lượng sản phẩm tốt và khả năng tối ưu hóa các hiệp định thương mại tự do, điều này làm giảm thị phần cho các doanh nghiệp trong nước. Theo kết quả khảo sát Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), khoảng 70% doanh nghiệp trong nước vẫn còn chưa hiểu rõ về EVFTA, doanh nghiệp chưa nhận thức được những cơ hội mà hiệp định mang lại. Các doanh nghiệp không còn được ưu tiên trong phân bổ các nguồn lực như trước. Doanh nghiệp nhà nước là đơn vị cơ sở của nền kinh tế, ưu thế của các doanh nghiệp bị tổn hại, lợi ích chính trị và kinh tế của nhà nước cũng bị tổn hại.

*Thứ hai, doanh nghiệp Việt Nam phải tuân thủ các quy định khắt khe hơn.* Hiệp định EVFTA đưa ra những quy định khắt khe đối với hàng hóa về các vấn đề như nguồn gốc xuất xứ, bảo vệ môi trường, tiêu chuẩn kỹ thuật, bán phá giá... Hiện nay, nguồn nguyên liệu dùng để sản xuất hàng xuất khẩu của Việt Nam chủ yếu được nhập khẩu từ Trung Quốc, Hàn Quốc và một số quốc gia ASEAN, việc quy định về nguồn gốc xuất xứ sẽ là thách thức lớn đối với doanh nghiệp Việt Nam. Hàng hóa Việt Nam xuất khẩu sang thị trường EU cần phải có chứng nhận xuất xứ ở Việt Nam từ giai đoạn sản xuất nguyên liệu. Đây là điều kiện cơ bản để hàng hóa Việt Nam được hưởng thuế ưu đãi. Nếu không tuân thủ quy định về nguồn gốc xuất xứ, thì hàng hóa Việt Nam sẽ không được hưởng thuế ưu đãi, cho dù vẫn có thể xuất sang thị trường EU. Bảo vệ môi trường, quy định EVFTA trong cam kết và nghĩa vụ đối với môi trường nghiêm ngặt.

Việt Nam đã ban hành nhiều quy định pháp lý về môi trường, vệ sinh và tiêu chuẩn kỹ thuật, nhưng phần nào vẫn chưa đáp ứng tiêu chuẩn của EU. Các yêu cầu bắt buộc của EU về môi trường đối với mặt hàng dệt may xuất khẩu quan trọng của Việt Nam. Mặc dù các nhà sản xuất Việt Nam đã đáp ứng được các quy định trong Hiệp định về rào cản kỹ thuật trong thương mại (Hiệp định TBT) và Hiệp định vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (Hiệp định SPS) của tổ chức thương mại thế giới (WTO), nhưng nhiều hàng hóa của Việt Nam vẫn bị từ chối khi xuất khẩu sang EU. Hiện nay, mức độ sẵn sàng của các doanh nghiệp Việt Nam vẫn còn tương đối hạn chế. Mở rộng thị trường EU các doanh nghiệp phải vượt qua nhiều thách thức không nhỏ.

*Thứ ba, EVFTA ảnh hưởng đến an ninh chính trị.* Các nước EU có ý kiến khác nhau về việc ký kết EVFTA, đã có những tranh cãi về vấn đề chính trị và nhân quyền. Năm 2017, Nghị viện châu Âu đã chỉ trích tình trạng tự do chính trị và nhân quyền ở Việt Nam và nhấn mạnh “Việc ký kết hiệp định thương mại và đầu tư trong tình hình hiện nay đi ngược lại các nguyên tắc cơ bản của EU”. Việt Nam thực hiện cam kết trên các phương diện lao động, môi trường và nhân quyền, EU tiến hành giám sát quá trình diện lao động, môi trường và nhân quyền. Các khoản trong phụ lục nhấn mạnh nếu tồn tại hành vi xâm phạm nhân quyền, thì hiệp định thương mại giữa EU và Việt Nam bị gác lại. Qua đó, có thể thấy những ủng hộ và phản đối trong các nước thành viên EU đều có ý dựa vào hiệp định để cải thiện tình hình chính trị ở Việt Nam, thúc đẩy Việt Nam phát triển theo hướng dân chủ, giúp Việt Nam trở thành quốc gia văn minh, tôn trọng pháp luật và quan điểm giá trị. Cùng với việc quan hệ kinh tế - thương mại song phương tiếp tục đi vào chiều sâu trong thời gian tới, EU thông qua ảnh hưởng kinh tế để gia tăng sức ép với Việt Nam tăng lên, đặt ra mối đe dọa đối với an ninh chính trị Việt Nam.

*Tóm lại,* sau hai năm hiệp định EVFTA có hiệu lực, những thuận lợi mà hiệp định mang lại và những thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam là những vấn đề chúng ta đã nhìn thấy được phần nào. Hiệp định EVFTA sẽ tiếp tục đóng vai trò đi đầu trong các FTA mà Việt Nam tham gia, hiệp định còn đóng vai trò then chốt trong việc quyết định khả năng phục hồi thương mại kinh tế, đặc biệt để thúc đẩy thương mại xuất nhập khẩu, Việt Nam cần chú trọng vào ngành nghề, các mặt hàng có thế mạnh. Việt Nam đã sẵn sàng tham gia, sân chơi thương mại tự do rộng lớn, cạnh tranh với

các đối thủ quốc tế, Chính phủ đang rà soát pháp luật trong thực thi hiệp định, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật đúng với quy định của EVFTA, xây dựng và hoàn thiện thể chế tạo môi trường minh bạch, thuận lợi với thông lệ quốc tế.

### Tài liệu tham khảo

1. Các FTA thế hệ mới kích đà tăng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam (2022), <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/cac-fta-the-he-moi-kich-da-tang-kim-ngach-xuat-khau-cua-viet-nam.html>
2. Vụ Chính sách Thương mại đa biên, *Bộ Công Thương* (2021). *Báo cáo tại Hội thảo "Hành trình một năm Hiệp định EVFTA"*, Hà Nội, ngày 30/7/2021
3. Ngọc Hân (2021). *Một năm thu quả ngọt từ Hiệp định EVFTA*, truy cập từ <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/mot-nam-hai-qua-ngot-tu-hiep-dinh-evfta.html>
4. Vụ Chính sách Thương mại đa biên, *Bộ Công Thương* (2020). *Những điều cần biết về Hiệp định EVFTA*, <https://www.moit.gov.vn/web/guest/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/nhung-%C4%91lieu-can-biet-ve-hiep-%C4%91inh-evfta-19434-22.html>
5. Report from the Commission to the European Parliament, the Council, the European Economic and Social Committee and the Committee of the Regions <https://trade.ec.europa.eu/doclib/html/159786.htm>
6. European Union - Vietnam Free Trade Agreement Ratified, <https://www.usda.gov/>
7. European Commission, European Economic Forecast Winter 2021, <https://ec.europa.eu/>
8. European Commission, Guide to the EU-Vietnam trade and investment agreements, <https://ec.europa.eu/>
9. DG TAXUD, EU-Vietnam Free Trade Agreement: Guidance on the Rules of Origin, <https://trade.ec.europa.eu/>
10. UNCTAD, Will COVID-19 reverse pre-pandemic fall in trade in ICT goods?, <https://unctad.org>
11. Business Korea, Effectuation of Vietnam-EU FTA to benefit Korean firms based in Vietnam, <http://www.businesskorea.co.kr>

## HAI NĂM THỰC HIỆN EVFTA NHÌN TỪ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

*Nguyễn Khánh Ngọc*

*Phó Vụ trưởng, Vụ thị trường châu Âu - châu Mỹ, Bộ Công Thương*

Sau 2 năm thực thi Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA) (1/8/2020 - 1/8/2022), các doanh nghiệp đã bắt đầu thể hiện tính tích cực hơn và những lợi ích của hiệp định đem lại rõ rệt hơn. Với giai đoạn thực hiện ban đầu thì mặc dù cái bối cảnh quốc tế không hoàn toàn thuận lợi, đại dịch COVID-19 bùng nổ và đứt gãy chuỗi cung ứng đã tạo khó khăn rất nhiều cho nền kinh tế toàn cầu cũng như cho các doanh nghiệp. Hiện nay tình hình dịch bệnh cũng lại đang diễn biến phức tạp, cùng với tác động mạnh mẽ của khủng hoảng Nga – Ucrainai, cả thế giới tiếp tục gặp khó khăn về đứt gãy chuỗi cung ứng, phân bổ lại thị trường xuất nhập khẩu của nhiều mặt hàng trọng yếu. Tuy nhiên, qua giai đoạn đầu thực thi cũng đã cho thấy những dấu hiệu hết sức là đáng khích lệ trong việc thực hiện và điều này thể hiện ở những con số gia tăng về xuất khẩu.

Hiện nay, 2 hiệp định có tiêu chuẩn cao nhất tự do hóa trong lĩnh vực hàng hóa, đó là Hiệp định EVFTA và Hiệp định CPTPP, với tỷ lệ tự do hóa thuế quan về cơ bản trên 90% trong vòng 7 năm thực hiện. Tận dụng cam kết mạnh mẽ đó, trong năm đầu tiên thực hiện Hiệp định, tỷ lệ tăng trưởng xuất khẩu của chúng ta sang EU đạt được khoảng trên 14%,

### **1. Thành tích về thương mại và đầu tư**

Kim ngạch thương mại song phương Việt Nam – EU đã có những tăng trưởng bền vững trong những năm qua. Năm 2021, thương mại hai chiều Việt Nam – EU đạt 57 tỷ USD (không tính 6,6 tỷ USD thương mại với Anh) tăng 14,5% so với năm 2020. Trong đó, xuất khẩu đạt 40,1 tỷ USD, tăng 14,2% và nhập khẩu đạt 16,9 tỷ USD, tăng 15,3%. Thặng dư thương mại năm 2021 là 23,2 tỷ USD, đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế đất nước.

Các thị trường thương mại chủ chốt của ta là Đức (chiếm khoảng gần 20 tổng thương mại của Việt Nam với EU), tiếp theo là Hà Lan (khoảng 15%), Italia (gần 10%), rồi đến Pháp, Ireland và Bỉ.

6 tháng đầu năm 2022, kim ngạch hai chiều đạt 31,7 tỷ USD, tăng 14,6% so với cùng kỳ năm 2021, trong đó xuất khẩu sang EU đạt 23,83 tỷ USD, tăng 22,8% và nhập khẩu đạt 7,88 tỷ USD, giảm 4,6%. Thị trường này tiếp tục có thặng dư thương mại khoảng 16 tỷ USD (thặng dư thương mại của Việt Nam với thế giới là 743 triệu USD).

Theo ngành hàng, trong năm đầu tiên thực thi, mặc dù tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường EU tăng nhưng hầu hết các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang EU lại giảm, ví dụ như mặt hàng điện thoại các loại và linh kiện (giảm 27,9% so với năm 2020), hàng dệt may (giảm 15,2% so với năm 2020) và giày dép các loại (giảm 11,3%). Tuy nhiên, sang năm thực thi thứ hai, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng chủ lực của Việt Nam đã phục hồi và gia tăng đáng kể, với hàng dệt may tăng 16,7% so với cùng kỳ năm trước, gạo tăng 42,9%, hạt tiêu tăng 81,3%, thủy sản tăng 22,7%, máy móc thiết bị phụ tùng tăng 20,9%...

Các mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn nhất là điện thoại các loại và linh kiện, máy tính và linh kiện, máy móc thiết bị phụ tùng, hàng dệt may, sắt thép các loại và sản phẩm từ sắt thép. Các mặt hàng có tốc độ tăng trưởng lớn nhất là sắt thép và sản phẩm từ sắt thép (147%), hạt tiêu (81,3%), cà phê (62,7%), gạo (42,9%), hải sản (22,7%).

Năm 2021, GSP vẫn còn hiệu lực (cho đến 31/12/2022) và doanh nghiệp xuất khẩu đi EU vẫn chưa hoàn toàn từ bỏ GSP, nhiều doanh nghiệp chưa khai thác lợi thế từ FTA mà vẫn sử dụng GSP vì sự quen thuộc. Mặc dù vậy, tỷ lệ sử dụng chứng nhận xuất xứ ưu đãi theo Hiệp định (Mẫu EUR.1) đang dần tăng cao. Trong năm 2021, các cơ quan, tổ chức được uỷ quyền cấp C/O mẫu EUR.1 đã cấp 208.653 bộ C/O mẫu EUR.1 với kim ngạch hơn 8,1 tỷ USD đi 27 nước EU, bằng 20,2% kim ngạch xuất khẩu sang EU. 6 tháng năm 2022, tỷ lệ này đã tăng trên 32% - cao hơn khoảng hơn 4 lần so với tỷ lệ tận dụng ưu đãi trong Hiệp định CPTPP. Đây cũng là một trong những hiệp định có tỷ lệ tận dụng ưu đãi cao nhất so với những hiệp định khác trong năm đầu tiên thực thi. Một số nhóm hàng có tỷ lệ sử dụng ưu đãi C/O mẫu EUR.1 rất tốt như gạo (100%), giày dép (98%), thủy sản (gần 80%), nhựa và sản phẩm nhựa (hơn 70%)

Có thể nói, lĩnh vực thương mại hàng nông sản đã tận dụng khá tốt EVFTA. Tuy EU là thị trường có những tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm ngặt nghèo, nhưng do doanh nghiệp đã được chuẩn bị sẵn những kiến thức và giấy phép cần thiết. Do vậy, khi EVFTA có hiệu lực thì điều rất đáng mừng đây là nhóm hàng nông thủy sản của



Việt Nam đã thể hiện việc tận dụng ưu đãi nhanh nhất trong Hiệp định này, và con số tăng trưởng về kim ngạch xuất khẩu tương đối toàn diện ở nhiều nhóm hàng. Ví dụ năm 2021, xuất khẩu hàng thủy sản tăng 11,4% (5 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu tôm sang thị trường EU đạt 34,5 nghìn tấn, trị giá 301.9 triệu USD, tăng 39,8% về lượng và tăng 49,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021), cà phê – tăng 4,4%, hạt điều – tăng 3,1%, rau quả tăng 3%...Đặc biệt là mặt hàng gạo – một mặt hàng trước nay chúng ta gần như chưa xuất khẩu sang thị trường EU thì nay đã có những bước tăng trưởng tương đối khá, đạt mức tăng trưởng 51,9%.

Một điểm cần nhấn mạnh là khi chúng ta tăng xuất khẩu sang thị trường EU thì không phải chúng ta tăng đơn thuần về mặt số lượng mà ở đây đã có chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu nông sản của chúng ta sang một số nhóm mà có giá trị gia tăng cao hơn... Ví dụ như đối với mặt hàng gạo mà chúng ta xuất khẩu sang thị trường EU thì giá trung bình cao hơn khoảng gấp đôi so với giá xuất khẩu sang các thị trường khác.

Ngoài ra thì những mặt hàng chế biến, chế tạo cũng có những bước tăng trưởng tương đối khá, trong đó nhóm hàng máy móc, thiết bị tăng trưởng trên 20%, một số ngành khác cũng đã tận dụng rất tốt cơ hội, trong đó một số mặt hàng chủ lực có tỷ lệ sử dụng C/O cao như dệt may tăng 15,7%...

Trong thương mại hàng nông sản, ngoài phần nông sản đông lạnh được nhập tương đối nhiều như tôm, cá, các sản phẩm trái cây, rau gia vị vẫn còn khiêm tốn. Mỗi thị trường nhập nhỏ lẻ nên chi phí tương đối cao, rất khó để xuất khẩu bền vững và vì vậy, hiện tại nhóm mặt hàng này vẫn chủ yếu phục vụ người Việt Nam.

### ***Về đầu tư:***

Việt Nam chưa phải là địa điểm đầu tư lớn của EU, song cùng với EVFTA, xu hướng đầu tư từ EU tăng lên. Năm 2021, một số quốc gia thuộc EU đã gia tăng mạnh mẽ đầu tư vào Việt Nam như Hà Lan (tăng gần 26%), Đan Mạch (240%), Thụy Điển (63%), Cộng hòa Ai-len (235%) và Bỉ (284%). Điều này cho thấy các nhà đầu tư của EU đang đặt nhiều lòng tin vào Việt Nam, với sự bảo hộ tốt hơn qua các cam kết của EVFTA.

Về hình thức đầu tư, có sự chuyển dịch về cách đầu tư. Tỷ trọng đầu tư thực hiện theo hình thức góp vốn mua cổ phần tăng nhanh, từ mức 20,9% năm 2018 lên 40,2% năm 2020 và 58% cho đến hết năm 2021. Về lĩnh vực đầu tư, các lĩnh vực đầu tư từ EU cũng được trải đều hơn so với FDI từ Nhật Bản và Hàn Quốc. EU đã đầu tư hầu

hết các ngành (18/21 ngành), trong đó tập trung ở công nghiệp chế biến, chế tạo (chủ yếu ở các ngành như lọc hóa dầu, dệt may, điện tử, chế biến thực phẩm và phương tiện vận tải); sản xuất, phân phối điện, khí; bất động sản; thông tin và truyền thông. Việc thực hiện những cam kết về mở cửa thị trường theo EVFTA tạo môi trường thuận lợi để Việt Nam đẩy mạnh thu hút đầu tư trong một số lĩnh vực mà EU có tiềm năng và thế mạnh do mức độ tự do hóa đầu tư của EU vào Việt Nam được tăng thêm, đặc biệt là trong một số ngành dịch vụ chuyên môn, dịch vụ tài chính, dịch vụ viễn thông, dịch vụ vận tải, dịch vụ phân phối, công nghiệp chế biến, chế tạo sử dụng công nghệ cao, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo...

## **2. Về các hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước**

- **Công tác tuyên truyền, phổ biến về Hiệp định EVFTA:** Công tác tuyên truyền phổ biến về EVFTA luôn là nhiệm vụ ưu tiên trong các Chương trình hành động thực thi EVFTA. Hoạt động này đã được triển khai rộng khắp, kể từ trong quá trình đàm phán FTA này. Như vậy, trong 2 năm thực thi Hiệp định, các Bộ, ngành địa phương đã tổ chức hơn 300 hội nghị, hội thảo, khóa tập huấn, ban hành nhiều ấn phẩm để phổ biến về Hiệp định nhằm tăng cường năng lực cho doanh nghiệp và các tổ chức về FTA. Các Bộ, ngành cũng đẩy mạnh công tác nghiên cứu, dự báo về thị trường, sớm có cảnh báo về các biện pháp bảo hộ, phòng vệ thương mại của các nước.

Đặc biệt, với việc chú trọng hỗ trợ doanh nghiệp trong công tác tra cứu thông tin, sớm tận dụng hiệu quả Hiệp định Bộ Công Thương đã phối hợp với các cơ quan liên quan từ rất sớm đã xây dựng nhưng website chuyên về các FTA. Cụ thể:

+ Trang <https://fta.moit.gov.vn/> có khả năng tích hợp các thông tin trong các hiệp định thương mại tự do đa phương, khu vực và song phương của Việt Nam vào trong một hệ thống tra cứu thông minh và thân thiện với người sử dụng. Theo đó, về thương mại hàng hóa, Cổng thông tin điện tử này cho phép doanh nghiệp và người dân tra cứu ra kết quả mức thuế, lộ trình cắt giảm thuế đối với từng mặt hàng cụ thể theo các FTA của Việt Nam với các đối tác, đặc điểm quy mô thị trường, quy tắc xuất xứ để hưởng ưu đãi và các thủ tục cần thực hiện và các biện pháp phi thuế mà doanh nghiệp cần lưu ý trong quá trình xuất khẩu/nhập khẩu mặt hàng đó, v.v.. Về thương mại dịch vụ - đầu tư, Cổng thông tin điện tử này cho phép doanh nghiệp và người dân tra cứu ra kết quả cam kết mở cửa thị trường dịch vụ - đầu tư liên quan tới từng ngành/phân ngành dịch

vụ hoặc phi dịch vụ theo từng phương thức cung cấp dịch vụ cũng như thông tin về các văn bản quy phạm pháp luật cam kết và hiện hành có liên quan, v.v.

+ Tháng 3/2022, Bộ Công Thương phối hợp với Đại sứ quán Vương quốc Anh tổ chức Lễ ra mắt Cổng thông tin VNTR (<https://vntr.moit.gov.vn/vi>). Cổng thông tin VNTR là bộ phận cấu thành và được liên kết với Cơ sở dữ liệu thương mại ASEAN (ATR) <https://atr.asean.org/>.

#### **- Về hoàn thiện thể chế, văn bản pháp luật**

Chính phủ và các Bộ, ngành đã sửa đổi, ban hành mới nhiều văn bản quy phạm pháp luật, bao gồm cả ở cấp Nghị định, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư để thực hiện Bộ Luật lao động, cũng như triển khai các nội dung về thuế quan, nông nghiệp, xuất xứ hàng hóa, phòng vệ thương mại...

Tháng 6 vừa qua, Quốc hội đã thông quan 02 Luật cần sửa đổi, bổ sung theo EVFTA. Đó là Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi), hai Luật này sẽ có hiệu lực vào ngày 01/01/2023.

**- Về các hoạt động xúc tiến thương mại, hỗ trợ giao thương:** Cục Xúc tiến thương mại của Bộ Công Thương cũng đã sớm đưa vào Chương trình Xúc tiến thương mại trọng điểm quốc gia, Chương trình thương hiệu quốc gia những nội dung thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa Việt Nam sang thị trường EU. Cụ thể:

+ Chương trình XTTM trọng điểm quốc gia: Năm 2021, xây dựng sản phẩm truyền thông cho 03 ngành hàng (gồm: hạt điều, hạt tiêu, dứa) và 05 sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý đã được bảo hộ ở Châu Âu (gồm: trà Tân Cương và trà Mộc Châu, xoài Yên Châu, quả vải Thanh Hà và quả vải Lục Ngạn, thanh long Bình Thuận, cà phê tại các tỉnh: Trung du miền núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ, Tây Nguyên).

+ Chương trình thương hiệu quốc gia: đã phối hợp với Thương vụ Việt Nam tại Hà Lan tổ chức tuyên truyền, quảng bá cho Chương trình THQG và các sản phẩm đạt THQG; Triển khai đăng bài giới thiệu về Chương trình THQG của Việt Nam và các sản phẩm đạt THQG trên Tạp chí Diplomat Magazine và trên các trang web có uy tín, có tầm ảnh hưởng lớn tại Hà Lan

+ Tổ chức trên 30 phiên tư vấn trong năm 2021, 2022, liên tục tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại trên môi trường số và hỗ trợ các địa phương tổ chức các Hội nghị kết nối, tiêu thụ sản phẩm

### 3. Những vấn đề cần lưu ý trong quá trình đẩy mạnh thương mại, tận dụng FTA

***Gia tăng lừa đảo thương mại, đặc biệt là việc tận dụng môi trường điện tử, môi trường số:***

Việt Nam là nền kinh tế năng động, có độ mở cao, hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng nên hoạt động giao thương, đầu tư của doanh nghiệp ngày càng phát triển; các doanh nghiệp Việt Nam, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, dễ trở thành mục tiêu của lừa đảo hoặc vướng phải tranh chấp thương mại phức tạp. Gần đây, mặc dù các cơ quan trong nước, các Cơ quan đại diện và Thương vụ Việt Nam ở nước ngoài liên tục cảnh báo, hiện tượng doanh nghiệp ta bị lừa đảo hoặc vướng vào tranh chấp có chiều hướng gia tăng. Điều này không chỉ gây tổn thất trực tiếp cho doanh nghiệp ta mà còn ảnh hưởng đến lòng tin kinh doanh và quan hệ kinh tế giữa Việt Nam với các đối tác. Ví dụ, sau vụ việc 100 container hạt điều, doanh nghiệp ta có tâm lý e ngại làm ăn với đối tác Italia hoặc khi đàm phán các hợp đồng lớn. Đáng chú ý, tình trạng lừa đảo gần đây diễn ra phổ biến hơn tại các thị trường lớn, có uy tín và mức độ rủi ro thấp như ở Mỹ, Hà Lan, Italia, Na Uy... thay vì tập trung ở các thị trường châu Phi trước đây.

Nhiều doanh nghiệp cũng chưa chủ động tìm hiểu, thông tin cho các cơ quan chức năng, các cơ quan đại diện, thương vụ ta ở nước ngoài mà chỉ liên hệ khi vụ việc xảy ra, gây khó khăn trong quá trình hỗ trợ giải quyết. Mặt khác, cũng có trường hợp doanh nghiệp Việt Nam gian lận, chưa thực hiện đúng hợp đồng, chuyển hàng chưa đúng yêu cầu, tiêu chuẩn hàng hóa của sở tại và bị đối tác khởi kiện, ảnh hưởng tới hình ảnh, thương hiệu quốc gia, uy tín của doanh nghiệp chân chính).

#### ***Bối cảnh kinh tế thế giới và của EU đang biến động rất nhanh***

Điều rất đáng lưu ý là thị trường EU đang có xu hướng dịch chuyển rất mạnh mẽ sang tiêu dùng xanh, sạch, đòi hỏi đáp ứng tiêu chuẩn về lao động, về môi trường... Tức là người tiêu dùng ở châu Âu hiện nay không chỉ đơn thuần yêu cầu về giá cả và chất lượng nữa mà người ta quan tâm đến quy trình sản xuất hàng hóa đó như thế nào (ví dụ có thải nhiều các-bon ra khí quyển hay không, hay là có trả lương tốt cho người lao động làm việc trực tiếp hay không và điều kiện lao động của người làm việc trong quá trình sản xuất ra những sản phẩm đó như thế nào... Đây là xu hướng mà nó diễn ra ngày càng mạnh mẽ hơn và rõ ràng chúng ta cần phải đón đầu xu hướng này.

Nền kinh tế tuần hoàn, được giới thiệu như một phần của Thỏa thuận Xanh Châu Âu, giải quyết các thách thức toàn cầu cấp bách như biến đổi khí hậu, mất đa dạng sinh học, chất thải và ô nhiễm. Các quy định mới của Liên minh Châu Âu nhằm góp phần chuyển đổi nền kinh tế của Châu Âu, tập trung vào các sản phẩm bền vững, bao gồm hàng dệt may, vật liệu xây dựng và Hộ chiếu sản phẩm số, cũng như quyền của người tiêu dùng, bao gồm cả lệnh cấm “greenwashing”

EU là thị trường rất khó tính, duy trì các biện pháp kiểm tra hàng thực phẩm rất ngặt nghèo. Chẳng hạn: Ngày 28/3/2022, EU đã đăng công báo số 2022/495, khuyến nghị các nước thành viên tăng cường quản lý dư lượng Furan và Alkyfurans trong thực phẩm. Furan và Alkyfuran là hợp chất sinh ra trong quá trình xử lý nhiệt, có thể gây ung thư, thường tìm thấy trong cà phê, thực phẩm đóng hộp của trẻ em, bánh bisquit, nước hoa quả, súp ăn liền, ngũ cốc ăn sáng, các loại snack ròn, khoai tây sấy. Dự báo trong thời gian tới, các nước thành viên EU sẽ thường xuyên lấy mẫu với các sản phẩm liên quan và tiến hành phân tích dư lượng. Mức dư lượng cho phép với cà phê là dưới 20 µg/kg, với các thực phẩm khác là 5 µg/kg. Đối với các mặt hàng rau quả tươi, EU thông báo tiếp tục duy trì yêu cầu bổ sung giấy Chứng nhận an toàn thực phẩm và tần suất kiểm tra 20% đối với thanh long với lý do thanh long vẫn còn nguy cơ cao an toàn thực phẩm và tần suất các lô hàng bị cảnh báo chưa có nhiều tiến bộ. Với một số nông sản khác, EU giữ tần suất kiểm tra 50% đối với: mùi tây, rau mùi, húng quế, bạc hà, đậu bắp và ớt thuộc giống capsicum.

Xung đột Nga - Ucraina khiến EU sẽ thiên về chính sách tăng cường tình tự chủ, tiếp tục thắt chặt các yêu cầu về kỹ thuật, kiểm dịch động vật; và thậm chí là ngoài những tiêu chuẩn do nhà nước đặt ra thì họ còn có những tiêu chuẩn mà doanh nghiệp của họ tự đặt ra và yêu cầu khi hàng hóa - ví dụ hàng hóa vào chuỗi bán lẻ thì phải đáp ứng điều kiện nhất định.

Cùng với xu hướng đẩy mạnh kinh tế nội khối, EU cũng sẽ đẩy mạnh thương mại với một số nước khác. Phó Chủ tịch EC phụ trách kinh tế kiêm Cao Ủy Thương mại EC đã khẳng định bây giờ là lúc các Hiệp định Thương mại tự do phát huy tác dụng. Trong hội nghị BT Thương mại EC ngày 3/6 vừa qua, EU đã đẩy mạnh tiến trình đàm phán FTA với các nước như New Zealand, Australia, Indonesia, Ấn Độ, Mexico, Chile và Mercosur.

## **4. Một số khuyến nghị về quản lý nhà nước**

### **4.1. Tiếp tục rà soát, sửa đổi, hoàn thiện văn bản pháp luật**

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện công tác xây dựng pháp luật, thể chế để bảo đảm tương thích với các nghĩa vụ và cam kết trong EVFTA, đồng thời hướng dẫn thực thi và triển khai các cam kết đã có, cũng như đẩy mạnh công tác rà soát tổng thể hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật nhằm tháo gỡ những vướng mắc, tạo thuận lợi cho thực thi Hiệp định, đặc biệt là những văn bản pháp luật được EU quan tâm (Luật Công đoàn, nghị định quy định về tổ chức đại diện của người lao động và thương lượng tập thể; một số văn bản pháp luật đã ban hành thoạc trong giai đoạn lầ ý kiến tạo ra một số quan ngại từ EU cũng như các đối tác của Việt Nam, đẩy nhanh các thủ tục hoàn thiện hồ sơ gia nhập điều ước quốc tế liên quan;

Hoàn thiện cơ chế phối hợp trong nước để phòng ngừa và giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế. Chuẩn bị và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ pháp lý tham gia vào quá trình phòng ngừa, giải quyết khiếu nại và tranh chấp thương mại.

Việc xây dựng cơ chế chính sách của Việt Nam cũng cần bắt kịp với xu hướng quốc tế, đặc biệt là xu hướng phát triển xanh, giảm phát thải nhà kính, chuyển đổi năng lượng...

### **4.2. Tăng cường tuyên truyền và nâng cao nhận thức của doanh nghiệp và các cơ quan quản lý nhà nước về thị trường EU và về Hiệp định**

Đổi mới hình thức và nội dung tuyên truyền theo hướng trực tiếp phối hợp với trực tuyến, tập trung hơn nữa vào các nội dung cụ thể như theo ngành hàng, lĩnh vực...

Vận hành hiệu quả, cung cấp nội dung phong phú cho các trang mạng đã có, đảm bảo thông tin được đầy đủ, dễ tra cứu, phù hợp với nhu cầu của từng nhóm đối tượng sử dụng.

Hiện tại các dn EU đang dần dịch chuyển sang thích ứng các biện pháp greendeal. Họ bắt đầu tập trung vào due diligen, giảm CO2. Để đảm bảo tương lai, các dn vn cũng cần phải trao đổi với đối tác về chiến lược thương mại bền vững của họ, áp dụng sản xuất tuần hoàn, bền vững, gia tăng năng lượng tái tạo. Chúng ta cần đẩy mạnh tuyên truyền cho doanh nghiệp về xu hướng mới, sản xuất thân thiện môi trường, cân bằng carbon. Do vậy, chính sách của Việt Nam cũng nên chú ý đến các yêu tố này.

Liên kết các nhà nhập khẩu nông sản tại EU để giảm chi phí nhập khẩu nông sản vào EU. Khối lượng đơn hàng lớn sẽ giảm thiểu hơn chi phí và việc liên kết gia tăng được khả năng tiêu thụ nhanh hơn, quay vòng tốt hơn, thì khả năng hàng nông sản mới sang được nhiều hơn. Đề nghị nối lại hoạt động của các hội doanh nghiệp Việt Kiều tại châu Âu để liên kết trong kinh doanh.

### ***4.3. Nâng cao sức cạnh tranh cho doanh nghiệp để đáp ứng quy tắc về xuất xứ hàng hóa***

Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ về hỗ trợ doanh nghiệp trong Kế hoạch thực thi EVFTA; tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, các thủ tục liên quan đến cấp giấy chứng nhận xuất xứ, hạn ngạch xuất khẩu trong EVFTA...

Tiếp tục triển khai mạnh mẽ các hoạt động xúc tiến thương mại, trong đó có nhiệm vụ của các cơ quan đại diện, cơ quan thương vụ trong việc thông tin kịp thời về thay đổi chính sách, nhu cầu thị trường.... để đưa ra khuyến nghị cho doanh nghiệp. Đẩy mạnh hỗ trợ, thúc đẩy đưa hàng hóa Việt Nam vào các chuỗi siêu thị lớn của các nước EU.

### ***4.4. Nâng cao năng lực cho các cán bộ quản lý nhà nước***

Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; xây dựng các chế độ, chính sách đãi ngộ nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao.

Tiếp tục đẩy mạnh việc nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách, khung hợp tác để tận dụng cơ hội do hội nhập đem lại, thúc đẩy việc tham gia của Việt Nam vào các chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu.

## THỰC THI CÁC CAM KẾT VỀ LAO ĐỘNG CỦA VIỆT NAM TRONG EVFTA

*PGS.TS. Đặng Thị Phương Hoa*

*Viện Nghiên cứu Châu Âu*

**Tóm tắt:** Bài viết trình bày các cam kết về lao động trong Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA), phân tích những tiến bộ trong sửa đổi pháp luật liên quan đến lao động Việt Nam theo cam kết đã ký, liệt kê một số hạn chế và đề xuất một số giải pháp nhằm giúp Việt Nam thực thi có hiệu quả các cam kết này.

### 1. Đặt vấn đề

Hiệp định Thương mại tự do Liên minh Châu Âu - Việt Nam (EVFTA) là hiệp định thương mại tự do (FTA) thuộc thế hệ mới, ký kết giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu. Hiệp định được ký ngày 30 tháng 6 năm 2019, được Nghị viện Châu Âu phê chuẩn vào ngày 12 tháng 2 năm 2020 và được Quốc hội Việt Nam phê chuẩn vào ngày 8 tháng 6 năm 2020.

Hiệp định có hiệu lực từ tháng 8/2020. Các nền kinh tế thành viên EU là những đối tác kinh tế quan trọng, là những thị trường lớn, còn nhiều tiềm năng cho hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam. Việc khai thác hiệu quả những thị trường này trong những năm tới sẽ góp phần thúc đẩy mạnh mẽ xuất khẩu của Việt Nam, giúp nền kinh tế Việt Nam tiếp tục có thêm động lực phát triển, hướng tới công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Việc hiện thực hóa tiềm năng và những cơ hội lớn về mở rộng thị trường nhờ các FTA thế hệ mới như EVFTA đòi hỏi Việt Nam phải tiếp tục nỗ lực hoàn thiện thể chế và đảm bảo việc thực thi nghiêm túc, hiệu quả những cam kết của mình, trong đó có các cam kết về lao động.

Đồng thời, trước khi ký EVFTA, là thành viên của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), việc tổ chức triển khai các cam kết về lao động trong EVFTA tiếp tục khẳng định sự nghiêm túc và những nỗ lực của Việt Nam trong thực hiện các tiêu chuẩn lao động quốc tế, góp phần thúc đẩy quá trình xây dựng và hoàn thiện thể chế, pháp luật về lao động nhằm tạo nền tảng cho sự vận hành của thị trường lao động Việt Nam phù hợp với các quy luật khách quan của kinh tế thị trường cũng như đảm bảo thực hiện các mục tiêu kinh tế – xã hội của đất nước.



## **2. Cam kết về lao động của Việt Nam trong EVFTA**

Trong 17 Chương của EVFTA, Chương thứ 13 về “Thương mại và Phát triển bền vững” nhấn mạnh vào các quyền lao động và bảo vệ môi trường bền vững, để đảm bảo rằng việc tự do thương mại sẽ đóng góp vào sự phát triển bền vững và hỗ trợ người lao động và các doanh nghiệp đạt được các lợi ích kinh tế bình đẳng. Điều 13.4. Các tiêu chuẩn và thỏa thuận đa phương về lao động, quy định “Mỗi Bên tái khẳng định cam kết của mình, phù hợp với các nghĩa vụ theo ILO và Tuyên bố ILO về các Nguyên tắc và Quyền cơ bản tại nơi làm việc và những hành động tiếp theo, được thông qua bởi Hội nghị Lao động Quốc tế tại kỳ họp lần thứ 86 năm 1998; sẽ tôn trọng, thúc đẩy và thực hiện hiệu quả các nguyên tắc về các quyền cơ bản tại nơi làm việc, cụ thể là: (a) Tự do liên kết và công nhận một cách thực chất quyền thương lượng tập thể; (b) chấm dứt mọi hình thức lao động cưỡng bức hoặc ép buộc; (c) loại bỏ một cách hiệu quả lao động trẻ em; và (d) chấm dứt phân biệt đối xử về việc làm và nghề nghiệp,... Mỗi Bên sẽ: (i) Tiếp tục và duy trì các nỗ lực nhằm phê chuẩn các công ước cơ bản của ILO; (ii) xem xét việc thông qua các công ước khác được ILO phân loại là phù hợp với thời điểm hiện tại, có tính đến các điều kiện trong nước; (iii) trao đổi thông tin với Bên kia về việc phê chuẩn nêu tại điểm (i) và (ii). Mỗi Bên tái khẳng định cam kết của mình về việc thực hiện có hiệu quả luật pháp và quy định trong nước và các Công ước của ILO đã được Việt Nam và các nước thành viên Liên minh châu Âu phê chuẩn.

Bên cạnh các quy định về các tiêu chuẩn lao động, EVFTA có một số cam kết khác liên quan tới lao động, trong đó phần lớn là các cam kết mang tính khuyến nghị (không bắt buộc) về việc cải thiện điều kiện lao động, hợp tác giữa các nước EVFTA trong lĩnh vực lao động,... Tuy nhiên, cũng có một số cam kết bắt buộc như thiết lập cơ chế để thực thi Chương về lao động, quy định một quy trình riêng để các nước tham vấn với nhau giải quyết các vướng mắc liên quan đến việc thực thi Chương về lao động,...

## **3. Thực trạng thực thi cam kết về lao động của Việt Nam trong EVFTA**

### ***3.1. Kết quả thực thi***

#### ***3.1.1. Điều chỉnh khung pháp luật về lao động của Việt Nam***

Các cam kết về lao động, công đoàn trong EVFTA về cơ bản đã được nội luật hóa vào Hệ thống pháp luật về lao động của Việt Nam. Các văn bản luật pháp mới có những quy định bảo vệ tốt hơn các quyền và nguyên tắc cơ bản trong lao động, bao

gồm cả không phân biệt đối xử và bình đẳng giới, xóa bỏ lao động cưỡng bức và lao động trẻ em, thỏa ước tập thể và quyền tự do hiệp hội.

Cụ thể, Luật Lao động phù hợp với 8 Công ước cơ bản của ILO và tuân thủ 4 tiêu chuẩn cơ bản về lao động trong Tuyên bố của ILO về Quyền và nguyên tắc cơ bản tại nơi làm việc và những hành động tiếp theo (1998). Luật Lao động có hiệu lực thi hành từ năm 2021 đánh dấu một bước mới trong quá trình hiện đại hóa quản trị hệ thống thị trường lao động tại Việt Nam, thể hiện nỗ lực của Chính phủ trong xây dựng một môi trường pháp lý thuận lợi cho phát triển doanh nghiệp và kinh tế bền vững. Bộ luật lao động 2019 đáp ứng yêu cầu thực thi EVFTA. Các quy định sửa đổi có liên quan tới ba nhóm tiêu chuẩn lao động cơ bản, gồm tự do liên kết và thương lượng tập thể; bảo đảm bình đẳng và không phân biệt đối xử trong lao động; bảo vệ lao động chưa thành niên và xóa bỏ lao động trẻ em.

### *3.1.2. Việt Nam đáp ứng quyền tự do thành lập, tham gia tổ chức đại diện, thực hiện quyền thương lượng tập thể*

Một vấn đề cam kết quan trọng trong EVFTA chính là tuân thủ và bảo đảm thực hiện các tiêu chuẩn lao động quốc tế.

Quyền tự do lập hội đã được ghi nhận trong Hiến pháp của Việt Nam kể từ khi lập quốc đến nay. Chẳng hạn, ở Hiến pháp năm 2013, tự do lập hội cũng được nhìn nhận là quyền cơ bản của công dân được ghi nhận tại Điều 25. Việt Nam đã có hầu như gần đủ các loại hình văn bản pháp lý để triển khai quyền tự do liên kết với các Luật, Pháp lệnh, Thông tư, Nghị định, Quy chế, Quy định, Chỉ thị và Thỏa ước lao động tập thể; tương ứng với đó là những quy định về quyền, trách nhiệm của các bên liên quan đến việc thực thi quyền Công đoàn.

Bộ luật Lao động 2019 đã cải thiện cơ bản một số vấn đề liên quan đến người lao động và người sử dụng lao động, trong đó, nghiêm cấm sự can thiệp của người sử dụng lao động vào hoạt động của tổ chức đại diện lao động. Bên cạnh đó, lần đầu tiên luật hóa vai trò đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và tham gia xây dựng quan hệ lao động tiến bộ, hài hòa và ổn định của Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và các tổ chức đại diện của người sử dụng lao động khác; mở rộng quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của người sử dụng lao động; người sử dụng lao động được quyền ký kết nhiều lần hợp đồng lao động xác định thời hạn đối với lao động cao tuổi và lao động là người nước ngoài; về tiền lương,

Nhà nước không can thiệp trực tiếp vào chính sách tiền lương của doanh nghiệp, tiền lương được thực hiện trên cơ sở thương lượng, thỏa thuận giữa các bên; doanh nghiệp chủ động trong việc xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động;... Bộ luật Lao động quy định nhiều điểm mới về đối thoại tại nơi làm việc, thương lượng tập thể, thỏa ước lao động tập thể liên quan đến người lao động, người sử dụng lao động, tổ chức đại diện người sử dụng lao động và tổ chức đại diện người lao động. Việt Nam cam kết cho phép người lao động được quyền thành lập tổ chức đại diện tại doanh nghiệp. Tổ chức này sau khi tự thành lập có 2 sự lựa chọn, một là tự nguyện tham gia vào Hệ thống Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; hai là đăng ký với Bộ Lao động - Thương binh và xã hội để được phép hoạt động độc lập.

Một trong những điểm mới quan trọng của Bộ luật Lao động là quy định việc thành lập tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp không thuộc tổ chức Công đoàn Việt Nam nhằm thúc đẩy và nâng cao hiệu quả đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích của người lao động trong quan hệ lao động. Đây cũng là một bước tiến của Nhà nước trong việc thực thi nghĩa vụ theo Công ước của ILO (Công ước 98), Công ước về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (ICESCR, 1966) và các cam kết về lao động, công đoàn trong EVFTA.

Trên thực tế, các doanh nghiệp Việt Nam đang thực thi các cam kết về lao động, công đoàn trong EVFTA, cho phép người lao động tự do thành lập, tham gia tổ chức đại diện cho người lao động, thực hiện quyền thương lượng tập thể.

### *3.1.3. Việt Nam đáp ứng việc xóa bỏ phân biệt đối xử trong công việc*

Việt Nam đã gia nhập Công ước 98 nhằm thể hiện quyết tâm chính trị, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về hội nhập quốc tế trong lĩnh vực lao động và công đoàn. Công ước 98 về chống phân biệt đối xử, chống can thiệp và thao túng đối với công đoàn và thúc đẩy thương lượng tập thể tự nguyện hiệu quả và thực chất.

Bộ luật Lao động mới đã mở rộng phạm vi các loại hình công việc mà người lao động được đình công, bổ sung quy định về lao động cưỡng bức và bổ sung các quy định về chống phân biệt đối xử tại nơi làm việc. Đây là lần sửa đổi, bổ sung cơ bản, toàn diện, góp phần đưa hệ thống pháp luật lao động của Việt Nam phù hợp hơn với các nguyên tắc của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; thích ứng với

những phát triển mới rất nhanh chóng của thị trường lao động do tác động của khoa học công nghệ; đưa pháp luật lao động của Việt Nam phù hợp hơn với các tiêu chuẩn lao động quốc tế, phục vụ quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam.

Thực thi các cam kết trong EVFTA và tuân thủ các quy định của pháp luật, Việt Nam đang tích cực thực hiện các tiêu chuẩn lao động quốc tế. Các doanh nghiệp Việt Nam đang giảm dần việc phân biệt đối xử trong tuyển dụng, việc làm và thu nhập (Trần Thị Bảo Khanh, 2022)<sup>1</sup>.

#### *3.1.4. Xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong môi trường làm việc*

Công tác quản lý nhà nước đã có những đổi mới, đặc biệt là sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đối với người lao động và tổ chức công đoàn. Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp đã ý thức được trách nhiệm xã hội trong việc chăm lo đời sống người lao động. Doanh nghiệp đã thực hiện tốt hơn các quyền lợi cho người lao động theo luật định.

Tổ chức công đoàn thực hiện ngày càng tốt hơn công tác bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người lao động tại cơ sở. Khi người lao động có những vướng mắc, tổ chức công đoàn đã tìm hiểu, ghi nhận và đề xuất với doanh nghiệp để cùng giải quyết. Đồng thời, công đoàn các cấp, đặc biệt là Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã tổ chức các hội nghị định hướng, tập huấn các cách thức để giảm bớt các cuộc ngừng việc, đình công. Khi có các vụ việc, bức xúc còn manh nha, tổ chức công đoàn đã phối hợp với giới chủ để cùng giải quyết, tạo mối quan hệ lao động hài hòa. Để làm được điều này, các cấp công đoàn đã chủ động tăng cường nâng cao nhận thức của người lao động, qua đó giúp người lao động hiểu hơn về quyền, trách nhiệm của mình trong quan hệ lao động. Qua đó, người lao động có thể hạn chế những mâu thuẫn, xung đột không đáng có trong môi trường làm việc. Kết quả, các cuộc ngừng việc, đình công trong cả nước có xu hướng giảm. Theo thống kê của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, số vụ đình công ở Việt Nam giảm liên tục các năm trở lại đây, từ 329 cuộc năm 2017, 214 cuộc năm 2018, 120 cuộc năm 2019. Trong 2 tháng đầu năm 2022, Việt Nam có khoảng 30 cuộc đình công, con số này ít hơn cùng kỳ năm 2021 (35 cuộc) (Phan Dương - Đức Hùng, 2022)<sup>2</sup>.

<sup>1</sup> Trần Thị Bảo Khanh (2022), Thực thi các cam kết về lao động, công đoàn trong CPTPP và EVFTA: thực trạng và giải pháp, Tạp chí Công Thương, Số 5, tháng 3 năm 2022

<sup>2</sup> Phan Dương - Đức Hùng (2022), <https://vnexpress.net/phia-sau-nhung-cuoc-dinh-cong-o-mien-trung-4428821.html>.

### 3.1.5. Việt Nam giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của pháp luật

Việc trẻ em phải lao động sớm đã và đang để lại hậu quả nặng nề, ảnh hưởng đến sự phát triển hài hòa của trẻ em, cản trở việc tiếp cận và thụ hưởng nền giáo dục phù hợp. Điều này làm cản trở việc chuẩn bị một tương lai tốt hơn cho các em, làm mất đi các quyền của trẻ em và tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội, nhất là chất lượng của nguồn nhân lực trong tương lai. Việc doanh nghiệp sử dụng lao động trẻ em dẫn tới nguy cơ bị cắt giảm đơn hàng hoặc loại khỏi chuỗi cung ứng toàn cầu; tăng chi phí tuyển dụng thay thế; giảm uy tín và khó thu hút nhà đầu tư...

Tại hội thảo quốc tế về các cam kết quốc tế liên quan đến phòng ngừa và xóa bỏ lao động trẻ em, Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Nguyễn Thị Hà cho biết tỉ lệ lao động trẻ em ở Việt Nam không cao và giảm dần theo các năm.

Điều tra quốc gia về lao động trẻ em cho thấy tỉ lệ lao động trẻ em Việt Nam giảm từ 15,5% (năm 2012) xuống còn 9,1% (năm 2018) (Hà Quân, 2022)<sup>3</sup>.

Nhìn chung, Việt Nam đã xây dựng những quy định nhằm bảo vệ và chăm sóc trẻ em tương đối đầy đủ, phù hợp với pháp luật quốc tế. Việt Nam là nước đầu tiên ở châu Á và nước thứ 2 trên thế giới phê chuẩn Công ước của Liên Hợp Quốc về quyền trẻ em. Việt Nam cũng đã phê chuẩn Công ước số 182 của ILO về việc cấm và những hành động tức thời để loại bỏ những hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất, Công ước số 138 của ILO về tuổi tối thiểu làm việc (An Linh, 2021)<sup>4</sup>.

Các giải pháp của Chính phủ Việt Nam gồm phổ cập giáo dục phổ thông, xóa mù chữ, trẻ em dân tộc thiểu số, trẻ khuyết tật, trẻ em trong hộ gia đình nghèo và có hoàn cảnh đặc biệt được hỗ trợ; tăng cường chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo; giảm thiểu tác động tiêu cực của dịch COVID-19... Vào ngày 01/12/2021, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) và Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc (UNICEF) phối hợp tổ chức triển khai Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của pháp luật giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Chương trình hướng tới mục tiêu giảm nhanh tỷ lệ lao động trẻ em trong thời gian tới, cụ thể: Giảm tỷ lệ lao động trẻ em độ tuổi 5-17 tuổi từ dưới 4,9% (năm 2025 xuống còn 4,5% (năm 2030) (An Linh, 2021).

<sup>3</sup> Hà Quân (2022), <https://tuoitre.vn/ti-le-lao-dong-tre-em-o-viet-nam-giam-theo-tung-nam-20220527142020847.htm>

<sup>4</sup> An Linh (2021), Tình trạng lao động trẻ em để lại hậu quả nặng nề, <https://dantri.com.vn/an-sinh/tinh-trang-lao-dong-tre-em-de-lai-hau-qua-nang-ne-20211201163325096.htm>

### 3.2. Một số điểm quy định pháp luật chưa phù hợp với các tiêu chuẩn lao động quốc tế, cam kết trong EVFTA

Về khái niệm tranh chấp lao động tập thể (TCLĐTT), tham khảo pháp luật của một số quốc gia và nghiên cứu về pháp luật giải quyết tranh chấp lao động tập thể<sup>5</sup> (Trần Hoàng Hải, 2011; vụ Pháp chế, 2010) thì khái niệm TCLĐTT được quy định theo các cách khác nhau. Theo ILO (International Training Centre - ITC, 2013:18)<sup>6</sup>, tranh chấp lao động về quyền là bất đồng giữa một người hoặc nhiều NLD và NSDLĐ của họ liên quan đến sự vi phạm quyền lợi “hiện có” đã được quy định bởi pháp luật, hợp đồng lao động, còn tranh chấp lao động về lợi ích liên quan đến quyền và nghĩa vụ trong “*tương lai*” khi thương lượng thất bại, không đạt được các thỏa thuận về các điều khoản, điều kiện sẽ áp dụng. Tranh chấp về lợi ích thường mang tính tập thể.

Pháp luật Việt Nam cũng có sự tương đồng và quy định theo cách phân biệt rõ tranh chấp lao động cá nhân, TCLĐTT về quyền, TCLĐTT về lợi ích. Điều 179 BLLĐ 2019 quy định khái niệm chung khá rộng về tranh chấp lao động<sup>7</sup>.

Việc đưa “*Tổ chức đại diện người lao động*” làm chủ thể trong một bên TCLĐTT là sự thay đổi phù hợp với những điểm mới khác của BLLĐ 2019 về quyền thành lập, gia nhập tổ chức đại diện NLD tại cơ sở và tương thích với quy định về TULĐTT, thương lượng tập thể. Tuy nhiên, trong khái niệm TCLĐTT, Bộ luật lại bỏ đi một chủ thể bên phía NLD là “*Tập thể lao động*”. Việc quy định khái niệm TCLĐTT bắt buộc những NLD phải có thiết chế đại diện thì mới được xác định TCLĐTT là một bất cập trong xây dựng và thực hiện pháp luật<sup>8</sup>. Đơn giản là khái niệm “*Tập thể lao động*” không đồng nghĩa với khái niệm “*Tổ chức đại diện người lao động*”.

Theo Từ điển luật học: “*Tập thể lao động*” là “*tập hợp những NLD có quan hệ với nhau về công việc trong phạm vi sử dụng lao động nhất định*” (Bộ Tư pháp, Viện Khoa học pháp lý (2006: 694). Nội dung này không bao hàm tính chất tổ chức đại diện và trên thực tế vẫn luôn có tập thể lao động không có tổ chức đại diện. Việc áp dụng

<sup>5</sup> Trần Hoàng Hải (2011), Pháp luật về giải quyết tranh chấp lao động tập thể - kinh nghiệm của một số nước đối với Việt Nam, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Vụ Pháp chế - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2010), Pháp luật Lao động các nước ASEAN, NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội.

<sup>6</sup> Trung tâm đào tạo quốc tế ILO (International Training Centre - ITC) (2013) Hệ thống phòng ngừa và giải quyết tranh chấp lao động – hướng dẫn để cải thiện hiệu quả hoạt động.

<sup>7</sup> Tại Điểm b Khoản 1 Điều 179 Bộ Luật Lao động 2019 là: “Tranh chấp về quyền hoặc về lợi ích giữa tập thể lao động hoặc một hay nhiều tổ chức đại diện NLD với NSDLĐ hoặc một hay nhiều tổ chức đại diện NSDLĐ”

<sup>8</sup> Khoản 3 Điều 3 BLLĐ 2019. Quy định về khái niệm “Tổ chức đại diện NLD”. Nội dung bao gồm cả giải thích về “Tổ chức đại diện NLD” và “Tổ chức đại diện NLD tại cơ sở”.

quy định khái niệm TCLĐTT chỉ có chủ thể bên NLD là tổ chức đại diện phát sinh một số vấn đề như sau:

- Trường hợp có tranh chấp giữa một nhóm NLD không có tổ chức đại diện thì sẽ không được xác định là TCLĐTT và như vậy sẽ phải giải quyết theo thủ tục giải quyết tranh chấp lao động cá nhân. Nếu số lượng NLD lớn thì cũng sẽ bắt buộc cho việc giải quyết từng tranh chấp lao động cá nhân. Trường hợp này cũng phổ biến vì hiện nay nhiều doanh nghiệp không có tổ chức đại diện NLD tại cơ sở.

- Trường hợp có tranh chấp giữa tập thể NLD cùng là thành viên của tổ chức đại diện NLD tại cơ sở thuộc một đơn vị sản xuất kinh doanh, tuy nhiên vì một lý do nào đó Tổ chức này lại không đứng ra đại diện cho tập thể lao động hoặc có quan điểm trái với yêu cầu của tập thể lao động thì cũng chỉ có thể giải quyết theo từng tranh chấp lao động cá nhân.

- Trường hợp có tranh chấp về một vấn đề lao động của nhiều tập thể lao động thuộc nhiều đơn vị sản xuất kinh doanh (VD: điều kiện làm việc, phòng chống dịch bệnh trong khu công nghiệp, khu chế xuất...) và cũng không được các tổ chức đại diện NLD thuộc các đơn vị sản xuất kinh doanh đứng ra đại diện thì mặc dù tranh chấp có quy mô lớn, nhu cầu chính đáng nhưng vẫn không được xác định là TCLĐTT. Giải quyết theo từng tranh chấp lao động cá nhân hoàn toàn không phù hợp (Nguyễn Thu Ba, 2022)<sup>9</sup>.

Thực tế cũng đã phản ánh rõ những bất cập nêu trên. Ví dụ, giữa tháng 12/2021, hơn 400 công nhân làm việc tại Chi nhánh Công ty TNHH Asia Garment, Phường Đông Hưng Thuận, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh ngừng việc tập thể để yêu cầu thanh toán tiền lương và khắc phục nợ BHXH. Không có sự tham gia của tổ chức đại diện cơ sở và cơ quan nhà nước đã phải hướng dẫn NLD khởi kiện (M.Chi, 2021)<sup>10</sup>.

Tranh chấp ngày 20/12/2021 của hơn 200 công nhân Công ty Cổ phần Chấn Kiệt, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương về việc giải quyết hồ sơ hưởng các chính sách hỗ trợ dịch bệnh. Cũng không thấy rõ vai trò của tổ chức đại diện cơ sở và Liên đoàn

<sup>9</sup> Nguyễn Thu Ba (2022), Bất cập trong qui định về khái niệm tranh chấp lao động tập thể, <http://laodongxahoi.net/bat-cap-trong-qui-dinh-ve-khai-niem-tranh-chap-lao-dong-tap-the-1322764.html>

<sup>10</sup> M. Chi (2021), <https://nld.com.vn/cong-doan/bi-no-hon-9-ti-tien-luong-bhxx-hon-400-cong-nhan-ngung-viec-20210224123207597.htm>

Lao động tỉnh Bình Dương phải phối hợp cùng các cơ quan chức năng giải quyết vụ việc này (Đình Trọng, 2021)<sup>11</sup>.

***Bất cập trong quy định của pháp luật về sử dụng lao động trẻ em ở Việt Nam***

***- Về độ tuổi tối thiểu tham gia lao động:***

Độ tuổi tối thiểu là tiêu chuẩn cơ bản của pháp luật lao động, đã được quy định tại Công ước số 138 về độ tuổi lao động tối thiểu của ILO với mức tuổi sàn là không dưới 15 hoặc không được dưới độ tuổi kết thúc chương trình giáo dục bắt buộc (khoản 3 Điều 2). Quy định chung của Bộ luật lao động (BLLĐ) năm 2019 là 15 tuổi (khoản 1 Điều 3), hoàn toàn phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế, tuy nhiên, chưa có sự cụ thể hóa đối với những loại hình công việc được phép sử dụng lao động trẻ em và cấm sử dụng lao động trẻ em theo tiêu chuẩn của ILO.

***- Về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi của lao động trẻ em:***

Về thời giờ làm việc, BLLĐ năm 2019 vẫn giữ nguyên quy định về thời lượng là không quá 04 giờ/ngày và 20 tiếng/tuần đối với lao động dưới 15 tuổi. Đối với lao động chưa thành niên từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi thì được phép làm việc không quá 08 tiếng/ngày và 40 giờ/tuần (Điều 146). Về làm thêm giờ, BLLĐ năm 2019 quy định lao động chưa thành niên từ đủ 15 đến 18 tuổi được làm thêm giờ và làm việc ban đêm một số công việc theo quy định pháp luật (khoản 2 Điều 146). Tuy nhiên, Khuyến nghị số 146 của ILO về tuổi tối thiểu được nhận vào làm việc cấm làm thêm giờ đối với lao động trẻ em để đủ thời gian cho việc giáo dục, nghỉ ngơi và các hoạt động khác (Đoạn 13). Như vậy, pháp luật Việt Nam chưa tương thích với công ước quốc tế về quy định này.

Về thời giờ nghỉ ngơi, hiện nay vẫn chưa có quy định riêng cho lao động chưa thành niên, mà vẫn theo quy định về thời giờ nghỉ ngơi của người lao động nói chung (từ Điều 109 - 116 BLLĐ năm 2019).

***- Về danh mục các ngành nghề bị cấm sử dụng lao động trẻ em:***

Thông tư số 09/2020 quy định danh mục công việc gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên (69 công việc) tại Phụ lục III, danh mục nơi làm việc gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên (06 địa điểm) tại Phụ lục IV. Có thể thấy Thông tư này đã bỏ

<sup>11</sup> Đình Trọng (2021), [https://laodong.vn/cong-doan/vi-sao-hon-200-cong-nhan-tap-trung-truoc-cong-mot-cong-ty-o-binh-duong-986774.lido?fbclid=IwAR1sTpmbBDDGbKkNselCVBh-7dcvyVOOMM\\_IPXrbvKGEv2UQKefTyE4CdBk](https://laodong.vn/cong-doan/vi-sao-hon-200-cong-nhan-tap-trung-truoc-cong-mot-cong-ty-o-binh-duong-986774.lido?fbclid=IwAR1sTpmbBDDGbKkNselCVBh-7dcvyVOOMM_IPXrbvKGEv2UQKefTyE4CdBk)



sung nhiều công việc, nhóm công việc cấm sử dụng lao động chưa thành niên so với Thông tư số 10/2013/TT-BLĐTBXH ngày 10/6/2013 ban hành Danh mục các công việc và nơi làm việc cấm sử dụng lao động là người chưa thành niên, đặc biệt là những công việc thuộc ngành công nghiệp nặng, hóa chất, làng nghề truyền thống, khu vực kinh tế tư nhân và kinh tế gia đình nơi tình trạng lao động trẻ em diễn ra phức tạp. Tuy nhiên, Thông tư số 09/2020 vẫn chưa quy định một số ngành nghề trong lĩnh vực ngư nghiệp và nông nghiệp được đánh giá là nguy hiểm do sử dụng thiết bị, máy móc thiếu tiêu chuẩn về an toàn lao động, bao gồm các yếu tố nặng nhọc, độc hại như cày, bừa... trong lĩnh vực nông nghiệp. Ngoài ra, tại Mục 35 Phụ lục III Thông tư số 09/2020 về Danh mục công việc gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên quy định các công việc trên tàu đi biển nhưng chưa giải thích có bao gồm công việc đánh bắt và chế biến hải sản hay không. Bởi đây cũng được coi là công việc nặng nhọc và nguy hiểm với lao động chưa thành niên.

*- Về thanh tra và xử lý vi phạm trong hoạt động sử dụng lao động trẻ em:*

Việt Nam vẫn theo mô hình thanh tra lao động hợp nhất, nghĩa là chưa có thanh tra chuyên ngành về lao động chưa thành niên. Thanh tra ngành Lao động - Thương binh và Xã hội phụ trách tất cả các vấn đề liên quan đến lao động, trong đó có lao động chưa thành niên. Trong khi đó, hiện có 2/3 tổng số trẻ em làm 21 công việc, thuộc lĩnh vực nông nghiệp - ngư nghiệp, dịch vụ và công nghiệp là khu vực sản xuất, kinh doanh với quy mô nhỏ, lực lượng thanh tra ít tiếp cận. Bên cạnh đó, hiện nay biện pháp xử phạt áp dụng đối với người sử dụng người lao động chưa thành niên phần lớn là biện pháp hành chính, ít áp dụng chế tài hình sự do vướng mắc trong việc xác định hành vi phạm tội, chẳng hạn, rất khó xác định hành vi đối xử tàn ác đối với người lệ thuộc mình để xử lý về Tội hành hạ người khác theo Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 2015; hay chứng minh trẻ em đi ăn xin, bán hàng rong... làm các công việc nguy hiểm, nặng nhọc để xử lý người sử dụng đối tượng lao động này theo Điều 296 Bộ luật Hình sự năm 2015 là việc phức tạp. Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người sử dụng người dưới 16 tuổi làm những công việc nặng nhọc, nguy hiểm, độc hại, nhưng lao động chưa thành niên theo BLLĐ năm 2019 là người dưới 18 tuổi. Vậy, pháp luật hình sự đã “bỏ ngỏ” chế tài xử phạt đối với người sử dụng người lao động từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi làm các công việc trên. Hơn nữa,

mức phạt tiền đối với các hành vi vi phạm vẫn còn ở mức thấp, chưa đủ sức răn đe (Khúc Thị Trang Nhung; Ths. Phạm Thị Hương Giang, 2022)<sup>12</sup>.

### **3.3. Thực tiễn tuân thủ pháp luật lao động tại các doanh nghiệp Việt Nam**

Nếu nhìn từ bên ngoài, các quy định chính sách, pháp luật về bảo vệ việc làm của Việt Nam là khá chặt chẽ và nghiêm ngặt song trên thực tế các quy định này hiện đang có lợi cho chủ sử dụng lao động. Cơ hội cho người ngoài cuộc - những lao động chưa có việc làm hưởng lương lại rất hạn chế, thậm chí rất khó tiếp cận được thị trường để chuyển đổi nghề nghiệp của mình. Người lao động chưa được trao quyền yêu cầu giới chủ đáp ứng những nhu cầu về tăng lương, đảm bảo phúc lợi và an sinh xã hội. Phản ứng duy nhất là đình công, bỏ việc cùng với những thiệt thòi về quyền lợi và công bằng xã hội (Đặng Nguyên Anh, 2021).

Thực tế có rất nhiều người sử dụng lao động (NSDLĐ) sẽ “né” việc ký kết HĐLĐ với người lao động (NLĐ) để tiết kiệm rất nhiều chi phí cho NSDLĐ như không phải đóng BHXH, bảo hiểm thất nghiệp, quản lý nhân sự... Điều này ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi chính đáng của NLĐ. Nguy hiểm hơn, nó còn gây mất an sinh xã hội, tăng gánh nặng ngân sách...(Minh Chung, 2022)<sup>13</sup>.

Mức lương tối thiểu vùng hiện nay, tuy có tăng, nhưng chưa đáp ứng được hoàn toàn đầy đủ mức sống tối thiểu của người lao động và gia đình họ. Tại các khu công nghiệp, đời sống của người lao động rất khó khăn, do mức lương tối thiểu hiện nay chưa thể đáp ứng được mức sống tối thiểu của họ. Mục tiêu tăng lương tối thiểu nhằm ngang bằng với “mức sống tối thiểu” vẫn chưa đạt được mặc dù có ý nghĩa lớn nhằm ổn định chính trị - xã hội. Ngay cả nguyên tắc lương tối thiểu phải đủ bù đắp nhu cầu sống tối thiểu của người lao động cũng chưa thuyết phục. Mức sống tối thiểu nhằm đảm bảo nhu cầu sống tối thiểu của người lao động, bao gồm thực phẩm đủ dinh dưỡng, tiện ích và nhà ở tối thiểu, chăm sóc sức khỏe, đi lại và giáo dục, quan hệ xã hội... Mục tiêu của chính sách tiền lương trong nhiều năm là lương tối thiểu cần tiệm cận với giá cả thị trường sức lao động. Tuy nhiên, mỗi lần tăng lương tối thiểu thì chỉ có 5-7% lao động lương thấp được hưởng, trong khi lương của 93-95% lao động còn lại cũng tăng theo. Như vậy có sự bất cập giữa lương tối thiểu và chính sách tiền lương

<sup>12</sup> Khúc Thị Trang Nhung; Phạm Thị Hương Giang (2022), Hoàn thiện pháp luật về sử dụng lao động trẻ em ở Việt Nam, <https://vksndtc.gov.vn/tin-tuc/cong-tac-kiem-sat/hoan-thien-phap-luat-ve-su-dung-lao-dong-tre-em-o-d10-t10259.html>

<sup>13</sup> Minh Chung (2022), Xử sao khi doanh nghiệp ‘né’ ký hợp đồng lao động, <https://plo.vn/xu-sao-khi-doanh-nghiep-ne-ky-hop-dong-lao-dong-post664822.html>

chung. Để bảo vệ người lao động, ngoài việc tăng lương tối thiểu hay bắt người lao động làm thêm giờ hay tăng ca, đòi hỏi phải có cả các chương trình thị trường lao động chủ động như đào tạo và hỗ trợ tìm việc làm, đưa lao động bị mất việc quay lại với thị trường lao động bằng việc hỗ trợ chuyển đổi việc làm, bảo hiểm thất nghiệp nhưng cả hai hình thức này chưa phát huy hiệu quả ở Việt Nam. Mức độ che phủ của loại hình bảo hiểm thất nghiệp còn khiêm tốn (với gần 20% lực lượng lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp). Trong khi đó, mức trợ cấp thất nghiệp ở Việt Nam tương đối rộng rãi tương đương với 60% thu nhập bình quân của sáu tháng lương liền kề trước khi thất nghiệp (Đặng Nguyễn Anh, 2021).

Về lao động cưỡng bức (LĐCB), đối với lao động trong các doanh nghiệp, theo quy định của Tiêu chuẩn lao động quốc tế cơ bản, việc thu giữ giấy tờ tùy thân của NLD là một hành vi vi phạm nhưng ở Việt Nam, các điều tra hiện nay cho thấy rằng theo thủ tục trình tự, 24.28% NLD phải nộp các giấy tờ tùy thân của họ cho người sử dụng lao động để có thể có việc làm (Bộ Lao động, thương binh và xã hội, 2017)<sup>14</sup>. Tài liệu của Vụ Pháp chế - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chuẩn bị cho việc phê chuẩn Công ước 105 với kết quả kiểm tra tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam cũng cho thấy 22,72% số lao động khi được tuyển vào doanh nghiệp phải cam kết làm việc trong một thời gian nhất định, không được bỏ việc giữa chừng. 4,54% lao động nữ phải cam kết trong thời gian nhất định không được sinh con (Mai Đăng Lưu, 2021)<sup>15</sup>. Một thực tế nữa là thời gian thử việc thực tế của NLD tại các doanh nghiệp được điều tra dài hơn so với luật định và NLD chỉ được nhận mức lương thử việc bằng mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định. Trong trường hợp này, NSDLĐ đã buộc NLD làm thử việc trong thời gian dài với mức lương thấp, và đây cũng là biểu hiện của LĐCB (Mai Đăng Lưu, 2021).

Về quan hệ lao động, Tất cả các tổ chức công đoàn đều trực thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tuy đều có một số chức năng và vai trò khác nhau, song mối quan tâm không giống nhau và có thể dẫn đến xung đột lợi ích. Công đoàn ở các doanh nghiệp quan hệ mật thiết với Ban quản lý doanh nghiệp, đồng thời có nhiệm vụ đại diện cho quyền lợi của người lao động cũng như đảm bảo phúc lợi cho họ. Tuy nhiên, chức năng này không phải là chính yếu nếu so với các chức năng khác của tổ

<sup>14</sup> Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2017). Báo cáo số 146/BC - BLĐTBXH ngày 31/12/2017.

<sup>15</sup> Mai Đăng Lưu (2021); “Pháp luật Việt Nam về xóa bỏ lao động cưỡng bức”, Tạp chí Công Thương, <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/phap-luat-viet-nam-ve-xoa-bo-lao-dong-cuong-buc-78817.htm>

chức Công đoàn Việt Nam hiện nay. Với Bộ luật Lao động sửa đổi 2019 vừa được ban hành, cần phân biệt và tránh nhầm lẫn giữa tổ chức Công đoàn với tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp nằm ngoài hệ thống tổ chức của Công đoàn Việt Nam.

Vai trò của các hiệp hội chủ sử dụng lao động như Phòng Thương Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Liên minh Hợp tác xã Việt Nam (VCA) cũng khá phức tạp. Các hiệp hội này có kinh nghiệm hơn trong việc thúc đẩy các chính sách, duy trì các hoạt động công đoàn hơn là tham gia trực tiếp giải quyết các mâu thuẫn trong quan hệ lao động. Nhưng các tổ chức này lại do Nhà nước chỉ định và hỗ trợ nên nhiều khi không đại diện cho lợi ích của các bên, người lao động cũng như người sử dụng lao động có liên quan (Trịnh Khánh Ly, 2015). Ví dụ minh chứng cho yếu kém này là số lượng lớn các cuộc nghỉ việc tập thể và đình công tự phát ở Việt Nam. Mặc dù Luật Lao động đã có quy định về đình công nhưng các thủ tục quá rườm rà và vai trò không rõ ràng của công đoàn nên chưa có một cuộc đình công nào theo đúng quy định của luật pháp. Thay vào đó, các cuộc đình công đều được xem như “tự phát” và rất nhiều cuộc vi phạm các quy định hiện hành. Những cuộc đình công tự phát này có xu hướng gia tăng, mặc dù có sự dao động lớn về số lượng từ năm này qua năm khác. Số liệu hạn chế có được cho thấy phần lớn các cuộc đình công này diễn ra trong khu vực doanh nghiệp nước ngoài, phản ánh những hạn chế trong cơ chế giải quyết tranh chấp lao động hiện nay trong quá trình hội nhập (Đặng Nguyên Anh, 2021).

Những cam kết với công ước ILO và quốc tế đặt ra thách thức lớn cho tổ chức và hoạt động của hệ thống công đoàn Việt Nam. Nếu Công đoàn hoạt động thật sự có hiệu quả, mạnh dạn đấu tranh đòi hỏi quyền lợi của người lao động, nói lên được tiếng nói bức xúc của họ, thì các tổ chức của người lao động mới ra đời sẽ gia nhập Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, tạo thêm sức mạnh cho hệ thống công đoàn Việt Nam. Ngược lại, nếu Công đoàn hoạt động hời hợt, thiếu hiệu quả, không đấu tranh cho quyền lợi của người lao động thì các tổ chức của người lao động mới ra đời có thể không gia nhập vào Công đoàn Việt Nam mà họ sẽ tự liên kết lại để bảo vệ quyền lợi của mình. Nếu tổ chức Công đoàn không nhanh chóng đổi mới mạnh mẽ về tổ chức và hoạt động thì sẽ xảy ra “dòng chảy” các đoàn viên từ Công đoàn Việt Nam sang tổ chức mới của người lao động (Đặng Nguyên Anh, 2021)<sup>16</sup>.

---

<sup>16</sup> Đặng Nguyên Anh (2021), Thị trường lao động - việc làm và quan hệ lao động trong điều kiện hội nhập ở Việt Nam: Thực trạng và một số định hướng chính sách, <http://hdl.vn/vi/nghien-cuu---trao-doi/thi-truong-lao-dong--->

Tình trạng phân biệt đối xử đối với lao động nữ vẫn tồn tại và việc bảo đảm, bảo vệ quyền của lao động nữ vẫn chưa hiệu quả. Thực tiễn thi hành pháp luật lao động đã cho thấy, sự gia tăng nhu cầu sử dụng lao động và tăng thu nhập cho người lao động không đồng nhất với sự bảo đảm quyền lợi của người lao động. Do những đặc điểm về tâm sinh lý, giới tính, lao động nữ thường gặp khó khăn hơn so với lao động nam trong quan hệ lao động. Cùng với quan niệm sai lệch về giới làm cho lao động nữ trở thành đối tượng dễ bị tổn thương hơn. Với đặc thù về giới và sự tồn tại của quan niệm “trọng nam khinh nữ”, lao động nữ ở Việt Nam vẫn bị yếu thế, gặp nhiều thách thức, bị xâm phạm về quyền và lợi ích (Trần Thị Mộng, 2019)<sup>17</sup>.

Chẳng hạn, kết quả tại Công ty CP Ngô Han (H.Long Thành) cho thấy, doanh nghiệp này còn nhiều hạn chế trong việc tuân thủ pháp luật lao động. Cụ thể, chưa xây dựng kế hoạch thực hiện ATVSLĐ hằng năm, chưa tổ chức khám sức khỏe định kỳ, bệnh nghề nghiệp cho NLĐ, chưa xây dựng quy trình vận hành an toàn lao động. Đối với việc thực hiện pháp luật lao động, công ty chưa thực hiện tốt quy chế dân chủ và các chính sách đối với lao động nữ... Cùng với đó, doanh nghiệp còn nợ đoàn phí và chưa tạo điều kiện cho Công đoàn cơ sở hoạt động. Ngoài Công ty CP Ngô Han, một số doanh nghiệp khác còn những hạn chế tương tự như: tổ chức cho NLĐ làm thêm giờ vượt quá thời gian quy định; phân loại chưa đầy đủ số lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ... Giải thích về tình trạng trên, các doanh nghiệp cho rằng, do 2 năm qua dịch bệnh phức tạp, điều kiện sản xuất khó khăn nên việc thực hiện một số quy định pháp luật chưa kịp thời (Lan Mai, 2022)<sup>18</sup>.

Theo báo cáo của Trung tâm quốc gia về An toàn - Vệ sinh lao động của 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2020, trên toàn quốc đã xảy ra 8.380 vụ tai nạn lao động, làm 8.610 người bị nạn (bao gồm cả khu vực có quan hệ lao động và khu vực người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động), trong đó: số người chết vì tai nạn lao động là 966 người; số vụ tai nạn lao động chết người là 919 vụ; số người bị thương nặng là 1.897 người; nạn nhân là lao động nữ là 2.724 người.

---

viiec-lam-va-quan-he-lao-dong-trong-dieu-kien-hoi-nhap-o-viet-nam-thuc-trang-va-mot-so-dinh-huong-chinh-sach--%E2%80%8B.html

<sup>17</sup> Trần Thị Mộng (2019), Thực trạng pháp luật Việt Nam hiện hành về các biện pháp bảo vệ quyền của lao động nữ, <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/thuc-trang-phap-luat-viet-nam-hien-hanh-ve-cac-bien-phap-bao-ve-quyen-cua-lao-dong-nu-62270.htm>

<sup>18</sup> Lan Mai (2022), Còn hạn chế trong thực hiện pháp luật lao động, <http://www.baodongnai.com.vn/congdoan/202206/con-han-che-trong-thuc-hien-phap-luat-lao-dong-3122118/>

Theo kết quả khảo sát về tình trạng công nhân vi phạm các quy định, nội quy trong công ty đối với 2.500 công nhân ở khu công nghiệp, khu chế xuất cho thấy, có 1.064/2.500 công nhân trả lời có đi muộn, về sớm. Tình trạng công nhân nghỉ không lý do vẫn diễn ra khá phổ biến. Có 566 người trả lời có làm hỏng, sai sản phẩm; 375 công nhân trả lời có hiện tượng cãi nhau trong giờ làm việc và không hoàn thành định mức lao động; đặc biệt, 176 công nhân đánh giá có hiện tượng công nhân lấy đồ của công ty (Nguyễn Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Huyền Trang, 2022)<sup>19</sup>.

Nguyên nhân những hạn chế trên xuất phát nhiều yếu tố khách quan và chủ quan. Một số doanh nghiệp chưa nhận thức đầy đủ các quy định của pháp luật về chính sách lao động, tiền lương và an toàn, vệ sinh lao động để thực hiện. Nhiều người sử dụng lao động chưa có ý thức chấp hành pháp luật. Một số doanh nghiệp nắm được các quy định của pháp luật về lao động nhưng để tiết kiệm chi phí sản xuất, tăng lợi nhuận, họ lại cố tình không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các quy định của pháp luật.

Cùng với đó, nhận thức của công nhân về các quy định của pháp luật còn hạn chế: công nhân không biết hoặc không nắm đầy đủ các quy định của pháp luật về lao động, do đó không thể đề xuất, kiến nghị với người sử dụng lao động để bảo đảm doanh nghiệp thực hiện đúng các quy định của pháp luật hoặc người lao động biết các quy định của pháp luật nhưng đồng ý thỏa thuận với người sử dụng lao động không thực hiện để được làm việc tại doanh nghiệp. Nhiều công nhân do trình độ văn hóa còn thấp nên không biết được những quyền lợi đã được pháp luật lao động quy định (Nguyễn Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Huyền Trang, 2022)<sup>20</sup>

#### **4. Một số giải pháp chủ yếu đảm bảo thực thi các cam kết về lao động trong EVFTA**

Những năm tới, EVFTA sẽ bước vào giai đoạn giảm thuế sâu. Vì vậy, để tận dụng tốt những ưu đãi nhằm đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa sang thị trường các nước thành viên EVFTA, Việt Nam cần thực hiện một số giải pháp chủ yếu đảm bảo thực thi các cam kết về lao động trong Hiệp định này:

(1) Sửa đổi, bổ sung những bất cập trong cơ chế, thiết chế của hệ thống pháp luật quan hệ lao động nhằm thực hiện tốt các cam kết quy định trong EVFTA như hoàn

<sup>19</sup> Nguyễn Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Huyền Trang (2022), Nâng cao ý thức chấp hành kỷ luật lao động cho công nhân theo quan điểm Hồ Chí Minh, <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/nguyen-cuu-ly-luan/item/4068-nang-cao-y-thuc-chap-hanh-ky-luat-lao-dong-cho-cong-nhan-theo-quan-diem-ho-chi-minh.html>

<sup>20</sup> Nguyễn Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Huyền Trang (2022), Nâng cao ý thức chấp hành kỷ luật lao động cho công nhân theo quan điểm Hồ Chí Minh, <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/nguyen-cuu-ly-luan/item/4068-nang-cao-y-thuc-chap-hanh-ky-luat-lao-dong-cho-cong-nhan-theo-quan-diem-ho-chi-minh.html>

thiện các thiết chế quản lý nhà nước về quan hệ lao động của Việt Nam nói chung, lao động trẻ em nói riêng; hoàn thiện quản lý nhà nước đối với thiết chế đại diện người lao động và người sử dụng lao động, hoàn thiện quản lý nhà nước đối với các thiết chế giải quyết quan hệ lao động; Về lao động trẻ em, yêu cầu nhà cung ứng cam kết sử dụng lao động đủ tuổi theo luật... Đối với hộ kinh doanh nhỏ lẻ, cơ quan chức năng cần chỉ rõ mức phạt, nguy cơ xử lý hình sự để thay đổi nhận thức người dân.

(2) *Chú trọng phát triển nguồn nhân lực và công đoàn đảm bảo thực thi cam kết về EVFTA*: Đổi mới phương thức tập hợp người lao động; Mở rộng đối tượng kết nạp đoàn viên; Tăng cường công tác điều hành, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công đoàn theo hướng chuyên nghiệp.

(3) *Tăng cường cập nhật thông tin cho doanh nghiệp và người lao động của Việt Nam*: Phổ biến thông tin về tác động toàn diện và cụ thể của việc thực hiện cam kết về lao động trong EVFTA; về những thay đổi chính sách pháp luật lao động và thực tiễn thực hiện cam kết về lao động.

(4) *Chủ động ứng phó và giải quyết tranh chấp và những phát sinh liên quan đến lao động*: Kiến toàn các tổ chức làm công tác trọng tài, hòa giải và nâng cao năng lực hoạt động của các tổ chức này.

(5) *Hợp tác quốc tế*: Tăng cường và thúc đẩy hợp tác với ILO trong việc đánh giá tác động và thực thi các Công ước cơ bản của ILO tại Việt Nam; tăng cường hợp tác với các quốc gia để phát hiện và can thiệp kịp thời các biểu hiện buôn người trong đó có buôn bán trẻ em và lao động trẻ em.

(6). Doanh nghiệp, người sử dụng lao động nói không với lao động trẻ em và khuyến nghị quy trình tuyển dụng lao động phải chặt chẽ, nhất là khâu xác minh hồ sơ; tận dụng mạng xã hội để dự trù nguồn nhân lực;

(7) Vì mục tiêu phát triển bền vững và đảm bảo chất lượng lực lượng lao động tương lai, để hệ thống pháp luật về lao động trẻ em được thực thi hiệu quả thông qua việc củng cố hệ thống thanh tra, kiểm tra, có thể xây dựng hai loại hình giám sát:

- Cơ quan nhà nước có thẩm quyền: Xây dựng đội ngũ thanh tra lao động với quy trình thanh tra riêng về loại hình lao động trẻ em. Đồng thời, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn của các thanh tra viên và mở rộng thẩm quyền cho họ về việc thực thi các chế tài xử phạt như được quyền phạt hành chính hành vi sử dụng lao động trẻ em tại cơ sở làm việc.

- Cơ chế giám sát cơ sở: Thực tế, tại Việt Nam, số lượng trẻ em lao động tại khu vực phi chính thức trong các ngành nghề chiếm tỉ lệ cao, trong khi thanh tra lao động với lực lượng mỏng khó tiếp cận được khu vực này. Do vậy, cần xây dựng một đội ngũ giám sát từ chính người dân để kịp thời phát hiện, tố cáo hành vi sử dụng lao động trẻ em. Lực lượng giám sát này có thể mang lại hiệu quả cao vì tính kịp thời cũng như không tốn chi phí lớn để vận hành.

## 5. Kết luận

Với 16 FTA đang thực thi và đàm phán, Việt Nam đã xây dựng khuôn khổ thương mại tự do với gần 60 nước, khẳng định được chủ trương nhất quán về tiếp tục đổi mới kinh tế, hội nhập quốc tế và ủng hộ tự do hóa thương mại theo hướng mở, minh bạch và dựa trên luật lệ, thể hiện vai trò và đóng góp tích cực tại các cơ chế hợp tác kinh tế đa phương khu vực và toàn cầu như ASEAN, APEC, WTO.

Việc thực hiện các cam kết về lao động trong EVFTA sẽ góp phần cải thiện điều kiện làm việc, tái sản xuất sức lao động và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam.

Bộ luật Lao động sửa đổi đã được Quốc hội thông qua ngày 20/11/2019, có vai trò quan trọng, mở đường cho việc thực hiện các cam kết của Việt Nam về lao động trong các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mà Bộ luật lao động năm 2012 còn một số quy định chưa tương thích với các nguyên tắc và quyền cơ bản trong lao động của người lao động theo Tuyên bố năm 1998 của Tổ chức Lao động quốc tế, nhất là các nội dung về tự do hiệp hội, bảo vệ quyền tổ chức và thương lượng tập thể và xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử trong việc làm và nghề nghiệp. Có thể nói rằng, việc ban hành Bộ luật lao động sửa đổi, bổ sung năm 2019 một mặt thể hiện thái độ nghiêm túc, sự thực thi có hiệu quả cam kết của Việt Nam trong các hiệp định, đồng thời tạo môi trường pháp lý thông thoáng, minh bạch, tiệm cận với các chuẩn mực quốc tế làm nền tảng vững chắc cho hội nhập quốc tế.

Quá trình thực thi các cam kết về lao động trong EVFTA của Việt Nam đạt được một số kết quả bước đầu như đã trình bày, chắc chắn sẽ có những điều chỉnh tiếp theo để đạt được sự phù hợp cao nhất với các quy định quốc tế theo nguyên tắc *Pacta sunt servanda*<sup>21</sup>. Việc tiếp tục triển khai một cách có hiệu quả các cam kết về lao động trong

---

<sup>21</sup> Nội dung nguyên tắc *Pacta sunt servanda*

▪ Mọi quốc gia đều có nghĩa vụ thực hiện tự nguyện; thiện chí; trung thực và đầy đủ các nghĩa vụ điều ước quốc tế của mình.



các FTA thế hệ mới sẽ góp phần tiếp tục nâng cao vị thế của Việt Nam trong quan hệ đối ngoại, giúp Việt Nam tham gia ngày càng sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu, tạo thêm nhiều việc làm và thu nhập cho người lao động, tạo lập môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển đất nước.

- 
- Mọi quốc gia phải tuân thủ tuyệt đối việc thực hiện nghĩa vụ điều ước quốc tế; tuân thủ một cách triệt để; không do dự. Các sự kiện khách quan xảy ra như thay đổi chính phủ; thay đổi hình thức quản lý hay chế độ xã hội; biều tình; thiên tai; thay đổi lãnh thổ hay sự thay đổi hoàn cảnh quốc tế không thể là lý do để quốc gia không thực hiện điều ước quốc tế.
  - Các quốc gia thành viên điều ước quốc tế không được viện dẫn các quy định của pháp luật trong nước làm nguyên nhân từ chối thực hiện nghĩa vụ của mình (Điều 27 Công ước Viên năm 1969)
  - Các quốc gia không có quyền kí kết điều ước quốc tế mâu thuẫn với nghĩa vụ của mình được quy định trong điều ước quốc tế hiện hành mà quốc gia đã kí kết hoặc tham gia trước đó với quốc gia khác
  - Không cho phép quốc gia đơn phương ngừng thực hiện; xem xét lại điều ước quốc tế. Hành vi này chỉ được thực hiện bằng phương thức đình chỉ; xem xét hợp pháp theo sự thỏa thuận của các thành viên điều ước.
  - Việc cắt đứt quan hệ ngoại giao; quan hệ lãnh sự giữa các nước thành viên của điều ước không ảnh hưởng đến các quan hệ pháp lý phát sinh giữa các quốc gia này; trừ trường hợp các quan hệ ngoại giao hoặc quan hệ lãnh sự là cần thiết cho việc thực hiện điều ước.

Nguồn: <https://luatsux.vn/loi-dung-cua-nguyen-tac-pacta-sunt-servanda-trong-luat-quoc-te>

## THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU VÀ GỢI MỞ CHO VIỆT NAM

*ThS. Trịnh Thành Vinh*  
Viện Nghiên cứu Châu Âu

**Tóm tắt:** Thị trường lao động của Liên minh châu Âu (EU) được đặc trưng bởi một số điểm yếu về cơ cấu, đặc biệt là vấn đề thất nghiệp kéo dài. Trong khi đã có một số cải thiện, một số nhóm trong xã hội, chẳng hạn như phụ nữ, thanh niên hoặc lao động lớn tuổi, vẫn tiếp tục được đại diện cho dân số lao động. Ngoài ra còn có những thách thức mới như khoảng cách kỹ năng ngày càng tăng và việc gạt hái những lợi ích từ việc số hóa nền kinh tế. Bài viết sẽ tổng quan về thị trường lao động của EU, với tác động từ đại dịch Covid-19, với các chính sách hỗ trợ người lao động, từ đó đưa ra một số giải pháp và gợi mở cho Việt Nam sau khi có Hiệp định thương mại tự EVFTA.

Thị trường lao động thay đổi đòi hỏi sự điều chỉnh liên tục các kỹ năng và chiến lược học tập suốt đời hiệu quả. Số hóa, toàn cầu hóa và chuyên đổi sinh thái, những thay đổi cấu trúc dẫn đến việc tạo ra việc làm, mất việc làm và thay đổi hồ sơ công việc. Do sự thay đổi nhân khẩu học và cải cách lương hưu, tăng giờ làm việc lâu hơn khiến việc đào tạo cho những người lao động lớn tuổi trở nên cần thiết. Ngoài các xu hướng dài hạn, đại dịch Covid-19 đã gây ra tác động gây sốc trên toàn thế giới đối với thị trường lao động. Để khắc phục các vấn đề thiếu tính di động trong thị trường lao động, EU phải thực hiện theo một chiến lược kép. Đầu tiên, các sáng kiến phải được thực hiện để huy động thị trường trong nước, công nhận về trình độ chuyên môn và khả năng chuyên hóa đầy đủ và minh bạch của các quyền lợi xã hội không phải là những bước duy nhất nên thuộc về chương trình nghị sự chính trị. Việc tạo ra một nền tảng trao đổi việc làm trực tuyến của Châu Âu thông qua liên kết chéo giữa các cơ quan quốc gia có thể giúp kích thích tính di động cũng như Âu hóa các chương trình chính sách giáo dục. Bắt buộc phải ở lại nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục và việc thúc đẩy mạnh mẽ các chương trình trao đổi chắc chắn sẽ có hiệu quả.

Tác động của sự phát triển công nghệ không thể được đánh giá đầy đủ nếu không xem xét các xu hướng khác, không liên quan đến công nghệ ảnh hưởng đến nhu cầu kỹ năng hoặc xác định nguồn cung kỹ năng. Ngoài ra, nó còn nhấn mạnh việc những

người có kỹ năng thấp ngày càng có xu hướng có hợp đồng lao động tạm thời và bán thời gian, có nguy cơ bị thay thế bởi lao động nhập cư đến có hồ sơ kỹ năng tương tự, đặc biệt là ở các quốc gia có hệ thống thị trường lao động không ổn định.

Phát triển công nghệ là một trong những khía cạnh quan trọng quyết định nhu cầu lao động và kỹ năng, kết hợp với phát triển kinh tế, toàn cầu hóa và xu hướng nhân khẩu học. Thay vì chỉ đơn giản là thay thế công việc, công nghệ mới có xu hướng xác định lại công việc theo những cách đòi hỏi kỹ năng cao hơn. Già hóa dân số, từ lâu đã trở thành hiện thực ở châu Âu, ngoài việc gây áp lực lên các hệ thống phúc lợi, có thể ảnh hưởng đến thị trường lao động bằng cách làm tăng nhu cầu về năng suất lao động cao hơn thông qua việc thay đổi nhu cầu hàng hóa và ví dụ như các dịch vụ có thể làm tăng nhu cầu về các công việc cấp thấp nhất trong các ngành dịch vụ và chăm sóc sức khỏe.

## 1. Thực trạng lao động của EU

Vào năm 2020, sự phát triển kinh tế phần lớn được quyết định bởi diễn biến của đại dịch Covid-19<sup>1</sup>. Việc kiểm soát các bệnh nhiễm trùng đã đạt được bằng cách hạn chế khả năng di chuyển của mọi người. Sau khi phục hồi tạm thời vào mùa hè năm 2020, nền kinh tế lại lao dốc do nhiều Chính phủ khôi phục các biện pháp ngăn chặn nghiêm ngặt. Năm 2020, tỷ lệ thất nghiệp gia tăng tương đối nhẹ, trong khi phản ứng chính sách góp phần giảm thiểu tác động của suy thoái kinh tế và tỷ lệ lao động giảm đã làm gia tăng tỷ lệ thất nghiệp. Đại dịch đã thúc đẩy việc áp dụng các công nghệ số trên quy mô lớn.

Trong thời gian bị phong tỏa, ứng dụng số hóa đã là một bước đệm hỗ trợ hoạt động của các doanh nghiệp cho phép người tiêu dùng giảm nguy cơ lây nhiễm. Các doanh nghiệp đã nhận ra lợi ích của việc đầu tư vào công nghệ số, trong khi người tiêu dùng đã chuyển sở thích của họ sang hàng hóa và dịch vụ được phân phối bởi số hóa. Làm việc từ xa có thể trở nên hấp dẫn hơn đối với một số người lao động. Những thay đổi này tạo điều kiện thuận lợi cho việc tạo việc làm, thúc đẩy tăng năng suất và tiền lương, đồng thời đẩy nhanh quá trình chuyển đổi kép (xanh và số hóa). Trong ngắn hạn, việc sử dụng rộng rãi các công cụ số hóa giống như sự ra đời của các công nghệ tiết kiệm lao động, đặc biệt là cho các công việc chuyên sâu thường xuyên. Dù có sự

---

<sup>1</sup> Michael Freytag and Sonja van Lieshout, *Towards more dynamic, inclusive and resilient labour markets in Europe*, <https://www.euractiv.com/section/economy-jobs/opinion/towards-more-dynamic-inclusive-and-resilient-labour-market-in-europe/>

phục hồi sau giai đoạn suy giảm sâu của GDP trong nửa đầu năm, nền kinh tế EU đã rơi vào suy thoái trở lại trong quý cuối cùng của năm 2020. Sự sụt giảm GDP nhẹ hơn do tác động tổng hợp của các biện pháp hạn chế có chọn lọc và sự thích nghi của người dân với các biện pháp an toàn. Vào năm 2021, sự tiến bộ nhanh chóng trong các chiến dịch tiêm chủng đã dẫn đến việc nới lỏng dần các biện pháp phong tỏa cho phép nhu cầu trong nước phục hồi và các điều kiện thị trường lao động được cải thiện. Sau khi giảm nhẹ trong Quý I/2021, nền kinh tế EU trở lại đà tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ trong quý II<sup>2</sup> (2% so với quý trước), chủ yếu nhờ sự phục hồi của thị trường dịch vụ. Mức độ không chắc chắn về kinh tế tồn tại do hậu quả của một làn sóng nhiễm bệnh mới bất chấp xu hướng phục hồi. Tác động của việc GDP giảm mạnh đối với tỷ lệ thất nghiệp đã được giảm nhẹ nhờ phản ứng của chính sách, đặc biệt là các kế hoạch duy trì việc làm, nhưng cũng do dòng tiền tạm thời không hoạt động do lo sợ lây nhiễm và các biện pháp phong tỏa khiến mọi người từ bỏ việc tìm kiếm việc làm.

Vào năm 2020, gần ba triệu người bị sa thải, tỷ lệ giảm việc làm là 1,5%. Tuy nhiên, chỉ một phần nhỏ trong số những thiệt hại này chuyển thành tỷ lệ thất nghiệp cao hơn, do nhiều người rời bỏ lực lượng lao động. Trong quý II năm 2020, tỷ lệ lao động (15-74 tuổi) giảm xuống 62,7%, tỷ lệ thấp nhất kể từ quý II năm 2011<sup>3</sup>. Những người trẻ tuổi đã phải chịu một tỷ lệ mất việc làm không tương xứng, nhưng phục hồi nhanh hơn so với các nhóm lao động chính, trong khi những người lao động lớn tuổi có khả năng chống chọi tốt hơn với cuộc suy thoái Covid-19. Những người lao động tạm thời, người thất nghiệp, người có kỹ năng thấp và trung bình thường bị mất việc làm nhiều hơn. Đối với phụ nữ, phụ nữ trẻ và các bà mẹ đơn thân bị ảnh hưởng tiêu cực hơn.

Để đối phó với việc nới lỏng dần các biện pháp phong tỏa, tỷ lệ lao động đã tăng trở lại lên 64% trong quý III năm 2020 và duy trì ở mức đó trong suốt nửa đầu năm 2021. Mặc dù tỷ lệ lao động giảm là tạm thời và chủ yếu liên quan đến ảnh hưởng của khoảng cách xã hội đối với việc tìm kiếm việc làm, trong quý II năm 2021<sup>4</sup>, tỷ lệ thất nghiệp vẫn thấp hơn 0,5 điểm phần trăm so với quý IV năm 2019. Vào mùa xuân năm 2021, tình hình kinh tế được cải thiện đi kèm với tỷ lệ thất nghiệp giảm đáng kể. Vào

<sup>2</sup> European Commission (2021), *Employment and Social Developments in Europe*, <https://ec.europa.eu/social/BlobServlet?docId=24223&langId=en>

<sup>3</sup> European Commission (2021), *Labour Market and Wage Developments in Europe, Annual Review 2021*, <https://ec.europa.eu/social/BlobServlet?docId=25003&langId=en>

<sup>4</sup> European Commission (2021), *Employment and Social Developments in Europe*, <https://ec.europa.eu/social/BlobServlet?docId=24223&langId=en>

tháng 10 năm 2021, tỷ lệ thất nghiệp đã giảm xuống còn 6,7%, thấp hơn một điểm phần trăm so với mức đỉnh đạt được một năm trước đó nhưng vẫn cao hơn 0,7 điểm so với mức trước đại dịch. Song song đó, tỷ lệ thất nghiệp dài hạn tăng ở hầu hết các quốc gia thành viên phản ánh khả năng tìm được việc làm thấp, đặc biệt là những người thất nghiệp trên 12 tháng. Việc làm và số giờ làm việc tăng rõ rệt trong quý II năm 2021 khi nền kinh tế EU đạt được sự tăng trưởng trong quý III cho phép việc làm trở lại gần mức trước đại dịch và điều này cho thấy thị trường lao động đang chuyển từ phục hồi sang mở rộng<sup>5</sup>.

Ảnh hưởng của đại dịch được phân biệt giữa các lĩnh vực, với tác động tiêu cực mạnh mẽ đến các lĩnh vực sản xuất và tiếp xúc nhiều - đặc biệt là thương mại bán buôn và bán lẻ, vận tải và khách sạn. Trong quý II năm 2021, việc làm của EU trong lĩnh vực sản xuất thấp hơn 2,7% so với mức của quý IV năm 2019. Đến quý II năm 2021, việc làm trong các dịch vụ ít tiếp xúc đã trở lại mức trước khủng hoảng và thậm chí còn cao hơn mức đó trong lĩnh vực xây dựng, y tế và hành chính công. Ngược lại, việc làm giảm mạnh đã được quan sát thấy ở những nghề không thể thực hiện từ xa và những nghề dễ bị tự động hóa. Trong quý II năm 2021, việc làm trong những ngành nghề ít có nguy cơ tự động hóa hơn đã quay trở lại mức trước đại dịch, trong khi ở những nghề tiếp xúc nhiều hơn, tỷ lệ này thấp hơn khoảng 5%<sup>6</sup>.

Những thay đổi về việc làm theo khu vực có thể phản ánh cả yếu tố tạm thời và lâu dài. Thứ nhất, bất chấp những cải thiện, hoạt động kinh tế trong các dịch vụ tiếp xúc nhiều vẫn chưa hồi phục hoàn toàn, một phần do lo ngại về rủi ro sức khỏe và những hạn chế còn tồn tại. Thứ hai, tăng trưởng việc làm yếu trong lĩnh vực sản xuất có thể liên quan một phần đến sự tắc nghẽn của chuỗi cung ứng, liên quan đến sự phân hóa trên quy mô toàn cầu trong quá trình mở cửa trở lại nền kinh tế và mạng lưới giao thông bị lấn át. Sự thiếu hụt các yếu tố đầu vào cụ thể như chất bán dẫn với nhu cầu bùng nổ liên quan đến việc tăng tốc quá trình chuyển đổi sang công nghệ số cũng đang làm giảm nhu cầu lao động trong ngành sản xuất. Tuy nhiên, sự lan rộng của tự động hóa, AI và số hóa trong đại dịch cũng có thể có tác động đến cả số lượng công nhân được yêu cầu trong sản xuất và đặc điểm của họ. Kể từ khi bắt đầu phục hồi, tình trạng

<sup>5</sup> IMF (2022), *European labor markets and the Covid-19 pandemic*, <https://www.imf.org/-/media/Files/Publications/DP/2022/English/ELMCPFPAAEA.ashx>

<sup>6</sup> European Commission (2021), *Labour Market and Wage Developments in Europe, Annual Review 2021*, <https://ec.europa.eu/social/BlobServlet?docId=25003&langId=en>

thiếu lao động đã tái xuất hiện trong lĩnh vực sản xuất như thiết bị máy tính và điện tử và dịch vụ như khách sạn.

Tuy nhiên, đối với toàn bộ EU, tình trạng thiếu lao động dường như đã đạt đến mức cao trước đại dịch chỉ trong một số ngành công nghiệp. Ngược lại, trong lĩnh vực dịch vụ, tình trạng thiếu lao động vẫn ở dưới mức tối đa trước đại dịch. Trong một số lĩnh vực như bất động sản, bảo mật, sửa chữa máy tính, sự sụt giảm vẫn còn so với năm 2013-2019. Sự gia tăng tình trạng thiếu lao động có thể không nhất thiết chỉ ra những khó khăn trong việc tuyển dụng do không phù hợp về kỹ năng vì các vị trí tuyển dụng thường phản ứng nhanh hơn thất nghiệp theo chu kỳ. Tình trạng thiếu lao động là do nhu cầu lao động tăng nhanh do sự phục hồi nhanh chóng, trong khi nguồn cung lao động giảm, một phần do lo ngại về sức khỏe của người lao động khi quay trở lại các công việc tiếp xúc nhiều và dòng di chuyển/di cư lao động thấp hơn liên quan đến các hạn chế khả năng vận động cá nhân và rủi ro sức khỏe. Tuy nhiên, vẫn chưa rõ liệu dịch chuyển lao động có phục hồi trở lại mức trước đại dịch hay không, cũng trong bối cảnh hội tụ tiền lương đang diễn ra trong EU. Mặt khác, tình trạng thiếu lao động cũng được thúc đẩy bởi xu hướng cơ cấu như già hóa và các yếu tố khác trước đại dịch và đã được củng cố kể từ đó như điều kiện làm việc kém trong ngành y tế, hoặc sự không phù hợp về kỹ năng từ trước, làm giảm thêm đã không đủ cung cấp lao động.

Cuối cùng, tình trạng thiếu lao động ở một số quốc gia/khu vực thuộc EU cùng tồn tại với tình trạng dư thừa lao động có trình độ ở những quốc gia khác, cho thấy mức độ liên quan của dịch chuyển lao động. Khi nền kinh tế tiếp tục phục hồi, tình trạng tắc nghẽn và thiếu hụt nguồn cung, bao gồm cả lao động, sẽ tạo ra thách thức cho các doanh nghiệp trong việc đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và hàng hóa đầu tư. Trong tương lai, điều này có thể liên quan đến việc khớp thị trường lao động ngày càng xấu đi.

## **2. Chính sách hỗ trợ thị trường lao động**

Cần có một chính sách toàn diện để giải quyết tình trạng thiếu lao động, bao gồm kỹ năng, kích hoạt và dịch chuyển lao động và các chính sách di cư. Tiền lương đã theo sau một sự điều chỉnh hình chữ V phản ánh sự điều chỉnh trong số giờ làm việc đối với suy thoái kinh tế và sự phục hồi sau đó. Trong quý II năm 2021, mức lương thưởng cho mỗi nhân viên tăng lên ở mức 7%; Sự gia tăng này phản ánh sự phục hồi

từ cuộc suy thoái sâu vào năm 2020 và sự phục hồi của số giờ làm việc liên quan đến việc loại bỏ dần các chương trình làm việc trong thời gian ngắn. Trong thời kỳ suy thoái, tiền lương trong lĩnh vực dịch vụ giảm ít hơn so với lĩnh vực sản xuất hoặc xây dựng, nơi các chế độ làm việc ngắn hạn phổ biến hơn. Tăng trưởng tiền lương thỏa thuận đang được cải thiện mặc dù mức tăng trung bình trong các năm 2020-2021 là phù hợp với mức tăng trung bình của giai đoạn 2013-2019<sup>7</sup>.

*Đầu tiên*, sự chuyển đổi kép sẽ dẫn đến một số phân bổ lại việc làm giữa các nhiệm vụ và các lĩnh vực. Mặc dù điều này sẽ tạo ra cơ hội việc làm, tăng khả năng cạnh tranh và tăng lương, nhưng tốc độ và hiệu quả của việc phân bổ lại như vậy phụ thuộc vào việc kỹ năng của người lao động có phù hợp với lĩnh vực hoặc nhiệm vụ cụ thể hay không, hoặc có thể thích ứng được hay không. Việc phân bổ lại lao động giữa các ngành sẽ khó khăn hơn về nhu cầu kỹ năng so với việc phân bổ lại giữa các doanh nghiệp trong các ngành và có thể kéo theo thời gian thất nghiệp kéo dài hơn. Các chính sách cần hỗ trợ người lao động tìm được việc làm đòi hỏi những kỹ năng khác với những nghề trước đây.

*Thứ hai*, việc phân bổ lại thị trường lao động cần được hỗ trợ, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi kép. Quá trình phục hồi và quá trình chuyển đổi kép phải được bao gồm cải thiện việc làm và điều kiện làm việc của các nhóm bị ảnh hưởng tiêu cực nhất bởi đại dịch sẽ góp phần ngăn chặn các tác động để lại sẹo của tình trạng thất nghiệp và không hoạt động cũng như sự gia tăng của bất bình đẳng. Mặc dù sự gia tăng thiếu lao động hiện nay có thể chỉ là tạm thời, nhưng các nguyên nhân cơ cấu của tình trạng thiếu lao động tức là dân số trong độ tuổi lao động thu hẹp, thiếu kỹ năng và điều kiện làm việc kém trong một số ngành và nghề cần được giải quyết.

*Thứ ba*, các chương trình làm việc trong thời gian ngắn và các biện pháp duy trì việc làm tương tự đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ các hoạt động kinh tế và duy trì việc làm, ngăn chặn hiệu quả tình trạng thất nghiệp gia tăng nghiêm trọng. Trong đợt đại dịch đầu tiên vào tháng 4 đến tháng 5 năm 2020, khoảng 1/5 tổng số nhân viên trên toàn EU được bao phủ bởi các chương trình làm việc ngắn hạn và các biện pháp tương tự với tỷ lệ này đạt 40% ở một số quốc gia thành viên. Mặc dù ở các

---

<sup>7</sup> European Commission (2022), *Annual work programme for grants and procurement in the framework of the European Social Fund Plus (ESF+) and in particular its Employment and Social Innovation (EaSI) strand*, <https://ec.europa.eu/social/BlobServlet?docId=25239&langId=en>

cấp thấp hơn, việc thực hiện các kế hoạch này vẫn đáng kể trong nửa cuối năm 2020 và nửa đầu năm 2021, với mô hình theo sát diễn biến của đại dịch và việc áp dụng các hạn chế liên quan đến các hoạt động kinh tế để hạn chế sự lây lan của vi-rút Corona. Việc loại bỏ dần các hỗ trợ liên quan đến khủng hoảng không có nghĩa là các chương trình làm việc trong thời gian ngắn ngừng hoạt động. Ở các quốc gia áp dụng các chương trình cố định, các quy tắc trước khủng hoảng được áp dụng trở lại, với các điều kiện đủ điều kiện chặt chẽ hơn và các khoản đồng thanh toán cao hơn của người sử dụng lao động. Đại dịch Covid-19 là một thử thách căng thẳng nghiêm trọng đối với chương trình bảo trợ xã hội quốc gia và là cơ hội để cải cách cơ cấu mạng lưới an sinh xã hội.

Điều này sẽ tạo thêm áp lực cho các lực lượng tái phân bổ được kích hoạt bởi quá trình chuyển đổi kép. Các thủ tục tái cơ cấu doanh nghiệp hiệu quả và các biện pháp thị trường lao động tích cực được tăng cường có thể giúp giải quyết những thách thức này, bao gồm bằng cách hỗ trợ tạo việc làm và khớp thị trường lao động giữa các ngành và nghề. Trong quá trình phục hồi, các quốc gia thành viên đã chuyển từ các kế hoạch duy trì việc làm sang các chính sách thị trường lao động tích cực. Điều này phù hợp với cách tiếp cận được đưa ra về hỗ trợ tích cực hiệu quả cho việc làm. Các chính sách thị trường lao động tích cực cụ thể là khuyến khích việc làm trợ cấp việc làm tự nhân, các chương trình đào tạo và hỗ trợ tăng cường bởi các dịch vụ việc làm có thể có hiệu quả trong việc hỗ trợ tái phân bổ giữa các ngành nghề khác nhau. Điều này cho thấy tầm quan trọng của việc đầu tư vào các chính sách như vậy trong giai đoạn đầu của quá trình phục hồi.

*Thứ tư*, một số các quốc gia thành viên đã đưa ra các biện pháp khuyến khích tuyển dụng, dưới hình thức trợ cấp việc làm, giảm giá an sinh xã hội hoặc phí học nghề. Mục tiêu chính của họ là hỗ trợ tạo việc làm và cải thiện khả năng có việc làm của các nhóm dễ bị tổn thương chẳng hạn như người thất nghiệp lâu dài, thanh niên, người khuyết tật hoặc người lao động lớn tuổi. Mối quan tâm về tác động tiêu cực tiềm ẩn của các biện pháp khuyến khích việc làm dường như ít phù hợp hơn trong bối cảnh kinh tế không chắc chắn vẫn ở mức cao và sự không phù hợp về kỹ năng có thể gia tăng do áp lực phân bổ lại do đại dịch gây ra và sự gia tăng của quá trình chuyển đổi kép.



*Thứ năm*, các chính sách đào tạo để hỗ trợ quá trình chuyển đổi hiệu quả và hiệu quả vào và thông qua thị trường lao động cần tính đến việc người lao động trong điều kiện kinh tế hiện nay ngày càng cần thêm kỹ năng, kiến thức và hiểu biết về thị trường lao động. Ngoài kiến thức cụ thể liên quan đến công việc và các kỹ năng mềm có thể chuyển giao cần thiết để cạnh tranh trên thị trường lao động, các chính sách cũng cần khả năng xem xét các cấu trúc tâm lý sâu sắc hơn thúc đẩy mọi người thay đổi, học hỏi và phát triển. Điều này đúng đối với những người hành nghề hỗ trợ các cá nhân gia nhập và tiến bộ trong và thông qua thị trường lao động, cũng như các công dân đang tìm đường trên các thị trường lao động trên khắp châu Âu.

Các chính sách như vậy thường bao gồm trợ cấp và khuyến khích đào tạo trong khu vực công hoặc tư, tại các trung tâm đào tạo. Nhiều quốc gia thành viên cũng tập trung các chính sách kỹ năng của họ vào việc cung cấp các kỹ năng xanh và kỹ thuật số cho lực lượng lao động, đồng thời định hướng các chính sách kỹ năng của họ đối với thanh niên, hướng tới những người trẻ không tham gia vào giáo dục, việc làm hoặc đào tạo (NEET)<sup>8</sup> - góp phần thực hiện “Bảo đảm Thanh niên” - và hướng tới những người có tay nghề thấp và thất nghiệp. Nhiều quốc gia thành viên cũng đang cải cách các dịch vụ việc làm công với mục tiêu là nâng cao năng lực hoạt động và ứng phó tốt hơn với những thách thức do đại dịch gây ra cũng như quá trình chuyển đổi số và xanh. Các dịch vụ việc làm hoạt động tốt là rất quan trọng để đưa ra các chính sách thúc đẩy tạo việc làm và tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển đổi nghề này sang việc làm khác. Các biện pháp bao gồm tăng cường nguồn nhân lực và cung cấp đào tạo cho nhân viên, đặc biệt là về các chủ đề liên quan đến chuyển đổi kép và nền kinh tế tuần hoàn, số hóa cung cấp dịch vụ và quy trình hành chính, cải tiến chất lượng và cường độ cung cấp dịch vụ, đặc biệt là tư vấn. Sự tham gia của các dịch vụ việc làm tư nhân cũng được đẩy mạnh. Các quy định cụ thể đã được thông qua để giải quyết tốt hơn nhu cầu của những người tìm việc có nền tảng di cư, phụ nữ, các cá nhân không được đào tạo hoặc giáo dục việc làm và hầu hết các nhóm dễ bị tổn thương. Ở nhiều quốc gia thành viên, những cải cách này là một phần của kế hoạch phục hồi và phục hồi quốc gia.

---

<sup>8</sup> European Commission (2021) *Report from the commission to the european parliament and the council, on the activities of the European Globalisation Adjustment Fund (EGF) in 2019 and 2020*, [https://eur-lex.europa.eu/resource.html?uri=cellar:b92eb25a-0196-11ec-8f47-01aa75ed71a1.0001.02/DOC\\_1&format=PDF](https://eur-lex.europa.eu/resource.html?uri=cellar:b92eb25a-0196-11ec-8f47-01aa75ed71a1.0001.02/DOC_1&format=PDF)

### 3. Một số giải pháp cho thị trường lao động

Những tác động đến kinh tế, lao động và xã hội đã làm thay đổi cách làm việc và sinh hoạt, với một số ngành, vùng và nhóm dân cư bị ảnh hưởng nhiều hơn những vùng khác. Các phản ứng của chính quyền quốc gia, các đối tác xã hội và EU đã diễn ra rộng rãi nhằm bảo vệ sức khỏe của công dân, tránh thất nghiệp và khủng hoảng xã hội. Một số sáng kiến ở cấp độ 1 của EU đã được thông qua nhằm hỗ trợ tác động và giảm bớt quá trình chuyển đổi thị trường lao động cần thiết, phát triển các kỹ năng cần thiết trong quá trình chuyển dịch nhanh chóng hướng tới một châu Âu trung hòa về khí hậu, kỹ thuật số và nhiều việc làm hơn, đặc biệt là thông qua giáo dục nghề nghiệp và đào tạo và hỗ trợ thanh niên tìm cách gia nhập thị trường lao động.

Để thực hiện các chính sách này, các quốc gia thành viên đã được cung cấp sự hỗ trợ và linh hoạt đặc biệt về tài chính thông qua Sáng kiến Đầu tư Ứng phó với Covid-19 (CRII và CRII +), SURE, Khung tài chính năm 2021-2027<sup>9</sup> và sau đó là “Thế hệ tiếp theo” của EU. Các biện pháp này sẽ hỗ trợ các quốc gia thành viên cả trong việc giảm thiểu tác động của cuộc khủng hoảng và tăng cường khả năng phục hồi của các hệ thống kinh tế xã hội quan trọng, đồng thời duy trì các tiêu chuẩn cao về bảo trợ xã hội và hội nhập xã hội. EU quyết tâm ngăn chặn những thiệt hại về cơ cấu lâu dài và tiềm ẩn mà những rủi ro bất bình đẳng về sức khỏe và sự chia rẽ kinh tế xã hội ngày càng gia tăng có thể gây ra cho xã hội châu Âu.

Trụ cột Quyền xã hội Châu Âu (EPSR)<sup>10</sup> cùng 20 nguyên tắc sẽ hỗ trợ trong việc đạt được các thị trường lao động và hệ thống bảo trợ xã hội công bằng và hoạt động tốt. Kế hoạch Hành động EPSR, được Ủy ban thông qua vào tháng 3 năm 2021, biến các Nguyên tắc thành các hành động cụ thể để mang lại lợi ích cho người dân và đề xuất các mục tiêu chính, chẳng hạn như các mục tiêu về việc làm, kỹ năng và xã hội đầy tham vọng mới để EU đạt được vào năm 2030. EPSR đặt ra một phạm vi rộng lớn chương trình nghị sự chính sách để đạt được các mục tiêu này, bằng cách thực hiện các nguyên tắc Trụ cột khác nhau, tăng cường khía cạnh xã hội trong các nỗ lực phục hồi và giải pháp của EU cũng như thúc đẩy chuyển đổi công bằng xã hội, xanh và kỹ thuật

<sup>9</sup> European Commission (2022), *Annual work programme for grants and procurement in the framework of the European Social Fund Plus (ESF+) and in particular its Employment and Social Innovation (EaSI) strand*, <https://ec.europa.eu/social/BlobServlet?docId=25239&langId=en>

<sup>10</sup> European Commission, *The European Pillar of Social Rights in 20 principles*, [https://ec.europa.eu/info/strategy/priorities-2019-2024/economy-works-people/jobs-growth-and-investment/european-pillar-social-rights/european-pillar-social-rights-20-principles\\_en](https://ec.europa.eu/info/strategy/priorities-2019-2024/economy-works-people/jobs-growth-and-investment/european-pillar-social-rights/european-pillar-social-rights-20-principles_en)

số. Việc thực hiện EPSR là rất quan trọng trong việc đảm bảo rằng việc phục hồi diễn ra công bằng và toàn diện.

Mục tiêu hàng đầu của EU là có ít nhất 78% dân số trong độ tuổi 20-64 có việc làm vào năm 2030 để tái khẳng định cam kết về tỷ lệ việc làm. Cuộc khủng hoảng Covid-19 đã ngăn chặn tiến trình việc làm tích cực trong sáu năm, với tỷ lệ việc làm (dân số 20-64 tuổi) là 72,4% vào năm 2020, thấp hơn 0,7 điểm phần trăm so với năm 2019. Tỷ lệ thất nghiệp của EU là 7,3% vào tháng 5 năm 2021, dự báo sẽ giảm xuống khoảng 7% vào năm 2022. Triển vọng thị trường lao động không chỉ phụ thuộc vào tốc độ phục hồi kinh tế mà còn phụ thuộc vào thời điểm chính sách hỗ trợ và tốc độ lao động được phân bổ lại giữa các lĩnh vực và doanh nghiệp.

Toàn cầu hóa đã làm tăng tự động hóa, phân công lao động quốc tế và do đó, dịch chuyển lao động giữa các khu vực EU, cũng như cạnh tranh. Trước đại dịch, sự di chuyển trong nội bộ EU tiếp tục có xu hướng tăng lên. Đại dịch làm sáng tỏ tầm quan trọng của việc di chuyển trong nội bộ EU của người lao động đối với hoạt động bình thường của Thị trường chung Châu Âu. Nhằm mục tiêu tạo ra việc làm có chất lượng, việc thích ứng với các điều kiện làm việc sẽ vẫn rất quan trọng trong giai đoạn phục hồi, đòi hỏi đầu tư hợp lý vào nơi làm việc và cải cách để cải thiện khả năng sắp xếp làm việc linh hoạt. Đổi mới tổ chức nơi làm việc, cân bằng cuộc sống và công việc và các chính sách thị trường lao động tích cực sẽ là yếu tố quan trọng để hỗ trợ các thay đổi của thị trường lao động sau khủng hoảng và hỗ trợ những người thất nghiệp và không có hoạt động gia nhập hoặc tái gia nhập thị trường lao động. Các dịch vụ việc làm công và tư nhân phải thích ứng và hỗ trợ mạnh mẽ quá trình chuyển đổi việc làm cũng như nâng cao kỹ năng và tái đào tạo.

Công việc từ xa đóng một vai trò quan trọng trong thời kỳ khủng hoảng, cho phép hoạt động kinh doanh liên tục và do đó giảm nguy cơ gián đoạn công việc. Việc làm tăng lên ở những nghề quan trọng có thể làm việc từ xa nhưng giảm ở tất cả những nghề không thể làm việc từ xa. Mức giảm ít mạnh hơn ở các ngành nghề quan trọng không có khả năng làm việc từ xa như nhân viên y tế và chăm sóc cá nhân.

EU phân đầu ít nhất 60% tổng số người trưởng thành nên tham gia đào tạo hàng năm trước năm 2030, để cải thiện khả năng tuyển dụng, thúc đẩy đổi mới, đảm bảo công bằng xã hội và thu hẹp khoảng cách kỹ năng kỹ thuật số. Điều này đặc biệt quan trọng với các cơ cấu công nghiệp, kinh tế và xã hội đang thay đổi để ứng phó với biến

đổi khí hậu và thiên tai. Các khoản đầu tư và cải cách liên quan đến biến đổi khí hậu giúp thúc đẩy việc làm trong các lĩnh vực xanh, trong khi một số việc làm trong các ngành truyền thống không bị mất. Chiến lược thích ứng với khí hậu mới của châu Âu, được công bố vào tháng 2 năm 2021, ghi nhận những mối liên kết khí hậu - xã hội này và kêu gọi một khả năng chống chịu với khí hậu một cách công bằng và công bằng. Điều này cũng sẽ ảnh hưởng đến các kỹ năng và biện pháp cần thiết để hỗ trợ quá trình chuyển đổi xanh và Thỏa thuận Xanh Châu Âu. Cũng tính đến lợi ích của đổi mới, sự hợp tác và đối tác mạnh mẽ hơn giữa tất cả các bên trong nghiên cứu, giáo dục và đào tạo và thị trường lao động có thể hỗ trợ nâng cao kỹ năng.

Nâng cao kỹ năng và đào tạo lại kỹ năng là những ưu tiên chính để thúc đẩy sự phục hồi toàn diện và hỗ trợ quá trình chuyển đổi số và xanh. Cuộc khủng hoảng đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tăng cường các kỹ năng số cụ thể, vẫn chưa đủ đối với một bộ phận lớn dân số EU. Hầu hết các công việc đều yêu cầu những kỹ năng này và cuộc khủng hoảng đã chứng minh tầm quan trọng của các kỹ năng kỹ thuật số đầy đủ đối với sự liên tục của các hoạt động kinh doanh, giáo dục và đào tạo; nó cũng trao quyền cho công dân tiếp cận thông tin và dịch vụ. Nói một cách tổng thể hơn, khoảng cách kỹ năng và sự không phù hợp về kỹ năng đang tái xuất hiện trong các lĩnh vực công nghiệp.

*Tóm lại*, cuộc khủng hoảng Covid-19 cũng nêu rõ những điểm yếu mang tính cấu trúc trong hệ thống chăm sóc dài hạn, bao gồm tình trạng thiếu nhân viên, đầu tư hạn chế và các vấn đề về chất lượng. Trong bối cảnh xu hướng nhân khẩu học liên quan đến già hóa, thay đổi cấu trúc gia đình và tăng cường tham gia vào thị trường lao động, việc cung cấp các dịch vụ chăm sóc dài hạn chính thức phải được tăng cường để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của dân số già, do đó tạo ra các cơ hội việc làm mới và tăng trưởng. Trong tương lai, Covid-19 sẽ vẫn là mối quan tâm sức khỏe cộng đồng, mặc dù tỷ lệ người được tiêm chủng vẫn còn cao. Mức độ mà EU có thể hưởng lợi từ môi trường bên ngoài được cải thiện, việc tiếp tục hỗ trợ chính sách phù hợp, phản ứng của các hộ gia đình và doanh nghiệp cũng như tác động kinh tế lâu dài của cuộc khủng hoảng đều sẽ định hình sự phục hồi.

#### **4. Một số gợi mở cho Việt Nam**

Nền kinh tế và khu vực lao động của Việt Nam đã bị ảnh hưởng nặng nề bởi làn sóng thứ tư của đại dịch Covid-19. Chính phủ sẽ rất khó đạt được các mục tiêu tăng

trường trước thực tế này. Chính phủ cũng đề xuất nhiều biện pháp nhằm giảm bớt căng thẳng trên thị trường lao động do những diễn biến liên tục và không lường trước được của đại dịch Covid-19. Điều bắt buộc là tất cả các bước cần thiết phải được thực hiện nghiêm ngặt để kiểm soát Covid-19, đặc biệt là ở các khu vực đô thị lớn và các tỉnh có một số khu công nghiệp. Cần nỗ lực tăng cường kế hoạch tiêm chủng bằng cách sử dụng tất cả các nguồn lực sẵn có để đảm bảo rằng có đủ số cá nhân được tiêm vắc xin chống lại Covid-19 để thiết lập cơ chế miễn dịch cộng đồng sớm. Xây dựng và thực hiện các chương trình, chính sách khuyến khích người lao động, nhất là thanh niên tích cực, nhanh chóng học tập nâng cao trình độ, có kỹ năng quan trọng để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của sản xuất kinh doanh khi nền kinh tế phục hồi sau đại dịch.

Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU<sup>11</sup> (EVFTA) là hiệp định thương mại lớn mà EU từng đạt được với một quốc gia đang phát triển. Cần tính đến nhu cầu phát triển của Việt Nam bằng cách cho Việt Nam gia hạn 10 năm để xóa bỏ thuế quan đối với hàng nhập khẩu của EU. Tuy nhiên, nhiều mặt hàng xuất khẩu thiết yếu của EU, chẳng hạn như dược phẩm, hóa chất và máy móc, sẽ được miễn thuế khi có hiệu lực. Trong ba năm, các sản phẩm nông sản như gia súc hoặc dầu ô liu sẽ được miễn thuế, trong khi sữa, trái cây và rau sẽ được miễn trong tối đa 5 năm. Các biện pháp toàn diện về hợp tác vệ sinh và kiểm dịch động thực vật sẽ cải thiện khả năng tiếp cận thị trường của các doanh nghiệp EU thông qua các thủ tục minh bạch và nhanh chóng hơn. Ngoài ra, hiệp định thương mại thể hiện cam kết chung về các quyền môi trường và xã hội. Nó thiết lập các tiêu chuẩn mạnh mẽ về bảo vệ lao động, môi trường và người tiêu dùng, ngăn chặn "cuộc đua tới đáy" nhằm kích thích thương mại và thu hút đầu tư.

Do đó, nhiều quốc gia đã bắt đầu theo đuổi giải pháp nhập khẩu thêm lao động từ các quốc gia không phải là thành viên của EU trong một khoảng thời gian nhất định. Tổng cộng 8,6 triệu người từ bên ngoài EU đã làm việc tại quốc gia này trước khi xảy ra dịch Covid-19, chiếm 4,6% lực lượng lao động. Trong vài năm qua, EU đã bắt đầu chào đón những lao động có trình độ cao. Năm 2018 chứng kiến sự thông qua của luật mới ở Đức với ý định hợp lý hóa quy trình mà công dân không thuộc Liên minh Châu Âu có trình độ học vấn cao có thể kiếm được việc làm tại nước này. Khá nhiều quốc gia ở châu Âu đang xem xét các giải pháp khả thi. Ví dụ, Đan Mạch đã thực hiện một số chương trình để khuyến khích những người hiện không đi làm tìm việc làm. Các

---

<sup>11</sup> VCCI, *Summary of EVFTA*, <https://wtocenter.vn/file/18176/twto-tom-luoc-evfta-final--eng.pdf>

Chương trình này bao gồm nâng giới hạn tiền lương phải chịu thuế thu nhập cá nhân, khuyến khích thanh niên theo học nghề và các chương trình tương tự khác. Để thu hút lao động từ các nước đang phát triển, Ủy ban châu Âu của EU đã đưa ra sáng kiến có tên "Đối tác nhân tài" vào tháng 6 năm 2021 như một phần của hiệp ước mới về di cư và tị nạn. Điều này đã được thực hiện trên quy mô bao gồm toàn bộ EU. Ngoài ra, Nghị viện Liên minh châu Âu đề nghị Ủy ban châu Âu nhanh chóng xây dựng kế hoạch tiếp nhận những người có trình độ học vấn thấp và trung bình nhằm giảm thiểu tỷ lệ lao động bất hợp pháp, đồng thời đảm bảo cho những cá nhân này được hưởng lợi ích hợp pháp về tiền lương và việc làm của họ. Quốc gia thu lao động không phải trả chi phí đào tạo, quốc gia xuất khẩu lao động có nguồn thu nhập và giải quyết được vấn đề thất nghiệp, người lao động vừa có thu nhập vừa có kinh nghiệm làm việc trong môi trường phát triển. Giải pháp “đôi bên cùng có lợi” này có thể được coi là kết quả của thực tiễn nhập khẩu lao động.

Có thể dự đoán rằng cơ hội tăng trưởng của thị trường lao động nhờ Hiệp định EVFTA. Mặt khác, để nhà nước và doanh nghiệp tận dụng tối đa cơ hội này, doanh nghiệp cần chủ động và tích cực trong quá trình cập nhật, bổ sung các chính sách cũng như hợp tác thực hiện các vấn đề liên quan. Hiệp định EVFTA sẽ khuyến khích tăng trưởng lành mạnh trên thị trường lao động Việt Nam. Hiện tại, hầu hết các doanh nghiệp châu Âu tập trung nỗ lực vào một số ít các ngành công nghiệp chính, chẳng hạn như bất động sản, khách sạn, du lịch và năng lượng tái tạo. Tuy nhiên, khi EVFTA có hiệu lực, sẽ có sự phân bổ lại giữa các doanh nghiệp châu Âu, phương thức sản xuất giữa châu Âu và châu Á sẽ dẫn đến đầu tư vào các ngành sử dụng nhiều lao động ở Việt Nam, như dệt, may và sản xuất da giày, và sẽ tạo ra nhiều cơ hội việc làm mới.

### **Tài liệu tham khảo**

1. European Commission, *EU-Vietnam trade agreement enters into force*, [https://ec.europa.eu/commission/presscorner/detail/en/IP\\_20\\_1412](https://ec.europa.eu/commission/presscorner/detail/en/IP_20_1412)
2. European Union, *Guide to the EU-Vietnam trade and investment agreements*, [https://trade.ec.europa.eu/doclib/docs/2016/june/tradoc\\_154622.pdf](https://trade.ec.europa.eu/doclib/docs/2016/june/tradoc_154622.pdf)
3. European Trade Union Confederation (2019), *Un marché du travail plus équitable pour l'Europe: Une vision de la CES (Résolution)*, <https://www.etuc.org/system/files/document/file2019->

05/Un%20march%C3%A9%20du%20travail%20plus%20%C3%A9quitable%20pour%20l'Europe%20%28Resolution%29.pdf

4. Gérard Cornilleau (2014), *Le(s) marché(s) du travail européen(s)*  
[https://www.cairn.info/load\\_pdf.php?ID\\_ARTICLE=REOF\\_134\\_0215&download=1](https://www.cairn.info/load_pdf.php?ID_ARTICLE=REOF_134_0215&download=1)

5. European Commission (2020), *Annual Report on Intra-EU Labour Mobility*,  
<https://op.europa.eu/o/opportal-service/download-handler?identifier=40821c65-2a24-11eb-9d7e-01aa75ed71a1&format=pdf&language=en&productionSystem=cellar&part=>

6. European Commission (2021), *Employment and Social Developments in Europe*, <https://ec.europa.eu/social/BlobServlet?docId=24223&langId=en>

7. European Commission (2021), *Labour Market and Wage Developments in Europe, Annual Review 2021*,  
<https://ec.europa.eu/social/BlobServlet?docId=25003&langId=en>

8. European Commission (2019), *European Structural and Investment Funds 2014-2020, 2018 Summary report of the programme annual implementation reports covering implementation in 2014-2017*,  
[https://ec.europa.eu/regional\\_policy/sources/docoffic/official/reports/asr2018/esif\\_asr2018\\_en.pdf](https://ec.europa.eu/regional_policy/sources/docoffic/official/reports/asr2018/esif_asr2018_en.pdf)

9. European Commission (2022), *Annual work programme for grants and procurement in the framework of the European Social Fund Plus (ESF+) and in particular its Employment and Social Innovation (EaSI) strand*,  
<https://ec.europa.eu/social/BlobServlet?docId=25239&langId=en>

10. European Commission, *The European Pillar of Social Rights in 20 principles*, [https://ec.europa.eu/info/strategy/priorities-2019-2024/economy-works-people/jobs-growth-and-investment/european-pillar-social-rights/european-pillar-social-rights-20-principles\\_en](https://ec.europa.eu/info/strategy/priorities-2019-2024/economy-works-people/jobs-growth-and-investment/european-pillar-social-rights/european-pillar-social-rights-20-principles_en)

11. European Union (2022), *Annual Report on Intra-EU Labour Mobility 2021*,  
<https://ec.europa.eu/social/BlobServlet?docId=25595&langId=en>

12. IMF (2022), *European labor markets and the Covid-19 pandemic*,  
<https://www.imf.org/-/media/Files/Publications /DP/2022/English/ELMCPFPAAEA.ashx>

**PHẦN II: THỰC THI EVFTA  
Ở CẤP ĐỘ QUAN HỆ KINH TẾ  
SONG PHƯƠNG**



## TÁC ĐỘNG CỦA HIỆP ĐỊNH EVFTA ĐỐI VỚI QUAN HỆ KINH TẾ - THƯƠNG MẠI GIỮA VIỆT NAM VÀ CỘNG HÒA SÉC\*

*Tiến sĩ. Luật gia. Lê Hoàng Anh Tuấn*

**Tóm tắt:** Cộng hòa (CH) Séc là một trong những đối tác truyền thống lâu đời của Việt Nam, vì thế mối quan hệ kinh tế - thương mại giữa hai nước đã được thiết lập từ trước khi Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA) được ký kết. Theo nhận định của các chuyên gia kinh tế CH Séc, EVFTA sẽ mang lại cơ hội lớn để Việt Nam và CH Séc mở rộng hợp tác kinh tế - thương mại song phương. Đồng thời, EVFTA giúp các doanh nghiệp của CH Séc, với tư cách là một thành viên của EU, tận dụng tốt hơn cơ hội hợp tác kinh tế - thương mại với Việt Nam. Trong phạm vi bài viết này, tác giả tập trung nghiên cứu quan hệ kinh tế - thương mại giữa Việt Nam và CH Séc trong những năm trước và sau khi có EVFTA để bước đầu tìm hiểu sự tác động của EVFTA đối với quan hệ kinh tế - thương mại giữa hai nước. Hướng nghiên cứu này nhằm tìm hiểu những thuận lợi và khó khăn dưới tác động của EVFTA, góp phần thúc đẩy hợp tác kinh tế - thương mại hiệu quả hơn giữa Việt Nam và các đối tác thành viên trong tổ chức EU.

### 1. Quan hệ kinh tế - thương mại giữa Việt Nam và CH Séc trước khi có Hiệp định EVFTA

Vốn từng là một bộ phận của nước Tiệp Khắc trước đây, kể từ khi trở thành một quốc gia độc lập vào năm 1993, CH Séc kế thừa các mối quan hệ của Tiệp Khắc với Việt Nam (được thiết lập từ năm 1950), đồng thời tiếp tục phát triển quan hệ kinh tế - thương mại giữa hai nước. Ngay trong năm đầu tiên, nhà nước CH Séc non trẻ đã triển khai hoạt động trao đổi thương mại với Việt Nam.

**Bảng 1. Xuất - nhập khẩu của CH Séc với Việt Nam năm 1993**

(Đơn vị: nghìn USD)

| TT | Các mặt hàng trao đổi | Xuất khẩu | Nhập khẩu |
|----|-----------------------|-----------|-----------|
| 1  | Tư liệu sản xuất      | 2712,66   | 26,21     |
| 2  | Hàng tiêu dùng        | 1637,74   | 3890,12   |
| 3  | Hàng hóa trung gian   | 1568,01   | 118,71    |
| 4  | Nguyên liệu thô       | 209,57    | 999,17    |

\*Nguồn: Tạp chí Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương, tháng 6/2022.

| TT | Các mặt hàng trao đổi         | Xuất khẩu      | Nhập khẩu      |
|----|-------------------------------|----------------|----------------|
| 5  | Các loại hóa chất             | 198,15         | 6,34           |
| 6  | Các sản phẩm thực phẩm        | 167,37         | 89,03          |
| 7  | Giày dép                      | 0,79           | 446,89         |
| 8  | Da sống                       | 71,09          | 60,31          |
| 9  | Máy móc và thiết bị điện      | 2358,73        | 19,88          |
| 10 | Kim loại                      | 1430,43        | 46,88          |
| 11 | Các mặt hàng khác             | 307,05         | 65,93          |
| 12 | Đồ nhựa hoặc cao su           | 151,35         | 9,66           |
| 13 | Sản phẩm bằng đá và thủy tinh | 900,78         | 72,48          |
| 14 | Hàng dệt may                  | 111,54         | 2728,47        |
| 15 | Rau quả                       | 203,16         | 1354,18        |
| 16 | Đồ gỗ                         | 27,17          | 134,17         |
|    | <b>Tổng cộng</b>              | <b>6127,99</b> | <b>5034,22</b> |

Nguồn: World Integrated Trade Solution (WITS). *Czech Republic Product exports and imports to Vietnam 1993*.

<https://wits.worldbank.org/CountryProfile/en/Country/CZE/Year/1993/TradeFlow/EXPIMP/Partner/VNM/Product/all-groups#>

Những số liệu thống kê trong bảng 1 cho thấy về tổng thể, giá trị hàng hóa mà CH Séc xuất khẩu sang Việt Nam nhiều hơn nhập khẩu và đạt thặng dư trong quan hệ thương mại với Việt Nam nhưng chỉ hơn 1 triệu USD. Ngoài ra, tổng giá trị thương mại hai chiều còn rất thấp, chỉ đạt hơn 11 triệu USD. Sáu trong số các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang CH Séc đạt giá trị xuất khẩu cao hơn hàng của CH Séc xuất khẩu sang Việt Nam bao gồm: hàng tiêu dùng, nguyên liệu thô, giày dép, hàng dệt may, rau quả, và đồ gỗ. Trong khi đó, hai mặt hàng mà Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ CH Séc là tư liệu sản xuất cùng với máy móc và thiết bị điện.

Năm 2004, CH Séc trở thành thành viên của EU, đồng thời lúc này quan hệ của Việt Nam với EU cũng có nhiều khởi sắc trên các phương diện chính trị, ngoại giao, kinh tế, thương mại và đầu tư.<sup>1</sup> Tháng 6-2012, Việt Nam và EU tiến hành đàm phán về Hiệp định EVFTA và hoàn tất việc đàm phán Hiệp định này vào tháng 8-2015 để tiến tới việc thiết lập một khu vực thương mại tự do giữa Việt Nam và các nước thành viên của EU. Bối cảnh đó cũng có những tác động nhất định tới quan hệ kinh tế - thương mại giữa Việt Nam và CH Séc. Năm 2015, giá trị thương mại hai chiều giữa hai nước đã có sự thay đổi như thể hiện trong bảng số liệu dưới đây.

<sup>1</sup>Tham khảo Đại sứ Vũ Anh Quang. *Quan hệ Việt Nam - Liên minh châu Âu 30 năm: Thực trạng, cơ hội, thách thức và triển vọng*. <https://vnembassy-bruxelles.mofa.gov.vn/vi-vn/News/EmbassyNews/Trang/Chang-duong-quan-he-Viet-Nam---Lien-minh-chau-Au-30-nam-qua.aspx>

**Bảng 2. Xuất - nhập khẩu của CH Séc với Việt Nam năm 2015**

(Đơn vị: nghìn USD)

| TT | Các mặt hàng trao đổi         | Xuất khẩu       | Nhập khẩu        |
|----|-------------------------------|-----------------|------------------|
| 1  | Tư liệu sản xuất              | 47143,13        | 3783,49          |
| 2  | Hàng tiêu dùng                | 26988,54        | 247713,57        |
| 3  | Hàng hóa trung gian           | 12478,32        | 5784,43          |
| 4  | Nguyên liệu thô               | 10251,94        | 29395,16         |
| 5  | Gia súc                       | 1060,61         | 9401,49          |
| 6  | Các loại hóa chất             | 11002,16        | 1841,04          |
| 7  | Các sản phẩm thực phẩm        | 2179,2          | 8171,38          |
| 8  | Giày dép                      | 2,8             | 118453,73        |
| 9  | Da sống                       | 5349,61         | 14991,07         |
| 10 | Máy móc và thiết bị điện      | 41046,81        | 348090,66        |
| 11 | Kim loại                      | 4942,19         | 13029,56         |
| 12 | Khoáng sản                    | 71,98           | 7,34             |
| 13 | Các mặt hàng khác             | 14572,99        | 22803,15         |
| 14 | Đồ nhựa hoặc cao su           | 8611,93         | 20894,8          |
| 15 | Sản phẩm bằng đá và thủy tinh | 2965            | 1699,9           |
| 16 | Hàng dệt may                  | 739,63          | 45087,25         |
| 17 | Phương tiện giao thông        | 2409,04         | 33096,01         |
| 18 | Rau quả                       | 768,82          | 21609,38         |
| 19 | Đồ gỗ                         | 1124,82         | 2065,4           |
|    | <b>Tổng cộng</b>              | <b>96861,93</b> | <b>661242,17</b> |

Nguồn: World Integrated Trade Solution (WITS). *Czech Republic Product exports and imports to Vietnam 2015*.

<https://wits.worldbank.org/CountryProfile/en/Country/CZE/Year/2015/TradeFlow/EXPIMP/Partner/VNM/Product/all-groups#>

Những số liệu trong bảng số 2 cho thấy trao đổi thương mại giữa Việt Nam và CH Séc sau hơn hai thập kỷ đã có sự thay đổi lớn so với năm 1993. Tổng giá trị thương mại hai chiều đạt trên 750 triệu USD so với con số nhỏ bé hơn 11 triệu của năm 1993. Số lượng các mặt hàng chủ lực trong thương mại hai chiều năm 2015 tăng lên 19 mặt hàng so với 16 mặt hàng của năm 1993. Hơn nữa, Việt Nam đạt thặng dư thương mại với mức xuất khẩu sang CH Séc lượng hàng hóa trị giá 661.242,17USD, trong khi đó nhập khẩu từ CH Séc lượng hàng trị giá 96.861,93 USD. Thực tế này tiếp tục tiếp diễn trong các năm sau đó như số liệu trong bảng dưới đây.

**Bảng 3. Xuất - nhập khẩu của CH Séc với Việt Nam, 2018-2019**

(Đơn vị: nghìn USD)

| TT | Các mặt hàng trao đổi | Năm 2018  |           | Năm 2019  |           |
|----|-----------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|
|    |                       | Xuất khẩu | Nhập khẩu | Xuất khẩu | Nhập khẩu |
| 1  | Tư liệu sản xuất      | 94362,87  | 468510,44 | 26761,15  | 554513,42 |
| 2  | Hàng tiêu dùng        | 28615,44  | 473508,53 | 31701,04  | 541456,41 |
| 3  | Hàng hóa trung gian   | 13045,19  | 56589,35  | 12105,51  | 37247,74  |

| TT | Các mặt hàng trao đổi         | Năm 2018         |                   | Năm 2019        |                   |
|----|-------------------------------|------------------|-------------------|-----------------|-------------------|
|    |                               | Xuất khẩu        | Nhập khẩu         | Xuất khẩu       | Nhập khẩu         |
| 4  | Nguyên liệu thô               | 4893,98          | 34989,38          | 2322,67         | 32847,34          |
| 5  | Gia súc                       | 857,37           | 12358,93          | 2322,67         | 32847,34          |
| 6  | Các loại hóa chất             | 8529,03          | 38524,24          | 8848,71         | 32847,34          |
| 7  | Các sản phẩm thực phẩm        | 4381,16          | 13769,44          | 3682,62         | 15647,85          |
| 8  | Giấy dép                      | 40,4             | 234447,73         | 3682,62         | 276402,84         |
| 9  | Nhiên liệu                    | 1,15             | 5,12              | --              | --                |
| 10 | Da sống                       | 158,27           | 28168,3           | 2724,86         | 27655,67          |
| 11 | Máy móc và thiết bị điện      | 88079,18         | 458711,01         | 22381,39        | 540242,76         |
| 12 | Kim loại                      | 3317,54          | 30307,51          | 3514,15         | 26101,01          |
| 13 | Khoáng sản                    | 64,59            | 17,37             | 56,86           | 2,59              |
| 14 | Các mặt hàng khác             | 15116,49         | 33006,59          | 15557,27        | 40871,48          |
| 15 | Đồ nhựa hoặc cao su           | 8447,08          | 34948,64          | 6982,63         | 37340,42          |
| 16 | Sản phẩm bằng đá và thủy tinh | 3738,47          | 2894,32           | 2327,67         | 3239,34           |
| 17 | Hàng dệt may                  | 794,41           | 88405,24          | 1311,66         | 109009,17         |
| 18 | Phương tiện giao thông        | 1147,82          | 33767,62          | 2329,57         | 38439,94          |
| 19 | Rau quả                       | 3209,86          | 17955,83          | 1531,84         | 17628,73          |
| 20 | Đồ gỗ                         | 3034,67          | 6309,8            | 921,23          | 6219,64           |
|    | <b>Tổng cộng</b>              | <b>140917,48</b> | <b>1033597,69</b> | <b>72890,36</b> | <b>1166064,92</b> |

Nguồn: World Integrated Trade Solution (WITS). *Czech Republic Product exports and imports to Vietnam 2018*.

<https://wits.worldbank.org/CountryProfile/en/Country/CZE/Year/2018/TradeFlow/EXPIMP/Partner/VNM/Product/all-groups#>; World Integrated Trade Solution (WITS). *Czech Republic Product exports and imports to Vietnam 2019*.

<https://wits.worldbank.org/CountryProfile/en/Country/CZE/Year/2019/TradeFlow/EXPIMP/Partner/VNM/Product/all-groups#>

So sánh số liệu xuất - nhập khẩu của CH Séc với Việt Nam năm 2015 cho thấy mức độ thương mại song phương trong năm 2018 và 2019 đã tăng lên rất nhiều về tổng giá trị. Hơn nữa, Việt Nam tiếp tục đạt thặng dư thương mại với CH Séc: năm 2018 Việt Nam xuất khẩu sang CH Séc lượng hàng trị giá 1.033.597,69 USD và nhập khẩu từ CH Séc lượng hàng trị giá 140.917,48 USD; con số tương tự của năm 2019 là CH Séc nhập khẩu lượng hàng trị giá 1.166.064,92 USD từ Việt Nam trong khi đó chỉ xuất khẩu lượng hàng trị giá 72.890,36 USD sang Việt Nam. Đây là một tín hiệu đáng mừng cho hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường CH Séc trước khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực.

Như vậy những số liệu thống kê một số năm cho thấy quan hệ kinh tế - thương mại giữa Việt Nam và CH Séc trong hơn hai thập kỷ qua đã được duy trì đều đặn với

cơ cấu mặt hàng chủ lực xuất - nhập khẩu khá ổn định. Hơn nữa, tổng giá trị hàng hóa trao đổi giữa hai nước đã có sự thay đổi lớn qua các năm, đặc biệt là sự xuất siêu của Việt Nam. Có thể lý giải về sự thay đổi mạnh mẽ trong quan hệ kinh tế - thương mại Việt Nam - CH Séc trong giai đoạn này qua phát biểu của các quan chức CH Séc. Trong một phát biểu ngày 10-9-2021, Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Tài chính CH Séc Alena Schillerova nói rằng: “Tôi đánh giá cao sự phát triển ngày càng lớn mạnh của cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam tại CH Séc. Trước đây, các doanh nghiệp của người Việt Nam chủ yếu là các doanh nghiệp nhỏ, nay đã phát triển với quy mô lớn. Đây là câu nói quan trọng thúc đẩy quan hệ kinh tế-thương mại song phương”. Đồng quan điểm với Phó Thủ tướng Schillerova, Chủ tịch Liên đoàn Công nghiệp SécJaroslav Hanak nói rằng: “Việt Nam là một trong những quốc gia có tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm ở mức cao (trên 6%) nên luôn được CH Séc coi là đối tác thương mại quan trọng hàng đầu ở ASEAN”.<sup>2</sup> Trong khi đó, Tham tán Kinh tế CH Séc tại Việt Nam David Jarkulich khẳng định rằng: “Tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ và ổn định cùng với tốc độ hiện đại hóa nền kinh tế nhanh chóng đã đưa Việt Nam trở thành đối tác ngày càng hấp dẫn của CH Séc. Việt Nam đã cải thiện đáng kể các điều kiện cho các nhà đầu tư quốc tế trong thập kỷ qua và trở thành điểm đến đầu tư hấp dẫn đối với các công ty Séc”.<sup>3</sup> Những đánh giá của các quan chức CH Séc thể hiện tính khách quan và khá đầy đủ về thực trạng quan hệ kinh tế - thương mại Việt Nam - CH Séc trong những năm qua.

## **2. Quan hệ kinh tế - thương mại giữa Việt Nam và CH Séc sau khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực**

### **2.1. Những nội dung cơ bản của Hiệp định EVFTA**

Hiệp định EVFTA là một loại khu vực thương mại tự do(FTA) thế hệ mới giữa Việt Nam và 27 nước thành viên EU (sau khi nước Anh chính thức rời EU đầu năm 2020), đồng thời là một trong hai FTA có phạm vi cam kết rộng và mức độ cam kết cao nhất của Việt Nam từ trước tới nay. Hiệp định EVFTA chính thức có hiệu lực từ ngày 01/8/2020 và có những nội dung chính như sau.

Về thuế nhập khẩu, ngay sau khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực, EU cam kết xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với khoảng 85,6% số dòng thuế, tương đương 70,3% kim ngạch

<sup>2</sup>Hồng Kỳ-Trần Hiếu. (TTXVN/Vietnam+). *EVFTA tạo động lực thúc đẩy hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và Séc*. <https://www.mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?idTin=51423&idcm=49>

<sup>3</sup> Lê Nam. *Thời kỳ vàng son trong quan hệ Việt Nam - Cộng hòa Séc*. <https://thuonggiaonline.vn/thoi-ky-vang-son-trong-quan-he-viet-nam-cong-hoa-sec-36526.htm>

xuất khẩu của Việt Nam sang EU. Sau 07 năm kể từ khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực, EU sẽ xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với 99,2% số dòng thuế, tương đương 99,7% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam. Đối với một số ít mặt hàng còn lại (tương đương khoảng 0,3% kim ngạch xuất khẩu), EU cam kết dành cho Việt Nam hạn ngạch thuế quan với thuế nhập khẩu trong hạn ngạch là 0%. Như vậy, gần 100% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu sau một lộ trình ngắn (07 năm).

Về qui tắc xuất xứ, Hiệp định EVFTA yêu cầu quy tắc xuất xứ “2 công đoạn” (từ vải trở đi) đối với hàng dệt may, tức là để được hưởng thuế quan ưu đãi theo Hiệp định EVFTA, hàng dệt may của Việt Nam phải được làm từ vải có xuất xứ Việt Nam. Ngoài ra, đối với các sản phẩm dệt may thuộc Chương 61 và 62 của biểu thuế, EU cũng cho phép Việt Nam được sử dụng vải nhập khẩu từ Hàn Quốc để sản xuất ra sản phẩm cuối cùng xuất khẩu sang EU và vẫn được hưởng thuế suất ưu đãi của Hiệp định EVFTA.

Về mức độ mở cửa thị trường một số ngành cụ thể, Hiệp định EVFTA có mức độ mở cửa cao hơn trong WTO đối với một số ngành như dịch vụ viễn thông, dịch vụ tài chính, dịch vụ phân phối, dịch vụ vận tải. Đối với dịch vụ tài chính, Hiệp định EVFTA có mức cam kết cao hơn khi cam kết sẽ xem xét thuận lợi việc cho phép các tổ chức tín dụng EU nâng mức nắm giữ của phía nước ngoài lên 49% vốn điều lệ trong 02 ngân hàng thương mại cổ phần (ngoại trừ các ngân hàng BIDV, Vietinbank, Vietcombank và Agribank) của Việt Nam trong vòng 05 năm kể từ khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực.

Về dịch vụ vận tải, đối với dịch vụ gom hàng và dịch vụ tái phân phối công-ten-nơ rỗng, ngay sau khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực, Việt Nam cho phép các nhà cung cấp dịch vụ vận tải biển quốc tế của EU hoặc thành viên EU thực hiện các dịch vụ này trên tuyến Quy Nhơn - Cái Mép. Sau 05 năm, Việt Nam sẽ cho phép thực hiện dịch vụ tái phân phối công-ten-nơ rỗng trên tất cả các tuyến. Với dịch vụ nạo vét, Việt Nam cho phép các doanh nghiệp EU lập liên doanh tới 51% để cung cấp dịch vụ tại Việt Nam. Đối với dịch vụ mặt đất ở sân bay, Việt Nam cam kết sau 05 năm kể từ khi mở cửa cho khu vực tư nhân sẽ cho phép các doanh nghiệp EU lập liên doanh với đối tác Việt Nam, trong đó vốn của phía nước ngoài không quá 49%, để đấu thầu cung cấp dịch vụ này, 03 năm sau đó, hạn chế vốn nước ngoài sẽ là 51%.

Ngoài ra trong Hiệp định EVFTA, Việt Nam và EU đưa ra nhiều cam kết khác về hình thức cam kết của các bên, các vấn đề dịch vụ phân phối, lĩnh vực mua sắm chính phủ, mức độ bảo hộ sở hữu trí tuệ, Việt Nam phải gia nhập Hiệp định UNECE 1958 (đó là Hiệp định về việc chấp thuận các quy định kỹ thuật thống nhất đối với xe cơ giới và các thiết bị, phụ tùng có thể được lắp và/hoặc sử dụng trên xe cơ giới và các điều kiện để công nhận lẫn nhau về phê duyệt/chứng nhận được cấp trên cơ sở các quy định của Liên hợp quốc) khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực.<sup>4</sup>Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 gây ra những tác động tiêu cực đến đời sống kinh tế - xã hội của các nước trên thế giới, việc Hiệp định EVFTA có ý nghĩa quan trọng giúp bù đắp sự suy giảm của nền kinh tế trong giai đoạn dịch bệnh cho cả Việt Nam và EU. Từ phía doanh nghiệp, Hiệp định EVFTA còn được khẳng định là cứu cánh mang đến cơ hội thị trường đa dạng hơn cho doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp lấy lại đà tăng trưởng hậu dịch bệnh.

## ***2.2. Khả năng tác động của Hiệp định EVFTA với quan hệ kinh tế - thương mại Việt Nam - CH Séc***

Hiệp định EVFTA có hiệu lực từ tháng 8-2020 và cho đến thời điểm hiện tại (tháng 5-2022) việc thực thi Hiệp định này chưa đầy hai năm vì thế khó có thể đánh giá hết những tác động của nó. Tuy nhiên, từ những số liệu ban đầu cho thấy, quan hệ kinh tế - thương mại giữa Việt Nam và CH Séc kể từ sau khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực vẫn diễn ra một cách thuận lợi. Theo thông tin của Đại sứ quán Việt Nam tại CH Séc, mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19, thương mại Việt Nam - EU nói chung, Việt Nam - CH Séc nói riêng vẫn duy trì đà tăng trưởng tích cực. Năm 2020, kim ngạch thương mại Việt Nam - CH Séc đạt 1,5 tỷ USD, tăng hơn 22% so với năm 2019. Sáu tháng đầu năm 2021, kim ngạch thương mại của hai nước đạt 936 triệu USD, tăng 28% so với nửa đầu năm 2020.<sup>5</sup> Phía CH Séc cũng có những đánh giá tích cực về quan hệ kinh tế - thương mại của CH Séc với Việt Nam. Tại Diễn đàn Thương mại Séc-Việt được tổ chức tại Trung tâm thương mại VINAMO ở thành phố Brno, CH Séc, ngày 10-9-2021, Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Tài chính CH Séc, Tiến sỹ Alena Schillerova cho biết đây là diễn đàn thương mại đầu tiên giữa hai nước nhằm góp phần thúc đẩy quan hệ hữu nghị truyền thống song phương trong các lĩnh vực kinh

<sup>4</sup> Tham khảo: Trung tâm WTO và Hội nhập. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI). *Việt Nam - EU (EVFTA)*. <https://trungtamwto.vn/fta/199-viet-nam--eu-evfta>

<sup>5</sup>EVFTA tạo động lực thúc đẩy hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và Séc. Tlđd.

tế, thương mại và đầu tư sau khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực. Tiến sỹ Schillerova nhận xét rằng: “Việt Nam là đối tác kinh tế-thương mại quan trọng của CH Séc, hai bên có nhiều tiềm năng và cơ hội thúc đẩy hơn nữa mối quan hệ này khi Hiệp định EVFTA phát huy hiệu quả. Việt Nam hiện là đối tác thương mại lớn thứ 2 của CH Séc ở Đông Nam Á và là đối tác thứ 13 trên thế giới. Việt Nam không chỉ xuất khẩu sang CH Séc các mặt hàng tiêu dùng mà còn cả các mặt hàng công nghiệp. Gần đây, nhiều doanh nghiệp Séc, trong đó có các doanh nghiệp trong lĩnh vực thiết bị y tế, đã thành công tại Việt Nam.... Việc hiệp định EVFTA có hiệu lực sẽ tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng thương mại giữa hai nước lên ít nhất 50%”.<sup>6</sup>

Với những ưu đãi mà Hiệp định EVFTA mang lại, cả Việt Nam và CH Séc đều được hưởng lợi. Đối với Việt Nam, những cam kết mở cửa thị trường mạnh mẽ, cam kết xóa bỏ thuế nhập khẩu lên tới gần 100% biểu thuế trong Hiệp định EVFTA, cơ hội gia tăng xuất khẩu của Việt Nam là rất lớn, nhất là đối với những mặt hàng lợi thế như dệt may, da giày, nông thủy sản, đồ gỗ. Đây là những mặt hàng xuất khẩu chủ đạo của Việt Nam sang CH Séc trong nhiều năm qua. Ngoài ra, các doanh nghiệp Việt Nam cũng sẽ được lợi từ nguồn hàng hóa, nguyên liệu nhập khẩu với chất lượng tốt và ổn định với mức giá hợp lý hơn từ CH Séc cũng như các nước thành viên khác của EU. Đáng chú ý là nguồn máy móc, thiết bị, công nghệ/kỹ thuật cao từ CH Séc và các nước EU sẽ giúp nâng cao năng suất và cải thiện chất lượng sản phẩm của Việt Nam. Hơn nữa, khi hàng hóa, dịch vụ từ CH Séc và các nước thành viên EU nhập khẩu vào Việt Nam sẽ tạo ra một sức ép cạnh tranh để doanh nghiệp Việt Nam nỗ lực cải thiện năng lực cạnh tranh. Với Hiệp định EVFTA, chuỗi giá trị mới của Việt Nam với CH Séc và các đối tác trong tổ chức EU sẽ được hình thành, ngày càng nâng cao vị thế của Việt Nam trong nền kinh tế thế giới. Môi trường đầu tư mở hơn và thuận lợi hơn, khi triển vọng xuất khẩu hấp dẫn hơn sẽ thu hút đầu tư từ CH Séc và các nước thành viên EU vào Việt Nam nhiều hơn, đặc biệt là các lĩnh vực như dịch vụ, tài chính, ô tô, chế biến chế tạo, công nghệ thông tin, công nghệ cao, nông sản thực phẩm chế biến. Đây là những thế mạnh của các đối tác châu Âu mà Việt Nam có cơ hội tiếp cận và học hỏi kinh nghiệm. Đối với CH Séc, ngoài các phương thức thương mại truyền thống, các công ty của CH Séc ngày càng quan tâm đến việc chuyển giao công nghệ và đầu tư của họ sang Việt Nam. CH Séc là một cường quốc ô tô của châu Âu vì thế có tiềm năng lớn nhất trong việc chuyển giao công nghệ ô tô cho Việt Nam. Tính theo bình quân đầu người, CH Séc đứng thứ hai trên thế giới về sản xuất ô tô chở khách và có

<sup>6</sup>EVFTA tạo động lực thúc đẩy hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và Séc. Tlđd.



truyền thống lâu đời và mạnh về sản xuất xe tải và xe buýt. Các thương hiệu xe hơi truyền thống của Séc như Škoda, Tatra hay Avia đang tìm kiếm cơ hội mới ở châu Á và cũng có kế hoạch thâm nhập thị trường ô tô tại Việt Nam.<sup>7</sup> Với những thế mạnh như vậy cùng với những ưu đãi do Hiệp định EVFTA mang lại sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp của CH Séc tăng cường xuất khẩu và đầu tư vào thị trường Việt Nam. Theo nhận định của Tham tán Kinh tế CH Séc tại Việt Nam David Jarkulich: “Đối với nhiều mặt hàng xuất khẩu của CH Séc sang Việt Nam, chẳng hạn như máy móc thiết bị, thủy tinh, vũ khí, đạn dược hoặc đồ chơi, v.v., thuế sẽ giảm xuống 0 hoặc chỉ còn là một phần nhỏ so với thuế suất hiện hành. Nhập khẩu xe có động cơ và phụ tùng ô tô, nhập khẩu nông sản, bao gồm nhập khẩu bia và hoa bia của Séc, sẽ được tự do hóa hoàn toàn sau đó một thời gian ngắn, trong khoảng từ 4 đến 11 năm. EVFTA sẽ cho phép các công ty Séc tiếp cận mua sắm công tại Việt Nam một cách minh bạch, không phân biệt đối xử và việc bảo vệ bản quyền, bằng sáng chế đối với các sản phẩm dược phẩm cũng sẽ được tăng cường. Chúng tôi kỳ vọng rằng EVFTA sẽ làm tăng xuất khẩu nông sản và thực phẩm của Séc sang Việt Nam khoảng 20%. Sau khi kết thúc tất cả các giai đoạn chuyển tiếp, xuất khẩu sản phẩm kỹ thuật của Séc sẽ tăng 35%. Xuất khẩu các sản phẩm thủy tinh của Séc có thể tăng tới 269%”.<sup>8</sup>

Như vậy, bên cạnh những thuận lợi sẽ có cả những thách thức đối với Việt Nam đó là sự cạnh tranh của các doanh nghiệp CH Séc trên thị trường Việt Nam. Ngoài ra trong quá trình thực hiện Hiệp định EVFTA, Việt Nam phải thực hiện những yêu cầu đặt ra trong việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thể chế, chính sách pháp luật theo hướng minh bạch hơn, thuận lợi và phù hợp hơn với thông lệ quốc tế. Mặc dù vậy, những yêu cầu của Hiệp định EVFTA sẽ là những tiền đề quan trọng đưa Việt Nam ngày càng hòa nhập hơn với môi trường đầu tư kinh doanh, pháp luật và những tiêu chuẩn quốc tế, giúp Việt Nam tăng tốc phát triển lên một tầm cao mới.

### **3. Kết luận**

Quan hệ kinh tế - thương mại giữa Việt Nam và CH Séc đã trải quá trình phát triển lâu dài hơn hai thập kỷ qua vì thế hai bên hiểu rất rõ về tiềm năng và thế mạnh của nhau. Trong quá trình này, mối quan hệ kinh tế - thương mại giữa hai nước ngày càng phát triển trong đó Việt Nam ngày càng hưởng lợi lớn với mức thặng dư thương mại trong nhiều năm qua. Hiệp định EVFTA đang trong quá trình triển khai tiếp tục mang lại lợi thế cho quan hệ kinh tế - thương mại giữa Việt Nam và CH Séc. Tuy

<sup>7</sup>Thời kỳ vàng son trong quan hệ Việt Nam - Cộng hòa Séc. Tlđd.

<sup>8</sup>Thời kỳ vàng son trong quan hệ Việt Nam - Cộng hòa Séc. Tlđd.

nhiên trong quá trình này, Việt Nam cũng gặp những thách thức do trình độ phát triển về khoa học công nghệ trong một số lĩnh vực còn thấp hơn CH Séc và do những tiêu chuẩn về môi trường kinh doanh và đầu tư còn có những khác biệt so với tiêu chuẩn của CH Séc và các nước thành viên EU. Mặc dù vậy, việc khắc phục những rào cản này sẽ đem lại cho Việt Nam những kinh nghiệm mới để tiếp tục sự hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng và hiệu quả hơn trong thời gian tới.

## EVFTA VÀ TRIỂN VỌNG QUAN HỆ THƯƠNG MẠI, ĐẦU TƯ GIỮA VIỆT NAM VÀ BA LAN

*ThS. Trịnh Thị Hiền*

**Viện Nghiên cứu Châu Âu**

**Tóm tắt:** *Ba Lan là một thị trường nhiều tiềm năng trong EU và quốc gia này hiện là bạn hàng số một của Việt Nam tại Đông Âu. Việt Nam hiện là đối tác thương mại lớn thứ 7 ngoài Liên minh châu Âu (EU) của Ba Lan. Với sự hỗ trợ của Hiệp định EVFTA- Hiệp định thương mại tự do giữa Liên minh Châu Âu (EU) và Việt Nam, quan hệ thương mại, đầu tư giữa Việt Nam và Ba Lan đã phát triển nhanh chóng và hiệu quả trong thời gian gần đây. Bài viết phân tích thực trạng, triển vọng và đề xuất một số giải pháp thúc đẩy quan hệ thương mại, đầu tư giữa Việt Nam và Ba Lan trong bối cảnh thực thi EVFTA.*

### **1. Quan hệ thương mại, đầu tư giữa Việt Nam - Ba Lan kể từ khi EVFTA có hiệu lực**

Hiệp định thương mại tự do giữa Liên minh Châu Âu và Việt Nam (EVFTA) chính thức có hiệu lực vào ngày 01/08/2020, mở đường cho việc gia tăng thương mại giữa EU và Việt Nam. Bởi Hiệp định EVFTA sẽ xóa bỏ gần như 99% thuế hải quan giữa EU và Việt Nam. Khoảng 65% thuế đối với hàng hóa xuất khẩu của EU sang Việt Nam sẽ được xóa bỏ trong khi số còn lại sẽ được xóa bỏ dần trong thời gian 10 năm. Ngoài ra, 71% thuế sẽ được xóa bỏ đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang EU, số còn lại sẽ được áp dụng trong thời hạn 7 năm. Các lĩnh vực như dược phẩm, nông sản, máy móc và ô tô sẽ được hưởng lợi nhiều nhất từ quá trình tự do hóa thương mại song phương. Gần một nửa số sản phẩm dược phẩm từ EU, bao gồm Ba Lan, được miễn thuế hải quan 8% ngay khi hiệp định có hiệu lực, phần còn lại sau 7 năm. Điều này đã đánh dấu một bước ngoặt to lớn của nền kinh tế Việt Nam.

Mặc dù, Hiệp định có hiệu lực trong bối cảnh hết sức đặc biệt, khi Việt Nam và các nước EU đang đối mặt với sự bùng phát của đại dịch Covid-19 trên toàn cầu. Các gián đoạn trong chuỗi cung ứng do các quốc gia tạm thời đóng cửa để ngăn chặn dịch bệnh lây lan khiến cho thương mại giữa Việt Nam và EU bị ảnh hưởng tiêu cực. Tuy nhiên, việc thực hiện EVFTA đã giúp cải thiện thương mại song phương với EU và các quốc gia thành viên, duy trì kết quả thương mại tích cực và hỗ trợ củng cố các chuỗi giá trị toàn cầu quan trọng của Việt Nam<sup>1</sup>.

---

<sup>1</sup> <https://www.kas.de/documents/267709/11704235/%28VN%29+Report+One-year+Implementation+of+European+Union->

Trong số các quốc gia thành viên EU, Việt Nam coi Ba Lan là một trong những đối tác kinh tế - thương mại quan trọng hàng đầu tại khu vực Đông Âu của Việt Nam. Ba Lan coi Việt Nam là một trong năm đối tác ưu tiên ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương trong chính sách tăng cường và mở rộng quan hệ với các nước khu vực châu Á. Ba Lan và Việt Nam luôn tăng cường quan hệ hợp tác nhiều mặt, trọng tâm là thúc đẩy trao đổi đoàn các cấp và mở rộng hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư. Trong đó, quan hệ thương mại, đầu tư Việt Nam- Ba Lan đã phát triển nhanh chóng và hiệu quả, theo xu hướng gia tăng thương mại hai chiều của Việt Nam - EU kể từ khi hiệp định EVFTA có hiệu lực.

**Kim ngạch xuất nhập khẩu:** Việt Nam hiện là thị trường cung cấp hàng hóa lớn thứ 12 cho Ba Lan với tỷ trọng chiếm 0,6% trong tổng kim ngạch nhập khẩu của nước này và là thị trường xuất khẩu hàng hóa đứng thứ 26 của Ba Lan với tỷ trọng chiếm 0,14%<sup>2</sup>. Theo dữ liệu của Cơ quan thương mại và đầu tư Ba Lan cho thấy thương mại song phương giữa Ba Lan và Việt Nam năm 2019 đã vượt mốc 3 tỷ USD và đã ghi nhận mức tăng trưởng hai con số trong vài năm qua<sup>3</sup>.

Năm 2020, mặc dù dưới tác động của đại dịch Covid 19, nhưng hai bên vẫn nỗ lực tăng cường trao đổi thương mại hai chiều và Ba Lan tiếp tục là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam tại Trung Đông Âu trong bối cảnh Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) đã đi vào thực thi từ tháng 8 năm 2020. Có thể nói, EVFTA đã đem lại nhiều lợi thế và cơ hội đẩy mạnh giao thương giữa Việt Nam và Ba Lan. Điều này được chứng minh khi kim ngạch thương mại hai chiều Việt Nam - Ba Lan năm 2020 đạt 2,11 tỉ USD, tăng 17,5% so với năm 2019<sup>4</sup>. Xuất khẩu của Việt Nam sang Ba Lan đạt gần 1,774 tỷ USD, tăng 18,4%; nhập khẩu của Việt Nam từ Ba Lan đạt 341 triệu USD, tăng 13,9% so với cùng kỳ năm trước. Việt Nam xuất siêu sang Ba Lan 1,433 tỷ USD trong năm 2020<sup>5</sup>.

Các lĩnh vực hợp tác chính giữa Việt Nam và Ba Lan là nông sản, dược phẩm, mỹ phẩm, công nghệ xanh và xử lý nước thải. Các lĩnh vực tiềm năng là phần mềm công nghệ thông tin, các ngành công nghiệp nặng như khai thác mỏ, đóng tàu, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp và chế biến thực phẩm. Việt Nam chủ yếu

---

Vietnam+Free+Trade+Agreement+%28EVFTA%29+Impacts+on+the+Vietnamese+Economy+and+Policy+For+mation.pdf/d31f904f-803d-bdd4-bdb6-9765d3f4137f?version=1.0&t=1639368744077, truy cập ngày 28-7-2022.

<sup>2</sup> An Bình (2021), Hiệp định EVFTA sẽ là yếu tố hỗ trợ xuất khẩu hàng hóa sang thị trường Ba Lan, <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/hiiep-dinh-evfta-se-la-yeu-to-ho-tro-xuat-khau-hang-hoa-sang-thi-truong-ba-lan.html>, truy cập ngày 30-7-2022.

<sup>3</sup> Hà Trần (2021), Cơ hội phát triển thương mại song phương giữa Việt Nam và Ba Lan khi thực thi EVFTA, <https://thuonghieucongluan.com.vn/co-hoi-phat-trien-thuong-mai-song-phuong-giua-viet-nam-va-ba-lan-khi-thuc-thi-evfta-a148816.html>, truy cập ngày 30-7-2022.

<sup>4</sup> Hà Trần (2021), Cơ hội phát triển thương mại song phương giữa Việt Nam và Ba Lan khi thực thi EVFTA, <https://thuonghieucongluan.com.vn/co-hoi-phat-trien-thuong-mai-song-phuong-giua-viet-nam-va-ba-lan-khi-thuc-thi-evfta-a148816.html>, truy cập ngày 30-7-2022.

<sup>5</sup> Ngọc Thảo (2021), Thị trường Ba Lan: Cửa ngõ xuất khẩu hàng Việt vào EU, <https://congthuong.vn/thi-truong-ba-lan-cua-ngo-xuat-khau-hang-viet-va-eu-151622.html>, truy cập ngày 30-7-2022.

xuất khẩu hàng điện tử và thiết bị, giày dép, dệt may và các mặt hàng nông nghiệp như cà phê, hạt tiêu, dừa và hạt điều<sup>6</sup>. Trong đó, các mặt hàng chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu hàng hóa Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Ba Lan gồm hàng may mặc, thủy sản, hàng nông sản như ngũ cốc, cà phê hay giày dép các loại. Đặc biệt, hiện nay, Ba Lan cũng đang có nhu cầu nhập khẩu các mặt hàng khác như gạo, nông sản (gạo, trái cây họ cam quýt, chuối, thuốc lá, dầu dừa...), dầu ăn, thực phẩm hữu cơ, sản phẩm tốt cho sức khỏe từ Việt Nam<sup>7</sup>. EVFTA đã thực sự thúc đẩy tăng cường hợp tác thương mại hàng nông, lâm, thủy sản của hai nước khi kim ngạch thương mại nông lâm thủy sản giữa hai nước đạt khoảng 250 triệu USD năm 2020 và trong 9 tháng đầu năm 2021 đạt hơn 150 triệu USD<sup>8</sup>.

Kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và Ba Lan tiếp tục gia tăng trong 6 tháng đầu năm 2021, đạt 1,3 tỷ USD, tăng 45,6% so với cùng kỳ năm 2020. Tính đến hết năm 2021, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của hai nước đạt gần 2,6 tỉ USD tăng 21,8% so với năm 2020 (2,1 tỷ USD) trong đó Việt Nam xuất siêu hơn 1,6 tỉ USD<sup>9</sup>. Nhập khẩu hàng hóa của Ba Lan đạt 27,5 tỷ Euro, tăng 12,5% so với cùng kỳ năm 2020 (4 tháng đầu năm 2021).

Việt Nam là quốc gia xuất khẩu hàng hóa lớn thứ 19 vào Ba Lan. Những mặt hàng Việt Nam xuất nhiều vào Ba Lan năm 2020 gồm: máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (hơn 993,209 triệu USD); máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác (gần 224 triệu USD); hàng dệt may (69,399 triệu USD); cà phê (39,158 triệu USD); giày dép các loại (38,025 triệu USD) ...<sup>10</sup>. Trong 6 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu các mặt hàng tiêu dùng của Việt Nam như hàng dệt may, giày dép các loại, thủy sản, túi xách, ví, vali, mũ, ô dù... sang thị trường Ba Lan tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2020, khi tiêu dùng của nước này phục hồi. Bên cạnh đó, với những ưu đãi về thuế quan từ Hiệp định EVFTA, các doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm từ sắt thép, giày dép các loại, thủy sản, túi xách, ví, vali, mũ, ô dù... đã tận dụng được cơ hội để đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường Ba Lan. Theo Cơ quan thống kê Ba Lan, cũng trong thời gian này, doanh thu bán lẻ của Ba Lan ở hầu hết các nhóm hàng đều tăng so với cùng kỳ năm

<sup>6</sup> Việt Dũng (2021), Việt Nam là thị trường hứa hẹn đối với các doanh nghiệp Ba Lan ở Đông Nam Á, <https://congthuong.vn/viet-nam-la-thi-truong-hua-hen-doi-voi-cac-doanh-nghiep-ba-lan-o-dong-nam-a-164678.html>, truy cập ngày 30-7-2022.

<sup>7</sup> Cẩm Anh (2022), Thúc đẩy quan hệ doanh nghiệp Việt Nam - Ba Lan phát triển, <https://diendandoanhngiep.vn/thuc-day-quan-he-doanh-nghiep-viet-nam-ba-lan-phat-trien-224542.html>, truy cập ngày 30-7-2022.

<sup>8</sup> Thúc đẩy hợp tác nông nghiệp Việt Nam – Ba Lan, <http://vida.net.vn/thuc-day-hop-tac-nong-nghiep-viet-nam-ba-lan/>, truy cập ngày 30-7-2022.

<sup>9</sup> Cẩm Anh (2022), Thúc đẩy quan hệ doanh nghiệp Việt Nam - Ba Lan phát triển, <https://diendandoanhngiep.vn/thuc-day-quan-he-doanh-nghiep-viet-nam-ba-lan-phat-trien-224542.html>, truy cập ngày 30-7-2022.

<sup>10</sup> Kiên Trung (2021), Thị trường Ba Lan: Cửa ngõ quan trọng đưa hàng Việt vào EU, <https://www.sggp.org.vn/thi-truong-ba-lan-cua-ngo-quan-trong-dua-hang-viet-va-711887.html>, truy cập ngày 30-7-2022.

2020. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng dệt, may, giày dép tăng 24,9%, doanh thu nhóm đồ nội thất, ti vi, đồ gia dụng cũng tăng 11,0%. Nhìn chung, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Ba Lan tăng khi nhu cầu nhập khẩu của nước này tăng.

Trong đó, nhập khẩu của Ba Lan về các sản phẩm từ sắt thép đang có sự gia tăng, đạt 1,97 tỷ USD (4 tháng đầu năm 2021), tăng 16,69% so với cùng kỳ năm 2020. Mặc dù, Ba Lan chủ yếu nhập khẩu sản phẩm này từ thị trường nội khối với tỷ trọng chiếm 69,7% trong tổng kim ngạch nhập khẩu mặt hàng. Tuy nhiên, Ba Lan đang có xu hướng đẩy mạnh nhập khẩu từ thị trường ngoài khối khi tăng trưởng nhập khẩu từ thị trường ngoài khối cao hơn so với nội khối, ở mức 24,3% so với 13,6% trong 4 tháng đầu năm 2021.

**Bảng 1: Xuất khẩu sang Ba Lan 5 tháng năm 2022**

| Mặt hàng                                   | Tháng 5/2022 | So với tháng 4/2022 (%) | 5 tháng đầu năm 2022 | +/- so với cùng kỳ năm 2021 (%) | Tỷ trọng % |
|--|--------------|-------------------------|----------------------|---------------------------------|------------|
| Tổng KNXX (USD)                            | 219.427.965  | -8,78                   | 1.014.335.563        | 9,93                            | 100        |
| Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện | 110.352.449  | -5,15                   | 513.658.051          | 1,53                            | 50,64      |
| Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác  | 119.634.127  | -3,37                   | 94.271.052           | -5,73                           | 9,29       |
| Hàng dệt may                               | 10.324.322   | 18,45                   | 39.811.952           | 20,26                           | 3,92       |
| Sản phẩm từ sắt thép                       | 8.330.586    | 20,67                   | 32.967.325           | 7,19                            | 3,25       |
| Giày dép các loại                          | 4.943.671    | 30,12                   | 20.219.030           | -12,77                          | 1,99       |
| Sản phẩm từ chất dẻo                       | 3.406.492    | -15,84                  | 18.780.875           | 15,8                            | 1,85       |
| Hàng thủy sản                              | 4.545.201    | 12,19                   | 17.042.330           | 34,65                           | 1,68       |
| Cà phê                                     | 2.968.228    | 32,35                   | 15.398.647           | -11,27                          | 1,52       |
| Gỗ và sản phẩm gỗ                          | 4.4112.074   | 102,91                  | 14.004.325           | 13,22                           | 1,38       |
| Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc        | 3.372.967    | 114,79                  | 11.543.157           | 101,15                          | 1,14       |
| Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù             | 1.889.020    | 69,33                   | 5.298.878            | 1,97                            | 0,52       |
| Hạt tiêu                                   | 1.415.815    | 69,68                   | 3.974.409            | 2,47                            | 0,39       |
| Sản phẩm mây, tre, cói và thảm             | 843.523      | -2,61                   | 3.882.260            | -11,17                          | 0,38       |
| Gạo  | 637.118      | 23,6                    | 1.697.618            | -8,29                           | 0,17       |
| Sản phẩm từ cao su                         | 287.106      | 18,05                   | 1.341.985            | -73,14                          | 0,13       |
| Chè  |              | -100                    | 94.954               | -79,14                          | 0,01       |
| Hàng hóa khác                              | 42.065.216   | -35,68                  | 220.348.717          | 52,32                           | 21,72      |

Nguồn: Tính toán theo số liệu công bố ngày 7/6 của Tổng cục Hải quan

Trong 5 tháng đầu năm 2022, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa Việt Nam sang thị trường Ba Lan đạt 1,01 tỷ USD, tăng 9,9% so với cùng kỳ năm 2021. Mặt hàng dẫn đầu kim ngạch xuất khẩu là nhóm mặt hàng máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện, trị giá 513,6 triệu USD, tăng 1,5% so với cùng kỳ năm 2021, chiếm 50,6% tổng kim ngạch xuất khẩu. Tiếp đến là nhóm mặt hàng máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng trị giá 94,2 triệu USD, chiếm 9,2% tỷ trọng xuất khẩu. Đứng thứ ba là mặt hàng dệt may, trị giá 39,8 triệu USD, tăng 20,2% so với cùng kỳ năm trước.

Ngoài ra, cũng trong thời gian này, Việt Nam còn xuất khẩu sang thị trường Ba Lan các sản phẩm từ sắt thép; sản phẩm từ chất dẻo sản phẩm, mây, tre cói và thảm; sản phẩm từ cao su; hàng thủy sản; cà phê; gỗ và sản phẩm gỗ; hạt tiêu; gạo; chè... trong đó, một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng: Sản phẩm từ chất dẻo tăng 15,8%; hàng thủy sản tăng 34,6%; bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc tăng 101,5% so với cùng kỳ năm 2021<sup>11</sup>.

Nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ Ba Lan kể từ khi EVFTA có hiệu lực đã có sự gia tăng. Cụ thể, trong quý II/2021, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ thị trường Ba Lan đạt 123,5 triệu USD, tăng 21,2% so với quý I/2021 và tăng 66,5% so với quý II/2020, đưa tổng kim ngạch nhập khẩu từ Ba Lan trong 6 tháng đầu năm 2021 đạt 225,3 triệu USD, tăng 49,8% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa từ thị trường Ba Lan tăng chủ yếu do nhập khẩu kim loại thường từ thị trường này tăng rất mạnh<sup>12</sup>.

**Về đầu tư:** Việt Nam chưa phải là địa điểm đầu tư lớn của EU và Ba Lan. Tuy nhiên, Việt Nam là quốc gia đầu tiên mà Ba Lan đặt Văn phòng của Cơ quan Thương mại và Đầu tư. Đây là bước tiến rất quan trọng để thúc đẩy hợp tác kinh tế, đầu tư giữa hai nước. Trong bối cảnh thực thi Hiệp định EVFTA, xu hướng đầu tư từ EU và Ba Lan vào Việt Nam đang tăng lên đáng kể. Nhằm đón đầu những cơ hội do EVFTA mang lại, các nhà đầu tư của EU đã tăng vốn vào Việt Nam. Từ năm 2018 với mức vốn trung bình khoảng 1,6 tỷ USD/năm trong giai đoạn 2018-2020. Tính tới ngày 20-12-2019, Ba Lan có 19 dự án đầu tư tại Việt Nam với tổng số vốn đăng ký là 209,34 triệu USD đứng thứ 38 trong tổng số 135 quốc gia và vùng lãnh thổ đang có hoạt động

<sup>11</sup> Xuất khẩu sang Ba Lan 5 tháng đầu năm 2022 tăng trưởng, <https://vinanet.vn/thuong-mai-cha/xuat-khau-sang-ba-lan-5-thang-dau-nam-2022-tang-truong-759429.html>, truy cập ngày 30-7-2022.

<sup>12</sup> An Bình (2021), Hiệp định EVFTA sẽ là yếu tố hỗ trợ xuất khẩu hàng hóa sang thị trường Ba Lan, <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/hiiep-dinh-evfta-se-la-yeu-to-ho-tro-xuat-khau-hang-hoa-sang-thi-truong-ba-lan.html>, truy cập ngày 30-7-2022.

đầu tư tại Việt Nam, trong đó có năm dự án cấp mới với trị giá 26,75 triệu USD. Các dự án FDI của Ba Lan vào Việt Nam chủ yếu là các dự án 100% vốn nước ngoài, tập trung trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản, công nghiệp chế biến chế tạo và thông tin truyền thông. Tính đến tháng 2 năm 2020, Việt Nam có khoảng 78 dự án đầu tư sang 10 nước EU (Anh, Ba Lan, Bỉ, Bồ Đào Nha, Đức, Hà Lan, Pháp, CH Séc, Tây Ban Nha và Xlô-va-ki-a) với tổng vốn đăng ký đạt khoảng 320,20 triệu USD<sup>13</sup>. Việt Nam có bốn dự án đầu tư sang Ba Lan với tổng vốn đầu tư khoảng 5,1 triệu USD thuộc lĩnh vực dịch vụ và công nghiệp thực phẩm. Trong đó, có dự án đầu tư trị giá 3 triệu USD của Vinamilk thông qua việc mở công ty Vinamilk Europe tại Ba Lan có chức năng buôn bán nguyên liệu nông nghiệp, bán buôn, lẻ sữa và các chế phẩm từ sữa.

Tuy nhiên, sau khi EVFTA ký kết, dịch Covid-19 ảnh hưởng tới việc thu hút vốn FDI vào Việt Nam, tổng lượng vốn FDI đăng ký cấp mới và tăng thêm của EU cũng giảm, chỉ đạt 1,625 tỷ USD năm 2020 (thấp hơn so với mức 1,801 tỷ USD năm 2019). Xét về tỷ trọng, tổng lượng vốn FDI đăng ký và cấp mới của EU trong tổng số vốn FDI thu hút vào Việt Nam lại tăng từ mức 4,74% (năm 2019) lên 5,7% (năm 2020). Điều này, cho thấy, các nhà đầu tư của EU vẫn đặt lòng tin để đầu tư vào Việt Nam với sự bảo hộ tốt hơn qua các cam kết của EVFTA và môi trường đầu tư, kinh doanh của Việt Nam cởi mở và thông thoáng hơn. Tuy nhiên, bước sang năm 2021, dòng vốn FDI từ EU vào Việt Nam bị ảnh hưởng lớn. Tính đến hết tháng 9/2021, dòng vốn FDI của EU đăng ký vào Việt Nam chỉ đạt 815 triệu USD, bằng một nửa so với FDI của cả năm 2019 và năm 2020. Trong khi đó, thu hút FDI cả nước 9 tháng đầu năm 2021 vẫn đạt 22,145 tỷ USD, tăng 4,5% so với cùng kỳ năm trước. Tỷ trọng vốn FDI của EU trong tổng FDI vào Việt Nam giảm từ 5,2% năm 2020 xuống còn 4,7% năm 2021, cho thấy dòng vốn FDI của EU vào Việt Nam chịu ảnh hưởng tiêu cực hơn các đối tác khác do đại dịch Covid-19<sup>14</sup>.

Tính đến tháng 12 năm 2021 đã có 25/27 nước thuộc EU đầu tư vào Việt Nam với 2.263 dự án, tổng vốn đăng ký đạt 22,41 tỷ USD, chiếm 5,5% tổng vốn đăng ký tại Việt Nam. Các dự án tập trung vào ngành công nghiệp, công nghệ cao và có xu hướng

<sup>13</sup> Hải Đăng (2020), Đầu tư của EU vào Việt Nam như thế nào?, <https://tapchitaichinh.vn/nghien-cuu-trao-doi/dau-tu-cua-eu-vao-viet-nam-nhu-the-nao-318878.html>, truy cập ngày 30-7-2022.

<sup>14</sup> Ban Dự báo kinh tế vĩ mô (2022), Tình hình thực hiện EVFTA sau một năm Hiệp định có hiệu lực (Phần 2), <http://www.ncif.gov.vn/Pages/NewsDetail.aspx?newid=22947>, truy cập ngày 30-7-2022.

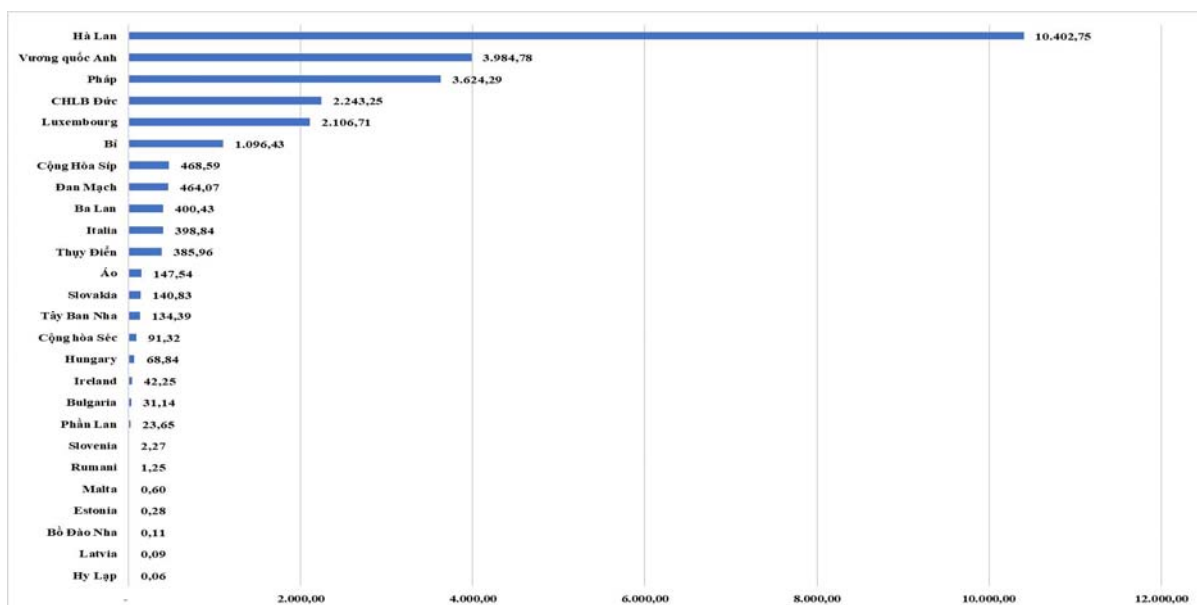


tăng vào các ngành dịch vụ, năng lượng tái tạo, chế biến thực phẩm, công nghiệp phụ trợ, dược phẩm, nông nghiệp công nghệ cao....

*Theo quốc gia đầu tư:* Hà Lan là nước đầu tư nhiều nhất với 381 dự án, tổng vốn đầu tư gần 10,5 tỷ USD, chiếm 46,76% tổng vốn đầu tư của EU tại Việt Nam, đứng thứ hai là Pháp với 638 dự án, tổng vốn đăng ký 3,62 tỷ USD, chiếm 16,17% tổng vốn đầu tư của EU tại Việt Nam, thứ ba là Cộng hòa Liên bang Đức với 412 dự án, tổng vốn đầu tư đăng ký đạt 2,29 tỷ USD, chiếm 10,2% tổng vốn đầu tư. Theo sau lần lượt là các nước Luxembourg, Bỉ, Cộng hòa Síp, Đan Mạch, Ba Lan...

*Theo lĩnh vực đầu tư:* Vốn đầu tư tập trung vào lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo với 611 dự án và 8,5 tỷ USD vốn đăng ký, chiếm 38,17% tổng vốn đầu tư của EU tại Việt Nam; đứng thứ hai là lĩnh vực sản xuất, phân phối điện, khí, nước, điều hòa với 28 dự án, tổng vốn đăng ký đạt 4,81 tỷ USD, chiếm 21,63% tổng vốn đầu tư của EU tại Việt Nam; thứ ba là hoạt động kinh doanh bất động sản với 48 dự án, tổng vốn đầu tư đăng ký đạt 1,83 tỷ USD, chiếm 8,22% tổng vốn đầu tư. Còn lại là các lĩnh vực như thông tin và truyền thông, bán buôn, bán lẻ, khai khoáng, vận tải kho bãi...

**Hình 1. Vốn FDI do các nước EU đầu tư vào Việt Nam  
(lũy kế các dự án còn hiệu lực đến 20/4/2021)**



*Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư*

Từ khi ký kết Hiệp định EVFTA đến nay, tổng vốn đầu tư đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư EU tại Việt Nam đạt 2,2 tỷ USD, chiếm khoảng 6% so với tổng vốn của các nước trong cùng kỳ; trong đó, Hà Lan, Đức, Pháp,

Đan Mạch vẫn là những nhà đầu tư của EU quan tâm và mở rộng đầu tư tại thị trường Việt Nam.

Có thể nói, việc triển khai hiệu quả Hiệp định EVFTA được kỳ vọng sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giúp GDP tăng lũy tiến 4,6% và 4,3% tương ứng năm 2025 và 2030, đồng thời đóng góp tích cực vào xây dựng môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, minh bạch, tiệm cận các nước phát triển như Mỹ, Nhật Bản, EU... Trong bối cảnh kim ngạch thương mại hai chiều Việt Nam - EU, Ba Lan tiếp tục tăng mạnh, việc triển khai Hiệp định EVFTA sẽ thúc đẩy các doanh nghiệp xuất khẩu tại Việt Nam mở rộng quy mô đầu tư, nâng cao công suất để củng cố thị phần tại thị trường Ba Lan, EU.

## **2. Triển vọng và giải pháp thúc đẩy quan hệ thương mại, đầu tư giữa Việt Nam - Ba Lan trong bối cảnh thực thi EVFTA**

Có thể nói, thời gian qua, quan hệ thương mại, đầu tư Việt Nam - Ba Lan không ngừng phát triển và đạt được nhiều kết quả quan trọng kể từ khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực. Xét về tiềm năng hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và Ba Lan có thể kể đến một số lĩnh vực mà Ba Lan có lợi thế và Việt Nam có nhu cầu như nông nghiệp, dược phẩm và công nghệ số. Ngược lại, Ba Lan chính là thị trường tiềm năng đối với nhiều ngành hàng của Việt Nam trong thời gian tới, do cho đến nay thị phần hàng Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Ba Lan vẫn ở mức thấp và Hiệp định EVFTA sẽ là yếu tố hỗ trợ hàng Việt Nam tăng sức cạnh tranh tại thị trường này. Cụ thể:

Về các sản phẩm từ sắt thép. Đây là mặt hàng Việt Nam còn nhiều tiềm năng tăng trưởng tại thị trường này bởi thị phần sản phẩm từ sắt thép của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Ba Lan vẫn ở mức thấp, chỉ chiếm 0,6% trong tổng nhập khẩu và 2,5% trong tổng nhập khẩu ngoại khối. Trong nhóm sản phẩm từ sắt thép các loại xuất khẩu sang thị trường Ba Lan, sản phẩm có mã HS 7318 là sản phẩm xuất khẩu lớn nhất, đây là mặt hàng có mức thuế ngay lập tức được giảm từ 3,7% về 0% kể từ khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực.

Các mặt hàng của Việt Nam chiếm tỷ trọng cao nhất trong nhập khẩu của Ba Lan trong giai đoạn 2016-2020 là giày dép các loại (chiếm 15%). Tuy nhiên, với những ưu đãi từ Hiệp định EVFTA, xuất khẩu giày dép của Việt Nam sang thị trường Ba Lan đã tăng 32,3% so trong 6 tháng đầu năm 2021 với cùng kỳ năm 2020, đạt 27,1 triệu USD và triển vọng sẽ còn tiếp tục gia tăng trong thời gian tới.

Về nông, lâm, thủy sản: Với tiềm năng to lớn của ngành nông nghiệp hai nước, thương mại nông lâm thủy sản sẽ có những triển vọng mới trong thời gian tới, tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại, góp phần cho mục tiêu tổng kim ngạch xuất nhập khẩu chung của hai nước tăng cao hơn như đối với các loại rau quả, nước trái cây, theo Hiệp định EVFTA, 94% các loại rau quả, nước trái cây thuế đã về 0%. Do đó, thị trường Ba Lan có nhu cầu rất cao về mặt hàng này, nhất là quả nhiệt đới như xoài, dứa, chanh leo. Tuy nhiên xuất khẩu nhóm sản phẩm này của Việt Nam sang thị trường Ba Lan không đáng kể. Nhu cầu các loại nước cô đặc của xoài, dứa, chanh leo, nước mía, nước dứa đóng chai của Ba Lan cũng cao, sản lượng sản xuất doanh nghiệp Ba Lan không đủ cung cấp cho thị trường trong nước.

Về hàng thủy sản, Việt Nam có lợi thế đối với mặt hàng tôm do thuế tôm thẻ chân trắng đông lạnh xuất khẩu vào EU theo Hiệp định EVFTA sẽ giảm dần về 0% sau 5 năm. Tuy nhiên, cho đến nay thị phần hàng thủy sản của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Ba Lan vẫn ở mức thấp. Trong 4 tháng đầu năm 2021, kim ngạch nhập khẩu thủy sản của Ba Lan từ Việt Nam chỉ chiếm 1,9% trong tổng kim ngạch nhập khẩu thủy sản từ thị trường ngoài khối của quốc gia này<sup>15</sup>.

Ngoài ra, thị trường Ba Lan còn rất nhiều dư địa cho các mặt hàng nông sản, thực phẩm của Việt Nam, Trong đó, với sản phẩm hạt điều chế biến sâu cũng được nhận định sẽ là mặt hàng có thể phát triển mạnh mẽ ở thị trường Ba Lan. Một số sản phẩm như giày dép bằng vải lanh, giày thể thao và túi xách nữ cũng chính là những mặt hàng Việt Nam có tiềm năng xuất khẩu cao và thuế nhập khẩu thấp.

Để thương mại song phương giữa Việt Nam và Ba Lan phát huy tốt lợi ích từ EVFTA, Việt Nam và Ba Lan cần tích cực thực hiện một số biện pháp sau:

Về phía Việt Nam: Cần triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả, nhất quán các nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Quyết định số 1102/QĐ-TTg ngày 06 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu. Bên cạnh đó, đẩy mạnh việc thực hiện cam kết trong EVFTA theo hướng đảm bảo lợi ích trong quan hệ thương mại, đầu tư giữa Việt Nam - EU, Ba Lan. Các cơ quan, bộ ngành của Việt Nam trong đó có Bộ Công Thương cần tiếp tục thực hiện nhiều hoạt động hỗ trợ nâng cao năng lực, nhận thức,

<sup>15</sup> An Bình (2021), Hiệp định EVFTA sẽ là yếu tố hỗ trợ xuất khẩu hàng hóa sang thị trường Ba Lan, <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/hiiep-dinh-evfta-se-la-yeu-to-ho-tro-xuat-khau-hang-hoa-sang-thi-truong-ba-lan.html>, truy cập ngày 30-7-2022.

cung cấp thông tin cho các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam về những cam kết trong hiệp định và đòi hỏi của thị trường. Qua đó, giúp doanh có thể đáp ứng được tiêu chuẩn về kiểm dịch và vệ sinh an toàn thực phẩm của EU, các hàng rào kỹ thuật...

Về phía Ba Lan: Theo nhận định của các chuyên gia, xuất khẩu hàng hóa sang thị trường của nhau giữa các doanh nghiệp Việt Nam và Ba Lan sẽ góp phần quan trọng vào việc tăng cường hơn nữa hợp tác thương mại giữa hai nước trong thời gian tới. Do đó, Ba Lan cần hỗ trợ tạo điều kiện thuận lợi để các mặt hàng nông lâm thủy sản Việt Nam được xuất sang thị trường EU. Việt Nam cũng đề nghị Ba Lan lên tiếng ủng hộ mạnh mẽ để EU gỡ thẻ vàng IUU cho Việt Nam; khuyến khích doanh nghiệp EU đầu tư vào sản xuất kinh doanh nông nghiệp tại Việt Nam; tăng cường trao đổi giữa hai Bộ để xây dựng các dự án ODA trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, phát triển nông thôn và đóng tàu khai thác hải sản trình lên Chính phủ hai nước xin nguồn ODA vay ưu đãi cho các đơn vị/địa phương của Việt Nam<sup>16</sup>.

#### **Tài liệu tham khảo**

1. An Bình (2021), Hiệp định EVFTA sẽ là yếu tố hỗ trợ xuất khẩu hàng hóa sang thị trường Ba Lan, <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/hiiep-dinh-evfta-se-la-yeu-to-ho-tro-xuat-khau-hang-hoa-sang-thi-truong-ba-lan.html>,

2. Hà Trần (2021), Cơ hội phát triển thương mại song phương giữa Việt Nam và Ba Lan khi thực thi EVFTA, <https://thuonghieucongluan.com.vn/co-hoi-phat-trien-thuong-mai-song-phuong-giua-viet-nam-va-ba-lan-khi-thuc-thi-evfta-a148816.html>, truy cập ngày 30-7-2022.

3. Ngọc Thảo (2021), Thị trường Ba Lan: Cửa ngõ xuất khẩu hàng Việt vào EU, <https://congthuong.vn/thi-truong-ba-lan-cua-ngo-xuat-khau-hang-viet-va-eu-151622.html>, truy cập ngày 30-7-2022.

4. Việt Dũng (2021), Việt Nam là thị trường hứa hẹn đối với các doanh nghiệp Ba Lan ở Đông Nam Á, <https://congthuong.vn/viet-nam-la-thi-truong-hua-hen-doi-voi-cac-doanh-nghiep-ba-lan-o-dong-nam-a-164678.html>, truy cập ngày 30-7-2022.

5. Cẩm Anh (2022), Thúc đẩy quan hệ doanh nghiệp Việt Nam - Ba Lan phát triển, <https://diendandoanhnghiep.vn/thuc-day-quan-he-doanh-nghiep-viet-nam-ba-lan-phat-trien-224542.html>,

---

<sup>16</sup> Thúc đẩy hợp tác nông nghiệp Việt Nam - Ba Lan, <http://vida.net.vn/thuc-day-hop-tac-nong-nghiep-viet-nam-ba-lan/>, truy cập ngày 30-7-2022.

6. Thúc đẩy hợp tác nông nghiệp Việt Nam - Ba Lan, <http://vida.net.vn/thuc-day-hop-tac-nong-nghiep-viet-nam-ba-lan/>, truy cập ngày 30-7-2022.
7. Ban Dự báo kinh tế vĩ mô (2022), Tình hình thực hiện EVFTA sau một năm Hiệp định có hiệu lực (Phần 2),
8. Kiên Trung (2021), Thị trường Ba Lan: Cửa ngõ quan trọng đưa hàng Việt vào EU, <https://www.sggp.org.vn/thi-truong-ba-lan-cua-ngo-quan-trong-dua-hang-viet-vao-eu-711887.html>, truy cập ngày 30-7-2022.
9. Xuất khẩu sang Ba Lan 5 tháng đầu năm 2022 tăng trưởng, <https://vinanet.vn/thuong-mai-cha/xuat-khau-sang-ba-lan-5-thang-dau-nam-2022-tang-truong-759429.html>, truy cập ngày 30-7-2022.
10. NCIF (2022), Tình hình thực hiện EVFTA sau một năm Hiệp định có hiệu lực (Phần 2), <http://www.ncif.gov.vn/Pages/NewsDetail.aspx?newid=22947>, truy cập ngày 30-7-2022.
11. Cẩm Anh (2022), Thúc đẩy quan hệ doanh nghiệp Việt Nam - Ba Lan phát triển, <https://diendandoanhnghiep.vn/thuc-day-quan-he-doanh-nghiep-viet-nam-ba-lan-phat-trien-224542.html>, truy cập ngày 30-7-2022.

## QUAN HỆ KINH TẾ VIỆT NAM - PHẦN LAN TRONG BỐI CẢNH TRIỂN KHAI EVFTA

*ThS.Lê Thị Kim Oanh*

**Viện Nghiên cứu Châu Âu**

**Tóm tắt:** *Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA) giữa Việt Nam và 27 nước thành viên Liên minh châu Âu (EU). Hiệp định EVFTA là một hiệp định có phạm vi ảnh hưởng sâu rộng, bao trùm rất nhiều lĩnh vực. Hiệp định đều đặt tất cả các nước thành viên EU trên một vạch xuất phát giống nhau, nghĩa là nếu cộng đồng EU có lợi thì mọi thành viên của EU sẽ cùng có lợi. Là một nước thành viên của EU nên Phần Lan xác định, những chương trình nghị sự của EU cũng nằm trong kế hoạch đẩy mạnh hợp tác thương mại với Việt Nam. Phần Lan là một trong những thị trường quan trọng và có mức tăng trưởng thương mại vượt bậc với Việt Nam kể từ sau khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực. Trong khuôn khổ bài viết, tác giả phân tích thực trạng, thuận lợi, khó khăn và triển vọng phát triển của quan hệ kinh tế Việt Nam – Phần Lan trong bối cảnh triển khai EVFTA.*

**Từ khóa:** *Việt Nam, Phần Lan, thương mại, EVFTA*

### **1. Quan hệ kinh tế Việt Nam - Phần Lan**

Quan hệ thương mại Việt Nam - Phần Lan phát triển liên tục, bền vững trong những năm qua. Điều này mở ra cơ hội cho cả hai nước để có thể hưởng lợi rất lớn từ những quan hệ đối tác kinh tế, thương mại và đầu tư của hai nước. Đặc biệt, nhờ khung khổ pháp lý thuận lợi của EVFTA, với nỗ lực của Chính phủ và doanh nghiệp hai nước, thương mại và đầu tư song phương Việt Nam - Phần Lan sẽ tiếp tục được phát triển mạnh mẽ.

#### ***Về thương mại***

Trao đổi thương mại giữa Việt Nam - Phần Lan tăng trưởng khá tích cực với kim ngạch hai chiều năm 2016 đạt 328 triệu USD và riêng 10 tháng đầu năm 2017 đã đạt 389 triệu USD (tăng 40% so với cùng kỳ 2016).

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan Việt Nam, kim ngạch xuất nhập khẩu hai nước tăng liên tục qua các năm mặc dù giá trị tuyệt đối không thật lớn do quy mô dân số của Phần Lan chỉ ở mức hơn 5,5 triệu dân. Năm 2020, kim ngạch hai chiều

đạt 337,4 triệu USD, trong đó Việt Nam nhập khẩu 196,6 triệu USD và xuất khẩu 140,8 triệu USD.

Với lợi thế từ Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA), thương mại giữa hai nước trong thời gian qua đã chứng kiến sự tăng trưởng tích cực bất chấp những khó khăn, thách thức của đại dịch Covid-19. Theo số liệu báo cáo của Tổng cục Hải quan Việt Nam, kim ngạch thương mại hai nước năm 2021 đạt 511,2 triệu USD, tăng trưởng 54,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó xuất khẩu của Việt Nam sang Phần Lan đạt 266,1 triệu USD, 97,2% so với năm trước. Xuất khẩu của Phần Lan sang Việt Nam đạt 245,1 triệu USD, tăng 24,7%<sup>1</sup>.

**Về xuất khẩu:** quý 3/2021, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Phần Lan giảm mạnh so với quý trước đó do dịch Covid-19 trong nước bùng phát. Theo tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trong quý 3/2021 đạt 50,9 triệu USD, giảm 37,3% so với quý 2/2021. So với cùng kỳ năm 2020, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sang thị trường Phần Lan trong quý 3/2021 tăng trưởng khả quan khi xuất khẩu hầu hết các mặt hàng chủ lực tăng, trừ xuất khẩu giày dép các loại, hàng dệt may, nguyên phụ liệu dệt may, cà phê và sản phẩm gỗ giảm. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu hầu hết các mặt hàng chủ lực như: sản phẩm từ sắt thép; giày dép các loại; máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác; hàng dệt may và nguyên phụ liệu dệt may... giảm mạnh so với quý trước đó. Trong khi xuất khẩu máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; cao su; cà phê tăng.

Trong quý 4/2021, xuất khẩu hàng hóa sang thị trường Phần Lan tăng trưởng khả quan khi dịch Covid-19 trong nước cơ bản đã được kiểm soát. Các doanh nghiệp đang dần hồi phục sản xuất và nhu cầu nhập khẩu hàng hóa của Phần Lan cho dịp nghỉ lễ cuối năm ở mức cao.

Theo thống kê của Eurostat, thị phần hàng hóa Việt Nam trên tổng kim ngạch nhập khẩu từ thị trường ngoài khối của Phần Lan tăng từ 0,7% trong 7 tháng đầu năm 2020, lên 1,2% trong 7 tháng năm 2021, đạt 73,5 triệu Euro. Trong đó, thị phần mặt hàng sản phẩm từ sắt thép tăng từ 16,1% trong 7 tháng đầu năm 2020, lên 25,2% trong

---

<sup>1</sup> Bộ Công thương (2021), *Hiệp định EVFTA có hiệu lực, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Phần Lan tăng mạnh*, Thứ 2, 27/12/2021 <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/hiiep-dinh-evfta-co-hieu-luc-xuat-khau-hang-hoa-cua-viet-nam-sang-phan-lan-tang-manh.html>, tải ngày 15/7/2022.

7 tháng đầu năm 2021; thị phần giày dép các loại tăng từ 15,4% lên 19,1%; thị phần hàng may mặc tăng từ 1,7% lên 1,9%.<sup>2</sup>

**Bảng 1: Kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng chủ yếu của Việt Nam sang Phần Lan**

| Mặt hàng chủ yếu                           | Tháng 3/2022<br><i>Trị giá (USD)</i> | Lũy kế 3 tháng 2022<br><i>Trị giá (USD)</i> |
|--|--------------------------------------|---|
| <b>TỔNG</b>                                | 30.280.857                           | 79.250.645                                  |
| Cà phê                                     | 47.128                               | 1.007.139                                   |
| Sản phẩm từ chất dẻo                       | 753.693                              | 2.283.032                                   |
| Cao su                                     | 362.880                              | 1.161.920                                   |
| Gỗ và sản phẩm gỗ                          | 203.319                              | 712.749                                     |
| Hàng dệt, may                              | 315.053                              | 1.564.879                                   |
| Giày dép các loại                          | 688.007                              | 3.494.489                                   |
| Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày         | 1.372.955                            | 3.577.257                                   |
| Sản phẩm từ sắt thép                       | 18.221.340                           | 41.133.704                                  |
| Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện | 22.370                               | 637.287                                     |
| Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác   | 231.707                              | 694.016                                     |
| Phương tiện vận tải và phụ tùng            | 1.261,240                            | 3.939.575                                   |
| Sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ     | 1.460.751                            | 3.278.975                                   |
| Hàng hóa khác                              | 5.340.414                            | 15.765.622                                  |

*Nguồn: Tổng hợp số liệu từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan*

Sự phục hồi của kinh tế Phần Lan và ưu đãi về thuế quan theo cam kết của Hiệp định EVFTA sẽ tiếp tục là yếu tố hỗ trợ xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam trong thời gian tới. Mặc dù đã tăng lên, nhưng thị phần hàng Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Phần Lan vẫn ở mức rất thấp. Do đó, lộ trình giảm thuế theo cam kết trong Hiệp định EVFTA là cơ hội để các doanh nghiệp Việt Nam khai thác tốt hơn nữa cơ hội tại thị trường này. Đặc biệt là cơ hội với các ngành hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam như giày dép các loại, hàng dệt may, sản phẩm từ chất dẻo... Hiện nay, ngành công nghiệp dệt may của Phần Lan tương đối hạn chế do hầu hết quá trình sản xuất đã được chuyển đến các nước có chi phí thấp ở Đông Âu và Châu Á. Do đó, Phần Lan chủ yếu nhập khẩu quần áo cho tiêu dùng.

<sup>2</sup> Bộ Công thương (2021), Hiệp định EVFTA có hiệu lực, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Phần Lan tăng mạnh, Thứ 2, 27/12/2021 <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/hiiep-dinh-evfta-co-hieu-luc-xuat-khau-hang-hoa-cua-viet-nam-sang-phan-lan-tang-manh.html>, tải ngày 15/7/2022.



**Về nhập khẩu:** Đợt dịch Covid-19 lần thứ 4 trong nước không có tác động nhiều đến hoạt động nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam. Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ thị trường Phần Lan trong quý 3/2021 đạt 90,4 triệu USD, tăng 39,4% so với quý 2/2021 và tăng 69,1% so với quý 3/2020. So với quý 2/2021, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa từ Phần Lan chủ yếu do nhập khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng; sản phẩm hóa chất và hàng hóa khác tăng, trong khi nhập khẩu giấy các loại, gỗ và sản phẩm gỗ; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; sắt thép các loại giảm. Tính chung 9 tháng năm 2021, nhập khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; sắt thép các loại giảm, trong khi nhập khẩu các mặt hàng khác tăng.

Kim ngạch nhập khẩu từ Phần Lan của Việt Nam trong 11 tháng năm 2021 đạt 231,4 triệu USD, tăng 26,3% so với cùng kỳ năm 2021. Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa từ Phần Lan trong quý 3/2021 đạt 90,4 triệu USD, tăng 39,4% so với quý 2/2021 và tăng 69,1% so với quý 3/2020.

### **Về đầu tư**

Năm 2018, đầu tư của Phần Lan vào Việt Nam vẫn còn thấp với 20 dự án có tổng vốn đầu tư khoảng 22,6 triệu USD, xếp thứ 69/129 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư trực tiếp tại Việt Nam.

Từ năm 2019, tài trợ của Phần Lan dành cho Việt Nam chủ yếu dưới hình thức tín dụng ưu đãi. Đầu năm nay, hai bên đã ký Thỏa thuận khung về việc triển khai Công cụ hỗ trợ đầu tư công (PIF) của Phần Lan tại Việt Nam<sup>3</sup>. Chính phủ Phần Lan cấp vốn vay cho các dự án tại Việt Nam trong các lĩnh vực như môi trường, năng lượng sạch, đô thị thông minh, xã hội (y tế, đào tạo), khoa học công nghệ....

Ngày 22/1/2021, Hiệp định khung về triển khai công cụ hỗ trợ đầu tư công của Phần Lan tại Việt Nam có hiệu lực, theo đó Chính phủ Phần Lan sẽ hỗ trợ lên tới 100 triệu euro cho các doanh nghiệp Phần Lan có hợp tác với Việt Nam ở các lĩnh vực mà Phần Lan có thế mạnh. Mục đích của nguồn vốn hỗ trợ đầu tư công Phần Lan (PIF) là cung cấp hỗ trợ tài chính đối với các dự án đầu tư công của các nước đang phát triển phù hợp với Mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc đồng thời áp dụng công nghệ tiên tiến của Phần Lan như công nghệ môi trường (xử lý rác thải thành điện, năng

<sup>3</sup> Đặng Linh (2021), Dấu mốc mới trong quan hệ Việt Nam - Phần Lan, <https://quochoi.vn/UserControls/Publishing/News/BinhLuan/pFormPrint.aspx?UrlListProcess=/content/tintuc/Lists/News&ItemID=58651>, tải ngày 1/7/2022.

lượng sạch...), đô thị thông minh, các giải pháp chuyển đổi số, y tế, đào tạo, công nghệ mới....

Tính đến tháng 6/2021, Phần Lan có 29 dự án có hiệu lực với số vốn đăng ký 23,632 triệu USD, đứng thứ 70/140 nước và vùng lãnh thổ đầu tư trực tiếp vào Việt Nam<sup>4</sup>. Trong đó có hai tỉnh là Hà Nội và Đồng Nai được các doanh nghiệp Phần Lan chú ý đầu tư. Hà Nội hiện có 4 dự án FDI với Phần Lan trị giá 570.000 USD với kim ngạch hàng hóa thành phố, xuất khẩu sang Phần Lan tương đương 5,6 triệu USD và nhập khẩu 2,8 triệu USD. Thế mạnh của các doanh nghiệp Phần Lan rất phù hợp với trọng tâm phát triển chung trong kế hoạch 5 năm của Thủ đô, bao gồm đổi mới mô hình tăng trưởng, tăng cường phát triển công nghệ, chỉnh trang đô thị, giải quyết các vấn đề của siêu đô thị. Đồng Nai hiện thu hút 1.533 dự án FDI đến từ 45 quốc gia, vùng lãnh thổ với tổng vốn đăng ký còn hiệu lực khoảng 31,8 tỷ USD. Trong đó, doanh nghiệp Phần Lan có 3 dự án với tổng vốn đầu tư 3,5 triệu USD, trong đó gồm dự án của Công ty TNHH UPM Việt Nam ở Khu công nghiệp Biên Hòa 2 (Thành phố Biên Hòa) và dự án Công ty TNHH Kemira Việt Nam tại Khu công nghiệp Long Thành (Huyện Long Thành).

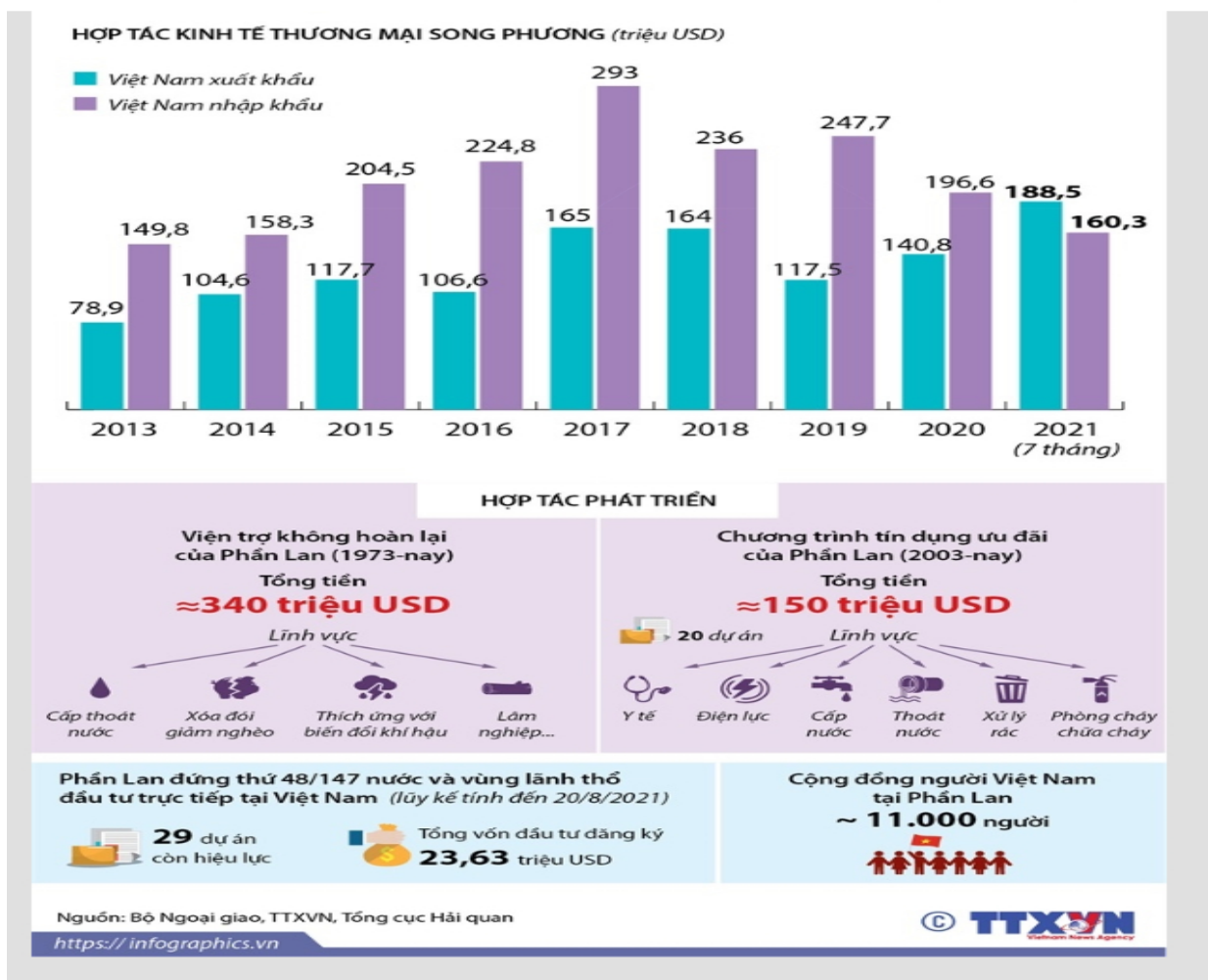
### ***Về hợp tác phát triển***

Phần Lan liên tục dành viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao với tổng số tiền viện trợ khoảng 340 triệu USD, tập trung vào lĩnh vực cấp thoát nước, xóa đói giảm nghèo, thích ứng với biến đổi khí hậu, lâm nghiệp... Theo chính sách phát triển của Phần Lan, trong những năm gần đây và do Việt Nam đã trở thành nước có thu nhập trung bình, Phần Lan sẽ không cung cấp thêm viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam nói riêng và các nước khác trên toàn thế giới nói chung, chỉ tiếp tục cung cấp viện trợ để hoàn thành hết các chương trình đang thực hiện.

---

<sup>4</sup> Song Minh (2021) Mở ra kỷ nguyên hợp tác mới sau chuyến thăm Phần Lan của Chủ tịch Quốc hội, <https://www.moitruongvadothi.vn/mo-ra-ky-nguyen-hop-tac-moi-sau-chuyen-tham-phan-lan-cua-chu-tich-quoc-hoi-a88418.html>, tải ngày 20/7/2022.

**Hình 1: Hợp tác kinh tế thương mại song phương, hợp tác phát triển Việt Nam- Phần Lan**



## 2. Ưu đãi của Phần Lan dành cho hàng hóa Việt Nam

Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) được ký kết ngày 30/06/2019 và chính thức có hiệu lực từ ngày 01/08/2020, theo đó, các nước thành viên EU, trong đó có Phần Lan, dành những ưu đãi thuế quan quan trọng cho hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam.

Ngoài ra, từ nhiều năm nay, EU, trong đó có Phần Lan duy trì cơ chế Ưu đãi Thuế quan phổ cập (GSP - Generalized System of Preferences) dành cho các nước đang và kém phát triển, trong đó có Việt Nam. Trong khoảng thời gian từ 01/08/2020 đến 31/07/2022 (trong vòng 2 năm kể từ khi EVFTA có hiệu lực), Doanh nghiệp được hưởng song song hai chế độ ưu đãi thuế quan theo EVFTA và GSP và được quyền chọn ưu đãi nào phù hợp hơn. Trường hợp chọn ưu đãi GSP thì sản phẩm phải đáp ứng quy tắc và thủ tục chứng nhận xuất xứ của GSP; trường hợp chọn ưu đãi thuế

quan theo EVFTA thì sản phẩm phải đáp ứng quy tắc và thủ tục chứng nhận xuất xứ EVFTA. Từ 01/08/2022, cơ chế ưu đãi thuế quan GSP tự động chấm dứt, doanh nghiệp áp dụng cơ chế ưu đãi thuế quan theo EVFTA. Tuy nhiên, EVFTA cho phép trong trường hợp thuế EVFTA cao hơn thuế GSP thì vẫn được hưởng thuế GSP. Dù chọn mức thuế ưu đãi nào, sản phẩm phải đáp ứng quy tắc và thủ tục chứng nhận xuất xứ EVFTA<sup>5</sup>.

#### *Xóa bỏ hàng rào thuế xuất nhập khẩu*

Đối với hàng hóa Việt Nam xuất khẩu sang EU trong đó có Phần Lan: Khoảng 85,6% dòng thuế nhập khẩu sẽ được xóa bỏ ngay sau khi hiệp định EVFTA có hiệu lực (tương ứng 70,3% kim ngạch xuất khẩu). Sau 07 năm hiệp định EVFTA được đưa vào thực thi, phía EU sẽ xóa bỏ 99,2% dòng thuế nhập khẩu (tương ứng 99,7% kim ngạch xuất khẩu). Phía EU cũng cam kết trong 0,3% kim ngạch xuất khẩu còn lại, sẽ dành hạn ngạch thuế quan với thuế nhập khẩu trong hạn ngạch là 0% cho Việt Nam.

Đây là mức cam kết cao nhất trong các FTA mà Việt Nam từng đạt được với đối tác. Gần như 100% kim ngạch xuất khẩu hàng hóa Việt Nam sang EU sẽ được xóa bỏ hoàn toàn thuế quan chỉ sau lộ trình 07 năm. Điều này đặc biệt có ý nghĩa với sự phát triển của các ngành xuất nhập khẩu Việt Nam, bởi vì EU vốn là thị trường xuất khẩu lớn thứ hai của nước ta.

Đối với hàng hóa EU (trong đó có Phần Lan) nhập khẩu vào Việt Nam: Khoảng 48,5% dòng thuế nhập khẩu sẽ được Việt Nam cam kết xóa bỏ ngay khi hiệp định EVFTA có hiệu lực (tương ứng 64,5% kim ngạch nhập khẩu). Bảy năm tiếp đó, mức xóa bỏ thuế quan của Việt Nam sẽ nâng lên thành 91,8% (tương ứng 97,1% kim ngạch nhập khẩu). Và sau 10 năm, 98,3% số dòng thuế nhập khẩu từ EU sang Việt Nam sẽ được xóa bỏ hoàn toàn (tương ứng 99,8% kim ngạch nhập khẩu). Với 1,7% số dòng thuế còn lại với hàng nhập khẩu từ EU, nước ta sẽ áp dụng lộ trình xóa thuế quan hơn 10 năm hoặc tuân thủ theo cam kết WTO để tính hạn ngạch thuế.

### **3. Những thuận lợi, khó khăn về quan hệ kinh tế giữa Việt Nam - Phần Lan**

#### ***Thuận lợi***

Việt Nam và Phần Lan là hai quốc gia có nhiều nét tương đồng, sau khi thoát khỏi chiến tranh đều là nước nghèo. Tài nguyên của Phần Lan chủ yếu là nước và rừng. Phần Lan thoát khỏi khó khăn và vươn lên trở thành nước phát triển nhờ tập

<sup>5</sup> <https://trade.ec.europa.eu/access-to-markets/en/home>

trung nghiên cứu về công nghệ cao để ứng dụng vào các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Kể từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao năm 1973 đến nay, quan hệ hữu nghị truyền thống và hợp tác nhiều mặt giữa Việt Nam và Phần Lan được duy trì và phát triển tốt đẹp. Hai nước trải qua giai đoạn chuyển đổi nhanh chóng từ hợp tác phát triển sang quan hệ đối tác bình đẳng dựa trên thương mại, đầu tư và giao lưu nhân dân ngày càng sâu rộng.

Tận dụng Hiệp định EVFTA, các công ty Phần Lan sẽ không chỉ tiếp cận thị trường Việt Nam tốt hơn mà còn có thể tiếp cận với thị trường lớn hơn là ASEAN, cũng như đẩy mạnh hợp tác thương mại với các nước thành viên ASEAN. Về phía Việt Nam, Hiệp định EVFTA sẽ giúp nâng cao hình ảnh của Việt Nam tại thị trường châu Âu và quốc tế vì trong thương mại, yếu tố hình ảnh và thương hiệu đóng vai trò vô cùng quan trọng. Với EVFTA và EVIPA, quan hệ thương mại đã trở thành trụ cột trong phát triển quan hệ giữa hai bên. Việc triển khai hai hiệp định này sẽ mở rộng thị trường cho các ngành xuất khẩu chủ lực của Việt Nam (dệt may, giày dép, hàng nông sản...), cũng là cơ hội tiếp cận với các thiết bị, công nghệ, kỹ thuật cao của EU nói chung và Phần Lan nói riêng. Việt Nam hiện đã trở thành nền kinh tế lớn thứ 3 của ASEAN, với quy mô GDP gần 360 tỷ USD. Việt Nam có gần 100 triệu dân với đa số dân số trẻ, đang trong thời kỳ dân số vàng, tạo ra thời cơ lớn cho Việt Nam để cơ cấu lại nền kinh tế, ứng dụng chuyển đổi số, chuyển đổi mô hình tăng trưởng nhanh, bền vững và bao trùm... Việt Nam đã ký kết 17 hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương, trong đó có những hiệp định thế hệ mới, có thị trường rộng lớn và tiềm năng phát triển rất lớn...

Nhờ khung khổ pháp lý thuận lợi của EVFTA, với nỗ lực của Chính phủ và doanh nghiệp hai nước, thương mại và đầu tư song phương sẽ tiếp tục được phát triển mạnh mẽ. Việt Nam mong muốn xuất khẩu sang Phần Lan những mặt hàng là thế mạnh của mình và thị trường Phần Lan có nhu cầu như sắt thép, giày dép, máy móc thiết bị, hàng dệt may... Trong khi đó, Việt Nam cũng mong muốn nhập khẩu từ Phần Lan các loại máy móc thiết bị, gỗ, sản phẩm hóa chất, đồ điện tử, dịch vụ tiên tiến trong các lĩnh vực năng lượng, y tế, giáo dục...

Đối với Phần Lan, Việt Nam là một cửa ngõ để phát triển quan hệ trong khu vực Đông Nam Á. Hai bên chia sẻ quan điểm trong nhiều vấn đề quốc tế. Phần Lan ủng hộ chính sách đối ngoại của Việt Nam, góp phần vì hòa bình và ổn định, hỗ trợ thương

mại tự do trong khu vực. Bên cạnh đó, vai trò của Việt Nam trong ASEAN, Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc hiện nay cũng rất quan trọng đối với Phần Lan. Kinh tế - thương mại - đầu tư là những lĩnh vực ưu tiên hàng đầu của Phần Lan trong quan hệ với Việt Nam. Kim ngạch xuất nhập khẩu hai nước liên tục tăng: Năm 2020 đạt 337.4 triệu USD; đến hết tháng 7/2021 đạt 348.8 triệu USD.

Khi EVFTA có hiệu lực, sẽ giúp nông sản Việt Nam có nhiều cơ hội mở rộng xuất khẩu với các mặt hàng chiến lược và có lợi thế nhờ các cam kết cắt giảm thuế quan. Các mặt hàng chủ lực khác của Việt Nam như cà phê, hạt tiêu, hạt điều đều có thuế suất 0% ngay khi Hiệp định có hiệu lực. Đối với sản phẩm chăn nuôi, thuế bằng 0% ngay khi Hiệp định có hiệu lực với động vật sống, thịt lợn, thịt trâu bò đông lạnh và lộ trình sau 5-7 năm đối với thịt gia cầm và thịt gia súc qua chế biến. Xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực đối với 17 dòng thuế rau quả và chế phẩm rau quả (trung bình 5,94%); xóa bỏ tất cả các dòng thuế thuộc nhóm sản phẩm này trong vòng từ 6-8 năm; không duy trì bất kỳ biện pháp hạn ngạch nào với nhóm sản phẩm này.

### ***Khó khăn***

Tuy nhiên, nhìn chung, quan hệ hợp tác trên lĩnh vực kinh tế giữa Việt Nam và Phần Lan vẫn còn khá khiêm tốn, chưa tương xứng với tiềm năng của hai nước. Thương mại giữa hai nước vẫn còn dư địa rất lớn, khi xuất khẩu của cả Phần Lan và Việt Nam chỉ chiếm một phần rất nhỏ trong tổng kim ngạch xuất khẩu của mỗi nước.

Sự khắt khe của thị trường EU nói chung và Phần Lan nói riêng với nhiều tiêu chuẩn mới, đòi hỏi cao hơn về kỹ thuật, môi trường, vệ sinh an toàn, bảo vệ quyền người lao động,... cùng với chính sách bảo hộ nông nghiệp...

Sức ép cạnh tranh trên thị trường nội địa, những quy định liên quan vệ sinh an toàn thực phẩm, môi trường, lao động và quy trình công nghệ sản xuất, chế biến,...

Cạnh tranh với hàng nhập khẩu từ Việt Nam được hưởng ưu đãi về thuế, nên Phần Lan sẽ rất chú trọng tới các quy định về hàng rào kỹ thuật trong thương mại.

Hiệp định EVFTA hướng tới mức độ xóa bỏ thuế nhập khẩu lên tới 99,2% số dòng thuế. Tuy nhiên, để được hưởng mức ưu đãi này, hàng xuất khẩu sang EU, trong đó có Phần Lan cần thỏa mãn quy tắc xuất xứ, đây có thể là một cản trở đối với hàng xuất khẩu Việt Nam bởi nguồn nguyên liệu cho các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam hiện nay chủ yếu được nhập khẩu từ Trung Quốc và ASEAN. Nếu không đảm bảo

được quy tắc xuất xứ, hàng xuất khẩu của Việt Nam sang EU chỉ được hưởng mức thuế đãi ngộ tối huệ quốc (MFN) chứ không phải là mức thuế suất 0% như trong EVFTA.

EVFTA có ưu đãi với những quy định SPS (Hiệp định áp dụng biện pháp kiểm định động thực vật) linh hoạt nhưng đa số ngành hàng nông sản của nước ta như chè, rau quả... vẫn nhỏ lẻ, tự phát, trong khi ở một số nơi, nông dân chưa được hướng dẫn về sản xuất sạch, an toàn, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, tiêu chuẩn chất lượng, xây dựng chuỗi giá trị toàn cầu cho nông sản.

Tuy hàng rào thuế quan được dỡ bỏ, ngành công nghiệp vật liệu của Việt Nam sẽ phải đối mặt với những thách thức khác nếu muốn có được thị phần tại thị trường quốc tế, bao gồm các hàng rào phi thuế quan như hàng rào kỹ thuật, các biện pháp phòng vệ thương mại như chống bán phá giá, tự vệ... Đặc biệt, các thị trường trong khối FTA thế hệ mới của Việt Nam như Canada, Mexico và các nước EU trong đó có Phần Lan... đều là các thị trường khó tính, có đòi hỏi cao về tiêu chuẩn chất lượng và có truyền thống sử dụng các biện pháp phi thuế quan và phòng vệ thương mại để bảo vệ thị trường trong nước. Do đó, doanh nghiệp cần chủ động nâng cao năng lực sử dụng và ứng phó với các biện pháp phòng vệ thương mại, đồng thời trang bị kiến thức liên quan.

Doanh nghiệp Việt Nam sẽ gặp áp lực cạnh tranh đối với hàng hóa trong nước do hàng hóa chất lượng cao từ Âu được mở rộng vào thị trường Việt Nam. Hàng hóa của EU sẽ giảm giá mạnh do không phải chịu thuế nhập khẩu, dẫn đến những cạnh tranh về giá sản phẩm ngay trên thị trường nước nhà. Về chất lượng sản phẩm, sản phẩm của EU tuân thủ những nguyên tắc xuất khẩu khắt khe và hơn nữa, nên chất lượng sẽ đảm bảo tới tay người tiêu dùng nội địa.

#### **4. Triển vọng phát triển quan hệ kinh tế giữa Việt Nam - Phần Lan**

Năm 2020, nhập khẩu hàng may mặc của Phần Lan đạt 1,26 tỷ Euro, trong đó nhập khẩu từ thị trường nội khối đạt 922,7 triệu USD và nhập khẩu từ thị trường ngoại khối đạt 337,86 triệu Euro. Trong ngắn hạn, mặt hàng may mặc của Việt Nam chưa được hưởng ưu đãi thuế quan khi xuất khẩu vào Phần Lan. Tuy nhiên, với lộ trình giảm thuế theo cam kết của Hiệp định EVFTA, về dài hạn, mặt hàng may mặc của Việt Nam sẽ tăng khả năng cạnh tranh tại thị trường này. Với mặt hàng giày dép, theo Statista, doanh thu trên thị trường giày dép Phần Lan năm 2021 đạt 866 triệu USD và

sẽ tăng trưởng bình quân 5,42%/năm trong giai đoạn 2021-2025. Trung bình mỗi người tiêu dùng Phần Lan mua 2,25 đôi giày dép trong năm 2021 và 90% doanh thu là mặt hàng không xa xỉ. Năm 2022, thị trường giày dép Phần Lan dự kiến sẽ tăng trưởng về sản lượng là 7,2%<sup>6</sup>. Với khả năng cạnh tranh sẵn có, xuất khẩu mặt hàng giày dép của Việt Nam sẽ tiếp tục tăng trong thời gian tới.

Việt Nam cam kết sẽ nỗ lực tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp hai nước có thể kết nối giao thương và thúc đẩy đầu tư từ Phần Lan vào Việt Nam. Nhiều doanh nghiệp Phần Lan chia sẻ, họ mong muốn doanh nghiệp tư nhân Việt Nam sẽ phát triển mạnh hơn nữa và mong tìm được đối tác kinh doanh tin cậy tại Việt Nam. Việc kim ngạch thương mại song phương có tăng trưởng trong thời gian tới hay không hoàn toàn phụ thuộc vào doanh nghiệp hai nước, đặc biệt là khối doanh nghiệp tư nhân.

EVFTA có hiệu lực từ ngày 1/8/2020, đã đem lại nhiều thuận lợi cho Việt Nam trong thu hút dòng vốn nước ngoài chất lượng cao vào một số lĩnh vực, đồng thời giúp doanh nghiệp tăng khả năng cạnh tranh trong mở rộng thị trường xuất khẩu vào các nước thuộc Liên minh châu Âu, vì nhiều dòng thuế suất đã, đang giảm dần về 0%. Riêng Việt Nam và Phần Lan khai thác khá tốt những cơ hội từ EVFTA đem lại và đã thúc đẩy giao thương giữa 2 nước tăng gần 60%. Trong những năm tới, giao thương giữa hai quốc gia sẽ tiếp tục gia tăng và ngày càng có nhiều doanh nghiệp Phần Lan đến Việt Nam tìm cơ hội để hợp tác đầu tư.

Phần Lan là đất nước có chỉ số sáng tạo đứng hàng đầu châu Âu với các công nghệ mới, phù hợp với xu thế phát triển của kinh tế thế giới. Việt Nam có nguồn nhân lực trẻ, có khả năng chế tác chế tạo, có mạng lưới các Hiệp định Thương mại tự do (FTA) phủ rộng khắp toàn cầu, có mối quan hệ đối ngoại hòa bình với tất cả các nước trên thế giới. Những yếu tố này sẽ giúp hàng hóa sản xuất ở Việt Nam bằng công nghệ Phần Lan có thể đến khắp nơi trên thế giới. Phần Lan đã thông qua kế hoạch hỗ trợ các khoản vay ưu đãi cho dự án đầu tư vào Việt Nam hơn bất kỳ quốc gia nào. Đây là ưu tiên rất lớn của Phần Lan. Hy vọng, các doanh nghiệp Phần Lan tham gia đầu tư tại Việt Nam có thể tận dụng nguồn vốn này để đem lại những lợi ích cho cả hai bên. Năm 1993 Việt Nam là quốc gia nghèo đói với tỷ lệ nghèo lên đến 58% thì đến nay đã giảm xuống chỉ còn 2,5% hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều. Hiện nay, Quốc hội Việt Nam cũng đã ban hành nhiều luật, nghị quyết tạo khung khổ pháp lý cho việc thực hiện các Mục tiêu phát triển bền vững theo Chương trình nghị sự 2030 về phát

<sup>6</sup> <https://www.statista.com/outlook/dmo/ecommerce/fashion/footwear/finland>, tải ngày 29/7/2022.



triển bền vững của Liên Hợp Quốc. Mục tiêu của Việt Nam trong 5 năm tới là đạt mức tăng trưởng bình quân từ 6,5 - 7%, đến năm 2030 trở thành nước có thu nhập trung bình cao, đến năm 2045 trở thành nước phát triển có thu nhập cao.

Phần Lan là quốc gia có nền kinh tế phát triển dựa trên nền tảng công nghệ cao, có hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo hoàn thiện bậc nhất trên thế giới, có phong trào khởi nghiệp rất mạnh mẽ, đồng thời là quốc gia phát triển nhanh và bền vững, không chỉ có thu nhập bình quân đầu người thuộc nhóm cao nhất thế giới mà còn đứng đầu về chỉ số hạnh phúc, chỉ số phát triển con người... Việt Nam cũng đang phát triển theo hướng này. Việt Nam hết sức coi trọng phát triển nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, tăng cường tái chế, tái sử dụng, sử dụng các công nghệ ít cacbon, cắt giảm khí nhà kính và đẩy mạnh khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, bảo đảm an sinh xã hội, phúc lợi xã hội cho người dân... Đây là những lĩnh vực hợp tác rất tiềm năng của mà doanh nghiệp Phần Lan có thể đẩy mạnh đầu tư vào Việt Nam.<sup>7</sup>

#### Tài liệu tham khảo

1. An Bình (2021), *Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ dự toạ đàm doanh nghiệp Việt Nam - Phần Lan*, Bộ Công thương.
2. Bộ Công Thương (2021), *Hiệp định EVFTA có hiệu lực, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Phần Lan tăng mạnh*, Thứ 2, 27/12/2021 <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/hiep-dinh-evfta-co-hieu-luc-xuat-khau-hang-hoa-cua-viet-nam-sang-phan-lan-tang-manh.html>, tải ngày 15/7/2022.
3. Đặng Linh (2021), *Dấu mốc mới trong quan hệ Việt Nam - Phần Lan*, <https://quochoi.vn/UserControls/Publishing/News/BinhLuan/pFormPrint.aspx?UrlListProcess=/content/tintuc/Lists/News&ItemID=58651>, tải ngày 1/7/2022.
4. Song Minh (2021) *Mở ra kỷ nguyên hợp tác mới sau chuyến thăm Phần Lan của Chủ tịch Quốc hội*, <https://www.moitruongvadothi.vn/mo-ra-ky-nguyen-hop-tac-moi-sau-chuyen-tham-phan-lan-cua-chu-tich-quoc-hoi-a88418.html>.
5. <https://trade.ec.europa.eu/access-to-markets/en/hhom>.
6. <https://www.statista.com/outlook/dmo/ecommerce/fashion/footwear/finland>, tải ngày 29/7/2022.
7. Số liệu của Tổng cục Hải quan năm 2020, 2021, 2022.

<sup>7</sup> An Bình (2021), *Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ dự toạ đàm doanh nghiệp Việt Nam - Phần Lan*, Bộ Công thương, <https://moit.gov.vn/tin-tuc/hoat-dong/chu-tich-quoc-hoi-vuong-dinh-hue-du-toa-dam-doanh-ngiep-viet-nam-phan-lan.html>, tải ngày 27/7/2022.

## QUAN HỆ THƯƠNG MẠI - ĐẦU TƯ GIỮA VIỆT NAM VÀ THỤY ĐIỂN TRONG BỐI CẢNH THỰC HIỆN EVFTA

*ThS.Hồ Thị Thu Huyền*  
Viện Nghiên cứu Châu Âu

**Tóm tắt:** Trong nhiều năm qua, quan hệ thương mại Việt Nam - Thụy Điển phát triển tương đối ổn định cả về tốc độ tăng trưởng lẫn chủng loại hàng hóa. Với việc Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA) được ký kết vào ngày 30/6/2019, và có hiệu lực từ ngày 1/8/2020, cơ hội mở ra cho các doanh nghiệp Việt Nam và Thụy Điển hiện nay trong thương mại - đầu tư là rất lớn.

### 1. Cam kết của Việt Nam và Thụy Điển về nhập khẩu hàng hóa trong EVFTA

Thụy Điển là một thành viên của liên minh châu Âu, do đó, các cam kết giữa Việt Nam với EU cũng sẽ áp dụng đối với Thụy Điển. Tuy nhiên, trong một số ít trường hợp, Việt Nam và một số nước thành viên ký thỏa thuận riêng, phù hợp với quy định và mục tiêu riêng của từng nước.

Theo đó, trong EVFTA, EU (trong đó có Thụy Điển) cam kết sẽ loại bỏ thuế nhập khẩu cho phần lớn hàng hóa Việt Nam ngay sau khi Hiệp định có hiệu lực (01/08/2020), số còn lại sẽ loại bỏ thuế quan theo lộ trình hoặc áp dụng hạn ngạch thuế quan.

Cụ thể, EU cam kết sẽ xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với khoảng 85,6% số dòng thuế, tương đương 70,3% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU. Sau 7 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, EU sẽ xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với 99,2% số dòng thuế, tương đương 99,7% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam. Đối với khoảng 0,3% kim ngạch xuất khẩu còn lại, EU cam kết dành cho Việt Nam hạn ngạch thuế quan với thuế nhập khẩu trong hạn ngạch là 0%.

Như vậy, có thể nói gần 100% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu sau một lộ trình ngắn. Cho đến nay, đây là mức cam kết cao nhất mà một đối tác dành cho ta trong các hiệp định FTA đã được ký kết.

Trong khi đó, với hàng xuất khẩu của EU, Việt Nam cam kết xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực với 48,5% số dòng thuế (chiếm 64,5% kim ngạch nhập

khẩu). Tiếp đó, sau 7 năm, 91,8% số dòng thuế tương đương 97,1% kim ngạch xuất khẩu từ EU được Việt Nam xóa bỏ thuế nhập khẩu. Sau 10 năm, mức xóa bỏ thuế quan là khoảng 98,3% số dòng thuế (chiếm 99,8% kim ngạch nhập khẩu). Đối với khoảng 1,7% số dòng thuế còn lại của EU, ta áp dụng lộ trình xóa bỏ thuế nhập khẩu dài hơn 10 năm hoặc áp dụng hạn ngạch thuế quan theo cam kết WTO<sup>1</sup>.

Về Thương mại dịch vụ và đầu tư, cam kết của Việt Nam và EU về thương mại dịch vụ đầu tư nhằm tạo ra một môi trường đầu tư cởi mở, thuận lợi cho hoạt động của các doanh nghiệp hai bên. Cam kết của Việt Nam có đi xa hơn cam kết trong WTO. Cam kết của EU cao hơn trong cam kết trong WTO và tương đương với mức cam kết cao nhất của EU trong những Hiệp định FTA gần đây của EU.

Về chỉ dẫn địa lý, Việt Nam cam kết bảo hộ trên 160 chỉ dẫn địa lý của EU (bao gồm 28 thành viên) và EU sẽ bảo hộ 39 chỉ dẫn địa lý của Việt Nam. Các chỉ dẫn địa lý của Việt Nam đều liên quan tới nông sản, thực phẩm, tạo điều kiện cho một số chủng loại nông sản của Việt Nam xây dựng và khẳng định thương hiệu của mình tại thị trường EU.

Riêng với Thủy Điện, có một số quy định riêng về nhập khẩu hàng hóa mà Việt Nam cần phải tuân thủ. Theo đó, vũ khí, chất gây nổ, chất độc hại hạn chế nhập khẩu và chỉ được phép nhập khẩu bởi các tổ chức và cá nhân có thẩm quyền. Ngoài ra, một số mặt hàng cần phải xin giấy phép nhập khẩu của Thủy Điện, bao gồm: hải sản, động vật sống, trái cây và rau quả, dược phẩm, sắt, thép, nhôm vũ khí, đạn dược...

Việt Nam và Thủy Điện cam kết tăng cường chia sẻ kinh nghiệm trong các lĩnh vực mà Thủy Điện có thế mạnh và Việt Nam có nhu cầu như đổi mới sáng tạo, khoa học công nghệ, năng lượng, ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh, thực hiện các cam kết tại COP 26, nhằm tận dụng những lợi thế mà Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam-Liên minh châu Âu (EVFTA) mang lại để tạo chuyển biến mạnh mẽ trong hợp tác thương mại-đầu tư giữa hai nước.

## **2. Quan hệ thương mại - đầu tư Việt Nam - Thủy Điện sau khi kí hiệp định EVFTA**

### **2.1. Về thương mại**

Trong những năm qua, Việt Nam và Thủy Điện đã đạt được nhiều thành tựu trong quan hệ thương mại và đầu tư. Sau khi Hiệp định EVFTA được kí kết, hợp tác

---

<sup>1</sup> Phạm Tuyên (2021), “Hiệp định EVFTA và IPA: Việt Nam và EU cam kết những gì?”, <https://moit.gov.vn/tin-tuc/70-nam-nganh-cong-thuong/hiiep-dinh-evfta-va-ipa-viet-nam-va-eu-cam-ket-nhung-gi-?>

giữa Việt Nam và Thụy Điển càng có thêm cơ hội mở rộng. Điều này được minh chứng thông qua việc trong suốt 2 năm dịch bệnh, kim ngạch thương mại song phương Việt Nam - Thụy Điển vẫn liên tục tăng trưởng.

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam, năm 2021, kim ngạch hai chiều đạt khoảng 1,52 tỷ USD, tăng 2,8% so với năm 2020, trong đó xuất khẩu của Việt Nam sang Thụy Điển đạt 1,2 tỷ USD, tăng 6%; kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ Thụy Điển đạt 321, 59 triệu USD, giảm 9% so với năm 2020<sup>2</sup>. Riêng trong 3 tháng đầu năm 2022, kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam - Thụy Điển đạt trên 397 triệu USD. Trong đó, Việt Nam xuất khẩu sang Thụy Điển đạt trên 302 triệu USD và nhập khẩu đạt 95 triệu USD từ thị trường này<sup>3</sup>.

Các mặt hàng chủ lực của Việt Nam xuất khẩu sang Thụy Điển bao gồm: điện thoại và các loại linh kiện, hàng dệt may, máy móc, thiết bị dụng cụ phụ tùng khác, giày dép, túi xách, đồ gỗ, thủ công mỹ nghệ, thủy sản. Mặt hàng Việt Nam nhập khẩu chủ yếu từ Thụy Điển bao gồm: thiết bị viễn thông, máy móc các loại và dược phẩm.

Quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Thụy Điển có tính bổ trợ lẫn nhau, không cạnh tranh trực tiếp, nhất là với các sản phẩm nông nghiệp nhiệt đới và nông sản chế biến mà thị trường EU nói chung và Thụy Điển nói riêng có nhu cầu cao.

**Bảng 1: Xuất khẩu của Việt Nam sang Thụy Điển trong năm 2020-2021**

| Mặt hàng                                   | Năm 2020                    | Năm 2021                    | Tăng/giảm (%)   |
|--|-----------------------------|-----------------------------|-----------------|
| <b><i>Kim ngạch xuất khẩu (USD)</i></b>    | <b><i>1.126.706.101</i></b> | <b><i>1.199.619.272</i></b> | <b><i>6</i></b> |
| Điện thoại các loại và linh kiện           | 589.290.418                 | 597.026.939                 | 1               |
| Hàng dệt, may                              | 63.317.556                  | 83.351.736                  | 32              |
| Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác   | 54.393.269                  | 77.181.181                  | 42              |
| Giày dép các loại                          | 72.097.540                  | 73.611.532                  | 2               |
| Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện | 79.348.827                  | 69.042.195                  | -13             |
| Sản phẩm từ sắt thép                       | 43.321.856                  | 39.459.920                  | -9              |
| Gỗ và sản phẩm gỗ                          | 25.616.166                  | 30.582.323                  | 19              |
| Túi xách, ví, vali, mũ, ô, dù              | 26.639.130                  | 25.711.517                  | -3              |

<sup>2</sup> Thương vụ Việt Nam tại Thụy Điển (2022), “*Những điều cần biết về thị trường Thụy Điển*”

<sup>3</sup> Hà Duyên (2022), “*Việt Nam - Thụy Điển: Hợp tác giảm phát thải carbon, phát triển bền vững*”, <https://congthuong.vn/viet-nam-thuy-dien-hop-tac-giam-phat-thai-carbon-phat-trien-ben-vung-179372.html>

| Mặt hàng                             | Năm 2020    | Năm 2021    | Tăng/giảm (%) |
|--------------------------------------|-------------|-------------|---------------|
| Sản phẩm từ chất dẻo                 | 17.171.728  | 21.402.004  | 25            |
| Hàng thủy sản                        | 14.241.318  | 18.790.819  | 32            |
| Sản phẩm mây, tre, cói và thảm       | 11.309.920  | 14.489.361  | 28            |
| Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày   | 6.220.162   | 10.079.088  | 62            |
| Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận | 7.745.422   | 8.299.194   | 7             |
| Sản phẩm gốm, sứ                     | 2.565.495   | 3.811.703   | 49            |
| Kim loại thường khác và sản phẩm     | 1.417.173   | 1.910.813   | 35            |
| Cao su                               | 1.008.630   | 642.575     | -36           |
| Hàng hóa khác                        | 111.001.491 | 124.226.372 | 12            |

**Bảng 2: Nhập khẩu của Việt Nam từ Thụy Điển năm 2021**

| Mặt hàng                                   | Năm 2020           | Năm 2021           | Tăng/giảm (%) |
|--|--------------------|--------------------|---------------|
| <b>Kim ngạch nhập khẩu (USD)</b>           | <b>352.431.390</b> | <b>321.587.951</b> | <b>-9</b>     |
| Sản phẩm khác từ dầu mỏ                    | 1.368.181          | 1.632.794          | 19            |
| Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác  | 111.333.249        | 122.947.311        | 10            |
| Dược phẩm                                  | 76.756.256         | 48.152.227         | -37           |
| Giấy các loại                              | 34.465.162         | 30.651.922         | -11           |
| Sản phẩm hóa chất                          | 13.949.713         | 18.028.620         | 29            |
| Sắt thép các loại                          | 11.781.170         | 15.500.903         | 32            |
| Sản phẩm từ chất dẻo                       | 3.274.055          | 9.536.441          | 191           |
| Gỗ và sản phẩm gỗ                          | 9.190.114          | 9.145.916          | 0             |
| Sản phẩm từ sắt thép                       | 5.799.976          | 6.205.044          | 7             |
| Chất dẻo nguyên liệu                       | 2.512.074          | 4.529.321          | 80            |
| Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện | 5.351.950          | 2.439.025          | -54           |
| Điện thoại các loại và linh kiện           | 139.252            | 138.176            | -1            |
| Hàng hóa khác                              | 76.510.238         | 52.680.251         | -31           |

## 2.2. Về đầu tư

Thụy Điển đứng thứ 31 trong số 140 quốc gia, vùng lãnh thổ đầu tư tại Việt Nam với 83 dự án còn hiệu lực, tổng số vốn đầu tư lên tới 467,3 triệu USD. Hiện đã có hơn 60 công ty Thụy Điển có mặt tại Việt Nam thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau như: sản xuất, bán lẻ, cơ khí, công nghệ thông tin, viễn thông, cơ sở hạ tầng giao thông, điện tử, gia dụng, thiết bị công nghiệp chế biến thực phẩm, giáo dục đào tạo.... Những thương hiệu Thụy Điển được biết đến nhiều, gồm có: ABB, Astra Zeneca, Atlas Copco, Electrolux, Ericsson, H&M, Hestra Gloves, IKEA, Oriflame, SKF, Tetra Pak, Volvo Buses, Volvo Cars... Các doanh nghiệp này đang hợp tác chặt chẽ với các nhà cung cấp và đối tác Việt Nam cùng hiện thực mục tiêu đổi mới sáng tạo; ứng dụng các giải pháp, công nghệ và sản phẩm mang tính bền vững, phù hợp với chiến lược tăng trưởng xanh và phát triển bền vững...<sup>4</sup>

Ở thời điểm hiện tại, có 4 lĩnh vực mà các nhà đầu tư Thụy Điển đang quan tâm và muốn đầu tư vào Việt Nam. Thứ nhất là chế tạo, chế xuất các sản phẩm và hàng hóa có hàm lượng kỹ thuật cao. Thứ hai là đầu tư vào lĩnh vực bán lẻ, do các sản phẩm của Thụy Điển nổi tiếng về chất lượng và giá cả thì phải chăng, không quá rẻ nhưng cũng không quá đắt đỏ. Thứ ba, nhiều doanh nghiệp mong muốn đầu tư vào các quỹ đầu tư và mô hình trường học nơi mà họ có thể chia sẻ các mô hình quản lý và giá trị của Thụy Điển như đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững. Thứ tư là đầu tư vào du lịch.

Một số dự án đầu tư điển hình của Thụy Điển vào Việt Nam bao gồm:

✓ Tập đoàn AstraZeneca sẽ đầu tư 2000 tỷ đồng (khoảng 90 triệu USD) cho Việt Nam nhằm nâng cao năng lực sản xuất dược phẩm. Thỏa thuận này được kí kết ngày 2/11/2021 với các đối tác Việt Nam dưới sự có mặt của Thủ tướng Phạm minh Chính bên lề hội nghị Cop 26. Khoản đầu tư mới này là sự tiếp nối dự án đầu tư trị giá 5000 tỷ đồng (khoảng 220 triệu USD) trong giai đoạn 2022-2024 của AstraZeneca vào Việt Nam.

✓ Tập đoàn IKEA có kế hoạch đầu tư 450 triệu euro để xây dựng kho hàng, phát triển hệ thống bán lẻ tại Hà Nội và kết nối cùng với IKEA Thái Lan để cung cấp hàng cho toàn bộ thị trường Đông Nam Á. Một khi dự án này được triển khai, các doanh

---

<sup>4</sup> Minh Hà (2022), “Tăng cường quan hệ song phương Việt Nam - Thụy Điển”, [https://vneconomy.vn/tang-cuong-quan-he-song-phuong-viet-nam-thuy-dien.htm?fbclid=IwAR0sxJZ\\_oUTkCYLM7dbMudHrW19UUnFUadFU4akPTEQg0ZGRcaerpxEjwUg](https://vneconomy.vn/tang-cuong-quan-he-song-phuong-viet-nam-thuy-dien.htm?fbclid=IwAR0sxJZ_oUTkCYLM7dbMudHrW19UUnFUadFU4akPTEQg0ZGRcaerpxEjwUg)

nghiệp Việt Nam sẽ có nhiều cơ hội trong việc hợp tác sản xuất và cung ứng các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, đồ nội thất.

✓ Tetra Park – một doanh nghiệp hàng đầu thế giới trong lĩnh vực cung cấp các giải pháp chế biến và đóng gói thực phẩm, đã khánh thành nhà máy sản xuất vật liệu bao bì carton đầu tiên của Việt Nam với tổng vốn đầu tư 120 triệu euro tại Bình Dương.

✓ H&M – tập đoàn thời trang lớn nhất tại Thụy Điển đã có mặt tại Việt Nam từ năm 2017. Cho tới nay, tập đoàn này đã mở 12 cửa hàng tại Việt Nam, trong đó, 5 cửa hàng ở Hà Nội, 4 cửa hàng ở Hồ Chí Minh, 3 cửa hàng còn lại ở Cần Thơ, Đà Nẵng, Hạ Long.

✓ Hestra, nhà sản xuất găng tay của Thụy Điển đã mở nhà máy sản xuất tại Việt Nam vào tháng 9 năm 2018, và đang có dự định xây dựng nhà máy thứ hai.

✓ Công ty Oriflame – một công ty bán hàng đa cấp lớn đã có mặt tại Việt Nam từ năm 2002 và hiện có hơn 300.000 cộng tác viên đang làm việc.

Về phía Việt Nam, công ty NutiFood Việt Nam đang có thỏa thuận hợp tác với tập đoàn BackaHill về việc vận hành nhà máy sữa mang tên NutiFood Sweden AB - một trong những dự án đầu tư có quy mô lớn nhất của Việt Nam tại Thụy Điển. Nhà máy này ở giai đoạn 1 có giá trị đầu tư gần 20 triệu USD, với tổng công suất 15.000 tấn/năm bao gồm 5.000 tấn sữa bột công thức cho trẻ sơ sinh và 10.000 tấn bột dinh dưỡng cho trẻ em, được điều hành bởi các chuyên gia có nhiều kinh nghiệm từ các tập đoàn sữa-thực phẩm nổi tiếng trên thế giới<sup>5</sup>.

### **3. Triển vọng hợp tác thương mại - đầu tư Việt Nam và Thụy Điển trong thời gian tới**

Việt Nam và Thụy Điển có quan hệ hợp tác lâu dài và phát triển. Với việc Hiệp định EVFTA được ký kết, cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam trong thương mại và đầu tư là rất lớn.

Cụ thể, EVFTA sẽ từng bước xoá bỏ các rào cản, mở rộng cánh cửa cho hàng hoá Việt Nam thâm nhập vào thị trường Thụy Điển. Hiện, quy mô xuất khẩu của Việt Nam sang khu vực Bắc Âu chiếm tỷ lệ khá nhỏ, chỉ khoảng 2,5 tỷ USD (chiếm 0,6% thị phần), cho nên Việt Nam có nhiều tiềm năng xuất khẩu các mặt hàng chủ lực vào khu vực này, đặc biệt là Thụy Điển.

Ngay sau khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực, bất chấp ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch Covid-19, nhiều doanh nghiệp Việt Nam đã nhanh chóng tận dụng lợi thế ưu đãi

---

<sup>5</sup> Quang Vũ (2019), “Doanh nghiệp Thụy Điển và Việt Nam đứng trước cơ hội hợp tác to lớn”, <https://www.vietnamplus.vn/doanh-nghiep-thuy-dien-va-viet-nam-dung-truoc-co-hoi-hop-tac-to-lon/571556.vnp>

thuế quan để xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp sang EU và Thụy Điển. Theo các cam kết trong EVFTA, EU dành cho Việt Nam hạn ngạch 80.000 tấn gạo (thuế 0%) đối với gạo xay xát và gạo thơm, đồng thời xoá bỏ thuế đối với tám trong thời hạn 5 năm, tạo ra cơ hội lớn để Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu gạo sang EU trong thời gian tới. Từ chỗ vắng bóng trên thị trường Thụy Điển, gạo Việt Nam đã xuất hiện và đang từng bước chiếm lĩnh thị trường này với kim ngạch xuất khẩu tăng gần 10 lần, từ mức khoảng một trăm nghìn USD các năm trước đây lên hơn một triệu USD.

Trong bối cảnh các nước EU nói chung và Thụy Điển nói riêng đang tích cực triển khai tiêm phòng vắc-xin Covid-19, tình hình dịch bệnh được kỳ vọng sẽ được kiểm soát, các biện pháp hạn chế dần được nới lỏng và kinh tế có bước hồi phục, giao thương trở lại bình thường sẽ tạo thuận lợi hơn nữa cho việc tăng cường xuất khẩu hàng hoá Việt Nam vào thị trường này<sup>6</sup>.

Theo các cuộc điều tra thị trường, người dân Thụy Điển chi một số tiền lớn cho các sản phẩm dệt may như quần áo, chăn, ga, rèm cửa. Ngoài ra, họ cũng có nhu cầu lớn đối với các sản phẩm nông nghiệp như gạo, chè, cà phê, ca cao, trái cây và rau quả. Xu hướng gần đây của người Thụy Điển là thích thưởng thức các thực phẩm với hương vị mới nên đã làm tăng nhu cầu các sản phẩm đặc trưng của các nước trên thế giới. Việt Nam có thể nhân cơ hội này để xuất khẩu các sản phẩm mang đặc trưng của Việt Nam.

Không chỉ với Việt Nam, EVFTA còn đem lại nhiều cơ hội về thương mại – đầu tư cho các doanh nghiệp Thụy Điển. Là một thành viên của EU, EVFTA sẽ tạo việc làm và thúc đẩy xuất khẩu từ Thụy Điển sang Việt Nam; đồng thời sẽ giúp các công ty Thụy Điển muốn kinh doanh tại Việt Nam dễ dàng hơn và có chi phí rẻ hơn. Mặt khác, Việt Nam hiện là thị trường kết nối với khu vực rất mạnh, qua nhiều hiệp định thương mại tự do như CPTPP, các FTA với ASEAN, với các đối tác khu vực. Việt Nam cũng là cánh cửa để hàng hóa Thụy Điển tiếp tục xâm nhập vào thị trường ASEAN cũng như thị trường của các nước có kết nối với nền kinh tế của Việt Nam qua hệ thống các FTA. Với việc EVFTA được thực thi, hoạt động đầu tư của Thụy Điển tại Đông Nam Á nói chung và Việt Nam nói riêng sẽ thuận lợi hơn do các rào cản về quy định và thuế quan đã bị phá bỏ<sup>7</sup>.

<sup>6</sup> Bộ Công thương, “Nhiều cơ hội cho hàng Việt Nam sang thị trường Thụy Điển”, [https://dotip.dongthap.gov.vn/chi-tiet-bai-viet/-/asset\\_publisher/1mOzUrGkrdAE/content/id/5201531](https://dotip.dongthap.gov.vn/chi-tiet-bai-viet/-/asset_publisher/1mOzUrGkrdAE/content/id/5201531)

<sup>7</sup> Minh Nhật (2019), “Lợi ích EVFTA cho quan hệ kinh tế, thương mại Việt Nam - Thụy Điển”, <https://baoquocte.vn/loi-ich-evfta-cho-quan-he-kinh-te-thuong-mai-viet-nam-thuy-dien-85348.html>



### Tài liệu tham khảo

1. Thương vụ Việt Nam tại Thụy Điển (2022), “*Những điều cần biết về thị trường Thụy Điển*”.
2. Hà Duyên (2022), “*Việt Nam - Thụy Điển: Hợp tác giảm phát thải carbon, phát triển bền vững*”, <https://congthuong.vn/viet-nam-thuy-dien-hop-tac-giam-phat-thai-carbon-phat-trien-ben-vung-179372.html>
3. Minh Hà (2022), “*Tăng cường quan hệ song phương Việt Nam - Thụy Điển*”, [https://vneconomy.vn/tang-cuong-quan-he-song-phuong-viet-nam-thuy-dien.htm?fbclid=IwAR0sxJZ\\_oUTkCYLM7dbMudHrWI9UUnFUadFU4akPTEQg0ZGRcaerpxEjwUg](https://vneconomy.vn/tang-cuong-quan-he-song-phuong-viet-nam-thuy-dien.htm?fbclid=IwAR0sxJZ_oUTkCYLM7dbMudHrWI9UUnFUadFU4akPTEQg0ZGRcaerpxEjwUg)
4. Quang Vũ (2019), “*Doanh nghiệp Thụy Điển và Việt Nam đứng trước cơ hội hợp tác to lớn*”, <https://www.vietnamplus.vn/doanh-nghiep-thuy-dien-va-viet-nam-dung-truoc-co-hoi-hop-tac-to-lon/571556.vnp>
5. Phạm Tuyên (2021), “*Hiệp định EVFTA và IPA: Việt Nam và EU cam kết những gì?*”, <https://moit.gov.vn/tin-tuc/70-nam-nganh-cong-thuong/hiiep-dinh-evfta-va-ipa-viet-nam-va-eu-cam-ket-nhung-gi-.html>
6. Bộ Công thương, “*Nhiều cơ hội cho hàng Việt Nam sang thị trường Thụy Điển*”, [https://dotip.dongthap.gov.vn/chi-tiet-bai-viet/-/asset\\_publisher/1mOzUrGkrdAE/content/id/5201531](https://dotip.dongthap.gov.vn/chi-tiet-bai-viet/-/asset_publisher/1mOzUrGkrdAE/content/id/5201531)
7. Minh Nhật (2019), “*Lợi ích EVFTA cho quan hệ kinh tế, thương mại Việt Nam - Thụy Điển*”, <https://baoquocte.vn/loi-ich-evfta-cho-quan-he-kinh-te-thuong-mai-viet-nam-thuy-dien-85348.html>
8. Nghiêm Thị Thanh Thúy (2019), “*Việt Nam - Thụy Điển: Năm mươi năm vững bước hướng tới tương lai*”, <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/quoc-phong-an-ninh-oi-ngoai1/-/2018/53965/viet-nam---thuy-dien--nam-muoi-nam-vung-buoc-huong-toi-tuong-lai.aspx>

## EVFTA VÀ QUAN HỆ KINH TẾ VIỆT NAM - TÂY BAN NHA

*Ths. Đinh Thị Ngọc Linh*

**Viện Nghiên cứu Châu Âu**

**Tóm tắt:** *Quan hệ hợp tác kinh tế thương mại giữa hai nước Việt Nam - Tây Ban Nha thời gian qua phát triển tốt đẹp. Hai nước đã chính thức thiết lập quan hệ “Đối tác chiến lược” vào tháng 12/2009 và Tây Ban Nha cũng là quốc gia châu Âu đầu tiên mà Việt Nam thiết lập quan hệ này. Với việc khai thác hiệu quả lợi thế từ Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA), quan hệ hợp tác kinh tế thương mại giữa Việt Nam và Tây Ban Nha được dự báo sẽ có triển vọng sáng từ cuối năm 2021, khi Tây Ban Nha hồi phục sau đại dịch Covid-19.*

*Từ khoá: Việt Nam, Tây Ban Nha, kinh tế, EVFTA*

### **1. Quan hệ kinh tế Việt Nam - Tây Ban Nha những năm gần đây**

#### ***Về thương mại***

Việt Nam - Tây Ban Nha là 2 đối tác chiến lược mang tính hỗ trợ cho nhau, trao đổi thương mại song phương được duy trì, phát triển ổn định với tốc độ tăng trung bình khoảng 15,8% trong nhiều năm qua. Quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại và đầu tư đang phát triển triển tốt đẹp, kim ngạch thương mại hai nước trong những năm qua đạt khoảng 3 tỷ USD<sup>1</sup>. Tây Ban Nha là bạn hàng quan trọng của Việt Nam trong khi Việt Nam là một trong các đối tác thương mại chủ yếu của Tây Ban Nha ở châu Á. Trước đại dịch Covid-19, nhìn chung quan hệ thương mại song phương Việt Nam – Tây Ban Nha tăng trưởng khá ổn định về cả giá trị và cơ cấu mặt hàng. Tây Ban Nha là một trong những nước EU có tốc độ tăng trưởng thương mại với Việt Nam ở mức cao. Theo thống kê cập nhật của Hải quan Tây Ban Nha, tốc độ tăng trưởng kim ngạch thương mại song phương có xu thế gia tăng, cụ thể năm 2018 và năm 2019 tương ứng là 2,80% và 9,05%. Năm 2019, kim ngạch thương mại hai chiều đạt mức kỷ lục 3,25 tỷ USD, mức cao nhất trong lịch sử, tăng gấp 3 lần so với năm 2009 (1,12 tỷ USD)

---

<sup>1</sup> TTXVN, Quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam-Tây Ban Nha ngày càng phát triển, <https://www.vietnamplus.vn/quan-he-doi-tac-chien-luoc-viet-nam-tay-ban-nha-ngay-cang-phat-trien/738069.vnp>, ngày 02/09/2021.

.Do ảnh hưởng của đại dịch trong suốt năm 2020, kim ngạch xuất nhập khẩu song phương của 10 tháng năm 2020 sụt giảm 15,00%<sup>2</sup>.

Trong 10 tháng năm 2020 kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Tây Ban Nha đạt xấp xỉ 2,08 tỷ Euro (giảm 16,35%), nhập khẩu đạt khoảng 0,34 tỷ Euro (giảm 5,82%), xuất siêu tiếp tục ở mức cao là 1,74 tỷ Euro (giảm 18,15%)<sup>3</sup>.

Trong những năm qua Việt Nam liên tục ở trạng thái xuất siêu lớn sang Tây Ban Nha và điểm đáng chú ý là: trong năm 2020, Việt Nam vẫn duy trì được thị phần xuất khẩu như năm 2019 đạt 0,92% trong thị phần nhập khẩu chung của Tây Ban Nha với thế giới. Hiện tại Việt Nam đã vươn lên là nước có thị phần và kim ngạch xuất khẩu lớn nhất trong số các nước ASEAN xuất khẩu sang thị trường Tây Ban Nha, đứng ngang bằng với thị phần xuất khẩu của Hàn Quốc.

Các mặt hàng nhập khẩu của Việt Nam từ Tây Ban Nha hiện có giá trị lớn nhất lần lượt là: máy móc thiết bị điện, điện tử; máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác; hàng dệt may; dược phẩm; các chất chiết xuất làm thuốc nhuộm thuốc da; thịt và phụ phẩm; nhựa và các sản phẩm nhựa; sản phẩm từ sắt thép; đồ gốm sứ; các sản phẩm hóa chất; dụng cụ, thiết bị quang học, đo lường, y tế và phụ kiện; da sống và da thuộc.

Có thể nói hầu hết các mặt hàng này nhập khẩu để phục vụ trực tiếp đầu vào cho sản xuất trong nước của Việt Nam. Cũng do tác động tiêu cực của đại dịch, kim ngạch nhiều mặt hàng nhập khẩu bị suy giảm mạnh bao gồm: da sống và da thuộc (59,46%); sắt thép các loại (49,01%); nhựa và các sản phẩm nhựa (26,44%); đồ gốm sứ (20,85%); hàng dệt may (19,78%); đồ uống (19,34%); phế liệu và phế thải từ ngành công nghiệp thực phẩm (18,00%); máy móc thiết bị điện, điện tử (14,92%); chế phẩm từ ngũ cốc, bột, tinh bột sữa và các loại bánh (12,92%); dụng cụ, thiết bị quang học, đo

<sup>2</sup> Tổng quan tình hình quan hệ thương mại Việt Nam - Tây Ban Nha, <https://vanchuyenhangtaybannha.com/thong-tin-huu-ich/tong-quan-tinh-hinh-quan-he-thuong-mai-viet-nam-tay-ban-nha.html#:~:text=C%C3%B3%20th%E1%BB%83%20n%C3%B3i%20quan%20h%E1%BB%87%20h%E1%B%A3p%20t%C3%A1c%20kinh,t%C3%AAn%20m%C3%A0%20Vi%E1%BB%87t%20Nam%20thi%E1%BA%Bft%20quan%20h%E1%BB%87%20n%C3%A0y>, ngày 25/04/2021.

<sup>3</sup> Tổng quan tình hình quan hệ thương mại Việt Nam - Tây Ban Nha, <https://vanchuyenhangtaybannha.com/thong-tin-huu-ich/tong-quan-tinh-hinh-quan-he-thuong-mai-viet-nam-tay-ban-nha.html#:~:text=C%C3%B3%20th%E1%BB%83%20n%C3%B3i%20quan%20h%E1%BB%87%20h%E1%B%A3p%20t%C3%A1c%20kinh,t%C3%AAn%20m%C3%A0%20Vi%E1%BB%87t%20Nam%20thi%E1%BA%Bft%20quan%20h%E1%BB%87%20n%C3%A0y>, ngày 25/04/2021.

lượng, y tế và phụ kiện (10,57%); các sản phẩm hóa chất (10,22%); các chất chiết xuất làm thuốc nhuộm thuộc da (10,16%).

Từ trước đến nay các đối thủ cạnh tranh của Việt Nam trong xuất khẩu hàng hóa sang thị trường Tây Ban Nha chủ yếu vẫn là: Trung Quốc, Ấn Độ, Pakistan, Thổ Nhĩ Kỳ, Bangladesh, các nước Trung Nam châu Mỹ (Brasil, Colombia, Ecuador, Argentina) và một số nước ASEAN (Indonesia, Myanmar, Thái Lan), một số quốc gia châu Âu (Bồ Đào Nha, Italia, Pháp) và châu Phi (Maroc, Nam Phi).

Các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam hiện có giá trị lớn nhất sang Tây Ban Nha lần lượt là: điện thoại các loại và linh kiện; hàng dệt may; giày dép các loại; máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng; cà phê; đồ chơi, thiết bị trò chơi và dụng cụ thể thao; đồ nội thất; hàng du lịch và da thuộc; các chế phẩm từ động vật thịt cá; cao su và các sản phẩm cao su; quả và quả hạnh ăn được; thủy sản; nhựa và các sản phẩm nhựa; dụng cụ đồ nghề kim loại và đồ bếp; thảm và các loại hàng dệt trải sàn khác;...

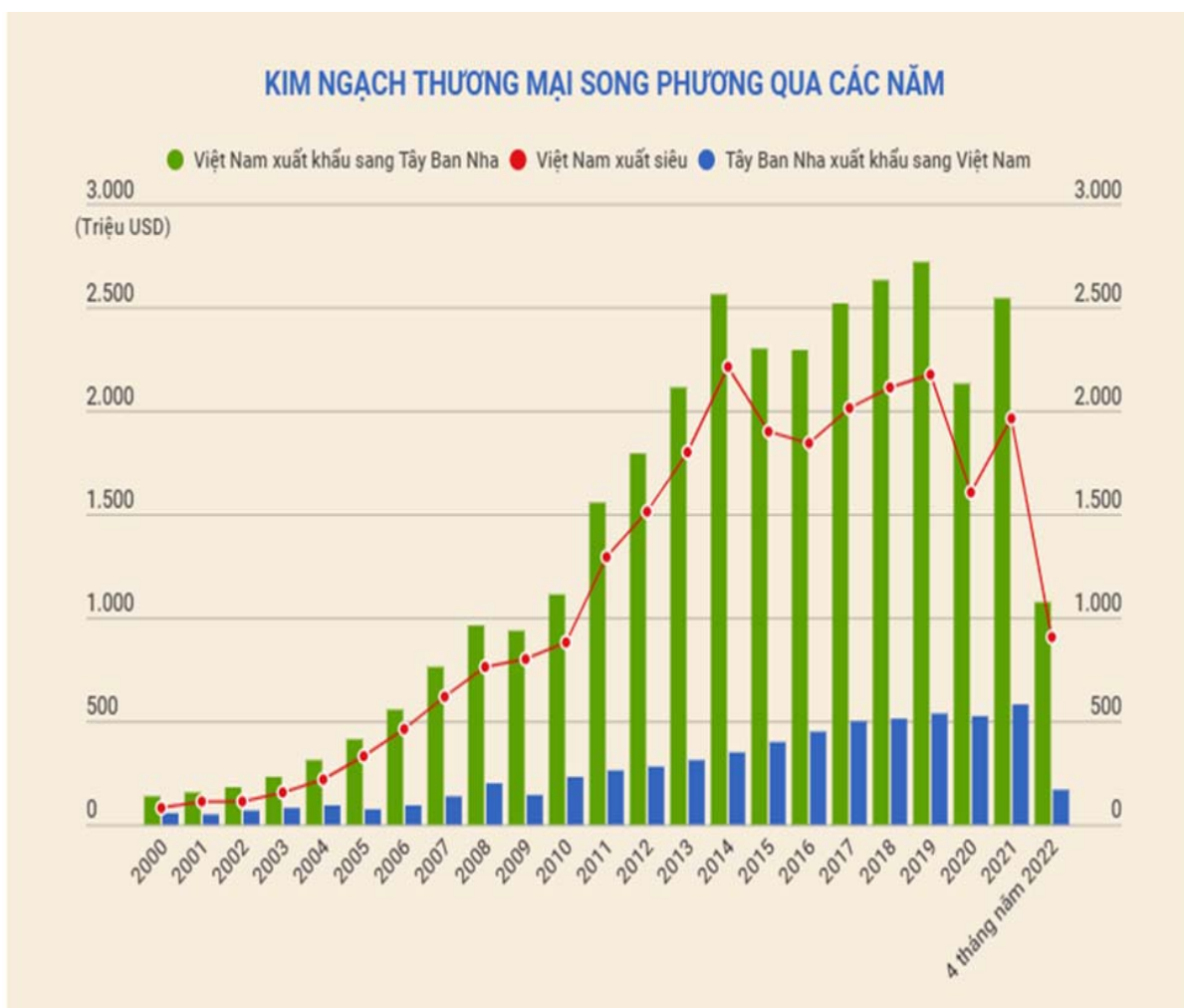
Năm 2020 do ảnh hưởng hết sức nặng nề từ các giải pháp phòng chống đại dịch bao gồm việc áp đặt tình trạng cảnh báo quốc gia, hạn chế tối đa vận chuyển đi lại tiếp xúc trong nước và đồng thời đóng cửa biên giới đã dẫn đến nhu cầu tiêu dùng trong nước và nhập khẩu hàng hóa giảm sâu so với năm 2019. Các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Tây Ban Nha nhìn chung đều bị suy giảm. Các mặt hàng bị suy giảm xuất khẩu nhiều nhất phải kể đến là: nhựa và các sản phẩm nhựa (32,86%); đồ uống (30,11%); thủy sản (28,72%); dụng cụ đồ nghề kim loại và đồ bếp (27,64%); giày dép các loại (27,58%); các chế phẩm từ động vật thịt cá (24,05%); hàng dệt may (23,25%); điện thoại các loại và linh kiện (23,08%); quả và quả hạnh ăn được (18,28%); cà phê (12,71%).

Theo số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, hàng hóa của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Tây Ban Nha trong 6 tháng đầu năm 2021 tăng trưởng 12,3% so với cùng kỳ năm 2020, đạt hơn 1,1 tỷ USD. Trong số các nhóm hàng chủ yếu của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Tây Ban Nha 6 tháng đầu năm nay, thì nhóm hàng điện thoại các loại và linh kiện đứng đầu về kim ngạch, chiếm 27% trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa các loại sang thị trường này, đạt 300,23 triệu USD, tăng 12,3% so với cùng kỳ năm 2020<sup>4</sup>.

<sup>4</sup> Ngọc Hân, Trao đổi thương mại Việt Nam – Tây Ban Nha: Triển vọng sáng nhờ EVFTA, <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/trao-doi-thuong-mai-viet-nam-tay-ban-nha-trien-vong-sang-nho-evfta.html>, ngày 17/08/2021.

Trong những năm qua, Việt Nam liên tục xuất siêu sang Tây Ban Nha. Đặc biệt, với việc khai thác hiệu quả lợi thế từ Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA), hợp tác thương mại giữa Việt Nam và Tây Ban Nha từ cuối năm 2021 đã đạt kết quả tích cực, dù cả hai nước đều chịu ảnh hưởng lớn từ đại dịch COVID-19. 4 tháng đầu năm 2022, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt trên 1.246 triệu USD, trong đó Việt Nam xuất khẩu trên 1.070 triệu USD, xuất siêu 909 triệu USD<sup>5</sup>.

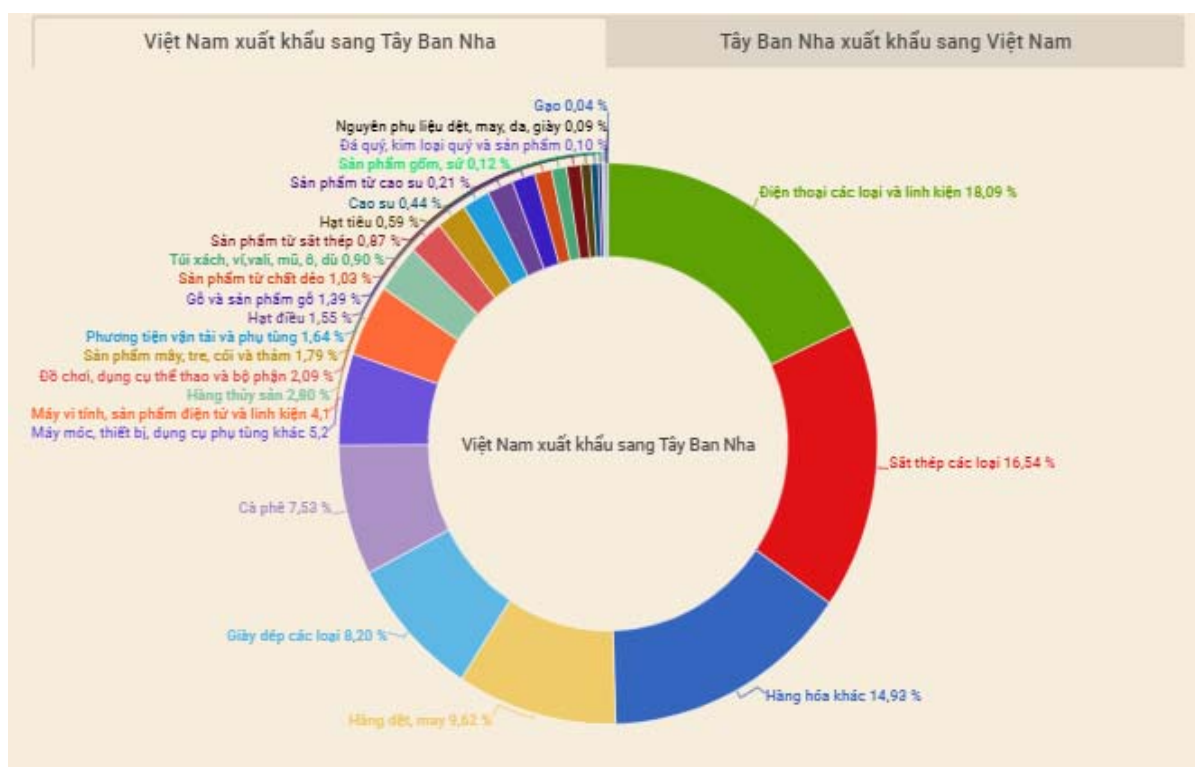
**Hình 1: Kim ngạch thương mại song phương Việt Nam - Tây Ban Nha**



Nguồn: Tổng cục Thống kê, Tổng cục Hải quan

<sup>5</sup> TTXVN, Kim ngạch thương mại song phương Việt Nam-Tây Ban Nha, <https://www.vietnamplus.vn/infographics-kim-ngach-thuong-mai-song-phuong-viet-nam-tay-ban-nha/791890.vnp>, ngày 23/05/2022.

**Hình 2: Cơ cấu các mặt hàng xuất khẩu Việt Nam - Tây Ban Nha 4 tháng đầu năm 2022**



Nguồn: Tổng cục Thống kê, Tổng cục Hải quan

### Về đầu tư

Tuy lĩnh vực này hiện còn hạn chế về số lượng dự án nhưng có triển vọng lớn về tiềm năng vốn và chất lượng châu Âu. Dù sự hiện diện của doanh nghiệp Tây Ban Nha còn khiêm tốn nhưng sự quan tâm của các doanh nghiệp Tây Ban Nha đang ngày càng tăng, trong đó có những tập đoàn lớn như Repsol - công ty dầu khí lớn nhất của Tây Ban Nha và Tập đoàn khách sạn đa quốc gia Melia đang mở rộng hoạt động tại Việt Nam. Việc mở nhà máy sản xuất linh kiện điện tử áp dụng công nghệ cao của Tập đoàn PREMO tại Đà Nẵng, hay việc tư vấn xây dựng đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai của GETINSA, là những minh chứng cho khẳng định trên.

Ngày càng có nhiều doanh nghiệp Tây Ban Nha đến Việt Nam đầu tư, đặc biệt trong các ngành phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển bền vững của hai nước. Với đà tăng trưởng của Việt Nam như hiện nay, có hai lĩnh vực chính mà Tây Ban Nha đã có rất nhiều kinh nghiệm và có thể giúp ích rất nhiều cho Việt Nam, đó chính là kết cấu hạ tầng và năng lượng. Hai quốc gia cũng đã đẩy mạnh hợp tác trong những lĩnh vực trên. Về kết cấu hạ tầng, Tây Ban Nha có rất nhiều kinh nghiệm trong việc xây dựng và quản lý sân bay. Rất nhiều doanh nghiệp Tây Ban Nha đã và đang chuẩn bị

tham gia đấu thầu vào việc xây dựng hệ thống và cung cấp trang thiết bị sân bay như radar, quản lý giao thông sân bay tại Việt Nam. Có thể nói, Tây Ban Nha là một trong những quốc gia hàng đầu trong lĩnh vực này ở châu Âu cũng như châu Mỹ Latin.

Về lĩnh vực năng lượng, tại Việt Nam cũng đã có sự xuất hiện của các doanh nghiệp Tây Ban Nha chuyên về năng lượng tái tạo. Đây là một lĩnh vực cực kỳ quan trọng đối với mọi quốc gia trên thế giới.

Có thể nói, những kinh nghiệm của Tây Ban Nha trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, cơ sở hạ tầng, du lịch, công nghệ cao, xây dựng và kiến trúc sẽ là những đóng góp quý báu cho Việt Nam. Việc cải cách khung pháp lý và Hiệp định tự do thương mại với EU có hiệu lực giúp củng cố niềm tin của các công ty Tây Ban Nha đối với thị trường Việt Nam. Việc các doanh nghiệp Tây Ban Nha quan tâm đầu tư vào các dự án kết cấu hạ tầng lớn tại Việt Nam, kể cả hình thức hợp tác đối tác công - tư (PPP) cho thấy xu hướng đầu tư này phù hợp và góp phần thúc đẩy chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt Nam.

Thực tế, các doanh nghiệp Tây Ban Nha cũng tận dụng đón bắt cơ hội đầu tư tại Việt Nam từ EVFTA. Cuối năm 2019, Tập đoàn chuyên về cơ sở hạ tầng và năng lượng tái tạo của Tây Ban Nha là Tập đoàn ACCIONA đã chính thức thành lập và ra mắt Công ty ACCIONA Việt Nam để tham gia đầu tư các dự án hạ tầng tại Việt Nam.

Sự hiện diện của ACCIONA tại đã đánh dấu một bước ngoặt cho sự mở rộng hợp tác và đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, cũng như trở thành một bước tiến lớn trong việc kêu gọi các doanh nghiệp Tây Ban Nha khác nắm bắt cơ hội khai thác tiềm năng của Việt Nam. ACCIONA sẽ làm việc với các đối tác bản địa để tham gia vào các dự án cơ sở hạ tầng dựa vào thế mạnh của tập đoàn xây dựng Tây Ban Nha này, bao gồm xây dựng cầu, sân bay, tàu điện, cảng, bệnh viện, nhà máy sản xuất năng lượng tái tạo và nhà máy lọc nước.

Tính đến tháng 04 năm 2022, Tây Ban Nha đứng thứ 46 trên 139 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam với 85 dự án, tổng vốn đầu tư đăng ký là 140,65 triệu USD<sup>6</sup>.

### ***Về hợp tác phát triển***

Tây Ban Nha là một trong số các nước châu Âu dành viện trợ phát triển chính thức (ODA) lớn cho Việt Nam. ODA của Tây Ban Nha dành cho Việt Nam tăng theo

---

<sup>6</sup> TTXVN, Quan hệ Đối tác chiến lược Việt Nam và Tây Ban Nha, <https://baotintuc.vn/infographics/quan-he-doi-tac-chien-luoc-viet-nam-va-tay-ban-nha-20220523065041391.htm>, ngày 23/05/2022.

từng năm, tập trung vào một số lĩnh vực ưu tiên, như: nâng cao năng lực cơ quan nhà nước, nâng cao đời sống con người, hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam, bảo vệ môi trường và khu sinh quyển, hợp tác văn hóa song phương, bình đẳng giới. Đến nay, hai bên đã ký kết và đang thực hiện ba nghị định thư tài chính, cụ thể là: năm 1994 - 1996: 80 triệu USD; năm 1997 - 2000: 102 triệu USD; năm 2001 - 2003: 135 triệu USD. Tháng 02 năm 2008, hai bên ký kết Chương trình hợp tác tài chính lần thứ tư, theo đó Tây Ban Nha cam kết cung cấp cho Việt Nam khoảng 80 triệu euro vốn ODA giai đoạn 2008-2010, ưu tiên vào lĩnh vực kết cấu hạ tầng, năng lượng, thông tin liên lạc, quản lý nước và 3 triệu euro viện trợ không hoàn lại để các công ty của Tây Ban Nha giúp Việt Nam thực hiện các loại hồ sơ của dự án mà hai bên thỏa thuận<sup>7</sup>. Cam kết của Tây Ban Nha từ hơn 20 năm qua tại Việt Nam thông qua 4 chương trình hợp tác tài chính trị giá trên 600 triệu euro để thực hiện các chương trình xóa đói giảm nghèo, bình đẳng giới, y tế, cung cấp nước sạch đã góp phần quan trọng vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Trước đây Tây Ban Nha ưu tiên viện trợ phát triển cho Việt Nam, tập trung vào phát triển bền vững và thúc đẩy bình đẳng giới, tiến bộ của phụ nữ. Cơ quan Hợp tác Phát triển Quốc tế Tây Ban Nha (AECID) đã viện trợ 19 triệu euro cho các dự án tăng cường bảo vệ phụ nữ tại Việt Nam, đặc biệt là các nạn nhân bạo lực giới.

Tây Ban Nha ưu tiên quan hệ với Việt Nam và dành hơn 300 triệu USD ODA cho các dự án hợp tác song và đa phương hơn 10 năm qua. Năm 2018, Tây Ban Nha vẫn tiếp tục dành khoảng 350 triệu USD cho các dự án phát triển hạ tầng tại Việt Nam, trong đó có dự án đường Metro số 5 tại TP Hồ Chí Minh<sup>8</sup>.

## **2. Những ưu đãi của Việt Nam và Tây Ban Nha dành cho hàng hoá của nhau trong EVFTA**

### ***Về phía Việt Nam***

Theo Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA), Việt Nam dành ưu đãi về thuế quan cho hàng hóa từ các nước EU trong đó có Tây Ban Nha. Hàng hóa nhập khẩu từ Tây Ban Nha, nếu đáp ứng quy tắc và thủ tục chứng nhận xuất xứ

---

<sup>7</sup> Thanh Thuý, Việt Nam - Tây Ban Nha: Nhiều tiềm năng để phát triển, <https://www.tapchicongsan.org.vn/thong-tin-ly-luan/-/2018/45072/viet-nam---tay-ban-nha--nhiều-tiềm-năng-de-phat-trien.aspx>, ngày 25/05/2017.

<sup>8</sup> Việt Nam – Tây Ban Nha - hướng tới tương lai với nhiều tiềm năng hợp tác to lớn, <https://nhandan.vn/viet-nam-tay-ban-nha-huong-toi-tuong-lai-voi-nhiều-tiềm-năng-hop-tac-to-lon-post331541.html>, ngày 03/08/2018.



EVFTA được hưởng thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo EVFTA, nếu không đáp ứng được về xuất xứ thì hưởng thuế nhập khẩu ưu đãi.

Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt đối với hàng hóa nhập khẩu từ EU vào Việt Nam trong giai đoạn 2020-2022 thực hiện theo Nghị định số 111/2020/NĐ-CP ngày 18/09/2020 của Chính phủ.

### ***Về phía Tây Ban Nha***

Cũng như Việt Nam, theo hiệp định này, các nước EU trong đó có Tây Ban Nha dành những ưu đãi thuế quan quan trọng cho hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam.

Ngoài ra, từ nhiều năm nay, EU, trong đó có Tây Ban Nha duy trì cơ chế Ưu đãi Thuế quan Phổ Cập (GSP - Generalized System of Preferences) dành cho các nước đang và kém phát triển, trong đó có Việt Nam.

Trong khoảng thời gian từ 01/08/2020 đến 31/07/2022 (trong vòng 2 năm kể từ khi EVFTA có hiệu lực), doanh nghiệp được hưởng song song hai chế độ ưu đãi thuế quan theo EVFTA và GSP và được quyền chọn ưu đãi nào phù hợp hơn. Trường hợp chọn ưu đãi GSP thì sản phẩm phải đáp ứng quy tắc và thủ tục chứng nhận xuất xứ của GSP; trường hợp chọn ưu đãi thuế quan theo EVFTA thì sản phẩm phải đáp ứng quy tắc và thủ tục chứng nhận xuất xứ EVFTA. Từ 01/08/2022, cơ chế ưu đãi thuế quan GSP tự động chấm dứt, doanh nghiệp áp dụng cơ chế ưu đãi thuế quan theo EVFTA. Tuy nhiên, EVFTA cho phép trong trường hợp thuế EVFTA cao hơn thuế GSP thì vẫn được hưởng thuế GSP. Dù chọn mức thuế ưu đãi nào, sản phẩm phải đáp ứng quy tắc và thủ tục chứng nhận xuất xứ EVFTA.

### **3. Những thuận lợi, khó khăn**

#### ***Thuận lợi***

*Thứ nhất*, hợp tác Việt Nam - Tây Ban Nha phù hợp bối cảnh quốc tế và tình hình mới của thế giới, với xu thế toàn cầu hóa và xu thế hòa bình, ổn định, hợp tác trong quan hệ quốc tế, đặc biệt là xu hướng chuyển dịch kinh tế sang phía Đông cùng sự phát triển năng động của khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

*Thứ hai*, hai nước đều có chung lợi ích trong các tổ chức quốc tế và khu vực, như LHQ, WTO, ASEM, ASEAN - EU, IPU...

*Thứ ba*, Việt Nam và Tây Ban Nha còn nhiều điểm có thể bổ sung, hỗ trợ cho nhau cùng phát triển. Là nền kinh tế lớn thứ năm của EU và thứ 19 trên thế giới về chỉ số GDP, Tây Ban Nha đang nắm giữ rất nhiều công nghệ hiện đại trên thế giới như cơ

sở hạ tầng (hệ thống đường sắt tốc độ cao dài nhất với 2.900 km, cơ sở hạ tầng đường bộ, đường thủy và cảng hàng không hiện đại), năng lượng tái sinh, lọc dầu, tài chính, nông nghiệp công nghệ cao. Đây cũng là những lĩnh vực Việt Nam đang cần phát triển.

*Thứ tư*, Việt Nam và Tây Ban Nha đều là hai thị trường lớn, mở và với việc ký Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA), trao đổi thương mại giữa hai nước càng có điều kiện thuận lợi để phát triển mạnh mẽ hơn trong thời gian tới. Ngoài ra, mỗi nước đều có thể là một đầu cầu cho nước kia trong quan hệ với những khu vực khác: Tây Ban Nha giúp Việt Nam tăng cường quan hệ với EU, với Mỹ Latin; Việt Nam giúp Tây Ban Nha mở rộng hợp tác với các nước ASEAN.

*Thứ năm*, doanh nghiệp Việt Nam cần kinh nghiệm, công nghệ tiên tiến và cầu nối để thâm nhập và phát triển tại thị trường EU thông qua các đối tác Tây Ban Nha. Ngược lại, Tây Ban Nha cũng cần nguồn cung cấp các sản phẩm tiêu dùng có chất lượng và cầu nối Việt Nam để thâm nhập thị trường ASEAN đầy tiềm năng.

*Thứ sáu*, Tây Ban Nha là một quốc gia có nền kinh tế dịch vụ chiếm 75% GDP, công nghiệp 15%, xây dựng 7%, nông nghiệp và đánh bắt 3%. Tây Ban Nha nằm trong số ít các nước thành viên EU có nền nông nghiệp và đánh bắt chế biến thủy hải sản truyền thống và phát triển phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu ra thế giới. Với lĩnh vực du lịch đóng góp trên 12% GDP, nhu cầu tiêu dùng hàng hóa của Tây Ban Nha có phần đa dạng hơn so với các nước EU khác.

*Thứ bảy*, Hiệp định thương mại tự do Việt Nam- EU (EVFTA), chính thức có hiệu lực từ ngày 01/08/2021, thiết lập khuôn khổ pháp lý và cơ chế thúc đẩy cơ hội hợp tác giữa hai nước. Thỏa thuận trên sẽ thúc đẩy việc cắt giảm thuế và các hàng rào phi thuế quan, thực hiện các cam kết, nhằm phát huy tiềm năng hợp tác song phương cũng như đạt được kỳ vọng mà Việt Nam và Tây Ban Nha đã đặt ra.

*Thứ tám*, Tây Ban Nha là một trong những quốc gia đi dẫn đầu về năng lượng tái tạo, nhất là lĩnh vực năng lượng gió, giữa Việt Nam và EU cũng có những cam kết chung về lĩnh vực này cùng hướng đến những lợi ích chung theo tiêu chuẩn quốc tế. Những cam kết này rất có lợi cho việc thúc đẩy đầu tư, phát triển về các sản phẩm thuộc lĩnh vực này giữa 2 nước trong thời gian tới nhờ những lợi ích từ EVFTA. Đây là một hiệp định mang lại lợi ích lớn nhất từ trước đến nay cho các doanh nghiệp Việt Nam và EU, trong đó có Tây Ban Nha với mức độ mở cửa chưa từng có: gần như

100% các dòng thuế về 0% sau 7 đến 10 năm cùng nhiều ưu đãi khác trong các ngành dịch vụ, tài chính, vận tải, bảo hiểm, mua sắm Chính phủ..

*Thứ chín*, Việt Nam đang bước vào giai đoạn phát triển mô hình tăng trưởng mới. Theo đó, việc thu hút FDI với xu hướng thân thiện môi trường là chủ trương quan trọng. Hiện Việt Nam định hướng thu hút FDI đến những lĩnh vực có công nghệ cao, đặc biệt là thân thiện với môi trường. Với định hướng mới đó, các nước phát triển, trong đó có Tây Ban Nha sẽ trở thành đối tác ngày càng quan trọng của Việt Nam bởi các doanh nghiệp Tây Ban Nha hiện nắm giữ nhiều công nghệ hàng đầu thế giới.

### ***Khó khăn***

Nói về khó khăn, khi nhắc đến thương mại quốc tế, chúng ta thường nói về các rào cản thuế quan và phi thuế quan. Đối với các rào cản thuế quan, Hiệp định EVFTA sẽ gỡ bỏ hầu hết các loại thuế quan trong 7 năm tới. Đối với các rào cản phi thuế quan, chúng ta thường nhắc đến các quy định như hạn chế định lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật, giấy phép,... Không phải sản phẩm nào cũng có thể nhập khẩu vào Việt Nam. Khi nhắc đến các sản phẩm nông sản, các sản phẩm này cần được kiểm tra, kiểm soát kỹ lưỡng. Quá trình kiểm tra này thường tốn nhiều thời gian, đôi khi bên nhập khẩu và xuất khẩu có quan điểm trái ngược nhau và đây là khó khăn cần hai bên cùng tháo gỡ.

Tây Ban Nha thuộc EU nên các khó khăn mà doanh nghiệp Việt Nam gặp phải khi xuất khẩu sang thị trường Tây Ban Nha tương tự như xuất sang EU, gồm: các tiêu chuẩn kỹ thuật, các quy định về chứng nhận, bao bì...

Nhiều cơ chế hợp tác giữa hai bên chưa phù hợp, cần phải tiếp tục được hoàn thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho hai nước giao lưu phát triển kinh tế - thương mại. Bên cạnh đó, ngoài những yếu tố khách quan, như: tình hình khu vực có nhiều diễn biến phức tạp, tác động của cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế toàn cầu, yếu tố chủ quan như thiếu hụt thông tin chuyên sâu về thị trường, sự cách trở về địa lý, sự khác biệt về chế độ chính trị - xã hội và ý thức hệ, sự khác biệt về văn hóa, tâm lý, thói quen, cũng khiến mối quan hệ hợp tác chiến lược đã được thiết lập giữa hai bên chưa đạt được những bước tiến như mong muốn.

### **4. Giải pháp thúc đẩy quan hệ kinh tế Việt Nam - Tây Ban Nha**

Tây Ban Nha cũng là một nước chú trọng phát triển nông nghiệp, đánh bắt, nuôi trồng chế biến thủy hải sản xuất khẩu. Các nông thủy sản, rau quả kể cả tươi sống và chế biến của Tây Ban Nha được xuất khẩu đi khắp thế giới, nhất là tiêu thụ trong khối

EU. Do vậy, đối với nhóm hàng này, nước ta chỉ có thể xuất khẩu sang thị trường Tây Ban Nha các nông thủy sản đặc thù nhiệt đới. Hay nói cách khác, Tây Ban Nha là thị trường ngách để tránh đụng hàng nhau, ví dụ như cá basa, tôm nước ấm, thanh long, mít, dứa, rau thơm.

Đối với các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản như cá ngừ, tôm, mực vào thị trường EU nói chung và thị trường Tây Ban Nha nói riêng, doanh nghiệp cần lưu ý đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn kỹ thuật về an toàn vệ sinh thực phẩm từ khâu đánh bắt, bảo quản cho đến khâu chế biến, chuyên chở để không vi phạm các quy định an toàn thực phẩm hiện hành của EU, Tây Ban Nha.

Thương vụ Việt Nam tại Tây Ban Nha cần tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam hợp tác cùng xây dựng thương hiệu chung cho hàng hóa xuất nhập khẩu của Việt Nam với bạn hàng sở tại để vừa đảm bảo đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật vừa đảm bảo chỗ đứng lâu dài của hàng Việt tại thị trường sở tại.

Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp kết nối giao thương trực tuyến và tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại trực tuyến tại các sự kiện hội chợ và triển lãm quốc tế sở tại; Tăng cường theo dõi và kịp thời cập nhật khuyến cáo liên quan về các yêu cầu kỹ thuật và các trường hợp có thông báo vi phạm các yêu cầu kỹ thuật, kiểm dịch, an toàn môi trường và vệ sinh an toàn thực phẩm của các lô hàng xuất khẩu của Việt Nam đến Tây Ban Nha; Đồng thời, xây dựng cơ sở dữ liệu doanh nghiệp xuất nhập khẩu của hai nước để phục vụ thường xuyên hoạt động xúc tiến thương mại – xúc tiến đầu tư, tiếp thị và kết nối giao thương.

Trên cơ sở tiềm năng, thế mạnh và nhu cầu của hai nước, một số lĩnh vực mà hai nước có thể và cần tập trung tăng cường hợp tác trong thời gian tới bao gồm: Cơ sở hạ tầng đường bộ, đường sắt và sân bay; năng lượng mới, năng lượng tái tạo góp phần phát triển bền vững; du lịch văn hóa, sinh thái... để du lịch thực sự trở thành một ngành công nghiệp quan trọng; phát triển nông nghiệp công nghệ cao, chế biến hàng nông lâm sản và nhập khẩu hàng nông sản của Việt Nam theo các tiêu chuẩn của EU.

### **Kết luận**

Năm 2022 có ý nghĩa đặc biệt trong quan hệ giữa Việt Nam và Tây Ban Nha khi hai nước kỷ niệm 45 năm thiết lập quan hệ ngoại giao. Trên chặng đường gần nửa thế kỷ qua, vượt qua mọi biến động lịch sử, mối quan hệ hữu nghị, hợp tác tốt đẹp Việt

Nam-Tây Ban Nha ngày càng bền chặt và đóng góp vào sự ổn định, thịnh vượng chung của hai khu vực châu Á và châu Âu.

Vượt qua sự xa cách về địa lý, Việt Nam và Tây Ban Nha đã cùng nhau tiến những bước dài trên con đường hợp tác. Hai bên đã ký nhiều thỏa thuận hợp tác trong các lĩnh vực chính trị, xã hội, kinh tế, văn hóa, giáo dục, quốc phòng... Việt Nam là đối tác thương mại chính trong ASEAN của Tây Ban Nha. Tây Ban Nha cũng là đối tác thương mại lớn của Việt Nam ở châu Âu.

Tuy nhiên, dư địa và tiềm năng để mở rộng quan hệ hợp tác song phương còn rất lớn, nhất là khi Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam-Liên hiệp châu Âu (EVFTA) chính thức có hiệu lực từ ngày 1/8/2020. Hiệp định mở ra những cơ hội mới để hai bên thúc đẩy quan hệ kinh tế, thương mại, đầu tư nói riêng, phát triển hợp tác toàn diện trong tất cả các lĩnh vực nói chung.

45 năm qua, Việt Nam và Tây Ban Nha đã gặt hái nhiều thành tựu về phát triển quan hệ song phương. Mỗi quan hệ truyền thống giữa Việt Nam và Tây Ban Nha góp phần nối những nhịp cầu hợp tác vững chắc giữa hai khu vực châu Á và châu Âu. Với nền tảng tốt đẹp của quan hệ Đối tác chiến lược, với quyết tâm từ hai phía, quan hệ hợp tác nhiều mặt giữa Tây Ban Nha, một quốc gia phát triển hàng đầu ở châu Âu và Việt Nam, một quốc gia đang phát triển năng động ở châu Á sẽ ngày càng đi vào chiều sâu, hiệu quả và thực chất.

### **Tài liệu tham khảo**

1. TTXVN, Quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam-Tây Ban Nha ngày càng phát triển, <https://www.vietnamplus.vn/quan-he-doi-tac-chien-luoc-viet-nam-tay-ban-nha-ngay-cang-phat-trien/738069.vnp>, ngày 02/09/2021.
2. Tổng quan tình hình quan hệ thương mại Việt Nam - Tây Ban Nha, <https://vanchuyenhangtaybannha.com/thong-tin-huu-ich/tong-quan-tinh-hinh-quan-he-thuong-mai-viet-nam-tay-ban-nha.html>, ngày 25/04/2021.
3. Ngọc Hân, Trao đổi thương mại Việt Nam - Tây Ban Nha: Triển vọng sáng nhờ EVFTA, <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/trao-doi-thuong-mai-viet-nam-tay-ban-nha-trien-vong-sang-nho-evfta.html>, ngày 17/08/2021.
4. TTXVN, Kim ngạch thương mại song phương Việt Nam-Tây Ban Nha, <https://www.vietnamplus.vn/infographics-kim-ngach-thuong-mai-song-phuong-viet-nam-tay-ban-nha/791890.vnp>, ngày 23/05/2022.

5. TTXVN, Quan hệ Đối tác chiến lược Việt Nam và Tây Ban Nha, <https://baotintuc.vn/infographics/quan-he-doi-tac-chien-luoc-viet-nam-va-tay-ban-nha-20220523065041391.htm>, ngày 23/05/2022.

6. Thanh Thúy, Việt Nam - Tây Ban Nha: Nhiều tiềm năng để phát triển, <https://www.tapchiconsan.org.vn/thong-tin-ly-luan/-/2018/45072/viet-nam---tay-ban-nha--nhieu-tiem-nang-de-phat-trien.aspx>, ngày 25/05/2017.

7. Việt Nam – Tây Ban Nha - hướng tới tương lai với nhiều tiềm năng hợp tác to lớn, <https://nhandan.vn/viet-nam-tay-ban-nha-huong-toi-tuong-lai-voi-nhieu-tiem-nang-hop-tac-to-lon-post331541.html>, ngày 03/08/2018.

## QUAN HỆ KINH TẾ VIỆT NAM - HÀ LAN TRONG BỐI CẢNH TRIỂN KHAI EVFTA

*TS. Nguyễn Bích Thuận*  
Viện Nghiên cứu Châu Âu

**Tóm tắt:** Kể từ khi chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao vào năm 1973, quan hệ Việt Nam - Hà Lan không ngừng phát triển. Nằm ở vị trí quan trọng, vừa là cửa ngõ và là trung tâm trung chuyển hàng hoá lớn vào châu Âu, Hà Lan là một đối tác thương mại quan trọng hàng đầu của Việt Nam. EVFTA có hiệu lực vào 1/8/2020 đã mang lại nhiều lợi ích chiến lược cho cả hai bên nhờ phát triển quan hệ thương mại – đầu tư tiềm năng. Mặc dù triển vọng thương mại, đầu tư của hai nước còn rất sáng khi nền kinh tế thế giới đang hồi phục dần sau Covid-19, Việt Nam cần có các chính sách hỗ trợ phù hợp cho các doanh nghiệp để tận dụng tối đa lợi thế từ EVFTA.

### 1. Tổng quan về quan hệ hợp tác thương mại, đầu tư của Việt Nam - Hà Lan

Là một đất nước có diện tích nhỏ và không có nhiều tài nguyên thiên nhiên trong Liên minh châu Âu nhưng trong những năm qua, Hà Lan đã đạt được những thành tựu nổi bật trong ở nhiều mặt. Đất nước này có tổng đầu tư trực tiếp nước ngoài đứng thứ ba thế giới, chỉ sau Mỹ và Trung Quốc. Bên cạnh đó, ở các chỉ số như chỉ số sáng tạo toàn cầu, chỉ số cạnh tranh của nền kinh tế và chỉ số phát triển con người, Hà Lan cũng nằm trong số những nước đứng đầu thế giới. Chính sách kinh tế của Hà Lan được định hình dựa trên các đặc điểm về địa lý, dân cư, đặc biệt là quá trình phát triển của nền kinh tế của Hà Lan dưới kỷ nguyên vàng ở thế kỷ 17. Trong những năm gần đây, mục tiêu phát triển kinh tế của Hà Lan cũng như nhiều nước thành viên EU là tăng trưởng xanh, phát triển nền kinh tế tuần hoàn, hướng tới phát triển bền vững và bảo vệ môi trường<sup>1</sup>.

Về mặt đối ngoại, Hà Lan theo đuổi lối ngoại giao nước, với chính sách đối ngoại năng động, tích cực, hoà bình, hợp tác và cùng nhau phát triển. Trọng tâm trong chính sách đối ngoại của Hà Lan là hợp tác với các nước thành viên EU, với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh và nâng cao vị trí địa chính trị của đất nước. Tuy không xây dựng một chiến lược riêng dành cho châu Á nhưng những năm gần

<sup>1</sup> <https://www.qdnd.vn/chinh-tri/cac-van-de/dua-quan-he-viet-nam-ha-lan-phat-trien-sau-rong-hieu-qua-hon-571214>

đây, chính sách đối ngoại của Hà Lan đang dần chuyển sang khu vực đầy tiềm năng và năng động này<sup>2</sup>.

Quan hệ Việt Nam - Hà Lan là một mối quan hệ lâu đời, và ngày càng phát triển cả về chiều sâu và chiều rộng. Ngay sau khi thiết lập quan hệ ngoại giao vào năm 1973, Hà Lan đã bắt đầu viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam ở các lĩnh vực nhân đạo, giáo dục, đào tạo và y tế. Năm 2010 đánh dấu mốc quan trọng trong quan hệ hai nước khi hai bên trở thành đối tác chiến lược của nhau, trong đó tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực như thích ứng với biến đổi khí hậu và quản lý nước, nông nghiệp, năng lượng, kinh tế biển và dịch vụ vận tải logistics<sup>3</sup>.

### ***Về thương mại***

Thương mại giữa Việt Nam và Hà Lan phát triển nhanh và ổn định. Hà Lan là một đối tác quan trọng của Việt Nam không chỉ bởi đây là thị trường xuất khẩu lớn của châu Âu mà còn bởi vì vị trí địa chiến lược quan trọng của nước này. Hà Lan là cửa ngõ giao thương của EU bởi nơi đây có nhiều cảng biển lớn, giúp kết nối các cảng biển và các khu công nghiệp với châu Âu. Từ Hà Lan, nhiều hàng hoá xuất khẩu được chuyển sang các nước khác hoặc các khu công nghiệp để sản xuất sản phẩm cuối cùng.<sup>4</sup>

**Bảng 1: Kim ngạch thương mại giữa Việt Nam-Hà Lan giai đoạn 2016-2019**

*Đơn vị: tỷ USD*

| <b>Năm</b> | <b>Xuất khẩu</b> | <b>Nhập khẩu</b> | <b>Tổng kim ngạch</b> |
|------------|------------------|------------------|-----------------------|
| 2016       | 6,0              | 0,676            | 6,76                  |
| 2017       | 7,1              | 0,665            | 7,7                   |
| 2018       | 7,0              | 0,763            | 7,83                  |
| 2019       | 6,88             | 0,661            | 7,54                  |

*Nguồn: Tổng Cục Hải quan*

Trước khi ký hiệp định EVFTA, mặc dù có những giai đoạn kim ngạch xuất khẩu giữa hai nước giảm nhẹ, Hà Lan vẫn là nước nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam nhiều nhất ở EU. Trong năm 2019, kim ngạch thương mại của Việt Nam với Hà Lan chiếm

<sup>2</sup> [https://vcci.com.vn/uploads/P-HSTT-Ha-Lan-\\_03.2020.pdf](https://vcci.com.vn/uploads/P-HSTT-Ha-Lan-_03.2020.pdf)

<sup>3</sup> <https://www.qdnd.vn/chinh-tri/cac-van-de/dua-quan-he-viet-nam-ha-lan-phat-trien-sau-rong-hieu-qua-hon-571214>

<sup>4</sup> <https://dangcongsan.vn/kinh-te/viet-nam-ha-lan-hop-tac-thuc-day-cac-du-an-thuong-mai-logistics-nang-luong-ben-vung-608769.html>



12,1% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam là EU, trong đó kim ngạch xuất khẩu đạt 6,88 tỷ USD và kim ngạch nhập khẩu đạt 661 triệu USD<sup>5</sup>.

Trong đó, Hà Lan nhập khẩu chủ yếu các mặt hàng như máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện, điện thoại và linh kiện, giày dép, dép may, máy móc thiết bị, hạt điều và thủy sản từ Việt Nam. Trong khi đó, Việt Nam nhập khẩu chủ yếu các mặt hàng như máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác; linh kiện, phụ tùng ô tô; dược phẩm; sản phẩm hóa chất; hóa chất; sữa và sản phẩm sữa từ Hà Lan<sup>6</sup>.

### *Về đầu tư*

Là một nước có tổng đầu tư nước ngoài lớn trên thế giới, không ngạc nhiên khi Hà Lan xếp thứ 10/135 quốc gia và vùng lãnh thổ có các dự án đầu tư vào Việt Nam với tổng vốn đầu tư đạt khoảng 10,05 tỷ USD tính đến hết năm 2018. Hà Lan là nhà đầu tư lớn nhất khu vực EU tại Việt Nam, chiếm 39.43% tổng vốn đầu tư của EU vào Việt Nam. Các dự án đầu tư của Hà Lan vào Việt Nam đã mang lại những lợi ích tích cực trong việc đổi mới công nghệ và tạo ra một số ngành nghề mới. Tuy vậy, hầu hết các dự án đầu tư của Hà Lan vào Việt Nam có quy mô vừa và nhỏ, nhưng là các dự án đầu tư của các tập đoàn lớn hoạt động tốt như Heineken, Unilever, Royal Dutch Shell, Philips,... Mặt khác, Việt Nam cũng có một số dự án đầu tư vào Hà Lan nhưng còn hạn chế với tổng vốn đầu tư ở mức 6,5 triệu USD<sup>7</sup>.

## **2. Tình hình quan hệ thương mại, đầu tư của Việt Nam - Hà Lan sau EVFTA**

### *Về thương mại*

Hiệp định EVFTA có hiệu lực vào ngày 1/8/2020 với việc EU ngay lập tức dỡ bỏ hàng loạt các mức thuế suất vào các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam, tương đương với 85,6% dòng hàng, chiếm khoảng 70,3% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường EU. Sau đó, trong 7 năm tiếp theo EU sẽ tiếp tục dỡ bỏ các mức thuế suất ở các ngành hàng. Từ phía Việt Nam, nước này cam kết sẽ xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực với 48,5% số dòng thuế và tiếp tục xóa bỏ thuế nhập khẩu ở các ngành hàng theo lộ trình 7 năm và 10 năm tiếp theo.

Mục tiêu của các cam kết này của Việt Nam và EU là tạo ra một môi trường đầu

<sup>5</sup> [https://vcci.com.vn/uploads/P-HSTT-Ha-Lan-\\_03.2020.pdf](https://vcci.com.vn/uploads/P-HSTT-Ha-Lan-_03.2020.pdf)

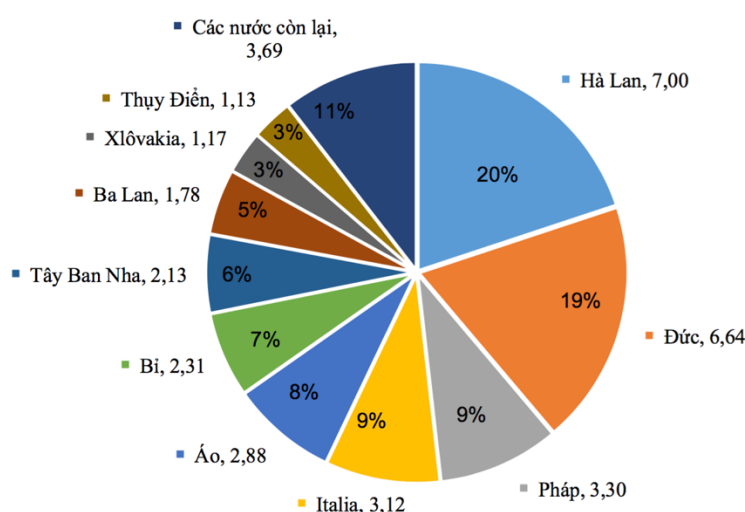
<sup>6</sup> [https://vcci.com.vn/uploads/P-HSTT-Ha-Lan-\\_03.2020.pdf?gidzl=IStVT29f2dI-qjjq97uFSRlIrdOw8LGcfTU1A3Xr0YgZrzOhQdG5Aw24t7yx8Lr\\_fOQ5Vp6lbU0s86u9T0](https://vcci.com.vn/uploads/P-HSTT-Ha-Lan-_03.2020.pdf?gidzl=IStVT29f2dI-qjjq97uFSRlIrdOw8LGcfTU1A3Xr0YgZrzOhQdG5Aw24t7yx8Lr_fOQ5Vp6lbU0s86u9T0)

<sup>7</sup> [https://vcci.com.vn/uploads/P-HSTT-Ha-Lan-\\_03.2020.pdf?gidzl=IStVT29f2dI-qjjq97uFSRlIrdOw8LGcfTU1A3Xr0YgZrzOhQdG5Aw24t7yx8Lr\\_fOQ5Vp6lbU0s86u9T0](https://vcci.com.vn/uploads/P-HSTT-Ha-Lan-_03.2020.pdf?gidzl=IStVT29f2dI-qjjq97uFSRlIrdOw8LGcfTU1A3Xr0YgZrzOhQdG5Aw24t7yx8Lr_fOQ5Vp6lbU0s86u9T0)

tư cởi mở, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động thương mại, đầu tư giữa doanh nghiệp hai nước. Cam kết của Việt Nam và EU trong EVFTA cao hơn cam kết của hai bên trong WTO. Trong EVFTA, EU với 27 nước thành viên là một bên thống nhất, do đó tất cả các cam kết của EU trong EVFTA và Việt Nam cũng được áp dụng đối với Hà Lan.<sup>8</sup>

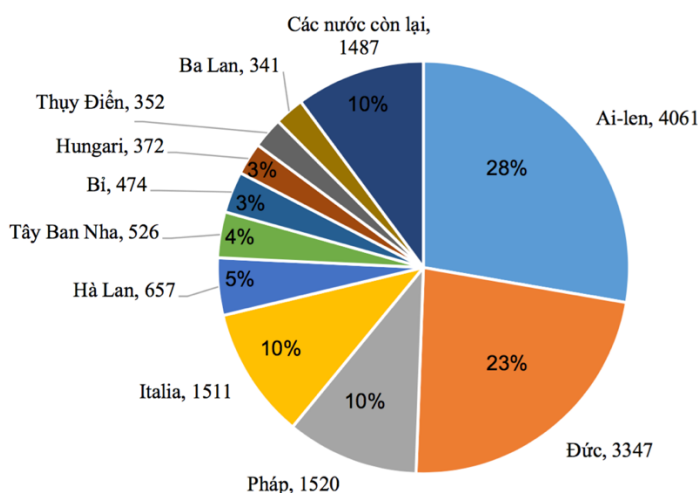
**Hình 3: Tỷ trọng xuất khẩu của Việt Nam sang các nước EU trong năm 2020<sup>9</sup>**

(Đơn vị: tỷ USD, %)



**Hình 4: Tỷ trọng nhập khẩu của Việt Nam từ các nước EU trong năm 2020<sup>10</sup>**

(Đơn vị: triệu USD, %)



<sup>8</sup> Báo cáo đánh giá 1 năm thực hiện Hiệp định EVFTA: Tác động đến kinh tế Việt Nam và sự thay đổi chính sách

<sup>9</sup> Báo cáo đánh giá 1 năm thực hiện Hiệp định EVFTA: Tác động đến kinh tế Việt Nam và sự thay đổi chính sách

<sup>10</sup> Báo cáo đánh giá 1 năm thực hiện Hiệp định EVFTA: Tác động đến kinh tế Việt Nam và sự thay đổi chính sách

Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 làm gián đoạn chuỗi cung ứng, tiềm năng phát triển thương mại và đầu tư giữa Việt Nam và Hà Lan dưới tác động của hiệp định EVFTA chưa được tận dụng triệt để. Mặc dù vậy, đây là khó khăn chung của toàn thế giới, do đó, Hà Lan vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam trong năm 2020, chiếm 20% tỷ trọng xuất khẩu của Việt Nam sang các nước EU trong khi nhập khẩu của Việt Nam từ Hà Lan chiếm 5% tỷ trọng nhập khẩu của Việt Nam từ các nước EU.<sup>11</sup>

Mặc dù vậy, 4 tháng sau khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực vào ngày 1/8/2020, kim ngạch thương mại giữa Việt Nam và Hà Lan không có nhiều thay đổi đáng kể, thực tế là giảm 0,03% so với cùng kỳ năm 2019<sup>12</sup>. Cụ thể, trong 4 tháng kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, xuất khẩu của Việt Nam sang Hà Lan đạt 2,4 tỷ USD, giảm so với cùng kỳ năm 2019. Tuy vậy, sự sụt giảm này không đáng kể trong bối cảnh đại dịch Covid-19 ảnh hưởng đến nền kinh tế toàn cầu<sup>13</sup>.

Đặc biệt, cơ cấu các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Hà Lan có một số thay đổi đáng kể dưới tác động của EVFTA khi một số mặt hàng trong nhóm này được hưởng mức thuế suất xuất khẩu bằng 0% hoặc giảm rất sâu<sup>14</sup>. Kim ngạch xuất khẩu của một số mặt hàng trong nhóm nông sản như thủy sản, hạt tiêu, cao su và gạo đã tăng dưới hiệu lực của EVFTA. Trong năm 2020, kim ngạch xuất khẩu của hầu hết các mặt hàng này sụt giảm do ảnh hưởng của Đại dịch Covid-19. Tuy vậy, từ tháng 8/2020, kim ngạch xuất khẩu thủy sản tăng 20,2%, hạt tiêu tăng 20,9%, cao su tăng 11,9% và đặc biệt là gạo tăng tới 83,7% trong khi kim ngạch xuất khẩu hạt điều và cà phê giảm so với cùng kỳ 2019. Hiệu lực giảm của 2 mặt hàng nông sản này được cho là do Hà Lan đã nhập khẩu một khối lượng lớn trước đó<sup>15</sup>. Mặt khác, xuất khẩu của một số mặt hàng tăng nhưng còn chưa tương xứng với tiềm năng của nó, nguyên nhân đến từ nhiều khía cạnh khác nhau.

Mặt khác, một số mặt hàng trong nhóm hàng công nghiệp chế biến cũng có những thay đổi đáng kể từ sau khi EVFTA có hiệu lực. Các mặt hàng như máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; phương tiện vận tải và phụ tùng; sản phẩm từ chất dẻo;

<sup>11</sup> Báo cáo đánh giá 1 năm thực hiện Hiệp định EVFTA: Tác động đến kinh tế Việt Nam và sự thay đổi chính sách

<sup>12</sup> Vụ thị trường châu Âu – châu Mỹ, Chuyên san thương mại Việt Nam – EU

<sup>13</sup> Báo cáo đánh giá 1 năm thực hiện Hiệp định EVFTA: Tác động đến kinh tế Việt Nam và sự thay đổi chính sách

<sup>14</sup> <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/thuong-mai-viet-nam-ha-lan-dat-ket-qua-kha-quan-nho-evfta.html>

<sup>15</sup> Vụ thị trường châu Âu – châu Mỹ, Chuyên san thương mại Việt Nam – EU

máy ảnh, máy quay phim và linh kiện; sản phẩm mây, tre, cói, thảm; nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày và hoá chất. Trong đó, hoá chất là mặt hàng có mức tăng đặc biệt cao trong giai đoạn đó, 134% so với cùng kỳ năm trước<sup>16</sup>. Với đà tăng trưởng như vậy, trong nửa đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu của nhóm ngành này tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ, đạt mức tăng 23% so với cùng kỳ năm 2020, chiếm tỷ trọng 86% tổng kim ngạch xuất khẩu sang Hà Lan. Có được mức tăng trưởng mạnh mẽ như vậy là nhờ có các quy định trong EVFTA, khi mà nhiều mặt hàng đã được hưởng mức thuế ưu đãi rất thấp trong chế độ thuế quan phổ cập, nay lại được hưởng mức lãi suất về 0% theo Hiệp định.<sup>17</sup>

Các cam kết về xoá bỏ thuế quan của Việt Nam dành cho các ngành xuất khẩu của EU trong Hiệp định EVFTA đã có hiệu lực đáng kể với kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ 8/2020 với mức tăng 2% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, có nhiều mặt hàng có lượng nhập khẩu tăng so với trước đây như dược phẩm, chế phẩm thực phẩm; chất dẻo nguyên liệu; thức ăn gia súc và nguyên liệu; thủy tinh<sup>18</sup>.

### *Về đầu tư*

Đầu tư của Hà Lan vào Việt Nam cũng được hưởng lợi sau khi vào EVFTA. Tính từ ngày 01/08/2020 đến ngày 01/08/2021, Hà Lan và Cộng hòa Liên bang Đức là hai quốc gia EU có tổng nguồn vốn đầu tư vào Việt Nam nhiều nhất với tổng số vốn đăng ký lần lượt là 535 triệu USD, giảm và 100 triệu USD.

Có thể thấy, tác động của Hiệp định EVFTA đến thương mại, đầu tư giữa Việt Nam và Hà Lan trong hơn một năm vừa qua là khá tích cực. Mặc dù bị ảnh hưởng nhiều của đại dịch Covid-19 và các biến động của thị trường thế giới do chiến tranh Nga- Ukraine, thương mại và đầu tư giữa hai nước vẫn có những tăng trưởng đáng kể. Tuy vậy, mức tăng trưởng này vẫn chưa thể hiện hết được tiềm năng phát triển của hai bên.

---

<sup>16</sup> Vụ thị trường châu Âu – châu Mỹ, Chuyên san thương mại Việt Nam – EU

<sup>17</sup> <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/thuong-mai-viet-nam-ha-lan-dat-ket-qua-kha-quan-nho-evfta.html>

<sup>18</sup> Vụ thị trường châu Âu – châu Mỹ, Chuyên san thương mại Việt Nam – EU

**Bảng 1: Đầu tư từ các nước EU sang Việt Nam từ 01/08/2020 đến 01/08/2021<sup>19</sup>**

(Đơn vị: triệu USD)

| Quốc gia    | Số dự án cấp mới | Vốn đăng ký cấp mới (triệu USD) | Tổng vốn đăng ký (triệu USD) |
|-------------|------------------|---------------------------------|------------------------------|
| Hà Lan      | 18               | 224,58                          | 535,99                       |
| CHLB Đức    | 11               | 51,99                           | 100,00                       |
| Pháp        | 20               | 16,27                           | 31,41                        |
| Ba Lan      | 2                | 1,12                            | 19,01                        |
| Luxembourg  | -                | -                               | 8,61                         |
| Iceland     | -                | -                               | 12,00                        |
| Tây Ban Nha | 3                | 1,00                            | 1,04                         |
| Đan Mạch    | 2                | 0,12                            | 9,18                         |
| Thụy Điển   | 3                | 0,24                            | 6,21                         |

### 3. Triển vọng thương mại - đầu tư của Việt Nam - Hà Lan

Triển vọng phát triển thương mại, đầu tư của Việt Nam và Hà Lan còn rất lớn. Tuy vậy, Việt Nam cần có những điều chỉnh phù hợp nhằm khai thác hết tiềm năng này.

*Thứ nhất*, các doanh nghiệp Việt Nam cần phải nâng cao chất lượng sản phẩm đồng thời có những điều chỉnh phù hợp để có thể cạnh tranh hơn về giá. Hiện nay, giá nhập khẩu trung bình của một số mặt hàng thủy sản như tôm và cá ngừ từ Việt Nam đến Hà Lan không cạnh tranh so với các thị trường khác. Trong khi đó, ở mặt hàng rau củ và trái cây tươi, các thị trường ở khu vực châu Mỹ đang vô cùng cạnh tranh về giá và thời gian vận chuyển. Đây là bài toán mà các doanh nghiệp Việt Nam cần phải xử lý để có thể tận dụng hơn nữa các ưu đãi nhận được từ EVFTA.<sup>20</sup>

*Thứ hai*, triển vọng thương mại giữa hai nước ở mặt hàng thủy sản còn rất lớn, tuy vậy, các doanh nghiệp thủy sản của Việt Nam cần gỡ bỏ các rào cản ảnh hưởng đến việc xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang EU nói chung và Hà Lan nói riêng. Trong khi các hoạt động vận tải, logistics gặp nhiều trở ngại do ảnh hưởng của đại dịch Covid và chiến tranh Nga- Ukraine, mặt hàng thủy sản của Việt Nam còn gặp cản trở từ thẻ vàng IUU đối với xuất khẩu thủy sản khai thác, cũng như các biện pháp kiểm soát chặt chẽ hơn đối với các thực phẩm nhập khẩu theo quy định mới của EU có hiệu lực từ ngày 21/4/2021. Các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản của Việt Nam cần phải

<sup>19</sup> Báo cáo đánh giá 1 năm thực hiện Hiệp định EVFTA: Tác động đến kinh tế Việt Nam và sự thay đổi chính sách

<sup>20</sup> <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/them-cau-noi-de-xuat-khau-hang-viet-sang-eu-84072.htm>

ngiên cứu kỹ hơn các quy định mới này cũng như tìm cách tháo gỡ thẻ vàng IUU đối với các hoạt động khai thác thủy sản ở Việt Nam<sup>21</sup>.

Hà Lan là cửa ngõ đối với nhiều loại hàng hóa nhập khẩu vào EU vì tập trung nhiều cảng biển lớn. Do đó, nhiều mặt hàng, trong đó có thủy sản được các nhà nhập khẩu thủy sản của EU nhập khẩu về Hà Lan và xuất khẩu trở lại các nước trong EU. Do đó, trong nhiều năm qua, Hà Lan là thị trường nhập khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam tại EU. Hiệp định EVFTA có hiệu lực được kỳ vọng tác động mạnh tới kết quả xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tới Hà Lan với những ưu đãi về thuế đối với các nhóm hàng thủy sản.

Trong đó, xuất khẩu tôm, cá tra và cá ngừ chiếm tỷ trọng lớn cả về số lượng và trị giá xuất khẩu. Trong ba nhóm hàng xuất khẩu chính chỉ có nhóm hàng tôm có lượng và trị giá xuất khẩu tăng so với cùng kỳ năm 2020. Hà Lan là thị trường tiêu thụ tôm lớn nhất của Việt Nam trong khối EU và Việt Nam là thị trường cung cấp tôm lớn thứ ba cho Hà Lan sau Maroc và Ấn Độ. Ngoài ra, xuất khẩu của nhóm hàng nghêu và mực sang Hà Lan cũng đang tăng mạnh trong quý đầu năm 2021. Tuy nhiên, mức giá hiện nay của mặt hàng này ở Hà Lan cao hơn so với các nước khác, sẽ khiến lợi thế từ EVFTA với các sản phẩm tôm của Việt Nam tại Hà Lan giảm. Bên cạnh đó, Hà Lan cũng là nước có nhu cầu cá ngừ và cá tra lớn ở EU, là hai nhóm hàng chủ lực của thủy sản Việt Nam.<sup>22</sup>

Dự báo, nhu cầu nhập khẩu thủy sản của Hà Lan sẽ tăng trong thời gian tới, do nhu cầu tiêu dùng và nhập khẩu của EU tăng. Hà Lan là cửa ngõ của EU do có nhiều cảng biển lớn nên nhập khẩu thủy sản vào Hà Lan để xuất khẩu tới những thị trường khác cũng tăng. Để thúc đẩy xuất khẩu thủy sản tới Hà Lan trong giai đoạn tới, các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản của Việt Nam cần tập trung tháo gỡ các vấn đề nêu trên.

*Thứ ba*, đối với nhiều mặt hàng nông sản, đặc biệt là đặc sản các vùng miền của Việt Nam như quả vải thiều gần đây được người tiêu dùng Hà Lan đón nhận. Tuy vậy, thị trường Hà Lan cũng có những tiêu chuẩn chặt chẽ về tiêu chí môi trường nên bao bì của các sản phẩm xuất khẩu cũng cần được làm từ những chất liệu thân thiện với môi trường, để phân hủy cùng với đó là phải tuân thủ chặt chẽ các yêu cầu bắt buộc về

<sup>21</sup> [https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/thuong-mai-viet-nam-ha-lan-dat-ket-qua-kha-quan-nho-evfta.html?fbclid=IwAR0RzRZGbChnMPVITPyYgJgOJ4pvhweh1XRlxjd\\_PcMmeny7bEehPyqWxC0](https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/thuong-mai-viet-nam-ha-lan-dat-ket-qua-kha-quan-nho-evfta.html?fbclid=IwAR0RzRZGbChnMPVITPyYgJgOJ4pvhweh1XRlxjd_PcMmeny7bEehPyqWxC0)

<sup>22</sup> <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/xuat-khau-thuy-san-sang-ha-lan-tac-dong-manh-boi-evfta-83804.htm>

an toàn thực phẩm, đáp ứng được dư lượng thuốc trừ sâu trong giới hạn cho phép. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng cần chú ý hơn đến đối tượng mua hàng của mình. Nếu bán cho khách sỉ, đóng gói của sản phẩm có thể để túi to 20-25kg nhưng nếu bán trong siêu thị thì cần đóng gói trong các túi nhỏ, vừa mua khoảng 4-500g hoặc nhỏ hơn.<sup>23</sup>

*Thứ tư*, dù triển vọng xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Hà Lan được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng trong thời gian tới. Việt Nam hiện là thị trường nhập khẩu ngoại khối lớn thứ 9 của Hà Lan và lớn thứ nhì trong khu vực ASEAN (chỉ đứng sau Malaysia). Mặc dù vậy, tỷ trọng hàng Việt Nam tại Hà Lan còn khá khiêm tốn. Dù tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của Việt Nam sang Hà Lan trong 4 tháng đầu năm 2021 tăng 9,6% so với cùng kỳ năm trước nhưng chỉ chiếm 1,3% tỷ trọng trên tổng nhập khẩu của Hà Lan. Việt Nam cần tận dụng tốt ưu đãi thuế quan từ Hiệp định EVFTA với loạt cam kết ưu đãi thuế quan với hầu hết các mặt hàng và như cầu tiêu dùng của Hà Lan cũng như các nước thành viên EU đang dần hồi phục sau đại dịch Covid-19.<sup>24</sup>

*Cuối cùng*, Việt Nam cũng có triển vọng rất lớn trong việc xuất khẩu các sản phẩm trong nhóm hàng công nghiệp tiêu dùng khi nhu cầu của người dân nước này ở nhóm sản phẩm này đang tăng trở lại. Theo đó, tháng 6/2021 ghi nhận mức tăng 8% ở doanh thu của lĩnh vực phi thực phẩm ở Hà Lan so với cùng kỳ năm 2020 và tăng 17.8% so với cùng kỳ năm 2019, trước khi đại dịch diễn ra. Các doanh nghiệp cần tận dụng cơ hội này để mở rộng thị trường của mình.

#### **Tài liệu tham khảo**

1. Vụ thị trường châu Âu - châu Mỹ, Chuyên san thương mại Việt Nam – EU.
2. Báo cáo đánh giá 1 năm thực hiện Hiệp định EVFTA: Tác động đến kinh tế Việt Nam và sự thay đổi chính sách.
3. <https://www.qdnd.vn/chinh-tri/cac-van-de/dua-quan-he-viet-nam-ha-lan-phat-trien-sau-rong-hieu-qua-hon-571214>
4. <https://www.qdnd.vn/chinh-tri/cac-van-de/dua-quan-he-viet-nam-ha-lan-phat-trien-sau-rong-hieu-qua-hon-571214>
5. <https://dangcongsan.vn/kinh-te/viet-nam-ha-lan-hop-tac-thuc-day-cac-du-an-thuong-mai-logistics-nang-luong-ben-vung-608769.html>

<sup>23</sup> <https://vietrade.gov.vn/tin-tuc/7785/tu-van-xuat-khau-nong-san-thuy-san-sang-thi-truong-ha-lan.html>

<sup>24</sup> <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/thuong-mai-viet-nam-ha-lan-dat-ket-qua-kha-quan-nho-evfta.html>

6. [https://vcci.com.vn/uploads/P-HSTT-Ha-Lan-\\_03.2020.pdf?gidzl=1StVT29f2dI-qjjq97uFSRIIrdOw8LGcfTU1A3Xr0YgZrzOhQdG5Aw24t7yx8Lr\\_fOQ5Vp6lbU0s86u9T0](https://vcci.com.vn/uploads/P-HSTT-Ha-Lan-_03.2020.pdf?gidzl=1StVT29f2dI-qjjq97uFSRIIrdOw8LGcfTU1A3Xr0YgZrzOhQdG5Aw24t7yx8Lr_fOQ5Vp6lbU0s86u9T0)
7. <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/them-cau-noi-de-xuat-khau-hang-viet-sang-eu-84072.htm>
8. <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/xuat-khau-thuy-san-sang-ha-lan-tac-dong-manh-boi-evfta-83804.htm>
9. <https://vietrade.gov.vn/tin-tuc/7785/tu-van-xuat-khau-nong-san-thuy-san-sang-thi-truong-ha-lan.html>
10. <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/thuong-mai-viet-nam-ha-lan-dat-ket-qua-kha-quan-nho-evfta.html>



## EVFTA VÀ TRIỂN VỌNG HỢP TÁC THƯƠNG MẠI, ĐẦU TƯ VIỆT NAM - PHÁP

*ThS.Đỗ Hồng Huyền*  
*Viện Nghiên cứu Châu Âu*

**Tóm tắt:** *Việt Nam là một trong những nền kinh tế phát triển nhanh, năng động nhất khu vực ASEAN. Chính phủ Việt Nam đã và đang nỗ lực không ngừng tạo lập hành lang pháp lý thông thoáng để thu hút hợp tác thương mại, đầu tư từ nước ngoài nói chung, từ Pháp nói riêng, nhất là trong những lĩnh vực thế mạnh mà các bên cùng quan tâm. Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA) là một trong những Hiệp định vô cùng quan trọng đối với hoạt động thương mại Việt Nam-Pháp. Đây là nền tảng pháp lý căn bản để tạo ra khuôn khổ hợp tác kinh tế - thương mại - đầu tư lâu dài, ổn định, bảo đảm việc thực hiện các cam kết tự do hóa thương mại giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EU), Việt Nam và Pháp.*

### **1. Khái quát về quan hệ hợp tác thương mại, đầu tư Việt Nam - Pháp**

Kể từ khi thiết lập quan hệ song phương đến nay, Việt Nam và Pháp luôn tạo dấu ấn trong quan hệ thương mại với những con số xuất khẩu ấn tượng. Đặc biệt, với việc EVFTA đi vào thực thi đã tạo đà cho hàng hoá Việt Nam xuất khẩu sâu hơn vào khu vực châu Âu, trong đó có Cộng hoà Pháp. Quan hệ thương mại Việt Nam - Pháp đang phát triển theo hướng có lợi cho Việt Nam và xu hướng này sẽ còn tiếp tục trong thời gian tới nhờ cơ cấu hàng xuất khẩu của Việt Nam phù hợp với phân khúc thị trường tầm trung và thấp tại Pháp.

Pháp là đối tác đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) lớn thứ hai của Liên minh châu Âu (EU) tại Việt Nam với tổng vốn đăng ký hơn 3,6 tỷ USD, chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và bất động sản. Pháp có nhiều lợi thế trong các lĩnh vực viễn thông, năng lượng tái tạo, môi trường, y học, công nghiệp chế tạo, nông sản, cơ sở hạ tầng, logistics... Đây là những lĩnh vực rất phù hợp với định hướng thu hút đầu tư nước ngoài của Việt Nam. Tuy nhiên, theo đánh giá của ông Đinh Toàn Thắng - Đại sứ Việt Nam tại Pháp, kết quả hợp tác kinh tế nêu trên tuy đáng khích lệ nhưng vẫn chưa hoàn toàn tương xứng với tiềm năng hợp tác của hai bên.<sup>25</sup>

<sup>25</sup> Thông tấn xã Việt Nam (2022), *Tiềm năng lớn trong hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và Pháp*, <https://www.vietnamplus.vn/tiem-nang-lon-trong-hop-tac-kinh-te-giua-viet-nam-va-phap/798084.vnp>, truy cập 28/7/2022.

Về thương mại, Pháp luôn là một trong những đối tác hàng đầu của Việt Nam trong khối EU. Kim ngạch thương mại Việt Nam - Pháp đạt mức tăng trưởng tốt với tốc độ tăng trưởng bình quân 15,7%/năm trong giai đoạn năm 2011-2019. Riêng trong lĩnh vực xuất khẩu, Pháp hiện là thị trường xuất khẩu lớn thứ 4 của Việt Nam trong EU27, chỉ đứng sau Hà Lan, Đức, Áo và chiếm khoảng 10% tỷ trọng trên tổng xuất khẩu hàng hóa sang EU. Mặc dù vậy tỷ trọng hàng Việt Nam tại thị trường này còn khá khiêm tốn, chỉ chiếm khoảng 1,1% trên tổng lượng hàng nhập khẩu của Pháp. Do ảnh hưởng từ dịch Covid-19, năm 2020 kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và Pháp chỉ đạt 4,8 tỷ USD, giảm 10% so với năm 2019; trong đó, xuất khẩu đạt gần 3,3 tỷ USD, giảm 12,3% và nhập khẩu đạt gần 1,6 tỷ USD, giảm 4,4%. Riêng tháng 9/2021, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa Việt Nam sang Pháp đạt 187,9 triệu USD và tính chung 9 tháng năm 2021, kim ngạch xuất khẩu đạt 2,25 tỷ USD, giảm 9,9% so với cùng kỳ năm trước.<sup>26</sup>

Theo Vụ Thị trường châu Âu-châu Mỹ, hàng hoá của Việt Nam xuất khẩu sang Pháp tương đối phong phú, đa dạng, bao gồm: giày dép; dệt may; đồ gia dụng; hàng nông, lâm, thủy sản; đá quý, đồ trang sức; đồ điện, điện tử; dụng cụ cơ khí; gốm sứ các loại; cao su; than đá; đồ chơi, sản phẩm thể thao, giải trí; sản phẩm nhựa; hàng mây tre đan... Tuy nhiên, thực tế cho thấy xuất khẩu của Việt Nam sang Pháp vẫn còn hạn chế và chưa tương xứng với tiềm năng.

## **2. Thực trạng hợp tác thương mại, đầu tư Việt Nam - Pháp trong bối cảnh thực thi EVFTA**

EVFTA có hiệu lực vào ngày 01/8/2020, là dấu mốc quan trọng trong quan hệ hợp tác thương mại giữa Việt Nam và 27 nước EU, hứa hẹn sẽ mang đến những cơ hội to lớn cho thị trường xuất khẩu của Việt Nam, đặc biệt là các mặt hàng nông, lâm, thủy sản mà Việt Nam có những lợi thế cạnh tranh, đồng thời thu hút nhiều nhà đầu tư đến từ EU thâm nhập vào thị trường nước nhà. Đây là một thỏa thuận thương mại mang tính bước ngoặt, cung cấp khuôn khổ ổn định và lâu dài cho hợp tác thương mại, kinh tế và đầu tư giữa Việt Nam và EU, bao gồm cả Pháp. Về mức độ mở cửa thị trường, EVFTA có mức độ mở cửa thị trường cao hơn trong WTO đối với một số ngành, như: dịch vụ viễn thông, dịch vụ tài chính, dịch vụ phân phối, vận tải. Về thương mại hàng hóa, EU cam kết xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với khoảng 85,6% số dòng thuế, tương đương với 70,3% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU.

---

<sup>26</sup> Uyên Hương (2021), *Đưa quan hệ thương mại Việt Nam - Pháp lên tầm cao mới*, <https://www.mpi.gov.vn/PageS/tinbai.aspx?idTin=52078&idcm=49>, truy cập 28/7/2022.

Từ khi thực thi EVFTA, xuất khẩu của Pháp sang Việt Nam tăng mạnh hơn rất nhiều (+ 29% so với mức trung bình thế giới là + 15,2% năm 2021) so với nhập khẩu (+ 2,6% so với mức trung bình thế giới là 18,7% năm 2021), Pháp đã cố gắng ổn định thâm hụt thương mại với Việt Nam vào năm 2021, tuy nhiên vẫn ở mức cao (-4,3 tỷ EUR). Trao đổi thương mại của Pháp đã tăng 6,6% vào năm 2021 và đạt 6,7 tỷ EUR, thấp hơn so với năm 2019 nhưng có thể so sánh với con số đạt được vào năm 2018. Năm 2021, Việt Nam đứng thứ 46 trong số các khách hàng của Pháp (và thứ 28 bên ngoài EU) với 1,2 tỷ EUR xuất khẩu của Pháp. Việt Nam đồng thời là nhà cung cấp thứ 21 của Pháp (và thứ 11 ngoài EU) nhờ doanh thu 5,5 tỷ EUR. Pháp hiện có mức thâm hụt lớn thứ 7 toàn cầu với Việt Nam và thứ hai với một quốc gia ngoài EU, sau Trung Quốc.

Năm 2021, xuất khẩu của Pháp đã tăng mạnh một phần nhờ vào sự phục hồi trong hệ thống giao hàng của Airbus mà thực tế đã dừng lại vào năm 2020. Riêng lĩnh vực này, chiếm 17% doanh thu bán hàng của Pháp, lý giải 70% sự gia tăng doanh số bán hàng của Pháp tại Việt Nam vào năm 2021.

Xuất khẩu của Việt Nam sang Pháp tăng 2,6% vào năm 2021, vẫn tập trung vào giày dép và dệt may (59% hàng xuất khẩu của Việt Nam) và sản phẩm điện tử (27% trong tổng số).<sup>27</sup> Ở chiều ngược lại, hàng hóa nhập khẩu từ Pháp về Việt Nam đa phần là những mặt hàng có giá trị cao, hàm lượng chất xám và công nghệ lớn; trong đó, dược phẩm, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải luôn chiếm tỷ trọng đáng kể và kim ngạch nhập khẩu cao. Riêng năm 2020, nhập khẩu hàng hóa từ Pháp về Việt Nam đạt hơn 1,5 tỷ USD, giảm 4,3% so với năm 2019.<sup>28</sup>

### **3. Các kết quả đạt được trong hợp tác thương mại, đầu tư giữa hai nước**

#### **3.1. Về phía Pháp**

*Các dự án đầu tư của Pháp.* Theo thống kê của Việt Nam, Pháp đứng thứ 3 trong số các quốc gia châu Âu đầu tư vào Việt Nam vào cuối năm 2020, sau Hà Lan (thứ 10) và Vương quốc Anh (thứ 15), ở vị trí thứ 16 với 614 dự án với tổng số tiền là 3,6 tỷ USD. Tính đến ngày 20/8/2021, Pháp đứng thứ 16/140 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu

<sup>27</sup> Đại sứ quán Pháp tại Hà Nội, *Quan hệ kinh tế song phương*, <https://vn.ambafrance.org/Quan-he-kinh-te-song-phuong>, truy cập 29/7/2022.

<sup>28</sup> Uyên Hương (2021), *Đưa quan hệ thương mại Việt Nam - Pháp lên tầm cao mới*, <https://www.mpi.gov.vn/PageS/tinbai.aspx?idTin=52078&idcm=49>, truy cập 28/7/2022.

tu vào Việt Nam với 632 dự án còn hiệu lực, tổng vốn đầu tư trên 3,6 tỷ USD.<sup>29</sup> Trong đó, dự án Metro số 3 là dự án nhận được sự tài trợ rất lớn từ phía Pháp và góp phần quan trọng vào việc cải thiện tình hình giao thông của Hà Nội cũng như giảm thiểu phát thải gây hiệu ứng nhà kính trong bối cảnh thế giới đang phải đối mặt với sự đe dọa của biến đổi khí hậu. Có thể nói, đây là dự án mang tính biểu trưng cho quan hệ hợp tác kinh tế giữa hai nước. Ngoài ra, một lĩnh vực khác là trao đổi thương mại giữa hai nước, chủ yếu là trao đổi giữa các doanh nghiệp Việt Nam và Pháp. Hàng hóa của Pháp đang hiện diện ngày càng nhiều tại thị trường Việt Nam như máy bay, ô tô hay các sản phẩm trong lĩnh vực du lịch.

*Các doanh nghiệp Pháp hoạt động tại Việt Nam.* Nhiều doanh nghiệp thành viên hiện đang kinh doanh rất thành công tại Việt Nam, trong đó có tập đoàn gia đình Thuasne chuyên về sản xuất dụng cụ bảo hộ y tế, hay Boehringer Ingelheim về sức khỏe thú y. Ông khẳng định mong muốn tăng cường hợp tác trong những lĩnh vực thế mạnh của doanh nghiệp Lyon và theo nhu cầu của đối tác Việt Nam.<sup>30</sup>

Loại hình các công ty Pháp có mặt tại Việt Nam xoay quanh ba loại chính. Một là: các công ty tham gia thực hiện các dự án lớn - nhiều nhưng tiếp cận chậm và phức tạp, địa bàn tự nhiên cho các công ty Pháp nhưng không hẳn là phù hợp nhất. Hai là: các công ty nhập khẩu từ châu Á, chế biến hoặc lắp ráp trong nước để tái xuất sang châu Âu - một cách tiếp cận cổ điển đối với thị trường Đông Nam Á (Thái Lan) nhưng lại ít phổ biến ở Việt Nam (chỉ Scheider Electric, Sanofi...). Ba là: các công ty xuất khẩu từ Pháp, hoặc tìm cách xuất khẩu từ Pháp, các mặt hàng tiêu dùng hàng ngày.

Có mặt khoảng 2/3 tại thành phố Hồ Chí Minh, phần còn lại đặt tại Hà Nội, EFE (các công ty của Pháp ở nước ngoài) đôi khi thuộc sở hữu của người Pháp hoạt động tại Việt Nam hoặc của đôi bên Pháp-Việt hoặc Việt kiều. Tuy nhiên, nằm dưới sự điều chỉnh của luật pháp địa phương, các công ty này có liên kết gián tiếp với Pháp thông qua người sáng lập, hoạt động, liên kết vốn hoặc hình ảnh của mình. Hiện diện trong tất cả các lĩnh vực, theo ước tính, các công ty này đại diện cho 20.000 việc làm và 4 đến 5 tỷ USD doanh thu. Trong số các EFE chính được thành lập tại Việt Nam, có ít nhất bốn công ty thành công lớn như: Open Asia, Apple Tree, Archetype và New Viet Dairy. Ngược lại, những công ty khác, đặc biệt là các doanh nghiệp rất nhỏ trong

<sup>29</sup> Uyên Hương (2021), *Đưa quan hệ thương mại Việt Nam - Pháp lên tầm cao mới*, <https://www.mpi.gov.vn/PageS/tinbai.aspx?idTin=52078&idcm=49>, truy cập 28/7/2022.

<sup>30</sup> Thu Hà (2022), *Việt Nam tăng cường hợp tác với trung tâm công nghiệp hàng đầu của Pháp*, <https://www.vietnamplus.vn/viet-nam-tang-hop-tac-voi-trung-tam-cong-nghiep-hang-dau-cua-phap/797246.vnp>

ngành du lịch và khách sạn, đã bị ảnh hưởng nặng nề bởi cuộc khủng hoảng y tế hiện nay và có thể không hồi phục được.

### **3.2. Về phía Việt Nam**

Để thúc đẩy việc đưa hàng Việt Nam vào thị trường Pháp, nhiều hoạt động xúc tiến thương mại qua hệ thống phân phối của Pháp đã và đang liên tục được triển khai. Chẳng hạn, lô vải thiều Thanh Hà đầu tiên gắn tem truy xuất nguồn gốc itrace247 đã có mặt tại hệ thống siêu thị Á Châu tại Paris. Với tem truy xuất nguồn gốc itrace247, người tiêu dùng tại Pháp có thể ngay lập tức tiếp cận toàn bộ lịch trình chi tiết từ quá trình nuôi trồng, chăm sóc thu hoạch hay đóng gói đều được hiển thị rõ ràng theo trình tự thời gian.

Cho tới nay, quả vải Việt Nam mặc dù vẫn đang được nhập khẩu vào Pháp nhưng đều qua kênh nhập khẩu số lượng nhỏ, nhập khẩu chung với các loại trái cây khác. Hoặc, đưa vào Pháp từ các nước EU khác có điều kiện nhập khẩu ít ngặt nghèo hơn và gần như chưa được phân phối tại các hệ thống siêu thị lớn tại Pháp. Trong bối cảnh đó, lô hàng gần 1 tấn vải thiều đầu tiên có gắn tem truy xuất nguồn gốc được nhập khẩu chính ngạch có ý nghĩa “khai thông” quan trọng cho quả vải nói riêng và nông sản Việt chất lượng cao nói chung vào thị trường Pháp.

Cùng với quả vải, số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại quốc tế cho thấy, quý I/2021, Pháp giảm nhập khẩu hạt điều từ nhiều nguồn cung, nhưng tăng mạnh từ Việt Nam và Hà Lan. Thị phần hạt điều của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Pháp tăng từ 58,7% trong quý I/2020 lên 63,35% quý I/2021. Nhu cầu tiêu thụ hạt điều của Pháp được dự báo sẽ tăng trưởng trong thời gian tới, là cơ hội cho các nhà xuất khẩu Việt Nam.

### **4. Triển vọng hợp tác thương mại, đầu tư Việt Nam-Pháp trong thời gian tới**

Với những tiềm năng sẵn có, Pháp có nhiều lợi thế khi đầu tư vào Việt Nam như:

*i) Tiếp cận các thị trường mới.* Hiệp định EVFTA đã đưa Việt Nam trở thành quốc gia thứ hai ở Đông Nam Á ký kết hiệp định thương mại với Liên minh châu Âu, sau Singapore. EVFTA có thể tăng xuất khẩu của Việt Nam sang Liên minh châu Âu lên 42,7% vào năm 2025 và 44,37% vào năm 2030. Việt Nam cũng là một phần của CPTPP với các nước châu Á-Thái Bình Dương, kể từ tháng 12/2018 và RCEP với 14 nước láng giềng châu Á, kể từ tháng 11/2020. Ba hiệp định này bao phủ khoảng 81% các luồng thương mại của Việt Nam vào năm 2020.

ii) *Sự xuất hiện của tầng lớp trung lưu Việt Nam.* Theo Ngân hàng Thế giới, tầng lớp này sẽ đạt 50% dân số vào năm 2035 và sẽ đi kèm với hành vi tiêu dùng mới.

iii) *Dân số Việt Nam đang già đi nhanh chóng.* Tỷ lệ người trên 65 tuổi sẽ tăng gấp đôi trong vòng chưa đầy 20 năm (từ 6,7% hiện nay lên 14,4% vào năm 2035), một xu hướng dẫn đến nhu cầu mới về cơ sở hạ tầng và thiết bị y tế.

iv) *Nhu cầu mạnh mẽ về cơ sở hạ tầng,* ước tính khoảng 20 tỷ USD mỗi năm vào năm 2030.

v) *Sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam.*<sup>31</sup>

Trong buổi tọa đàm kinh tế Việt Nam - Pháp diễn ra tại Paris ngày 23/6/2022, hai bên đều cho rằng, quan hệ chính trị ngày càng tốt đẹp giữa hai nước cùng với sự phát triển nhanh trên nhiều lĩnh vực ở Việt Nam là điều kiện rất thuận lợi để các doanh nghiệp Pháp tăng cường đầu tư ở Việt Nam. Việc tổ chức sự kiện với chủ đề “Phát triển dòng chảy kinh doanh với Việt Nam” đã góp phần thúc đẩy hơn nữa quan hệ hợp tác kinh tế giữa hai nước. Môi trường kinh doanh tại Việt Nam ngày càng thuận lợi và hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài vì Việt Nam có tới 15 Hiệp định thương mại tự do (FTA) đã có hiệu lực và đang triển khai với các nước. Phía Pháp khẳng định môi trường đầu tư ở Việt Nam rất hấp dẫn với nguồn lao động dồi dào, tình hình chính trị xã hội ổn định, cơ sở hạ tầng sản xuất và lưu thông cùng các ưu đãi đầu tư. Chính phủ Việt Nam luôn dành sự quan tâm đặc biệt đến các nhà đầu tư, sát cánh cùng các doanh nghiệp vượt qua khó khăn để cùng phát triển. Do đó, về lâu dài, Việt Nam vẫn là điểm đến hấp dẫn đối với nhà đầu tư nước ngoài. Đại diện của Tập đoàn Khu công nghiệp DEEP C - cảng Hải Phòng và Tập đoàn Rosemont Business Asia đã chia sẻ những hiểu biết của họ về thị trường Việt Nam, giúp cộng đồng doanh nghiệp Pháp nắm được những thành tựu phát triển kinh tế-xã hội, nhất là những đột phá, mở cửa về thể chế, chính sách nhiều ưu đãi với doanh nghiệp nước ngoài. Nhiều doanh nghiệp Pháp thể hiện sự quan tâm tới thị trường Việt Nam và đặt câu hỏi về các lĩnh vực đầu tư ưu tiên của Việt Nam trong thời gian tới như thuế suất tại các khu công nghiệp, chính sách ưu đãi đầu tư, chiến lược và chính sách phát triển năng lượng tái tạo tại Việt Nam. Các doanh nghiệp Pháp cũng quan tâm tới sự hỗ trợ của Chính phủ Việt Nam đối với doanh nghiệp nước ngoài trong việc nghiên cứu và phát triển các sản

---

<sup>31</sup> Đại sứ quán Pháp tại Hà Nội, *Quan hệ kinh tế song phương*, <https://vn.ambafrance.org/Quan-he-kinh-te-song-phuong>, truy cập 29/7/2022.

phẩm mới, định hướng hợp tác trong lĩnh vực dược phẩm, cũng như chính sách đối với các dự án khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo...<sup>32</sup>

Để hỗ trợ các doanh nghiệp Pháp xúc tiến các dự án đầu tư tại Việt Nam, các luật sư Việt kiều hiểu rõ luật pháp ở Việt Nam và Pháp, sẽ là những người sẵn sàng tư vấn và đồng hành cùng các doanh nghiệp ngay từ những bước đầu tiên tại Việt Nam, giúp họ kết nối với các đối tác tại Việt Nam.

Quan hệ tốt đẹp giữa hai nước cùng với những điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài và cả kinh nghiệm của các doanh nghiệp Pháp đang làm ăn tại Việt Nam là cơ sở thu hút thêm nhiều nhà đầu tư Pháp. Hiện nay tất cả các điều kiện thuận lợi đã hội tụ và là thời điểm rất tốt để các nhà đầu tư Pháp xúc tiến các dự án tại Việt Nam.

Giai đoạn khó khăn do đại dịch Covid-19 hiện đã qua, nên các doanh nghiệp Pháp cần nhanh chóng tìm kiếm cơ hội kinh doanh tại Việt Nam. Cùng với vị trí địa lý quan trọng ở ASEAN, Việt Nam là điểm đầu tư rất hấp dẫn với nguồn lao động dồi dào và có trình độ ngày càng cao. Đó cũng là cơ sở để các doanh nghiệp từ các khu vực khác trên thế giới đang tăng cường đầu tư vào Việt Nam.

Đại diện Phòng Thương mại và Công nghiệp Pháp - Việt Nam và các doanh nghiệp bày tỏ mong muốn trong năm 2022 và những năm tiếp theo sẽ tiếp tục nhận được sự hợp tác tích cực từ Đại sứ quán Việt Nam tại Pháp. Các buổi tọa đàm trao đổi giữa hai bên giúp các doanh nghiệp Pháp nắm bắt rõ hơn các cơ hội kinh doanh và đầu tư tại Việt Nam, qua đó góp phần thúc đẩy quan hệ hợp tác đầu tư-thương mại giữa hai nước.<sup>33</sup>

Với quá trình hội nhập quốc tế và hành lang pháp lý ngày càng đồng bộ, kết hợp với những thành tựu phát triển kinh tế-xã hội, tiềm năng, lợi thế của Việt Nam và sự quyết tâm của chính phủ, mối quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Pháp trong thời gian tới sẽ có sự bứt phá mạnh mẽ, cả về đầu tư cũng như số lượng và chất lượng. Để làm được điều này, hai bên cần vượt qua những rào cản như sự khác biệt về văn hóa và xã hội, đồng thời không chỉ chú trọng đầu tư sản xuất, mà cần quan tâm đến cả việc phát triển các lĩnh vực khác như dịch vụ hay công nghiệp phụ trợ.

<sup>32</sup> Nguyễn Thu Hà (2022), Việt Nam-Pháp trao đổi thông tin nhằm thúc đẩy hợp tác thương mại, <https://www.vietnamplus.vn/viet-namphap-trao-doi-thong-tin-nham-thuc-day-hop-tac-thuong-mai/800331.vnp>, truy cập ngày 29/7/2022.

<sup>33</sup> Khải Hoàn, Minh Duy (2022), *Thúc đẩy hợp tác thương mại và đầu tư Việt Nam-Pháp*, <https://nhandan.vn/thuc-day-hop-tac-thuong-mai-va-dau-tu-viet-nam-phap-post702600.html>

Nhìn nhận ở góc độ rộng hơn, EU nói chung và Pháp nói riêng cần phát triển mối quan hệ sâu sắc hơn với Việt Nam vì Việt Nam có vị trí địa chính trị quan trọng để EU có thể tiếp cận gần hơn với châu Á và Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). Đó là chưa kể Việt Nam có một nguồn nhân lực chất lượng cao, nhiều người giỏi ngoại ngữ, kỹ thuật và y tế. Việc tăng cường hợp tác Việt Nam-EU, Việt Nam-Pháp sẽ giúp “đôi bên đều có lợi”. Đây là thời điểm thích hợp để làm sâu sắc thêm mối quan hệ kinh tế vì hai nước đã có mối quan hệ chính trị và ngoại giao bền vững. Một vị thế mới cho các mối quan hệ kinh tế sẽ giúp tạo thuận lợi cho đầu tư của châu Âu vào Việt Nam và cũng như tạo điều kiện cho người Việt Nam đến châu Âu, góp phần xây dựng quan hệ đối tác trong các lĩnh vực chiến lược như năng lượng, y tế, giao thông, môi trường và nguồn nhân lực.<sup>34</sup>

Các doanh nghiệp Pháp đã đặt nhiều câu hỏi và chia sẻ những quan tâm và mong muốn phát triển thị trường tại Việt Nam đối với một số dự án về nông nghiệp sạch, các dự án có tính đổi mới sáng tạo, hợp tác trong lĩnh vực bệnh viện, dược phẩm, mỹ phẩm, chăm sóc sức khỏe, du lịch,... Bên cạnh đó, doanh nghiệp hai bên đều bày tỏ sự ủng hộ mạnh mẽ và niềm tin đối với những cơ hội hợp tác giữa hai nước trong bối cảnh dịch Covid-19 đang dần được kiểm soát, đánh giá cao những thành tựu phát triển kinh tế-xã hội của Việt Nam, đặc biệt là những đột phá, mở cửa về thể chế, chính sách. Cùng với đó là những tín hiệu tốt về tăng trưởng kim ngạch thương mại song phương hai nước không ngừng gia tăng; quan hệ hợp tác, đầu tư giữa doanh nghiệp hai nước cũng đang ngày càng phát triển tích cực.<sup>35</sup> Các doanh nghiệp Pháp rất quan tâm đến thị trường Việt Nam vì họ thấy ở đây nhiều cơ hội để cùng phát triển.

### ***Một số giải pháp tăng cường xuất khẩu hàng Việt Nam tại Pháp***

Để hàng hóa nông, thủy sản Việt Nam hiện diện nhiều hơn tại thị trường Pháp, các chuyên gia cho rằng, cần có những chiến lược để thu hút người tiêu dùng. Hơn nữa, giá bán hợp lý cũng là một yếu tố để có thể đưa hàng hóa vào được chợ đầu mối hoặc các hệ thống siêu thị đối tác tiềm năng. Bên cạnh đó, cần có chương trình hành động bài bản, kiên trì theo đuổi các đối tác tiềm năng, xây dựng lòng tin cũng như chứng minh được năng lực hợp tác và chất lượng sản phẩm.

<sup>34</sup> Thông tấn xã Việt Nam (2022), *Tiềm năng lớn trong hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và Pháp*, <https://www.vietnamplus.vn/tiem-nang-lon-trong-hop-tac-kinh-te-giua-viet-nam-va-phap/798084.vnp>, truy cập 28/7/2022.

<sup>35</sup> Thu Hà (2022), Việt Nam và vùng Nice Côte d'Azur thúc đẩy đầu tư và thương mại <https://www.vietnamplus.vn/viet-nam-va-vung-nice-cote-dazur-thuc-day-dau-tu-va-thuong-mai/788023.vnp>, truy cập 28/7/2022.



Ngoài ra, khâu vận chuyển là khó khăn chung đối với đa số các công ty xuất khẩu Việt Nam, nhưng nếu thuyết phục được nhà nhập khẩu về chất lượng sản phẩm, các nhà xuất khẩu nông, thủy sản Việt Nam còn có được một lợi thế khác. Cụ thể, với mức thuế gần như bằng không, giá bán đến người tiêu dùng sẽ cạnh tranh hơn so với những sản phẩm cùng chủng loại được nhập từ các nước khác, không có Hiệp định EVFTA.

Theo khuyến cáo từ Thương vụ Việt Nam tại Pháp, cơ hội cho hàng Việt tiếp tục thâm nhập vào thị trường Pháp là rất lớn, tuy nhiên, giống như những quốc gia khác thuộc khu vực châu Âu, yêu cầu đòi hỏi của thị trường này cũng rất cao.

Do đó, các nhà cung cấp cần tiếp tục nỗ lực trong việc duy trì chất lượng. Dù giá cả rất quan trọng thế nhưng doanh nghiệp cần tuân thủ, tôn trọng và tự đặt mình vào các tiêu chuẩn quốc tế để đáp ứng những yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng. Đồng thời, cạnh tranh được với hàng hóa đến từ nhiều quốc gia khác.

Mặt khác, doanh nghiệp cũng cần tiếp tục nâng cao hệ thống quản lý chất lượng của các nhà máy bằng cách đạt được những chứng nhận quốc tế và tuân thủ các tiêu chuẩn về thuốc bảo vệ thực vật, phẩm màu, phụ gia thực phẩm.

Thương vụ Việt Nam tại Pháp cũng lưu ý doanh nghiệp có thể tận dụng các doanh nghiệp Việt kiều tại châu Âu để trở thành cầu nối cùng với doanh nghiệp trong nước tận dụng những cơ hội mới từ Hiệp định EVFTA.

Cùng với đó, các doanh nghiệp Việt Nam có thể mời chuyên gia kiểm soát chất lượng sản phẩm và công nhân lành nghề (thợ cả) của Pháp đến Việt Nam làm việc theo hợp đồng có thời hạn. Từ đó, vừa nâng cao chất lượng sản phẩm, vừa thông qua họ tìm hiểu thông tin vào thị trường, quảng bá các sản phẩm Việt Nam tại Pháp.

### ***Một số giải pháp nhằm thu hút đầu tư của Pháp vào Việt Nam***

*Thứ nhất*, để thu hút được đầu tư từ các doanh nghiệp nước ngoài, ngoài những vấn đề liên quan đến môi trường đầu tư nói chung, Việt Nam cần chú trọng quan tâm đến đòi hỏi của những nhà đầu tư về một số khía cạnh như: Tính công khai, minh bạch, ổn định, dễ dự báo về thể chế, chính sách và luật pháp; thực thi pháp luật nghiêm minh, thống nhất, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư; thủ tục hành chính đơn giản, bảo đảm thời gian đã quy định.

*Thứ hai*, đối với các địa phương đã phát triển đang cần thu hút dự án công nghệ cao, công nghệ tương lai, dịch vụ hiện đại; Chú trọng đến việc đáp ứng yêu cầu của

các doanh nghiệp nước ngoài về thời gian đàm phán, ký thỏa thuận và triển khai thực hiện.

*Thứ ba*, các doanh nghiệp trong nước phải nỗ lực nâng cao năng lực về tất cả các mặt, từ công nghệ đến năng lực, trình độ của đội ngũ người lao động, quản lý. Chỉ khi đó, các doanh nghiệp FDI mới tìm đến đặt hàng và hỗ trợ hoàn thiện quy trình sản xuất đáp ứng yêu cầu của họ.

*Thứ tư*, ưu tiên các nhà đầu tư chiến lược; tạo lập chuỗi sản xuất toàn cầu; ưu tiên doanh nghiệp công nghệ cao và chuyên giao công nghệ cho doanh nghiệp Việt Nam.

*Thứ năm*, kiểm soát chặt chẽ những dự án đầu tư không phù hợp với nhu cầu phát triển của Việt Nam hoặc những lĩnh vực mà doanh nghiệp trong nước đủ năng lực về công nghệ.

Tuy nhiên, để tận dụng lợi thế này thì trước mắt Việt Nam cần giải quyết các vấn đề lớn còn tồn đọng, triển khai các biện pháp để tạo môi trường kinh doanh lành mạnh; sở hữu trí tuệ được đảm bảo, bản quyền, cải cách hành chính tạo điều kiện cho các doanh nghiệp châu Âu nói chung và các doanh nghiệp của Pháp nói riêng được cấp phép đầu tư.

Sau 2 năm từ khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực, trong bối cảnh khó khăn do đại dịch Covid-19 gây ra, Hiệp định vẫn đem lại những kết quả hết sức tích cực đối với thương mại - đầu tư song phương Việt Nam-Pháp. Tuy nhiên, để quan hệ thương mại hai bên được nâng lên tầm cao mới, Việt Nam đề nghị Pháp nói riêng và EU nói chung tiếp tục phối hợp chặt chẽ để tận dụng tốt Hiệp định EVFTA nhằm đem lại lợi ích cho doanh nghiệp và người dân của hai bên.

Theo đại diện Bộ Công Thương, Việt Nam khẳng định sự quyết tâm và dành nỗ lực cao nhất trong việc thực hiện đầy đủ những cam kết đã có trong Hiệp định EVFTA. Do đó, các cấp liên quan của Việt Nam sẽ phối hợp chặt chẽ với Pháp và EU, tiếp tục xử lý những vấn đề vướng mắc trong quá trình thực thi Hiệp định EVFTA đảm bảo hiệu quả cao nhất của quá trình triển khai Hiệp định. Việt Nam mong muốn Pháp và EU ghi nhận những nỗ lực của Việt Nam, chia sẻ với những khó khăn mà Việt Nam đang gặp phải trong quá trình thực thi Hiệp định đến từ những yếu tố khách quan và dành thêm hỗ trợ kỹ thuật riêng cho Việt Nam để thực thi Hiệp định EVFTA.<sup>36</sup>

---

<sup>36</sup> Uyên Hương (2021), *Dấu ấn thương mại Việt-Pháp*, <https://baoquocte.vn/dau-an-thuong-mai-viet-nam-phap-163722.html>, truy cập 28/7/2022.

Phát huy đà hợp tác thể hiện trong chuyến thăm chính thức Pháp tháng 11/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính và hướng tới năm 2023, năm đánh dấu mốc 50 năm hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao (1973-2023) và 10 năm thiết lập quan hệ Đối tác chiến lược, Đại sứ Đinh Toàn Thắng cho rằng quan hệ hợp tác kinh tế giữa hai nước sẽ có những bước đột phá mạnh mẽ, đi vào chiều sâu và thực chất, ngày càng có nhiều doanh nghiệp Pháp quan tâm và chọn lựa Việt Nam là điểm đến đầu tư.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Đại sứ quán Pháp tại Hà Nội, Quan hệ kinh tế song phương, <https://vn.ambafrance.org/Quan-he-kinh-te-song-phuong>
2. Thu Hà (2022), Việt Nam tăng cường hợp tác với trung tâm công nghiệp hàng đầu của Pháp, <https://www.vietnamplus.vn/viet-nam-tang-hop-tac-voi-trung-tam-cong-nghiep-hang-dau-cua-phap/797246.vnp>
3. Thu Hà (2022), Việt Nam và vùng Nice Côte d'Azur thúc đẩy đầu tư và thương mại <https://www.vietnamplus.vn/viet-nam-va-vung-nice-cote-dazur-thuc-day-dau-tu-va-thuong-mai/788023.vnp>
4. Nguyễn Thu Hà (2022), Việt Nam-Pháp trao đổi thông tin nhằm thúc đẩy hợp tác thương mại, <https://www.vietnamplus.vn/viet-nam-phap-trao-doi-thong-tin-nham-thuc-day-hop-tac-thuong-mai/800331.vnp>
5. Khải Hoàn, Minh Duy (2022), Thúc đẩy hợp tác thương mại và đầu tư Việt Nam-Pháp, <https://nhandan.vn/thuc-day-hop-tac-thuong-mai-va-dau-tu-viet-nam-phap-post702600.html>
6. Thông tấn xã Việt Nam (2022), Tiềm năng lớn trong hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và Pháp, <https://www.vietnamplus.vn/tiem-nang-lon-trong-hop-tac-kinh-te-giua-viet-nam-va-phap/798084.vnp>
7. Uyên Hương (2021), Dấu ấn thương mại Việt-Pháp, <https://baoquocite.vn/dau-an-thuong-mai-viet-nam-phap-163722.html>
8. Uyên Hương (2021), Đưa quan hệ thương mại Việt Nam - Pháp lên tầm cao mới, <https://www.mpi.gov.vn/PageS/tinbai.aspx?idTin=52078&idcm=49>

## QUAN HỆ KINH TẾ VIỆT NAM - ITALIA: 2 NĂM SAU KHI TRIỂN KHAI EVFTA

*ThS.Vũ Thanh Hà*  
Viện Nghiên cứu Châu Âu

**Tóm tắt:** Trong những năm qua, Việt Nam và Italia tích cực thúc đẩy hợp tác thiết thực và hiệu quả trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt là thương mại và đầu tư. Trải qua một năm thương mại quốc tế bị đứt gãy vì đại dịch Covid-19, các quốc gia trên toàn thế giới đang nỗ lực hồi phục giao thương với các quốc gia khác. Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) có hiệu lực từ tháng 8/2020 đúng lúc là một đòn bẩy thương mại giữa Việt Nam và các quốc gia thuộc liên minh này, trong đó có Italia.

### 1. Thực trạng quan hệ kinh tế Việt Nam - Italia những năm gần đây

Quan hệ thương mại, đầu tư là điểm sáng trong quan hệ hai nước nhờ sự tích cực tạo điều kiện tối đa của chính phủ hai bên. Việt Nam là một trong 10 thị trường mới nổi trong ưu tiên phát triển quan hệ thương mại và đầu tư của chính phủ Italia.

Theo Bộ Công Thương, Italia vẫn là đối tác thương mại lớn thứ 4 của Việt Nam trong EU, chỉ sau Hà Lan, Đức và Pháp. Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang thị trường này bao gồm sản phẩm điện tử và linh kiện, điện thoại và linh kiện, máy móc, dụng cụ và phụ tùng, thủy sản, cà phê, hàng dệt may và giày dép. Italia cũng là nước tiêu thụ hạt điều có vỏ lớn nhất của Việt Nam, chiếm từ 60% đến 70% lượng điều nhập khẩu của nước này. Bên cạnh mặt hàng hạt điều, các mặt hàng xuất khẩu khác của Việt Nam cũng có giá trị tăng mạnh nhờ cắt giảm thuế quan trong khuôn khổ EVFTA. Chẳng hạn, giá trị xuất khẩu cá ngừ sang thị trường Italia đã tăng vọt 130% trong nửa đầu năm 2021, đạt khoảng 22,5 triệu USD<sup>37</sup>.

#### *Về thương mại*

Italia là một trong những nước Tây Âu đầu tiên nối lại và phát triển các quan hệ hợp tác với Việt Nam sau thời kỳ ngưng đọng (những năm 1979 - 1989). Kim ngạch thương mại Việt Nam - Italia tăng vượt bậc, gấp 3 lần trong vòng 10 năm qua (từ 1,5

<sup>37</sup> VCCI (2022), *Vietnam, Italy aim to effectively utilise EVFTA*, tải tại: <https://wtocenter.vn/chuyen-de/19579-vietnam-italy-aim-to-effectively-utilise-evfta>.

tỷ USD năm 2009 lên hơn 4,6 tỷ USD năm 2018)<sup>38</sup>. Năm 2016 đạt 4,7 tỷ USD; năm 2017 đạt 4,4 tỷ USD. Năm 2018, tổng kim ngạch thương mại hai chiều Việt Nam – Italia đạt 4,67 tỷ USD. Theo thương vụ Việt Nam tại Italia, nước này hiện là đối tác thương mại lớn thứ 4 của Việt Nam trong Liên minh châu Âu (EU), chỉ đứng sau Hà Lan, Đức và Pháp. Mặt khác, Việt Nam cũng là đối tác thương mại lớn nhất của Italia trong khối ASEAN với kim ngạch thương mại song phương liên tục tăng qua các năm. Việt Nam và Italia khẳng định kinh tế luôn là lĩnh vực hợp tác ưu tiên trong quan hệ giữa hai nước. Hai bên phấn đấu tăng kim ngạch song phương lên 6 tỷ USD vào năm 2022 và 10 tỷ USD trong tương lai gần<sup>39</sup>.

Sau gần hai năm thực thi Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA), trao đổi thương mại hai chiều Việt Nam - Italia đạt kết quả rất khả quan. Tính trong 11 tháng từ khi Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA) chính thức có hiệu lực (từ tháng 8 năm 2020 đến hết tháng 6 năm 2021), kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Italia đạt 7,8 tỷ USD, tăng 22,8% so với giai đoạn cùng kỳ trước khi có EVFTA (từ tháng 8/2019 đến hết tháng 6/2020)<sup>40</sup>. Trong năm 2021, bất chấp tác động của dịch bệnh COVID-19, kim ngạch thương mại hai chiều đạt 5,6 tỷ USD, trong đó xuất khẩu của Việt Nam sang Italia đạt 3,8 tỷ USD, tăng 22%, nhập khẩu là 1,8 tỷ USD, tăng 19% so với năm 2020 nhờ Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA) được thực thi<sup>41</sup>. Tính đến hết tháng 4/2022, kim ngạch 2 chiều của 2 nước đạt trên 2,8 tỷ USD, tăng 14% so với cùng kỳ năm 2021<sup>42</sup>.

Tại cuộc họp lần thứ bảy của Ủy ban hỗn hợp hợp tác kinh tế Việt Nam – Italia ngày 7/6/2022, sau hai năm gián đoạn do đại dịch COVID-19 giữa Bộ trưởng Thương mại và Công nghiệp Đặng Hoàng An và Thứ trưởng Ngoại giao Italia Manlio di Stefano hai bên đã nhấn mạnh Italia là đại diện cho đối tác thương mại lớn nhất của quốc gia trong EU, trong khi Việt Nam là đối tác thương mại lớn nhất của nước Italia ở khu vực ASEAN. Kim ngạch thương mại hai chiều trong 5 năm qua tăng nhanh, đặc

<sup>38</sup>An Bình (2019), *Hợp tác Việt Nam-Italy: Còn nhiều dư địa để phát triển*, <http://baochinhphu.vn/Doi-ngoai/Hop-tac-Viet-NamItaly-Con-nhieu-du-dia-de-phat-trien/367417.vgp>.

<sup>39</sup>Anh Thư (2022), *Tạo động lực thúc đẩy quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam-Italia*, <https://nhandan.vn/tao-dong-luc-thuc-day-quan-he-doi-tac-chien-luoc-viet-nam-italia-post700527.html>.

<sup>40</sup>Vũ Khuê (2021), *Việt Nam là đối tác thương mại lớn nhất của Italy trong khối ASEAN*, <https://vneconomy.vn/viet-nam-la-doi-tac-thuong-mai-lon-nhat-cua-italy-trong-khoi-asean.htm>.

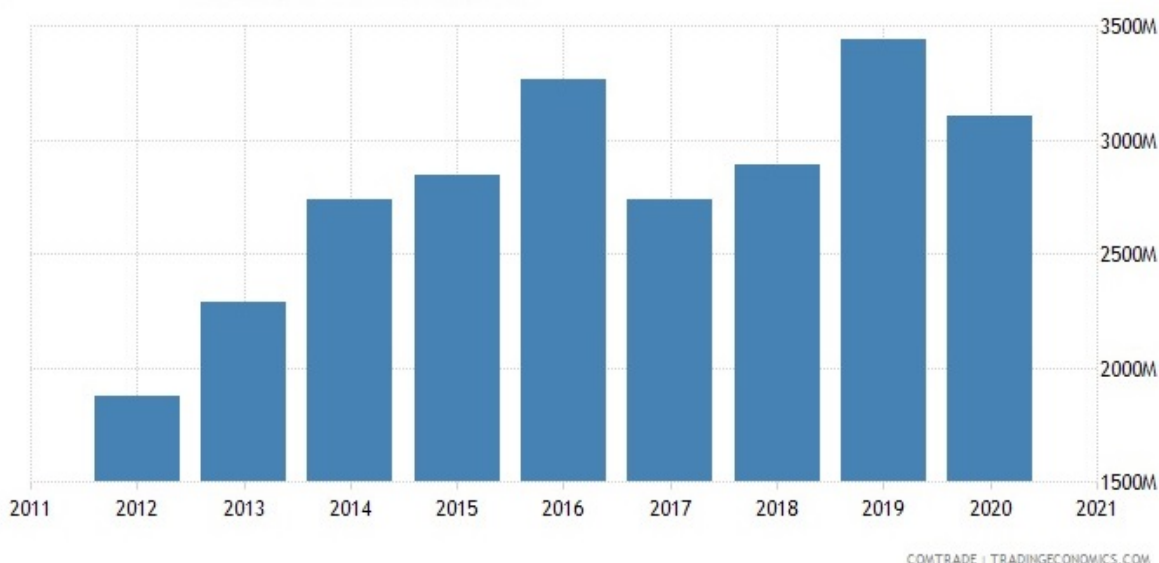
<sup>41</sup>Mạnh Hùng (2022), *Làm sâu sắc hơn nữa quan hệ Đối tác chiến lược Việt Nam – Italia*, <https://dangcongsan.vn/thoi-su/lam-sau-sac-hon-nua-quan-he-doi-tac-chien-luoc-viet-nam-italia-608490.html>.

<sup>42</sup>Thu Thủy & Cấn Dũng (2022), *Việt Nam - Italia: Tiếp tục thúc đẩy hợp tác thương mại và kinh tế*, <https://congthuong.vn/viet-nam-italia-tiep-tuc-thuc-day-hop-tac-thuong-mai-va-kinh-te-179807.html>.

biệt sau khi Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) có hiệu lực từ tháng 8 năm 2020. Theo thống kê số liệu của Tổng cục Hải quan, tổng kim ngạch thương mại song phương năm 2021 đạt hơn 5,6 tỷ USD, tăng 21% so với năm 2020. Tính đến cuối tháng 4, kim ngạch thương mại hai chiều nước đạt trên 2,8 tỷ USD, tăng 14% so với cùng kỳ năm<sup>43</sup>.

Trong quan hệ thương mại giữa Việt Nam với Italia, Việt Nam ở vị thế xuất siêu, với mức xuất siêu khá cao (năm 2010 là 158 triệu USD, năm 2015 là 1.396 triệu USD, năm 2018 là 1.130 triệu USD, 3 tháng năm 2019 là 446 triệu USD)<sup>44</sup>.

**Hình 1: Xuất khẩu của Việt Nam sang Italia giai đoạn 2012-2020**



Nguồn: Trading Economics (2022), Vietnam Exports to Italia, tải tại: <https://tradingeconomics.com/vietnam/exports/italy>

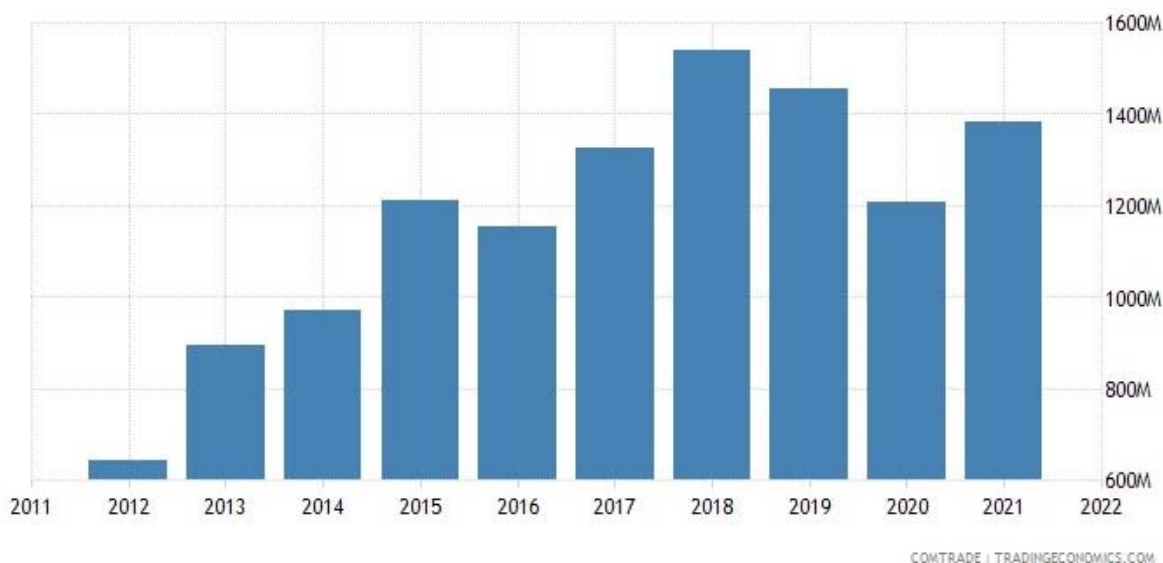
Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang thị trường Italia bao gồm: máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện, điện thoại và linh kiện, máy móc, dụng cụ, hàng thủy sản, cà phê, dệt may, giày dép... Đáng chú ý, Việt Nam là quốc gia đứng thứ nhất trong số những nước Italia nhập khẩu hạt điều bóc vỏ, chiếm khoảng 60-70% tổng kim ngạch nhập khẩu hạt điều của Italia.

Năm 2020, xuất khẩu của Việt Nam sang Italia là 3,1 tỷ USD. Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực là thiết bị điện, điện tử (1,19 tỷ USD), da giày (264,49 triệu USD), cà phê (222,48 triệu USD), ...<sup>45</sup>

<sup>43</sup> Vietnam, Italy seek broader trade and economic co-operation, tải tại: <http://dtinews.vn/en/news/018001/79437/vietnam--italy-seek-broader-trade-and-economic-co-operation.html>.

<sup>44</sup> An Bình (2019), *Hợp tác Việt Nam-Italia: Còn nhiều dư địa để phát triển*, <http://baochinhphu.vn/Doi-ngoai/Hop-tac-Viet-Nam-Italy-Con-nhieu-du-dia-de-phat-trien/367417.vgp>.

**Hình 2: Xuất khẩu của Italia sang Việt Nam giai đoạn 2012-2021**



*Nguồn:* Trading Economics (2022), Italia Exports to Vietnam, tải tại: <https://tradingeconomics.com/italy/exports/vietnam>

Ở chiều ngược lại, xuất khẩu của Italia sang Việt Nam năm 2021 đạt 1,38 tỷ USD. Theo đó, các mặt hàng chủ lực của Italia tại thị trường Việt Nam gồm có trang thiết bị công nghiệp và máy móc (392,58 triệu USD), đồ nội thất (33,16 triệu USD), dược phẩm (48,91 triệu USD)<sup>46</sup>

Nhờ có EVFTA, kim ngạch xuất khẩu nhiều mặt hàng đã tăng vọt. Trong 6 tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu cá ngừ sang Italia đạt gần 22,5 triệu USD, tăng 130% so với cùng kỳ năm 2020<sup>47</sup>. Bên cạnh các lĩnh vực có lợi thế khác, doanh nghiệp Việt Nam có thể thúc đẩy phát triển tại thị trường này các mặt hàng nông sản, thủy sản, gạo...Đó cũng là những mặt hàng được hưởng lợi nhiều từ Hiệp định EVFTA. Trong đó, đối với hàng thủy sản, có tới 51,8% các dòng thuế thuộc Chương 3 trong biểu mã HS hàng hóa Việt Nam xuất khẩu sang EU sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu tại EU ngay khi EVFTA có hiệu lực, có 25,4% dòng thuế được giảm dần trong vòng 4 năm, 18,3% số dòng thuế giảm dần trong vòng 6 năm và 4,5% số dòng thuế giảm dần trong vòng 8 năm. Đối với hàng nông sản như chè, cà phê, 100% số dòng thuế được xóa bỏ về 0%; quế, hoa hồi, hạt tiêu, hạt điều, hoa quả (Chương 8 có tới 86,3% số dòng thuế sẽ về 0%). Đặc biệt, đối với mặt hàng gạo, EU dành cho Việt Nam hạn ngạch thuế quan

<sup>45</sup> Trading Economics (2022), *Vietnam Exports to Italy*, tải tại: <https://tradingeconomics.com/vietnam/exports/italy>

<sup>46</sup> Trading Economics (2022), *Italy Exports to Vietnam*, tải tại: <https://tradingeconomics.com/italy/exports/vietnam>

<sup>47</sup> Thu Thủy (2022), *Việt Nam - Italy: Khai thác hiệu quả EVFTA*, <https://congthuong.vn/viet-nam-italy-khai-thac-hieu-qua-evfta-177224.html>.

TRQ 80.000 tấn gạo/ năm (gồm 30.000 tấn gạo xay xát, 20.000 tấn gạo chưa xay xát và 30.000 tấn gạo thơm). Đặc biệt, EU sẽ tự do hóa hoàn toàn đối với gạo tằm, không áp dụng hạn ngạch.

Italia là quốc gia xuất nhập khẩu gạo khá lớn ở EU. Năm 2019, Italia xuất khẩu khoảng 675 nghìn tấn gạo (tương đương 624 triệu USD) sang các nước trên thế giới và nhập khẩu khoảng 221 nghìn tấn gạo (tương đương 174 triệu USD) từ các nước trên thế giới. Trong khi đó, Italia nhập khẩu từ Việt Nam chỉ khoảng 7 nghìn tấn (tương đương 5 triệu USD) năm 2019, tức là Việt Nam chỉ chiếm 3,1% thị phần nhập khẩu gạo của Italia. Trong khi nước này nhập khẩu gạo từ Pakistan 70 nghìn tấn (tương đương 64 triệu USD), từ Thái Lan 19 nghìn tấn gạo (21 triệu USD), từ Ấn Độ 16 nghìn tấn gạo (18 triệu USD) và từ Campuchia 6,7 triệu USD<sup>48</sup>. Như vậy, vẫn còn nhiều dư địa để mặt hàng gạo thúc đẩy, phát triển tại thị trường này.

### ***Về đầu tư***

Chính phủ Italia đã đưa Việt Nam vào danh sách 10 thị trường mới nổi ưu tiên phát triển quan hệ thương mại và đầu tư. Hai bên đã thành lập Ủy ban hỗn hợp về hợp tác kinh tế và đã họp phiên đầu tiên tại Hà Nội vào tháng 10/2014, lần thứ hai vào tháng 10/2015, lần 3 vào tháng 11/2016, lần 4 vào tháng 11/2017, lần 5 tổ chức vào tháng 12/2018 tại Rome (Italia), lần 6 vào tháng 12/2020, lần 7 tổ chức vào tháng 7/2022 tại Hà Nội.

Italia đầu tư vào Việt Nam vẫn còn khá khiêm tốn so với tiềm năng và thế mạnh của một nước thành viên G7. Tuy nhiên, ngày càng có nhiều doanh nghiệp Italia bày tỏ sự quan tâm hơn đến thị trường Việt Nam. Theo ông Michele DERcole - Chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp Italia (ICHAM) tại Việt Nam thì “dòng vốn đầu tư vào Việt Nam của doanh nghiệp Italia sẽ gia tăng trong thời gian tới, nhất là trong những lĩnh vực thế mạnh như chế biến thực phẩm, may mặc, dược phẩm, hạ tầng, văn hóa, du lịch...”<sup>49</sup>. Sau 10 năm hoạt động tại Việt Nam, Icham đánh giá, số lượng doanh nghiệp và vốn đầu tư từ Italia đã đang tăng lên đáng kể, với hơn 200 nhà đầu tư mới trong 3 năm gần đây<sup>50</sup>. Năm 2019 có thêm 16 dự án mới (so với 9 dự án năm 2018) và đặc biệt 85% dự án là trong lĩnh vực công nghiệp chế tạo, nhiều ngân hàng của Italia sẽ đặt văn

<sup>48</sup> Ngọc Hân (2021), *Việt Nam là đối tác thương mại lớn nhất của Italy trong ASEAN*, <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/viet-nam-la-doi-tac-thuong-mai-lon-nhat-cua-italy-trong-asean.html>.

<sup>49</sup> Nguyễn Hoàng (2019), *Hợp tác kinh tế Việt Nam – Italy: Phát triển tích cực*, <https://congthuong.vn/hop-tac-kinh-te-viet-nam-italy-phat-trien-tich-cuc-120594.html>.

<sup>50</sup> *Việt Nam là thị trường trọng điểm của Italy năm 2019*, <https://vtv.vn/kinh-te/viet-nam-la-thi-truong-trong-diem-cua-italy-nam-2019-20181128094202728.htm>, ngày 28/11/2018.



phòng đại diện tại Việt Nam nhằm hỗ trợ cho các doanh nghiệp muốn tiếp cận thị trường.

Tính đến hết năm 2021, Italia đứng thứ 35 trong tổng số 140 quốc gia và vùng lãnh thổ có đầu tư tại Việt Nam với 132 dự án với tổng số vốn đạt gần 404 triệu USD. Trong giai đoạn 2016-2020, đầu tư của Italia vào Việt Nam tăng từ 360 triệu USD lên 440 triệu USD trong 21 ngành nghề, chủ yếu trong các ngành giày da, xây dựng, thiết bị vệ sinh, bình nóng lạnh, chế biến thép<sup>51</sup>.

Trong thời gian qua, Hiệp hội DN Italia tại Việt Nam (ICHAM) đã xây dựng mạng lưới gồm gần 100 hội viên hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau và trải rộng trên nhiều tỉnh thành tại Việt Nam. Trong số các hội viên hàng đầu của ICHAM phải kể đến các FDI Italia như ENI (dầu khí), ENEL Green Power (năng lượng xanh), Bonfiglioli (thiết bị truyền động, hệ thống điều khiển), Piaggio Việt Nam (sản xuất, lắp ráp xe máy), Danieli Officina (sản xuất thép), Fiat Iveco (liên doanh ô tô Mekong), Datalogic (thiết bị đọc mã vạch, cảm biến, di động), Ariston Thermo Việt Nam (bình nóng lạnh và thiết bị năng lượng), HYKD (vải co giãn trong thể thao và đồ bơi). Nhiều nhà máy sản xuất đồ gỗ, chế biến đá của Việt Nam đang sử dụng máy móc, công nghệ của Italia. Thiết bị luyện thép của hãng Danieli đã có mặt tại trên 10 dự án ở Việt Nam, trong đó có nhà máy thép Việt-Italia, nhà máy thép Phú Mỹ.

Tập đoàn năng lượng ENI (dầu khí) có mặt tại Việt Nam từ năm 2013 đang vận hành 5 lô trong lưu vực sông Hồng và Phú Khánh ở ngoài khơi miền Trung Việt Nam và ngày càng củng cố vị thế tại Việt Nam. Bên cạnh đó có rất nhiều doanh nghiệp, địa phương Italia mong muốn có cơ hội hợp tác với các doanh nghiệp, địa phương Việt Nam.

Bình Dương (xếp thứ 3 cả nước sau TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội về thu hút FDI) hiện có 8 dự án đầu tư với các doanh nghiệp Italia với tổng số vốn gần 64 triệu USD trong các lĩnh vực công nghiệp chế tạo, sản xuất phụ kiện giày, túi xách thời trang, hàng tiêu dùng và thực phẩm. Trong số 17/63 tỉnh thành có đầu tư của Italia, Vĩnh

---

<sup>51</sup> Nhã Anh (2022), *Italy coi Việt Nam là ưu tiên phát triển quan hệ hàng đầu ở khu vực Đông Nam Á*, <https://baoquocte.vn/italy-coi-viet-nam-la-uu-tien-phat-trien-quan-he-hang-dau-o-khu-vuc-dong-nam-a-186372.html>.

Phúc là địa phương đứng đầu với 2 dự án lớn của Piaggio với tổng số vốn đăng ký đạt 90 triệu USD.<sup>52</sup>

### ***Về hợp tác phát triển***

Italia bắt đầu cung cấp ODA cho Việt Nam vào những năm 1980 trong các lĩnh vực hợp tác ưu tiên giữa Italia và Việt Nam gồm: cấp thoát nước, bảo vệ môi trường, phát triển nguồn nhân lực, y tế, hỗ trợ thể chế... Ủy ban Hỗn hợp về Hợp tác Phát triển Việt Nam – Italia khởi động lại hợp tác tại Rome tháng 12 năm 2009 đã thông qua một số dự án trong các lĩnh vực ưu tiên (y tế, bảo vệ môi trường và hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ).

Từ tháng 3 năm 2014, Italia chuyển sang chương trình hỗ trợ theo dự án, tùy thời điểm và điều kiện tài chính, cho các lĩnh vực: đào tạo nghề và phát triển nguồn nhân lực, bảo vệ môi trường và quản lý nguồn nước, hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, y tế.

Hiện nay, Chính phủ Italia đang hỗ trợ Việt Nam trong 11 dự án đang triển khai và 6 dự án khác trong giai đoạn chuẩn bị, với tổng số vốn cam kết hơn 100 triệu Euro. Các lĩnh vực chủ yếu mà Italia hỗ trợ Việt Nam bao gồm: quản lý nguồn nước, phát triển nguồn nhân lực, bảo vệ môi trường, hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, y tế. Một số dự án đã được Italia cam kết tài trợ gồm: Dự án nâng cao năng lực sản xuất và cạnh tranh của doanh nghiệp của doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh Đồng Nai và Bình Dương, dự án “Hỗ trợ tạo việc làm và hòa nhập xã hội tại các trường dạy nghề Việt Nam”....

## **2. Những thuận lợi, khó khăn trong phát triển quan hệ kinh tế giữa hai nước**

### ***Thuận lợi***

Tiềm năng hợp tác trong quan hệ Việt Nam - Italia còn rất lớn và sẽ được khai thác tích cực trong thời gian tới nhờ các yếu tố. Đó là tình đoàn kết hữu nghị truyền thống giữa hai nước đã có từ những năm chiến tranh. Quyết tâm chính trị được nuôi dưỡng bởi sự quan tâm của cộng đồng người dân và lãnh đạo hai nước đã thúc đẩy quan hệ hai nước liên tục duy trì và phát triển. Quan hệ chính trị ổn định tốt đẹp góp phần tạo thuận lợi lớn cho hợp tác trên các bình diện khác.

Yếu tố nữa là tiềm lực phát triển của mỗi bên rất lớn. Việt Nam- nền kinh tế đang trỗi dậy trong một khu vực kinh tế năng động- là thị trường có gần 100 triệu dân, với

---

<sup>52</sup> Nhã Anh (2022), *Italy coi Việt Nam là ưu tiên phát triển quan hệ hàng đầu ở khu vực Đông Nam Á*, <https://baoquocte.vn/italy-coi-viet-nam-la-uu-tien-phat-trien-quan-he-hang-dau-o-khu-vuc-dong-nam-a-186372.html>.

dân số trẻ tại châu Á và có tầng lớp trung lưu đang lớn mạnh. Việt Nam còn là cửa ngõ để các doanh nghiệp Italia tiếp cận thị trường ASEAN và các thị trường khác thông qua các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên. Italia, thành viên Nhóm các nền công nghiệp phát triển nhất thế giới (G7), là một nền kinh tế phát triển, có nhiều thế mạnh về công nghệ, máy móc, nông nghiệp, công nghiệp thực phẩm, có thể đáp ứng nhu cầu đang gia tăng của Việt Nam. Với quy mô hơn 60 triệu dân, Italia là thị trường lớn, là cửa ngõ đường biển quan trọng để đưa hàng hóa vào châu Âu.

Nền kinh tế hai nước vừa có tính tương đồng, vừa có tính bổ trợ lẫn nhau. Kinh tế hai nước đều dựa trên các doanh nghiệp vừa và nhỏ, bổ trợ lẫn nhau về ngành hàng và sản phẩm. Do đó, nền kinh tế Italia và Việt Nam không mang tính cạnh tranh mà chỉ mang tính hợp tác. Đây là lợi thế lớn nhất trong hợp tác giữa hai nước.

Hai bên luôn tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hai nước tăng cường hợp tác trong các lĩnh vực mà Italia có thế mạnh và Việt Nam có nhu cầu như cơ khí chế tạo, kết cấu hạ tầng, dệt may, da giày, chế biến gỗ, công nghiệp phụ trợ, vật liệu xây dựng, dầu khí, năng lượng tái tạo, chế biến thực phẩm...

Hiệp định tự do thương mại giữa Việt Nam và EU (EVFTA) mở ra rất nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp Italia, đặc biệt là những doanh nghiệp vừa và nhỏ, trong việc tiếp cận những thị trường mới. EVFTA có hiệu lực, có tới 99% dòng thuế sẽ được gỡ bỏ theo lộ trình, giúp mang lại cơ hội lớn cho các doanh nghiệp Italia.

Việt Nam là quốc gia có dân số trẻ quan tâm đến các sản phẩm đáp ứng được tiêu chí chất lượng và tính bền vững, còn các sản phẩm Made in Italia cũng hoàn toàn đáp ứng được các tiêu chí này. Hơn thế nữa, các doanh nghiệp Italia cũng luôn sẵn sàng hợp tác với các doanh nghiệp Việt Nam. Hiện tại, nhiều doanh nghiệp của Italia đã hoạt động và mở rộng quy mô đầu tư tại Việt Nam và đạt được nhiều kết quả tích cực.

Italia có rất nhiều lợi thế để tăng cường quan hệ kinh doanh với Việt Nam, đặc biệt là trong lĩnh vực đổi mới công nghệ trong bối cảnh Việt Nam đang hướng tới một nền kinh tế tuần hoàn với nền công nghiệp thông minh - giảm thiểu sử dụng tài nguyên, tăng khả năng tái sử dụng và tái chế, thân thiện môi trường. Việt Nam rất chú trọng phát triển các ngành sản xuất với hàm lượng công nghệ, giá trị gia tăng ngày càng cao, và quan tâm đến số hoá nền kinh tế. Trong khi đó, Italia hiện có 800 viện nghiên cứu công nghệ cao và các doanh nghiệp cũng có công nghệ tiên tiến nên hoàn toàn có thể hỗ trợ Việt Nam thực hiện các mục tiêu của mình.

Việt Nam đang bước vào giai đoạn phát triển mô hình tăng trưởng mới. Theo đó, việc thu hút FDI với xu hướng thân thiện môi trường là chủ trương quan trọng. Hiện Việt Nam định hướng thu hút FDI đến những lĩnh vực có công nghệ cao, đặc biệt là thân thiện với môi trường. Cùng với đó, mỗi năm Việt Nam cũng cần thêm 25 tỷ USD<sup>53</sup> vào đầu tư cơ sở hạ tầng và không thể dựa chủ yếu vào nguồn vốn ODA như trước đây, mà phải dựa nhiều hơn vào hợp tác công tư. Với định hướng mới đó, các nước phát triển, trong đó có Italia sẽ trở thành đối tác ngày càng quan trọng của Việt Nam bởi các doanh nghiệp Italia hiện nắm giữ nhiều công nghệ hàng đầu thế giới.

### ***Khó khăn***

Nói về khó khăn, khi nhắc đến thương mại quốc tế, chúng ta thường nói về các rào cản thuế quan và phi thuế quan. Đối với các rào cản thuế quan, Hiệp định EVFTA sẽ gỡ bỏ hầu hết các loại thuế quan trong 7 năm tới. Đối với các rào cản phi thuế quan, chúng ta thường nhắc đến các quy định như hạn chế định lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật, giấy phép,... Không phải sản phẩm nào cũng có thể nhập khẩu vào Việt Nam. Khi nhắc đến các sản phẩm nông sản, các sản phẩm này cần được kiểm tra, kiểm soát kỹ lưỡng. Quá trình kiểm tra này thường tốn nhiều thời gian, đôi khi bên nhập khẩu và xuất khẩu có quan điểm trái ngược nhau và đây là khó khăn cần hai bên cùng tháo gỡ.

Italia thuộc EU nên các khó khăn mà doanh nghiệp Việt Nam gặp phải khi xuất khẩu sang thị trường Italia tương tự như xuất sang EU, gồm: các tiêu chuẩn kỹ thuật, các quy định về chứng nhận, bao bì...

Hơn nữa, khi làm ăn thương mại với các doanh nghiệp Italia, doanh nghiệp Việt Nam còn gặp thêm một số thách thức về: môi trường pháp lý rất phức tạp và đôi khi thiếu sự minh bạch, rõ ràng; các sản phẩm liên quan đến sức khỏe, an toàn hoặc về môi trường có quy định và tiêu chuẩn kỹ thuật cao, thậm chí còn cao hơn cả những yêu cầu cơ bản của EU. Do đó, các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam với quy mô sản xuất còn nhỏ, giá cả và mẫu mã vẫn khó cạnh tranh được với hàng hóa một số nước khác.

### **3. Giải pháp thúc đẩy quan hệ kinh tế Việt Nam - Italia**

Nhằm thúc đẩy hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và Italia trong thời gian tới, quan hệ chính trị - ngoại giao cần luôn tiên phong và mở đường cho các lĩnh vực khác, trong đó có hợp tác kinh tế, thương mại. Chính vì thế, có lẽ nên nhìn nhận rằng, quan hệ

---

<sup>53</sup> Đỗ Lê (2019), *Thúc đẩy hợp tác thương mại và đầu tư Việt Nam – Italy*, <http://thoibaonganhngang.vn/thuc-day-hop-tac-thuong-mai-va-dau-tu-viet-nam-italy-88683.html>.

kinh tế - thương mại hiện chưa xứng tầm với tiềm năng của hai nước và mong muốn của hai bên. Để khắc phục điều này, cần phải xác định đâu là nguyên nhân hay rào cản đang kìm hãm các hợp tác kinh tế giữa hai nước. Các yếu tố đó là khoảng cách địa lý, sự hiểu biết lẫn nhau và rào cản về ngôn ngữ. Việt Nam và Italia đã và đang thiết lập các cơ chế hợp tác như Ủy ban hỗn hợp về hợp tác kinh tế - thương mại, cũng như các thỏa thuận bảo hộ đầu tư, hiệp định thương mại tự do. Đây là lúc hai nước cần triển khai mạnh mẽ các cơ chế và thỏa thuận đó, song song với việc tạo các điều kiện thuận lợi nhất cho cộng đồng doanh nghiệp của hai bên gặp gỡ, tìm hiểu các cơ hội hợp tác chung.

Trong thời gian tới, điều cần làm là loại bỏ rào cản về địa lý, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại với việc thiết lập đường bay thẳng giữa Việt Nam và Italia. Hiện tại, kết nối hàng không giữa hai nước vẫn phải quá cảnh qua nước thứ ba. Điều này gây khó khăn và làm mất nhiều thời gian của doanh nghiệp và người dân. Tiếp đó, cần tiếp tục đẩy mạnh giảng dạy ngôn ngữ và văn hóa Italia ở Việt Nam và ngược lại. Cần đào tạo những con người thông thạo ngôn ngữ và hiểu biết văn hóa hai nước để họ trở thành những cầu nối quan trọng trong thúc đẩy quan hệ hai nước nói chung và quan hệ hợp tác kinh tế nói riêng. Cuối cùng, hợp tác địa phương giữa hai nước cũng cần có những bước phát triển mới và đây cũng là những phương hướng mà Đại sứ quán Việt Nam tại Italia dự kiến thúc đẩy trong thời gian tới.

Thúc đẩy các dự án hợp tác cụ thể, kể các theo mô hình Đối tác công tư (PPP) trong một số lĩnh vực như cơ sở hạ tầng, năng lượng, du lịch, môi trường... Trao đổi và chia sẻ công nghệ, kinh nghiệm trong các lĩnh vực mà mỗi nước có thế mạnh. Khuyến khích và tăng cường cơ hội tiếp xúc cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ và các tổ chức thương mại của hai nước.

Để phát triển kinh doanh tại thị trường Italia, các doanh nghiệp Việt Nam cần am hiểu về thị trường cũng như sản phẩm dự định xuất khẩu, tìm hiểu thị phần đối thủ cạnh tranh của sản phẩm đó. Bên cạnh đó, doanh nghiệp cần tìm hiểu và đáp ứng được thị hiếu người tiêu dùng, ngay từ khâu vị, bao bì, an toàn thực phẩm, và hàng hóa muốn xuất sang Italia cần tuân thủ các tiêu chuẩn rất cao về lao động, môi trường...

Kết nối các doanh nghiệp giữa hai nước thông qua việc phối hợp tăng cường truyền tải thông tin, hỗ trợ thủ tục pháp lý, tổ chức các hoạt động nghiên cứu, khảo sát thị trường Italia và Việt Nam... nhằm tìm kiếm cơ hội đầu tư và kinh doanh cho doanh

ng nghiệp Italia và Việt Nam. Hỗ trợ các doanh nghiệp hai nước tăng cường kết nối quan hệ đối tác. Điều này sẽ cho phép các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Italia chia sẻ công nghệ và kinh nghiệm sản xuất chất lượng cao với các doanh nghiệp của Việt Nam, góp phần củng cố nền công nghiệp sản xuất của Việt Nam.

Việt Nam cần tăng cường nhiều hơn nữa công tác chỉ dẫn địa lý (geography indications) thông tin cụ thể, minh bạch hơn nữa về các sản phẩm hàng hóa của mình. Bởi vì khi hai bên có đầy đủ các thông tin chính xác địa lý về nguồn gốc, xuất xứ của hàng hóa thì vấn đề bảo hộ thương hiệu và thương mại hai chiều chắc chắn sẽ được tăng cường.

### **Kết luận**

Trải qua hơn 45 năm kể từ ngày thiết lập quan hệ ngoại giao và 5 năm thiết lập quan hệ Đối tác chiến lược, quan hệ Việt Nam-Italia vẫn đang trên đà phát triển tích cực, ngày càng sâu rộng trên tất cả các lĩnh vực từ chính trị, kinh tế, văn hóa giáo dục và hợp tác địa phương.

Có thể nói, hợp tác thương mại và đầu tư song phương Việt Nam - Italia thời gian qua có nhiều chuyển biến tích cực. Sau gần hai năm thực thi Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA), trao đổi thương mại hai chiều Việt Nam – Italia đạt kết quả rất khả quan. Nhờ có EVFTA, kim ngạch xuất khẩu nhiều mặt hàng đã tăng vọt. Tuy nhiên, kết quả đầu tư và kim ngạch thương mại giữa Việt Nam - Italia chưa thực sự tương xứng với tiềm năng và nhu cầu của hai nước. Việt Nam và Italia cần tận dụng những lợi thế mà EVFTA mang lại để phát triển quan hệ thương mại, đầu tư giữa hai bên.

Trong tương lai, việc củng cố và phát huy quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam – Italia, phục vụ sự nghiệp phát triển ở mỗi nước, góp phần vào công cuộc duy trì hòa bình, ổn định và thịnh vượng ở khu vực và trên thế giới có ý nghĩa hết sức quan trọng. Bên cạnh những thuận lợi còn tồn tại nhiều khó khăn, tuy nhiên với quyết tâm và mong muốn của lãnh đạo và nhân dân hai nước, chúng ta hoàn toàn có thể tin tưởng vào tương lai tươi sáng của quan hệ Việt Nam - Italia.

## Tài liệu tham khảo

1. An Bình, Hợp tác Việt Nam-Italy: Còn nhiều dư địa để phát triển, <http://baochinhphu.vn/Doi-ngoai/Hop-tac-Viet-NamItaly-Con-nhieu-du-dia-de-phat-trien/367417.vgp>, ngày 03/06/2019.
2. Tạo động lực thúc đẩy quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam-Italia, <https://nhandan.vn/tao-dong-luc-thuc-day-quan-he-doi-tac-chien-luoc-viet-nam-italia-post700527.html>, ngày 08/06/2022.
3. Vũ Khuê, Việt Nam là đối tác thương mại lớn nhất của Italy trong khối ASEAN, <https://vneconomy.vn/viet-nam-la-doi-tac-thuong-mai-lon-nhat-cua-italy-trong-khoi-asean.htm>, ngày 23/08/2021.
4. Mạnh Hùng, Làm sâu sắc hơn nữa quan hệ Đối tác chiến lược Việt Nam – Italia, <https://dangcongsan.vn/thoi-su/lam-sau-sac-hon-nua-quan-he-doi-tac-chien-luoc-viet-nam-italia-608490.html>, ngày 21/04/2022.
5. Thu Thủy & Cán Dũng, Việt Nam - Italia: Tiếp tục thúc đẩy hợp tác thương mại và kinh tế, <https://congthuong.vn/viet-nam-italia-tiep-tuc-thuc-day-hop-tac-thuong-mai-va-kinh-te-179807.html>, ngày 07/06/2022.
6. Thu Thủy, Việt Nam - Italy: Khai thác hiệu quả EVFTA, <https://congthuong.vn/viet-nam-italy-khai-thac-hieu-qua-evfta-177224.html>, ngày 09/05/2022.
7. Ngọc Hân, Việt Nam là đối tác thương mại lớn nhất của Italy trong ASEAN, <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/viet-nam-la-doi-tac-thuong-mai-lon-nhat-cua-italy-trong-asean.html>, ngày 18/08/2021.
8. Nguyễn Hoàng, Hợp tác kinh tế Việt Nam - Italy: Phát triển tích cực, <https://congthuong.vn/hop-tac-kinh-te-viet-nam-italy-phat-trien-tich-cuc-120594.html>, ngày 05/06/2019.
9. Việt Nam là thị trường trọng điểm của Italy năm 2019, <https://vtv.vn/kinh-te/viet-nam-la-thi-truong-trong-diem-cua-italy-nam-2019-20181128094202728.htm>, ngày 28/11/2018.
10. Nhã Anh, Italy coi Việt Nam là ưu tiên phát triển quan hệ hàng đầu ở khu vực Đông Nam Á, <https://baoquocte.vn/italy-coi-viet-nam-la-uu-tien-phat-trien-quan-he-hang-dau-o-khu-vuc-dong-nam-a-186372.html>, ngày 07/06/2022.
11. Đỗ Lê, Thúc đẩy hợp tác thương mại và đầu tư Việt Nam – Italy, <http://thoibaonganhang.vn/thuc-day-hop-tac-thuong-mai-va-dau-tu-viet-nam-italy-88683.html>, ngày 07/06/2019.
12. Trading Economics (2022), Vietnam Exports to Italy, tải tại: <https://tradingeconomics.com/vietnam/exports/italy>

## TẠI SAO THƯƠNG MẠI VIỆT-ĐỨC VẪN DUY TRÌ TĂNG TRƯỞNG TRONG BỐI CẢNH ĐẠI DỊCH COVID-19

*Nguyễn Phúc Hiền*

Trường Đại học Ngoại thương

*Nguyễn Thị Khánh Huyền*

Trường Paderborn, CHLB Đức

**Tóm tắt:** Đại dịch Covid-19 đã tác động tiêu cực đến chuỗi cung ứng, tăng trưởng kinh tế và thương mại toàn cầu do chính sách kiểm soát dịch bệnh, giãn cách xã hội của các nước. Tốc độ tăng trưởng GDP toàn cầu ở mức âm 3,3% (2020), tổng giá trị thương mại toàn cầu âm 10,1% (2020) (World Bank, 2020). Trong khi đó thương mại Việt Nam và CHLB Đức chỉ giảm khoảng 3%, điều đáng nói là xuất khẩu Việt Nam sang Đức vẫn duy trì sự tăng trưởng dương 1,42% (so với năm 2019). Vậy đâu là động lực dẫn đến duy trì thương mại giữa hai nước. Bằng việc phân tích và đánh giá, nghiên cứu chỉ ra: việc thực hiện Hiệp định thương mại tự do Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA); loại hàng hóa xuất khẩu giữa hai nước; việc tìm kiếm nguồn cung ngoài Trung Quốc; quan hệ truyền thống lâu dài giữa hai nước và cộng đồng lớn Việt Nam tại CHLB Đức là những động lực chính cho tăng trưởng thương mại giữa hai quốc gia trong bối cảnh của đại dịch Covid-19.

### 1. Lời mở đầu

Việt Nam và CHLB Đức chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao năm 1975 và trở thành đối tác chiến lược năm 2011. Sau gần nửa thế kỷ quan hệ kinh tế phát triển vượt bậc, đặc biệt hơn 10 năm trở lại đây. CHLB Đức đã và đang là một trong những đối tác thương mại quan trọng nhất của Việt Nam trong Liên minh châu Âu trong nhiều năm qua. Việt Nam cũng là một thị trường tiềm năng với Đức khi là quốc gia duy nhất, ngoại trừ Singapore, có hiệp định thương mại tự do với Đức tại khu vực Đông Nam Á. Hiệp định thương mại tự do Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA) có hiệu lực từ ngày 01 tháng 08 năm 2020 đã và đang đem lại sự phát triển tích cực trong mối quan hệ thương mại giữa cả hai nước.

Đại dịch Covid-19 xuất hiện vào cuối năm 2019, tại Vũ Hán, Trung Quốc. Đầu năm 2020, đại dịch bắt đầu lan rộng ra toàn thế giới dẫn đến sự thiệt hại nghiêm trọng



không những về con người mà nền kinh tế thế giới cũng phải hứng chịu những ảnh hưởng nặng nề do các chính sách hạn chế, đóng cửa và giãn cách xã hội ở mỗi quốc gia nhằm ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh. Đây chính là nguyên nhân khiến cho việc sản xuất đình chệ, đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu. Tăng trưởng GDP toàn cầu giảm ở mức âm 3,3% và tổng giá trị thương mại toàn cầu đã giảm 10,1% năm 2020 so với năm 2019 (World Bank, 2020). Thương mại hai chiều của Việt Nam và Liên minh châu Âu nói chung và với CHLB Đức nói riêng bị ảnh hưởng, tuy nhiên mức sụt giảm rất thấp, chỉ 0,1%. Xuất khẩu Việt Nam sang CHLB Đức vẫn duy trì tăng trưởng dương 1,42% năm 2020 so với 2019 và tăng 12,35% năm 2021. Cán cân thương mại của Việt Nam với Đức luôn duy trì trạng thái xuất siêu. Vậy đâu là động lực cho sự tăng trưởng thương mại giữa hai nước trong bối cảnh khó khăn của đại dịch Covid-19 là câu hỏi đặt ra cho nhóm nghiên cứu.

Hiện nay, đã có một số nghiên cứu về tình hình thương mại quốc tế trong bối cảnh đại dịch Covid-19 cũng như những nghiên cứu về tác động của EVFTA, tuy nhiên, chưa có nghiên cứu nào phân tích mối quan hệ thương mại Việt Nam - Đức trong bối cảnh Đại dịch. Bằng việc phân tích dữ liệu sử dụng phương pháp thống kê mô tả và phương pháp phân tích so sánh, bài nghiên cứu này nhằm mục đích phân tích tình hình thương mại giữa Việt Nam và Đức trong bối cảnh Đại dịch Covid-19, từ đó, tìm ra những nguyên nhân đằng sau sự tăng trưởng thương mại giữa hai nước Việt - Đức.

## **2. Khái niệm và vai trò của thương mại quốc tế**

Thương mại quốc tế là hoạt động trao đổi, mua bán hàng hóa, dịch vụ, đầu tư xúc tiến thương mại nhằm mục đích sinh lợi. Theo tổ chức thương mại thế giới (WTO), thương mại quốc tế được xem xét dưới các hình thức thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ và thương mại quyền sở hữu trí tuệ.

Thương mại quốc tế gắn liền với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của mỗi quốc gia. Hội nhập kinh tế quốc tế là một xu hướng tất yếu nó mang lại cả cơ hội và thách thức cho mỗi quốc gia. Vì vậy nếu quốc gia chủ động hội nhập bằng việc tham gia vào các tổ chức thương mại quốc tế như khối liên minh kinh tế, ký kết các hiệp định thương mại tự do thì có thể tận dụng được các cơ hội và hạn chế được thách thức để mang lại lợi ích kinh tế cho quốc gia. Tham gia thương mại quốc tế giúp các quốc gia sử dụng hiệu quả nguồn lực của mình, tăng năng lực sản xuất và khả năng tiêu dùng qua sự

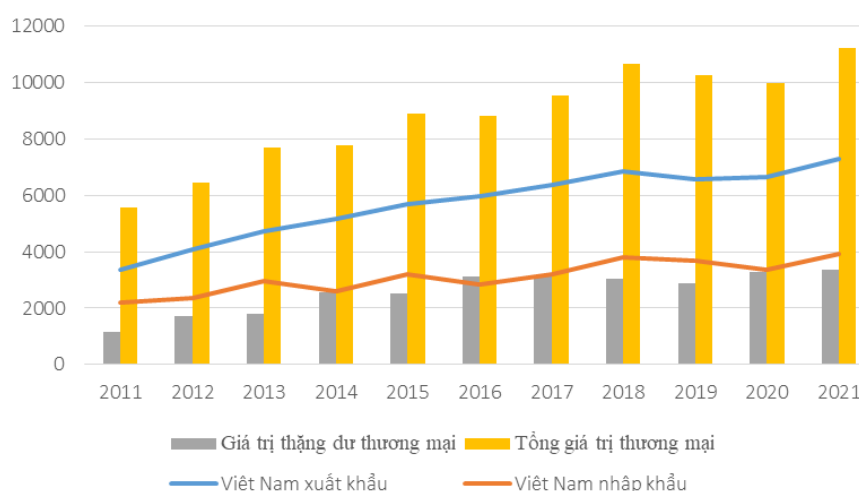
chuyên môn hóa và phân công lao động quốc tế. Có thể thấy, thương mại quốc tế chính là “chìa khóa” trong chính sách và chiến lược phát triển kinh tế của các quốc gia trong thời đại hội toàn cầu hóa.

Tuy nhiên, thương mại quốc tế cũng có mặt trái của nó. Tham gia thương mại quốc tế, các quốc gia gắn kết, phụ thuộc vào nhau trong kinh tế, điều này khiến cho nền kinh tế nội địa rất dễ bị tác động bởi các cú sốc bên ngoài như khủng hoảng, chiến tranh, dịch bệnh. Dịch bệnh Covid-19 và cuộc xung đột ở Ukraine đã cho ta thấy rõ điều này, khi phần lớn các quốc gia đều thực hiện các chính sách đóng cửa nhằm ngăn chặn sự lây lan của đại dịch dẫn đến đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu. Nền kinh tế thế giới đã lâm vào cuộc khủng hoảng được đánh giá là tồi tệ nhất kể từ cuộc Đại suy thoái năm 1930.

### 3. Thực trạng thương mại Việt-Đức trong bối cảnh Covid-19

Sau gần nửa thế kỷ thiết lập mối quan hệ ngoại giao, thương mại Việt-Đức ngày càng phát triển, Đức luôn là một trong những đối tác quan trọng của Việt Nam tại thị trường Châu Âu. Mặc dù, Việt Nam chỉ chiếm một phần nhỏ trong kim ngạch xuất nhập khẩu của Đức nhưng Việt Nam vẫn luôn là một thị trường tiềm năng đối với Đức. Trong hơn một thập kỷ qua (2011-2021), giá trị xuất khẩu của Việt Nam sang Đức luôn tăng trưởng ổn định, tốc độ tăng trưởng trung bình đạt khoảng 13% qua các năm, đạt 7288 triệu USD (2021), tăng gấp 3 lần so với năm 2011 (Hình 1). Giá trị nhập khẩu của Việt Nam từ Đức cũng khá ổn định, tốc độ tăng trưởng trung bình của giá trị nhập khẩu trong giai đoạn này là 10%, đạt 3942 triệu USD (2021), tăng gấp 2,3 lần so với năm 2011 (Hình 1).

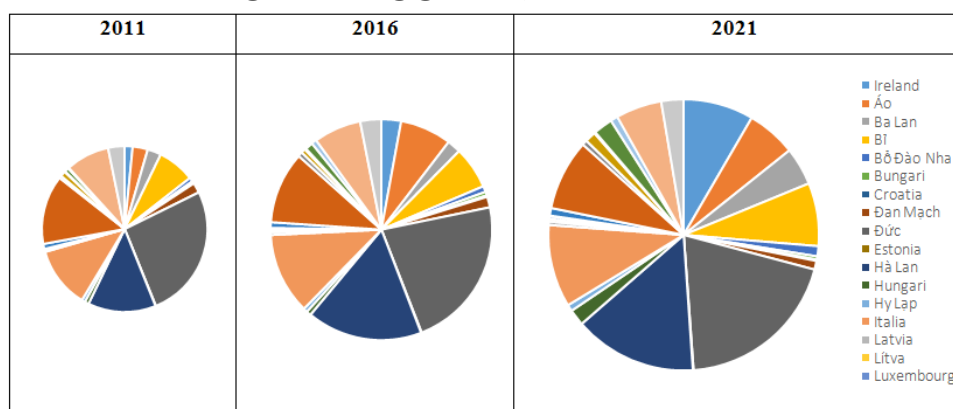
**Hình 1: Giá trị xuất nhập khẩu giữa Việt Nam - Đức giai đoạn 2011-2021**



Nguồn: <https://tradingeconomics.com/>

Tỷ trọng xuất nhập khẩu; Năm 2021, Đức tiếp tục là đối tác thương mại quan trọng nhất của Việt Nam tại thị trường châu Âu với tổng giá trị xuất nhập khẩu 11.240 triệu USD, chiếm 20% tổng giá trị thương mại với Liên minh châu Âu và chiếm khoảng 1,71% tổng giá trị thương mại của Việt Nam với thế giới, trong đó giá trị xuất khẩu chiếm tỷ trọng 2,17% tổng giá trị xuất khẩu, xếp thứ bảy trong các nước xuất khẩu của Việt Nam (Hình 2). Kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam luôn thặng dư với Đức, đạt 3344,9 triệu USD (2021) (Hình 1). Đây cũng là năm giá trị thặng dư thương mại cao nhất mặc dù trong bối cảnh khủng hoảng Covid-19. Tỷ trọng xuất nhập của Việt Nam và Đức có thay đổi trong Liên minh châu Âu, giảm từ 26% (2011) xuống 20% (2020) do sự tăng trưởng thương mại nhanh của một số quốc gia thành viên châu Âu khác như Ai Len, Ba Lan với Việt Nam.

**Hình 2: Tỷ trọng giá trị xuất nhập khẩu của Việt Nam với các đối tác tại thị trường EU trong giai đoạn 2011-2021**

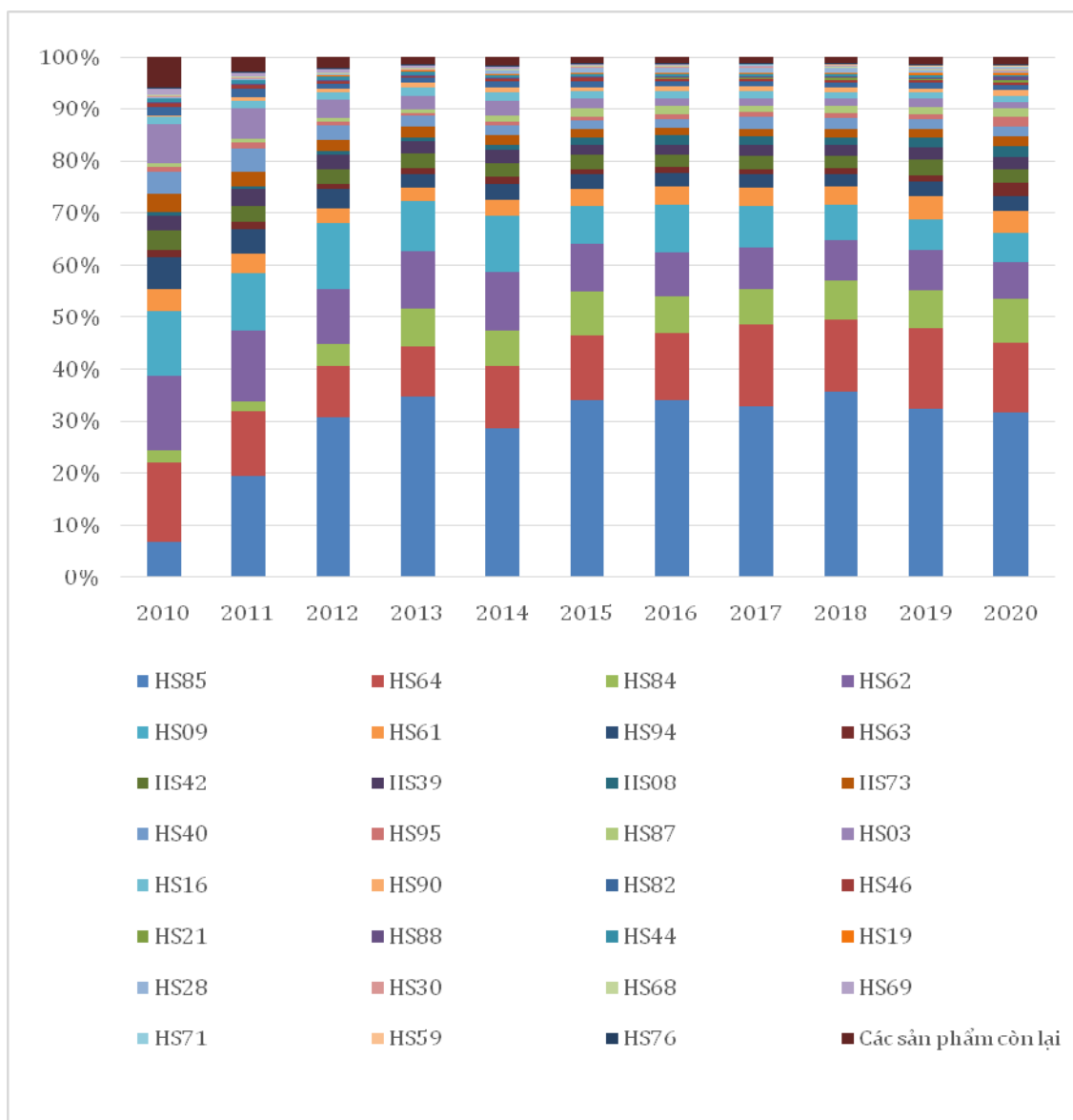


Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam

Mặt hàng xuất nhập khẩu: Việt Nam xuất khẩu chủ yếu sang thị trường Đức một số mặt hàng chủ yếu chiếm tỷ lệ cao: (1) máy tính, thiết bị điện tử và các linh kiện - HS85, chiếm hơn 30% (2021) tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu, tăng từ mức chỉ chưa tới 10% (2011). Nhóm sản phẩm này tăng do nhu cầu phải làm việc, học tập tại nhà và gia tăng giải trí trong giai đoạn giãn cách xã hội do Đại dịch Covid-19; (2) giày, dép và các sản phẩm tương tự - HS64, chiếm khoảng 14% (2021); (3) máy và thiết bị cơ khí - HS84, chiếm khoảng 10% trong tổng giá trị xuất khẩu năm 2021, tăng lên từ mức chỉ 2% (2011). Đây là sản phẩm có tỷ lệ tăng trưởng xuất khẩu cao do Việt Nam có nguồn nhân công giá rẻ và có trình độ cơ khí cao; (4) quần áo và hàng may mặc - HS62, chiếm 8% giá trị xuất khẩu sang Đức, phần lớn gia công cho các thương hiệu nổi tiếng của Đức như Adidas nhờ lợi thế nguồn nhân công giá rẻ; (5) cà phê, chè - HS09, chiếm khoảng 7% xuất khẩu. Đức là nước nhập khẩu cà phê lớn nhất thế giới và là một trong những thị trường xuất khẩu cà phê chính của Việt Nam. Những hàng hóa xuất khẩu này chủ yếu phục vụ nhu cầu thiết yếu, nhất là trong giai đoạn đại dịch

Covid 19 do nhu cầu thiết bị phục vụ hoạt động làm việc, học tập từ xa. Những sản phẩm xuất khẩu này chủ yếu từ hoạt động gia công, với lợi thế lớn về nguồn nhân lực dồi dào, chi phí nhân công rẻ, đồng thời Hiệp định EVFTA có hiệu lực, đã làm tăng sức cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam tại thị trường Đức.

**Hình 3: Cơ cấu hàng hóa, sản phẩm Việt Nam xuất khẩu sang Đức**



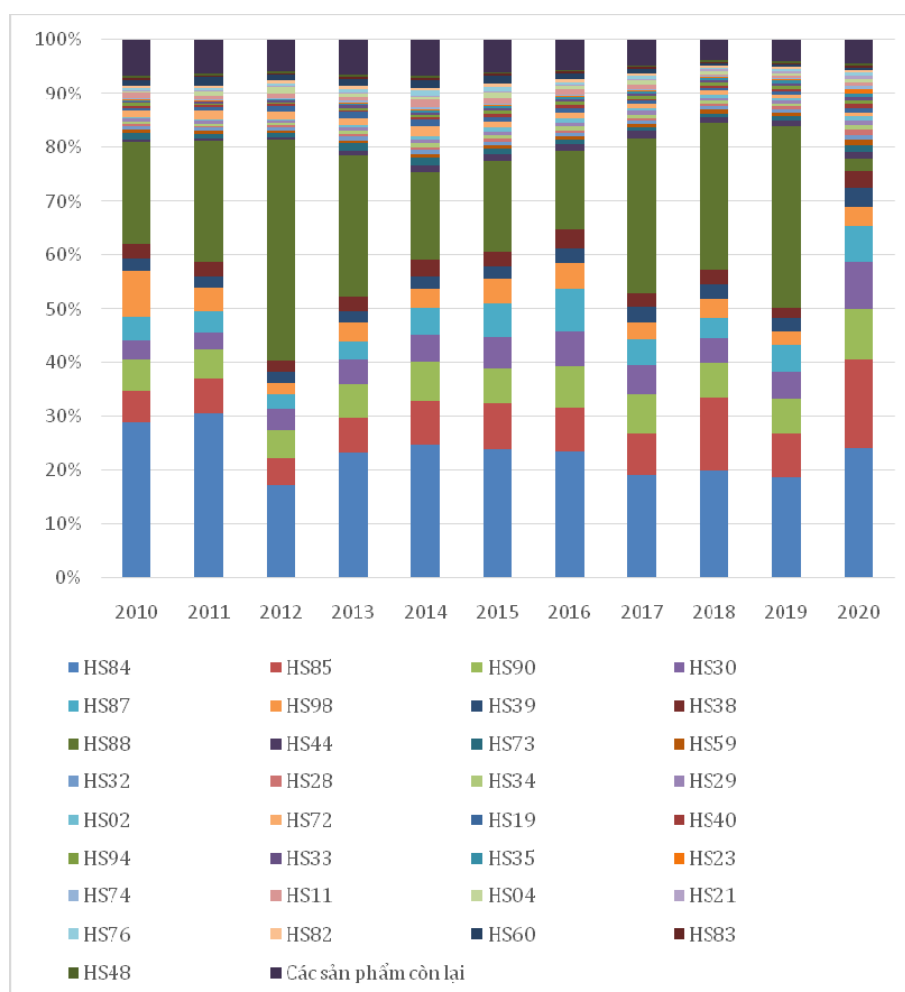
Nguồn: <https://www.trademap.org/>

*Ghi chú:* Mã sản phẩm được sử dụng là bảng mã số HS năm 2020, 2 chữ số

Việt Nam nhập khẩu chủ yếu từ Đức các mặt hàng: (1) máy và các thiết bị cơ khí - HS48, được nhập khẩu nhiều nhất, chiếm tỷ lệ 24% tổng giá trị nhập khẩu năm 2020, tăng tăng từ tỷ lệ 20% (2019) do nhu cầu mở rộng dự án đầu tư và dịch chuyển từ đầu tư từ Trung Quốc; (2) máy điện và các thiết bị điện - HS85 nhập khẩu đứng thứ 2 với tỷ lệ chiếm gần 17% tổng giá trị nhập khẩu (2020) tăng từ mức 7% (2019) do nhu cầu tăng phục vụ cho làm việc và học từ xa trong bối cảnh của Đại dịch; (3) dụng cụ và

thiết bị quang học - HS90 đứng thứ 3 trong các mặt hàng được nhập khẩu nhiều nhất từ Đức, chiếm tỷ lệ 10% (2020) trong cơ cấu hàng nhập khẩu. Đây là nhóm hàng có chất lượng hàng đầu của Đức phục vụ chủ yếu cho y học; (4) xe cộ và các bộ phận của chúng - HS87 nhập khẩu đứng thứ 4 với tỷ lệ khoảng gần 10%, tăng từ 5% (2019), đây là mặt hàng xuất khẩu chính của Đức và là sản phẩm được ưa chuộng không chỉ ở Việt Nam mà trên toàn thế giới. Trong Đại dịch nhu cầu sử dụng phương tiện cá nhân tăng lên dẫn đến nhập khẩu nhiều hơn; (5) tàu thủy, thuyền và các kết cấu nổi - HS88 là nhóm sản phẩm giảm mạnh nhất từ mức tỷ lệ hơn 30% (2019) xuống chỉ còn khoảng 2% do tác động của Đại dịch Covid-19. Các sản phẩm nhập khẩu từ Đức chủ yếu liên quan đến may mốt, cơ khí chính xác phục vụ sản xuất cũng như các sản phẩm phục vụ ngành y tế, các sản phẩm xe cao cấp... Cơ cấu các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu từ Đức không có nhiều sự thay đổi (ngoại trừ nhập khẩu nhóm tàu thủy, thuyền và kết cấu nổi). Qua Hình 4, có thể thấy xu hướng tăng đều và ổn định của hầu hết các ngành hàng qua các năm.

**Hình 4: Cơ cấu sản phẩm, hàng hóa Việt Nam nhập khẩu từ Đức**



Nguồn: <https://www.trademap.org/>

Ghi chú: Mã sản phẩm được sử dụng là bảng mã số HS năm 2020, 2 chữ số

#### 4. Lý do Việt-Đức vẫn duy trì tăng trưởng thương mại

Trên cơ sở phân tích sự thành công trong hoạt động thương mại hai chiều giữa Việt Nam và CHLB Đức trong thời gian qua, đặc biệt trong bối cảnh của Đại dịch Covid-19 có thể đưa ra một số đánh giá sau:

*Thứ nhất*, Việt Nam và Đức đều thu được nhiều lợi ích từ Hiệp định EVFTA. Tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam đã và đang là một đối tác tin cậy với nhiều quốc gia trên thế giới. Tại châu Á, ngoài Singapore, Việt Nam là nước duy nhất có Hiệp định thương mại tự do với Khối liên minh châu Âu. Điều này, đã thúc đẩy hoạt động thương mại với khu vực châu Âu nói chung và Đức nói riêng. Cụ thể, tại ngày Hiệp định EVFTA chính thức có hiệu lực, châu Âu sẽ xóa bỏ thuế quan ngay lập tức với phần lớn ngành hàng, lên đến khoảng 85,6% số dòng thuế, tương đương khoảng 70,3% giá trị xuất khẩu hiện tại của Việt Nam sang châu Âu. Các ngành hàng còn lại sẽ được loại bỏ thuế theo lộ trình, dự kiến sau 07 năm, sẽ xóa bỏ thuế quan đối với 99,2% dòng thuế, tương đương 99,7% giá trị xuất khẩu hiện tại của Việt Nam sang châu Âu. Việt Nam cũng sẽ loại bỏ đối với 48,5% dòng thuế, tương đương 64,5% giá trị xuất khẩu của châu Âu sang Việt Nam ngay khi Hiệp định có hiệu lực. Sau 07 năm, Việt Nam sẽ tiến tới loại bỏ thuế quan lên tới 91,8% dòng thuế, tương đương 99,8% giá trị xuất khẩu của EU sang Việt Nam. Việc thực thi Hiệp định thương mại EVFTA nửa cuối năm 2020 đã giúp thương mại Việt Nam sang châu Âu nói chung và Đức nói riêng phục hồi mạnh mẽ từ âm gần 1% hai quý đầu năm 2020 so với cùng kỳ lên tăng trưởng dương 1,2% (Trading Economics, 2020) Việt Nam đã tận dụng được lợi thế của mình với việc chiếm tỷ trọng cao trong tổng giá trị nhập khẩu của Đức từ thế giới tại các ngành hàng như nguyên liệu dệt và các sản phẩm dệt (9,19%); cà phê, chè (8,27%); giày, dép và các sản phẩm tương tự (7,24%); các sản phẩm bằng da thuộc (4,05%); thủy sản (2,32%) (Trade Map, 2020). Đức cũng nhận được rất nhiều lợi thế từ thị trường Việt Nam, với mức thu nhập tăng nhanh, người tiêu dùng có xu hướng chuyển ưu tiên về giá sang chất lượng sản phẩm cao như phương tiện ô tô, dược phẩm, thực phẩm (Trade Map, 2020). Việc áp dụng các lộ trình cắt giảm thuế nhập khẩu, người tiêu dùng Việt Nam sẽ có cơ hội sử dụng nhiều hàng hóa chất lượng từ Đức - nơi mà từ lâu đã luôn nổi tiếng với nhiều thương hiệu uy tín và chất lượng cao. Tóm lại, EVFTA đã và sẽ mang lại rất nhiều lợi ích cho cả hai quốc gia trong tương lai.

*Thứ hai*, thương mại Việt-Đức chủ yếu là các sản phẩm, hàng hóa ít bị ảnh hưởng bởi Covid-19. Đại dịch Covid-19 đã gây ra những ảnh hưởng tiêu cực thương mại quốc tế. Tuy nhiên, tác động của Covid-19 lại khác nhau đối với các nhóm sản phẩm khác nhau. Theo báo cáo của Eurostat (2021) về tác động của Covid-19 đến hoạt động thương mại theo nhóm sản phẩm tại thị trường châu Âu, dược phẩm, thực phẩm, đồ uống phần lớn không bị ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng Covid-19, trong khi xuất nhập khẩu nguyên liệu thô có mức giảm vừa phải. Trong cơ cấu hàng hóa, dịch vụ được xuất khẩu sang Đức, các mặt hàng chiếm tỷ trọng cao là điện thoại các loại và linh kiện; giày, dép các loại; cà phê; nông thủy sản; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (Hình 3). Các mặt hàng Việt Nam nhập khẩu chủ yếu từ Đức là máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác; dược phẩm; sản phẩm hóa chất; máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; linh kiện phụ tùng ô tô; chất dẻo nguyên liệu (Hình 4). Đây là những mặt hàng thiết yếu không bị tác động nhiều bởi đại dịch Covid-19, thậm chí có nhu cầu cao trong đại dịch. Nhu cầu tăng sản phẩm này bù đắp cho một số sản phẩm sụt giảm như phương tiện tàu thủy. Do đó, thương mại hai chiều vẫn duy trì và xuất khẩu vẫn tăng trưởng dương.

*Thứ ba*, Việt Nam là một quốc gia tiềm năng, có thể thay thế một phần Trung Quốc trong tương lai. Đại dịch Covid-19 đã gây ra ảnh hưởng nặng nề đến nền kinh tế trên toàn thế giới. Việc các quốc gia liên tục thực hiện các chính sách đóng cửa, giãn cách xã hội đã khiến cho hoạt động thương mại quốc tế sụt giảm, nền kinh tế phải đối mặt với các cú sốc cung - cầu và sự đứt gãy các chuỗi cung ứng toàn cầu. Sự phụ thuộc vào một đối tác thương mại lớn Trung Quốc đã gia tăng nhiều rủi ro cho nền kinh tế Đức cũng như Việt Nam. Đức đang cố gắng tìm những nguồn cung thay thế, nhằm giảm thiểu rủi ro khi quá tập trung vào một nguồn cung ứng. Bên cạnh đó, cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung vẫn còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, điều này càng thúc đẩy sự chuyển dịch đầu tư sang các quốc gia khác ngoài Trung Quốc. Đông Nam Á là một địa điểm đang nhận được nhiều sự quan tâm, trong đó, rất nhiều doanh nghiệp Đức nhận thấy Việt Nam rất có thể là một địa điểm thay thế tiềm năng trong tương lai. Theo báo cáo của Ngân hàng thế giới, chỉ số Doing Business Index 2020 của Việt Nam xếp thứ 70 trên toàn thế giới về mức độ thân thiện, khả năng cạnh tranh và môi trường đầu tư của các doanh nghiệp. Việt Nam là một quốc gia có lợi thế về nguồn nhân lực trẻ, chi phí nhân công thấp so với các quốc gia trong cùng khu vực, trình độ tay nghề cao và là

nước duy nhất có nhiều người nói tiếng Đức và am hiểu văn hóa Đức. Hiện nay, số lượng công ty Đức đầu tư vào Việt Nam đã không ngừng tăng lên, với hơn 300 công ty tại Việt Nam. Theo khảo sát của German Industry- IHK, 93% công ty Đức được khảo sát muốn tiếp tục đầu tư vào Việt Nam và 46% có ý định tăng số lượng nhân viên. 73% cho rằng họ sẽ tăng cường được năng lực cạnh tranh sau khi Việt Nam và châu Âu thực thi Hiệp định thương mại. Chính niềm tin vào mở rộng và đầu tư mới vào Việt Nam đã giúp duy trì được thương mại giữa hai nước đặc biệt là hoạt động xuất khẩu. Con số này sẽ tăng nhiều hơn trong giai đoạn tới do lợi ích của việc thực thi EVFTA.

*Thứ tư*, Việt Nam và Đức là đối tác có quan hệ truyền thống lâu dài. Việt Nam và CHLB Đức đã chính thức thiết lập mối quan hệ ngoại giao vào ngày 23 tháng 9 năm 1975 (trước đó là quan hệ hợp tác với CHDC Đức năm 1955) nhưng sợi dây liên kết giữa hai dân tộc ở hai lục địa Á – Âu xa cách đã hình thành và tồn tại từ rất lâu trước đó. Ngay từ giữa thế kỷ XIX, các vị sứ thần đầu tiên của Đức đã được cử đến Sài Gòn để kết nối bang giao hai nước. Sau gần nửa thế kỷ thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức, mối quan hệ giữa Việt Nam và Đức phát triển ngày một bền chặt. Trong mối quan hệ về thương mại, từ 1990, hai quốc gia đã đàm phán và đi đến ký kết rất nhiều các thỏa thuận hợp tác song phương như: Hiệp định Khuyến khích và Bảo hộ Đầu tư ký tại Hà Nội ngày 3 tháng 4 năm 1993; Hiệp định Vận tải Hàng hải được ký năm 1993 và Hiệp định Tránh đánh thuế hai lần được ký tại Hà Nội ngày 16 tháng 11 năm 1995. Hai nước nhất trí thành lập quan hệ đối tác chiến lược vào tháng 10/2011 nhằm thúc đẩy hợp tác chặt chẽ hơn trong tương lai, đặc biệt trong 5 lĩnh vực chính: hợp tác chính trị chiến lược, thương mại và đầu tư, tư pháp và pháp luật, phát triển và bảo vệ môi trường, giáo dục, khoa học, công nghệ, văn hóa, truyền thông và xã hội. “Tuyên bố chung về ý định làm sâu sắc hơn quan hệ kinh tế và thương mại giữa Bộ Kinh tế và Năng lượng Cộng hòa Liên bang Đức và Bộ Công Thương nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam” đã được ký kết vào ngày 25 tháng 3 năm 2019 để triển khai nội dung hợp tác kinh tế trong khuôn khổ quan hệ Đối tác chiến lược Việt Nam-Đức, làm sâu sắc hơn nữa hợp tác kinh tế, tạo cơ cấu kinh tế bền vững và thúc đẩy việc làm. Được ký tại Hà Nội ngày 25 tháng 3 năm 2019, “Tuyên bố chung về ý định giữa Bộ Kinh tế và Năng lượng Cộng hòa Liên bang Đức và Bộ Kế hoạch và Đầu tư nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về hợp tác đào tạo nâng cao năng lực cho các giám đốc điều



hành doanh nghiệp từ năm 2019 đến năm 2021” bày tỏ nguyện vọng chung của họ trong việc thúc đẩy hợp tác kinh tế giữa cả hai nước bằng cách thực hiện Chương trình đào tạo quản lý song phương. Ngày 01 tháng 08 năm 2020, Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU (EVFTA) chính thức có hiệu lực. Đây là hiệp định thương mại toàn diện nhất mà châu Âu đã ký kết với một nước đang phát triển; điều này đánh dấu một bước ngoặt to lớn của nền kinh tế Việt Nam. Việc triển khai EVFTA đã tạo ra những cơ hội mới cho Thương mại song phương Việt Nam - EU; không thể phủ nhận Đức cũng là một trong những thị trường tiềm năng nhất tại EU.

*Thứ năm*, Việt Nam có cộng đồng người Việt lớn tại Đức. Việt Nam là quốc gia duy nhất ở Đông Nam Á sở hữu nhịp cầu nhân văn đặc biệt kết nối với Đức. Đó là đội ngũ đông đảo hơn một trăm ngàn học sinh, sinh viên và lao động Việt Nam đã từng học tập, làm việc tại Đức từ những năm 50 của thế kỷ trước, nắm vững ngôn ngữ và văn hóa Đức. Cùng với cộng đồng trên 170 ngàn người Việt Nam, gồm nhiều thế hệ, hội nhập sâu rộng và có những đóng góp tích cực vào đời sống kinh tế – xã hội Đức, họ đã kết thành một khối tài sản chung vô giá, trở thành chất xúc tác, động lực quan trọng không thể thiếu cho sự phát triển quan hệ hai nước nói chung và thương mại nói riêng, nhất là giai đoạn khủng hoảng của Đại dịch.

Hiện nay, có hơn 8,000 doanh nghiệp của người Việt Nam, hoạt động chủ yếu trong các ngành nghề thương mại, dịch vụ, nhà hàng, khách sạn, du lịch... Họ cũng giữ một vai trò quan trọng trong việc gìn giữ và phát triển mối quan hệ hữu nghị truyền thống giữa hai nước, thúc đẩy sự phát triển, thương mại và đầu tư giữa Việt Nam và CHLB Đức.

## **5. Kết luận**

Quan hệ thương mại Việt - Đức ngày càng phát triển sâu rộng, duy trì được sự tăng trưởng ổn định ngay cả trong bối cảnh khó khăn nhất của kinh tế và thương mại toàn cầu do tác động của dịch bệnh. Việt Nam có câu “lửa thử vàng, gian nan thử sức”, vận dụng cho quan hệ thương mại giữa hai nước trong thời gian qua cho thấy sức chịu đựng và quan hệ vững chắc giữa hai nước trong giai đoạn khó khăn. Đạt được thành quả này là nhờ những nỗ lực không ngừng giữa hai bên. Tuy nhiên, để duy trì và phát triển sâu sắc hơn nữa quan hệ hợp tác giữa hai bên, Việt Nam cần phải tiếp tục: (1) hiện thực hóa Hiệp định EVFTA từ tháng 08/2020. Để tăng cường hợp tác thương mại và tạo đột phá trong thời gian tới, Việt Nam cần chủ động khai thác tối đa các lợi thế

của Hiệp định trong thời gian tới. Đặc biệt doanh nghiệp phải quan tâm đến chất lượng hàng hóa xuất khẩu vào thị trường tiềm năng nhưng đòi hỏi cao. Sản phẩm của Việt Nam phải đáp ứng tất cả các yêu cầu để vào thị trường Đức nói riêng và châu Âu nói chung; (2) duy trì mặt hàng là lợi thế của mỗi nước mà ít bị tác động bởi cú sốc từ bên ngoài như dịch bệnh, Việt Nam tiếp tục tăng cường xuất khẩu sản phẩm thiết yếu như thiết bị điện tử, nông sản thủy sản, may mặc da giày vv...; (3) thu hút nhà đầu tư Đức để trở thành một nơi cung cấp trong chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị toàn cầu từng bước thay thế một phần từ Trung Quốc; (4) duy trì và làm phong phú hơn quan hệ truyền thống lâu dài giữa hai quốc gia; (5) phát huy và khơi dậy cộng đồng Việt Nam đang sinh sống và làm việc tại CHLB Đức để đẩy mạnh hơn nữa thương mại và đầu tư giữa hai nền kinh tế.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Bilateral trade between Germany and Vietnam, trích xuất từ Trade Map; truy cập ngày 21/07/2022, tại: <https://www.trademap.org/Index.aspx>
2. Bilateral trade between Viet Nam and Germany, trích xuất từ Trade Map; truy cập ngày 21/07/2022, tại: <https://www.trademap.org/Index.aspx>
3. Exports of goods and services (current US\$), trích xuất từ World Bank; truy cập ngày 20/07/2022, tại: <https://databank.worldbank.org/home.aspx>
4. Fritzi K G & cộng sự (2021), “The coronavirus and foreign trade - the crisis accentuates long-term trends”, KfW Research No.323
5. GDP growth (annual %), trích xuất từ World Bank; truy cập ngày 20/07/2022, tại: <https://databank.worldbank.org/home.aspx>
6. Germany Imports from Vietnam, trích xuất từ Trading Economics; truy cập ngày 20/07/2022, tại: <https://tradingeconomics.com/germany/imports/vietnam>
7. <http://www.vietnambotschaft.org/45-nam-quan-he-viet-nam-duc-sau-rong-hieu-qua-thuc-chat/>
8. <https://congthuong.vn/gan-93-doanh-nghiep-duc-se-tiep-tuc-dau-tu-vao-viet-nam-179948.html>.
9. [https://ec.europa.eu/eurostat/statistics-explained/index.php?title=Impact\\_of\\_COVID-19\\_on\\_international\\_trade\\_in\\_goods\\_statistics](https://ec.europa.eu/eurostat/statistics-explained/index.php?title=Impact_of_COVID-19_on_international_trade_in_goods_statistics), truy cập ngày 15/07/2022.

10. Imports of goods and services (current US\$), trích xuất từ World Bank; truy cập ngày 20/07/2022, tại: <https://databank.worldbank.org/home.aspx>
11. OECD (2020), “Efficiency and risks in global value chains in the context of COVID-19”, OECD Economics Department Working Papers No. 1637 tại: <https://doi.org/10.1787/18151973>
12. OECD (2021), “The impact of COVID-19 on the directions and structure of international trade”, OECD Trade Policy Paper, No. 252
13. OECD (2022), International trade during the COVID-19 pandemic: Big shifts and uncertainty: <https://www.oecd.org/coronavirus/policy-responses/international-trade-during-the-covid-19-pandemic-big-shifts-and-uncertainty-d1131663/>
14. Stepanok, J (2020), “Germany’s trade with China at the beginning of the global COVID-19 pandemic”, IAB Forum, 02/10/2020, tại: <https://www.iab-forum.de/en/germanys-trade-with-china-at-the-beginning-of-the-global-covid-19-pandemic/>
15. Tran, D T & cộng sự (2021), “Impact of EVFTA on Trade Flows of Fruits between Vietnam and the EU”, The Journal of Asian Finance, Economics and Business, Volume 8 Issue 5, trang 607-616.
16. Trung tâm WTO và Hội nhập, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, “Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU: Tóm tắt Chương 2 – Đối xử Quốc gia và Mở cửa thị trường hàng hóa”
17. Vietnam Imports from Germany, trích xuất từ Trading Economics; truy cập ngày 20/07/2022, tại: <https://tradingeconomics.com/vietnam/imports/germany>
18. Vu T H (2016), “Assessing potential impacts of the EVFTA on Vietnam’s pharmaceutical imports from the EU: an application of SMART analysis”, SpringerPlus, tại: <https://springerplus.springeropen.com/articles/10.1186/s40064-016-3200-7>

## QUAN HỆ KINH TẾ VIỆT NAM - CHLB ĐỨC TRONG BỐI CẢNH TRIỂN KHAI EVFTA

*ThS.Nguyễn Thanh Lan*

**Viện Nghiên cứu Châu Âu**

**Tóm tắt:** Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA) là Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới giữa Việt Nam và 27 nước thành viên Liên minh châu Âu (EU). EVFTA được ký kết vào ngày 30/06/2019 và có hiệu lực từ ngày 01/08/2020. Với phạm vi cam kết rộng, mức độ tự do hóa sâu, việc thực thi EVFTA sẽ đem lại những cơ hội đặc biệt để tăng cường quan hệ thương mại giữa Việt Nam và các nước thành viên của EU, đặc biệt là Đức - một trong những thị trường EU quan trọng bậc nhất của xuất nhập khẩu Việt Nam.

### **1. Thực trạng quan hệ thương mại, đầu tư và hợp tác phát triển giữa Việt Nam và CHLB Đức**

#### ***Thương mại***

Sau 45 năm thiết lập quan hệ ngoại giao (1975-2015), nâng cấp thành quan hệ đối tác chiến lược từ năm 2011, quan hệ thương mại hai chiều Đức - Việt Nam liên tục phát triển, hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau.

Từ năm 2001 đến 2018, xuất nhập khẩu Việt Nam với Đức tăng đều qua từng năm với tốc độ 14%/năm. Tuy nhiên, đến năm 2019 xu hướng này giảm dần. Xuất khẩu Việt Nam sang Đức không ổn định và liên tục sụt giảm do thời gian gần đây phải cạnh tranh gay gắt với các quốc gia khác như Trung Quốc, Ấn Độ, Bangladesh. So với tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam ra thế giới và EU, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu Việt Nam vào Đức cũng rất thấp. Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu ra thế giới 17,8% và EU là 13%<sup>1</sup>.

Đức là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam không chỉ ở Liên minh Châu Âu (EU) mà còn ở cả Châu Âu. Đức là thị trường chiếm gần 1/5 kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU, đồng thời là cửa ngõ trung chuyển quan trọng của hàng hóa Việt Nam sang các thị trường khác ở Châu Âu. Từ góc độ xuất khẩu, Đức là thị trường

---

<sup>1</sup>Kiều Linh, EVFTA mới có hiệu lực, thương mại Việt - Đức đảo chiều tăng mạnh, <https://vneconomy.vn/evfta-moi-co-hieu-luc-thuong-mai-viet-duc-dao-chieu-tang-manh.htm>, ngày 12/11/2020.

xuất khẩu lớn thứ 2 tại EU, thứ 7 thế giới của Việt Nam năm 2020. Về nhập khẩu, Đức là nguồn cung hàng hóa lớn thứ 2 EU, thứ 14 thế giới của Việt Nam<sup>2</sup>. Ở chiều ngược lại, năm 2020, Việt Nam đã vượt Malaysia và Singapore vươn lên trở thành đối tác thương mại lớn nhất của Đức tại Đông Nam Á. Kim ngạch thương mại hai chiều đã tăng gấp đôi kể từ năm 2010, dòng dịch chuyển vốn đầu tư và nguồn nhân lực chất lượng cao giữa hai bên cũng ngày một tăng cao<sup>3</sup>.

Việt Nam và Đức có cơ cấu sản phẩm bổ sung cho nhau là chủ yếu. Việt Nam có thế mạnh về các sản phẩm công nghiệp nhẹ, sản phẩm tiêu dùng và nông sản thực phẩm, và có nhu cầu cao với nhiều nguyên liệu và máy móc phục vụ sản xuất. Trong khi đó, Đức là cường quốc công nghiệp nặng, xuất khẩu nhiều nguyên nhiên liệu và máy móc thiết bị và cũng nhập khẩu nhiều hàng tiêu dùng, nông sản thực phẩm.

Quan hệ thương mại hai nước có tín hiệu lạc quan hơn bắt đầu từ khi Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA) có hiệu lực từ ngày 01/08/2020. Sau khi EVFTA có hiệu lực, xuất khẩu nhập khẩu Việt Nam - Đức đảo chiều, tăng trưởng mạnh so với năm trước đó.

Sau 10 năm thiết lập quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - CHLB Đức (2011-2021), thương mại song phương giữa hai bên đã tăng 80%, từ 5,6 tỷ USD năm 2011 lên 10 tỷ USD năm 2020<sup>4</sup>. Đặc biệt, xuất khẩu từ Việt Nam sang Đức trong giai đoạn này cũng đạt mức tăng trưởng khoảng 11,5%/năm<sup>5</sup>, mức tăng này vẫn còn thấp so với tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam ra thế giới trong cùng giai đoạn (14,9%/năm). Hai nước đều khẳng định kinh tế là trụ cột và là một trong những thành tựu nổi bật nhất của quan hệ đối tác chiến lược giữa hai nước trong thập kỷ qua. Tuy nhiên, kết quả đạt được đến nay vẫn còn khá khiêm tốn so với tiềm năng phát triển. Trao đổi thương mại hai chiều giữa Việt Nam và Đức hiện chỉ chiếm 1,83% trong tổng thương

<sup>2</sup>Hải Anh, Thúc đẩy thương mại Việt Nam - Đức thông qua EVFTA, <https://thoibaotaichinhvietnam.vn/thuc-day-thuong-mai-viet-nam-duc-thong-qua-evfta-97339.html>, ngày 16/12/2021.

<sup>3</sup> Đại sứ quán nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tại CHLB Đức, Quan hệ Đối tác chiến lược Việt Nam-Đức: Thực chất, hiệu quả và bền vững, <http://www.vietnambotschaft.org/quan-he-doi-tac-chien-luoc-viet-nam-duc-thuc-chat-hieu-qua-va-ben-vung/>

<sup>4</sup>Ngọc Quỳnh, Tận dụng lợi thế hiệp định EVFTA thúc đẩy thương mại Việt Nam-Đức, <https://www.vietnamplus.vn/tan-dung-loi-the-hiep-dinh-evfta-thuc-day-thuong-mai-viet-namduc/760785.vnp>, ngày 14/12/2021.

<sup>5</sup>Hải Anh, Thúc đẩy thương mại Việt Nam - Đức thông qua EVFTA, <https://thoibaotaichinhvietnam.vn/thuc-day-thuong-mai-viet-nam-duc-thong-qua-evfta-97339.html>, ngày 16/12/2021.

mại của Việt Nam, thấp hơn nhiều so với tỷ trọng 24,41% với Trung Quốc, 16,65% với Mỹ, 12,11% với Hàn Quốc...<sup>6</sup>

Theo số liệu của Cơ quan thống kê Liên bang Đức, năm 2019, thương mại hai chiều CHLB Đức - Việt Nam đã đạt gần 16 tỷ USD, cao nhất từ trước đến nay. Năm 2020, mặc dù kinh tế toàn cầu bị ảnh hưởng do đại dịch Covid-19, thương mại hai chiều vẫn đạt 15,2 tỷ USD (giảm 3,6% so với cùng kỳ) tuy nhiên kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Đức lại tăng 7,85% so với năm 2019, đạt 11,73 tỷ USD<sup>7</sup>.

Còn theo Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương), 7 tháng đầu năm 2021, Đức tiếp tục là thị trường xuất khẩu hàng hóa lớn nhất của Việt Nam trong khối EU, với tổng giá trị xuất khẩu đạt xấp xỉ 4,2 tỷ USD, tăng 10,5% so với cùng kỳ, trong khi ở chiều nhập khẩu đạt 2,15 tỷ USD, tăng 14,9% so với cùng kỳ 2020<sup>8</sup>.

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, trong 11 tháng năm 2021, Đức là thị trường xuất khẩu nông sản lớn nhất của Việt Nam trong khối EU với kim ngạch đạt 641,15 triệu USD, tăng mạnh 24,4% so với cùng kỳ năm 2020<sup>9</sup>.

Cũng theo số liệu của Tổng cục Hải quan, 5 tháng năm 2022, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang Đức đạt 3,604 tỷ USD. Trong đó, hàng dệt, may đạt 409,394 triệu USD; giày dép các loại đạt 518,671 triệu USD; máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác đạt 613,453 triệu USD. Ở chiều ngược lại, kim ngạch nhập khẩu từ Đức đạt 1,502 tỷ USD<sup>10</sup>.

Nhiều sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam đã tận dụng được các cơ hội từ EVFTA trong một năm qua để tăng mạnh xuất khẩu sang thị trường Đức như máy móc và thiết bị tăng 83,6%, phương tiện vận tải và phụ tùng tăng 71,6%, sắt thép tăng 53,2%, máy tính và điện tử tăng 34%, thủy sản tăng 15,5%<sup>11</sup>.

---

<sup>6</sup>Ngọc Quỳnh, Tận dụng lợi thế hiệp định EVFTA thúc đẩy thương mại Việt Nam-Đức, <https://www.vietnamplus.vn/tan-dung-loi-the-hiep-dinh-evfta-thuc-day-thuong-mai-viet-namduc/760785.vnp>, ngày 14/12/2021.

<sup>7</sup>Thế Hoàng, Việt Nam là đối tác thương mại lớn nhất của Đức trong ASEAN, <https://baodautu.vn/viet-nam-la-doi-tac-thuong-mai-lon-nhat-cua-duc-trong-asean-d149107.html>, ngày 08/08/2021.

<sup>8</sup>Thế Hoàng, Việt Nam là đối tác thương mại lớn nhất của Đức trong ASEAN, <https://baodautu.vn/viet-nam-la-doi-tac-thuong-mai-lon-nhat-cua-duc-trong-asean-d149107.html>, ngày 08/08/2021.

<sup>9</sup>Xuất khẩu nông sản sang thị trường Đức – lực đẩy từ Hiệp định EVFTA, <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/xuat-khau-nong-san-sang-thi-truong-duc-luc-day-tu-hiep-dinh-evfta.html>, ngày 05/01/2022.

<sup>10</sup> Tuệ Minh, Năm bắt cơ hội từ EVFTA, thúc đẩy xuất khẩu sang Đức, <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/nam-bat-co-hoi-tu-evfta-thuc-day-xuat-khau-sang-duc.html>, ngày 15/06/2022.

<sup>11</sup> Ngọc Quỳnh, Tận dụng lợi thế hiệp định EVFTA thúc đẩy thương mại Việt Nam-Đức, <https://www.vietnamplus.vn/tan-dung-loi-the-hiep-dinh-evfta-thuc-day-thuong-mai-viet-namduc/760785.vnp>, ngày 14/12/2021.

Các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam được đánh giá là có cơ hội lớn từ EVFTA bao gồm giày dép, quần áo, thủy sản, các sản phẩm nhựa, hoa quả và các loại hạt và một số sản phẩm nông sản khác như gạo, ngô ngọt, tỏi, nấm...

Theo chiều ngược lại, doanh nghiệp cũng được đánh giá là có lợi thế khi nhập khẩu các sản phẩm thể mạnh của Đức nhờ EVFTA, đặc biệt là xe cộ, máy móc thiết bị điện, dược phẩm, các sản phẩm nhựa, sắt thép, nhiên liệu dầu khoáng, thịt động vật và gia cầm, sữa và các sản phẩm từ sữa, rượu bia và đồ uống...

**Trong lĩnh vực đầu tư**, là nền kinh tế hướng tới xuất khẩu, CHLB Đức coi Việt Nam là thị trường có tiềm năng phát triển nhanh ở châu Á. Tuy nhiên, đầu tư của Đức vào Việt Nam vẫn ở mức rất khiêm tốn so với tiềm năng và mong muốn hai bên.

Theo thống kê của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính đến tháng 5/2022, Việt Nam thu hút được 422 dự án đầu tư của doanh nghiệp Đức còn hiệu lực, với tổng vốn đăng ký 2,31 tỷ USD, đứng thứ 18/139 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam<sup>12</sup>. Các dự án tập trung vào các ngành chế biến, chế tạo, dịch vụ kỹ thuật, thông tin truyền thông, ngân hàng, bảo hiểm.

Một số tập đoàn đa quốc gia của Cộng hòa liên bang Đức đã có đầu tư tại Việt Nam như Daimler-Chrysler (sản xuất ô tô Mercedes-Benz), B.Braun (sản xuất thiết bị y tế), Messer (tách hóa lỏng khí phục vụ luyện kim), Siemens.../.

Khối lượng đầu tư từ Đức, trước hết là đầu tư trực tiếp, trong năm 2022 được dự báo cũng sẽ rất cao, thông qua việc nhiều nhà máy được mở rộng, xây mới cùng những khoản đầu tư lớn. Ở chiều ngược lại, Việt Nam đã có 41 dự án đầu tư vào Đức với trị giá hơn 218 triệu USD<sup>13</sup>.

### **Hợp tác phát triển**

Cùng với thương mại - đầu tư, hợp tác phát triển cũng là một thành tố quan trọng trong quan hệ hai nước. Trong lĩnh vực hợp tác phát triển, Việt Nam là đối tác quan trọng của Đức. Từ năm 1990 đến nay, Đức đã cung cấp hơn 2 tỷ USD<sup>14</sup> cho các dự án ODA tại Việt Nam thông qua hợp tác kỹ thuật và tài chính, trong đó, các dự án hợp tác

<sup>12</sup> Tuệ Minh, Hơn 73% doanh nghiệp Đức tin tưởng EVFTA làm tăng khả năng cạnh tranh tại Việt Nam, <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/hon-73-doanh-nghiep-duc-tin-tuong-cvfta-lam-tang-kha-nang-can-hanh-tranh-tai-viet-nam.html>, ngày 10/06/2022.

<sup>13</sup> Đại sứ quán nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tại CHLB Đức, Quan hệ Đối tác chiến lược Việt Nam-Đức: Thực chất, hiệu quả và bền vững, <http://www.vietnambotschaft.org/quan-he-doi-tac-chien-luoc-viet-nam-duc-thuc-chat-hieu-qua-va-ben-vung/>

<sup>14</sup> Đặng Hoàng Linh & Nguyễn Đức Phúc, Việt Nam – Cộng hòa liên bang Đức: Quan hệ đối tác chiến lược phát triển trong giai đoạn mới, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2021/01/07/viet-nam-cong-hoa-lien-bang-duc-quan-he-doi-tac-chien-luoc-phat-trien-trong-giai-doan-moi/>, ngày 07/01/2021.

kỹ thuật được thực hiện dưới hình thức viện trợ không hoàn lại. Trọng tâm của Đức trong các dự án hợp tác phát triển ở Việt Nam được thực hiện chủ yếu bởi hai tổ chức là Ngân hàng Tái thiết Đức (KfW) và Cơ quan Hợp tác phát triển Đức (GIZ), tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực phát triển kinh tế bền vững, bảo vệ môi trường và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, đào tạo nghề, góp phần thiết thực vào quá trình phát triển kinh tế – xã hội của Việt Nam.

Gần đây, Đức đã hoàn tất việc xây dựng dự án Ngôi nhà Đức (Deutsches Haus Ho Chi Minh City), tiếp tục thực hiện dự án tuyến tàu điện ngầm số 2 tại TP. Hồ Chí Minh và các dự án về năng lượng tái tạo. Trong đó, dự án Ngôi nhà Đức là dự án trọng điểm của Đức tại Việt Nam và khu vực ASEAN, là biểu trưng cho mối quan hệ đối tác chiến lược và tình hữu nghị giữa hai nước. Với tổng vốn đầu tư khoảng 100 triệu USD và đi vào hoạt động từ năm 2017, Ngôi nhà Đức là nơi tập trung các cơ quan của Đức như Tổng Lãnh sự, Phòng Thương mại và Công nghiệp, Viện Goethe và văn phòng của các doanh nghiệp Đức. Các dự án ODA của Đức đã và đang góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam.

## **2. Những cam kết của Việt Nam và CHLB Đức về nhập khẩu hàng hóa trong EVFTA**

Trong EVFTA, EU với 27 nước thành viên là một Bên thống nhất. Do đó, ngoại trừ một số ít các trường hợp có cam kết riêng cho từng nước thành viên EU (ví dụ về các chỉ dẫn địa lý, mở cửa thị trường mua sắm công, mở cửa thị trường dịch vụ đầu tư phía EU), tất cả các cam kết của EU trong EVFTA đều là cam kết thống nhất của tất cả các nước thành viên EU, trong đó có Đức.

Là một FTA thế hệ mới với mức độ tự do hóa cao, EVFTA tiến tới xóa bỏ phần lớn hàng rào thuế quan và tiết giảm các rào cản phi thuế quan giữa Việt Nam với EU; trong đó có Đức. Từ đó mang tới kỳ vọng về một sự tăng trưởng đột phá trong quan hệ thương mại song phương Việt Nam-Đức. Cụ thể, hiệp định sẽ dỡ bỏ 99,2% số dòng thuế cho hàng hóa của Việt Nam xuất khẩu sang Đức sau 7 năm và cũng xóa bỏ 98,3% số dòng thuế cho các sản phẩm của Đức nhập khẩu vào thị trường Việt Nam sau 10 năm kể từ khi hiệp định có hiệu lực.

EVFTA cũng bảo hộ chỉ dẫn địa lý tự động cho 39 sản phẩm của Việt Nam và 12 sản phẩm của Đức giúp các sản phẩm này gia tăng giá trị và thương hiệu khi tiếp cận



thị trường mỗi bên. Ngoài ra, hiệp định cũng bao gồm rất nhiều cam kết khác về hải quan, vệ sinh dịch tễ, rào cản kỹ thuật, phòng vệ thương mại, thương mại điện tử, sở hữu trí tuệ, mua sắm công... giúp thiết lập nên các tiêu chuẩn và nguyên tắc thuận lợi hóa thương mại, tạo điều kiện dễ dàng cho hàng hóa của Việt Nam và Đức tiếp cận thị trường của nhau.

### ***Cam kết về thuế nhập khẩu***

Tương tự như Việt Nam, trong EVFTA, EU có cam kết thuế quan nhập khẩu ưu đãi cụ thể cho từng dòng thuế, theo đó EU (trong đó có Đức) sẽ loại bỏ thuế nhập khẩu cho phần lớn hàng hóa Việt Nam ngay sau khi Hiệp định có hiệu lực (01/08/2020), số còn lại sẽ loại bỏ thuế quan theo lộ trình hoặc áp dụng hạn ngạch thuế quan.

Cụ thể, thuế quan ưu đãi EVFTA mà Đức dành cho các sản phẩm nhập khẩu từ Việt Nam như sau: Tại thời điểm 01/08/2020 khi EVFTA có hiệu lực: xóa bỏ thuế quan đối với 85,6% số dòng thuế; Đến thời điểm 01/01/2027, sẽ xóa bỏ thuế quan đối với tổng cộng 99,2% số dòng thuế; Đối với khoảng 0,8% số dòng thuế còn lại sẽ được áp dụng hạn ngạch thuế quan với thuế nhập khẩu trong hạn ngạch là 0%. Các sản phẩm của Việt Nam được áp dụng hạn ngạch trong EVFTA là: Trứng và lòng đỏ trứng gia cầm; tỏi; ngô ngọt; gạo đã xay; gạo đã xay đáp ứng yêu cầu đúng chủng loại; tinh bột sắn; cá ngừ; surimi; đường và các sản phẩm khác chứa hàm lượng đường cao; đường đặc biệt; nấm; ethanol; và mannitol, sorbitol, dextrin và các dạng tinh bột biến tính khác<sup>15</sup>.

Cơ chế phân bổ hạn ngạch cho Việt Nam theo EVFTA sẽ do EU quy định chung cho toàn lãnh thổ EU theo từng sản phẩm/nhóm sản phẩm cụ thể. Vì vậy sẽ không có hạn ngạch riêng cho thị trường Đức đối với bất kỳ sản phẩm nào. Cho tới trước EVFTA, EU chưa có FTA nào với Việt Nam. Do đó về nguyên tắc hàng hóa Việt Nam nhập khẩu vào Đức – thành viên EU phải chịu mức thuế MFN mà EU áp dụng cho các nước thành viên WTO. Tuy nhiên, từ nhiều năm nay, EU (trong đó có Đức) đã và đang duy trì cơ chế Ưu đãi Thuế quan Phổ cập (GSP) dành cho các nước đang và kém phát triển, trong đó có Việt Nam.

Theo cơ chế này, nhiều sản phẩm xuất khẩu đặc biệt là những mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam như may mặc, da giày, thủy sản... thuộc diện GSP được

---

<sup>15</sup> Bộ Công thương, EVFTA và cam kết về nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam và Đức, <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/hiiep-dinh-evfta/evfta-va-cam-ket-ve-nhap-khau-hang-hoa-giua-viet-nam-va-duc.html>, ngày 26/04/2022.

hưởng mức thuế ưu đãi thấp hơn đáng kể so với mức thuế MFN khi nhập khẩu vào thị trường Đức (năm 2021, mức thuế MFN trung bình áp dụng của EU là 4,71%, còn thuế GSP trung bình là 2,35%)<sup>16</sup>. Tuy nhiên, EU có quy định về “ngưỡng trưởng thành” đối với các nước/các sản phẩm được hưởng GSP. Quy định này hiểu đơn giản là khi tổng thu nhập quốc gia hoặc kim ngạch xuất khẩu một loại hàng hóa nào đó của Việt Nam đạt đến một ngưỡng nhất định thì không được hưởng ưu đãi GSP nữa.

Cho đến thời điểm hiện tại, mức thuế GSP mà EU đơn phương dành cho Việt Nam ở mức tương đối thấp. Trong so sánh ở giai đoạn đầu thực hiện EVFTA, một số sản phẩm xuất khẩu có lộ trình xóa bỏ thuế quan dài (5-7 năm) nên thuế EVFTA áp dụng đối với các sản phẩm này có thể cao hơn so với thuế GSP hiện tại mà sản phẩm đó đang được hưởng. Tuy nhiên, xét trên tổng thể, trong EVFTA, EU cam kết xóa bỏ tới 85,6% dòng thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực và 99,2% số dòng thuế được xóa bỏ sau 7 năm. Như vậy, đến cuối lộ trình gần như toàn bộ sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam sang EU (trong đó có Đức) sẽ được xóa bỏ hoàn toàn thuế quan, trong khi GSP chỉ có ưu đãi với một số nhóm sản phẩm và mức ưu đãi không phải lúc nào cũng là 0%. Do đó, xét về lâu dài, so với thuế GSP thì thuế EVFTA sẽ có lợi hơn cho doanh nghiệp.

Theo quy định của EU về GSP khi có FTA, Việt Nam sẽ tiếp tục được hưởng cơ chế GSP song song cùng EVFTA trong thời gian 02 năm kể từ khi EVFTA có hiệu lực (tức là đến hết 31/07/2022). Đồng thời, theo quy định trong EVFTA thì mức thuế ưu đãi EVFTA áp dụng đối với hàng hóa của Việt Nam sẽ không cao hơn các mức thuế mà EU áp dụng đối với hàng hóa đó tại thời điểm ngay trước khi EVFTA có hiệu lực.

Điều này có nghĩa là: Trong khoảng thời gian từ 01/08/2020 đến 31/07/2022: Doanh nghiệp có thể lựa chọn sử dụng EVFTA hay GSP tùy thuộc vào thuế quan ưu đãi theo cơ chế nào có lợi cho doanh nghiệp. Trường hợp chọn ưu đãi GSP thì sản phẩm phải đáp ứng quy tắc và thủ tục chứng nhận xuất xứ của GSP; trường hợp chọn ưu đãi thuế quan theo EVFTA thì sản phẩm phải đáp ứng quy tắc và thủ tục chứng nhận xuất xứ EVFTA.

Kể từ ngày 01/08/2022: Cơ chế ưu đãi thuế quan GSP sẽ tự động chấm dứt, doanh nghiệp áp dụng cơ chế ưu đãi thuế quan theo EVFTA. Tuy nhiên EVFTA cho

<sup>16</sup> Bộ Công thương, EVFTA và cam kết về nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam và Đức, <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/hiiep-dinh-evfta/evfta-va-cam-ket-ve-nhap-khau-hang-hoa-giua-viet-nam-va-duc.html>, ngày 26/04/2022.

phép trong trường hợp thuế EVFTA cao hơn thuế GSP thì vẫn được hưởng thuế GSP. Dù chọn mức thuế ưu đãi nào, sản phẩm phải đáp ứng quy tắc và thủ tục chứng nhận xuất xứ EVFTA. Đây là cam kết linh hoạt, rất có lợi cho các doanh nghiệp của Việt Nam khi xuất khẩu sang EU do được đảm bảo rằng mức thuế EVFTA áp dụng sẽ luôn là mức thuế thấp hơn hoặc ít nhất là bằng mức thuế GSP tại thời điểm 01/08/2020.

Có thể thấy với các nhóm sản phẩm đang có thuế MFN hoặc GSP ở mức trung bình thấp thì sẽ được Đức xóa bỏ thuế ngay khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực (đối với tất cả hoặc phần lớn các dòng sản phẩm). Còn đối với các nhóm sản phẩm hiện vẫn đang duy trì mức thuế MFN và GSP cao thì khoảng phân nửa được xóa bỏ thuế ngay khi có hiệu lực, còn lại là xóa bỏ theo lộ trình (riêng một số sản phẩm quả và quả hạch thuộc Chương 08 chỉ xóa bỏ thuế %, vẫn giữ thuế tuyệt đối). Như vậy, so với các mức thuế quan MFN và GSP mà Đức đang áp dụng thì thuế quan EVFTA đem lại các lợi thế lớn cho các nhóm sản phẩm xuất khẩu sau của Việt Nam: Giày dép (Chương 64), Quần áo (Chương 61,62), Thủy sản (Chương 3), Nhựa (Chương 39), Quả và quả hạch (Chương 08).

Cam kết về thuế xuất khẩu Khác với Việt Nam, EU cam kết loại bỏ hoàn toàn thuế xuất khẩu đối với tất cả các hàng hóa xuất khẩu sang Việt Nam. Do đó, sẽ không có loại hàng hóa nào từ Đức xuất khẩu sang Việt Nam theo EVFTA bị áp thuế xuất khẩu.

### ***Cam kết thuế quan của Việt Nam cho hàng hóa của Đức***

Cam kết về thuế quan của Việt Nam trong EVFTA bao gồm (i) cam kết về thuế nhập khẩu (áp dụng đối với hàng hóa EU nhập khẩu vào Việt Nam), và (ii) cam kết về thuế xuất khẩu (áp dụng đối với hàng hóa Việt Nam xuất khẩu đi các nước EU). Cam kết về thuế nhập khẩu Trong Hiệp định EVFTA, Việt Nam đưa ra cam kết thuế nhập khẩu ưu đãi cho từng loại hàng hóa (từng dòng thuế HS). Với mỗi hàng hóa, mức ưu đãi thuế quan được áp dụng thống nhất cho tất cả nước thành viên EU, trong đó có Đức.

Cụ thể, thuế quan ưu đãi EVFTA mà Việt Nam dành cho các sản phẩm nhập khẩu từ Đức như sau: Loại bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực (01/08/2020) đối với 48,5% số dòng thuế; Sau 07 năm (hết ngày 31/12/2026), loại bỏ thuế quan đối với tổng cộng 91,8% số dòng thuế; Sau 10 năm (hết ngày 31/12/2029), sẽ loại bỏ thuế quan đối với tổng cộng 98,3% số dòng thuế; Khoảng 1,7% số dòng thuế còn lại Việt

Nam cam kết dành hạn ngạch thuế quan (đường, muối, trứng gia cầm, thuốc lá...), hoặc không cam kết cắt giảm thuế quan (một số sản phẩm ô tô)<sup>17</sup>.

Trước EVFTA, Việt Nam và EU chưa có chung FTA nào. Do đó, hàng hóa của Đức nhập khẩu vào Việt Nam trước khi có EVFTA phải chịu mức thuế nhập khẩu chung (thuế MFN, áp dụng cho các nước thành viên WTO). Mức thuế nhập khẩu MFN của Việt Nam năm 2021 trung bình là 11,93%. Mức MFN cụ thể đối với từng mặt hàng cũng tương đối cao, thậm chí một số mặt hàng bị đánh thuế lên tới 135%. Với mức cam kết thuế quan trong EVFTA, hàng hóa của Đức nhập khẩu vào Việt Nam sẽ được hưởng lợi đáng kể.

Có thể thấy hơn phân nửa các sản phẩm này của Đức được Việt Nam xóa bỏ ngay khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực, còn lại là xóa bỏ theo lộ trình trừ một số sản phẩm thuộc Chương 87 không có cam kết về thuế quan. So với mức thuế MFN hiện hành mà Việt Nam đang áp dụng thì có thể thấy các nhóm hàng hóa của Đức được lợi đáng kể từ cam kết cắt giảm thuế quan của Việt Nam trong EVFTA là: Xe cộ (Chương 87), Máy móc thiết bị điện (Chương 85), Các sản phẩm nhựa (Chương 39), Sắt thép (Chương 73), Nhiên liệu dầu khoáng (Chương 27).

### **3. Những thuận lợi, khó khăn**

#### ***Thuận lợi***

Đức là thị trường xuất khẩu chính tại khu vực châu Âu đối với nhiều mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam như giày dép, quần áo, rau quả, thủy sản, cà phê, đồ gỗ... Dù đa phần những sản phẩm này chỉ chiếm thị phần nhỏ trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Đức, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu sang Đức đang có xu hướng gia tăng, nhiều hàng hóa của Việt Nam đã có được vị thế nhất định tại thị trường này.

Trong thời gian tới, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Đức được dự báo tiếp tục tăng trưởng nhờ các yếu tố thuận lợi như:

+ Số lượng người châu Á nói chung và người Việt Nam nói riêng đang sinh sống, làm việc và học tập tại Đức ngày càng tăng trong những năm gần đây. Lượng người tiêu dùng này có xu hướng sử dụng nhiều các sản phẩm châu Á, trong đó có sản phẩm của Việt Nam;

---

<sup>17</sup> Bộ Công thương, EVFTA và cam kết về nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam và Đức, <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/hiiep-dinh-evfta/evfta-va-cam-ket-ve-nhap-khau-hang-hoa-giua-viet-nam-va-duc.html>, ngày 26/04/2022.

+ Người tiêu dùng của Đức cũng ngày một cởi mở hơn trong việc sử dụng các sản phẩm châu Á nói chung và từ Việt Nam nói riêng. Họ sẵn sàng sử dụng các sản phẩm nhập khẩu từ các quốc gia đang phát triển nếu sản phẩm đó có xuất xứ rõ ràng, có chất lượng tốt và giá cả cạnh tranh. Trong khi đó, Việt Nam có nhiều sản phẩm thế mạnh mà người tiêu dùng Đức có nhu cầu cao hoặc đang gia tăng nhu cầu sử dụng như đồ gỗ, may mặc, giày dép, cà phê, rau quả nhiệt đới...;

+ Các sản phẩm Việt có chất lượng ngày càng cao và đang dần chinh phục được các thị trường khó tính trong đó có thị trường EU nói chung và Đức nói riêng... Nhiều doanh nghiệp lớn của Việt Nam đã đầu tư bài bản và dài hạn cho sản xuất và xuất khẩu hàng hóa tiêu chuẩn cao để xuất khẩu đi các thị trường phát triển, có yêu cầu khắt khe về chất lượng và mẫu mã sản phẩm. Việt Nam cũng đang chú trọng thu hút đầu tư công nghệ cao vào các ngành nhiều tiềm năng nhưng công nghệ còn lạc hậu như rau củ quả, thủy hải sản... để nâng cao chất lượng các sản phẩm xuất khẩu;

+ Việt Nam là một trong số ít các nước ở châu Á (Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore,...) đã có FTA với EU, do đó hàng hóa Việt Nam có lợi thế hơn so với các đối thủ cạnh tranh từ nhiều nước khác trong khu vực khi được hưởng ưu đãi thuế quan cũng như các lợi thế khác từ Hiệp định EVFTA. Hơn nữa, với việc Việt Nam thực thi các cam kết về lao động, môi trường và phát triển bền vững trong EVFTA (vốn được thiết kế theo chuẩn EU), hàng hóa xuất khẩu Việt Nam có thể tránh được phần nào các nguy cơ/rủi ro từ góc độ người tiêu dùng EU (ví dụ các chiến dịch tẩy chay sử dụng sản phẩm được sản xuất bởi người lao động trong môi trường không bảo đảm tiêu chuẩn, hoặc bị bóc lột...);

+ Dưới những tác động tiêu cực của đại dịch COVID-19, nền kinh tế Đức bị ảnh hưởng nặng nề, dẫn tới thu nhập của một bộ phận người tiêu dùng bị sụt giảm. Điều này dẫn tới nhu cầu đối với các sản phẩm có giá cả phải chăng hơn từ các nước đang phát triển như Việt Nam gia tăng, đặc biệt đối với các hàng hóa thiết yếu như thực phẩm, quần áo, giày dép... Trong khi đó, Việt Nam có thế mạnh sản xuất các sản phẩm này, giá cả thường thấp hơn từ các nước phát triển, lại thêm lợi thế về thuế quan nhờ EVFTA, do đó sẽ có nhiều cơ hội để gia tăng thị phần ở Đức.

+ Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) có hiệu lực từ ngày 1/8/2020 cũng giúp doanh nghiệp hai nước có điều kiện tiếp cận thị trường của nhau thuận lợi hơn, mang lại lợi ích cho cả đôi bên.

+ Việt Nam và Đức có đầy đủ khuôn khổ hợp tác cần thiết, trong đó hai nước cũng luôn phối hợp để cập nhật và hoàn thiện Kế hoạch Hành động chiến lược giai đoạn 2022-2023 với những định hướng lớn cho quan hệ hai nước.

+ Việt Nam là một trong số quốc gia có Luật FDI thuận lợi nhất trong khu vực và trên thế giới. Ngay cả trong thời gian đại dịch COVID-19, Việt Nam vẫn tiếp tục thu hút dòng vốn FDI chất lượng cao, dự kiến tăng ít nhất 10% trong năm 2022 so với năm 2021 - năm mà vốn đăng ký FDI đã vượt ngưỡng 31 tỷ USD, trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo thu hút hơn 18 tỷ USD.

+ Việt Nam là một trong những nền kinh tế phục hồi nhanh nhất sau đại dịch COVID-19. Riêng bốn tháng đầu năm 2022, trị giá xuất khẩu đạt trên 122 tỷ USD, tăng 16,5%.

+ Việt Nam ngày càng hấp dẫn đối với các nhà đầu tư do hạ tầng giao thông được cải thiện, có điều kiện phát triển các nguồn năng lượng xanh và sở hữu lực lượng lao động trẻ, dồi dào về số lượng và được đào tạo, có thể phát triển nguồn nhân lực về khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin... Việt Nam hội tụ đầy đủ các yếu tố thuận lợi nhất cho các nhà đầu tư, như chi phí lao động thấp, nguồn lao động dồi dào, tiềm lực sản xuất lớn, các FTA...

+ Chính phủ Việt Nam luôn tạo điều kiện tốt nhất có thể để các doanh nghiệp nước ngoài tới đầu tư trong lĩnh vực sản xuất và chế tạo, đặc biệt lợi thế về công nghệ của các doanh nghiệp Đức nói chung và lĩnh vực sản xuất của Đức nói riêng rất phù hợp với quy hoạch phát triển của Việt Nam.

+ Các mặt hàng xuất khẩu hai bên không trùng, không cạnh tranh lẫn nhau, do đó, hai nền kinh tế Đức và Việt Nam là sự bổ sung hoàn hảo cho nhau.

### ***Khó khăn***

+ Các yêu cầu nhập khẩu bắt buộc về vệ sinh an toàn thực phẩm, về tiêu chuẩn kỹ thuật và các quy định nhập khẩu khác của Đức/EU rất khắt khe và khó đáp ứng hơn nhiều thị trường xuất khẩu khác của Việt Nam. Các chế tài xử phạt đối với việc vi phạm các quy định nhập khẩu cũng rất nghiêm khắc. Hàng hóa bị phát hiện vi phạm các yêu cầu nhập khẩu bắt buộc của Đức có nguy cơ buộc trả về hoặc tiêu hủy tại chỗ. Đặc biệt, trong một số trường hợp, nếu tần suất vi phạm cao (một vài lần trong một khoảng thời gian nhất định), nước nhập khẩu có thể áp dụng biện pháp kiểm soát chặt hoặc xử lý nghiêm khắc (tăng tần suất, tỷ lệ kiểm tra, cấm nhập khẩu một thời gian...);

+ Người tiêu dùng Đức có yêu cầu rất cao về chất lượng, hình thức, thương hiệu, uy tín...của sản phẩm nhập khẩu. Những yêu cầu này thường cao hơn nhiều so với người tiêu dùng ở nhiều nước xuất khẩu truyền thống của Việt Nam như Trung Quốc, ASEAN, và thậm chí cả một số thành viên EU khác. Trong khi đó, nhiều sản phẩm của Việt Nam còn chưa đảm bảo tính ổn định, thống nhất về chất lượng, thường hạn chế về hình thức, mẫu mã, chủng loại, và ít chú trọng xây dựng hình ảnh, thương hiệu... Ngoài ra, người dân Đức ngày càng quan tâm đến tiêu dùng bền vững, lựa chọn các sản phẩm tiêu dùng đảm bảo sức khỏe, bảo vệ môi trường, bảo vệ người lao động... Vì vậy, các nhà nhập khẩu Đức thường yêu cầu sản phẩm nhập khẩu phải có thêm các chứng nhận/chứng chỉ (mà không phải là quy định nhập khẩu bắt buộc) như một số chứng nhận về an toàn thực phẩm, chứng chỉ xã hội, nhãn xanh, nhãn sinh thái... Những yêu cầu này khiến các doanh nghiệp Việt Nam phải mất thêm thời gian và chi phí đáp ứng, do đó cũng giảm mức độ quan tâm với thị trường Đức;

+ Đức có khoảng cách địa lý xa Việt Nam nên chi phí vận chuyển và bảo quản hàng hóa xuất khẩu sang thị trường này cao dẫn đến giá thành sản phẩm bị tăng lên và khó cạnh tranh với hàng hóa từ những nước có vị trí địa lý gần Đức. Đặc biệt trong giai đoạn dịch bệnh COVID-19 vừa qua, các chi phí vận tải và logistics tăng cao khiến xuất khẩu của Việt Nam sang các thị trường ở xa như Đức bị ảnh hưởng đáng kể;

+ Mức độ cạnh tranh tại thị trường Đức hiện tương đối cao. Tính đến nay, EU đã có tổng cộng 42 FTA đã có hiệu lực với 79 đối tác, và dành cơ chế ưu đãi GSP cho 67 nước đang và kém phát triển. Ngoài ra, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam cũng phải cạnh tranh gay gắt với hàng Trung Quốc - quốc gia xuất khẩu nhiều nhất sang Đức tới thời điểm hiện tại. Trung Quốc và nhiều quốc gia đang được hưởng ưu đãi thuế quan ở EU lại có cơ cấu sản phẩm xuất khẩu tương tự Việt Nam, dẫn tới mức độ cạnh tranh cao.

### **Kết luận**

Hiếm có hai dân tộc nào tuy cách nhau về mặt địa lý, khác biệt về văn hóa - xã hội, nhưng lại có nhiều điểm tương đồng về mặt lịch sử, tinh thần dân tộc như Việt Nam và CHLB Đức. Cả hai đều trải qua quá trình bị chia cắt, tái thống nhất, từng bước vươn lên phát triển trở thành những quốc gia có tiếng nói và vị thế trong khu vực. Trong quan hệ với Việt Nam, nhiều lãnh đạo và học giả Đức thường xuyên nhắc đến với niềm tự hào rằng, họ là những người thuộc thế hệ Việt Nam, từng xuống đường

tham gia biểu tình phản đối chiến tranh Việt Nam. Rõ ràng, sự trân trọng từ phía Đức cùng với bề dày lịch sử quan hệ chính là nền tảng để hai bên tiếp tục tăng cường mối quan hệ đối tác chiến lược trong giai đoạn mới.

Với vai trò đầu tàu kinh tế của EU, sự tham gia tích cực của Đức trong triển khai EVFTA không chỉ góp phần nâng cao quan hệ kinh tế, thương mại giữa hai bên mà còn có giá trị lan tỏa, thúc đẩy hợp tác giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu. Hiệp định EVFTA đã trở thành nội hàm quan trọng đưa quan hệ hợp tác đối tác chiến lược giữa hai bên đi vào chiều sâu và thực chất. Đặc biệt đây là hiệp định tiêu chuẩn cao, không chỉ xoá bỏ dòng thuế nhập khẩu mà còn hướng Việt Nam đến tiêu chuẩn cao về thương mại và đầu tư quốc tế.

Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) chính là “cánh cửa” để hàng hóa Việt Nam mở rộng thị phần tại thị trường Đức, đặc biệt, các cơ hội từ cắt giảm thuế quan, cắt giảm chi phí sản xuất, cải thiện năng lực cạnh tranh và cơ hội tiết giảm các rào cản phi thuế quan... mà EVFTA mang lại.

Các chuyên gia ước tính EVFTA sẽ giúp xuất khẩu của EU sang Việt Nam tăng thêm 33,06% vào năm 2025 và 36,7% vào năm 2030. Xuất khẩu của Việt Nam sang EU được dự báo sẽ tăng lên khoảng 42,7% vào năm 2025 và 44,37% vào năm 2030. Trong lĩnh vực đầu tư, các cam kết trong EVFTA sẽ góp phần cải thiện môi trường kinh doanh tại Việt Nam theo hướng ngày càng thông thoáng, tiệm cận các chuẩn mực quốc tế. Đây sẽ là cơ hội để các doanh nghiệp từ EU và Đức mở rộng hoạt động kinh doanh đầu tư tại Việt Nam. Các khuôn khổ hợp tác chất lượng cao như EVFTA là cơ hội để Việt Nam cùng với Đức và các đối tác EU thúc đẩy mở rộng quan hệ kinh tế thương mại, góp phần tạo việc làm và khôi phục tăng trưởng kinh tế trong thời gian tới. Qua đó góp phần hơn nữa hợp tác kinh tế song phương Việt Nam - CHLB Đức cũng như sự phục hồi tăng trưởng kinh tế khu vực ASEAN và EU.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Kiều Linh, EVFTA mới có hiệu lực, thương mại Việt - Đức đảo chiều tăng mạnh, <https://vneconomy.vn/evfta-moi-co-hieu-luc-thuong-mai-viet-duc-dao-chieu-tang-manh.htm>, ngày 12/11/2020.

2. Hải Anh, Thúc đẩy thương mại Việt Nam - Đức thông qua EVFTA, <https://thoibaotaichinhvietnam.vn/thuc-day-thuong-mai-viet-nam-duc-thong-qua-evfta-97339.html>, ngày 16/12/2021.



3. Đại sứ quán nước CHXHCN Việt Nam tại CHLB Đức, Quan hệ Đối tác chiến lược Việt Nam-Đức: Thực chất, hiệu quả và bền vững, <http://www.vietnambotschaft.org/quan-he-doi-tac-chien-luoc-viet-nam-duc-thuc-chat-hieu-qua-va-ben-vung/>

4. Ngọc Quỳnh, Tận dụng lợi thế hiệp định EVFTA thúc đẩy thương mại Việt Nam-Đức, <https://www.vietnamplus.vn/tan-dung-loi-the-hiep-dinh-evfta-thuc-day-thuong-mai-viet-namduc/760785.vnp>, ngày 14/12/2021.

5. Đặng Hoàng Linh & Nguyễn Đức Phúc, Việt Nam – Cộng hòa liên bang Đức: Quan hệ đối tác chiến lược phát triển trong giai đoạn mới, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2021/01/07/viet-nam-cong-hoa-lien-bang-duc-quan-he-doi-tac-chien-luoc-phat-trien-trong-giai-doan-moi/>, ngày 07/01/2021.

6. Thế Hoàng, Việt Nam là đối tác thương mại lớn nhất của Đức trong ASEAN, <https://baodautu.vn/viet-nam-la-doi-tac-thuong-mai-lon-nhat-cua-duc-trong-asean-d149107.html>, ngày 08/08/2021.

7. Xuất khẩu nông sản sang thị trường Đức – lực đẩy từ Hiệp định EVFTA, <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/xuat-khau-nong-san-sang-thi-truong-duc-luc-day-tu-hiep-dinh-evfta.html>, ngày 05/01/2022.

8. Tuệ Minh, Hơn 73% doanh nghiệp Đức tin tưởng EVFTA làm tăng khả năng cạnh tranh tại Việt Nam, <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/hon-73-doanh-nghiep-duc-tin-tuong-evfta-lam-tang-kha-nang-can-tranh-tai-viet-nam.html>, ngày 10/06/2022.

9. Tuệ Minh, Năm bắt cơ hội từ EVFTA, thúc đẩy xuất khẩu sang Đức, <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/nam-bat-co-hoi-tu-evfta-thuc-day-xuat-khau-sang-duc.html>, ngày 15/06/2022.

10. Bộ Công thương, EVFTA và cam kết về nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam và Đức, <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/hiep-dinh-evfta/evfta-va-cam-ket-ve-nhap-khau-hang-hoa-giua-viet-nam-va-duc.html>, ngày 26/04/2022.

## XÚC TIẾN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TỪ ĐỨC VÀO VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH THỰC THI EVFTA VÀ EVIPA

*Nguyễn Anh Thu*  
Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia  
*Cao Thị Hồng Vinh*  
Trường Đại học Ngoại thương  
*Nguyễn Thúy Hạnh*  
Trường Đại học Ngoại thương  
*Vũ Hoàng Anh Minh*  
Trường Đại học Ngoại thương

**Tóm tắt:** Trong bối cảnh cạnh tranh trong thu hút đầu tư diễn ra mạnh mẽ giữa các nước trên thế giới, các hoạt động xúc tiến đầu tư đóng vai trò ngày càng quan trọng. Kể từ khi Hiệp định thương mại tự do giữa Liên minh Châu Âu và Việt Nam (EVFTA) và Hiệp định Bảo hộ đầu tư giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVIPA) được Nghị viện Châu Âu phê chuẩn ngày 12/2/2020 và sau đó được Quốc hội Việt Nam phê chuẩn ngày 8/6/2020 đến nay, các hoạt động xúc tiến đầu tư nhằm đẩy mạnh thu hút FDI từ Đức - đối tác chiến lược quan trọng của Việt Nam nói riêng đã và đang được triển khai. Tuy nhiên, để tận dụng được những lợi thế của các hiệp định trên trong thu hút FDI từ Đức, việc nghiên cứu về hoạt động xúc tiến đầu tư hiện nay và đề xuất một số kiến nghị để đẩy mạnh hoạt động này trong thời gian tới là hết sức cần thiết. Xuất phát từ lý do trên, nghiên cứu này đi sâu phân tích thực trạng các hoạt động xúc tiến đầu tư bao gồm: Marketing; Cung cấp thông tin; Hỗ trợ nhà đầu tư trong quá trình ra quyết định, thâm nhập, thành lập và hoạt động; và Hỗ trợ cải thiện môi trường và hệ sinh thái đầu tư, đồng thời đề xuất một số kiến nghị cho việc triển khai hoạt động xúc tiến đầu tư trong thời gian tới.

### 1. Lời mở đầu

Trong số các nước châu Âu, Đức là nước có vị trí quan trọng trong quan hệ hợp tác với Việt Nam. Theo AHK (2021), quan hệ đối tác chiến lược giữa Việt Nam và Đức (được thiết lập từ năm 2011 sau chuyến thăm chính thức của Thủ tướng Angela Merkel) đã đóng góp vào sự thành công ở nhiều khía cạnh trong đó có hoạt động đầu tư giữa hai nước. Theo tổ chức này, tới năm 2021, đã có khoảng 500 công ty của Đức

đang đầu tư tại Việt Nam, góp phần tạo thu nhập cho hơn 47.000 người lao động. Hiệp định thương mại tự do giữa Liên minh Châu Âu và Việt Nam (EVFTA) và Hiệp định Bảo hộ đầu tư giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVIPA) được Nghị viện Châu Âu phê chuẩn ngày 12/2/2020 và sau đó được Quốc hội Việt Nam phê chuẩn ngày 8/6/2020 đã tạo thêm cơ sở pháp lý để đẩy mạnh hoạt động hợp tác về đầu tư và thương mại giữa EU và Việt Nam nói chung, Đức và Việt Nam nói riêng. EVFTA có hiệu lực từ tháng 8/2020 và EVIPA trong thời gian sắp tới đã và sẽ góp phần mở ra và hiện thực hóa các cơ hội đầu tư.

Theo AHK (2021), Đức đứng thứ 3 trong các nước EU về số lượng các dự án FDI vào Việt Nam. Hình 1 cho thấy số lượng các dự án FDI từ Đức vào Việt Nam có hiệu lực tính tới tháng 12 các năm trong giai đoạn từ 2013 tới 2020 và 8 tháng đầu năm 2021 đã tăng lên tương đối đều kể cả trong giai đoạn Covid-19. Nếu năm 2013 mới chỉ có 215 dự án còn hiệu lực thì tới năm 2018 đã tăng lên tới trên 318 dự án vào 2018, 379 dự án vào 2020 và tới 405 dự án trong 8 tháng đầu năm 2021. Giá trị dòng FDI từ Đức vào Việt Nam đã tăng gần gấp 2 từ 1.160,98 triệu USD năm 2013 tới 2.218,19 triệu USD năm 2020 và đạt 2.254,66 triệu USD vào 8 tháng đầu năm 2021. Dự án FDI trị giá 40 triệu USD từ tập đoàn Kurz (tại tỉnh Bình Định) và dự án trị giá 60 triệu USD từ tập đoàn Tesa (tại tỉnh Hải Phòng) theo đánh giá của AHK (2021) đã mở ra những cơ hội hợp tác kinh doanh trong giai đoạn bình thường mới hậu Covid-19 giữa Việt Nam và Đức.

**Hình 1: Số lượng các dự án FDI từ Đức vào Việt Nam còn hiệu lực tính tới tháng 12 của mỗi năm**



*Nguồn:* Tổng cục thống kê (theo nguồn từ AHK - 2021)

Trong bối cảnh cạnh tranh trong hoạt động thu hút FDI ngày càng tăng giữa các nước tiếp nhận vốn trên thế giới, mặc dù Việt Nam được các nhà đầu tư Đức nhận định là một điểm đến lý tưởng với nhiều cơ hội đầu tư kinh doanh, nhưng các hoạt động xúc tiến đầu tư là vô cùng cần thiết. Cho đến nay, Việt Nam đã triển khai các hoạt

động xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài khác nhau. Đã có một số bài viết đề cập đến tình hình xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài từ các nước trên thế giới và Đức vào Việt Nam trong bối cảnh thực thi EVFTA và EVIPA nói riêng hoặc tình hình xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam nói chung tiêu biểu như bài viết của Tuệ Minh (2022) với chủ đề “*Hơn 73% doanh nghiệp Đức tin tưởng EVFTA làm tăng khả năng cạnh tranh tại Việt Nam*”, Thu Trang (2022) với chủ đề “*Việt Nam cần làm gì để thu hút FDI từ Đức?*”, Diệu Linh và Văn Linh (2022) về “*Tăng cường xúc tiến đầu tư nước ngoài từ Australia vào Việt Nam*”, Viễn Thông và Phương Ánh (2022) về “*Việt Nam thu hút hơn 14 tỷ USD vốn FDI nửa đầu năm*”. Tuy nhiên, chưa có nhiều công trình nghiên cứu chuyên sâu đề cập tổng thể về hoạt động xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài từ Đức vào Việt Nam trong bối cảnh thực thi EVFTA và EVIPA. Do đó, với những tiềm năng không nhỏ mà EVFTA và EVIPA có thể mang lại trong thu hút FDI từ Đức vào Việt Nam, việc nghiên cứu về thực trạng hoạt động xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài từ Đức vào Việt Nam nhằm đề xuất các giải pháp đẩy mạnh hơn nữa việc thu hút dòng vốn này trong thời gian tới là vô cùng cần thiết. Trong các nội dung tiếp theo, các tác giả sẽ làm rõ các khía cạnh về xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài, thực trạng hoạt động xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài trong bối cảnh thực thi EVFTA và EVIPA, đồng thời đưa ra kết luận và đề xuất một số kiến nghị đối với các hoạt động xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài nhằm thu hút FDI từ Đức vào Việt Nam trong thời gian tới.

## **2. Khái quát về xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài**

Nhận thức được vai trò quan trọng của FDI đối với nền kinh tế quốc gia, các nước trên thế giới đã và đang nghiên cứu và triển khai mạnh mẽ các biện pháp khác nhau để thu hút dòng vốn này. Với vai trò là các hoạt động thuộc nhóm các nhân tố tạo thuận lợi cho kinh doanh (Business facilitation) - một trong 3 nhóm nhân tố có ảnh hưởng tới FDI (theo phân loại của UNCTAD, 1998), các hoạt động xúc tiến đầu tư đang được các nước hết sức lưu ý và đẩy mạnh.

Theo phân loại của Hiệp hội các cơ quan xúc tiến đầu tư thế giới (WAIPA) (2020), các hoạt động xúc tiến đầu tư được chia thành 4 nhóm cụ thể như sau:

(i) Marketing (nhằm xây dựng hình ảnh cho các nước tiếp nhận vốn nói chung hoặc các lĩnh vực nhất định; các dịch vụ này có thể bao gồm quảng cáo, hỗ trợ tham

dự các sự kiện kinh doanh, phát triển quan hệ cộng đồng/truyền thông và mạng lưới, tiếp cận 1-1 các nhà đầu tư);

(ii) Cung cấp thông tin cho quá trình ra quyết định đầu tư, thâm nhập và thành lập, triển khai hoạt động và kết nối với các nhà cung cấp trong nước;

(iii) Hỗ trợ các nhà đầu tư đạt được thành công trong quá trình ra quyết định, thâm nhập, thành lập và hoạt động (bao gồm duy trì ổn định hoạt động đầu tư, quản lý xung đột, hỗ trợ mở rộng kinh doanh và giới thiệu với các nhà cung cấp);

(iv) Hỗ trợ cải thiện môi trường và hệ sinh thái đầu tư bằng cách cam kết đồng hành cùng nhà đầu tư, xác định những rào cản và hỗ trợ xây dựng và thực hiện các giải pháp cho những người ra quyết định và có lợi ích liên quan.

Nghiên cứu này sẽ sử dụng phân loại của WAIPA (2020) để phân tích thực trạng hoạt động xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài trong bối cảnh thực thi EVFTA và EVIPA.

### **3. Thực trạng hoạt động xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài của Đức vào Việt Nam trong bối cảnh thực thi EVFTA và EVIPA**

Hoạt động xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài của Việt Nam có sự tham gia của nhiều cơ quan, tổ chức, trong đó ở cấp Trung ương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối quản lý các hoạt động liên quan tới đầu tư trực tiếp nước ngoài. Trong Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Cục Đầu tư nước ngoài là cơ quan được giao thực hiện quản lý các hoạt động liên quan tới xúc tiến đầu tư. Theo Quyết định số 1895/QĐ-BKHĐT ngày 22/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Quyết định số 792/QĐ-BKHĐT ngày 21/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Cục Đầu tư nước ngoài là đơn vị thực hiện quản lý xúc tiến đầu tư trong phạm vi cả nước; chủ trì tổng hợp, xây dựng, triển khai và điều phối Chương trình xúc tiến đầu tư sử dụng ngân sách nhà nước cấp cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư; chủ trì tổng hợp, xây dựng, triển khai, điều phối và giám sát việc thực hiện Chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia; chủ trì xây dựng định hướng chính sách thu hút đầu tư và chiến lược xúc tiến đầu tư; quảng bá môi trường đầu tư của Việt Nam; tổ chức hội nghị, hội thảo và chương trình vận động xúc tiến đầu tư; tổ chức tập huấn đào tạo về công tác xúc tiến đầu tư; hỗ trợ các nhà đầu tư tìm hiểu cơ hội đầu tư và triển khai dự án đầu tư; hợp tác quốc tế liên quan đến xúc tiến đầu tư và các hoạt động khác. Cục Đầu tư nước ngoài có các đơn vị chuyên trách về xúc tiến đầu tư như: Phòng Xúc tiến đầu tư; Trung tâm Xúc tiến đầu tư phía Bắc; Trung tâm Xúc tiến đầu tư phía Nam (được sáp nhập từ Trung tâm Xúc tiến đầu tư miền Trung và Trung tâm Xúc tiến phía Nam thuộc Cục Đầu tư nước ngoài theo Quyết định số

792/QĐ-BKHĐT ngày 21/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư) (theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2021).

Bên cạnh Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các đơn vị khác ở các cơ quan ban ngành các cấp, các tổ chức cũng triển khai các hoạt động xúc tiến đầu tư, đặc biệt là đầu tư trực tiếp nước ngoài nói chung và của Đức vào Việt Nam nói riêng. Thực trạng hoạt động xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài từ Đức vào Việt Nam trong bối cảnh thực thi EVFTA và EVIPA cụ thể ở các khía cạnh như sau:

### **3.1. Marketing**

Hoạt động Marketing được đánh giá các nhóm hoạt động có vai trò quan trọng trong xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài. Như được đề cập ở phần 2, theo WAIPA (2020), hoạt động marketing bao gồm các hoạt động xây dựng hình ảnh, có thể bao gồm quảng cáo, hỗ trợ tham dự các sự kiện kinh doanh, phát triển quan hệ cộng đồng/truyền thông và mạng lưới, tiếp cận 1-1 các nhà đầu tư. Các hoạt động marketing trong xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài từ Đức vào Việt Nam trong bối cảnh thực thi EVFTA và EVIPA thực tế mới tập trung vào tổ chức các hội thảo về xúc tiến. Một số hội thảo tiêu biểu đã được triển khai có thể kể đến như:

*Hội thảo trực tuyến về xúc tiến thương mại, đầu tư và hợp tác giữa các doanh nghiệp Việt Nam và Đức (tổ chức ngày 15 và 16/10/2020):* Theo Bộ Công thương (2020), Hội nghị trực tuyến về xúc tiến thương mại, đầu tư và hợp tác giữa các doanh nghiệp Việt Nam và Đức là hội nghị do Cục Xúc tiến thương mại (Bộ Công Thương) chủ trì, phối hợp với Vụ Thị trường Châu Âu - Châu Mỹ, Thương vụ Đại sứ quán Việt Nam tại CHLB Đức tổ chức vào ngày 15 và 16/10/2020. Tại Hội nghị, Ông Bùi Vương Anh, Tham tán Thương mại Việt Nam tại CHLB Đức đánh giá cao các cơ hội từ EVFTA và EVIPA. Theo ông, các hiệp định này đã trở thành nội hàm quan trọng đưa quan hệ hợp tác đối tác chiến lược giữa hai nước đi vào chiều sâu và thực chất. Theo ông Nguyễn Minh Vũ - Đại sứ Đặc mệnh toàn quyền Việt Nam tại Đức, đã có nhiều doanh nghiệp và nhà đầu tư Đức quan tâm và mong muốn xây dựng và phát triển các mối quan hệ hợp tác. Ông Phạm Trường Giang, Tổng lãnh sự Việt Nam tại Frankfurt (Đức) cũng chỉ ra rằng đặc biệt từ khi EVFTA và EVIPA có hiệu lực, Đức đã rất quan tâm, nỗ lực đẩy mạnh quan hệ thương mại và đầu tư với Việt Nam. Tại hội thảo, đại diện các hiệp hội và doanh nghiệp hai bên, trong đó có Hiệp hội Phát triển kinh tế và Ngoại thương toàn cầu của Đức (BWA), Hiệp hội Doanh nghiệp vừa và nhỏ của Đức (BVMW), Hiệp hội Doanh nghiệp Việt Nam tại Đức đã có phát biểu chia sẻ về các kinh nghiệm, về các cơ hội và thách thức do EVFTA mang lại, trong đó nhấn mạnh những yếu tố thuận lợi để các doanh nghiệp hai bên có thể mở rộng hoặc tìm

kiếm cơ hội đầu tư vào hai nước. Hội nghị đã mang lại những cơ hội kết nối cho những doanh nghiệp Việt Nam và Đức trong tương lai.

Ở cấp độ địa phương, các tỉnh thành của Việt Nam cũng đẩy mạnh triển khai các hội nghị xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài. *Hội nghị trực tuyến xúc tiến đầu tư Cộng hòa Liên bang (CHLB) Đức với chủ đề “Hậu Covid - Doanh nghiệp trong trạng thái Bình thường mới - Tiềm năng đầu tư và kinh doanh tại tỉnh Bình Dương”* được tổ chức vào tháng 3 năm 2022 do UBND tỉnh Bình Dương phối hợp với Tổng công ty Becamex IDC (theo Trịnh Bình, 2022). Hội nghị trực tuyến tại hai điểm cầu: Điểm cầu tại CHLB Đức có ông Vũ Quang Minh, Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Việt Nam tại Đức; ông Ludwig Graf Westarp, Hiệp hội Doanh nghiệp vừa và nhỏ Đức (BVMW) và một số doanh nghiệp Đức. Điểm cầu Bình Dương có Giám đốc Sở Ngoại vụ tỉnh Bình Dương Lê Phú Hòa; lãnh đạo một số sở, ban, ngành của tỉnh và Tổng Công ty Becamex IDC. Mục đích của hội nghị là tạo điều kiện hợp tác, kết nối cho các doanh nghiệp, các nhà đầu tư của Đức và tỉnh Bình Dương. Ngoài ra, hội nghị cũng hướng tới thu hút đầu tư vào các lĩnh vực mà các doanh nghiệp của Đức có thế mạnh như cơ khí ô tô, công nghệ điện tử, nông nghiệp, công nghệ cao...

Như vậy, trong bối cảnh thực thi EVFTA và EVIPA, các hoạt động marketing mới chủ yếu tập trung ở việc tổ chức các hội nghị xúc tiến. Tuy nhiên, số lượng các hội nghị, hội thảo còn chưa nhiều.

### **3.2. Cung cấp thông tin**

Việc cung cấp thông tin cho quá trình ra quyết định đầu tư, thâm nhập và thành lập, triển khai hoạt động và kết nối với các nhà cung cấp trong nước cũng đóng vai trò không nhỏ trong việc thu hút FDI từ các nước, trong đó có Đức. Việt Nam đã xây dựng, duy trì và đẩy mạnh các kênh cung cấp thông tin khác nhau cho các nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài, tuy nhiên tập trung ở góc độ cung cấp cho các nước trên thế giới nói chung, chưa dành riêng cho các nhà đầu tư Đức.

#### *Cổng thông tin quốc gia về đầu tư*

Cổng thông tin quốc gia về đầu tư có tên miền [Vietnaminvest.gov.vn](http://Vietnaminvest.gov.vn) cung cấp cho các nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài nói chung và các nhà đầu tư từ Đức nói riêng nhiều thông tin hữu ích và quan trọng như sau:

- Thông tin về dịch vụ công (trong đó có dịch vụ công liên quan tới đầu tư từ nước ngoài vào Việt Nam và xúc tiến đầu tư) (Kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia)
- Thông tin về các văn bản pháp luật như Luật, Nghị định, Thông tư...

- Thông tin tra cứu về các dự án đầu tư
- Các tin tức, sự kiện cập nhật

**Hình 2: Giao diện Cổng thông tin quốc gia về đầu tư**



*Nguồn:* [https://vietnaminvest.gov.vn/SitePages/List\\_View.aspx?ChuyenMuc=6](https://vietnaminvest.gov.vn/SitePages/List_View.aspx?ChuyenMuc=6)

Cổng thông tin quốc gia về đầu tư được xây dựng trên cơ sở đáp ứng yêu cầu của hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nhằm mục đích hỗ trợ nhà đầu tư có thể dễ dàng tra cứu thông tin dự án đầu tư, thông tin doanh nghiệp, nhanh chóng tiếp cận các thông tin mới nhất về thay đổi, bổ sung các quy định trong đăng ký đầu tư kinh doanh. Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư được quy định ở Điều 70 trong Luật đầu tư 2014 (Hình 2 mô tả giao diện Cổng thông tin quốc gia về đầu tư, Hình 3 mô tả Giao diện đăng nhập vào Hệ thống thông tin quốc gia về Xúc tiến đầu tư qua Cổng thông tin quốc gia về đầu tư).

**Hình 3: Giao diện đăng nhập vào Hệ thống thông tin quốc gia về Xúc tiến đầu tư qua Cổng thông tin quốc gia về đầu tư**



*Nguồn:* <https://xtdt.vietnaminvest.gov.vn/#/login>

*Website Invest Vietnam*

Website Invest Vietnam (tên miền: [investvietnam.gov.vn](http://investvietnam.gov.vn)) do Trung tâm Xúc tiến Đầu tư Công Thương xây dựng. Trang web cung cấp cho các nhà đầu tư nước ngoài những thông tin hữu ích về môi trường và cơ hội đầu tư vào Việt Nam như:



- Thông tin về các ngành công nghiệp
- Thông tin về cơ hội đầu tư (như danh sách các dự án kêu gọi đầu tư, cơ hội M&A, cơ hội đầu tư và FTA, kết nối đầu tư...)
- Thông tin về địa điểm đầu tư (tại từng địa phương và khu công nghiệp).
- Hướng dẫn đầu tư (về thành lập công ty, góp vốn, mua cổ phần/phần vốn góp, các hình thức đầu tư khác...)

Thông tin trên trang web ngoài tiếng Việt và tiếng Anh còn có tiếng Nhật và tiếng Hàn Quốc. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư đến từ Nhật Bản và Hàn Quốc - vốn là những quốc gia có nhiều nhà đầu tư đầu tư vào Việt Nam (Hình 4 mô tả giao diện trang web Invest Vietnam).

**Hình 4: Giao diện trang web Invest Vietnam**



*Nguồn: <http://investvietnam.gov.vn/en/investment-guide.hhdtl.html>*

#### *Sách hướng dẫn về xúc tiến đầu tư của Việt Nam*

Để có cái nhìn tổng quan về môi trường đầu tư tại Việt Nam và hỗ trợ các nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài, Cục Xúc tiến Thương mại Việt Nam (VIETRADE) thuộc Bộ Công Thương (MOIT) đã phát hành cuốn “Hướng dẫn về Xúc tiến đầu tư của Việt Nam”<sup>1</sup>. Cuốn sách này cung cấp cho các nhà đầu tư nhiều thông tin khác nhau cụ thể như:

- Thông tin về môi trường đầu tư của Việt Nam (những lợi thế của Việt Nam, các chính sách đầu tư và thông tin thống kê về các chỉ số kinh tế, xã hội cơ bản của Việt Nam, số liệu về dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam)

<sup>1</sup> Vietrade (2020), Vietnam Investment Promotion Guide book, <http://investvietnam.gov.vn/FileUpload/Documents/Vietnam%20Investment%20Promotion%20Guidebook%202020.pdf>, truy cập ngày 28/6/2022

- Thông tin về các cơ hội đầu tư (tập trung vào các ngành Công nghiệp, Năng lượng, Hàng tiêu dùng, F&B)
- Hướng dẫn đầu tư (các văn bản, quy trình thủ tục đầu tư chung và các quy trình cụ thể khác)
- Các thông tin khác liên quan tới lao động và cư trú của người nước ngoài, thuế, chi phí, quản lý tài chính và hải quan; thông tin về các cơ quan ban ngành hỗ trợ và tư vấn đầu tư.

Ngoài các kênh cung cấp thông tin trên, còn có các kênh thông tin khác của các tổ chức, đơn vị xúc tiến ở các cấp khác nhau. Điều này giúp nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài có thể tiếp cận được các thông tin hiệu quả và nhanh chóng.

### ***3.3. Hỗ trợ nhà đầu tư trong quá trình ra quyết định, thâm nhập, thành lập và hoạt động và hỗ trợ cải thiện môi trường và hệ sinh thái đầu tư***

Hoạt động hỗ trợ các nhà đầu tư đạt được thành công trong quá trình ra quyết định, thâm nhập, thành lập và hoạt động (bao gồm duy trì ổn định hoạt động đầu tư, quản lý xung đột, hỗ trợ mở rộng kinh doanh và giới thiệu với các nhà cung cấp) cũng có vai trò nhất định trong công tác xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các nước. Việt Nam đã có những hoạt động hỗ trợ khác nhau đặc biệt là cung cấp thông tin và tư vấn cho các nhà đầu tư, tuy nhiên chưa có nhiều hoạt động dành riêng cho các nhà đầu tư Đức.

Theo WAIPA (2020), hỗ trợ cải thiện môi trường và hệ sinh thái đầu tư bao gồm cam kết đồng hành cùng nhà đầu tư, xác định những rào cản và hỗ trợ xây dựng và thực hiện các giải pháp cho những người ra quyết định và có lợi ích liên quan. Việt Nam trên thực tế đã và đang nỗ lực cải thiện môi trường và hệ sinh thái đầu tư. Đặc biệt trong bối cảnh thực thi EVFTA và EVIPA, để tận dụng được lợi thế mà các hiệp định này mang lại nhằm thu hút các nhà đầu tư nói chung và các nhà đầu tư từ Đức nói riêng hơn nữa, việc cải thiện môi trường và hệ sinh thái đầu tư lại càng quan trọng.

Trong thời gian từ 2020 với tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, nhiều doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, trong đó có vốn đầu tư từ Đức đã gặp nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Trước tình hình đó, Chính phủ Việt Nam đã ban hành các chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp, bao gồm cả các doanh nghiệp FDI như: hỗ trợ về vốn, giảm giá bán lẻ điện cho các ngành sản xuất và kinh doanh;; gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất, miễn, giảm lãi, phí theo quy định nội bộ của

tổ chức tín dụng; doanh nghiệp được vay tiền để trả lương ngừng việc cho người lao động... Điều đó đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện cam kết đồng hành cùng doanh nghiệp, cùng nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Việt Nam cũng đã sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống chính sách tài chính, như: Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu... cùng với hệ thống các văn bản hướng dẫn về cơ chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào Việt Nam. Việc hoàn thiện hệ thống pháp luật, đặc biệt là pháp luật về đầu tư hứa hẹn những dòng vốn đầu tư FDI từ Đức vào nước ta trong bối cảnh thực thi EVFTA và EVIPA trong tương lai.

#### **4. Kết luận và kiến nghị**

Kể từ khi Hiệp định thương mại tự do giữa Liên minh Châu Âu và Việt Nam (EVFTA) và Hiệp định Bảo hộ đầu tư giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVIPA) được Nghị viện Châu Âu phê chuẩn ngày 12/2/2020 và sau đó được Quốc hội Việt Nam phê chuẩn ngày 8/6/2020 đến nay, các hoạt động xúc tiến đầu tư nhằm đẩy mạnh thu hút FDI từ các nước thuộc Liên minh Châu Âu nói chung và Đức nói riêng đã và đang được triển khai.

Trên cơ sở phân tích ở các nội dung trên, có thể thấy các hoạt động xúc tiến đầu tư bao gồm: Cung cấp thông tin; Hỗ trợ nhà đầu tư trong quá trình ra quyết định, thâm nhập, thành lập và hoạt động; và Hỗ trợ cải thiện môi trường và hệ sinh thái đầu tư, mang tính chất chung cho các nhà đầu tư, mà chưa dành riêng cho các nhà đầu tư Đức. Các hoạt động xúc tiến đầu tư thuộc nhóm hoạt động marketing dành cho các nhà đầu tư Đức cũng đã được triển khai tuy nhiên mới chỉ tập trung ở việc tổ chức một số các hội nghị, hội thảo xúc tiến đầu tư. Xuất phát từ lý do trên, để thu hút được nhiều hơn nữa FDI từ Đức - đối tác chiến lược của Việt Nam trong bối cảnh thực thi EVFTA và EVIPA trong thời gian tới, các tác giả đề xuất một số nội dung sau:

- Đối với hoạt động xúc tiến đầu tư chung: Cần nhắc xây dựng chiến lược xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài từ Đức. Theo GS.TS.Andreas Stoffers, Giám đốc quốc gia Viện FNF cho rằng, muốn tiếp cận thành công thị trường Đức và EU, Việt Nam cần định rõ chiến lược xúc tiến đầu tư trên diện rộng với lộ trình cụ thể (Cục đầu tư nước ngoài, 2020).

- Đối với hoạt động marketing: Tổ chức nhiều hơn nữa các chương trình kết nối, chia sẻ, giới thiệu cơ hội hợp tác đầu tư cho các nhà đầu tư của Đức ở các cấp từ Trung

ương đến địa phương - đặc biệt là các địa phương có các thế mạnh về các ngành mà các nhà đầu tư Đức quan tâm; thiết lập các kết nối với các đầu mối lớn tại Đức để tổ chức các hoạt động xúc tiến trực tiếp tại Đức. Qua các hoạt động này, cần nhấn mạnh tới việc xây dựng hình ảnh của Việt Nam là một điểm thu hút đầu tư hấp dẫn.

- Đối với hoạt động cung cấp thông tin: Bên cạnh các cổng thông tin, website và sách hướng dẫn chung cho các nhà đầu tư, có thể phát triển hơn nữa các kênh cung cấp thông tin dành riêng cho các nhà đầu tư Đức của Việt Nam. Mặc dù hiện nay, các nhà đầu tư Đức tiếp cận thông tin về thị trường Việt Nam qua các kênh từ Đại sứ quán của Đức tại Việt Nam, Phòng Công nghiệp và Thương mại Đức tại Việt Nam, hay Hiệp hội Doanh nghiệp vừa và nhỏ Đức..., nhưng cũng cần có những kênh cung cấp thông tin từ phía các đơn vị, tổ chức của Việt Nam dành riêng cho các nhà đầu tư Đức. Các thông tin này mang tính chất riêng, phù hợp với sự quan tâm của các nhà đầu tư Đức, như thông tin về các ngành mà các nhà đầu tư có thế mạnh.

- Đối với hoạt động hỗ trợ nhà đầu tư trong quá trình ra quyết định, thâm nhập, thành lập và hoạt động, hỗ trợ cải thiện môi trường và hệ sinh thái đầu tư: Cần đẩy mạnh tiếp nhận phản hồi của các nhà đầu tư nước ngoài từ Liên minh Châu Âu nói chung và từ Đức nói riêng để có thể hỗ trợ nhà đầu tư hiệu quả hơn, đồng thời cải thiện môi trường và hệ sinh thái đầu tư chung, đặc biệt trong bối cảnh thực thi EVFTA và EVIPA.

### **Tài liệu tham khảo**

1. AHK (2021), “*Việt Nam - Đức: 10 năm đối tác chiến lược: tập trung vào quan hệ kinh doanh (Vietnam – Germany: 10 years of Strategic Partnership Focus on Business Relation)*”

2. Bộ Công thương (2020), “*Xúc tiến thương mại và hợp tác giữa các doanh nghiệp Việt Nam – CHLB Đức*”, <https://moit.gov.vn/tin-tuc/hoat-dong/xuc-tien-thuong-mai-va-hop-tac-giua-cac-doanh-nghiep-viet-na2.html>, truy cập ngày 30/6/2022

3. Bộ Công thương (2021), “*Hội nghị giao thương trực tuyến về xúc tiến thương mại và hợp tác kinh doanh giữa Việt Nam và Đức*” <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/hoi-nghi-giao-thuong-truc-tuyen-ve-xuc-tien-thuong-mai-va-hop-tac-kinh-doanh-giua-viet-nam-va-duc.html>, ngày 7/12/2021.

4. Bộ Công thương (2022), “*Hội nghị xúc tiến đầu tư thương mại vào Việt Nam*”, <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/hoi-thao-xuc-tien-dau-tu-vaoviet-nam-tai-thanh-pho-lugano-thuy-sy-.html>, ngày 21/6/2022.

5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2022), “*Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Đầu tư nước ngoài*”, <https://www.mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?idTin=2640&idcm=36>, ngày truy cập 01/7/2022

6. Cục đầu tư nước ngoài (2020), “*Thu hút đầu tư từ Đức cần lộ trình cụ thể*”, <https://fia.mpi.gov.vn/Detail/CatID/b193c63d-bb97-4ac0-a16c-f6565ff3a0d4/NewsID/d15da667-2df8-4cf6-97a7-ac6ed3ad19a4>, truy cập ngày 30/6/2022.

7. Diệu Linh, Văn Linh (2022) “*Tăng cường xúc tiến đầu tư nước ngoài từ Australia vào Việt Nam*”, <https://www.vietnamplus.vn/tang-cuong-xuc-tien-thu-hut-dau-tu-tu-australia-vao-viet-nam/792802.vnp>, ngày truy cập 3/7/2022.

8. Hiệp hội các cơ quan xúc tiến đầu tư thế giới (WAIPA) (2020), “*Thực trạng các cơ quan xúc tiến đầu tư: Bằng chứng từ khảo sát toàn cầu của WAIPA-WBG (State of Investment Promotion Agencies: Evidence from WAIPA-WBG’s Joint Global Survey)*” <https://waipa.org/waipac-content/uploads/State-of-Investment-Promotion-Agencies-Evidence-from-WAIPA-WBG-s-Joint-Global-Survey.pdf>, truy cập ngày 02/7/2022

9. Hoàng Mai (2007), “*Doanh nghiệp Việt Nam tại Đức về nước xúc tiến đầu tư*”, <https://tuoitre.vn/doanh-nghiep-vn-tai-duc-ve-nuoc-xuc-tien-dau-tu-200715.htm>, ngày truy cập 6/7/2022.

10. Khánh An (2022), “*Thiếu thông tin, việc giám sát và hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư*”, <https://baodautu.vn/thieu-thong-tin-viec-giam-sat-va-ho-tro-doanh-nghiep-fdi-deu-kho-d166020.html>, ngày truy cập 3/7/2022.

11. Mai Xuân (2022), “*Bình Dương đẩy mạnh xúc tiến đầu tư Đức*”, <https://www.binhduong.gov.vn/tin-tuc/2022/03/802-binh-duong-day-manh-xuc-tien-dau-tu-du>, ngày truy cập 8/7/2022.

12. Mạnh Hùng, Anh Đức (2020), “*Thúc đẩy xúc tiến thương mại, đầu tư giữa Việt Nam và Đức*”, <https://kontumtv.vn/tin-tuc/kinh-te/thuc-day-xuc-tien-thuong-mai-dau-tu-giua-viet-nam-va-duc>, ngày truy cập 8/7/2022.

13. Thu Trang (2022) “*Việt Nam cần làm gì để thu hút FDI từ Đức?*”, <https://cafef.vn/viet-nam-can-lam-gi-de-thu-hut-fdi-tu-duc-20220608151858472.chn>, ngày truy cập 10/6/2022

14. Tuệ Minh (2022) “*Hơn 73% doanh nghiệp Đức tin tưởng EVFTA làm tăng khả năng cạnh tranh tại Việt Nam*”, <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc>

ngoai/hon-73-doanh-nghiep-duc-tin-tuong-evfta-lam-tang-kha-nang-canh-tranh-tai-viet-nam.html, ngày truy cập 10/6/2022.

15. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (2009), *Hội nghị xúc tiến đầu tư: “Việt Nam – Điểm đến đầu tư và các cơ hội hậu khủng hoảng kinh tế”*, [https://www.ssc.gov.vn/ubck/faces/oracle/webcenter/portalapp/pages/vi/noidungtin.jsp?dDocName=APPSSCGOVVN162071917&\\_af=&\\_afLoop=189867421896000&\\_afr](https://www.ssc.gov.vn/ubck/faces/oracle/webcenter/portalapp/pages/vi/noidungtin.jsp?dDocName=APPSSCGOVVN162071917&_af=&_afLoop=189867421896000&_afr), truy cập ngày 30/6/2022

16. Vietrade (2020), “*Vietnam Investment Promotion Guide book*”, <http://investvietnam.gov.vn/FileUpload/Documents/Vietnam%20Investment%20Promotion%20Guidebook%202020.pdf>, truy cập ngày 28/6/2022

17. Viễn Thông, Phương Ánh (2022), “Việt Nam thu hút hơn 14 tỷ USD vốn FDI nửa đầu năm”, <https://vnexpress.net/viet-nam-hut-hon-14-ty-usd-von-fdi-nua-dau-nam-4481385.html>, ngày truy cập 2/7/2022.

## **CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CỦA DÒNG CHẢY HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC SONG PHƯƠNG CỦA ĐỨC VÀO VIỆT NAM TRONG CAM KẾT THEO EVFTA VÀ DƯỚI GÓC NHÌN CỦA CHỦ NGHĨA QUỐC TẾ**

*ThS.Nguyễn Ngọc Xuân Thu*

**Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG TP.HCM**

**Tóm tắt:** *Trong khuôn khổ xu hướng hợp tác quốc tế, dưới lăng kính của chủ nghĩa quốc tế, quan hệ Việt Nam và CHLB Đức vẫn có sức hút đối với dòng vốn ODA của Đức. Dù có những hạn chế, nhưng Việt Nam vẫn có nhiều cơ hội nâng cao hợp tác với CHLB Đức hơn bởi các giá trị chính trị - xã hội với kinh tế và chủ thể phi chính phủ (NGOs) sau ký kết Hiệp định thương mại tự do Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA).*

### **Giới thiệu**

Trước bối cảnh xu hướng quan hệ quốc tế ngày càng diễn ra phức tạp về quy mô và phạm vi hoạt động kể từ đầu thế kỷ 21 cho đến nay, quan hệ song phương giữa Việt Nam và Cộng hòa Liên bang Đức (CHLB Đức) đã có những chuyển biến và thay đổi quan trọng. Đặc biệt, từ năm 2001, các cuộc viếng thăm chính thức giữa phái đoàn Việt Nam và CHLB Đức ngày càng dày hơn, đánh dấu bước đột phá cho mối quan hệ hợp tác trong tương lai. Hơn nữa, kể từ sau khi Việt Nam và Đức đã chính thức nâng lên tầm quan hệ đối tác chiến lược năm 2010, đề tài này càng thu hút sự quan tâm nhiều hơn của cả giới khoa học và hoạch định chính sách giữa Việt Nam và CHLB Đức. Trong đó, nổi bật là dòng vốn hỗ trợ chính thức dưới hình thức song phương từ Đức vào Việt Nam, còn gọi là “Hỗ trợ phát triển chính thức” (Official Development Assistance - ODA).

Có thể nói, đóng vai trò như một phương tiện tương tác song phương, kích thích sự thịnh vượng chung, ODA nằm trong các mục tiêu được đề ra của chính phủ Đức và các cơ quan lĩnh vực đầu tư - phát triển của Châu Âu đối với các quốc gia đang phát triển trên thế giới, điển hình là Việt Nam. Không khó để nhận ra, ODA của Đức luôn nổi bật với vị trí đứng đầu danh sách các quốc gia hỗ trợ Việt Nam, chỉ sau Nhật Bản.

Chính vì vậy, ODA hiển nhiên có vai trò quan trọng, góp phần là nhân tố phản ánh rõ nét về mối quan hệ ngoại giao của Việt Nam - CHLB Đức.

Đáng chú ý nữa là tháng 8/2020 vừa qua, trong lúc cả thế giới gồng mình chống lại khủng hoảng vì đại dịch, Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Châu Âu (EVFTA) đã được ký kết thành công. Chính vì vậy, tham luận mong muốn tìm hiểu về chủ thể dòng ODA trong mối quan hệ Việt Nam - CHLB Đức sau khi thực hiện cam kết EVFTA. Trên cơ sở phân tích, đánh giá các chương trình ODA của Đức vào Việt Nam, các yếu tố có liên quan tác động đến dòng ODA của Đức và vào các lĩnh vực cụ thể nào ở Việt Nam. Đồng thời, chỉ ra những kết quả tích cực và hạn chế của Việt Nam đối với sự phát triển quan hệ song phương với CHLB Đức.

### **1. Khái quát về quan hệ Việt - Đức và ODA của Đức trong mối quan hệ ấy**

Mặc dù là hai quốc gia có khoảng cách khác biệt lớn về địa lý, văn hóa, trình độ phát triển, lịch sử,..., Việt Nam và CHLB Đức đã đặt quan hệ ngoại giao từ rất sớm (23/9/1975). Kể từ đó cho đến nay, quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa hai nước ngày càng phát triển tích cực, sâu rộng, hiệu quả và toàn diện. Đức là một trong những đối tác quan trọng nhất của Việt Nam ở châu Âu và sự tin cậy của Đức dành cho Việt Nam cũng ngày càng tăng thông qua việc duy trì trao đổi đoàn cấp cao thường xuyên và các cơ chế hợp tác. Kết quả là Thủ tướng Angela Merkel đã ký Tuyên bố chung Hà Nội về việc thiết lập quan hệ Đối tác chiến lược vào tháng 10/2011, trong đó đề ra các mục tiêu và biện pháp cụ thể tăng cường hợp tác trong các lĩnh vực ưu tiên.

Đối với Việt Nam, CHLB Đức là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam ở châu Âu (chiếm gần 20% xuất khẩu của Việt Nam sang EU) và cũng là cửa ngõ trung chuyển quan trọng của hàng hóa Việt Nam sang các thị trường khác ở châu Âu. Vì thế, CHLB Đức có vai trò tích cực trong quá trình đàm phán Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA). Tính đến nay, các doanh nghiệp Việt Nam đã có 30 dự án đầu tư còn hiệu lực tại Đức với tổng vốn đầu tư đạt 120,6 triệu USD, đứng thứ 17/74 quốc gia và vùng lãnh thổ mà Việt Nam đầu tư gồm các lĩnh vực như tài chính - ngân hàng, bán buôn bán lẻ - ô tô, xe máy, dịch vụ ăn uống và lưu trú, kinh doanh bất động sản, tin học, thương mại...

Ngoài ra, quan hệ Việt Nam - CHLB Đức chỉ thật sự phát triển và từng bước đi vào chiều sâu từ sau chuyến viếng thăm CHLB Đức của Thủ tướng Phạm Văn Khải năm 2001 với hàng loạt các hiệp định được ký kết như: Hiệp định Hợp tác tài chính



VN - Đức tài khoá 2000, Hiệp định Vay vốn cho đoàn tàu tốc hành Bắc - Nam, Hiệp định Tín dụng mở rộng cho dự án tái hoà nhập người hồi hương II, Hiệp định Tài trợ dự án trồng rừng giai đoạn 03 mở rộng vào năm 2008 (VNExpress, 2001), mở ra một giai đoạn mới của quan hệ Việt Nam - CHLB Đức với sự tin cậy, hiểu biết lẫn nhau nhiều hơn và hai bên bắt đầu đặt vấn đề tăng cường trao đổi hợp tác các vấn đề khu vực và quốc tế cùng nhau.

Cột mốc quan trọng của quan hệ Việt Nam và CHLB Đức là Tuyên bố Hà Nội năm 2011 giữa chính quyền Berlin và chính quyền Hà Nội kéo theo những cam kết cho một nền thương mại sôi động, tự do phát triển, đa dạng và thu hút ngoại vốn nhiều hơn có ý nghĩa rất lớn đối với Việt Nam trong mối quan hệ với CHLB Đức, một quốc gia trụ cột Châu Âu - CHLB Đức. Từ đó mở ra giai đoạn mới hứa hẹn tốt đẹp tăng cường dòng vốn ODA của Đức với Việt Nam. Các chuyến thăm Đức của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân phúc; chuyến thăm Việt Nam của Thủ tướng Angela Merkel, Tổng thống Horst Köhler đã tạo ra các xung lực mới cho hợp tác hai nước.

Từ năm 2013 cho đến nay, liên tục những dự án lớn của Đức đến với Việt Nam cho thấy mối quan hệ của cả hai đã dần xoay chuyển tình thế, chuyển biến tạo bước đột phá mới trong quan hệ đối ngoại đến từ hai phía. Điểm nổi bật trong đó chính là ngày 01/08/2020, trong bối cảnh phức tạp của toàn cầu, quan hệ Việt Nam và Châu Âu đã mở ra một chương mới với Hiệp định thương mại tự do EU - Việt Nam (EVFTA) (VNExpress n.d.). Dựa trên nguồn từ OECD năm 2020, bức tranh tổng quan về ODA của Đức ở Việt Nam có xu hướng cam kết và giải ngân tăng đều. Tuy nhiên, ở giai đoạn đầu, các cam kết ODA của Đức vào Việt Nam chỉ ở mức khá khiêm tốn, mức cao nhất vào năm 2006 cũng dưới 150 triệu USD. Cụ thể, từ năm 2010-2011, ODA Đức ở Việt Nam trở lại bằng với năm 2006, đến năm 2018 là hơn 200 triệu USD và cam kết cho giai đoạn năm 2019-2022 là 152-213,4 triệu USD.

Ngoài ra, nguồn vốn ODA còn hỗ trợ các địa phương, đặc biệt các tỉnh còn nghèo, những các công trình phục vụ trực tiếp đời sống của nhân dân như giao thông nông thôn, cấp điện và nước sinh hoạt, trường học, trạm y tế xã và các bệnh viện tỉnh và huyện, các công trình thủy lợi, các chợ nông thôn... hỗ trợ Việt Nam xây dựng và hoàn thiện khung thể chế, pháp lý, cung cấp chuyên gia quốc tế, những kinh nghiệm

và tập quán tốt của quốc tế và khu vực trong lĩnh vực pháp luật đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

Cuối cùng là ODA hỗ trợ phát triển năng lực con người trong việc đào tạo cán bộ Việt Nam trong thời gian qua trên rất nhiều lĩnh vực như nghiên cứu cơ bản và ứng dụng khoa học, công nghệ, quản lý kinh tế và xã hội, thông qua việc cung cấp học bổng nhà nước, cử chuyên gia nước ngoài để đào tạo tại chỗ trong quá trình thực hiện các chương trình, dự án chuyên gia công nghệ và kinh nghiệm quản lý tiên tiến, cung cấp trang thiết bị nghiên cứu và triển khai... (Nguyễn Thị Vũ Hà, 2018).

Theo Đại sứ quán Việt Nam tại Đức năm 2019, dòng vốn ODA của Đức vào Việt Nam bằng rất nhiều kênh, hình thức đa dạng như Ngân hàng tái thiết Đức, Bộ Hợp tác và Phát triển kinh tế Liên Bang, Nhà nước liên bang và chính quyền địa phương và các chương trình hợp tác khác như vốn không hoàn lại từ Quỹ Năng lượng và Khí hậu (EKF), Quỹ Khí hậu xanh (GCF), các khoản vay phát triển thuộc Chương trình Sáng kiến về khí hậu và bảo vệ môi trường IKLU với điều kiện tài chính sơ bộ và ân hạn lên đến 3 năm, lãi suất từ 2-3%/năm. Trong đó, kênh chiếm tỷ trọng cao nhất là thông qua Ngân hàng tái thiết Đức (33,61%).

Ngày nay, Việt Nam đã và đang trên con đường tiến đến chương trình Hiệp định Tự do Thương mại với EU, mà nhận được sự ủng hộ to lớn từ Ngoại trưởng Đức Heiko Mass - quốc gia đứng đầu về kinh tế trong cộng đồng Châu Âu (VNExpress, 2001). Điều này cho thấy Việt Nam luôn được CHLB Đức đánh giá cao về thành tựu phát triển kinh tế, xã hội và hội nhập quốc tế trong thời gian qua, cũng như vai trò, vị trí quan trọng của Việt Nam trong ASEAN và khu vực. Trên nền tảng nhận định đó, Việt Nam hoàn toàn có tiềm năng phát triển kinh tế để trở thành một trong những quốc gia lý tưởng cho Đức tiếp cận như một đối tác chiến lược hơn trong tương lai.

## **2. Cơ hội và thách thức của dòng chảy vốn hỗ trợ phát triển chính thức song phương của Đức vào Việt Nam sau khi thực hiện EVFTA**

### **2.1. Sự phù hợp của Việt Nam trong thước đo tiêu chí ODA của Đức**

Đầu tiên, với vai trò là một công cụ trực tiếp song phương, có hiệu quả để đạt tiêu chuẩn kép trong chính sách phát triển công của quốc gia, ODA chính là một trong những cầu nối quan hệ quan trọng của CHLB Đức và Việt Nam. Trong đó, phải kể đến đó là ‘Sáng kiến hỗ trợ’ trong chương trình nghị sự hợp tác và phát triển của CHLB Đức được DAC thông qua năm 2001 có đóng góp to lớn vào hiệu quả đối ngoại cũng

như giải quyết bài toán chung về kinh tế ở Châu Âu. Với bốn trụ cột cam kết được thông qua năm 2005 về giảm nghèo toàn cầu, tăng nguồn lực tài nguyên và liên kết các chính sách phát triển chung.

Thứ hai, trong khuôn khổ ODA, Việt Nam là một trong những quốc gia được CHLB Đức đánh giá cao và ngày càng nâng tầm quan hệ song phương thông qua các chương trình hợp tác và phát triển kinh tế bởi những cam kết tiên quyết trong chương trình nghị sự Châu Âu, cũng như trong các cuộc họp ở OECD, hay còn gọi là lời hứa hẹn của ‘Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ’ (MDG) - Lời hứa mang tính kết hợp giữa yếu tố thời đại toàn cầu hóa và các tiêu chí đầu tư này đã mang đến sự tiếp cận các quy tắc phát triển công của các quốc gia Châu Âu mạnh mẽ hơn. Một lần nữa, Việt Nam là quốc gia đang phát triển được ưu ái vì những phù hợp của nó về xã hội, môi trường, y tế cũng như mô hình và tiềm năng phát triển kinh tế từ sau ‘Đổi mới’ cho đến nay đối với những tiêu chí của CHLB Đức.

Ngoài ra, Việt Nam còn là một trong những quốc gia ở khu vực Đông Nam Á được đánh giá bởi các chuyên gia cơ quan chính phủ chính quyền Berlin là đáp ứng các tiêu chí xem xét của các tổ chức phi chính phủ (NGO) của Đức để thoả mãn các định hướng về tiềm lực kinh tế và mức độ cần thiết và xã hội, môi trường, đời sống chính trị,... cao hơn các tổ chức chính phủ quốc tế. Và không thể phủ nhận, lợi ích kinh tế - thương mại cũng chính là trọng điểm của đôi bên trong bối cảnh mới của toàn cầu, đặc biệt là hồi phục sự thịnh vượng quốc gia sau đại dịch thế giới.

Hơn nữa, dựa trên quan điểm chỉ đạo của Đảng trong giai đoạn 2021-2030, tích cực hội nhập, hợp tác quốc tế, tranh thủ ngoại lực và bổ sung nội lực, sức mạnh tổng hợp quốc gia là một trong những điểm sáng và trọng tâm (Baochinhphu.vn, 2020). Cùng với đó, việc tái cơ cấu mô hình kinh tế của Việt Nam trong giai đoạn sắp tới lại đánh mạnh sự quan tâm và ưu tiên đối với các nền kinh tế lớn về công nghiệp, công nghệ cao. Mà CHLB Đức chính là một trong những nền kinh tế công nghiệp và công nghệ hàng đầu khu vực Châu Âu và Thế giới. Chính vì vậy, khó có thể phủ nhận, định hướng thương mại Việt Nam mang những điểm phù hợp trong khuôn khổ hợp tác với CHLB Đức và dẫn đến chìa khóa vàng cho hiệp định chính thức ngay quý II/2020.

Việt Nam và CHLB Đức đã thành công đạt đến thỏa thuận của Hiệp định. Ngoài ra, Việt Nam đã đạt những điểm thích nghi khác trước đó như ‘Thỏa thuận hợp tác tự nguyện về quản lý và thương mại thực thi pháp luật rừng’ (*Voluntary Partnership*

*Agreement on Forest Law Enforcement Governance and Trade - VPA/FLEGT*), ‘Hỗ trợ thương mại’ (*Trade Related Assistance - TRA*) và đặc biệt là ‘Dự án hỗ trợ thương mại đa phương’ (*Multilateral Trade Assistance Project - MUTRAP*), khả năng thương mại giữa Việt Nam và EU cũng tăng cường đáng kể, thì đối với Đức, Việt Nam cũng là một trong những đối tác thương mại quan trọng. Đây cũng là một trong những sự phù hợp đáng được xét đến đầu tiên trong quan hệ hợp tác đôi bên.

Đặc biệt, cho đến ngày nay, bất chấp diễn biến khó lường của dịch bệnh Covid-19 vẫn còn nhiều phức tạp và ảnh hưởng không hề nhỏ đến Việt Nam, nhưng theo số liệu từ Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê, GDP quý II/2021 ước tính tăng 6,61% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn tốc độ tăng 0,39% của quý II/2020 (dantri.com.vn n.d.). Ngoài ra, tuy phải còn tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, nhưng Việt Nam vẫn đảm bảo phát triển các “mục tiêu kép” của quốc gia.

Đối với khía cạnh xã hội, thoát nhìn, Việt Nam và CHLB Đức là hai quốc gia có vị trí địa lý, giá trị truyền thống, văn hóa, lịch sử vô cùng khác biệt. Tuy nhiên, có thể thấy rằng CHLB Đức là quốc gia đặc biệt quan trọng sự thống nhất giữa hai mặt phát triển kinh tế và ổn định xã hội. Cũng như các chính sách kinh tế của Đức luôn bị chi phối bởi sự đồng thuận giữa phúc lợi của người dân và chính phủ, giữa người lao động và bên sử dụng lao động, giữa chính trị và kinh tế-xã hội, mà cụ thể là bởi các Đảng chính trị quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế và các sắp xếp của thể chế khu vực (Franz-Xaver Kaufmann, 2013). Tương tự, từ sau 1986, không thể phủ nhận Việt Nam cũng thực hiện các mô hình kinh tế dựa trên các tác nhân về kinh tế-xã hội để xây dựng con đường phát triển quốc gia.

Ngoài ra, để quản lý hóa lực lượng lao động, cả CHLB Đức và Việt Nam cũng đều cân nhắc đến sự phù hợp của chúng đến điều kiện chính trị đặc thù và cân bằng lợi ích khác nhau của các yếu tố nội bộ bên trong. Cụ thể, các chính sách an sinh-xã hội của hai quốc gia, ngoài dựa vào bối cảnh quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, để chính thức hóa chúng thành luật pháp, quá trình thực hiện và ban hành luật, tất cả đều phải tham khảo qua kiến nghị hoặc đề xuất từ các nhóm chính trị quốc nội, hoặc các nhóm lợi ích khác nhau. Điều này dẫn đến việc cần thiết xem xét thêm các thách thức khác nhau của nội bộ quốc gia. Tuy nhiên, các yếu tố dịch vụ an sinh - xã hội trong chính sách của CHLB Đức và Việt Nam, đặc biệt là chăm sóc y tế lại trở thành các tác nhân mang sự tương đồng quan trọng.

Nhìn chung, cả hai quốc gia đều thực thi các chính sách trên dưới sự kiểm soát của Chính phủ Nhà nước hơn là các chính phủ địa phương tự quản. Trong đó, năm 1923, ‘Ủy ban trung tâm về thể chất và quỹ bệnh tật’ (*The Central committee of Physicians and Sickness Funds*) với hệ thống quản lý độc lập trở thành *Reich Committee* và năm 1931 là *Public-Law Associations of Sickness Fund Physicians* với các quỹ ốm đau và giám sát quỹ dành cho y-bác sĩ. Tương tự, ở Việt Nam, nhằm phát huy tích cực, hạn chế tiêu cực và phù hợp với thay đổi kinh tế-xã hội, ngày 19/03/2001, Thủ tướng chính phủ Việt Nam đã ký duyệt quyết định số 35/2001/QĐ-TTg về “Chiến lược chăm sóc sức khỏe Nhân dân giai đoạn 2001-2010”, mà trong đó Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong đầu tư y tế.

Cuối cùng, về giáo dục, cái nôi cho việc phát triển xã hội, là một trong những khía cạnh xã hội nên được xem xét. Tuy vẫn còn ít cải cách và hiếm khi đưa vào chương trình nghị sự trừ khi có thay đổi về các chính sách tài trợ giáo dục hoặc sắp xếp thể chế, nhưng từ thế kỷ 20, giáo dục Đức chính thức được đưa vào mô hình điều chỉnh kép về thương mại và giáo dục ở Đức, đặc biệt là giáo dục nghề. Ngoài ra, giáo dục còn lại một trong những chính sách được ưu tiên hàng đầu đảm bảo quyền công dân ở Đức (Dahrendorf, 1965), là hình thức chính trị-xã hội thứ 2 ở Châu Âu, uy tín trên quốc tế, trong đó có Việt Nam (Franz-Xaver Kaufmann, 2013). Và đây cũng là một trong những điểm phù hợp giữa Việt Nam và CHLB Đức về khía cạnh xã hội.

Như vậy, bên cạnh tiềm lực kinh tế, các yếu tố xã hội, với mục tiêu bao trùm là cải thiện dịch vụ xã hội, giảm nghèo cho các quốc gia kém phát triển và đang phát triển, không ngạc nhiên khi Việt Nam là một trong những quốc gia được nhắm đến trong khu vực Châu Á của các tổ chức phi chính phủ (NGO) của quốc tế và cũng như của CHLB Đức. Đây cũng là một trong những khía cạnh xem xét quan trọng khi tiếp cận với các hợp tác song phương giữa CHLB Đức và Việt Nam và dòng vốn ODA, bởi như đã phân tích, các tổ chức này có đóng góp không nhỏ đến các quyết sách của quốc gia và khu vực, cũng như quyền truy cập ảnh hưởng lớn rộng, độc lập mà liên kết chặt chẽ với các chính sách công của quốc gia thành viên Châu Âu.

Từ các điều trên cho thấy cái nhìn chung về tình trạng dịch vụ phát triển xã hội của Việt Nam, dù có nhiều tiến bộ đáng kể, các thành tích an sinh xã hội hiệu quả nhờ hỗ trợ quốc tế và tăng trưởng kinh tế nhưng về chi tiết vẫn còn tiềm tàng các vấn đề nội tại khó kiểm soát. Trong đó, đáng đề cập đến là các hỗ trợ về bảo vệ môi trường,

giáo dục, phát triển thông tin, nhận thức và tăng trưởng đồng đều giữa các vùng cũng như các nhóm dân tộc, phù hợp với các mục tiêu của ngân sách BMZ và hỗ trợ nhân đạo của NGOs của CHLB Đức đã phân tích.

## **2.2. Những hạn chế của Việt Nam để tiếp cận có hiệu quả nguồn vốn ODA của Đức**

Bên cạnh những điểm phù hợp, song những thách thức giữa quan hệ hợp tác Việt Nam - CHLB Đức để mở rộng và đào sâu quan hệ đôi bên cũng nên được đặc biệt quan tâm. Bởi vì tuy có biểu hiện tích cực trong quan hệ ngoại giao, nhưng tỷ lệ đầu tư của ODA Đức vào Việt Nam vẫn tồn tại sự dao động từ 2001 cho đến nay. Ngoài ra, lĩnh vực quan tâm và đầu tư của ODA Đức cho Việt Nam cũng có sự thay đổi đáng kể trong hơn hai thập kỷ qua. Tuy nhiên, các lĩnh vực về đào tạo nghề, môi trường, năng lượng, phòng chống và khắc phục lũ lụt, thiên tai là những lĩnh vực được ưu tiên trọng điểm kể từ năm 2010.

Dựa theo mức độ ODA của Đức cho Việt Nam trong hai thập kỷ qua có sự dao động không đáng kể từ 130-300 triệu Euro tùy thuộc vào mức độ và lĩnh vực quan tâm, đầu tư của CHLB Đức trong từng giai đoạn. Trong đó, cao nhất và duy trì nhất là giai đoạn 2010-2016, với tỷ lệ hỗ trợ từ 283,8 cho đến 288,2 triệu Euro, cao vượt trội hơn 150 triệu Euro so với ba giai đoạn trước đó và tăng trở lại từ năm 2019 (213,4 triệu Euro). Qua đó thấy rằng, ngoài mục tiêu giảm nghèo, nâng cao cơ sở hạ tầng và môi trường như đã biết, lĩnh vực đào tạo nghề, năng lượng và phát triển kinh tế bền vững có vai trò trọng tâm trong quyết sách sử dụng ODA của Đức không kém ba lĩnh vực kể trên.

Ngoài ra, Việt Nam chưa thực sự dành được mối quan tâm lớn của CHLB Đức so với các quốc gia khác ở Châu Phi hay ở Đông Nam Á khác như Nam Phi, Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan hay Pakistan mặc dù phần lớn tỷ lệ giải ngân ODA của Đức là song phương (58% năm 2004). Hơn nữa có thể thấy, phần lớn mức độ quan tâm của dòng vốn ODA của CHLB Đức tập trung vào lĩnh vực hợp tác công nghệ, tài chính và các dự án phát triển kinh tế (OECD, 2006).

Dễ nhìn thấy và đáng được nhắc đến đầu tiên đó là vấn đề hạn chế về quyền cho người lao động. Châu Âu được xem là một trong những đối tác quan trọng vì vừa có tiềm năng thúc đẩy phát triển kinh tế thông qua thương mại, mà vừa trở thành nhân tố tác động đến sự điều chỉnh tổ chức xã hội của quốc gia hợp tác bao gồm các cam kết quyền lao động thông qua các đàm phán ngoại giao thể chế quốc tế, mà trong đó,

chính sách đối ngoại giữa CHLB Đức và Việt Nam là một trong những cơ hội thực tế của chính sách thương mại của EU (Richard Youngs, 2010).

Theo đó, Việt Nam đã và đang có những bước đi thận trọng trong việc xem xét yếu tố nội tại khi tiến hành hòa nhập quốc tế, bao gồm việc nâng cao sự ủng hộ và công nhận các tiêu chuẩn quốc tế và luật quốc tế. Bên cạnh đó, EU và đối tác CHLB Đức lại có những đánh giá xem trọng việc tiếp nhận và phổ quát hóa rộng rãi các giá trị quốc tế, như một yêu cầu đính kèm, đi đôi với mục tiêu thương mại của mình như một phương thức cho sự phát triển bền vững. Điều này có thể nói là gián tiếp hạn chế sự tối đa hóa hiệu quả đàm phán song phương của Việt Nam và chính quyền Berlin trong quan hệ hợp tác, thương mại và hỗ trợ phát triển chính thức.

Ngoài ra, dù đã tìm được tiếng nói chung và ngay cả khi đạt được thỏa thuận Hiệp định thương mại EVFTA chính thức để khắc phục hậu quả kinh tế sau những phức tạp của toàn cầu năm 2020, đồng ý trao nhau cơ hội phát triển, Việt Nam vẫn còn những thách thức khác đến từ các quốc gia láng giềng trong khu vực. Không khó để nhận thấy, những hiện tượng tiêu cực trong thương mại như việc “rửa xuất xứ”, chủ quan với hàng rào thuế quan ảnh hưởng đến uy tín thương mại của các doanh nghiệp quốc gia cũng như gây khó khăn trong việc kiểm soát từ phía công tác của chính phủ Việt Nam và cả EU.

Theo đó, nền kinh tế Việt Nam tuy được xem là một điểm sáng và EVFTA là đòn bẩy thương mại cho đôi bên nhưng Việt Nam vẫn chưa khai thác được hết các tiềm lực phát triển từ các cam kết, hiệp định thương mại tự do mới. Bởi vì, tuy EVFTA mang đến mức giảm hàng rào thuế quan cho cả hai bên, có Đức (85,6%) và Việt Nam (48,5%). Điều này giúp cho Việt Nam tránh khỏi mức thuế cao của MFN<sup>1</sup> (4,7%) mà vẫn được áp dụng mức cơ chế ưu đãi GSP<sup>2</sup> (2,35%) trong vòng 2 năm cho đến khi lộ trình 5-7 năm mới có thể hoàn toàn lột bỏ hàng rào thuế quan cho hàng hóa xuất nhập khẩu trong cơ chế EVFTA (Tuan Phong, 2021).

### **Kết luận**

Tóm lại, trong bối cảnh hội nhập toàn cầu, Việt Nam không thể nào không chủ trương tập trung chiến lược đối ngoại, quan hệ hợp tác với bạn bè quốc tế, đặc biệt là thu hút ngoại lực, cũng như dòng vốn ODA. Bên cạnh đó, với tư cách là một người khổng lồ kinh tế Châu Âu, CHLB Đức luôn đề cao nền kinh tế tự do và phát triển bền

<sup>1</sup> Mức thuế áp dụng cho các thành viên của WTO.

<sup>2</sup> Cơ chế ưu đãi thuế quan dành cho các quốc gia đang phát triển

vững thông qua hợp tác. Đây được xem là một nguyên tắc phát triển nền tảng của CHLB Đức. Mà qua đó, thông qua DAC 2001, chúng ta có thể thấy, Đức đánh giá cao những tiêu chí phù hợp của Việt Nam với mục tiêu của thể chế EU, cũng như triển vọng về tiềm lực kinh tế của Việt Nam, là mang tầm vóc chiến lược.

Các dự án đầu tư của CHLB Đức dành cho Việt Nam qua các cuộc hội đàm cấp cao, cũng như thành tựu thương mại song phương đã biến Việt Nam dần trở thành đối tác chiến lược vững chắc cho các cam kết của CHLB Đức, trong đó có cam kết về ODA. Nếu như Việt Nam chỉ là một quốc gia đang phát triển có nền chính trị, xã hội phù hợp với EU trước đó, thì giờ đây, Việt Nam là cái tên nổi bật với khả năng phát triển kinh tế vượt trội. Ngoài ra, không kém phần quan trọng và nên được quan tâm, đó là đối với đa số các tập đoàn kinh tế và NGOs của Đức, Việt Nam có mục tiêu môi trường, tài nguyên, năng lượng rất lý tưởng.

Tuy nhiên, dựa trên bốn mức độ được đặt ra bởi EU dành cho các nước tiếp nhận: (1) sao chép (*imitation*), (2) thích nghi (*adaptation*), (3) chống lại (*resistance*) và (4) từ chối (*rejection*), Việt Nam thỏa mức độ hai về thích nghi các nguyên tắc của tự do kinh tế và phát triển bền vững, tiêu chuẩn và quyền đầu tư, chính sách cạnh tranh thương mại, bảo vệ môi trường (Le Hong Hiep, Anton Tsvetov, 2018). Tuy vậy, bên cạnh những thành tích đáng kể về kinh tế và xã hội từ 2011-2020, Việt Nam vẫn được xếp lưng chừng giữa mức (2) và (3) với hai vấn đề lớn là hạn chế vai trò chính phủ vào thị trường thương mại và công nhận ILO về quyền cho người lao động nước ngoài. Ngoài ra, so sánh các mặt phù hợp và hạn chế của Việt Nam trong khuôn khổ đánh giá của chương trình ODA, Việt Nam tồn tại song song cơ hội lẫn thách thức.

*Đầu tiên*, đối với kinh tế, dù Việt Nam có tiềm lực phát triển cao không thể phủ nhận. Nhưng mô hình tăng trưởng còn cồng kềnh, còn phụ thuộc nhiều vào nguồn lực bên ngoài; phân khúc phát triển giữa các ngành chưa đồng đều, chưa khai thác hết lợi thế vốn có của Việt Nam. Đặc biệt, Việt Nam đang là một trong những nước đang phát triển có trình độ, năng lực nghiên cứu khoa học - công nghệ còn khoảng cách so với các quốc gia nhóm đầu khu vực, do thiếu cơ chế, chính sách và hỗ trợ phù hợp để thúc đẩy chuyên môn (Baochinhphu.vn, 2020). Cuối cùng, như đã biết, khác biệt về cơ chế và định hướng mô hình phát triển nên việc tiếp xúc với Hiệp định thương mại với EU vẫn là một thách thức lớn.



*Thứ hai*, đối với mặt văn hóa - xã hội, các đánh giá gần nhất cho thấy, dù tổng vốn đầu tư phát triển xã hội gần 15 triệu tỷ (tăng 10,7%/năm) trong giai đoạn 2011-2020, tỷ lệ giảm nghèo có số liệu tích cực (từ 14,2% còn 7% (2010-2015) và còn 3% (2011-202) nhưng còn nguy cơ tái nghèo cao, chưa quan tâm đúng mức các kỹ năng sống, kỹ năng kinh doanh và sáng tạo phù hợp với nhu cầu thị trường và thời đại. Mạng lưới y tế tuy có mở rộng trong giai đoạn 2010-2020, nhưng chất lượng các tuyến còn chưa đạt yêu cầu (Baochinhphu.vn, 2020). Việc phát triển y tế từng vùng vẫn còn chưa hoàn thiện lộ trình đồng bộ.

*Thứ ba*, các công tác bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, phòng ngừa thiên tai, năng lực dự báo và ngăn chặn suy thoái, ô nhiễm đạt hiệu quả tích cực hơn. Nhưng đâu đó, vẫn chưa thể kiểm soát triệt để năng lực quản lý, tuân theo nguyên tắc bền vững. Tình trạng phá rừng, khai thác tài nguyên, sạt lở ven sông, ven biển và ngập mặn ở Đồng bằng Sông Cửu Long vẫn còn diễn ra và là một trong những mặt hạn chế của Việt Nam. Đối với hai khía cạnh này, Việt Nam lại bỏ qua vai trò của các NGO và chưa hề có hoạch định rõ ràng để tiếp cận.

*Thứ tư*, một trong những hạn chế của Việt Nam là chưa thực sự quan tâm đến mặt xã hội khi tiếp cận dòng vốn ODA song phương với quốc gia trụ cột phương Tây - CHLB Đức. Trong khi đó, mặc cho trọng tâm vẫn nằm ở hiệu quả hỗ trợ và tiềm lực kinh tế, nhưng cũng không vì thế mà bỏ qua các yếu tố quan trọng trong xã hội như môi trường, tài nguyên thiên nhiên, biến đổi khí hậu, thiên tai và đào tạo, mà đặc biệt là về phòng chống lũ lụt.

Bên cạnh đó, trong nước, Việt Nam cũng đang phải đối mặt với nhiều thách thức, nguy cơ đến từ kinh tế, chính trị, xã hội. Trong đó, nền kinh tế Việt Nam được xác định là chưa khai thác được hết các tiềm lực phát triển từ các cam kết, hiệp định thương mại tự do mới. Chưa phát triển đúng cơ hội thị trường, đảm bảo sự phát triển đồng bộ các vùng miền theo lợi thế so sánh và phát huy được điều kiện kinh tế - xã hội đặc thù, cũng như diễn biến của sự biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai. Chính vì vậy, không thể bỏ qua, những cơ hội và thách thức xoay quanh Hiệp định thương mại tự do EU - Việt Nam và dòng vốn ODA đến từ CHLB Đức.

Các hạn chế của Việt Nam trong việc tiếp cận dòng vốn ODA của Đức vẫn còn chưa thực sự được xoáy vào trọng tâm. Đối với kinh tế, dù Việt Nam có tiềm lực phát triển nhưng còn phụ thuộc nhiều vào nguồn lực bên ngoài, phân khúc phát triển giữa

các ngành chưa đồng đều, chưa khai thác hết lợi thế vốn có của Việt Nam. Sự mơ hồ trong việc thúc đẩy mô hình công nghệ cao so với lợi thế cạnh tranh của Việt Nam và phân khúc chính sách hỗ trợ cho nền kinh tế 4.0 này còn chưa đầy đủ chiến lược chuyên môn, sáng tạo, mà dừng lại ở mức tiếp thu tinh hoa của công nghệ quốc tế. Chính vì vậy, hội nhập kinh tế quốc tế vẫn là một thách thức lớn.

Cuối cùng, có thể trả lời rằng, Việt Nam vẫn có sức hút đối với dòng vốn ODA của Đức dù đã trở thành quốc gia có thu nhập trung bình kể từ năm 2010, và nói một cách khác, Việt Nam phải khôn khéo hơn để tránh khỏi cái bẫy thu nhập trung bình và nâng cao cơ hội hợp tác với CHLB Đức hơn các giai đoạn trước. Tuy nhiên, lĩnh vực ODA của Đức có xu hướng hài hòa các giá trị chính trị - xã hội với kinh tế, để gắn với mục tiêu mang tầm khu vực và quốc tế. Ngoài ra, tác nhân to lớn cho nguồn vốn ODA của Đức còn có đến từ chủ thể phi chính phủ (NGOs) thay vì chỉ tập trung vào các cơ quan tài chính, ngân hàng và các Bộ phát triển kinh tế Liên bang.

#### **Tài liệu tham khảo**

1. VNExpress (2001), “Thủ tướng Phan Văn Khải thăm CHLB Đức”, <https://vnexpress.net/thu-tuong-phan-van-khai-tham-chlb-duc-1992803.html>
2. Baochinhphu.vn (2020), “Công bố toàn văn các dự thảo Văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng”, <https://baochinhphu.vn/cong-bo-toan-van-cac-du-thao-van-kien-trinh-dai-hoi-xiii-cua-dang-102281034.htm>
3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2016), Đề án Định hướng thu hút, quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài thời kỳ 2016-2020.
4. WTO Center, Vietnam - EU Free Trade Agreement Negotiation, 24/06/2018
5. OECD (2001) - Entwicklungszusammenarbeit.
6. OECD (n.d), Aid Activities targeting Global Environmental Objectives.
7. Lê Hữu Việt (2019), “Thúc đẩy hợp tác đào tạo nghề giữa Việt Nam và Đức”, <https://tienphong.vn/thuc-day-hop-tac-dao-tao-nghe-giua-viet-nam-va-duc-post1139660.tpo>
8. Klingebiel, Stephan (2001), “Ansatzpunkte für eine krisenpräventive und konfliktsensible Entwicklungszusammenarbeit”, <https://www.idos-research.de/en/analysen-und-stellungnahmen/article/ansatzpunkte-fuer-eine-krisenpraeventive-und-konfliktsensible-entwicklungszusammenarbeit/>
9. Hồng Sơn (2021), “GIZ và KfW phối hợp triển khai dự án đào tạo nghề tại Việt Nam”, <https://baodautu.vn/giz-va-kfw-phoi-hop-trien-khai-du-an-dao-tao-nghe-tai-viet-nam-d52330.html>.

10. Judy Dempsey (2019), “The Credibility of German Multilateralism”, <https://carnegieeurope.eu/strategieurope/78622>
11. Đại sứ quán Việt Nam tại CHLB Đức (2019), “Quan hệ Việt Nam – CHLB Đức”, <http://www.vietnambotschaft.org/quan-he-viet-duc/tong-quan-2/>
12. MOFAHCM.gov.vn (n.d), “Thông tin cơ bản về CHLB Đức và quan hệ Việt Nam - Đức”, [http://www.mofahcm.gov.vn/mofa/cn\\_vakv/euro/nr040819111248/ns110707190854](http://www.mofahcm.gov.vn/mofa/cn_vakv/euro/nr040819111248/ns110707190854).
13. An Linh (2021), “GDP Việt Nam vẫn tăng 5,64% bất chấp đại dịch Covid-19” <https://dantri.com.vn/kinh-doanh/gdp-viet-nam-van-tang-564-bat-chap-dai-dich-covid19-20210629095703524.htm>.
14. Hữu Mạnh (2021), “Bộ Xây dựng và GIZ ký Bản ghi nhớ hợp tác Chương trình nhà ở xanh Việt Nam 2021 - 2025”, <https://baoxaydung.com.vn/bo-xay-dung-va-giz-ky-ban-ghi-nho-hop-tac-chuong-trinh-nha-o-xanh-viet-nam-2021-2025-296830.html>.
15. Franz-Xaver Kaufmann (2013), “Variations of the Welfare State: Great Britain, Sweden, France and Germany between Capitalism and Socialism”, Springer Berlin, Heidelberg.
16. Le Hong Hiep, Anton Tsvetov (2018), Vietnam’ Foreign Policy under Doi Moi. ISEAS Publishing.
17. Linh H. Dang (2009), “Non-Governmental Organizations (NGOs) and Development: An Illustration of Foreign NGOs in Vietnam.” The Center for International Studies of Ohio University.
18. OECD (2006), “DAC Peer Review, Germany, Development Assistance Committee”, The Centre Français d’exploitation Du Droit de Copie, 20 Rue Des Grands-Augustins, 75006 Paris, France.
19. Richard Youngs (2010), “The EU’s Role in World Politics: A Retreat from Liberal Internationalism” Routledge.
20. Tuan Phong (2021), “Nhìn lại chặng đường hơn 1 năm thực thi Hiệp định EVFTA”, [https://quangnam.gov.vn/webcenter/portal/ubnd/pages\\_tin-tuc/chi-tiet?dDocName=PORTAL280115](https://quangnam.gov.vn/webcenter/portal/ubnd/pages_tin-tuc/chi-tiet?dDocName=PORTAL280115)

**PHẦN III: THỰC THI EVFTA  
Ở CẤP ĐỘ ĐỊA PHƯƠNG, NGÀNH  
VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

# XÚC TIẾN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI TRONG BỐI CẢNH THỰC THI EVFTA VÀ EVIPA

*Nguyễn Hữu Lương*  
Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội  
*Cao Thị Hồng Vinh*  
Trường Đại học Ngoại thương  
*Nguyễn Hoài Chung*  
Trường Đại học Ngoại thương

**Tóm tắt:** Là thủ đô của Việt Nam - điểm đến hấp dẫn đối với các nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài từ các nước trên thế giới nói chung và các nước thuộc Liên minh Châu Âu nói riêng đặc biệt trong bối cảnh thực thi EVFTA và EVIPA, Hà Nội đồng thời cũng gặp phải cạnh tranh không nhỏ trong việc thu hút dòng FDI chất lượng cao với các tỉnh, thành phố khác trên cả nước. Xuất phát từ lý do đó, Thành phố với đầu mối quản lý hoạt động xúc tiến đầu tư là Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch Thành phố đã chủ trì và phối hợp cùng các cơ quan, tổ chức đã đẩy mạnh triển khai các hoạt động xúc tiến bao gồm các hoạt động marketing, hoạt động cung cấp thông tin, hoạt động hỗ trợ nhà đầu tư trong quá trình tìm hiểu thị trường, thâm nhập, ra quyết định, thành lập và hoạt động và hỗ trợ cải thiện môi trường và hệ sinh thái đầu tư.

Tuy nhiên, để có thể tận dụng được tốt hơn lợi thế từ các hiệp định để thu hút FDI nhiều hơn nữa, Hà Nội cũng cần xem xét và tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư hơn nữa. Nghiên cứu đã tập trung phân tích thực trạng hoạt động xúc tiến đầu tư, từ đó đề xuất một số kiến nghị nhằm đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài vào TP Hà Nội trong bối cảnh thực thi các Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA) và Hiệp định Bảo hộ đầu tư giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVIPA).

## 1. Lời mở đầu

Cạnh tranh trong việc thu hút FDI đã và đang diễn ra rất mạnh mẽ không chỉ giữa các quốc gia trên thế giới mà còn giữa các tỉnh, thành phố, các địa phương khác nhau ở trong mỗi nước. Tại Việt Nam, các tỉnh, thành phố cũng đã và đang đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài nhằm thu hút FDI vào địa phương mình.

Theo phân loại của Hiệp hội các cơ quan xúc tiến đầu tư thế giới (WAIPA) (2020), các hoạt động xúc tiến đầu tư được chia thành 4 nhóm cụ thể như sau: (i) Marketing (nhằm xây dựng hình ảnh cho các nước tiếp nhận vốn nói chung hoặc các lĩnh vực nhất định; các dịch vụ này có thể bao gồm quảng cáo, hỗ trợ tham dự các sự kiện kinh doanh, phát triển quan hệ cộng đồng/truyền thông và mạng lưới, tiếp cận 1-1 các nhà đầu tư); (ii) Cung cấp thông tin cho quá trình ra quyết định đầu tư, thâm nhập và thành lập, triển khai hoạt động và kết nối với các nhà cung cấp trong nước; (iii) Hỗ trợ các nhà đầu tư đạt được thành công trong quá trình ra quyết định, thâm nhập, thành lập và hoạt động (bao gồm duy trì ổn định hoạt động đầu tư, quản lý xung đột, hỗ trợ mở rộng kinh doanh và giới thiệu với các nhà cung cấp); (iv) Hỗ trợ cải thiện môi trường và hệ sinh thái đầu tư bằng cách cam kết đồng hành cùng nhà đầu tư, xác định những rào cản và hỗ trợ xây dựng và thực hiện các giải pháp cho những người ra quyết định và có lợi ích liên quan.

Trong thời gian vừa qua, đặc biệt sau khi Hiệp định thương mại tự do giữa Liên minh Châu Âu và Việt Nam (EVFTA) và Hiệp định Bảo hộ đầu tư giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVIPA) được Nghị viện Châu Âu phê chuẩn ngày 12/2/2020 và sau đó được Quốc hội Việt Nam phê chuẩn ngày 8/6/2020 đến nay, TP Hà Nội - với vai trò là thủ đô của cả nước đã triển khai các hoạt động xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài nói chung và các nhà đầu tư từ Liên minh châu Âu nói riêng theo 4 nhóm hoạt động được đề cập theo WAIPA (2020) ở trên. Ủy ban nhân dân TP Hà Nội đã ban hành Kế hoạch số 177/KH-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2020 thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA) của TP Hà Nội. Đây là cơ sở để các cơ quan đơn vị của thành phố chủ trì và phối hợp thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư.

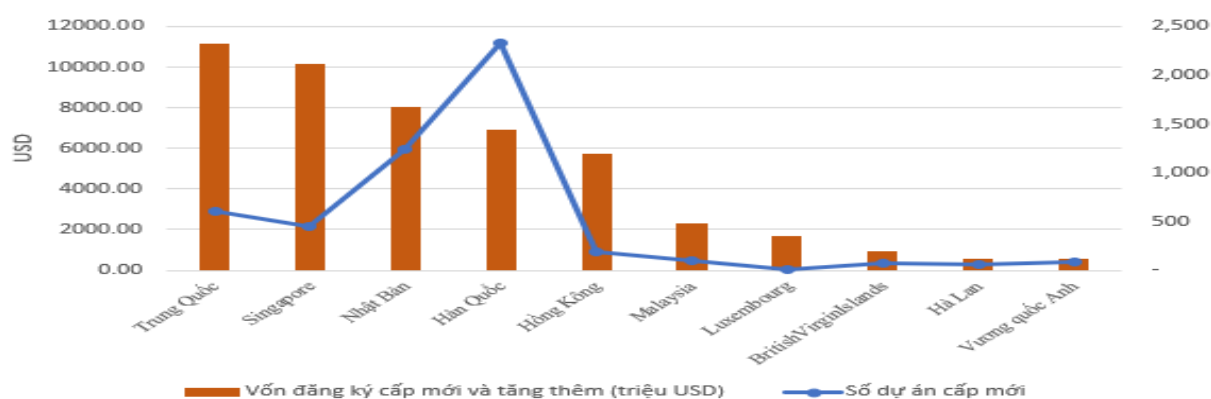
Trong bối cảnh thực thi EVFTA và EVIPA, TP Hà Nội đã đạt được những kết quả nhất định trong việc thu hút FDI. Theo số liệu từ Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch TP Hà Nội, tính lũy kế đến ngày 30/6/2022, TP Hà Nội đã thu hút được 6.450 dự án đăng ký cấp mới, đạt trên 52.060 triệu USD vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm. Riêng trong giai đoạn 6 tháng đầu năm năm 2022, đã có 168 dự án FDI đăng ký cấp mới với số vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm đạt trên 688 triệu USD.<sup>1</sup>

---

<sup>1</sup> TP Hà Nội đã thu hút 108 quốc gia đầu tư, trong đó, Trung Quốc là quốc gia có vốn đầu tư vào thành phố lớn nhất với 11.173 triệu đô la Mỹ và 604 dự án cấp mới. Xét về vốn đầu tư, Singapore, Nhật Bản, Hàn Quốc, Hồng Kông, Malaysia lần lượt là những quốc gia có vốn đầu tư lớn vào Hà Nội sau Trung Quốc. Các quốc gia này đều

Hiệp định EVFTA được thực thi đã thúc đẩy quá trình đầu tư vào nước ta, trong đó Pháp chiếm 14% tổng vốn FDI của EU. Các doanh nghiệp Pháp đã có những dự án lớn trên hơn 35 tỉnh thành, với TP Hà Nội có 120 dự án, tổng vốn đầu tư 371,6 triệu USD, chiếm 10,3% tổng vốn đầu tư.

**Hình 1: Lũy kế vốn đầu tư và số dự án cấp mới vào TP Hà Nội từ năm 1986-2022**



*Nguồn: Tổng hợp từ Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội (2022)*

Mặc dù đã đạt được các kết quả nhất định, việc thu hút FDI còn chưa thực sự tương xứng với tiềm năng của thành phố. Xuất phát từ lý do trên, có thể thấy cần phải nghiên cứu về thực trạng các hoạt động xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài đã và đang được thành phố triển khai để từ đó đưa ra các đề xuất cho hoạt động xúc tiến trong bối cảnh thực thi EVFTA và EVIPA.

## 2. Tình hình nghiên cứu

Cho đến nay đã có các bài viết liên quan tới xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài của Việt Nam nói chung và các tỉnh, thành phố nói riêng. Tuy nhiên, các nghiên cứu về hoạt động xúc tiến trong bối cảnh thực thi EVFTA và EVIPA còn chưa có nhiều. Các nghiên cứu liên quan cụ thể như sau:

### a. Các bài viết về vai trò của hoạt động xúc tiến đối với thu hút FDI

Trong bài viết của La Duy (2022), theo Ông Nguyễn Phú Bình - Chủ tịch Hội Liên lạc với người Việt Nam ở nước ngoài, nguyên Thứ trưởng Bộ Ngoại giao, cựu Đại sứ Việt Nam tại Hàn Quốc: “Thông qua Hội nghị xúc tiến đầu tư FDI Hàn Quốc

---

có điểm chung về khu vực, vị trí địa lý, lịch sử và có những nét văn hóa tương đồng với Việt Nam nên việc đầu tư vào TP Hà Nội trở hấp dẫn hơn. Xét về số dự án cấp mới, Hàn Quốc có tới 2.334 dự án cấp mới, trong những năm gần đây, Hàn Quốc đã mở rộng đầu tư không chỉ TP Hà Nội mà đến các tỉnh thành khác. Bên cạnh đó, Nhật Bản cũng là một quốc gia có số dự án cấp mới lớn thứ 2 vào Hà Nội với 1.234 dự án từ trong giai đoạn 1986 - 2022. Ngoài ra, các nước như Luxembourg, British Virgin Islands, Hà Lan, Vương quốc Anh cũng đóng góp số vốn đầu tư và dự án vào Hà Nội.

vào TP Hà Nội và các tỉnh phía Bắc sẽ có thêm nhiều doanh nghiệp Hàn Quốc tìm đến các địa phương phía Bắc, góp phần vào sự phát triển của mỗi địa phương cũng như đóng góp xứng đáng cho giai đoạn phát triển ngày càng mạnh mẽ quan hệ giữa 2 nước trong 30 năm tới”.

Theo Quang Minh (2022), tại hội nghị xúc tiến đầu tư “Quảng Ninh - Nơi hội tụ của nhà đầu tư” năm 2022, bí thư Tỉnh ủy Quảng Ninh Nguyễn Xuân Ký đã cam kết đồng hành đối với các nhà đầu tư tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất như cung cấp các dịch vụ công tiện ích, môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, thuận lợi, bình đẳng, minh bạch. Chủ tịch VCCI Phạm Tấn Công cũng tin tưởng rằng, hội nghị xúc tiến đầu tư Quảng Ninh năm 2022 sẽ là dấu mốc quan trọng để Quảng Ninh thu hút đầu tư, bứt phá mạnh mẽ nhiều hơn trong thời gian tới.

Bên cạnh các tỉnh thành phía Bắc, về các khu vực phía Nam, các tỉnh thành cũng tích cực đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư. Ban Chỉ đạo Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư tỉnh Hậu Giang đã tổ chức thành công tổng kết Hội nghị xúc tiến đầu tư tỉnh Hậu Giang năm 2022 với sự tham dự của Thủ tướng, lãnh đạo các bộ, ngành Trung ương và hơn 600 doanh nghiệp trong nước và nước ngoài, các nhà đầu tư. Theo Mộng Toàn (2022), tại hội nghị, tỉnh đã trao chủ trương đầu tư và giấy chứng nhận đầu tư cho 12 dự án, với tổng mức đầu tư 18.997 tỷ đồng; ký kết biên bản ghi nhớ đầu tư với 8 nhà đầu tư, với tổng giá trị khoảng 220.000 tỷ đồng. Ngoài ra, tỉnh Hậu Giang đã ký kết với Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam Chi nhánh Cần Thơ để tổ chức chuyên môn trong kết nối và hỗ trợ doanh nghiệp; đồng thời để tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận nguồn vốn tín dụng xuyên suốt quá trình đầu tư, tỉnh cũng đã ký kết hợp tác đầu tư với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) về gói hỗ trợ vay vốn với hạn mức 10.000 tỉ đồng cho các doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn tỉnh; tạo môi trường đầu tư thông thoáng, hấp dẫn.

Theo Hương Việt (2022), tại sự kiện Xúc tiến đầu tư vào Quảng Trị, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Nguyễn Chí Dũng đã nói: “Đầu tư của Quảng Trị như tờ giấy trắng, các doanh nghiệp hãy viết lên đó những thành công của mình”. Hiện nay, Quảng Trị đang đón nhận làn sóng đầu tư rất tích cực, đặc biệt là các dự án giao thông, sân bay, cảng biển, năng lượng, công nghệ, nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ... Theo số liệu từ Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Quảng Trị (Quảng Trị



IPA), tỉnh hiện có 595 dự án được cấp phép đầu tư còn hiệu lực trong đó có 19 dự án có vốn đầu tư nước ngoài (FDI), với tổng mức đầu tư gần 2,5 tỷ USD. Ngoài ra, tỉnh có khoảng 377 MW từ các dự án năng lượng tái tạo đã phát điện với 29 dự án điện gió đã được cấp có thẩm quyền bổ sung quy hoạch và đang triển khai đầu tư (tổng công suất hơn 1.100 MW). Đồng thời có 52 dự án điện gió đang trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt bổ sung quy hoạch (2.764 MW); 8 dự án điện gió đang khảo sát, nghiên cứu lập hồ sơ bổ sung quy hoạch (1.670 MW).

Trong bối cảnh chuyển dịch xu hướng đầu tư sản xuất, Hà Nội cũng đã đề ra định hướng, giải pháp thu hút FDI nhằm đón đầu dòng vốn chất lượng cao. Cục Thống kê TP. Hà Nội, năm 2021, tổng vốn đăng ký của các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) mới, dự án bổ sung tăng vốn và góp vốn, mua cổ phần trên địa bàn ước tính đạt 1,5 tỷ USD, đứng thứ 5 trong cả nước.

Theo ông Vũ Bá Phú, Cục trưởng Cục Xúc tiến thương mại (XTTM), Bộ Công Thương khẳng định: “Trong thời gian qua, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch Hà Nội (HPA) đã góp phần kiến tạo nên vai trò kết nối XTTM của Hà Nội đối với khu vực và cả nước, đặc biệt khi HPA trở thành đầu mối triển khai công tác xúc tiến của thành phố trong cả 3 lĩnh vực Đầu tư - Thương mại - Du lịch”. Theo Báo tin tức (2021), một số chương trình xúc tiến đã tạo được thương hiệu, có sự lan toả, kết nối các địa phương, không chỉ hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn TP Hà Nội, mà còn hỗ trợ doanh nghiệp các tỉnh, thành phố trong cả nước quảng bá sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh, kết nối đối tác, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm trong nước và xuất khẩu. Điển hình như: Hội chợ Đặc sản vùng miền Việt Nam thường niên với sự tham dự của gần 60 tỉnh, thành phố, Hội nghị kết nối cung cầu hàng hoá; Các chương trình tiếp cận hệ thống phân phối lớn tại nước ngoài thông qua Tuần hàng Việt Nam - Hà Nội tại AEON (Nhật Bản), Lotte (Hàn Quốc), Rungis (Pháp)...

Trong hội nghị Tổng kết chương trình xúc tiến Đầu tư, Thương mại, Du lịch thành phố năm 2021, triển khai Chương trình năm 2022, ông Nguyễn Mạnh Quyền - Thành ủy viên, Phó Chủ tịch UBND TP Hà Nội cho biết: “Để hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch ngày càng hiệu quả, đúng định hướng phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô Hà Nội trong thời gian tới, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại, Du lịch Thành phố cần khẩn trương tham mưu, xây dựng kế hoạch triển khai các công việc, tiến độ cụ thể đối với các chủ trương lớn của Thường trực, Ban Thường vụ Thành ủy,

Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố, UBND TP Hà Nội và Chương trình số 313 ngày 28/12/2021 của UBND Thành phố về Xúc tiến Đầu tư, Thương mại, Du lịch Thành phố năm 2022”.

Theo thông tin từ HPA, trong những năm gần đây, Hội Doanh nghiệp trẻ Hà Nội hướng đến những hoạt động trọng tâm như đẩy mạnh xúc tiến thương mại và đầu tư, cả trong và ngoài nước, mở rộng quan hệ với các tổ chức, hiệp hội quốc tế, hướng ra biển lớn, tăng cường truyền thông để nâng tầm vị thế Hội. Đối với chương trình xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch năm 2022 của thành phố, Hội Doanh nghiệp trẻ Hà Nội đề nghị được tham gia theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố giai đoạn 2021-2025; đồng thời ưu tiên các doanh nghiệp du lịch của Hội Doanh nghiệp trẻ Hà Nội tham gia các chương trình xúc tiến du lịch, quảng bá, thu hút khách du lịch quốc tế ở các thị trường trọng điểm như Đông Bắc Á, Tây Âu, Bắc Mỹ, khối ASEAN... tổ chức các sự kiện, lễ hội định kỳ, giới thiệu hình ảnh và con người Hà Nội.

*b. Các bài viết về thực trạng xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài*

Theo tác giả Vũ Thị Thảo (2013) với bài nghiên cứu “*Xúc tiến đầu tư trực tiếp từ Nhật Bản của tỉnh Hải Dương*” đã chỉ ra rằng Hải Dương là một tỉnh có nhiều lợi thế trong thu hút vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài nói chung và Nhật Bản nói riêng. Tuy nhiên, kết quả thu hút vốn đầu tư nước ngoài vẫn được đánh giá là “chưa xứng với tiềm năng” bởi công tác xúc tiến đầu tư còn hạn chế. Tác giả cũng chỉ ra các công cụ xúc tiến đầu tư đã sử dụng tại tỉnh Hải Dương như: Tổ chức các hội nghị, hội thảo về xúc tiến đầu tư nhằm thu hút nguồn vốn đầu tư của Nhật Bản, xây dựng các công cụ thông tin hướng đến các nhà đầu tư Nhật Bản, tham gia các cuộc hội thảo, hội chợ triển lãm đầu tư ở trong nước và tại Nhật Bản, tổ chức đoàn vận động xúc tiến đầu tư đến đất nước Nhật Bản, xây dựng quan hệ công chúng. Tình hình thu hút FDI từ Nhật Bản của tỉnh Hải Dương tập trung chủ yếu vào ngành công nghiệp, mặc dù lĩnh vực này số dự án còn ít và vốn đầu tư chưa cao. Tác giả cũng đánh giá rằng tỉnh Hải Dương đã có những chuyển biến tích cực trong ban hành chính sách linh hoạt, uyển chuyển hơn nhằm thu hút FDI như ban hành ra các văn bản hướng dẫn và cho phép các dự án đầu tư nước ngoài được hưởng các chính sách ưu đãi tối đa theo quy định của chính phủ; đồng thời tỉnh đã cho miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển, vật tư tạo tài sản cố định, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp

và được hưởng ưu đãi về thuê đất... đã tạo thuận lợi hơn cho hoạt động xúc tiến đầu tư thu hút FDI của các quốc gia và Nhật Bản vào tỉnh.

Bài nghiên cứu “*Xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài tại một số tỉnh phía Bắc: thực trạng và giải pháp*” của tác giả Đinh Vũ Mai Linh (2013) đã tổng hợp, khảo sát thực tiễn tình hình thu hút FDI giai đoạn từ 2007-10/2012 tại các tỉnh khu vực phía Bắc và phân tích các giải pháp mới cho hoạt động xúc tiến đầu tư cho khu vực phía Bắc. Tác giả đã chỉ ra rằng thiếu hụt nguồn nhân lực là tồn tại chính của các hoạt động xúc tiến đầu tư. đồng thời chất lượng nguồn nhân lực còn chưa cao như hạn chế về trình độ, khả năng giao tiếp, ngôn ngữ và kỹ năng tiếp thị. Một số địa phương đã tích cực cho cán bộ tham dự các khóa hoạt nâng cao năng lực xúc tiến đầu tư, ngoại ngữ, tin học,... nhưng hạn hẹp về nguồn tài chính nên chưa thể giải quyết vấn đề một cách triệt để và hiệu quả. Về các dự án đã đa dạng và chuyển hướng theo hướng lành mạnh hơn công nghệ cao như sản xuất linh kiện điện tử, công nghệ thông tin, nuôi trồng con giống,...

Bài nghiên cứu về “*Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư vào khu công nghiệp tỉnh Hà Nam đến năm 2020*” của tác giả Nguyễn Huy Minh (2020) đã chỉ ra định hướng xúc tiến đầu tư của tỉnh vào giai đoạn 2010-2015 là thu hút các nhà đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng KCN và phát triển sản xuất kinh doanh ở các KCN đã xây dựng cơ sở hạ tầng. Tỉnh đã thực hiện các công cụ xúc tiến như: xây dựng các công cụ thông tin, xây dựng quan hệ công chúng, tiến hành các chuyến công tác giới thiệu tiềm năng đầu tư hoặc tổ chức các cuộc hội thảo về cơ hội đầu tư. Nhờ những hoạt động tích cực trong hoạt động xúc tiến đầu tư, tỉnh đã thu hút thành công được nhiều nhà đầu tư phát triển hạ tầng KCN, về cơ bản các KCN đã được đầu tư đồng bộ theo mô hình phát triển bền vững. Đồng thời tác giả đưa ra một số giải pháp như Xây dựng được một chiến lược xúc tiến đầu tư hiệu quả, Xây dựng hình ảnh các KCN Hà Nam là điểm đến của các NĐT, Xây dựng mối quan hệ đối tác hiệu quả, Sử dụng có hiệu quả các công cụ XTĐT, Tăng cường đầu tư các nguồn lực về tài chính và con người cho hoạt động XTĐT và Nâng cấp dịch vụ và hỗ trợ NĐT có hiệu quả.

Tác giả Nguyễn Huy Minh (2020) cùng với đề tài “*Giải pháp hoàn thiện hoạt động xúc tiến đầu tư của Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại, Du lịch TP Hà Nội*” đã nghiên cứu về hoạt động xúc tiến đầu tư giai đoạn 2017 - 2019 của TP Hà Nội và đưa ra giải pháp cải thiện hoạt động xúc tiến đầu tư của trung tâm đến 2025. Tác

giả đánh giá rằng, nhận thức về hoạt động xúc tiến đầu tư hiện nay vẫn còn có những hạn chế và ở TP Hà Nội còn kém hiệu quả, chưa tận dụng được các công cụ xúc tiến trong quá trình vận động các nhà đầu tư tiềm năng. Đồng thời, tác giả đưa ra các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động xúc tiến đầu tư, bao gồm: Cơ chế chính sách và sự phân quyền của cơ quan xúc tiến, sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong lĩnh vực xúc tiến đầu tư, nguồn nhân lực, mức độ hấp dẫn của môi trường đầu tư, cơ sở hạ tầng, cơ chế chính sách và ưu đãi đầu tư. Vì thế, để nâng cao vị thế bản thân nhằm thu hút các dự án có vốn đầu tư FDI vào thành phố, tác giả cho rằng cần có những giải pháp để nâng cao hiệu quả xúc tiến đầu tư hơn.

Như vậy, đã có các bài viết đề cập tới vai trò của hoạt động xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài đối với thu hút FDI, cũng như thực trạng hoạt động xúc tiến được triển khai tại các địa phương, tuy nhiên, đến nay chưa có bài nghiên cứu nào phân tích chi tiết thực trạng và đề xuất đối với xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Hà Nội - thủ đô, đồng thời là một trung tâm kinh tế của cả nước trong bối cảnh thực thi EVFTA và EVIPA. Xuất phát từ tình hình đó, nghiên cứu này tập trung làm rõ thực trạng và đề xuất giải pháp cho TP Hà Nội trong các nội dung ở các phần sau.

### **3. Đơn vị đầu mối quản lý về xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài của TP Hà Nội**

Đối với TP Hà Nội, Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch (tên quốc tế: Hanoi Promotion Agency, trang web: <http://hpa.hanoi.gov.vn/>) là đơn vị được giao nhiệm vụ đầu mối quản lý về xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài vào TP Hà Nội. Năm 2015, Trung tâm được thành lập theo Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 13/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở tổ chức lại 04 đơn vị: Trung tâm Xúc tiến đầu tư trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm Xúc tiến thương mại trực thuộc Sở Công Thương, Trung tâm Thông tin và Xúc tiến du lịch Hà Nội trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Trung tâm Thông tin và Xúc tiến đầu tư trực thuộc Ban Quản lý các Khu công nghiệp và Chế xuất Hà Nội. Tới năm 2017, Trung tâm sáp nhập thêm Trung tâm Xúc tiến Thương mại nông nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội và Trung tâm Dịch vụ đối ngoại trực thuộc Sở Ngoại vụ Hà Nội vào và được tổ chức lại theo Quyết định số 441/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của UBND TP Hà Nội. Vị trí, chức năng và nhiệm vụ cụ thể của Trung tâm như sau:

*Về vị trí, chức năng:*

Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại, Du lịch TP Hà Nội là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân TP Hà Nội. Trung tâm đề xuất tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, nông nghiệp và dịch vụ đối ngoại của Thành phố; tổng hợp các kiến nghị và phối hợp với các cơ quan liên quan đề xuất UBND Thành phố ban hành các chính sách thu hút về đầu tư, thương mại, du lịch, nông nghiệp và dịch vụ đối ngoại; thực hiện công tác hỗ trợ tư vấn, cung cấp dịch vụ cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tìm cơ hội đầu tư, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tại Hà Nội và các tỉnh, thành phố khác ở Việt Nam và nước ngoài.

*Về nhiệm vụ:*

Trung tâm được giao các nhiệm vụ cụ thể sau: a) Xây dựng, thực hiện kế hoạch chương trình xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, nông nghiệp và dịch vụ đối ngoại của Thành phố và thực hiện các nhiệm vụ khác về xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, nông nghiệp và dịch vụ đối ngoại được giao; b) Thu thập, cung cấp, trao đổi thông tin và nghiên cứu về thị trường, xu hướng phát triển và đối tác đầu tư, chính sách, cơ hội đầu tư và thông tin kinh tế; c) Xây dựng, đề xuất danh mục dự án, sản phẩm thu hút, kêu gọi đầu tư; chủ trì (làm bên mời thầu) thực hiện lựa chọn nhà đầu tư đối với các dự án UBND Thành phố giao chuẩn bị kêu gọi nhà đầu tư; báo cáo tình hình thực hiện theo quy định; d) Triển khai các chương trình của Thành phố về cung cấp các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường trong nước, đẩy mạnh xuất khẩu, phát triển du lịch và thu hút đầu tư nước ngoài; đ) Tổ chức giao lưu, hợp tác với các tổ chức xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, nông nghiệp và dịch vụ đối ngoại trong và ngoài nước nhằm đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến của Thành phố; e) Căn cứ vào tình hình thực tế trình UBND Thành phố quyết định thành lập các tổ chức trực thuộc để phát triển các hoạt động xúc tiến theo các quy định của pháp luật; g) Thực hiện các nhiệm vụ khác do UBND Thành phố, Chủ tịch UBND Thành phố giao và theo quy định của pháp luật.

Trong các phòng ban thuộc cơ cấu tổ chức của Trung tâm, phòng xúc tiến đầu tư chịu trách nhiệm liên quan tới các hoạt động xúc tiến đầu tư.

Bên cạnh Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, còn có các cơ quan, đơn vị khác cũng tham gia vào công tác xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài của TP Hà Nội.

#### 4. Thực trạng hoạt động xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài của TP Hà Nội trong bối cảnh thực thi EVFTA và EVIPA

Trong bối cảnh thực thi EVFTA và EVIPA, hoạt động xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài của TP Hà Nội đã được triển khai và đạt những kết quả nhất định cụ thể như sau:

##### 4.1. Marketing

Các hoạt động marketing nhằm quảng bá hình ảnh của thủ đô Hà Nội - một điểm đến hấp dẫn đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài từ các nước trên thế giới nói chung và Liên minh châu Âu nói riêng đóng vai trò không nhỏ trong việc thu hút FDI. Các hoạt động được thực hiện bao gồm:

*Tổ chức và tham gia sự kiện xúc tiến:* Theo Trung Tâm xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch TP Hà Nội (2022), Trung tâm đã tổ chức các sự kiện xúc tiến, đặc biệt trong bối cảnh thực thi EVFTA và EVIPA và đồng thời trong điều kiện thích ứng với bối cảnh kiểm soát dịch bệnh Covid. Ngoài ra, tại Hội chợ thương mại quốc tế Việt Nam lần thứ 31 năm 2021, Trung tâm cũng tham gia giới thiệu, cung cấp thông tin về môi trường đầu tư, các thành tựu kinh tế - xã hội của TP Hà Nội; trưng bày, giới thiệu một số ấn phẩm về xúc tiến đầu tư, thương mại như: Sách và Tờ rơi Hà Nội - Hợp tác đầu tư và Phát triển; Sách Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Sách Quy hoạch phân khu phía Bắc sông Hồng....

#### Hình 2: Thông tin thư mời tham dự Diễn đàn Thương mại Việt Nam - EU trên trang web của Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch TP Hà Nội

Thư mời tham dự Diễn đàn Thương mại Việt Nam – EU “EVFTA – Sức bật cho hợp tác thương mại đầu tư trong bối cảnh bình thường mới”

Ngày đăng 18/10/2021

- Yếu tố then chốt để ngành thủy sản đáp ứng quy tắc xuất xứ tại EVFTA
- Yếu tố then chốt để ngành thủy sản đáp ứng quy tắc xuất xứ tại EVFTA
- Xuất khẩu sang Bỉ: Cơ hội rộng mở

(HPA) Trong nỗ lực đồng hành cùng cộng đồng doanh nghiệp khai thác hiệu quả hơn nữa Hiệp định EVFTA và đón đầu các cơ hội mới mở ra từ bối cảnh phục hồi kinh tế hậu đại dịch, Diễn đàn Thương mại Việt Nam – EU “EVFTA – Sức bật cho hợp tác thương mại đầu tư trong bối cảnh bình thường mới” được tổ chức bởi Bộ Công Thương đã phối hợp với Phái đoàn Liên minh châu Âu tại Việt Nam và Hiệp hội Eurocham vào ngày 27 tháng 10 năm 2021 tại Hà Nội.



Nguồn: Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch (2021)

*Rà soát, tái bản và phát hành nhiều ấn phẩm phục vụ công tác xúc tiến:* Các ấn phẩm phục vụ công tác xúc tiến bao gồm cả ấn phẩm giấy và ấn phẩm điện tử.

Tổ chức truyền thông các sự kiện hoạt động xúc tiến: Các sự kiện và hoạt động được truyền thông thường xuyên trên trang web, tài khoản facebook, mạng xã hội chính thức của Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch. Hình 2 mô tả thông tin thư mời tham dự Diễn đàn Thương mại Việt Nam - EU với chủ đề “*EVFTA - Sức bật cho hợp tác thương mại đầu tư trong bối cảnh bình thường mới*” trên trang web của Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch TP Hà Nội. Bên cạnh đó, Trung tâm cũng phối hợp với Ban chỉ đạo Thông tin - Đối ngoại Thành phố, Sở Thông tin - Truyền thông, Văn phòng UBND Thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở chuyên ngành liên quan, các cơ quan thông tin, truyền thông khác để trao đổi thông tin, hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá trong lĩnh vực đầu tư. Ngoài ra, Trung tâm cũng tăng cường hợp tác, tạo mạng lưới thông tin với các cơ quan thông tấn, báo chí để truyền thông các thông tin về tiềm năng thế mạnh của TP Hà Nội (Trung Tâm xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch TP Hà Nội, 2022)

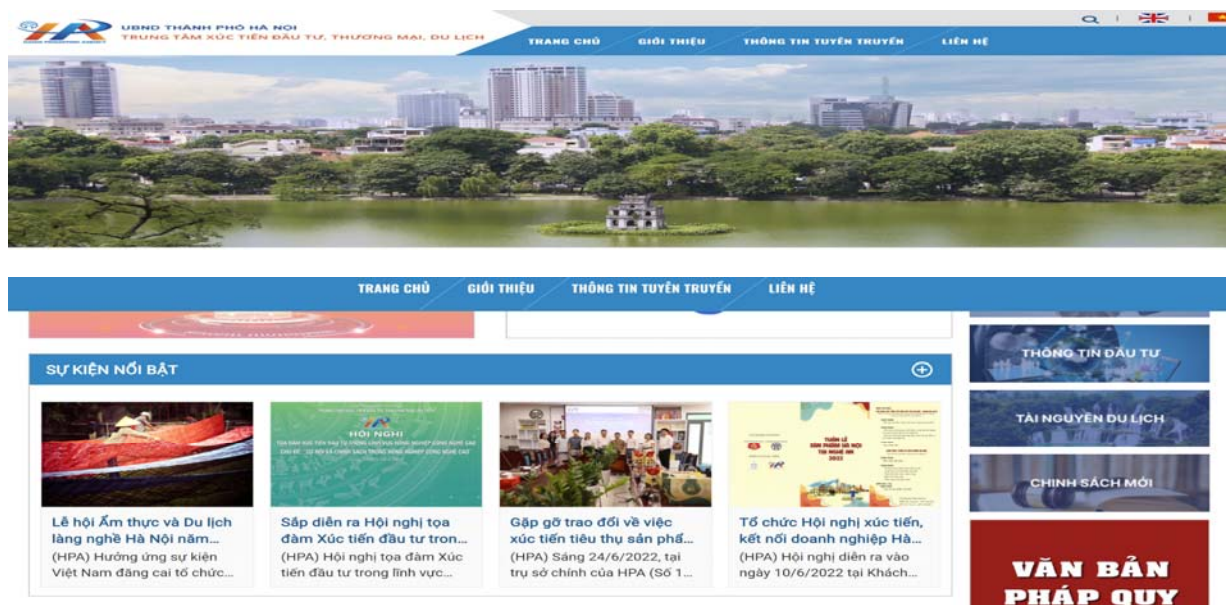
#### **4.2. Cung cấp thông tin**

Với vai trò là đơn vị đầu mối quản lý hoạt động xúc tiến đầu tư nói chung, trong đó có đầu tư trực tiếp nước ngoài của TP Hà Nội, Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch đã và đang phát triển, nâng cấp Cổng thông tin Xúc tiến Đầu tư, Thương mại, Du lịch TP Hà Nội (trang web của Trung tâm) để cung cấp thông tin cần thiết cho các nhà đầu tư. Trung tâm đã tiến hành điều chỉnh giao diện, bổ sung chức năng theo quy định và giúp truy cập, tra cứu thông tin thuận tiện; tổ chức liên kết website với các cơ quan, tỉnh, thành, tổ chức xúc tiến. Các thông tin được cung cấp cho các nhà đầu tư trên trang web của Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch bao gồm:

Thông tin về thủ tục cho doanh nghiệp (Quy trình đầu tư khi đầu tư thành lập tổ chức kinh tế; đầu tư theo hình thức góp vốn, nhận chuyển nhượng dự án đầu tư; đầu tư theo hình thức hợp tác kinh doanh BCC; Quy trình giới thiệu, mời doanh nghiệp tham gia các hoạt động do HPA thực hiện...)

- Thông tin về các chính sách mới (quốc tế, Việt Nam và Hà Nội)
- Thông tin về đầu tư, tiềm năng cơ hội hợp tác
- Các thông tin về các sự kiện sắp diễn ra, thư mời doanh nghiệp và các thông tin khác

### Hình 3: Giao diện trang web của Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại du lịch



Nguồn: <http://hpa.hanoi.gov.vn/>

#### 4.3. Hỗ trợ nhà đầu tư trong quá trình ra quyết định, thâm nhập, thành lập và hoạt động và Hỗ trợ cải thiện môi trường và hệ sinh thái đầu tư

Các hoạt động hỗ trợ nhà đầu tư trong quá trình ra quyết định, thâm nhập, thành lập và Hỗ trợ cải thiện môi trường và hệ sinh thái đầu tư cũng đã và đang được TP Hà Nội triển khai. Trong bối cảnh thực thi EVFTA và EVIPA cũng là giai đoạn dịch Covid-19 diễn ra, các hoạt động hỗ trợ trong công tác xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài đã được triển khai cụ thể như sau:

*Tổ chức các hội nghị đối thoại với các nhà đầu tư:* Theo Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch (2022), Trung tâm đã phối hợp cùng Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức Hội nghị “Đối thoại tháo gỡ khó khăn đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn TP Hà Nội trong bối cảnh dịch Covid-19” và Hội nghị “Đối thoại tháo gỡ khó khăn đối với các doanh nghiệp trên địa bàn TP Hà Nội trong bối cảnh dịch Covid-19”. Nội dung các Hội nghị tập trung về thông tin về tình hình phát triển kinh tế - xã hội và kết quả giải quyết tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp thời gian qua, đồng thời cung cấp thông tin về giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp trong giai đoạn bình thường mới.

*Tổ chức các hội nghị, khóa đào tạo, tập huấn về cơ chế, chính sách* (theo Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch (2022)): Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch đã tổ chức các hội nghị, khóa đào tạo và tập huấn nhằm nâng cao năng lực, kiến thức cho doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp có vốn FDI đang hoạt



động trên địa bàn thành phố như: Hội nghị tập huấn “Nghị định 18/2021/NĐ-CP sửa đổi bổ sung Nghị định 134/126/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế xuất khẩu, nhập khẩu”; Hội nghị tập huấn “Thông tư 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP” (ngày 26/11/2021); Tổ chức Hội nghị tập huấn “Nghị định 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan” (ngày 02/12/2021).

*Đẩy mạnh công tác hỗ trợ thủ tục hành chính:* theo Gia Huy (2021), Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội đã đẩy mạnh công tác hỗ trợ về thủ tục hành chính trong việc tiếp nhận, xử lý và giải quyết hồ sơ, nhằm tạo điều kiện cho nhà đầu tư sớm giải ngân vốn đầu tư và triển khai dự án, đón đầu xu hướng hồi phục kinh tế. Sau thời gian giãn cách xã hội từ 21/9 đến 15/10/2021, Sở đã tiếp nhận và xử lý 416 lượt hồ sơ một cửa đầu tư FDI, giải quyết 278 hồ sơ với số vốn tăng lên khoảng 340 triệu USD.

*Triển khai các công tác hỗ trợ khác:*

Cục Thuế đã thực hiện việc gia hạn nộp thuế GTGT, thuế TNDN, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất của năm 2021 cho trên 31.000 người nộp thuế, với tổng số tiền thuế và tiền thuê đất được gia hạn vào khoảng 22.000 tỷ đồng theo quy định tại Nghị định số 52 ngày 19/4/2021 của Chính phủ; đồng thời đã thực hiện giảm 30% tiền thuê đất phải nộp cho 650 người nộp thuế, với số tiền thuê đất được giảm vào khoảng 250 tỷ đồng theo quy định tại Quyết định số 27 ngày 25/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Hà Nội cũng cho phép các doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ cho các hoạt động phòng, chống dịch COVID-19 khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 44 ngày 31/3/2021 của Chính phủ (theo Gia Huy (2021)).

Nhằm đẩy mạnh thu hút FDI từ các nước Liên minh châu Âu - những nước có lợi thế về các dự án chuyển giao công nghệ mới, công nghệ cao trong lĩnh vực y tế, dược và sản xuất các ngành công nghiệp phụ trợ, các ngành liên quan đến sản xuất, chế biến nâng cao giá trị sản phẩm nông, lâm, hải sản, theo Thùy Linh (2020), TP Hà Nội đã có các chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ để triển khai các chương trình chuyển giao, mua bán công nghệ, dây chuyền sản xuất; ứng dụng công nghệ vào sản xuất để nâng cao giá trị gia tăng cho các sản phẩm nông, lâm, thủy hải sản.

## **5. Một số giải pháp đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài của TP Hà Nội trong bối cảnh thực thi EVFTA và EVIPA**

Trên cơ sở thực trạng ở trên, nghiên cứu đề xuất một số kiến nghị đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài của TP Hà Nội trong bối cảnh thực thi EVFTA và EVIPA cụ thể như sau:

(1) TP Hà Nội cần tiếp tục xây dựng Chương trình xúc tiến đầu tư của thành phố bám sát vào định hướng xây dựng Chương trình xúc tiến đầu tư của Chính phủ và các yêu cầu cụ thể đối với ngành, lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư, đối tác đầu tư và phương thức xúc tiến đầu tư. Cụ thể:

### *a) Về định hướng*

- Tập trung vào thực hiện định hướng các chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021-2025 tại Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ TP Hà Nội lần thứ XVII.

- Bám sát quan điểm chỉ đạo về định hướng hợp tác đầu tư nước ngoài tại Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị và các chương trình hành động của Chính phủ về Chiến lược Quốc gia phát triển kinh tế số, xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (QĐ số 441/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ); Chiến lược Quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030 (QĐ số 2289/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ); Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050 (QĐ số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ); Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 (QĐ số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ).

- Lan sóng đầu tư tái cấu trúc các chuỗi cung ứng, giá trị toàn cầu và đặc biệt là các khu vực Châu Âu, Châu Á.

### *b) Về một số yêu cầu cụ thể*

- Những ngành, lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư:

+ Các ngành kinh tế số, các ngành phát triển trên nền tảng công nghệ 4.0 (ICT, kỹ thuật số, kỹ thuật nano, công nghiệp sinh học, vật liệu mới, dược phẩm, sinh học, nông nghiệp chính xác, công nghệ môi trường, năng lượng sạch,...). Đẩy mạnh thu hút và cơ chế sử dụng nguồn vốn đầu tư nước ngoài cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, chuyển giao công nghệ.

+ Ưu tiên dự án có hàm lượng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, quản trị hiện đại, giá trị gia tăng cao, có tác động lan tỏa, chuyển giao công nghệ, đảm bảo sự tham gia của doanh nghiệp Việt Nam trong chuỗi giá trị, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội.

+ Tùy theo đặc thù của địa phương, thu hút đầu tư các dự án mới phải bảo đảm hài hòa giữa mục tiêu tăng trưởng, tạo nguồn thu địa phương với trình độ công nghệ của dự án, sử dụng nguồn lực nội địa.

+ Không thu hút và tiếp nhận các dự án sử dụng công nghệ lạc hậu, tiêu tốn năng lượng, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường...

- Về đối tác: tập trung thu hút đầu tư từ (i) các nước có công nghệ cao, công nghệ nguồn, đứng đầu các chuỗi cung ứng, là thành viên cùng tham gia các FTA đa phương với Việt Nam như EVFTA, EVIPA, CPTPP, RCEP... (các đối tác thuộc EU luôn có thế mạnh này); (ii) Ưu tiên các tập đoàn đa quốc gia liên kết với doanh nghiệp trong nước hình thành và phát triển cụm liên kết ngành theo từng chuỗi giá trị.

- Về phương thức đầu tư: chủ động tiếp cận, giới thiệu các cơ hội hợp tác đầu tư trực tiếp với các đối tác. Tăng cường các kênh xúc tiến đầu tư trực tuyến và ứng dụng công nghệ số (triển lãm số, dữ liệu trực tuyến, cổng thông tin điện tử về XTĐT, truyền thông ứng dụng trí tuệ nhân tạo... trong việc tìm kiếm, lựa chọn đối tác).

(2) Thành phố cần tiếp tục quyết liệt tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi để các doanh nghiệp, nhà đầu tư triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh thuận lợi, tiết kiệm thời gian, chi phí theo đúng tinh thần chỉ đạo của Chính phủ, xác định đây là nguồn lực rất quan trọng bên cạnh nguồn lực dành cho hoạt động xúc tiến đầu tư từ ngân sách nhà nước.

(3) Xây dựng kế hoạch/chương trình xúc tiến đầu tư chuyên đề dành riêng cho thu hút FDI từ các nước EU, trong đó có các giải pháp cụ thể, rõ ràng, kèm theo lộ trình triển khai, dự kiến kinh phí và mục tiêu cần đạt được trong từng năm, từng giai đoạn, để có thể chủ động trong bố trí nguồn lực ngân sách cũng như chuẩn bị, phối hợp các nguồn lực khác nhằm nâng cao hiệu quả thu hút.

(4) Gắn kết nhịp nhàng hoạt động xúc tiến đầu tư với xúc tiến thương mại, du lịch và các hoạt động đối ngoại, văn hóa. Trong đó ưu tiên xác định rõ các thị trường, quốc gia trọng điểm, các tập đoàn lớn đặt trụ sở tại các quốc gia thuộc Liên minh Châu

Âu (EU. Chú trọng và tăng cường bám sát, hỗ trợ các hoạt động của Tổ công tác Thúc đẩy hợp tác đầu tư nước ngoài do Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan thường trực.

(5) Nâng cấp chất lượng nói chung của Trang thông tin điện tử về xúc tiến đầu tư của TP Hà Nội do Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại, Du lịch TP Hà Nội quản lý, trong đó cần ưu tiên cập nhật các thông tin, đảm bảo chất lượng thông tin bám sát và phục vụ cho trọng tâm thu hút đầu tư FDI từ các nước EU.

Bên cạnh đó, cần xây dựng một chuyên mục /chuyên trang riêng về "Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài từ EU", nhằm: cung cấp những thông tin hữu ích, giá trị để thỏa mãn tốt nhu cầu đặc thù của các nhà đầu tư từ EU; quy tụ, giới thiệu đầu mối những tổ chức, doanh nghiệp có khả năng, tiềm năng đón nhận FDI hoặc hợp tác đa dạng với các nhà đầu tư, doanh nghiệp từ EU; đồng thời là kênh quảng bá, cầu nối giữa các nhà đầu tư từ Châu Âu với thị trường và doanh nghiệp của Hà Nội.

(6) Quan tâm nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, viên chức trực tiếp làm công tác xúc tiến đầu tư của Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại, Du lịch TP Hà Nội và ở các sở, ban, ngành có liên quan của TP Hà Nội. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng các chuyên đề, kỹ năng phục vụ trực tiếp, hỗ trợ cho triển khai các hoạt động xúc tiến đầu tư (về thủ tục đầu tư, về tổ chức sự kiện, kỹ năng ngoại ngữ, các kiến thức và kỹ năng khác...).

Lựa chọn và đào tạo nhân sự nòng cốt để xây dựng các bộ phận nhằm cung cấp tốt các dịch vụ như nghiên cứu thị trường, tiếp thị truyền thông, ngoại thương, thủ tục xuất nhập cảnh, xin thuê đất, thuê nhà, thuê lao động, dịch vụ thư ký, phiên dịch, khảo sát thông tin, xử lý dữ liệu, chuyên phát, phát hành báo chí, tạp chí, bản tin chuyên ngành... đáp ứng tốt hơn nhu cầu của các nhà đầu tư.

(7) Tích cực tham gia chủ động và mạnh mẽ hơn vào các tổ chức, diễn đàn đầu tư quốc tế, đặc biệt là các tổ chức, diễn đàn từ Châu Âu; Tích cực nâng cao vai trò và tiếng nói của Việt Nam nói chung và TP Hà Nội nói riêng cũng đề xuất các sáng kiến và giải pháp để nâng cao uy tín và vị thế của Việt Nam, của Hà Nội nhằm thu hút mạnh mẽ hơn sự quan tâm của nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt là Châu Âu.

## **6. Kết luận**

Là thủ đô của Việt Nam - điểm đến hấp dẫn đối với các nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài từ các nước trên thế giới nói chung và từ các nước thuộc Liên minh Châu Âu nói riêng đặc biệt trong bối cảnh thực thi EVFTA và EVIPA, Hà Nội cũng gặp phải cạnh

tranh không nhỏ trong việc thu hút dòng FDI chất lượng cao với các tỉnh, thành phố khác trên cả nước. Xuất phát từ lý do đó, Thành phố với đầu mối quản lý hoạt động xúc tiến đầu tư là Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch đã chủ trì và phối hợp cùng các cơ quan, tổ chức đã đẩy mạnh triển khai các hoạt động xúc tiến bao gồm các hoạt động Marketing, hoạt động cung cấp thông tin, hoạt động hỗ trợ nhà đầu tư trong quá trình ra quyết định, thâm nhập, thành lập và hoạt động và hỗ trợ cải thiện môi trường và hệ sinh thái đầu tư.

Tuy nhiên, để có thể tận dụng được tốt hơn lợi thế từ các hiệp định để khơi thông mạnh và thu hút nhiều hơn nữa dòng vốn FDI từ Châu Âu, Thành phố cũng cần tiếp tục rà soát và đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động xúc tiến, thu hút đầu tư nước ngoài. Trên cơ sở các phân tích từ thực trạng hoạt động xúc tiến, nghiên cứu đã đề xuất một số kiến nghị nhằm đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài vào TP Hà Nội trong bối cảnh thực thi EVFTA và EVIPA.

#### **Tài liệu tham khảo**

1. Báo Đầu thầu (2022), “Hà Nội thu hút 1,5 tỷ USD vốn FDI năm 2021”, <https://baodauthau.vn/ha-noi-thu-hut-1-5-ty-usd-von-fdi-nam-2021-post118404.html>, truy cập ngày 30/6/2022
2. Báo Đầu thầu (2022), “Hà Nội thu hút hơn 500 triệu USD vốn FDI trong Quý 1 năm 2022”, <https://baodauthau.vn/ha-noi-thu-hut-hon-500-trieu-usd-von-fdi-trong-quy-i-2022-post122081.html>, truy cập ngày 30/6/2022
3. Baotintuc.vn (2022), “Năm 2022, Hà Nội đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch có trọng điểm”, <https://baotintuc.vn/kinh-te/nam-2022-ha-noi-day-manh-hoat-dong-xuc-tien-dau-tu-thuong-mai-va-du-lich-co-trong-diem-20211230121315233.htm>, truy cập ngày 30/6/2022
4. Gia Huy (2021), “Hà Nội nỗ lực thu hút các nhà đầu tư nước ngoài”, <https://baochinhpvu.vn/ha-noi-no-luc-thu-hut-cac-nha-dau-tu-nuoc-ngoai-102302675.html>, truy cập ngày 30/6/2022
5. Hiệp hội các cơ quan xúc tiến đầu tư thế giới (WAIPA) (2020), “Thực trạng các cơ quan xúc tiến đầu tư: Bằng chứng từ khảo sát toàn cầu của WAIPA-WBG (State of Investment Promotion Agencies: Evidence from WAIPA-WBG’s Joint Global Survey)” <https://waipa.org/waipa-content/uploads/State-of-Investment->

Promotion-Agencies-Evidence-from-WAIPA-WBG-s-Joint-Global-Survey.pdf, truy cập ngày 02/7/2022

6. Hương Việt (2022), “Quảng Trị: Lực hút đầu tư từ những giá trị khác biệt”, <https://baodautu.vn/quang-tri-luc-hut-dau-tu-tu-nhung-gia-tri-khac-biet-d170258.html>, truy cập ngày 02/7/2022

7. La Duy (2022), “Hội nghị xúc tiến đầu tư FDI Hàn Quốc vào các tỉnh phía Bắc”, <https://www.qdnd.vn/kinh-te/tin-tuc/hoi-nghi-xuc-tien-dau-tu-fdi-han-quoc-va-o-cac-tinh-phia-bac-700766>, truy cập ngày 02/7/2022

8. Mộng Toàn (2022), “Hội nghị xúc tiến đầu tư tỉnh tạo được tiếng vang lớn”, <https://www.baohaugiang.com.vn/kinh-te/hoi-nghi-xuc-tien-dau-tu-tinh-tao-duoc-tieng-vang-lon-113228.html>, truy cập ngày 02/7/2022

9. Nguyễn An Bình (2017), “Quản lý xúc tiến đầu tư của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La”, [http://elb.lic.neu.edu.vn/bitstream/DL\\_123456789/9578/1/TT.THS.12595.pdf](http://elb.lic.neu.edu.vn/bitstream/DL_123456789/9578/1/TT.THS.12595.pdf), truy cập ngày 02/7/2022

10. Quang Minh (2022), “Quảng Ninh xúc tiến đầu tư, cam kết đồng hành cùng doanh nghiệp”, <https://www.baogiaothong.vn/quang-ninh-xuc-tien-dau-tu-cam-ket-dong-hanh-cung-doanh-nghiep-d560663.html>, truy cập ngày 30/6/2022

11. Thùy Linh (2020), “EVFTA: Thúc đẩy phát triển thương mại, đầu tư giữa Hà Nội với EU”, <https://thanglong.chinhphu.vn/evfta-thuc-day-phat-trien-thuong-mai-dau-tu-giua-ha-noi-voi-eu-10330814.htm>, truy cập ngày 02/7/2020

12. Thương (2022), “Pháp nằm trong Top 3 quốc gia Liên minh châu Âu có đầu tư vào Việt Nam”, <https://congthuong.vn/phap-nam-trong-top-3-quoc-gia-lien-minh-chau-au-co-dau-tu-va-o-viet-nam-164336.html>, truy cập ngày 30/6/2022

13. Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch TP Hà Nội (2021), “Kết quả hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch năm 2021, Kế hoạch năm 2022 của TP Hà Nội”

14. Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch (2021), “Thư mời tham dự Diễn đàn Thương mại Việt Nam - EU”, <http://hpa.hanoi.gov.vn/danh-cho-doanh-nghiep/thu-moi-doanh-nghiep/thu-moi-doanh-nghiep/thu-moi-tham-du-dien-dan-thuong-mai-viet-nam---eu---evfta---suc-bat-cho-hop-tac-thuong-mai-dau-tu-trong-boi-can-binh-thuong-moi>-a13915, truy cập ngày 28/6/2022

15. Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch (2022), “Đẩy mạnh hợp tác trong lĩnh vực xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch”, <http://hpa.hanoi.gov.vn/dau-tu/tin-tuc/tin-ha-noi/day-manh-hop-tac-trong-linh-vuc-xuc-tien-dau-tu-thuong-mai-va-du-lich-a14089>, truy cập ngày 28/6/2022

16. Văn Đức (2022), Quảng Ninh xúc tiến đầu tư năm 2022. <https://baotintuc.vn/kinh-te/quang-ninh-xuc-tien-dau-tu-nam-2022-20220726180706125.htm>, truy cập ngày 30/6/2022

17. Vũ Thị Thao (2013), “Xúc tiến đầu tư trực tiếp từ Nhật Bản của Tỉnh Hải Dương”, [http://elb.lic.neu.edu.vn/bitstream/DL\\_123456789/5429/1/TT.THS.8684.pdf](http://elb.lic.neu.edu.vn/bitstream/DL_123456789/5429/1/TT.THS.8684.pdf), truy cập ngày 03/07/2022

## HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VÀ TRIỂN VỌNG VỀ CÔNG NGHIỆP VĂN HÓA Ở VIỆT NAM

*ThS. Dương Trường Phúc*

**Đại học KHXH&NV, ĐHQG-HCM**

**Tóm tắt:** *Hội nhập khu vực và toàn cầu đã đóng vai trò quan trọng trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế Việt Nam. Quá trình này diễn ra trên nền tảng tự do hóa thương mại biểu hiện thông qua việc Việt Nam ký kết hàng loạt các hiệp định thương mại tự do đa phương và song phương. Nền kinh tế quốc gia phát triển một phần nhờ vào các hiệp định đầy tham vọng đó. Với những lợi ích to lớn mà thương mại tự do mang lại, việc xác định ngành kinh tế có lợi thế là cần thiết. Bên cạnh những ngành kinh tế truyền thống đã có vị trí vững vàng trong chuỗi giá trị sản xuất, bài viết cũng đề cập đến triển vọng cho việc phát triển các ngành công nghiệp văn hóa thông qua phân tích những đặc điểm của ngành. Mặc dù cần chiến lược dài hạn để ứng phó với những thách thức của toàn cầu hóa nhưng vẫn có cơ sở để kỳ vọng về sự phát triển của ngành này trong tương lai.*

### **1. Giới thiệu**

Toàn cầu hóa thể hiện như một sự thay đổi cơ bản của các thể chế nhân loại trong thời đại ngày nay (Tsai, 2007). Những dòng chảy và kết nối nhanh chóng hàng hóa, dịch vụ, vốn, con người, văn hóa vượt ra khỏi biên giới quốc gia đã xác định các đặc điểm cơ bản của xã hội hiện đại (Guillén, 2001). Tuy vậy, những vấn đề quan trọng liên quan đến sự phát triển của con người vẫn chưa được giải quyết dẫn đến sự song tồn hai trường phái tranh luận về ảnh hưởng của toàn cầu hóa đến phúc lợi quốc gia và công dân: (i) Trường phái ủng hộ: Thông qua những nghiên cứu thực nghiệm dựa trên dữ liệu thu thập trong nhiều năm đã ghi nhận toàn cầu hóa là hoạt động công nghiệp hóa ở các nước đang phát triển. Mặc dù giai đoạn đầu thu nhập có sự phân hóa nhưng dần về sau sẽ hội tụ đồng nghĩa với giảm bất bình đẳng thu nhập (Firebaugh & Goesling, 2004); (ii) Trường phái phê phán: Làn sóng toàn cầu hóa hiện nay gia tăng có thể gây hại cho người nghèo, đặc biệt là những người ở các nước đang phát triển. Ngoài ra, mặc dù nhiều lý thuyết kinh tế dự đoán rằng thương mại làm tăng thu nhập



trung bình, nhưng cũng nhấn mạnh những hậu quả của phân phối không công bằng (Owen & Wu, 2007).

Toàn cầu hóa, với những lợi ích nhất định vẫn song hành cùng những tiêu cực không tránh khỏi. Tuy vậy, làn sóng này là tất yếu, buộc các nước phải tham gia. Kẻ thắng thì thịnh vượng, kẻ thua cuộc tiếp tục sa lầy trong nghèo đói.

Toàn cầu hóa thúc đẩy các nước hội nhập kinh tế lẫn nhau tạo ra thị trường thương mại toàn cầu. Những năm 1980, xuất hiện những bi quan về thương mại toàn cầu, dự báo sự lặp lại điều tồi tệ của cuộc khủng hoảng kinh tế thập niên 1930. Tuy vậy, những điều xảy ra sau đó gần như thách thức toàn bộ những bi quan có vẻ hơi thái quá nếu không muốn nói sai lầm. Những năm 1990 và 2000 chứng kiến sự bùng nổ mạnh mẽ của thương mại toàn cầu với sự ra đời của Tổ chức Kinh tế Thế giới (WTO) và hàng loạt các hiệp định thương mại tự do (FTA). Ngày nay, sự phụ thuộc và liên kết kinh tế giữa các nước khiến cho việc ký kết những hiệp định thương mại phổ biến hơn bao giờ hết.

Từ khi mở cửa nền kinh tế, Việt Nam đã tích cực tham gia ký kết các hiệp định thương mại nhằm thúc đẩy hơn nữa quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực như Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN (AFTA); Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN-Trung Quốc (ACFTA); Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN-Hàn Quốc (AKFTA); Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện ASEAN-Nhật Bản (AJCEP); Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN-Úc-New Zealand (AANZFTA); Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN-Ấn Độ (AIFTA); Hiệp định đối tác kinh tế Việt-Nhật (JVEPA); Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam-Chile (VCFTA); Hiệp định Thương mại Tự do Việt-Hàn (KVFTA); Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam-EU (EVFTA)

Các hiệp định tự do thương mại song phương và đa phương mà Việt Nam tham gia ký kết/đàm phán không chỉ bao gồm các vấn đề truyền thống như tiếp cận thị trường, dịch vụ thương mại và đầu tư mà còn bao gồm các lĩnh vực mới không được đề cập hoặc đề cập sâu son so với các hiệp định đã ký kết trong khung khổ của WTO. Hơn nữa, các hiệp định mới thiết lập chuẩn mực quốc tế sẽ có tác động mạnh đối với các chính sách và thể chế trong nước của Việt Nam so với các hiệp định thương mại tự do trong quá khứ.

Bài viết được chia làm hai phần. Phần đầu xem xét, tổng hợp chung những tác động ở cả khía cạnh cơ hội cũng như thách thức mà bối cảnh tự do hóa thương mại

mang đến cho các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam. Phần sau dựa trên nền tảng của toàn cầu hóa, của tự do hóa thương mại thay vì tập trung vào các ngành kinh tế thượng nguồn như dệt may, sản xuất nông sản, bài viết lựa chọn phân tích công nghiệp văn hóa để nhìn nhận những triển vọng phát triển ở Việt Nam.

## **2. Tự do hóa thương mại: Cơ hội song hành với thách thức**

Việc tham gia trở thành thành viên của hiệp định thương mại, các quốc gia được dự đoán chịu tác động tĩnh (*static effect*) và tác động động (*dynamic effect*). Sự đan xen của hai tác động này biểu hiện trong các cơ hội tạo thương mại (*trade creation*) và dịch chuyển thương mại (*trade diversion*). Tác động từ việc tạo thương mại (cái mới) và dịch chuyển thương mại (cái cũ với đối tác mới) sẽ gia tăng quan hệ thương mại giữa các nước thành viên tham gia FTA.

Trong ngắn hạn, FTA có thể mang đến một số lợi ích/cơ hội cho Việt Nam nhưng còn trong dài hạn thì chưa chắc chắn. Lợi ích/cơ hội là rất lớn nhưng rủi ro đi kèm là không thể xem nhẹ, nếu các cam kết không được thực hiện một cách cẩn trọng, nhiều lợi ích tiềm tàng của các hiệp định có thể bị bỏ qua. Tuy vậy, những lợi ích/cơ hội mà FTA mang lại sẽ hướng Việt Nam trở thành một nền kinh tế cạnh tranh và sáng tạo hơn vượt cả phạm vi khu vực Đông Nam Á.

*Thúc đẩy tăng trưởng và phát triển:* Về kinh tế, tự do hóa thương mại đặt tình thế các quốc gia cần có chiến lược phát triển kinh tế hợp lý, hướng nguồn lực đến các ngành có lợi thế so sánh và cạnh tranh hấp dẫn trên thị trường hàng hóa thế giới. Về xã hội, thương mại tự do toàn cầu mang đến cơ hội lớn nhất để cải thiện phúc lợi của những công dân nghèo nhất của thế giới, thậm chí còn có thể làm tăng gấp đôi thu nhập trung bình tại những khu vực nghèo nhất trên thế giới trong 15 năm tới (Lomborg, 2016). Hơn nữa, toàn cầu hóa kinh tế được chứng minh là sẽ làm giảm tỷ lệ tử vong của trẻ em và kéo dài tuổi thọ, nhờ tăng thu nhập và thông tin tốt hơn (Owen & Wu, 2007). Về môi trường, theo một nghiên cứu học thuật thì “thương mại tự do tốt cho môi trường” (Antweiler et al., 2001). Sự thật là cứ mỗi 10,0% tăng trưởng sản xuất dẫn tới 2,5–5,0% ô nhiễm thì thu nhập cao hơn từ sản lượng này sẽ thúc đẩy những công nghệ tốt hơn và các quy định nghiêm ngặt hơn, và như vậy lại làm giảm ô nhiễm 12,5–15,0%. Tổng cộng, cứ mỗi 10% thu nhập tăng lên sẽ dẫn đến giảm 10% ô nhiễm (Frankel & Rose, 2005). Do đó, tham gia vào thị trường thương mại hoàn toàn được kỳ vọng có thể giúp quốc gia tăng trưởng và phát triển.

Mở rộng thị trường và cạnh tranh: Các hiệp định thương mại tự do khi ký kết buộc các thành viên phải dỡ bỏ hàng rào thuế quan. Đây là cơ hội cho các doanh nghiệp nội địa thâm nhập sâu hơn vào thị trường các nước thành viên nhằm mở rộng sản xuất và gia tăng lợi nhuận. Đồng thời, sự cạnh tranh khốc liệt trên sân nhà cũng tạo ra động lực và sức ép để những doanh nghiệp này đổi mới hoạt động sản xuất trước sự tấn công từ doanh nghiệp nước ngoài. Việc tham gia FTA tạo ra thị trường lớn hơn đồng nghĩa với việc mở ra nhiều cơ hội đầu tư từ các nước trong FTA nói riêng và ngoài FTA nói chung.

*Thúc đẩy an ninh kinh tế:* Cuộc khủng hoảng tài chính năm 1997 bắt đầu tại Thái Lan, nơi không phải là trung tâm tài chính quốc tế, lan rộng toàn cầu đã đẩy lên một hồi cảnh tỉnh về sự hợp tác lỏng lẻo và yếu kém về thể chế giữa các nước vô hình chung đẩy khủng hoảng dâng cao. Thời đại toàn cầu hóa thúc đẩy hơn nữa hợp tác dựa trên những bước đi thích hợp và FTA là lựa chọn hàng đầu cho những hợp tác song phương và đa phương, làm nền tảng để tăng cường những hợp tác sâu rộng hơn nữa.

*Tăng cường vị thế quốc gia:* Hơn 2/3 các quốc gia trên thế giới là những nước có diện tích nhỏ và dân số ít. Phần lớn những quốc gia này chẳng những không có ảnh hưởng đến tình hình thế giới mà còn đối diện nguy cơ gạt ra bên lề của dòng chảy phát triển. Chính vì lẽ đó, xu thế về chủ nghĩa khu vực nổi lên như cách thức nâng cao vị thế và làm nổi bật sự hiện diện của những nước này trên bản đồ thế giới. Nếu cùng nhau thành lập một tổ chức khu vực, các nước này dễ dàng tìm thấy sự chú ý của các nhà đầu tư, đó thực sự là bước đi đầu quan trọng cho tiến trình nâng tầm quốc gia.

Thực tế là xuất khẩu của Việt Nam cũng như nhiều nước đang phát triển khác phụ thuộc nhiều vào nguyên liệu nhập khẩu cộng với những hạn chế về quy tắc xuất xứ của một số hiệp định thương mại tự do có thể khiến cho Việt Nam bị hạn chế trong việc tối đa hóa lợi ích của thương mại tự do.

Việt Nam cũng phải đối mặt với khả năng hạn chế trong việc tiếp thu và tiếp nhận các khoản đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) lớn do thiếu các doanh nghiệp được kết nối toàn cầu tham gia vào chuỗi giá trị cao, chi phí hậu cần (*logistics cost*) cao, cơ sở hạ tầng đường bộ, điện, cảng, và dịch vụ hậu cần... yếu kém.

Môi trường hậu WTO là bằng chứng cho thấy đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đặc biệt trong các lĩnh vực chế tạo và lắp ráp được đẩy mạnh chỉ vài năm sau khi ký kết hiệp định. Điều quan trọng là các vấn đề đằng sau biên giới. Những thách thức đó

bao gồm nhu cầu cần cải thiện khả năng kết nối để hội nhập vào các chuỗi giá trị toàn cầu và giảm chi phí thương mại.

Đáp ứng các tiêu chuẩn về lao động là một thách thức nữa khi triển khai hiệp định thương mại. Hầu hết các yêu cầu về kỹ năng lao động chỉ ở mức thấp hoặc trung bình, thường là nữ giới, qua đó tạo việc làm cho một bộ phận lớn người dân, đặc biệt là lực lượng lao động ở nông thôn, hỗ trợ chuyển dịch từ lao động nông nghiệp sang các hoạt động phi nông nghiệp.

### **3. Công nghiệp văn hóa/sáng tạo: những triển vọng nào cho Việt Nam?**

Với Việt Nam, ngành dệt may và sản xuất nông sản (gạo, cà phê, thủy sản) được kỳ vọng hưởng lợi nhiều nhất từ hiệp định thương mại tự do mặc dù khả năng tận dụng các lợi ích này có thể bị suy giảm bởi một thực tế là các ngành này đều tập trung vào các phân đoạn với giá trị gia tăng thấp nhất trong chuỗi giá trị toàn cầu (GVCs), dựa vào lao động tay nghề thấp với chi phí rẻ.

Sự chuyển hướng về nhận thức tạo ra của cải và sức mạnh trong bối cảnh toàn cầu hóa cho thấy kinh tế tri thức và sáng tạo đang dần tạo ra những sức mạnh to lớn. Một trong những trọng tâm của khu vực kinh tế này là công nghiệp văn hóa, công nghiệp sáng tạo hay công nghiệp sáng tạo văn hóa. Khái niệm *công nghiệp văn hóa* xuất hiện lần đầu tại Hoa Kỳ và được xây dựng, hoàn thiện tiếp tục bởi các học giả Tây phương. Đến cuối thế kỷ XX, khi nền văn hóa đại chúng phổ biến rộng rãi thì cũng là lúc công nghiệp văn hóa được nhận thức đầy đủ hơn về lý thuyết và thực tiễn thông qua sự kiện tháng IV/1998 của Hội nghị Thượng đỉnh về hoạt động văn hóa tổ chức tại Stockholm, Thụy Điển (Đoàn Minh Huấn & Nguyễn Ngọc Hà, 2014).

Nhìn chung, các ngành công nghiệp văn hóa ra đời và gắn liền với sự phát triển của nền văn hóa đại chúng, dần sản xuất theo phương thức của ngành công nghiệp truyền thống kết hợp với văn hóa nghệ thuật có sự tham gia của công nghệ. Sự sáng tạo, tính năng động trong kinh doanh kết hợp với tiến bộ của công nghệ tạo nên giá trị và thương hiệu cũng như mức độ phổ biến của các sản phẩm công nghiệp văn hóa (Trương Thị Kim Chuyên et al., 2016).

Công nghiệp văn hóa bao gồm nhiều lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật... với những đặc trưng như sản xuất theo cụm, mạng lưới liên kết, thị trường và lao động, chính thể địa bàn đang có tầm quan trọng trong nền kinh tế quốc dân cũng như mẫu hình của ngành kinh tế hiện đại.

Việc phát triển công nghiệp văn hóa ở các nước đang phát triển như Việt Nam đòi hỏi một chiến lược lâu dài và phải đối mặt với những thách thức của toàn cầu hóa. Bên cạnh đó, các FTA mới có tiềm năng mang lại ưu đãi cho việc sáng tạo giá trị và nâng cấp các ngành công nghiệp văn hóa trong nước thông qua (i) thu hút FDI và các tác động lan tỏa; (ii) ngành sản xuất trong nước nâng cấp từ sự chủ động tham gia vào GVCs, và sau đó, sự tham gia vào GVCs sẽ chuyển thành phát triển bền vững; và (iii) tái cấu trúc chuỗi giá trị trong nước nhằm tăng cường giá trị gia tăng nội địa và dịch chuyển lên nấc thang cao hơn trong chuỗi giá trị. Do đó, từ những tác động của FTA cũng như đặc điểm của ngành công nghiệp văn hóa đã phân tích vẫn nhận thấy những triển vọng to lớn cho việc phát triển ngành ở các đô thị lớn của Việt Nam như Hà Nội, TP.Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Đà Lạt, Nha Trang, Huế...

#### **4. Kết luận**

Toàn cầu hóa biểu hiện thông qua tự do hóa thương mại, ký kết hiệp định thương mại tự do đóng vai trò ngày càng quan trọng trong tiến trình thúc đẩy phát triển kinh tế ở các nước đang phát triển. Những cơ hội/lợi ích to lớn mà FTA mang lại song hành với những thách thức có nguồn gốc nội tại và ngoại sinh đòi hỏi các quốc gia cần có chiến lược thích hợp để tận dụng và ứng phó.

Trong bối cảnh tự do hóa thương mại, việc xác định ngành chủ lực để tận dụng tốt nhất những cơ hội luôn là mối quan tâm hàng đầu của các quốc gia như Việt Nam. Bên cạnh những ngành chủ lực có vị trí vững vàng trong chiến lược phát triển kinh tế quốc gia thì việc nhìn nhận những triển vọng cho ngành mới như công nghiệp văn hóa là cần thiết. Những cụm ngành công nghiệp văn hóa có hợp phần và hoạt động khác nhau. Trong đó, một số hợp phần tập trung ở chính thể địa bàn, gắn liền với giới sáng tạo với những mối quan hệ phi thương mại hóa. Điều này vừa tạo nên tính đặc trưng vừa tạo nên tính cạnh tranh của ngành. Và trong sự phát triển nhanh chóng của công nghệ truyền thông, khả năng thuê ngoài đã cải thiện rất nhiều so với trước được nhiều TNC áp dụng tạo ra những dòng chảy đầu tư trực tiếp (FDI) và gián tiếp (FII) đến những nước đang phát triển. Điều đó, gợi mở về việc tận dụng những dòng vốn này để tăng trưởng việc làm cũng như học hỏi kinh nghiệm, phương thức sản xuất các ngành công nghiệp văn hóa thông qua giao tiếp đa văn hóa của các chủ thể tham gia vào quá trình thuê ngoài để cùng với tác động của FTA phát triển vượt bậc công nghiệp văn hóa của Việt Nam trong một tương lai không xa.

### Tài liệu tham khảo

1. Antweiler, W., Copeland, B. R., & Taylor, M. S. (2001). Is Free Trade Good for the Environment? *American Economic Review*, 91(4), 877–908.
2. Đoàn Minh Huân, Nguyễn Ngọc Hà. (2014). Công nghiệp văn hóa. *Tạp Chí Lý Luận Chính Trị*, 2014(12), 1–8.
3. Firebaugh, G., & Goesling, B. (2004). Accounting for the Recent Decline in Global Income Inequality. *American Journal of Sociology*, 110(2), 283–312.
4. Frankel, J. A., & Rose, A. K. (2005). Is Trade Good or Bad for the Environment? Sorting out the Causality. *Review of Economics and Statistics*, 87(1), 85–91.
5. Guillén, M. F. (2001). Is Globalization Civilizing, Destructive or Feeble? A Critique of Five Key Debates in the Social Science Literature. *Annual Review of Sociology*, 27(1), 235–260.
6. Lomborg, B. (2016). The Free-Trade Miracle. *Project Syndicate*. <https://goo.gl/FpneqU>
7. Owen, A. L., & Wu, S. (2007). Is Trade Good for Your Health? *Review of International Economics*, 15(4), 660–682.
8. Trương Thị Kim Chuyên, Châu Ngọc Thái, Hồ Kim Thi. (2016). Công nghiệp văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa: Những gì có thể và không thể dịch chuyển. *Tạp Chí Văn Hóa và Nguồn Lực*, 3(7), 1–12.
9. Tsai, M. C. (2007). Does Globalization Affect Human Well-being? *Social Indicators Research*, 81(1), 103–126.

## MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI XUẤT KHẨU SẢN PHẨM DỆT MAY CỦA VIỆT NAM SAU HAI NĂM THỰC HIỆN HIỆP ĐỊNH EVFTA

*ThS.Vũ Thị Nhung*

Học viện An ninh nhân dân

**Tóm tắt:** Thị trường Liên minh châu Âu (EU) là thị trường nhập khẩu hàng dệt may lớn nhất trên thế giới chiếm khoảng 34% tổng giá trị nhập khẩu dệt may của thị trường thế giới, với tốc độ tăng nhập khẩu bình quân 3%/năm. Đối với nước ta, trong những năm qua, thị trường EU cũng là một trong những thị trường dệt may lớn hàng đầu. Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 diễn biến hết sức phức tạp và ảnh hưởng lớn tới hoạt động xuất nhập khẩu dệt may giữa Việt Nam và EU thì từ khi EVFTA chính thức có hiệu lực (ngày 1/8/2020) đã mở ra những cơ hội về hàng rào thuế quan lớn chưa từng có cho hàng dệt may của nước ta vào thị trường hơn 500 triệu dân này. Tuy nhiên, EVFTA cũng là một cú hích lớn cho ngành dệt may Việt Nam, bởi những cơ hội đó chỉ thực sự đến được với các doanh nghiệp xuất khẩu dệt may khi các doanh nghiệp này biết tận dụng những thuận lợi, thực sự nâng tầm cạnh tranh, làm chủ nguồn nguyên liệu và tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng dệt may thế giới. Bài tham luận trên cơ sở phân tích tình hình xuất khẩu dệt may sang EU của Việt Nam trong những năm gần đây từ đó đánh giá những cơ hội và thách thức đối với ngành dệt may nước ta khi xuất khẩu sản phẩm dệt may sang thị trường EU đặc biệt sau hai năm từ khi thực hiện EVFTA- thời kỳ quy tắc xuất xứ trong Hiệp định này chính thức trở thành tiêu chí đặt ra đối với các sản phẩm dệt may của Việt Nam khi xuất sang thị trường EU. Đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả xuất khẩu các sản phẩm dệt may của nước ta sang thị trường EU sau hai năm thực thi Hiệp định này.

### 1. Đặt vấn đề

Hiệp định EVFTA đã được Nghị viện Châu Âu thông qua vào ngày 12/2/2020 và chính thức có hiệu lực kể từ ngày 1/8/2020. Đây là một Hiệp định có ý nghĩa rất quan trọng trong việc mở ra cơ hội thúc đẩy xuất khẩu cho ngành dệt may, đặc biệt trong bối cảnh ngành dệt may đã chịu tác động không nhỏ của cuộc chiến thương mại Mỹ-Trung (tính từ thời điểm chiến tranh thương mại tới thời điểm Hiệp định có hiệu lực) và bây giờ là sau 3 năm cả thế giới đối mặt với đại dịch Covid-19. Và đến nay, sau hai

năm thực thi Hiệp định, đây là thời điểm hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam sang EU mặc dù được phép lựa chọn áp dụng một trong hai mức thuế ưu đãi từ GSP hoặc Hiệp định EVFTA, tuy nhiên phải đáp ứng quy định về quy tắc xuất xứ trong Hiệp định EVFTA. Vậy, việc nghiên cứu tình hình xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang EU cũng như chỉ ra những cơ hội và thách thức đối với hoạt động xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam trong giai đoạn này. Và từ đó, đưa ra những giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động xuất khẩu sản phẩm dệt may của Việt Nam khi xuất khẩu những sản phẩm đó sang thị trường EU đặc biệt sau hai năm thực thi Hiệp định EVFTA là điều hết sức có ý nghĩa.

## **2. Tình hình xuất khẩu dệt may của Việt Nam sang thị trường EU trong những năm gần đây**

Liên minh Châu Âu gọi tắt là EU hiện nay với 27 quốc gia thành viên, có quy mô dân số hơn 500 triệu người, GDP đạt 18.292 tỷ USD năm 2019, chiếm 22% GDP toàn cầu (Đức Anh & cộng sự, 2020). EU hiện là thị trường nhập khẩu hàng dệt may lớn nhất, chiếm 34% tổng nhập khẩu hàng dệt may thế giới với nhu cầu hàng dệt may tăng 3%/năm. Nhưng EU cũng là nước xuất khẩu dệt may đứng thứ hai thế giới, chỉ sau Trung Quốc, chiếm 24% kim ngạch dệt may thế giới. Với mức tiêu thụ hộ gia đình gần 500 tỷ Euro, EU được đánh giá là thị trường có dung lượng lớn nhất thế giới và còn nhiều tiềm năng cho các sản phẩm dệt may (Bộ Công thương, 2020). Thị trường EU có nhu cầu tiêu dùng hàng dệt may rất đa dạng và chú trọng nhiều đến giá cả, tính thời trang, chất lượng... Đồng thời, thị trường này ngày càng quan tâm đến các sản phẩm mang yếu tố bảo vệ môi trường phát triển bền vững. Các nước thành viên EU nhập khẩu hàng dệt may từ các nước đang phát triển và tái xuất khẩu cho các quốc gia khác trong khối EU. Mặt hàng dệt may các nước EU xuất nhập khẩu nội khối chiếm tỷ trọng khá lớn, khoảng 40% tổng nhập khẩu của khối thị trường này. Khoảng 60% còn lại đến từ các nước ngoài khối, chủ yếu là các nước đang phát triển, điển hình như: Trung Quốc, Việt Nam, Bangladesh, Campuchia, Pakistan (Bộ Công thương, 2021).

Trong số các quốc gia đang phát triển xuất khẩu các sản phẩm dệt may sang thị trường EU thì các quốc gia như Bangladesh, Campuchia hay Pakistan đều có lợi thế vượt trội về ưu đãi thuế nhập khẩu so với Việt Nam khi xuất khẩu vào EU. Đặc biệt là Bangladesh và Campuchia được hưởng chế độ miễn thuế nhập khẩu theo chương trình EBA, và Pakistan thì được miễn thuế nhập khẩu theo “Chương trình GSP+”. Còn Việt



Nam chỉ được hưởng “GSP tiêu chuẩn - Standard GSP” ở mức 9,6%. Như vậy, cuộc cạnh tranh trong nhóm các nước đang phát triển khi xuất khẩu các sản phẩm dệt may vào EU khá quyết liệt. Việc áp dụng các chế độ ưu đãi thuế quan GSP+ và EBA giúp các quốc gia được hưởng có lợi thế cạnh tranh lớn về giá so với Việt Nam. Điều này cũng là một trong những nguyên nhân khiến thị phần xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam trên thị trường EU trước khi thực thi Hiệp định thường duy trì quanh mức 2-3%. Cụ thể, năm 2019, Việt Nam hiện chỉ chiếm khoảng 2,2% thị phần tổng kim ngạch nhập khẩu dệt may vào EU và khoảng 4,15% tổng thị phần nhập khẩu ngoài khối (Đức Anh & cộng sự, 2020).

Còn đối với Việt Nam, EU là thị trường dệt may lớn thứ 2, chiếm 16,3% tổng kim ngạch năm 2019. Trong số các thành viên của EU, riêng 4 thị trường lớn là Đức, Hà Lan, Pháp, Tây Ban Nha và Bỉ thường chiếm gần 70% giá trị xuất khẩu dệt may của Việt Nam sang EU. Trong 5 thị trường xuất khẩu dệt may lớn nhất của Việt Nam thì EU là thị trường có quy mô lớn nhất về nhu cầu tiêu thụ, hơn 250 tỷ USD và tốc độ tăng trưởng kép hàng năm của tổng cầu (CAGR) trong 5 năm 2015-2019 cao thứ 2, đạt 3% chỉ sau thị trường Hàn Quốc. Tuy nhiên tỷ trọng xuất khẩu dệt may vào EU trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam trong giai đoạn này giảm từ 17,1% năm 2015 xuống 16,3% năm 2019.

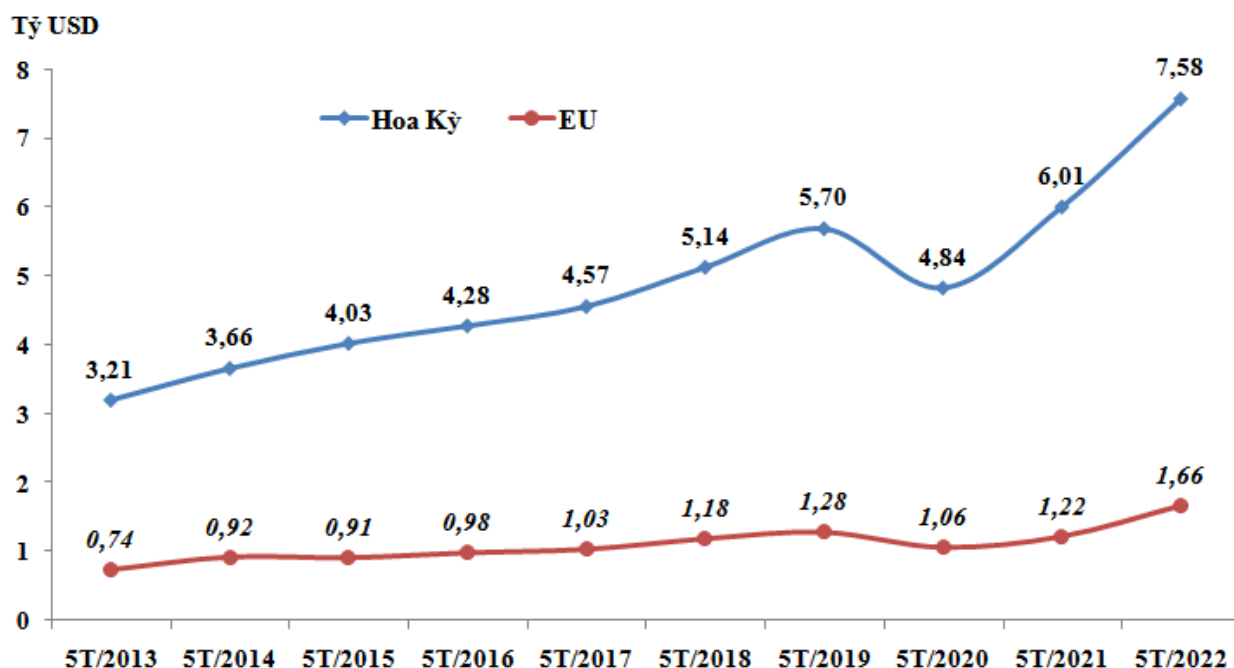
Hiệp định EVFTA đã được Nghị viện Châu Âu thông qua vào ngày 12/2/2020 và chính thức có hiệu lực từ ngày 1/8/2020, có ý nghĩa rất quan trọng trong việc mở ra cơ hội thúc đẩy xuất khẩu cho ngành dệt may Việt Nam sang thị trường EU. Với Hiệp định EVFTA, 100% các mặt hàng dệt may của Việt Nam sẽ được giảm thuế nhập khẩu về 0% sau tối đa 7 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực. Cụ thể, theo thống kê của Bộ Công Thương đối với mặt hàng dệt may, EU sẽ xóa bỏ thuế quan với 77,3% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sau 5 năm và 22,7% kim ngạch còn lại sẽ được xóa bỏ sau 7 năm (Bộ Công thương, 2020). Theo đó, trước hết, lợi ích EVFTA đem lại là vượt trội so với cơ chế GSP mà Việt Nam đang được hưởng. Hay nói cách khác, lợi thế cạnh tranh về thuế của các quốc gia cạnh tranh như Bangladesh, Campuchia, Pakistan sẽ không còn trong thời gian tới. Cùng với lợi ích về xóa bỏ thuế quan, EVFTA với quy tắc xuất xứ yêu cầu “từ vải trở đi” kết hợp với yêu cầu “từ sợi trở đi” của Hiệp định CPTPP sẽ tiếp tục thúc đẩy việc hình thành chuỗi sản xuất khép kín từ thượng nguồn đến cắt may thành phẩm, nâng cao giá trị gia tăng cho ngành và giảm dần phụ

thuộc việc nhập khẩu nguyên phụ liệu bên ngoài. Ngoài việc hưởng lợi thế về thuế suất, Hiệp định này còn hứa hẹn mang lại cho doanh nghiệp dệt may Việt Nam cơ hội nhập khẩu máy móc chất lượng cao, tiếp cận nguồn nguyên liệu đạt chuẩn tại EU. Như vậy, trong dài hạn EVFTA sẽ mang lại lợi ích về mọi mặt cho ngành dệt may Việt Nam.

Những lợi ích mà EVFTA mang lại cho ngành dệt may Việt Nam từ khi EVFTA có hiệu lực tới nay được thể hiện thông qua sự tăng trưởng của kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may của nước ta sang EU. Cụ thể như sau: Trước những tác động của đại dịch Covid-19, xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang EU những tháng đầu năm 2020 giảm mạnh. 7 tháng đầu năm 2020, kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang EU đạt 1,68 tỷ USD, giảm 15,98% so với cùng kỳ năm 2019. Mặc dù tình hình kinh tế trong nước và thế giới có những biến động phức tạp, khó lường dưới tác động của đại dịch Covid-19, dệt may là một trong những ngành hàng chịu thiệt hại trực tiếp lớn nhất, nhưng kể từ tháng 8 năm 2020 (thời điểm Hiệp định EVFTA bắt đầu có hiệu lực) đã góp phần thúc đẩy các doanh nghiệp dệt may nước ta vượt lên khó khăn, giá trị kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này bắt đầu cải thiện và tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tốt trong năm 2020 và 2021. Cụ thể, năm 2020 kim ngạch xuất khẩu sản phẩm dệt may của Việt Nam sang EU đạt 3,07 tỷ USD (Đỗ Thị Bích Thủy, 2020). Còn năm 2021, kim ngạch xuất khẩu dệt may của Việt Nam sang thị trường EU đạt 3,7 tỷ USD, tăng 14% (Bộ Công thương, 2021). Đặc biệt, trong 5 tháng đầu năm 2022, giá trị kim ngạch xuất khẩu sản phẩm dệt may của nước ta sang thị trường EU tăng mạnh, đạt mức 1,66 tỷ USD tăng 36,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, xuất khẩu hàng dệt may sang Đức đạt 409 triệu USD, tăng tới 44% và sang Hà Lan đạt 376 triệu USD, tăng 43%,... (Tổng cục Hải Quan, 2022).

Sự thay đổi rõ trong bức tranh xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang EU kể từ khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực được thể hiện rõ qua biểu đồ trị giá xuất khẩu hàng dệt may sang Hoa Kỳ và EU trong giai đoạn 5 tháng từ năm 2013 đến năm 2022 cụ thể như sau:

**Biểu đồ 1: Trị giá xuất khẩu hàng dệt may sang Hoa Kỳ và EU trong giai đoạn 5 tháng/2013-5 tháng/2022**



Nguồn: Tổng cục Hải quan (2022)

Qua biểu đồ trên, ta có thể thấy rõ, nhờ những lợi ích mà Hiệp định EVFTA mang lại mà kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may Việt Nam trong hai năm qua đạt tốc độ tăng trưởng vượt bậc. Cụ thể: Trong 5 tháng đầu năm 2021 xuất khẩu hàng dệt may sang EU đạt 1,22 tỷ USD, tăng 13,11% so với cùng kỳ năm 2020. Và 5 tháng đầu năm 2022 đạt 1,66 tỷ USD, tăng 36,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong hai năm này, do chịu tác động của dịch Covid-19, cùng với xu thế chung của thị trường thế giới, xu thế tiêu dùng hàng dệt may của thị trường EU đã thay đổi rất nhiều. Các mặt hàng veston, áo Jacket, sơ my, quần âu... suy giảm mạnh nhất, do đó xuất khẩu các mặt hàng này của Việt Nam sang EU cũng bị ảnh hưởng nặng nề nhất.

Mặc dù hoạt động xuất khẩu các mặt hàng dệt may của nước ta sang EU đã có những phục hồi nhất định, nhưng vẫn còn ở mức thấp so với năng lực sản xuất cũng như khả năng tiêu thụ của thị trường EU. EVFTA có hiệu lực từ tháng 8 năm 2020, nhưng trong những năm đầu EVFTA có hiệu lực, thuế suất cơ sở đối với mặt hàng dệt may là 12% (cao hơn so với mức thuế suất GSP là 9,6%). 100% các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam (trong đó có các sản phẩm dệt may) sẽ được hưởng thuế suất bằng 0% tối đa sau 7 năm từ khi Hiệp định có hiệu lực (Bộ Công thương, 2020). Tuy nhiên những mặt hàng này phải đáp ứng quy tắc xuất xứ hai công đoạn của Hiệp định. Theo đó, trong ngắn hạn, quy tắc xuất xứ của Hiệp định này là một thách thức đối với ngành

dệt may Việt Nam để được hưởng những ưu đãi trong Hiệp định EVFTA. Tính đến thời điểm hiện nay, quy tắc xuất xứ hai công đoạn yêu cầu “từ vải trở đi” được đánh giá là chặt chẽ hơn nhiều so với Hiệp định ATGA hay các Hiệp định “ASEAN +” mà Việt Nam đang tham gia. Có thể nói, EVFTA đã đánh trúng vào điểm yếu của ngành dệt may Việt Nam. Bởi sản xuất nguyên phụ liệu ngành dệt may chưa bao giờ là thế mạnh của chúng ta. Cho đến hiện nay ngành dệt may của nước ta vẫn chưa chủ động được nguồn cung nguyên liệu. Điển hình, năm 2019, kim ngạch xuất khẩu của dệt may Việt Nam đạt hơn 39 tỷ USD nhưng nhập khẩu nguyên phụ liệu chiếm tới 22,36 tỷ USD (Bộ Công thương, 2020). Điều này cũng phản ánh sự mất cân đối trong chuỗi toàn cầu khi chúng ta chủ yếu tham gia vào công đoạn cắt may thuê là chủ yếu. Nhưng ngay cả khi doanh nghiệp ngành dệt may có chủ động mua nguyên liệu trong nước thì giá mua nguyên liệu trong nước cũng cao hơn so với vải nhập khẩu khiến lợi ích cắt giảm thuế quan chưa đủ bù đắp để giảm giá bán cạnh tranh với các quốc gia khác. Bởi để đáp ứng đủ vải chất lượng cao phục vụ xuất khẩu vào EU thì các doanh nghiệp phải đầu tư các trang thiết bị hiện đại, chiếm nguồn vốn lớn, hiệu quả hoạt động không cao.

Mặc dù EU đã dành cho Việt Nam cơ chế linh hoạt đối với quy tắc hai công đoạn này đó là quy tắc cộng gộp mở rộng với các nước đối tác chung của Việt Nam và EU. Theo đó, các nhà sản xuất Việt Nam được phép sử dụng vải nhập khẩu từ một nước thứ ba đã có FTA với EU, chẳng hạn là Hàn Quốc hoặc Nhật Bản. Tuy nhiên, nó cũng sẽ mất đi tính chủ động trong sản xuất các sản phẩm dệt may của Việt Nam. Đồng thời, giá vải từ hai nước này không hề rẻ (cao hơn nhiều so với vải nhập khẩu từ Trung Quốc và Đài Loan). Thậm chí, ngay cả khi thuế suất về 0% thì việc nhập khẩu vải từ Hàn Quốc cũng không đạt hiệu quả kinh tế. Điều này khiến các doanh nghiệp ngành dệt may của nước ta gặp trở ngại trong việc tận dụng thuế suất ưu đãi. Bên cạnh đó, việc nhập khẩu vải từ Hàn Quốc thì chủng loại cũng không phong phú, điều này gây suy giảm sức cạnh tranh của sản phẩm từ giá của Việt Nam. Vì vậy, nếu không chủ động nguồn cung, các doanh nghiệp Việt Nam không thể tận dụng được những ưu đãi từ Hiệp định EVFTA mà nó sẽ chỉ có lợi cho doanh nghiệp của EU mà thôi.

Bên cạnh đó, Hiệp định EVFTA đề cao tính minh bạch và trung thực. Nếu bên phía EU phát hiện doanh nghiệp dệt may Việt Nam có hành vi cố tình gian dối hoặc vô tình gian dối về nguồn gốc hàng hóa, nguyên phụ liệu theo quy định về quy tắc xuất

xứ, thậm chí hành vi đó không xảy ra vào thời điểm hiện tại, thì bên phía đối tác EU có thể truy ngược lại những đơn hàng trong quá khứ để xác minh nguồn gốc thì cả ngành dệt may sẽ phải chịu những chế tài trừng phạt từ EU. Nếu các doanh nghiệp dệt may Việt Nam hoạt động đơn lẻ rồi đi theo lợi ích cá nhân, thì không chỉ gặp khó khăn khi tham gia vào thị trường EU mà còn tạo ra rủi ro cho cả ngành dệt may của Việt Nam. Đây cũng là một trong những thách thức đối với các doanh nghiệp dệt may nước ta.

#### **4. Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động xuất khẩu sản phẩm dệt may Việt Nam sang thị trường EU sau hai năm thực thi Hiệp định EVFTA**

Theo nghiên cứu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đối với ngành dệt may, dự báo kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may vào EU sẽ tăng khoảng 67% đến năm 2025 so với không có Hiệp định. Về sản lượng, nhìn chung EVFTA có tác động tích cực tới sản lượng với tốc độ tăng 6% (với ngành dệt) và 14% (với ngành may) vào năm 2030 (Bộ Công thương, 2021). Tuy nhiên, sau đại dịch COVID-19, thu nhập của người dân EU bị ảnh hưởng, do vậy họ có xu hướng tiêu dùng một cách thận trọng và quan tâm nhiều hơn tới yếu tố môi trường và trách nhiệm xã hội. Đồng thời, dự báo EU cũng sẽ phải đối mặt với mức độ lạm phát cao, sức mua hàng dệt may có xu hướng sẽ giảm do người tiêu dùng ưu tiên cho mặt hàng thiết yếu, lương thực thực phẩm hơn là thời trang. Trong khi đó, ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch COVID-19 vẫn hiện hữu như đứt gãy chuỗi cung ứng, tắc nghẽn dịch vụ logistics khiến chi phí vận chuyển tăng liên tục, thiếu hụt container rỗng... vẫn chưa được giải quyết. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả hoạt động xuất khẩu hàng dệt may sang thị trường EU, đặc biệt tận dụng những ưu đãi và vượt qua những thách thức sau 2 năm thực thi Hiệp định EVFTA, Việt Nam cần tập trung vào một số giải pháp sau:

##### ***Về phía các cơ quan quản lý***

*Trước hết*, các cơ quan quản lý cần chú trọng phát triển ngành công nghiệp dệt, nhuộm và công nghiệp phụ trợ ngành dệt may để nâng dần tỷ lệ số lượng vải sản xuất trong nước thay thế vải nhập khẩu từ các nước ngoài đảm bảo theo quy tắc xuất xứ theo Hiệp định EVFTA. Theo đó, cần có cơ chế, chính sách ưu đãi về thuế, tiền thuê đất, vốn vay đầu tư thông thoáng để tạo sức hút cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước, tham gia triển khai xây dựng các dự án đầu tư vào dệt, nhuộm, theo quy trình

khép kín. Đồng thời tạo điều kiện sản xuất đảm bảo được về yêu cầu vệ sinh môi trường, trách nhiệm xã hội như; xử lý nước thải tập trung...

*Ngoài ra*, các cơ quan quản lý ngành dệt may cũng cần chú trọng cải cách hành chính nhằm tháo gỡ những thủ tục về xuất nhập khẩu cho doanh nghiệp dệt may khi xuất khẩu các sản phẩm của họ sang thị trường EU, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Đồng thời, hoàn thiện khung pháp lý để đáp ứng quy tắc xuất xứ cũng như các điều kiện về lao động, môi trường, sở hữu trí tuệ... phù hợp với các quy định theo Hiệp định EVFTA.

*Bên cạnh đó*, các cơ quan quản lý nhà nước cần tiến hành và đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, xây dựng các khu triển lãm tầm vóc quốc tế và các khu thương mại mua bán nguyên phụ liệu, các sản phẩm dệt may để các doanh nghiệp dệt may Việt Nam có thể quảng bá các sản phẩm dệt may của mình vào thị trường quốc tế nói chung cũng như vào thị trường EU nói chung, đồng thời đây cũng là kênh để các nhà cung ứng và các nhà sản xuất dễ dàng kết nối nhau, khiến ngành may mặc của Việt Nam liên kết hiệu quả và chặt chẽ. Đặc biệt, trong đó, Hiệp hội dệt may Việt Nam cần có các biện pháp cần hỗ trợ hội viên về cách thức thực hiện EVFTA sao cho tối đa hóa lợi ích nhưng vẫn đảm bảo tính minh bạch, trung thực.

### ***Về phía các doanh nghiệp dệt may***

*Một là*, các doanh nghiệp dệt may cần chủ động nguồn cung nguyên phụ liệu đặc biệt là nguyên phụ liệu chất lượng cao và thân thiện với môi trường.

Để đáp ứng quy tắc xuất xứ “từ vải trở đi”, về lâu dài, các doanh nghiệp dệt may cần trọng tâm xây dựng các nhà xưởng, máy móc để chủ động nguồn nguyên phụ liệu ngay trong nước, để hạn chế việc nhập khẩu nguồn nguyên liệu từ bên ngoài. Đặc biệt, hướng tới xây dựng các nhà máy lớn, với các dây chuyền sản xuất hiện đại, thay vì phát triển nhỏ lẻ. Điều này cũng tạo thế chủ động cho doanh nghiệp dệt may về thời gian giao nhận, tiết kiệm chi phí, tận dụng được những ưu đãi trong Hiệp định EVFTA từ đó nâng cao hiệu quả cao trong hoạt động xuất khẩu các sản phẩm dệt may sang thị trường EU.

Đặc biệt, hiện nay, người tiêu dùng EU thường hạn chế mua những sản phẩm dệt may sản xuất mang tính chất giá rẻ và không chú trọng môi trường. Trong khi đó, nhìn chung, ngành dệt may ở nước ta hiện nay vẫn là ngành ảnh hưởng không tích cực tới môi trường. Các dự án dệt nhuộm tại các địa phương thường vương phải những quan

ngại về vấn đề môi trường. Vì vậy, các doanh nghiệp dệt may phải đầu tư, nhập khẩu công nghệ dệt, nhuộm hiện đại và không ảnh hưởng đến môi trường, để chủ động nguồn cung nguồn nguyên liệu vải chất lượng cao và thân thiện với môi trường.

*Hai là*, doanh nghiệp Việt Nam cần thay đổi phương thức sản xuất theo hướng hiện đại và linh hoạt.

Trong bối cảnh nhu cầu thay đổi sản phẩm thời trang cao và xu hướng cá nhân hoá sản phẩm, việc thay đổi liên tục kiểu dáng và mẫu mã sản phẩm trở nên cần thiết. Hiện nay, người tiêu dùng có thể thiết kế riêng sản phẩm dệt may theo phong cách cá nhân của riêng mình như lựa chọn màu sắc, họa tiết, chất liệu, chiều dài, độ rộng, thiết kế mẫu mã và đặt hàng trực tiếp từ nhà sản xuất. Do đó, doanh nghiệp dệt may Việt Nam cần nhanh chóng thay đổi phương thức sản xuất để bắt kịp xu hướng tiêu dùng mới bằng cách giảm thiểu phương thức sản xuất đại trà để từ đó giảm thiểu quy mô mỗi lô hàng để tránh tồn kho cao. Đồng thời hay vì chờ đợi những đơn hàng lớn, doanh nghiệp cần chú trọng sản xuất đơn hàng nhỏ có tính khác biệt, đặc biệt là thời gian giao hàng nhanh. Đặc biệt, các doanh nghiệp dệt may cần linh hoạt trong sản xuất và quản lý để đáp ứng đa dạng nhu cầu của khách hàng.

*Ba là*, các doanh nghiệp dệt may Việt Nam phải nâng cao chất lượng sản phẩm dệt may cũng như đa dạng hoá các kênh phân phối, quảng bá sản phẩm.

Thời gian tới, EU có xu hướng tăng nhập khẩu hàng may mặc từ thị trường nội khối. Đặc biệt là trong bối cảnh bảo hộ thương mại toàn cầu có dấu hiệu tăng cao và các nguy cơ về dịch bệnh, địa chính trị khiến các kênh phân phối, vận chuyển logistics rủi ro hơn. Điều này càng tạo ra áp lực cạnh tranh lớn hơn đối với các nhà cung cấp hàng dệt may ngoài khối. Do đó, đòi hỏi các doanh nghiệp dệt may Việt Nam phải không ngừng nỗ lực trong việc cải thiện chất lượng, thương hiệu và khả năng thâm nhập tốt các kênh phân phối.

Hơn thế nữa, xu hướng tiêu dùng trên thế giới đối với các sản phẩm qua các kênh bán lẻ truyền thống giảm, theo đó là xu hướng tăng mua sắm qua các phương tiện thương mại điện tử. Nhất là tại các thị trường tiêu thụ sản phẩm dệt may lớn và hiện đại như EU, người tiêu dùng sẽ giảm tiêu thụ sản phẩm qua các cửa hàng bán lẻ truyền thống. Do vậy, doanh nghiệp Việt Nam thời gian tới cũng cần lưu ý phát triển thêm các phương thức bán hàng online để bắt kịp xu hướng.

## 5. Kết luận

Sau hai năm thực thi Hiệp định EVFTA cũng là lúc quy tắc xuất xứ trong Hiệp định này chính thức trở thành một trong những tiêu chí đặt ra đối với các sản phẩm dệt may của nước ta khi xuất khẩu sang thị trường EU. Để tận dụng các ưu đãi của Hiệp định EVFTA, đáp ứng quy tắc xuất xứ, trong thời gian tới các doanh nghiệp dệt may Việt Nam cần chủ động chuyển đổi, đa dạng hóa nguồn cung nguyên phụ liệu trong nước theo đó cần đầu tư bài bản từ nhà xưởng, máy móc công nghệ đến việc đáp ứng các tiêu chuẩn và quy trình quản lý do EU quy định, coi trọng trách nhiệm xã hội, minh bạch thông tin về lao động, môi trường sản xuất. Bên cạnh đó, trong bối cảnh diễn biến nền kinh tế thế giới và trong nước còn nhiều yếu tố biến động khó lường, các doanh nghiệp cần chủ động, tích cực theo dõi diễn biến thị trường để kịp thời điều chỉnh kế hoạch sản xuất cho phù hợp thực tế. Đồng thời, thường xuyên đàm phán, tìm kiếm khách hàng, đơn hàng mới nhằm đảm bảo duy trì sản xuất thường xuyên và ổn định. Và điều quan trọng nhất để nâng cao hiệu quả hoạt động xuất khẩu các sản phẩm dệt may của Việt Nam sang thị trường EU là các doanh nghiệp dệt may cần đầu tư nâng cao giá trị, chất lượng sản phẩm dệt may nhằm củng cố và nâng cao cạnh tranh tại thị trường EU.

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Công thương (2020), Thông tin xuất khẩu vào thị trường EU ngành dệt may, Nxb Công thương.
2. Bộ Công thương (2021), *Ngành dệt may ‘cán đích’ với doanh thu xuất khẩu đạt 39 tỷ USD*, <https://moit.gov.vn/tin-tuc/phat-trien-cong-nghiep/nganh-det-may-can-dich-voi-doanh-thu-xuat-khau-dat-39-ty-usd.html>.
3. Bộ Công thương (2021), Chuyên san EVFTA với thương mại Việt Nam, chuyên ngành: dệt may- giày dép.
4. Đức Anh, Hoàng Lan (2020), Tác động của Hiệp định EVFTA đối với ngành dệt may Việt Nam, Tạp chí Dệt may và thời trang, số 3 năm 2020.
5. Đỗ Thị Bích Thủy (2020), Xuất khẩu dệt may trên đà phục hồi, <https://vioit.org.vn/vn/chien-luoc-chinh-sach/xuat-khau-det-may-tren-da-phuc-hoi-4364.4050.html>
6. Tổng cục hải quan (2022), Tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam tháng 5 và 5 tháng /2022, <https://www.customs.gov.vn/index.jsp?pageId=442&tkId=5283>



# MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY XUẤT KHẨU NÔNG, THỦY SẢN SANG THỊ TRƯỜNG EU TRONG BỐI CẢNH THỰC THI EVFTA

*TS.Đinh Mạnh Tuấn*

**Viện Nghiên cứu Châu Âu**

*ThS.Trần Thị Thảo*

**Khoa Nhân học - Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG.TP.HCM**

**Tóm tắt:** Sau hai năm Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA) có hiệu lực và đi vào thực hiện, một phần nhờ được hưởng mức thuế suất ưu đãi từ Hiệp định này, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nông, thủy sản của Việt Nam vào thị trường EU có xu hướng tăng mạnh. Tuy vậy, là thị trường đòi hỏi tiêu chuẩn cao, các yêu cầu bắt buộc về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm của EU rất khắt khe và không dễ dàng để đáp ứng, nên đòi hỏi Việt Nam phải tiếp tục nỗ lực để có thể duy trì và thúc đẩy xuất khẩu nông, thủy sản sang thị trường EU trong bối cảnh thực thi EVFTA.

## 1. Giới thiệu

Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA) chính thức có hiệu lực từ ngày 1/8/2020, mở ra những cơ hội và triển vọng to lớn đưa quan hệ Việt Nam-EU lên tầm cao mới.

EVFTA bao gồm 17 chương, 02 nghị định thư và một số biên bản ghi nhớ. Bốn lĩnh vực cơ bản của Hiệp định là thương mại hàng hóa; thương mại dịch vụ; đầu tư và sở hữu trí tuệ. Ngoài ra, EVFTA còn thêm một số lĩnh vực khác như quy tắc xuất xứ; cạnh tranh, phát triển bền vững; các vấn đề về phòng vệ thương mại, bán phá giá...

EVFTA được đánh giá là một FTA thế hệ mới toàn diện, chất lượng cao, và cũng là FTA đầu tiên của EU ký kết với một quốc gia có mức thu nhập trung bình.

Việc ký kết và thực thi EVFTA và EVIPA đưa Việt Nam trở thành đối tác hàng đầu của EU trong ASEAN và là một trong những nước châu Á-Thái Bình Dương mà EU có quan hệ sâu rộng nhất cả về chính trị, kinh tế, thương mại, hợp tác phát triển, môi trường, năng lượng bền vững và an ninh quốc phòng<sup>1</sup>.

---

<sup>1</sup> Hà Chính (2020), “EVFTA có hiệu lực từ 1/8: Cột mốc trọng đại”, <https://baochinhphu.vn/evfta-co-hieu-luc-tu-1-8-cot-moc-trong-dai-102276682.htm>

EVFTA mở ra cơ hội cho nhiều mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam, trong đó có nhóm mặt hàng nông, thủy sản. Đây là những mặt hàng xuất khẩu mà Việt Nam được hưởng nhiều ưu đãi từ EVFTA, có kim ngạch xuất khẩu vào thị trường EU tăng mạnh trong thời gian gần đây, nhưng cũng những mặt hàng mà thị trường EU đòi hỏi tiêu chuẩn cao và phải đối mặt với nhiều thách thức.

## **2. Cơ hội và thách thức đối với xuất khẩu nông, thủy sản của Việt Nam sang thị trường EU**

### **2.1. Cơ hội**

Việc ký kết EVFTA mở ra nhiều cơ hội cho hàng hóa Việt Nam xuất khẩu sang thị trường các nước EU, thị trường tiêu dùng lớn thứ hai thế giới với tầng lớp trung lưu đông đảo và nhu cầu tiêu dùng cao. Điều này mang đến những cơ hội cho Việt Nam khi hiện nay, mới chỉ hơn 42% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU được hưởng mức thuế 0% theo Chương trình ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP).

EVFTA có hiệu lực và đi vào thực hiện, ngoại trừ một số ít mặt hàng áp dụng hạn ngạch thuế quan, các mặt hàng nông, thủy sản chủ chốt của Việt Nam vào EU đều được hưởng mức thuế suất ưu đãi ngay sau khi EVFTA có hiệu lực. Đây là một lợi thế cạnh tranh rất lớn so với các mặt hàng nông, thủy sản của các nước ở Châu Á (vì có nhiều mặt hàng tương đồng), đặc biệt với hai thị trường nông sản lớn là Thái Lan và Trung Quốc, do chưa có hiệp định thương mại tự do với EU.

Được thực thi ngay trong giai đoạn Việt Nam nỗ lực phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh sau dịch COVID-19, EVFTA mang lại cơ hội lớn cho xuất khẩu các mặt hàng nông, thủy sản của Việt Nam sau một thời gian phải đối mặt với sự sụt giảm trong hoạt động thương mại quốc tế, doanh nghiệp bị thiếu nguyên liệu chế biến, vận tải và thanh toán khó khăn...

EVFTA là một bước tiến giúp Việt Nam tham gia sâu rộng hơn vào chuỗi giá trị, mạng lưới sản xuất toàn cầu, là động lực giúp đẩy mạnh tái cơ cấu, nâng cao năng lực cạnh tranh nông, thủy sản của nước ta thông qua chất lượng sản phẩm, truy xuất nguồn gốc, quy cách đóng gói..., góp phần đưa hàng hóa nông, thủy sản của Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị và mạng lưới cung ứng toàn cầu<sup>2</sup>.

---

<sup>2</sup> Lê Phương (2020), “EVFTA: Thúc đẩy ngành nông nghiệp đẩy mạnh tái cơ cấu”, <https://quochoi.vn/hoatdongcuaquochoi/cackyhoppquochoi/quochoikhoaXIII/Pages/danh-sach-ky-hop.aspx?ItemID=47098&CategoryId=0>

Trong bối cảnh hiện nay, khi nguy cơ bùng phát trở lại của đại dịch Covid-19 vẫn còn, trong khi kinh tế toàn cầu đang tăng trưởng chậm lại, yêu cầu xây dựng chuỗi cung ứng có trách nhiệm, an toàn ngày càng trở nên quan trọng. Vì vậy, EVFTA được đánh giá là nền tảng quan trọng để Việt Nam hoàn thiện quy trình sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh xây dựng chuỗi cung ứng có trách nhiệm và an toàn, nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng và vệ sinh an toàn mà thị trường EU đòi hỏi<sup>3</sup>.

EVFTA cũng tạo điều kiện cho ngành nông nghiệp, thủy sản Việt Nam nhập khẩu máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, chế biến hoặc nguyên phụ liệu từ các nước EU với giá hợp lý hơn; nhập khẩu, chuyển giao công nghệ thuận lợi hơn; thủ tục chứng nhận xuất xứ, thủ tục hải quan; thủ tục khiếu nại, xử lý vướng mắc TBT (các rào cản kỹ thuật đối với thương mại), SPS (các biện pháp vệ sinh dịch tễ) thuận lợi và nhanh hơn, minh bạch hơn; tiếp cận với các dịch vụ sản xuất tốt hơn về tài chính, bảo hiểm, logistics...; tiếp cận các kênh phân phối thuận lợi hơn...<sup>4</sup> Đồng thời, doanh nghiệp xuất khẩu các mặt hàng này của Việt Nam cũng có thêm cơ hội tiếp cận, tiến hành trao đổi mua bán với những thị trường khác có thỏa thuận thương mại tự do với EU, có thêm một nguồn nhập khẩu với giá cả hợp lý và chất lượng tốt hơn.

EVFTA đồng thời cũng mở ra cơ hội lớn cho ngành nông nghiệp và thủy sản Việt Nam tiếp cận với khoa học kỹ thuật tiên bộ hiện đại, giúp nâng cao chất lượng của sản phẩm xuất khẩu. Thông qua EVFTA, Việt Nam có thể tăng cường thu hút vốn đầu tư của EU vào nuôi trồng, khai thác và chế biến thủy sản, tiếp cận khoa học kỹ thuật hiện đại qua hợp tác chuyển giao công nghệ, cung cấp máy móc chế biến, học hỏi các mô hình nuôi trồng, những kinh nghiệm trong quản lý, chế biến và bảo quản sản phẩm.

## **2.2. Thách thức**

Bên cạnh việc mang lại nhiều cơ hội, EVFTA cũng được đánh giá là tiếp tục đặt ra nhiều thách thức đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam, trong đó có hàng nông, thủy sản.

Trước tiên, theo các cam kết kèm theo của EVFTA, yêu cầu về quy tắc nguồn gốc xuất xứ của EU cũng rất chặt chẽ, đòi hỏi Việt Nam phải đáp ứng được yêu cầu về

<sup>3</sup> Bộ Công Thương (2020), “EVFTA thúc đẩy doanh nghiệp tham gia chuỗi giá trị toàn cầu”, <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/evfta-thuc-day-doanh-nghiep-tham-gia-chuoi-gia-tri-toan-cau.html>

<sup>4</sup> Văn Thọ (2020), “Hiệp định EVFTA được phê chuẩn, cơ hội cho xuất khẩu thủy sản”, <https://tongcucthuy-san.gov.vn/vi-vn/tin-t%E1%BB%A9c/-tin-v%E1%BA%AFn/doc-tin/014562/2020-05-29/hiiep-dinh-evfta-duoc-phe-chuan-co-hoi-cho-xuat-khau-thuy-san>

giới hạn tỷ lệ % tối đa được phép của nguyên liệu nhập khẩu. Các mặt hàng muốn được hưởng ưu đãi thuế quan thì nguyên liệu phải đáp ứng được hàm lượng nội khối nhất định (nguyên liệu có xuất xứ tại EU hoặc Việt Nam).

So với các FTA mà Việt Nam đang thực thi, quy định về quy tắc xuất xứ hàng hoá đối với hàng nông, thủy sản trong EVFTA được đánh giá là chặt chẽ hơn khi tiêu chí xuất xứ hàng hoá áp dụng chủ yếu là xuất xứ thuần túy (Wholly obtained - WO).

Điều này có nghĩa là thủy sản thô, sơ chế và thủy sản chế biến xuất khẩu của Việt Nam được coi là có xuất xứ theo EVFTA khi nguyên liệu thủy sản dùng trong quá trình sản xuất có xuất xứ thuần túy từ Việt Nam (được sinh ra hoặc nuôi dưỡng, đánh bắt và chế biến hoàn toàn tại Việt Nam), không được phép nhập khẩu từ nước thứ ba ngoài Hiệp định.

Còn đối với hàng hóa nông sản, tiêu chí xuất xứ chủ yếu áp dụng trong EVFTA cũng là xuất xứ thuần túy, theo đó hàng hoá được trồng, được sinh ra và nuôi dưỡng, được thu hoạch hoặc thu lượm hoặc thu được từ giết mổ động vật, săn bắn tại Việt Nam sẽ được coi là có xuất xứ theo EVFTA. Ngoài tiêu chí xuất xứ thuần túy, hàng nông sản cũng được coi là có xuất xứ theo EVFTA khi đáp ứng các tiêu chí hàng hoá cụ thể tại danh mục Quy tắc cụ thể mặt hàng<sup>5</sup>. Bên cạnh đó, EVFTA cũng giới hạn tỷ lệ sử dụng các nguyên liệu từ bơ, trứng, sữa và đường từ nước thứ ba ngoài lãnh thổ Hiệp định trong việc sản xuất hàng nông nghiệp.

Ngoài ra, trong bối cảnh thương mại thế giới đang có nhiều diễn biến phức tạp, xu hướng bảo hộ thương mại ngày càng gia tăng, các quy định về truy xuất nguồn gốc của EU đối với hàng hóa nhập khẩu cũng có xu hướng ngày càng chặt chẽ và khắt khe hơn. Trong khi đó, nguy cơ hàng Việt Nam bị “mượn danh” xuất khẩu sang EU cũng tăng lên, nếu không có những giải pháp ngăn chặn và xử lý hiệu quả, điều này có thể dẫn tới việc hàng hóa của Việt Nam bị khởi xướng các cuộc điều tra và hệ lụy thu hẹp thị trường, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh trực tiếp của các doanh nghiệp và cả ngành hàng xuất khẩu.

Một vấn đề khác là EVFTA không có nhiều cam kết mới về các biện pháp phi thuế như các biện pháp kiểm dịch động thực vật (SPS) hay các rào cản kỹ thuật với thương mại (TBT). Hầu hết các cam kết về SPS và TBT trong EVFTA đều chỉ khẳng

---

<sup>5</sup> Bộ Công Thương (2022), “Xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang thị trường EU thông qua việc sử dụng C/O mẫu EUR.1”, <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/xuat-khau-nong-san-cua-viet-nam-sang-thi-truong-eu-thong-qua-viec-su-dung-c-o-mau-eur.1.html>

định lại các nghĩa vụ theo Hiệp định SPS và TBT của WTO. Do đó, EVFTA không giúp hạn chế các rào cản phi thuế của EU với hàng xuất khẩu Việt Nam.

Tuy nhiên, các yêu cầu bắt buộc về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm của EU rất khắt khe và không dễ để đáp ứng. Dịch COVID-19 cũng khiến người tiêu dùng chú trọng hơn đến sức khỏe và ngày càng quan tâm nhiều hơn đến nguồn gốc thực phẩm. Do đó, các cơ chế đảm bảo về quy trình sản xuất và xuất xứ của các sản phẩm thực phẩm như nông, thủy sản ngày càng trở nên quan trọng. Trong khi đó, tại Việt Nam, phương thức nuôi trồng và thực tiễn sản xuất vẫn còn nhiều thiếu sót, chưa phù hợp để đáp ứng được các biện pháp kiểm dịch nghiêm ngặt. Để đáp ứng được các tiêu chuẩn, tuân thủ các quy trình theo chuẩn quốc tế đòi hỏi các doanh nghiệp phải điều chỉnh hoạt động sản xuất hoặc phương pháp sản xuất, áp dụng công nghệ tiên tiến..., dẫn tới chi phí tuân thủ bị gia tăng, tạo ra một áp lực về tài chính cho các doanh nghiệp Việt Nam.

Bên cạnh những thách thức nêu trên, việc thực thi EVFTA cũng đặt ra một số thách thức khác đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam, trong đó có các sản phẩm nông, thủy sản xuất khẩu.

*Về sở hữu trí tuệ:* Đây là yêu cầu đặt lên hàng đầu từ phía EU, trong khi tại Việt Nam, hiện tượng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ vẫn còn khá phổ biến. Một trong những nguyên nhân khiến các vụ việc vi phạm sở hữu trí tuệ vẫn diễn ra thường xuyên là do các doanh nghiệp Việt Nam chưa quan tâm nhiều đến vấn đề sở hữu trí tuệ, bảo vệ thương hiệu của mình. Doanh nghiệp Việt Nam chỉ chú trọng tới số lượng xuất khẩu các sản phẩm của mình, mà chưa thực sự quan tâm đến xây dựng thương hiệu, nên nhiều sản phẩm xuất khẩu vẫn chủ yếu dưới dạng thô, dù xuất đi sản lượng lớn, chất lượng cao nhưng lợi ích kinh tế mang lại thấp. Ngoài ra, chi phí bảo hộ tốn kém cũng là một vấn đề ảnh hưởng đến quyết định đăng ký bảo hộ của doanh nghiệp.

*Về sử dụng lao động:* Dù có nhiều nỗ lực nhưng tại các doanh nghiệp Việt Nam vẫn tồn tại vướng mắc khi áp dụng các tiêu chuẩn lao động. Những vướng mắc phổ biến liên quan đến: người lao động làm thêm quá số giờ quy định, quy định về nghỉ tuần, nghỉ lễ, môi trường làm việc, vệ sinh an toàn lao động, quyền tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đầy đủ, quyền được hỗ trợ của lao động nữ nơi làm việc và nuôi con nhỏ....

*Về bảo vệ môi trường:* EU là nhóm các quốc gia châu Âu phát triển, có yêu cầu rất cao, nghiêm ngặt về tiêu chuẩn, chất lượng, an toàn về môi trường đối với hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài. Đối với hàng hóa và về vấn đề môi trường, EU đưa ra các quy định chặt chẽ về tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan như sản phẩm phải được gắn nhãn CE (nhãn hiệu bắt buộc đối với hàng hóa (theo quy định) và được coi như hộ chiếu thương mại vào thị trường EU) mới được coi là đáp ứng các quy định về an toàn và môi trường, được lưu hành trên thị trường EU. Hiện nay, EU ngày càng quan tâm nhiều hơn đến các yếu tố thể hiện mức độ thân thiện với môi trường của sản phẩm và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong các hoạt động thương mại hàng hóa, dịch vụ<sup>6</sup>. Theo đó, những vấn đề liên quan lĩnh vực này mà Việt Nam cần tuân thủ khi xuất khẩu hàng hóa sang EU, đó là: Đa dạng sinh học và sinh vật ngoại lai; biến đổi khí hậu; bảo vệ tầng ô zôn; đánh bắt hải sản; hàng hóa và dịch vụ môi trường; trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp; cơ chế tự nguyện bảo vệ môi trường; gắn nhãn sinh thái lên hàng hóa xuất khẩu...

### **3. Một số giải pháp thúc đẩy xuất khẩu nông, thủy sản của Việt Nam sang thị trường EU**

Trong thời gian tới, để tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi, thúc đẩy xuất khẩu nông, thủy sản của Việt Nam sang thị trường EU trong bối cảnh thực thi định EVFTA, các cơ quan quản lý Nhà nước và bản thân các doanh nghiệp Việt Nam cần thực hiện một số giải pháp sau:

*Thứ nhất*, các doanh nghiệp cần chú ý đảm bảo đáp ứng đầy đủ quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm, về chất lượng cũng như nguồn gốc xuất xứ từ Việt Nam để tránh bị điều tra hoặc bị áp dụng những hình thức phòng vệ thương mại khi xuất hàng vào EU. Doanh nghiệp cũng phải tìm hiểu, nắm bắt rõ thông tin về thị trường, từ thị hiếu người tiêu dùng cho đến những quy định, tiêu chuẩn, an toàn vệ sinh thực phẩm,... để từ đó gia tăng chất lượng hàng hóa, chinh phục các thị trường. Đồng thời, cơ quan quản lý cần thiết lập các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc rõ ràng, đồng nhất, thực thi đồng bộ ở phạm vi toàn quốc theo các tiêu chuẩn toàn cầu; phát triển và ứng dụng các thực tiễn quốc tế tốt trong sản xuất các sản phẩm nông, thủy sản, thực phẩm...

---

<sup>6</sup> Hoàng Xuân Huy (2020), “Tăng cường tính tự nguyện và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp theo các quy tắc quốc tế của Hiệp định thương mại tự do”, <http://tapchimoitruong.vn/moi-truong-va-cong-dong-84/Tang-cuong-tinh-tu-nguyen-va-trach-nhiem-xa-hoi-cua-doanh-nghiep-theo-cac-quy-tac-quoc-te-cua-Hiep-dinh-thuong-mai-tu-do-20345>

Trong tương lai, quy định của EU quản lý sản xuất lương thực cũng như nhập khẩu lương thực dự kiến sẽ củng cố các điều khoản về tính bền vững. Đồng thời, theo thời gian, EU sẽ thắt chặt hơn việc sử dụng các tiêu chuẩn thực hành sản xuất có trách nhiệm với xã hội và môi trường đối với nhiều sản phẩm nhập khẩu vào EU. Do đó, các doanh nghiệp Việt Nam cần tuân thủ các quy định bắt buộc của thị trường cũng như đáp ứng các nhu cầu bổ sung, xây dựng và áp dụng các chính sách về tiêu chuẩn môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, lao động, sản xuất bền vững, trách nhiệm xã hội, sở hữu trí tuệ... phù hợp với điều kiện trong nước và tiêu chuẩn quốc tế, tăng cường chế biến để tạo giá trị gia tăng và tận dụng tốt nhất ưu đãi thuế quan của EVFTA đối với nông, thủy sản đã qua chế biến.

*Thứ hai*, cần có các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp hơn nữa về xúc tiến thương mại và cung cấp thông tin thị trường thông qua phát triển hệ thống thông tin thị trường, tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại, tăng cường công tác phân tích, dự báo thị trường và nghiên cứu, ban hành các chính sách tạo thuận lợi cho doanh nghiệp nghiệp tổ chức thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại, tham gia hiệu quả vào chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị đối với các hàng hóa, đẩy mạnh các hoạt động phối hợp với các sàn thương mại điện tử lớn để hỗ trợ doanh nghiệp thúc đẩy xuất khẩu thông qua thương mại điện tử.

*Thứ ba*, tăng cường công tác cảnh báo và tháo gỡ những khó khăn từ phía EU. Chính phủ cần tiếp tục đàm phán để tháo gỡ rào cản thương mại và rào cản kỹ thuật của các nước đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam, kịp thời cảnh báo các quy định về rào cản và những vấn đề phát sinh đối với hàng hóa xuất khẩu, thúc đẩy việc công nhận lẫn nhau về kết quả đánh giá sự phù hợp với EU đối với các sản phẩm nông nghiệp, thủy sản. Bên cạnh đó, cần hướng dẫn doanh nghiệp Việt Nam cách xử lý, thực hiện và rà soát về mặt kỹ thuật khi có yêu cầu về kiểm tra, xác minh xuất xứ từ phía EU, thiết lập chủ động kênh thông tin giữa nhà nhập khẩu, doanh nghiệp và cơ quan quản lý để kịp thời xử lý các khó khăn, vướng mắc trong xuất khẩu hàng hóa sang EU.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Bộ Công Thương (2020), “EVFTA thúc đẩy doanh nghiệp tham gia chuỗi giá trị toàn cầu”, <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/evfta-thuc-day-doanh-nghiep-tham-gia-chuoi-gia-tri-toan-cau.html>

2. Bộ Công Thương (2022), “Xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang thị trường EU thông qua việc sử dụng C/O mẫu EUR.1”, <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/xuat-khau-nong-san-cua-viet-nam-sang-thi-truong-eu-thong-qua-viec-su-dung-c-o-mau-eur.1.html>

3. Đặng Thị Huyền Anh (2017), “Hiệp định EVFTA và một số vấn đề đặt ra đối với xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường EU”, <https://tapchitaichinh.vn/nghien-cuu-trao-doi/hiep-dinh-evfta-va-mot-so-van-de-dat-ra-doi-voi-xuat-khau-cua-viet-nam-vao-thi-truong-eu-129830.html>

4. Hà Chính (2020), “EVFTA có hiệu lực từ 1/8: Cột mốc trọng đại”, <https://baochinhphu.vn/evfta-co-hieu-luc-tu-1-8-cot-moc-trong-dai-102276682.htm>

5. Thu Hường (2020), “Xuất khẩu năm 2020: Kỳ vọng từ các hiệp định thương mại”, <http://consosukien.vn/xuat-khau-nam-2020-ky-vong-tu-cac-hiep-dinh-thuong-mai.htm>

6. Hoàng Xuân Huy (2020), “Tăng cường tính tự nguyện và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp theo các quy tắc quốc tế của Hiệp định thương mại tự do”, <http://tapchimoitruong.vn/moi-truong-va-cong-dong-84/Tang-cuong-tinh-tu-nguyen-va-trach-nhiem-xa-hoi-cua-doanh-nghiep-theo-cac-quy-tac-quoc-te-cua-Hiep-dinh-thuong-mai-tu-do-20345>

7. Lê Phương (2020), “EVFTA: Thúc đẩy ngành nông nghiệp đẩy mạnh tái cơ cấu”, <https://quochoi.vn/hoatdongcuaquochoi/cackyhopquochoi/quochoikhoaXIII/Pages/danh-sach-ky-hop.aspx?ItemID=47098&CategoryId=0>

8. Văn Thọ (2020), “Hiệp định EVFTA được phê chuẩn, cơ hội cho xuất khẩu thủy sản”, <https://tongcucthuysan.gov.vn/vi-vn/tin-t%E1%BB%A9c/-tin-v%E1%BA%AFn/doc-tin/014562/2020-05-29/hiep-dinh-evfta-duoc-phe-chuan-co-hoi-cho-xuat-khau-thuy-san>



# XUẤT KHẨU SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP CỦA VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG LIÊN MINH CHÂU ÂU SAU HAI NĂM THỰC THI EVFTA

*ThS. Phùng Xuân Hội*  
Học viện An ninh nhân dân

**Tóm tắt:** Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) đã có hiệu lực 2 năm kể từ ngày 01/8/2020, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam sang các nước Liên minh châu Âu (EU) đã có khởi sắc rõ rệt. EU hiện là thị trường lớn thứ ba của xuất khẩu nông lâm thủy sản nước ta (sau Trung Quốc và Mỹ) với kim ngạch chiếm 11,75% thị phần. Với 27 quốc gia thành viên, hơn 511 triệu dân, GDP đầu người trên 35.000 USD, EU được đánh giá là thị trường lớn có mức thu nhập cao. Tuy nhiên, trong 2 năm qua, quá trình thực thi hiệp định EVFTA, một số mặt hàng chủ lực xuất khẩu sang thị trường EU gặp phải một số vấn đề như việc tuân thủ các tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm, vi phạm các quy định về khai thác thủy sản... Chính vì vậy đã làm giảm vị thế của một số mặt hàng nông nghiệp trên thị trường. Để giải quyết các vấn đề trên, tận dụng ưu đãi thuế quan từ EVFTA và hướng tới phát triển xuất khẩu nông nghiệp bền vững sang thị trường EU, các chủ thể liên quan cần có chiến lược và kế hoạch hiệu quả trong thời gian tới.

## 1. Giới thiệu

Hiệp định thương mại tự do Việt Nam và Liên minh châu Âu (EU), gọi tắt là Hiệp định EVFTA có hiệu lực từ ngày 01/8/2020, mở ra những cơ hội và triển vọng to lớn cho các doanh nghiệp Việt Nam. Với 27 quốc gia thành viên, gần 450 triệu dân, GDP đầu người trên 35.000 USD, EU được đánh giá là thị trường lớn có mức thu nhập cao, với nền kinh tế ổn định và đang phát triển mạnh mẽ. Đây là những cơ hội lớn cho các doanh nghiệp Việt Nam có thể tiếp cận một trong những thị trường hàng đầu thế giới. Năm 2021 thương mại hai chiều giữa Việt Nam và EU đạt 63,6 tỉ USD, tăng trưởng 14,8% so với năm 2020. Cụ thể, tổng giá trị hàng hóa Việt Nam xuất khẩu sang Liên minh châu Âu (EU) đạt 45,8 tỉ USD, tăng 14,2%; còn EU xuất khẩu sang Việt Nam đạt 17,9 tỉ USD, tăng 16,5% so với năm 2020. (Bộ Công thương, 2022). EVFTA đã giúp một số mặt hàng nông nghiệp của Việt Nam vào thị trường EU được cắt giảm thuế đáng kể theo lộ trình như cà phê, gạo, một số loại trái cây... Tuy nhiên sản phẩm

nông nghiệp của Việt Nam khi xuất khẩu vào EU còn gặp nhiều vấn đề liên quan đến chất lượng sản phẩm, thủ tục và hồ sơ xuất khẩu... do yêu cầu cao từ phía khách hàng EU đối với hàng nhập khẩu. Cho dù EVFTA đem đến nhiều cơ hội nhưng cũng đòi hỏi các doanh nghiệp cần phải nỗ lực hơn nữa mới có thể xuất khẩu thành công vào thị trường EU.

## **2. Nội dung**

### **2.1. Xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp**

Xuất khẩu là một khái niệm xuất phát từ lĩnh vực trao đổi thương mại hàng hóa xuyên quốc gia. Theo Belay Seyoum (2009), “xuất khẩu” có thể hiểu là việc “trao đổi hàng hóa với quốc gia khác có nhu cầu sử dụng nhằm mục đích kinh doanh sinh lời”. Theo WTO (2011), “xuất khẩu” là hoạt động “bán hàng hóa cho một quốc gia khác”, “hàng xuất khẩu được định giá theo giá trị giao dịch, bao gồm chi phí vận chuyển và bảo hiểm để đưa hàng hóa đến quốc gia khác”. Theo Luật Thương mại Việt Nam (2005), “xuất khẩu hàng hóa là việc hàng hóa được đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc đưa vào khu vực đặc biệt nằm trên lãnh thổ Việt Nam được coi là khu vực hải quan riêng theo quy định pháp luật”.

Nông lâm thủy hải sản là một trong những lĩnh vực xuất khẩu quan trọng của Việt Nam, đóng góp tích cực vào kim ngạch xuất khẩu chung của cả nước, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy hải sản bệ đỡ cho nền kinh tế và “tấm nệm” cho công tác an sinh xã hội năm 2021 (Tổng Cục thống kê, 2022). Đối với Việt Nam, xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp là nguồn thu lớn, góp phần quan trọng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế và thúc đẩy sản xuất phát triển theo định hướng sử dụng có hiệu quả nguồn lực và lợi thế quốc gia, tác động tích cực trong việc giải quyết việc làm cho lao động nông thôn và tăng cường thúc đẩy các quan hệ kinh tế đối ngoại (Trần Thị Thu Huyền, 2020).

Trong bối cảnh nhiều ngành nghề, lĩnh vực kinh tế bị gián đoạn, thiệt hại nặng nề, sản xuất nông nghiệp vẫn được duy trì, góp phần bảo đảm an sinh xã hội, an ninh lương thực quốc gia, đóng góp vào tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu, khẳng định rõ là một trong những trụ đỡ kinh tế vững chắc trong mọi hoàn cảnh. Trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, năng suất của phần lớn cây trồng đạt khá so với năm trước, chăn nuôi tăng trưởng ổn định, kim ngạch xuất khẩu một số sản phẩm nông nghiệp năm 2021 tăng cao góp phần duy trì nhịp tăng trưởng của cả khu vực. Ngành nông

nghiệp tăng 3,18%, đóng góp 0,29 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành lâm nghiệp tăng 3,88%, đóng góp 0,02 điểm phần trăm; ngành thủy sản tăng 1,73%, đóng góp 0,05 điểm phần trăm (Tổng Cục thống kê, 2021).

## **2.2. Phương pháp nghiên cứu**

Bài viết được thực hiện trên cơ sở sử dụng phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp, thông qua tổng hợp và phân tích những báo cáo xuất khẩu qua các năm của Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Tổng cục Thống kê. Bên cạnh đó, tiếp cận và tổng hợp những nghiên cứu khoa học của các tác giả nước ngoài để xây dựng cơ sở lý thuyết liên quan đến xuất khẩu.

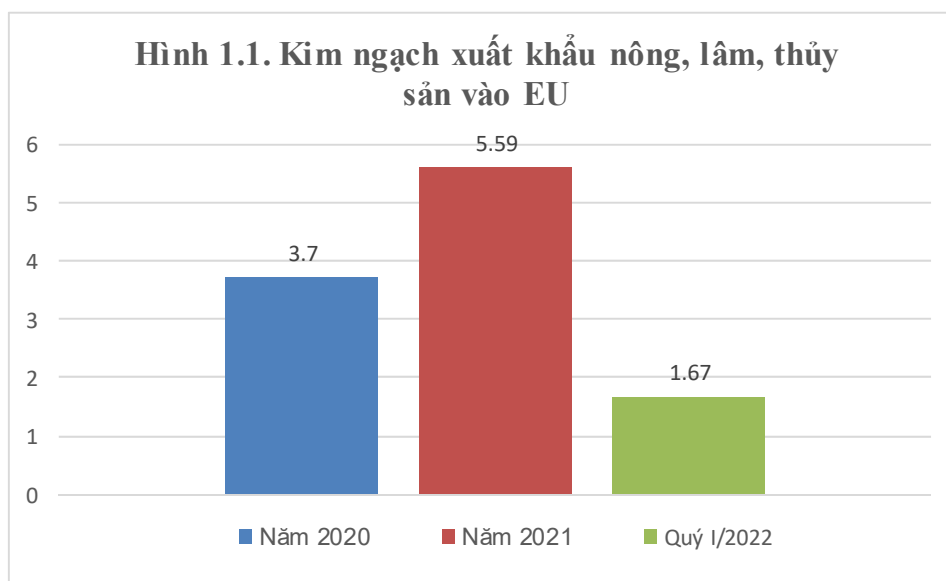
Ngoài ra, bài viết có tham khảo các nghiên cứu khoa học trong nước về vấn đề xuất khẩu sang EU nói chung và xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp sang EU nói riêng, từ đó tác giả có căn cứ để nhận diện những vấn đề mà các doanh nghiệp sản phẩm nông nghiệp Việt Nam có thể gặp phải khi xuất khẩu sang thị trường EU và đưa ra những đề xuất hợp lý nhằm thúc đẩy xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp sang thị trường EU.

## **2.3. Thực trạng xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam sang thị trường EU sau 2 năm thực thi EVFTA**

Theo báo cáo năm 2021 và quý I/2022, xuất khẩu hàng hóa của ngành nông nghiệp lập kỷ lục 48,6 tỷ USD. Theo đó, năm 2021 kim ngạch xuất khẩu của nhóm hàng nông, lâm, thủy sản là 27,997 tỷ USD, tăng 11,95% so với năm 2020 (Tổng Cục thống kê, 2022). Quý I/2022, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản ước đạt 22,6 tỷ USD, tăng 6,3% so với quý I/2021; trong đó xuất khẩu đạt khoảng 12,8 tỷ USD, tăng 15,3% so với cùng kỳ năm ngoái; nhập khẩu ước khoảng 9,8 tỷ USD, giảm 3,5% (Bộ NN&PTTT, 2022).

Giai đoạn 2020-2022, thương mại toàn cầu bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19, nhưng xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp Việt Nam sang thị trường EU vẫn tăng trưởng tốt. Tận dụng những ưu đãi từ Hiệp định EVFTA, tổng kim ngạch xuất khẩu nông sản sang EU trong năm 2021 của Việt Nam (cà phê, hạt điều, cao su, rau quả, hạt tiêu, gạo và chè) sang thị trường EU trong 11 tháng năm 2021 đạt khoảng 2,2 tỷ USD, tăng 10,1% so với cùng kỳ năm 2020 (Bộ Công thương, 2022). Quý I/2022,

kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang EU ước đạt 1,67 tỷ USD, chiếm 13,2% tổng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của cả nước (Hình 1.1.).



*Nguồn: Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)*

Trong tổng kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng sản phẩm nông nghiệp chính vào EU, cà phê chiếm 42,2%, hạt điều: 33%, cao su: 7,9%, rau quả: 7,8%; hạt tiêu: 7,4%; gạo: 1,7%... (Hình 1.2)

*Nguồn: Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)*

- **Mặt hàng gạo:** Trước khi Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) có hiệu lực, xuất khẩu gạo của Việt Nam vào thị EU bị áp thuế 45%. Thậm chí một số nước trong khối áp mức thuế nhập khẩu với gạo Việt Nam lên tới 100% hoặc cao hơn. Tuy nhiên, kể từ khi EVFTA có hiệu lực, EU đã dành cho Việt Nam ưu đãi thuế suất 0% với hạn ngạch 80.000 tấn gạo/năm. Đặc biệt, EU sẽ tự do hóa hoàn toàn đối với gạo tằm sau 5 năm. Năm 2021, lượng gạo của Việt Nam xuất khẩu sang EU đạt 60.000 tấn, trị giá 41 triệu USD, tăng gần 1% về lượng, nhưng tăng hơn 20% về trị giá so với năm 2020. Trong đó, một số giống gạo đặc sản của Việt Nam như ST24, ST25 lần đầu tiên được xuất khẩu vào các thị trường này (VTV, 2022).

2 tháng đầu năm 2022 cũng ghi nhận con số xuất khẩu hơn 15.500 tấn gạo sang thị trường EU, thu về 11,7 triệu USD, tăng gần 4 lần về lượng và tăng 4,3 lần về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Trong khối EU, Italy dẫn đầu về thị trường nhập khẩu gạo của Việt Nam khi tăng 26 lần so với cùng kỳ. Ngoài ra, còn một số thị trường chủ lực khác như Đức, Pháp, Hà Lan... (Bộ Công thương, 2022).

- **Cà phê:** Xuất khẩu sang EU đã có 93% dòng thuế về 0% ngay khi Hiệp định có hiệu lực. Năm 2021, xuất khẩu cà phê sang EU đạt 546,7 nghìn tấn với trị giá 1,0 tỷ USD, giảm 9,4% về khối lượng nhưng tăng 4,4% về giá trị so với cùng kỳ 2020. EU là thị trường xuất khẩu cà phê lớn nhất của Việt Nam, chiếm khoảng 40% giá trị xuất khẩu (Hiệp hội cà phê - cao su Việt Nam, 2022).

Quý I/2022, xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt 581,7 nghìn tấn, trị giá 1,3 tỷ USD, tăng 28,3% về lượng và tăng 60,2% về trị giá so với quý I/2021. Trong đó, xuất khẩu cà phê sang khu vực châu Âu tăng mạnh nhất, tăng 92,6%. Tỷ trọng xuất khẩu cà phê sang châu Âu chiếm 54,39% tổng trị giá xuất khẩu trong quý I/2022, cao hơn nhiều so với tỷ trọng 40,71% trong quý I/2021 (Báo Nông nghiệp Việt Nam, 2022).

- **Hạt tiêu:** Đối với Hiệp định EVFTA, các nước EU cam kết xóa bỏ thuế quan đối với sản phẩm hạt tiêu (mã HS 0904) ngay khi Hiệp định có hiệu lực. EVFTA có hiệu lực sẽ là đòn bẩy tốt để các doanh nghiệp Việt Nam tăng cường xuất khẩu vào các nước EU (đặc biệt là đối với các sản phẩm chế biến trước đây có mức thuế từ 5-9%). Ưu đãi từ Hiệp định đang được tận dụng hiệu quả khi kim ngạch xuất khẩu hạt tiêu sang EU trong 11 tháng 2021 đạt khoảng 40 nghìn tấn, tương đương 165 triệu USD, tăng 7,4% về lượng và tăng mạnh 63,9% và trị giá xuất khẩu so với cùng kỳ năm 2020. Các chủng loại hạt tiêu xuất khẩu chủ yếu sang EU là: mã HS. 09041120 - Hạt tiêu đen chưa xay hoặc chưa nghiền (đạt 92 triệu USD, tăng mạnh 62,5% so với cùng kỳ 2020 và chiếm 55,7% tổng kim ngạch xuất khẩu hạt tiêu sang EU) và mã HS. 09041110 - Hạt tiêu trắng chưa xay hoặc chưa nghiền (đạt 40 triệu USD, tăng 58,8%, chiếm 24,1%). EU chiếm 19% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này trong 11 tháng năm 2021 (Bộ Công thương, 2022).

- **Hạt điều:** Kim ngạch xuất khẩu hạt điều năm 2021 đạt kỷ lục 3,64 tỉ USD. Trong đó, Đức và Hà Lan hiện là những đầu mối thương mại quan trọng vì 2 thị trường này vừa nhập khẩu để tiêu dùng nội địa, vừa tái xuất sang các thị trường khác trong khối. Đặc biệt, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sang Đức năm 2021 đạt trên 19.000 tấn, trị giá vượt 122 triệu USD, tăng 9,5% về lượng và tăng 6,2% về trị giá. Bộ Công Thương dự báo nhu cầu tiêu thụ hạt điều của Đức sẽ tăng trưởng bình quân 4,1% trong giai đoạn 2020-2025 và Việt Nam vẫn là nguồn cung hạt điều số 1 tại thị trường Đức nhờ nguồn cung ổn định và chất lượng đảm bảo (Bộ Công thương, 2022).

Xuất khẩu hạt điều sang các thị trường khác như Pháp, Tây Ban Nha, Ba Lan,

Phần Lan... cũng đạt mức tăng trưởng khá ấn tượng, trong đó, riêng thị trường Phần Lan, chỉ 11 tháng năm 2021 đã đạt trên 63.000 tấn, trị giá hơn 345 triệu USD, tăng 12,3% về lượng (Bộ Công thương, 2022).

- **Chè:** Đối với Hiệp định EVFTA, các nước EU cam kết xóa bỏ thuế quan đối với sản phẩm chè ngay khi Hiệp định có hiệu lực. Tận dụng ưu đãi từ EVFTA, trong 11 tháng năm 2021, kim ngạch xuất khẩu chè sang EU đạt khoảng 3 triệu USD, tăng 21,6% so với cùng kỳ năm 2020 dù giảm 16,4% về lượng xuất khẩu, cho thấy doanh nghiệp Việt Nam đang chuyển trọng tâm sang xuất khẩu các sản phẩm chè chất lượng cao. Đây là định hướng phù hợp với thị trường EU với mức thu nhập khá cao, người tiêu dùng tại đây cần những sản phẩm thương hiệu gắn với chất lượng sản phẩm hơn là giá cả cạnh tranh. Việt Nam là một trong những các quốc gia hàng đầu có sản phẩm chè xanh và chè đen xuất khẩu vào thị trường Châu Âu, tuy nhiên thị phần chè Việt Nam tại thị trường này còn rất hạn chế, sản lượng xuất khẩu chưa cao. Thị trường EU cũng mới chỉ chiếm 1,7% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này trong 11 tháng năm 2021 (Bộ Công thương, 2022).

Trong số các thị trường thành viên EU, chè Việt Nam được xuất chủ yếu sang các nước: Ba Lan (đạt 1 triệu USD), Đức (đạt 601 nghìn USD) và Bỉ (đạt 410 nghìn USD). EU là thị trường tiềm năng và quan trọng của ngành chè Việt Nam với nhiều dư địa tăng trưởng. Tuy nhiên đây cũng là thị trường khó tính với nhiều tiêu chuẩn khắt khe về an toàn vệ sinh thực phẩm, nguồn gốc và chất lượng sản phẩm, đòi hỏi các doanh nghiệp Việt phải không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo sản phẩm chất lượng cao để vượt qua các rào cản kỹ thuật của thị trường (Bộ Công thương, 2022).

- **Cao su:** Với EVFTA, cao su tổng hợp và các chất dẫn xuất sẽ không có lợi thế mới vì thuế suất đã đang là 0%. Tuy nhiên, các loại ống ghép nối bằng cao su và lốp cao su được miễn thuế ngay lập tức từ mức 3%-4,5% trước đây. Băng tải, băng truyền, hoặc đai tải bằng cao su sẽ được giảm theo kỳ hạn 5 năm từ 6,5%. Đây là động lực thúc đẩy xuất khẩu cao su và sản phẩm từ cao su. Trong 11 tháng 2021, xuất khẩu cao su sang EU đạt khoảng 100 nghìn tấn, tương đương 175 triệu USD, tăng 33,7% về lượng và tăng mạnh 72,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Các chủng loại cao su xuất khẩu chủ yếu sang EU là: mã HS. 40012240 - cao su tự nhiên đã định chuẩn về kỹ thuật (TSNR) CV (đạt 71 triệu USD, tăng mạnh 88,8% so với cùng kỳ 2020 và chiếm 40,8% tổng kim ngạch xuất khẩu cao su sang EU); mã HS. 40012290 - TSNR

loại khác (đạt 43 triệu USD, tăng mạnh 85,8%, chiếm 24,6%), mã HS. 40011011 - Mủ cao su cô đặc bằng phương pháp ly tâm (SEN) (đạt 21 triệu USD, tăng mạnh 87,4%, chiếm 12,1%),... Trong số các thị trường thành viên EU, cao su Việt Nam được xuất chủ yếu sang các nước: Đức (đạt 62 triệu USD), Italy (đạt 25 triệu USD), Tây Ban Nha (đạt 22 triệu USD) và Hà Lan (đạt 17 triệu USD). Tại thị trường EU, ngành công nghiệp - sản xuất - tiêu dùng đang phát triển mạnh mẽ (sản xuất máy bay, ô tô, xe máy, thiết bị, máy móc cho ngành chế tạo, y tế, hàng tiêu dùng...), nhu cầu tiêu thụ của EU đối với cao su và các sản phẩm từ cao su rất lớn, đặc biệt là các chủng loại cao su cao cấp (SVR CV) và chủng loại SVR 10, SVR 20, dự báo trong những năm tới, xuất khẩu mặt hàng này tiếp tục tăng trưởng tốt (Bộ Công thương, 2022).

- **Rau quả:** EU cam kết mở cửa rất mạnh cho rau quả Việt Nam trong EVFTA, 94% trong tổng số 547 dòng thuế rau quả và các chế phẩm từ rau quả (trong đó có nhiều sản phẩm là thế mạnh của Việt Nam như vải, nhãn, chôm chôm, thanh long, dưa, dưa,...) được bỏ ngay khi Hiệp định có hiệu lực. Phần lớn các dòng thuế EU cam kết xóa bỏ ngay hiện đều đang có mức thuế MFN trung bình là trên 10%, cá biệt có những sản phẩm rau quả đang chịu thuế trên 20%. Do đó, mức cam kết này của EU được đánh giá là sẽ tạo ra lợi thế lớn về giá cho rau quả Việt Nam (đặc biệt trong cạnh tranh nhập khẩu vào EU với các nước có thế mạnh về rau quả chưa có FTA với EU như Thái Lan, Trung Quốc, Indonesia) (Bộ Công thương, 2022).

Xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường EU sau khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực và đi vào thực thi đã đạt được kết quả tích cực. Trong 11 tháng 2021, kim ngạch xuất khẩu rau quả sang EU đạt 173 triệu USD, tăng 7,6% so với cùng kỳ năm 2020. Các chủng loại rau quả xuất khẩu chủ yếu sang EU là: mã HS. 20098999 - Các loại nước ép trái cây (kể cả hèm nhỏ) và nước rau ép, chưa lên men và chưa pha thêm rượu, đã hoặc chưa pha thêm đường hoặc chất tạo ngọt khác - Loại khác (đạt 28 triệu USD, giảm 23,5% so với cùng kỳ 2020 và chiếm 16% tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả sang EU); mã HS. 8109094 - Quả lựu, quả măng cầu hoặc quả na, quả roi, quả thanh trà, quả chanh leo, quả sấu đỏ, quả táo ta, và quả dâu da đất (đạt 22 triệu USD, tăng 19,8%, chiếm 13%); mã HS. 08119000 - Quả và quả hạch (nuts), đã hoặc chưa hấp chín hoặc luộc chín trong nước, đông lạnh, đã hoặc chưa thêm đường hoặc chất tạo ngọt khác - Loại khác (đạt 18 triệu USD, tăng 23,8%, chiếm 10,4%)... (Bộ Công thương, 2022).

Trong 11 tháng năm 2021, EU là thị trường xuất khẩu rau quả lớn thứ tư của Việt Nam, chiếm 5,3% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này. Trong số các thị trường thành viên EU, rau quả của Việt Nam được xuất chủ yếu sang các nước: Hà Lan (đạt 71 triệu USD), Pháp (đạt 35 triệu USD) và Đức (đạt 20 triệu USD). Lượng rau, quả tiêu thụ có xu hướng ngày một tăng tại EU do thói quen ăn uống để bảo vệ, tăng cường sức khỏe. Tuy nhiên, thị trường EU đòi hỏi rất khắt khe về các truy xuất nguồn gốc và tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, đặc biệt là an toàn vệ sinh thực phẩm. Vì vậy, các doanh nghiệp cần phải tìm hiểu, nắm bắt rõ thông tin về thị trường, từ thị hiếu người tiêu dùng cho đến những quy định, tiêu chuẩn về quy tắc xuất xứ, an toàn vệ sinh thực phẩm... để từ đó gia tăng chất lượng hàng hóa, chinh phục thị trường “khó tính” này (Cục Xuất nhập khẩu, 2022).

- **Thủy sản:** Năm 2021, xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang thị trường EU đạt trên 1 tỷ USD (tăng 12%); trong đó, xuất khẩu sang hầu hết các nước thành viên EU đều tăng. 5 thị trường lớn nhất gồm Hà Lan, Đức, Bỉ, Italy và Pháp (tổng cộng chiếm 72%). Xuất khẩu tất cả các sản phẩm chính sang EU đều tăng trưởng dương (trừ cá tra). Đặc biệt, xuất khẩu nghêu tăng trưởng mạnh nhất (tăng 42%) và trở thành loài thủy sản đứng thứ 4 về giá trị xuất khẩu sang EU (Cục Xuất nhập khẩu, 2022).

Cụ thể, xuất khẩu tôm tăng gần 19% đạt 613 triệu USD, chiếm gần 57% xuất khẩu thủy sản sang EU. Top 3 thị trường trong khối gồm Đức, Bỉ và Hà Lan, đều tăng nhập khẩu tôm Việt Nam: Xuất khẩu sang Đức tăng 25%, sang Bỉ tăng 19% và sang Hà Lan tăng 10%. Không chỉ xuất khẩu tôm chân trắng mà cả tôm sú sang những thị trường này đều phục hồi so với năm trước. Xuất khẩu tôm chân trắng sang Đức tăng mạnh 28%, xuất khẩu tôm sú sang Hà Lan tăng 54% (Cục Xuất nhập khẩu, 2022).

Về cá ngừ, tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu hơn 13%, đạt trên 144 triệu USD, tăng 6,4%, trong đó Mỹ nhập khẩu nhiều nhất các mặt hàng cá ngừ loin/phile đông lạnh (chiếm 44%). Xuất khẩu các sản phẩm cá ngừ chế biến khác tăng mạnh 43%, trong khi xuất khẩu cá ngừ tươi giảm 18%. Trong 3 thị trường lớn nhất là Italy, Đức và Tây Ban Nha, chỉ có Italy tăng nhập khẩu cá ngừ, 2 thị trường còn lại đều giảm nhập khẩu cá ngừ Việt Nam (Tổng cục Thủy sản, 2022).

Xuất khẩu cá tra sang EU tiếp tục đà sụt giảm từ những năm trước, với mức tăng trưởng âm gần 17% và chỉ còn chiếm chưa tới 10% tổng xuất khẩu thủy sản sang thị trường này. Xuất khẩu đến top 4 thị trường Hà Lan, Bỉ, Tây Ban Nha và Đức đều giảm



(lần lượt là Hà Lan giảm 20%, Bỉ giảm 23%, Tây Ban Nha giảm 9% và Đức giảm 43%). Cuộc vận tải biển sang EU tăng mạnh là một trở ngại lớn đối với doanh nghiệp cá tra Việt Nam (Tổng cục Thủy sản, 2022).

Năm 2021, xuất khẩu nhuyễn thể hai mảnh vỏ sang thị trường EU tăng mạnh 37% đạt 87 triệu USD, chủ yếu do xuất khẩu sản phẩm nghêu tăng 42% với 78 triệu USD. Nghêu trở thành loài thủy sản có giá trị xuất khẩu lớn thứ 4 sang thị trường EU. Trong đó, xuất khẩu nghêu sang 3 thị trường lớn nhất là Tây Ban Nha, Italy và Bồ Đào Nha đều tăng từ 38-44% (Tổng cục Thủy sản, 2022).

Như vậy có thể thấy EU là một thị trường tiềm năng Việt Nam bước đầu đã tận dụng được lợi thế từ hiệp định thương mại EVFTA, bên cạnh những thành công bước đầu như trên, hoạt động xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp Việt Nam vẫn chưa khai thác triệt để, trị giá xuất khẩu theo các năm còn thấp điều này cho thấy doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp Việt Nam còn gặp nhiều vấn đề trong việc đáp ứng yêu cầu của thị trường.

#### ***2.4. Một số rào cản kỹ thuật trong xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp sang thị trường EU sau khi EVFTA được thực thi***

Từ khi EVFTA có hiệu lực, các doanh nghiệp Việt Nam đã có nhiều cố gắng để cải thiện nhưng nhiều sản phẩm nông nghiệp Việt Nam xuất khẩu sang EU vẫn còn chủ yếu dưới dạng thô, cạnh tranh về giá ở phân khúc thấp; các nhóm hàng sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu sang EU mới chỉ tập trung vào nhóm cà phê, trái cây và hạt tiêu, thủy sản. Những hạn chế này đến từ nội tại ngành sản xuất nông nghiệp Việt Nam tạo nên những thách thức không nhỏ đối với mục tiêu đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp Việt Nam vào EU và gia tăng thị phần mà Việt Nam trong thời gian tới.

*Thứ nhất*, EU là một thị trường có đòi hỏi cao về chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm và các hàng rào kỹ thuật. Vì vậy, các chính sách quản lý sản phẩm nông nghiệp của EU nghiêm ngặt, đặc biệt các rào cản kỹ thuật của EU với sản phẩm nông nghiệp thực phẩm có xu hướng ngày càng khắt khe hơn... (Viện Công nghệ thực phẩm, 2021).

Thực tế, Hiệp định EVFTA không có nhiều cam kết mới về các biện pháp phi thuế như các biện pháp kiểm dịch động thực vật (SPS) hay các rào cản kỹ thuật với thương mại (TBT). Trong khi đó, những biện pháp này mới được coi là rào cản khó khăn nhất đối với sản phẩm nông nghiệp Việt Nam khi xuất khẩu sang thị trường. Hầu

hết các cam kết về SPS và TBT trong EVFTA đều chỉ khẳng định lại các nghĩa vụ theo Hiệp định SPS và TBT của WTO. Do đó, EVFTA không giúp hạn chế các rào cản phi thuế của EU với hàng xuất khẩu Việt Nam.

Tại Việt Nam, phương thức nuôi trồng và thực tiễn sản xuất vẫn chưa phù hợp để đáp ứng được các biện pháp kiểm dịch nghiêm ngặt. Để đáp ứng được các tiêu chuẩn, tuân thủ các quy trình theo chuẩn quốc tế đòi hỏi các doanh nghiệp phải điều chỉnh hoạt động sản xuất hoặc phương pháp sản xuất, áp dụng công nghệ tiên tiến..., dẫn tới chi phí tuân thủ bị gia tăng, tạo áp lực về tài chính cho các doanh nghiệp Việt Nam. Do vậy, để hàng sản phẩm nông nghiệp Việt Nam có thể thâm nhập sâu vào thị trường EU, vấn đề đặt ra là một mặt Việt Nam cần phát triển sản xuất hàng sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu chú trọng gắn liền với tiêu chuẩn về chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm theo tiêu chuẩn khắt khe của EU; mặt khác, ở góc độ quốc gia cần tiếp tục thúc đẩy quan hệ thương mại, đàm phán để tránh việc bị EU áp các rào cản kỹ thuật không hợp lý. Bên cạnh đó, người nông dân và doanh nghiệp phải đưa công nghệ truy xuất nguồn gốc vào từng khâu trong quá trình sản xuất sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu.

*Thứ hai*, để tiếp tục chinh phục thị trường EU và được hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định EVFTA, sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu của Việt Nam cần đáp ứng các quy định về quy tắc xuất xứ hàng hóa. So với các FTA mà Việt Nam đang thực thi, quy định về quy tắc xuất xứ hàng hóa đối với sản phẩm nông nghiệp trong Hiệp định EVFTA được đánh giá là chặt chẽ hơn khi tiêu chí xuất xứ hàng hóa áp dụng chủ yếu là xuất xứ thuần túy. Bên cạnh đó, Hiệp định EVFTA cũng giới hạn tỷ lệ sử dụng các nguyên liệu từ bơ, trứng, sữa và đường từ nước thứ ba ngoài lãnh thổ Hiệp định trong việc sản xuất hàng nông nghiệp.

*Thứ ba*, khó khăn từ phía các doanh nghiệp xuất khẩu trong việc tiếp cận thị trường sản phẩm nông nghiệp EU. Nguyên nhân của thực trạng này là do năng lực nội tại về vốn, con người,... của các doanh nghiệp xuất khẩu còn hạn chế. Các nhà sản xuất, xuất khẩu cũng thường thiếu thông tin và hướng dẫn về những quy định của EU trong khi các quy định này thường xuyên được thay đổi. Từ đó, thời gian các doanh nghiệp có được để đáp ứng các yêu cầu về các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch đã bị giảm đáng kể, dẫn đến tăng chi phí hoặc có thể hạn chế khả năng xuất khẩu. Bên cạnh đó, hoạt động xúc tiến thương mại sang thị trường EU cũng chưa triển khai được tại tất cả các nước thành viên và phần nào chưa đi sâu vào đối tượng thụ hưởng. Vì vậy, vấn

đề đặt ra là cần phải nâng cao năng lực của các doanh nghiệp xuất khẩu, đồng thời thúc đẩy các hoạt động xúc tiến thương mại đối với sản phẩm nông nghiệp tại thị trường này.

*Thứ tư*, vấn đề sở hữu trí tuệ chưa được nhiều doanh nghiệp quan tâm đúng mức, trong khi đó, đây là nội dung được EU đặt lên hàng đầu. Tương tự như vậy, một số doanh nghiệp mới chỉ chú trọng tới số lượng xuất khẩu, chưa thực sự quan tâm đến xây dựng thương hiệu. Vì vậy, việc quan tâm xây dựng và phát triển thương hiệu đã và đang là vấn đề cấp bách đặt ra hiện nay đối với các mặt hàng sản phẩm nông nghiệp của nước ta. Ngoài ra, xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam còn gặp khó khăn do chi phí logistics trong xuất khẩu nói chung và xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp nói riêng còn cao và chịu cạnh tranh mạnh mẽ từ nhiều quốc gia trong khu vực như Thái Lan, Ấn Độ, Trung Quốc, Indonesia, Brazil,...

### **3. Những vấn đề đặt ra trong xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp sang thị trường EU sau 2 năm thực hiện EVFTA**

Với lợi thế về điều kiện tự nhiên, năng lực sản xuất kinh doanh, ngành nông nghiệp Việt Nam bước đầu đã tận dụng rất nhiều cơ hội từ Hiệp định EVFTA, tạo nền tảng quan trọng cho phát triển bền vững xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp nói riêng và phát triển bền vững đất nước nói chung trong quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, đặc biệt trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19. Bên cạnh những cơ hội, ngành nông nghiệp Việt Nam vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức trong quá trình đảm bảo tăng trưởng bền vững xuất khẩu vào thị trường EU. Cụ thể là:

*Thứ nhất*, để khai thác hết tiềm năng cũng như tận dụng được các ưu đãi của EVFTA, một thách thức đối với các sản phẩm nông nghiệp Việt Nam đó là đáp ứng các yêu cầu an toàn nghiêm ngặt của EU về an toàn thực phẩm, biện pháp vệ sinh và kiểm dịch thực vật. Cho đến nay EU vẫn là thị trường có yêu cầu về hàng rào kỹ thuật cao, đặc biệt là kiểm dịch động, thực vật; quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm. Các tiêu chuẩn áp dụng cho sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam hiện nay đang dừng ở VietGAP, cần phải nâng lên GlobalGAP để tăng giá trị hàng hóa trên thị trường. Theo hướng dẫn 79/117/EEC của EC, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật được phép tồn dư trên sản phẩm nhập khẩu vào EU rất thấp, gần như bằng 0. Nếu EU phát hiện có bất cứ chất cấm nào tồn dư trong mẫu sản phẩm nhập khẩu, lô hàng đó sẽ bị từ chối và tiêu hủy, nhà sản xuất sẽ phải chịu toàn bộ chi phí tiêu hủy, thậm chí có thể bị truy tố

và bị áp lệnh cấm xuất khẩu sản phẩm đó vào thời gian chờ đợi cơ quan có thẩm quyền của EU tiến hành điều tra và xử lý. Kể từ ngày 31/3/2020, EU đã cấm sử dụng Ethoxyquin (chất chống oxi hóa) để bảo quản sản phẩm có nguồn gốc sinh vật gây bệnh nhất định, EU không cho phép nhập khẩu nhằm tránh việc nhiễm và lây lan sâu bệnh hại cho thực vật và sản phẩm thực vật tại EU. Như vậy một số mặt hàng sản phẩm nông nghiệp và các sản phẩm thủy sản của Việt Nam sẽ đứng trước đòi hỏi rất cao từ phía khách hàng EU (Báo Công thương, 2021). Vấn đề SPS đảm bảo an toàn thực phẩm cho thị trường EU hiện nay sẽ gây khó khăn cho các nhà xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp Việt Nam vì đa số những nhà sản xuất còn nhỏ lẻ, tự phát, một số nơi nông dân chưa được hướng dẫn về sản xuất sạch, an toàn, tiêu chuẩn chất lượng, xây dựng chuỗi giá trị toàn cầu cho sản phẩm nông nghiệp.

*Thứ hai*, doanh nghiệp Việt Nam cần chuyên nghiệp hơn trong việc cung cấp thông tin truy xuất hàng hóa. Đây là một trong những thách thức với hàng xuất khẩu Việt Nam bởi nguồn nguyên liệu cho một số mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam nhập khẩu từ Trung Quốc và ASEAN như hạt điều. Nếu không đảm bảo được quy tắc xuất xứ, hàng xuất khẩu của Việt Nam sang EU chỉ được hưởng mức thuế đãi ngộ MFN và không được mức thuế suất 0% như EVFTA. Các quy định về truy xuất nguồn gốc hàng hóa của thị trường EU ngày càng chặt chẽ và khắt khe hơn, điều này có thể khiến hàng hóa Việt Nam xuất vào EU bị áp thuế chống bán phá giá (baochinhphu.vn, 2020). Đối với thị trường EU, hàng hóa nhập khẩu yêu cầu phải chứng minh không chỉ nơi gia công, chế biến cuối cùng mà cả quá trình thu gom nguyên liệu, đánh bắt, nuôi trồng trước đó nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm, không vi phạm các quy định về môi trường. Do vậy, việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm có vai trò hết sức quan trọng đối với hoạt động sản xuất và xuất khẩu của doanh nghiệp. Tại Việt Nam, truy xuất nguồn gốc hàng hóa còn là một hoạt động khá mới, doanh nghiệp và bản thân người tiêu dùng cũng chưa hiểu hết được ý nghĩa của truy xuất nguồn gốc hàng hóa.

*Thứ ba*, thách thức thứ 3 xuất phát từ sự thiếu liên kết chặt chẽ trong nông nghiệp giữa doanh nghiệp, nông dân và hợp tác xã sản xuất. Trong những năm gần đây, hàng hóa sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu sang EU đã bị từ chối hoặc bị giám sát, áp lệnh kiểm tra 100%.

Lí do xuất phát chủ yếu từ khâu sơ chế, chế biến, khâu sản xuất hàng sản phẩm nông nghiệp. Quy trình sản xuất là một quy trình hoàn chỉnh mà ở đó doanh nghiệp

phải tuân thủ nghiêm ngặt tiêu chuẩn của nước nhập khẩu, tuy nhiên doanh nghiệp không thể giám sát 100% khâu sản xuất của nông dân hay hợp tác xã sản xuất vì những đối tượng này vẫn đang quen với cách thức sản xuất hàng hóa truyền thống, chưa quen với tiêu chuẩn hàng hóa xuất khẩu. Theo thống kê của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hiện nay có khoảng 55.000 doanh nghiệp tham gia vào chuỗi sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, ngoài ra còn có 13.000 hợp tác xã nông nghiệp, 40 liên hiệp HTX đóng vai trò kết nối, liên kết với 10 triệu hộ làm nông nghiệp để tổ chức sản xuất. Tuy nhiên trong hơn 50.000 doanh nghiệp tham gia lĩnh vực nông nghiệp chỉ có 1000 doanh nghiệp trực tiếp liên kết với nông dân phát triển sản xuất. Như vậy có thể thấy mối liên kết trong lĩnh vực nông nghiệp còn lỏng lẻo, thiếu bền chặt dẫn tới không đảm bảo chất lượng sản phẩm nông nghiệp khi xuất khẩu sang EU (Bảo Loan và Dương Thành, 2019)

*Thứ tư*, gỡ “thẻ vàng IUU” đối với xuất khẩu thủy sản là một bài toán cấp thiết cho ngành xuất khẩu thủy sản Việt Nam. Thẻ vàng IUU liên quan đến hoạt động khai thác trái phép, không khai báo và không theo quy định. Việt Nam nhận thẻ vàng IUU vì đã có nhiều tàu cá vi phạm IUU ở vùng biển nước ngoài. Trong thời gian từ đầu năm 2017 đến nay, hoạt động xuất khẩu thủy sản của Việt Nam và EU vẫn diễn ra bình thường, nhưng các lô hàng sẽ bị tăng tần suất kiểm tra hồ sơ nguồn gốc sản phẩm khai thác nhập khẩu lên đến 100% các lô hàng. Việc EC phạt thẻ vàng với các lô hàng thủy sản của Việt Nam đã tác động rất lớn đến hoạt động kinh doanh, đánh bắt cá; sản lượng xuất khẩu sang thị trường EU có dấu hiệu chững lại. Thủy sản xuất khẩu vào EU đều bị giữ lại từ cảng để kiểm tra khiến thời gian thông quan kéo dài lên đến 10-15 ngày, ảnh hưởng đến thời gian nhận hàng, kế hoạch kinh doanh của nhà nhập khẩu. Rủi ro lớn nhất doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản có thể gặp phải đó là sản phẩm không đáp ứng được điều kiện kiểm tra nghiêm ngặt, nên phải tìm kiếm thị trường mới hoặc quay về Việt Nam dẫn đến phát sinh thêm chi phí, gây khó khăn cho doanh nghiệp. Trong tình huống xấu nhất, nếu Việt Nam không hợp tác, giải quyết các khuyến nghị về quy định IUU, EC có thể áp thẻ đỏ, đặt lệnh cấm tất cả 27 nước thành viên không nhập khẩu thủy sản khai thác biển của Việt Nam. Điều này đòi hỏi sự nỗ lực lớn từ phía Nhà nước và doanh nghiệp trong việc tháo gỡ thẻ vàng IUU và hiện nay đã có những tiến bộ đáng kể được EU ghi nhận.

*Thứ năm*, hoạt động quản trị doanh nghiệp còn nhiều hạn chế trong thực hiện

trách nhiệm xã hội. Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp là hoạt động quan trọng trong việc đảm bảo phát triển bền vững nói chung và phát triển xuất khẩu bền vững sang thị trường EU nói riêng. Các nhà nhập khẩu EU quan tâm đến việc thực hiện quy trình sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm, thân thiện với môi trường, chống đánh bắt cá bất hợp pháp, không khai báo và không đăng ký đối với hàng thủy sản. Việt Nam chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc thực hiện các nghĩa vụ về môi trường trong khuôn khổ các ràng buộc và điều chỉnh của hiệp định đa phương về môi trường và Hiệp định EVFTA. Theo đó, những vấn đề sau liên quan đến bảo vệ môi trường mà Việt Nam cần tuân thủ khi xuất khẩu hàng hóa sang EU: đa dạng sinh học và sinh vật ngoại lai; biến đổi khí hậu; bảo vệ tầng ozon; hàng hóa và dịch vụ môi trường; cơ chế tự nguyện bảo vệ môi trường; gắn nhãn sinh thái lên hàng hóa xuất khẩu. Bên cạnh đó các vấn đề liên quan đến người lao động, chính sách đãi ngộ, minh bạch hóa thông tin về lao động cũng được chú trọng. Dù có nhiều nỗ lực nhưng hiện tại các doanh nghiệp Việt Nam còn gặp nhiều vướng mắc khi áp dụng các tiêu chuẩn lao động. Điều này gây khó khăn cho các doanh nghiệp Việt Nam khi nhận thức về thực hiện trách nhiệm xã hội còn thấp và doanh nghiệp Việt Nam chú trọng nhiều đến lợi nhuận lên trên lợi ích của các nhân tố liên quan như cộng đồng, người lao động, môi trường.

Như vậy để đảm bảo phát triển bền vững xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp sang thị trường EU không chỉ dừng lại việc tận dụng cơ hội mà hiệp định EVFTA đem lại, doanh nghiệp Việt Nam còn phải giải quyết nhiều thách thức và hạn chế.

#### **4. Kết luận**

Hiệp định EVFTA đi vào hiệu lực với một loạt những ưu đãi về thuế quan, là cơ hội vàng cho xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp Việt Nam. Việc giảm đáng kể các khoản thuế, đã giúp cho các doanh nghiệp có thêm chi phí để đầu tư vào công nghệ, trang thiết bị với mục đích tạo ra các sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn khắt khe của thị trường EU. Để có thể phát triển bền vững xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp, các doanh nghiệp và Nhà nước sẽ phải có những hành động mạnh mẽ và quyết liệt hơn nữa trong thời gian tới để giải quyết các thách thức và tận dụng cơ hội mà hiệp định EVFTA đem lại.

Muốn đảm bảo phát triển xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp bền vững sang thị trường EU cần có sự đồng bộ nỗ lực từ phía Nhà nước và các chủ thể sản xuất - kinh doanh hàng nông nghiệp. Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ và định

hướng doanh nghiệp trong hoạt động xuất khẩu hàng hóa ra thị trường quốc tế.

*Thứ nhất*, Nhà nước cần đồng bộ chính sách pháp luật gắn với nông nghiệp nói chung và xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp nói riêng, xây dựng các chính sách khuyến khích sản xuất sản phẩm nông nghiệp. Nhà nước cần hoàn chỉnh quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư và nâng cao quy mô, chất lượng sản xuất; ban hành các chính sách hỗ trợ sản xuất sản phẩm nông nghiệp và xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp ra thị trường EU. Đối với hoạt động xuất khẩu thủy sản, cần tập trung xử lý gỡ bỏ thẻ vàng IUU do EC ban hành đối với Việt Nam, thông qua việc thực hiện 9 khuyến nghị bao gồm các nội dung tập trung về việc hoàn thiện khung pháp lý trong kiểm tra rà soát khai thác trên biển và bảo tồn nguồn lợi thủy sản, tăng cường truy xuất nguồn gốc sản phẩm thủy sản.

*Thứ hai*, Nhà nước cần đầu tư đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng kèm theo các dịch vụ hỗ trợ đẩy mạnh xuất khẩu bền vững. Các hoạt động cải cách hành chính trong lĩnh vực xuất khẩu có thể giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, giảm thiểu chi phí và rút ngắn thời gian cung ứng sản phẩm đến khách hàng. Việc đầu tư vào các cầu cảng, hệ thống vận tải cũng giúp cho các doanh nghiệp giải quyết được bài toán đảm bảo chất lượng sản phẩm trong quá trình vận chuyển hàng hóa. Nhà nước cần triển khai các biện pháp thúc đẩy phát triển dịch vụ logistics nhằm hỗ trợ, kết nối hoạt động thương mại, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam.

*Thứ ba*, Nhà nước tiếp tục đẩy mạnh hoạt động quảng bá hình ảnh, sản phẩm và xây dựng thương hiệu ngành hàng thị trường xuất khẩu trọng điểm, có tiềm năng. Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại với các quốc gia thành viên EU nhằm tạo cơ hội kết nối giữa các doanh nghiệp sản xuất trong nước với đối tác quốc tế.

Bên cạnh sự hỗ trợ từ phía Nhà nước và cơ quan bộ ban ngành có liên quan thì chính các doanh nghiệp Việt Nam cần phải chủ động hơn nữa để tháo gỡ những khó khăn và hạn chế, đồng thời phát huy nguồn lực để tận dụng Hiệp định EVFTA, giúp cho các sản phẩm nông nghiệp Việt Nam tiếp cận được nhiều hơn các thị trường trong Liên minh châu Âu và nâng cao trị giá xuất khẩu sang thị trường EU.

*Thứ nhất*, chất lượng sản phẩm luôn là yếu tố tiên quyết, đánh giá năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa, việc các Hiệp định thương mại tự do FTA hoạt động, đã khiến cho thị trường khốc liệt hơn đòi hỏi các doanh nghiệp cần phải đầu tư nhiều hơn trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm của

mình. Đối với các doanh nghiệp Việt Nam khi muốn xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp sang thị trường EU, việc đầu tư kiểm tra rà soát chất lượng ngay từ những bước đầu của quá trình sản xuất là vô cùng quan trọng. Các doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp Việt Nam cần thường xuyên cập nhật những tiêu chuẩn mới về chất lượng sản phẩm nông nghiệp như GlobalGAP và cần tuân thủ tốt HACCP (hệ thống phân tích, xác định và tổ chức kiểm soát các mối nguy trọng yếu trong quá trình sản xuất và chế biến thực phẩm) được quy định trong Luật An toàn thực phẩm của EU.

*Thứ hai*, liên quan đến vấn đề truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông nghiệp, doanh nghiệp cần xây dựng được chuỗi liên kết giá trị sản phẩm, để khi thực hiện hoạt động truy xuất nguồn gốc, khách hàng có thể dễ dàng tìm kiếm thông tin liên quan đến quá trình hình thành sản phẩm. Khi truy xuất, có thể thấy được toàn bộ chuỗi quá trình mà tất cả các đơn vị tham gia vào việc tạo ra sản phẩm. Hiện nay việc ứng dụng công nghệ có thể giúp doanh nghiệp dễ dàng hơn khi thực hiện hoạt động truy xuất nguồn gốc hàng hóa, tuy nhiên vấn đề quan trọng phụ thuộc vào tính minh bạch của doanh nghiệp trong việc cung cấp thông tin các đối tượng liên quan đến quá trình tạo ra sản phẩm nông nghiệp trước khi xuất khẩu sang EU.

*Thứ ba*, xây dựng mối quan hệ chặt chẽ bền vững giữa doanh nghiệp, người nông dân và hợp tác xã nông nghiệp để phát triển chuỗi giá trị hàng hóa nông nghiệp. Doanh nghiệp phải đặt quyền lợi của mình song hành với quyền lợi của người nông dân và hợp tác xã. Hiện nay, các mối quan hệ trong nông nghiệp này chủ yếu tập trung liên kết trong quá trình sản xuất, mà chưa đầu tư xây dựng liên kết theo chuỗi giá trị. Liên kết theo chuỗi giá trị, các bên liên quan sẽ có trách nhiệm hơn trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm. Doanh nghiệp sau khi tìm kiếm được thị trường và nắm rõ các yêu cầu của thị trường, sẽ tập huấn và phổ cập những kiến thức phục vụ sản xuất cho người nông dân để kiểm soát tốt hơn khâu sản xuất, tạo ra sản phẩm đạt chất lượng cao. Bản thân người nông dân cũng cần nhận thức được vai trò của mình trong gia tăng chuỗi giá trị cho sản phẩm. Ngoài ra, việc liên kết chuỗi giá trị, sẽ gia tăng sức mạnh cho bản thân các chủ thể sản xuất nông nghiệp, giảm thiểu tình trạng kinh doanh manh mún, nhỏ lẻ, thiếu đồng bộ trong hệ thống vận hành.

*Thứ tư*, doanh nghiệp cần chú trọng đến việc đảm bảo thực hiện trách nhiệm xã hội trong suốt quá trình quản trị và sản xuất sản phẩm. Trách nhiệm xã hội là một yếu tố quan trọng gia tăng năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường. Thông



qua những hoạt động cốt lõi của trách nhiệm xã hội như: bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng đời sống người lao động, phát triển cộng đồng... sẽ tăng uy tín của doanh nghiệp trên thị trường và xây dựng hình ảnh tốt đẹp trong giới kinh doanh.

### Tài liệu tham khảo

1. Aksoy, M.A. and Beghin, J.C., (2005). *Global Agricultural Trade and Developing Countries* (The World Bank, Washington DC).
2. Asfaw, S., Mithöfer, D., & Waibel, H. (2010). *What impact are EU supermarket standards having on developing countries' export of high-value horticultural products? Evidence from Kenya*. *Journal of International Food & Agribusiness Marketing*, 22(3-4), 252-276.
3. Banson, K. E., Nguyen, N. C., Bosch, O. J., & Nguyen, T. V. (2015). *A systems thinking approach to address the complexity of agribusiness for sustainable development in Africa: a case study in Ghana*. *Systems Research and Behavioral Science*, 32(6), 672-688.
4. Báo Công Thương (2020), *Nông sản Việt chinh phục châu Âu*, <https://congthuong.vn/nong-san-viet-chinh-phuc-chau-au-159634.html>
5. Báo Hải quan online (2021), *Nông sản đua nhau chinh phục thị trường “khó tính”*, <https://haiquanonline.com.vn/nong-san-dua-nhau-chinh-phuc-thi-truong-kho-tinh-151721.html>
6. Báo Nông nghiệp Việt Nam (2022), *Xuất khẩu cà phê đạt mức cao kỷ lục*, <https://nongnghiep.vn/xuat-khau-ca-phe-dat-muc-cao-ky-luc-d322145.html>
7. Bộ Công thương (2022), *Xuất khẩu nông sản sang EU năm bắt cơ hội từ EVFTA*, <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/xuat-khau-nong-san-sang-eu-nam-bat-co-hoi-tu-evfta.html>
8. Bộ Công Thương (2020). *Đánh giá tác động của Hiệp định EVFTA đến Việt Nam*, <https://www.moit.gov.vn/>
9. Bộ Công Thương, *Báo cáo xuất nhập khẩu 2020, 2021, 2022*
10. Hiệp hội cà phê - cao su Việt Nam (2022), *Tình hình xuất khẩu cà phê tháng 12/2021 sang thị trường EU*, <http://www.vicofa.org.vn/tinh-hinh-xuat-khau-ca-phe-thang-12/2021-sang-thi-truong-eu-bid731.html>
11. Hoda, Anwarul, and Ashok Gulati. *India's agricultural trade policy and sustainable development*. ICTSD issue paper 49 (2013).

12. Trần Thị Thu Huyền (2020), *Giải pháp đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang thị trường EU*, Tạp chí Công Thương, 04/2020
13. Bảo Loan, Dương Thành (2019), *Liên kết doanh nghiệp và nông dân: Động lực phát triển nền sản xuất hàng hoá*, <https://diendandoanhnghiep.vn/rao-can-thuong-mai-ngay-cang-phuc-tap-trong-xuat-khau-nong-san-159374.html>
14. Nguyễn Duy Nghĩa (2022), *Kết quả xuất khẩu của nông nghiệp theo Tổng cục Thống kê*, <https://vneconomy.vn/ket-qua-xuat-khau-cua-nong-nghiep-theo-tong-cuc-thong-ke.htm>
15. Tổng cục Hải quan, *Báo cáo xuất nhập khẩu 2020, 2021, 2022*.
16. Quốc hội (2005), *Luật thương mại 2005*.
17. Tổng cục thống kê, *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2020, 2021*.
18. Tổng cục thống kê (2022), *Tăng trưởng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản bệ đỡ cho nền kinh tế và “tám nệm” cho công tác an sinh xã hội năm 2021*, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2022/01/tang-truong-khu-vuc-nong-lam-nghiep-va-thuy-san-be-do-cho-nen-kinh-te-va-tam-nem-cho-cong-tac-an-sinh-xa-hoi-nam-2021/>, truy cập ngày 26/4/2022
19. Tổng Cục thống kê (2022), *Báo cáo tình hình kinh tế xã hội quý IV và năm 2021*, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/12/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2021/>
20. Tổng cục Thủy sản (2022), *Nghêu là sản phẩm thủy sản có giá trị xuất khẩu lớn thứ 4 sang EU*, <https://tongcucthuysan.gov.vn/vi-vn/ngheu-la-san-pham-thuy-san-co-gia-tri-xuat-khau-lon-thu-4-sang-eu>
21. Rivera-Ferre, M. G. (2009), *Can export-oriented aquaculture in developing countries be sustainable and promote sustainable development? The shrimp case*. *Journal of Agricultural and Environmental Ethics*, 22(4), 301-321.
22. Viện Công nghệ thực phẩm (2021), *Tiêu chuẩn Sản xuất của EU đối với các sản phẩm nông sản thực phẩm*, <https://firi.vn/trung-tam-ket-noi/tieu-chuan-cua-chau-au-doi-voi-cac-san-pham-nong-san-thuc-pham/>
23. VTV (2022), *Nhiều cơ hội xuất khẩu gạo chất lượng cao sang EU*, <https://vtv.vn/kinh-te/nhieu-co-hoi-xuat-khau-gao-chat-luong-cao-sang-eu-20220309115936058.htm>

# XUẤT KHẨU NÔNG SẢN CỦA VIỆT NAM: TRIỂN VỌNG VÀ THÁCH THỨC TỪ HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO EU-VIỆT NAM (EVFTA)

*ThS. Hà Thị Ngọc Niềm*  
**Đại học An Giang**

**Tóm tắt:** *Kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang các nước Liên minh châu Âu (EU) đã có khởi sắc rõ rệt sau khi Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA) chính thức có hiệu lực vào ngày 01/8/2020. Bài viết đánh giá những cơ hội và thách thức của xuất khẩu nông sản vào EU khi tham gia EVFTA và đưa ra một số giải pháp nhằm đẩy mạnh xuất khẩu, tận dụng những cơ hội do EVFTA mang lại.*

## **1. Đặt vấn đề**

Việc tham gia vào các Hiệp định thương mại tự do (FTAs) thế hệ mới đã và đang tạo ra nhiều cơ hội cho nông sản Việt Nam tiến vào các thị trường tiềm năng. EU hiện đang là đối tác thương mại lớn thứ ba của Việt Nam và là thị trường nhập khẩu nông sản có tốc độ phát triển mạnh sau khi hiệp định EVFTA được đưa vào thực hiện vào tháng 8/2020.

Maliszewska và cộng sự (2019) nhận định Hiệp định EVFTA sẽ có tác động rất lớn đối với Việt Nam, thậm chí vượt qua Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). Đây sẽ là cơ hội để Việt Nam có thể tận dụng đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng kinh tế, tăng kim ngạch xuất khẩu, cũng như xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống cho người dân. Theo Đỗ Thị Hòa Nhã và nhóm tác giả (2019), kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU tăng liên tục trong giai đoạn vừa qua và còn nhiều tiềm năng phát triển là do những yếu tố như quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu duy trì khá ổn định và cơ cấu hàng hóa trao đổi giữa hai bên ít có sự cạnh tranh.

Các tác giả cũng chỉ ra những nguyên nhân dẫn đến xuất khẩu của Việt Nam sang các quốc gia Liên minh Châu Âu còn chưa đạt được kì vọng bắt nguồn từ các vấn đề như: (i) trình độ công nghệ của Việt Nam còn yếu kém; (ii) EU là thị trường khó tính, duy trì hàng rào bảo hộ khá nghiêm ngặt; (iii) công tác phân phối hàng hóa chưa

hợp lý; (iv) EU vẫn chưa công nhận Việt Nam có nền kinh tế thị trường đầy đủ; và (v) các doanh nghiệp trong nước còn thiếu hiểu biết về thị trường EU.

Năm 2020, xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang EU đạt 3,39 tỷ USD, giảm 5,4% so với năm 2019 do tác động của Đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, kể từ sau khi EVFTA có hiệu lực, xuất khẩu nông sản sang thị trường này nhìn chung đã có xu hướng cải thiện, thể hiện qua tốc độ tăng trưởng của một số mặt hàng nông sản vào EU tăng tốc rõ rệt. Theo số liệu của Bộ Công Thương, ngay trong tháng 8/2020, kim ngạch xuất khẩu nông sản sang EU tăng 11,9% so với tháng 7/2020. Sang tháng 9/2020, giá trị kim ngạch xuất khẩu nông sản sang EU tăng tới 35% so với tháng 8/2020. Trung bình giai đoạn từ tháng 8/2020 đến tháng 6/2021, giá trị kim ngạch xuất khẩu nông sản sang thị trường EU đã tăng trưởng ở mức 10% đạt 486 triệu USD.

Đáng chú ý, kim ngạch xuất khẩu thủy sản 7 tháng đầu năm 2021 đã tăng 18,2% so với cùng kỳ năm 2020, đạt hơn 563,6 triệu USD. Trong thời gian tới, kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang thị trường EU ước tính sẽ đạt khoảng 5,5 tỷ USD/năm, chiếm tỷ trọng 15% tổng giá trị xuất khẩu nông sản của Việt Nam (Báo Công Thương, 2021).

Năm 2021 cũng là dấu mốc quan trọng đối với mặt hàng rau quả Việt Nam, khi các loại trái cây như vải, nhãn tươi đã được đưa vào hàng loạt hệ thống siêu thị thực phẩm tại Hà Lan, Bỉ, Pháp, Đức. Các loại hoa quả khác như thanh long, mít, xoài, bưởi cũng đang được đẩy mạnh xúc tiến thương mại để xuất khẩu sang EU (Báo Hải quan, 2021). Hiện nay, EU là thị trường xuất khẩu thứ tư của rau quả Việt Nam và dự đoán trong tương lai gần có thể vươn lên vị trí cao hơn nhờ việc hưởng các ưu đãi theo hiệp định EVFTA.

## **2. Thách thức và cơ hội đối với xuất khẩu nông sản Việt Nam vào EU sau EVFTA**

### ***2.1. Thách thức***

Theo các cam kết kèm theo của EVFTA, yêu cầu về quy tắc nguồn gốc xuất xứ của EU cũng rất chặt chẽ, phải đáp ứng được yêu cầu về giới hạn tỷ lệ % tối đa được phép của nguyên liệu nhập khẩu. Các mặt hàng muốn được hưởng ưu đãi thuế quan thì nguyên liệu phải đáp ứng được hàm lượng nội khối nhất định (nguyên liệu có xuất xứ tại EU hoặc Việt Nam). Đây là một thách thức lớn đối với các doanh nghiệp Việt bởi

nguồn nguyên liệu cho sản xuất hàng xuất khẩu hiện nay chủ yếu được nhập khẩu từ Trung Quốc hoặc các nước trong ASEAN.

Thêm vào đó, công nghiệp hỗ trợ của Việt Nam chưa phát triển nên phần lớn nguồn nguyên, phụ liệu để sản xuất hàng xuất khẩu đều phải nhập khẩu. Từ những yêu cầu chặt chẽ về quy tắc xuất xứ như trên trong khi hơn 70% nguồn nguyên liệu Việt Nam phải nhập khẩu thì việc tìm ra giải pháp cho vấn đề đáp ứng quy tắc xuất xứ để được hưởng ưu đãi về thuế quan theo Hiệp định EVFTA chính là một thách thức lớn đối với ngành nông nghiệp.

Hơn nữa, các yêu cầu bắt buộc về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm của EU rất khắt khe và không dễ để đáp ứng. Tại Việt Nam, phương thức nuôi trồng và thực tiễn sản xuất vẫn chưa phù hợp để đáp ứng được các biện pháp kiểm dịch nghiêm ngặt.

Để đáp ứng được các tiêu chuẩn, tuân thủ các quy trình theo chuẩn quốc tế đòi hỏi các doanh nghiệp phải điều chỉnh hoạt động sản xuất hoặc phương pháp sản xuất, áp dụng công nghệ tiên tiến..., dẫn tới chi phí tuân thủ bị gia tăng, tạo áp lực về tài chính cho các doanh nghiệp Việt Nam. Ngoài ra, nhiều doanh nghiệp xuất khẩu nông sản đang phải đối mặt với tình trạng thiếu thông tin kịp thời, từ đó, thời gian các doanh nghiệp có được để đáp ứng các yêu cầu về các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch đã bị giảm đáng kể, dẫn đến tăng chi phí hoặc có thể hạn chế khả năng xuất khẩu.

Mặt khác, trong khi nhiều doanh nghiệp Việt còn khá thờ ơ với vấn đề sở hữu trí tuệ, thì đây lại là yêu cầu đặt lên hàng đầu từ phía EU. Một số điều khoản đòi hỏi về bảo hộ sở hữu trí tuệ của EU còn cao hơn đòi hỏi về quyền sở hữu trí tuệ của tổ chức Thương mại thế giới. Trong khi đó tại Việt Nam, hiện tượng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ ngày càng nhiều. Một trong những nguyên nhân khiến các vụ việc vi phạm sở hữu trí tuệ vẫn diễn ra thường xuyên là do các doanh nghiệp chưa quan tâm đến vấn đề sở hữu trí tuệ, bảo vệ thương hiệu của mình.

Doanh nghiệp nông sản Việt Nam chỉ chú trọng tới số lượng xuất khẩu, chưa thực sự quan tâm đến xây dựng thương hiệu. 90% nông sản của Việt Nam chỉ được xuất khẩu dưới dạng thô, dù xuất đi sản lượng lớn, chất lượng cao nhưng lợi ích kinh tế mang lại thấp. Ngoài ra, chi phí bảo hộ tốn kém cũng là một vấn đề ảnh hưởng đến quyết định đăng ký bảo hộ của doanh nghiệp. Vì vậy, việc quan tâm xây dựng và phát triển thương hiệu đã và đang là vấn đề cấp bách đặt ra hiện nay đối với các mặt hàng nông sản của nước ta.

Một thách thức nữa đặt ra là hiện nay nhiều chỉ dẫn địa lý của Việt Nam đang bị sử dụng trái phép. Ví dụ như, nhãn hiệu nước mắm Phú Quốc tràn lan trên thị trường, thậm chí Malaysia và Thái Lan cũng sản xuất nước mắm Phú Quốc. Một lý do cho thực trạng này là việc quản lý còn nhiều bất cập. Việc chưa có chế tài xử lý việc sử dụng trái phép thương hiệu khiến người tham gia sản xuất không mặn mà bảo hộ, làm mất giá trị sản phẩm. Đây là một trong những vấn đề mà Chính phủ và các Bộ ngành cần đặc biệt quan tâm.

## **2.2. Thuận lợi**

Ngành Nông nghiệp Việt Nam được dự báo là một trong những ngành được hưởng lợi lớn nhất từ EVFTA. Hiệp định được ký kết trong giai đoạn nông nghiệp nước ta đang cấp bách cần đa dạng hóa thị trường xuất khẩu các mặt hàng nông sản. EVFTA đã mở ra cơ hội lớn cho nền nông nghiệp Việt Nam đa dạng hóa thị trường và thâm nhập vào một thị trường đầy tiềm năng với hơn nửa tỷ dân có sức mua lớn.

Các mặt hàng nông sản chủ chốt của Việt Nam vào Liên minh châu Âu là thủy sản, gạo, các sản phẩm trồng trọt, rau quả đều được hưởng mức thuế suất ưu đãi ngay sau khi hiệp định EVFTA có hiệu lực. Đối với mặt hàng thủy sản, khoảng một nửa số dòng thuế tương đương với 840 dòng thuế, trong đó phần lớn ở mức từ 6% đến 22% sẽ về mức 0%. Một nửa số dòng thuế còn lại hiện đang ở mức từ 5% đến 26% sẽ về 0% sau khoảng thời gian 3 đến 7 năm. Mặt hàng gạo vốn không phải là mặt hàng chủ chốt xuất sang EU nhưng có kim ngạch xuất khẩu tăng đều trong những năm gần đây.

Sau 3 đến 7 năm, thuế suất mặt hàng này cũng sẽ về 0%. Hầu hết các sản phẩm trồng trọt, rau quả đều được hưởng ưu đãi thuế khi nhập vào EU. Cụ thể 520 trong số 556 dòng thuế về 0%. Hạt điều, cà phê, hạt tiêu đều về 0% ngay sau khi thực thi hiệp định. Không chỉ giảm thuế đối với các mặt hàng cụ thể, EU còn có cơ chế bảo hộ 39 chỉ dẫn địa lý của Việt Nam như: vải Thanh Hà, vải Lục Ngạn, chè Tân Cương, nho Ninh Thuận, xoài Hòa Lộc, quýt Bắc Cạn, gạo Hải Hậu... Đây là một trong những điều kiện thuận lợi để nông sản Việt khẳng định được thương hiệu trên thị trường thế giới.

Năm 2020, kim ngạch xuất khẩu sang thị trường EU của Việt Nam đạt 43,7 tỷ USD và nhập khẩu từ EU là 18,5 tỷ USD. Việc ký kết EVFTA mở ra cơ hội cho hàng nông sản Việt Nam được tiến sâu vào các nước trong Liên minh Châu Âu bao gồm những thị trường có tầng lớp trung lưu đông đảo và nhu cầu tiêu dùng cao. Trong

những năm gần đây, hàng nông sản Việt Nam vào thị trường EU gia tăng do Việt Nam được hưởng mức thuế quan ưu đãi từ Chương trình ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP), là cơ chế ưu đãi thuế áp dụng để hỗ trợ các nước đang và kém phát triển xuất khẩu hàng hóa sang EU.

Phía EU có quyền đơn phương rà soát định kỳ việc Việt Nam hoặc hàng hóa của Việt Nam có được tiếp tục hưởng ưu đãi hay không. Do vậy, cơ chế này không mang tính ổn định. Trong khi đó EVFTA là một cơ chế ưu đãi thuế quan ổn định và lâu dài cho cả hai bên. Hiệp định có mức độ tự do hóa thuế quan mạnh mẽ với gần 100% mặt hàng được xóa bỏ thuế nhập khẩu trong vòng 7 năm.

Hiệp định EVFTA là một bước tiến cho Việt Nam trong quá trình tham gia sâu rộng vào chuỗi giá trị toàn cầu, nâng cao trình độ của lực lượng sản xuất và phân đấu tối đa hóa giá trị gia tăng nhận được. Đồng thời, doanh nghiệp nông nghiệp Việt Nam dễ dàng tiếp cận, tiến hành trao đổi mua bán với những thị trường khác có thỏa thuận thương mại tự do với EU, có thêm một nguồn nhập khẩu với giá cả hợp lý và chất lượng tốt hơn.

EVFTA cũng mang đến cho các doanh nghiệp Việt Nam cơ hội tự hoàn thiện quy trình sản xuất, nâng cao chất lượng nông sản trong quá trình nỗ lực phân đấu để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng và vệ sinh an toàn mà thị trường này đòi hỏi. Các rào cản kỹ thuật trong thương mại và các biện pháp kiểm dịch động thực vật và vệ sinh an toàn thực phẩm (SPSS)... đã có những tác động nhất định tới ý thức của người sản xuất, chế biến các sản phẩm nông nghiệp trong thời gian vừa qua. Điều này đòi hỏi người sản xuất phải nâng cao công nghệ kỹ thuật trong quá trình sản xuất, bảo đảm các quy định an toàn vệ sinh thực phẩm nhằm thực hiện các cam kết. Hiệp định EVFTA cũng tạo điều kiện cho ngành nông nghiệp Việt Nam được nhập khẩu các loại máy móc, trang thiết bị hoặc nguyên phụ liệu, các giải pháp công nghệ đồng bộ phục vụ sản xuất nông nghiệp với mức giá hợp lý.

Việc EVFTA được ký kết đã tạo cơ sở pháp lý cho các hoạt động trao đổi thương mại để hàng hóa Việt Nam xuất khẩu sang châu Âu, đáp ứng đúng các tiêu chuẩn chất lượng và an toàn mà thị trường này đòi hỏi. Những cam kết trong các lĩnh vực như phòng vệ thương mại (chống bán phá giá, chống trợ cấp, tự vệ), các rào cản kỹ thuật trong thương mại (TBTs), các biện pháp kiểm dịch động thực vật và vệ sinh an toàn thực phẩm (SPSS)... đã có những tác động nhất định tới hoạt động xuất khẩu của Việt

Nam trong thời gian vừa qua, được cho là sẽ có những tác động tích cực hơn, đem lại những lợi ích đáng kể cho xuất khẩu của Việt Nam trong thời gian tới.

### **3. Một số giải pháp**

#### **3.1. Về phía Nhà nước**

Thứ nhất, Nhà nước cần có các chính sách để thúc đẩy áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất và chế biến hàng nông sản, góp phần thúc đẩy sản xuất có năng suất, chất lượng và hiệu quả. Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới (WB), Việt Nam đầu tư cho nghiên cứu và phát triển ngành nông nghiệp còn thấp, tương đương 0,2% GDP nông nghiệp, trong khi đó ở Braxin là 1,8%, Trung Quốc là 0,5%. Nông nghiệp Việt Nam vẫn còn sử dụng nhiều công nghệ lạc hậu, năng suất chất lượng thấp. Trong khi đó, EU là thị trường khó tính với những yêu cầu hết sức chặt chẽ về chất lượng. Do đó, Nhà nước cần có các chính sách ưu tiên để phát triển công nghệ kỹ thuật trong sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản.

Thứ hai Nhà nước cần khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vốn và công nghệ để phát triển sản xuất - kinh doanh trên tất cả các lĩnh vực nông nghiệp. Bên cạnh đó, việc mở rộng tín dụng an toàn, hiệu quả có thể tạo điều kiện thuận lợi hỗ trợ cho doanh nghiệp kịp thời đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ sản xuất - kinh doanh, tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên của Chính phủ như cho vay nông nghiệp nông thôn, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu hàng hóa nông sản,...

Thứ ba, đẩy mạnh công tác tuyên truyền đào tạo nhằm thay đổi tập quán sản xuất nông nghiệp của nông dân như kỹ thuật sản xuất nông sản sạch, an toàn theo tiêu chuẩn quốc tế, ứng dụng khoa học kỹ thuật và đổi mới công nghệ.

Thứ tư, Nhà nước cần hỗ trợ các doanh nghiệp chế biến nhanh chóng xây dựng và đăng ký thương hiệu cho sản phẩm hàng hóa nhằm nâng cao uy tín trên thị trường và phòng tránh bị mất thương hiệu vào tay các doanh nghiệp nước ngoài. Riêng với nông sản, việc đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý nắm vai trò hết sức quan trọng. Đây là tiền đề giúp cho các sản phẩm của chúng ta khẳng định được thương hiệu của mình, có chỗ đứng vững vàng tại thị trường trong nước và thế giới.

Thứ năm, một trong những thách thức lớn đối với nông sản Việt Nam khi bước vào thị trường EU là vấn đề xuất xứ. Chúng ta cần phát triển công nghiệp phụ trợ nhằm đảm bảo thỏa mãn yêu cầu về xuất xứ nguyên vật liệu của các mặt hàng nông



sản Việt Nam. Việc quy hoạch các cụm sản xuất công nghiệp phụ trợ, sản xuất, chế biến nông nghiệp tập trung, giảm tình trạng rải rác, manh mún và tự phát cũng là một chiến lược cần thiết.

Ngoài ra, Nhà nước cần đẩy mạnh công tác thông tin như dự báo thị trường, thống kê, điều tiết sản xuất, hỗ trợ doanh nghiệp và hộ nông dân nhằm ứng phó kịp thời với những biến động bất lợi của kinh tế và thị trường thế giới. Bên cạnh đó, tiến hành nghiên cứu về thị trường tiếp cận, nhận định được những tiềm năng cũng như đánh giá được sức cạnh tranh của từng loại nông sản để tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tiến vào thị trường EU.

Thứ sáu, cần xây dựng hệ thống quy định và chế tài chặt chẽ về vấn đề bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Bảo vệ môi trường là một trong những vấn đề hàng đầu được các nước châu Âu quan tâm. Do đó, Nhà nước cần tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về môi trường và có chế tài nghiêm khắc đối với hoạt động sản xuất nông nghiệp gây ô nhiễm môi trường.

### **3.2. Về phía doanh nghiệp**

Thứ nhất, các doanh nghiệp và hộ nông dân sản xuất chế biến nông sản xuất khẩu cần nâng cao chất lượng hàng nông sản phù hợp với các cam kết của Việt Nam trong EVFTA và các thị trường đối tác quan trọng. Việt Nam có nhiều lợi thế về hàng hóa nông sản, tuy nhiên do phương thức canh tác, nuôi trồng không hợp lý, sử dụng nhiều hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật nên chất lượng hàng hóa hạn chế. Trong khi đó, thị trường hàng hóa nông sản hữu cơ thế giới đang phát triển nhanh, nhu cầu đối với mặt hàng hữu cơ tăng cao.

Phát triển nền nông nghiệp hữu cơ là xu thế tất yếu trong tương lai giúp đưa người nông dân tới gần hơn với nền sản xuất hiện đại, tạo nền tảng cho nông nghiệp phát triển, là tiền đề để doanh nghiệp xuất khẩu nông sản tiến xa hơn, thâm nhập sâu vào thị trường EU. Song song với đó, doanh nghiệp và hộ gia đình cần chú trọng ứng dụng công nghệ như việc truy xuất nguồn gốc nông sản điện tử, giúp mở rộng thị trường xuất khẩu.

Thứ hai, doanh nghiệp Việt Nam cần tập trung xây dựng thương hiệu cho nông sản Việt Nam. Là đất nước nông nghiệp, với nhiều mặt hàng nông sản có thể mạnh nhưng sản phẩm nông sản của Việt Nam có thương hiệu trên thị trường quốc tế rất hạn chế về số lượng. Phần lớn nông sản trong nước được xuất khẩu ở dạng thô, sau khi

nhập về, các doanh nghiệp nước ngoài chế biến và sử dụng tên, thương hiệu của họ, nên giá trị gia tăng thấp. Dù số lượng xuất khẩu lớn nhưng kim ngạch xuất khẩu sản phẩm nông sản không nhiều. Để tham gia vào việc xây dựng thương hiệu, doanh nghiệp cần lựa chọn mặt hàng có thể mạnh để quảng bá tại các hội chợ hàng nông nghiệp trong nước và nước ngoài, đưa thông tin về nông sản tới các thị trường mục tiêu.

Thứ ba, doanh nghiệp cần có chiến lược để thâm nhập sâu và rộng hơn vào thị trường xuất khẩu. Doanh nghiệp có thể áp dụng mở rộng thị trường theo chiều sâu như đẩy mạnh lượng tiêu thụ và kim ngạch xuất khẩu đối với các đối tác truyền thống của mình. Tại thị trường mà doanh nghiệp đã có sẵn đối tác, doanh nghiệp gia tăng số lượng khách hàng bằng việc nâng cao chất lượng, mẫu mã hàng nông sản, có các chính sách đãi ngộ... thể hiện ưu thế của sản phẩm nông nghiệp Việt Nam. Với mở rộng thị trường theo chiều rộng, doanh nghiệp cần có các hoạt động nghiên cứu, dự báo nắm bắt được đặc điểm, thị hiếu của từng thị trường để chào bán các sản phẩm nông nghiệp phù hợp.

#### **Tài liệu tham khảo**

1. Bộ Công Thương (2020). *Đánh giá tác động của Hiệp định EVFTA đến Việt Nam*, truy cập tại: <https://www.moit.gov.vn/>
2. Báo Công Thương (2021). *Nông sản Việt chinh phục châu Âu*. Truy cập tại: <https://congthuong.vn/nong-san-viet-chinh-phuc-chau-au-159634.html>
3. Báo Hải quan (2021). *Nông sản đua nhau chinh phục thị trường “khó tính”*, <https://haiquanonline.com.vn/nong-san-dua-nhau-chinh-phuc-thi-truong-kho-tinh-151721.html>
4. Maryla Maliszewska, Maria Pereira, Israel Osorio-Rodarte, Olekseyuk, Zoryana. (2019). *Economics and distributional impacts of the EVFTA and CPTPP in Vietnam*. USA: World Bank.
5. Bộ Công Thương (2020). *Báo cáo Xuất nhập khẩu Việt Nam năm 2020*. Hà Nội: Nhà xuất bản Công Thương.
6. Đỗ Thị Hòa Nhã, Nguyễn Thị Oanh, Ngô Hoài Thu (2019). Phân tích tình hình xuất khẩu các nhóm hàng hóa của Việt Nam sang thị trường EU. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên*, 196(3), 63-70.

7. Hà Anh (2019). *Biến đổi khí hậu và 5 nguy cơ đối với nông nghiệp Việt Nam*. Tạp chí Tài chính Online, <https://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-kinh-doanh/bien-doi-khi-hau-va-5-nguy-co-doi-voi-nong-nghiep-viet-nam-314416.html>.

8. Tiên Anh (2020). *Thủ tướng chủ trì Hội nghị về phát triển công nghiệp chế biến nông sản*, <https://nhandan.vn/tin-tuc-kinh-te/thu-tuong-chu-tri-hoi-nghi-ve-phat-trien-cong-nghiep-che-bien-nong-san-450115/>

9. Trung tâm WTO (2019). *Tóm lược Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu*.

10. Vu Thi Thu Huong. (2019). Analysis of comparative advantages of Vietnamese agricultural products exported to the EU market. *Business Administration Journal, Duy Tan University*, 145, 77-88.

# XUẤT KHẨU SẢN PHẨM RAU QUẢ CỦA VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG EU KỂ TỪ KHI HIỆP ĐỊNH EVFTA ĐƯỢC THỰC THI

*TS.Hoa Hữu Cường*  
Viện Nghiên cứu Châu Âu

**Tóm tắt:** Kể từ khi Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA) có hiệu lực từ ngày 1/8/2020 đến nay, mặc dù gặp nhiều yếu tố bất lợi từ đại dịch Covid-19 nhưng khả năng xuất khẩu các sản phẩm nông sản nói chung và rau quả nói riêng của Việt Nam sang thị trường EU trong hai năm kể từ khi EVFTA có hiệu lực đã từng bước được cải thiện đáng kể từ nhận thức của các cơ quan quản lý nhà nước cũng như các nhà xuất sản, chế biến cho đến các hành động thực tế trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm, áp dụng quy trình canh tác-sản xuất-chế biến theo tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt (GAP), xây dựng thương hiệu, phát triển vùng nguyên liệu. Chính từ những chuyển biến này cộng với những cơ hội đến từ việc giảm thuế mà nhiều mặt hàng rau quả của Việt Nam thị trường EU có gia tăng ấn tượng về giá trị xuất khẩu. Tuy nhiên, để có thể tận dụng được tối đa những cơ hội đến từ EVFTA các sản phẩm rau quả của Việt Nam cần phải cải thiện những hạn chế trong khả năng xuất khẩu như: sản xuất nhỏ lẻ và manh mún, việc chế biến rau quả vẫn chưa được quan tâm đúng mức, thiếu vùng sản xuất nguyên liệu, chất lượng và sản lượng không đồng đều, diện tích canh tác và sản xuất rau quả đạt chuẩn GAP quốc tế chưa nhiều, các doanh nghiệp chưa chủ động trong việc nắm bắt thông tin thị trường và các nội dung của EVFTA...

## 1. Những thuận lợi và khó khăn đối với xuất khẩu sản phẩm rau quả của Việt Nam sang thị trường EU sau hai năm thực thi EVFTA

*Những thuận lợi cho xuất khẩu mặt hàng rau quả*

- Với việc EU cam kết mở cửa cho rau quả Việt Nam trong EVFTA Xóa bỏ tất cả các loại thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực với phần lớn dòng thuế rau quả (514/547 dòng, tương đương 94% tổng số dòng). Chúng ta có thể so sánh với mức thuế tối huệ quốc (FNF) và mức thuế GSP mà EU đang áp dụng cho các nước xuất khẩu mặt hàng rau quả, cụ thể: Mức thuế MFN trung bình của EU năm 2020 đối với các sản phẩm rau quả (8,7% đối với các sản phẩm rau tươi và sơ chế Chương 07, 6,67% đối với các sản phẩm quả tươi và sơ chế Chương 08, 17,71% đối với các sản

phẩm rau quả chế biến Chương 20). Mức thuế GSP GSP trung bình của EU năm 2020 đối với các sản phẩm rau quả (5,91% đối với các sản phẩm rau tươi và sơ chế Chương 07, 4,49% đối với các sản phẩm quả tươi và sơ chế Chương 08, 12,96% đối với các sản phẩm rau quả chế biến Chương 20)<sup>(1)</sup>. Do đó, mức cam kết về thuế trong EVFTA của EU sẽ tạo ra thuận lợi rất lớn về giá cho mặt hàng rau quả xuất khẩu của Việt Nam (đặc biệt trong cạnh tranh nhập khẩu vào EU với các nước có thế mạnh về rau quả chưa có FTA với EU như Thái Lan, Trung Quốc, Malaysia, Indonesia)

- Trong hiệp định EVFTA, EU cam kết công nhận 20 chỉ dẫn địa lý sản phẩm rau quả của Việt Nam như: vải Thanh Hà, vải Lục Ngạn, nho Ninh Thuận, xoài Hòa Lộc, quýt Bắc Cạn<sup>(2)</sup>... Đây là một trong những điều kiện thuận lợi để sản phẩm rau quả của Việt Nam được bảo vệ về mặt pháp lý cũng như khẳng định được thương hiệu trên thị trường thế giới nói chung và thị trường EU nói riêng.

**Bảng 1. Các chỉ dẫn địa lý sản phẩm rau quả của Việt Nam được EU công nhận trong EVFTA**

|                       |                        |                        |
|-----------------------|------------------------|------------------------|
| Bưởi Đoan Hùng        | Vú sữa Vĩnh Kim        | Bưởi Tân Triều         |
| Thanh Long Bình Thuận | Hồng không hạt Bắc Kạn | Hồng không hạt Bảo Lâm |
| Vải Thanh Hà          | Bưởi Phúc Trạch        | Xoài Yên Châu          |
| Cam Vinh              | Hạt dẻ Trùng Khánh     | Bưởi Bình Minh         |
| Vải Lục Ngạn          | Mãng Cầu Bà Đen        | Bưởi Luận Văn          |
| Xoài Hòa Lộc          | Nho Ninh Thuận         | Vú sữa Vĩnh Kim        |
| Chuối Đại Hoàng       | Cam Cao Phong          |                        |

Nguồn: Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch Hà Nội (2020), *Cẩm nang doanh nghiệp: EVFTA và ngành rau quả Việt Nam*, Nxb. Công Thương

- EVFTA sẽ tạo ra sức ép buộc các doanh nghiệp, HTX nông nghiệp nói chung và rau quả nói riêng của Việt Nam phải những thay đổi trong tư duy sản xuất, canh tác cũng như vấn đề về tìm hiểu nhu cầu thị trường, quản trị... đồng thời đẩy mạnh hoạt động nâng cao chất lượng sản phẩm để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng và vệ sinh an toàn mà thị trường này đòi hỏi. Thực tiễn trong hai năm EVFTA có hiệu lực cho thấy, các rào cản kỹ thuật trong thương mại và các biện pháp kiểm dịch động thực vật và vệ sinh an toàn thực phẩm (SPSS)... đã có những tác động nhất định tới ý thức của người sản xuất, chế biến các sản phẩm nông nghiệp trong thời gian vừa qua. Điều này đòi hỏi người sản xuất phải nâng cao công nghệ kỹ thuật trong quá trình sản xuất, bảo đảm các quy định an toàn vệ sinh thực phẩm nhằm thực hiện các cam kết.

- Với những cam kết giảm thuế nhập khẩu các trang thiết bị, máy móc từ EU thì EVFTA sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, HTX rau quả của Việt Nam nhập khẩu được các loại máy móc, trang thiết bị hoặc nguyên phụ liệu cũng như các giải pháp công nghệ đồng bộ và tiên tiến của Châu Âu phục vụ sản xuất nông nghiệp với mức giá hợp lý.

- Nhu cầu nhập khẩu sản phẩm rau, quả có dinh dưỡng cao của EU từ khu vực nhiệt đới rất lớn và có tốc độ tăng trưởng cao. Trong khi đó, chất lượng rau, củ, quả của Việt Nam ngày một được nâng cao, có khả năng thâm nhập sâu hơn vào thị trường EU. Các doanh nghiệp trong nước đã năng động, kết nối xuất khẩu sang thị trường EU. Đơn cử, bắt đầu từ năm 2021 đã có một số sản phẩm như: nhãn, vải, mít, xoài tươi đã xuất khẩu được vào thị trường Bắc Âu<sup>(4)</sup>, đây là bước tiến quan trọng trong xuất khẩu trái cây của Việt Nam sang EU.

- Hiện nay, tại nhiều địa phương của Việt Nam bắt đầu hình thành những vùng sản xuất rau tập trung áp dụng thực hành nông nghiệp tốt (GAP) và được tổ chức sản xuất, sơ chế kinh doanh khá hiệu quả như tại: Hà Nội, Hải Dương, Thái Bình, An Giang, Sơn La, Lâm Đồng, Đồng Tháp... Hơn nữa, phương thức sản xuất rau quả theo hướng nông nghiệp công nghệ cao cũng đang được mở rộng như: sản xuất trong nhà lưới, nhà kính bảo đảm an toàn thực phẩm.

- Nhiều loại rau, quả chủ lực của Việt Nam đã hình thành vùng sản xuất tập trung, chuyên canh theo hướng sản xuất hàng hóa với sự tham gia của các doanh nghiệp lớn đã đầu tư nhiều về kỹ thuật canh tác, chăm sóc và thâm canh, như: Unifarm, Lavifoods, Vegetexco, Vegetigi, Antesco, GOC, Doveco...

- Việt Nam là quốc gia nhiệt đới nên có sự đa dạng trong các giống rau quả, đặc biệt là các giống đặc sắc, phong phú có giá trị trong xuất khẩu, cụ thể: Việt Nam hiện có 298 giống thuộc 25 nhóm cây ăn quả chủ yếu được trồng trong sản xuất và khoảng 134 giống cây ăn quả bản địa thuộc 15 nhóm cây ăn quả ít phổ biến<sup>(5)</sup>.

- Các doanh nghiệp và HTX nông nghiệp của Việt Nam hiện nay đã có một số đã những thay đổi đáng kể từ tư duy sản xuất, kinh doanh. Cụ thể: họ đã chủ động trong khâu tìm kiếm đối tác, tìm hiểu nhu cầu thị trường hay đầu tư các trang thiết bị hiện đại hay các vùng sản xuất đạt tiêu chuẩn chất GlobalGap. Chính nhờ những thay đổi trong tư duy như vậy, các doanh nghiệp và HTX đã đạt những kết quả tích cực trong việc tiêu thụ các sản phẩm của mình, đặc biệt là các thị trường khó tính như: EU, Hàn Quốc, Nhật Bản...

*Những khó khăn và hạn chế cho xuất khẩu mặt hàng rau quả của Việt Nam sang thị trường EU*

- Theo các cam kết kèm theo của EVFTA, yêu cầu về quy tắc nguồn gốc xuất xứ của EU cũng rất chặt chẽ, phải đáp ứng được yêu cầu về giới hạn tỷ lệ % tối đa được phép của nguyên liệu nhập khẩu. Các mặt hàng muốn được hưởng ưu đãi thuế quan thì nguyên liệu phải đáp ứng được hàm lượng nội khối nhất định (nguyên liệu có xuất xứ tại EU hoặc Việt Nam). Đây là một thách thức lớn đối với các doanh nghiệp Việt bởi nguồn nguyên liệu cho sản xuất hàng xuất khẩu hiện nay chủ yếu được nhập khẩu từ Trung Quốc hoặc các nước trong ASEAN.

- Doanh nghiệp nông sản Việt Nam chỉ chú trọng tới số lượng xuất khẩu, chưa thực sự quan tâm đến xây dựng thương hiệu. Hiện nay, có khoảng 90% nông sản của Việt Nam được xuất khẩu dưới dạng thô<sup>(6)</sup>, dù xuất đi sản lượng lớn, chất lượng cao nhưng lợi ích kinh tế mang lại thấp. Ngoài ra, chi phí bảo hộ tổn kém cũng là một vấn đề ảnh hưởng đến quyết định đăng ký bảo hộ của doanh nghiệp. Vì vậy, việc quan tâm xây dựng và phát triển thương hiệu đã và đang là vấn đề cấp bách đặt ra hiện nay đối với các mặt hàng nông sản của nước ta. Trong khi đó EU luôn đề cao vấn đề sở hữu trí tuệ, Một số điều khoản đòi hỏi về bảo hộ sở hữu trí tuệ của EU còn cao hơn đòi hỏi về quyền sở hữu trí tuệ của tổ chức Thương mại thế giới

- Thị trường EU rất quan tâm đến các vấn đề xã hội như: lao động (doanh nghiệp, HTX sản xuất và chế biến rau quả có đảm bảo đầy đủ quyền lợi cho người lao động), môi trường (việc sử dụng các thuốc bảo vệ thực vật có đúng hàm lượng và quy trình không, có gây ô nhiễm môi trường không), vấn đề trách nhiệm xã hội...Thực tế hiện nay, rất nhiều các doanh nghiệp và HTX trong ngành nông nghiệp nói chung và rau quả nói riêng của Việt Nam vẫn chú trọng nhiều đến các vấn đề này.

- Việt Nam chưa có vùng trồng đủ lớn bảo đảm chất lượng, nguồn cung ổn định cho xuất khẩu sang EU. Hiện tại vùng nguyên liệu tại Việt Nam mới đáp ứng 50-60% công suất chế biến<sup>(7)</sup>, nguyên nhân là do diện tích canh tác nhỏ lẻ, phân tán, không đồng nhất, chế biến theo mùa vụ (2-3 tháng/năm).

- Hiện nay Việt Nam còn thiếu các chương trình xúc tiến thương mại, tuyên truyền quảng bá thương hiệu và các công cụ hỗ trợ thúc đẩy xuất khẩu vào EU.

- Gánh nặng từ chi phí tuân thủ các quy định chất lượng của EU, doanh nghiệp hàng năm phải mất một khoản chi phí không nhỏ và thời gian để duy trì và chứng nhận

tiêu chuẩn cho nhiều vùng trồng theo quy định của EU do chúng ta không có được một vùng nguyên liệu đủ lớn.

- Chất lượng và sản lượng chưa ổn định. nhìn chung, quy mô sản xuất trong nước vẫn nhỏ lẻ, nhiều vườn tạp, diện tích chuyên canh tập trung chiếm chưa tới 20% tổng diện tích trồng cây ăn quả cả nước<sup>(8)</sup>. Tỷ lệ sản xuất rau ứng dụng tiến bộ khoa học cũng còn hạn chế. Việc này dẫn đến nguồn hàng bảo đảm chất lượng xuất khẩu không ổn định về số lượng, khiến nhiều doanh nghiệp không mạnh dạn ký đơn hàng xuất khẩu.

- Quá trình kết nối hình thành chuỗi liên kết sản xuất - phân phối các sản phẩm nông nghiệp chủ lực vẫn còn gặp nhiều khó khăn do người sản xuất chưa bảo đảm các tiêu chuẩn về mẫu mã, bao bì sản phẩm, giấy chứng nhận và chất lượng cho nên khó đáp ứng nhu cầu thu mua của các nhà phân phối. Mối liên kết trong việc nghiên cứu, ứng dụng khoa học, sản xuất thu mua, chế biến, tiêu thụ, phân phối hiệu quả chưa chặt, còn lỏng lẻo và bất cập. Việc kết nối các khâu của chuỗi, giữa cơ sở sản xuất với cơ sở kinh doanh còn lỏng lẻo, chưa ký kết được những hợp đồng ổn định lâu dài, hay có kế hoạch và chiến lược sản xuất kinh doanh phù hợp<sup>(9)</sup>.

- Trong khi đó EU là thị trường có nhu cầu cao về các sản phẩm biến từ rau quả nhiệt đới, chính vì vậy đây là hạn chế lớn của ngành rau quả Việt Nam trong việc tận dụng những cơ hội từ EVFTA để gia tăng khả năng xuất khẩu vào thị trường khó tính này.

- Diện tích trồng cây ăn quả áp dụng quy trình sản xuất an toàn (GlobalGAP, VietGAP) hoặc theo hướng an toàn còn thấp (chiếm 10-15% trên tổng diện tích<sup>(10)</sup>). Việc lạm dụng phân hóa học, thuốc bảo vệ thực vật luôn là nguyên nhân dẫn đến không đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, ảnh hưởng đến thương hiệu trái cây Việt Nam trên thị trường nội địa và xuất khẩu. Hiện nay, 70 - 80% hàng nông sản Việt Nam khi xuất khẩu không mang thương hiệu của doanh nghiệp Việt Nam<sup>(11)</sup>.

- Những khó khăn về chi phí phát sinh và tiếp cận nguồn vốn đã kìm hãm khả năng xuất khẩu mặt hàng rau quả của Việt Nam. Để đáp ứng được các tiêu chuẩn, tuân thủ các quy trình theo chuẩn quốc tế đòi hỏi các doanh nghiệp phải điều chỉnh hoạt động sản xuất hoặc phương pháp sản xuất, áp dụng công nghệ tiên tiến..., dẫn tới chi phí tuân thủ bị gia tăng, tạo áp lực về tài chính cho các doanh nghiệp Việt Nam. Ngoài ra, nhiều doanh nghiệp xuất khẩu nông sản đang phải đối mặt với tình trạng thiếu thông tin kịp thời, từ đó, thời gian các doanh nghiệp có được để đáp ứng các yêu cầu về các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch đã bị giảm đáng kể, dẫn đến tăng chi phí hoặc có thể hạn chế khả năng xuất khẩu. Bên cạnh đó, việc tiếp cận nguồn vốn đối với các



doanh nghiệp, đặc biệt là các HTX nông nghiệp của Việt Nam hiện nay đang gặp khó khăn trong việc tiếp cận các nguồn vốn để đầu tư trang thiết bị, áp dụng các quy trình sản xuất nông nghiệp tốt theo tiêu chuẩn quốc tế. Chính điều này đã cản trở rất nhiều khả năng xuất khẩu của mặt hàng rau quả Việt Nam sang thị trường EU, do chất lượng và sản lượng sản phẩm rau quả, đặc biệt là sản phẩm qua chế biến chưa cao và đồng đều do thiếu các trang thiết bị và vùng nguyên liệu cần thiết.

## 2. Thực trạng xuất khẩu mặt hàng rau quả sang thị trường EU

Sau hai năm đi vào triển khai, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) đã mang lại nhiều kết quả tích cực trong lĩnh vực xuất khẩu các sản phẩm nông sản nói chung và sản phẩm rau quả nói riêng của Việt Nam, cụ thể:

### *Giá trị xuất khẩu*

Xuất khẩu sản phẩm rau quả của Việt Nam sang thị trường EU có mức tăng trưởng khá tốt, mặc dù trong hai năm kể từ khi EVFTA có hiệu lực bị tác động rất lớn từ đại dịch Covid-19, cụ thể:

**Bảng 2. Kim ngạch xuất khẩu sản phẩm rau quả sang thị trường EU giai đoạn 2020-2022**

(Đơn vị: triệu USD)

| Năm 2020 | Tăng/giảm so với năm 2019 | Năm 2021 | Tăng /giảm so với năm 2020 | 6 tháng đầu năm 2022 | Tăng/giảm so với cùng kỳ năm 2021 |
|----------|---------------------------|----------|----------------------------|----------------------|-----------------------------------|
| 158      | 6,76%                     | 193      | 22,15%                     | 81,94                | 12,21%                            |

*Nguồn: tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải Quan các năm 2020,2021, 6 tháng đầu năm 2022*

Qua bảng số liệu trên cho thấy, năm 2020 kim ngạch xuất khẩu sản phẩm rau quả của Việt Nam sang thị trường EU đạt giá trị 158 triệu USD, tăng 6,76% so với năm 2019. Sự tăng trưởng này trong năm 2021 còn ấn tượng hơn khi đạt giá trị là 193 triệu USD, tăng 22,15% so với năm 2020. Lý giải cho sự tăng trưởng này, bên cạnh việc tác động tích cực từ giảm thuế về 0% sau khi EVFTA có hiệu lực còn là việc nhu cầu tiêu thụ hàng hóa thực phẩm, nhất là sản phẩm rau, củ, quả tại các quốc gia khu vực EU đang gia tăng sau giai đoạn phong tỏa, giãn cách vì dịch Covid-19. Đà tăng trưởng ấn tượng này, tiếp tục được duy trì trong năm 2022 mặc dù, EU đang phải đối phó với tình trạng lạm phát tăng cao kỷ lục trong vòng nhiều năm do ảnh hưởng từ xung đột Nga - Ukraine, khiến cho nhu cầu tiêu dùng của người dân EU sụt giảm mạnh. Tuy nhiên, nhu cầu nhập khẩu rau quả từ Việt Nam có sự gia tăng đáng kể, cụ thể: kim ngạch xuất khẩu rau quả sang EU trong 6 tháng đầu năm 2022 đã sụt giảm

mạnh, khi chỉ đạt 81,94 triệu USD, giảm 12,49% so với cùng kỳ năm 2021. Tuy nhiên, dự báo đến hết năm 2022 thì kim ngạch xuất khẩu rau quả Việt Nam sang thị trường EU sẽ được cải thiện đáng kể khi lạm phát tại EU được kiểm soát, nhu cầu người dân sẽ tăng cao.

Mặc dù, đã đạt được những kết quả ấn tượng trong xuất khẩu nhưng, các doanh nghiệp sản xuất, chế biến và xuất khẩu rau quả của Việt Nam vẫn chưa tận dụng được tối đa những thuận lợi từ EVFTA cho nên kết quả xuất khẩu trong 2 năm kể từ khi EVFTA có hiệu lực vẫn chưa tương xứng với nhu cầu khổng lồ đối với rau quả của thị trường này. EU hiện là đối tác nhập khẩu rau quả lớn nhất thế giới, chiếm 45% tổng giá trị nhập khẩu rau quả tươi và 40% tổng giá trị nhập khẩu rau quả chế biến của thế giới năm 2019. Với giá trị kim ngạch nhập khẩu hạn chế, rau quả Việt Nam mới chỉ chiếm gần 1% tổng lượng nhập khẩu rau quả của EU hàng năm.

#### *Thị trường xuất khẩu chính*

Sản phẩm rau quả của Việt Nam đã xuất hiện ở gần như toàn bộ các nước thành viên EU, tuy nhiên vẫn tập trung phần lớn tại một số quốc gia thành viên như: Hà Lan, Đức, Pháp, Italia. Các thị trường này chiếm gần 80% giá trị xuất khẩu sản phẩm rau quả của Việt Nam sang thị trường EU. Trong các thị trường tại EU, Hà Lan là thị trường xuất khẩu lớn nhất của rau quả Việt Nam, chiếm hơn một nửa tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang EU. Điều này chủ yếu xuất phát từ thực tế Hà Lan là một trong những cửa ngõ cho hàng hoá, đặc biệt là nông sản, trung chuyển vào các nước EU khác.

**Bảng 3. Một số thị trường xuất khẩu chủ lực của sản phẩm rau quả Việt Nam tại EU giai đoạn 2020-2022**

(Đơn vị: triệu USD)

| Các quốc gia | Năm 2020 | Năm 2021 | Tăng /giảm so với năm 2020 | 6 tháng đầu năm 2022 | Tăng/giảm so với cùng kỳ năm 2021 |
|--------------|----------|----------|----------------------------|----------------------|-----------------------------------|
| Hà Lan       | 82,40    | 78,80    | - 4,37%                    | 46,97                | 20,96%                            |
| CHLB Đức     | 19,90    | 23,05    | 15,8%                      | 11,90                | 34,3%                             |
| Pháp         | 32,15    | 40,27    | 25,28%                     | 10,04                | 55,59%                            |
| Italia       | 11,60    | 8,60     | -28,09 %                   | 5,03                 | 84,24%                            |

*Nguồn: tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải Quan các năm 2020,2021, 6 tháng đầu năm 2022*

Qua số liệu bảng trên cho thấy:

- Tại thị trường Hà Lan: kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam năm 2020 đạt 82,4 triệu USD, chiếm 52,15% trong tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt

Nam sang thị trường EU. Năm 2021 kim ngạch xuất khẩu sang thị trường chủ lực này sụt giảm cả về giá trị lẫn tỷ trọng trong tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang toàn bộ EU, cụ thể: kim ngạch xuất khẩu đạt 78,8 triệu USD, chiếm 40,8% tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường EU, giảm 4,37% so với năm 2020. Đến năm 2022, mặc dù nhu cầu tiêu dùng sụt giảm do lạm phát cao kỷ lục kể từ đầu năm 2022 nhưng kim ngạch nhập khẩu rau quả từ Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2022 đạt 46,97 triệu USD, tăng 20,96% so với cùng kỳ năm 2021

- Tại thị trường CHLB Đức: kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam năm 2020 đạt 19,9 triệu USD, chiếm 12,59% tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường EU. Năm 2021, mặc dù giá trị xuất khẩu tăng nhưng tỷ trọng trong tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường CHLB Đức giảm, cụ thể: kim ngạch xuất khẩu đạt 23,05 triệu USD, chiếm tỷ trọng 11,94% tổng, tăng 15,8% so với năm 2020. Trong 6 tháng đầu năm 2022, mặc dù bị tác động rất lớn bởi lạm phát tăng cao khiến nhu cầu tiêu dùng sụt giảm nhưng kim ngạch nhập khẩu rau quả từ Việt Nam vẫn đạt 11,9 triệu USD, tăng 34,3% so với cùng kỳ năm 2021.

- Tại thị trường Pháp: kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam năm 2020 đạt 32,15 triệu USD, chiếm 20,34% tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường EU. Năm 2021, xuất khẩu rau quả sang thị trường Pháp tăng cả về giá trị lẫn tỷ trọng trong tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường EU, cụ thể: kim ngạch xuất khẩu đạt 40,278 triệu USD, chiếm 20,87% tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả Việt Nam sang thị trường EU, tăng 25,28% so với năm 2020. Trong 6 tháng đầu năm 2022 kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam chỉ đạt 10,04 triệu USD, giảm 55,59% so với cùng kỳ năm 2020. Đây là thị trường duy nhất trong 4 thị trường trọng điểm xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang EU bị giảm mạnh.

- Tại thị trường Italia: kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam năm 2020 đạt 11,96 triệu USD, chiếm 7,56% tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường EU. Năm 2021, kim ngạch xuất khẩu giảm xuống chỉ đạt 8,6 triệu USD, chiếm 4,45% tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả Việt Nam sang thị trường EU, giảm 28,09% so với năm 2020. Trong 6 tháng đầu năm 2022, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm rau quả của Việt Nam sang thị trường Italia đạt 5,03 triệu USD, tăng 84,24% so với cùng kỳ năm 2021. Đây là thị trường có mức tăng trưởng ấn tượng nhất trong 4 thị trường xuất khẩu rau quả trọng điểm của Việt Nam tại EU.

Nhìn chung, trong hai năm qua kể từ khi EVFTA có hiệu lực các doanh nghiệp sản xuất, chế biến và xuất khẩu rau quả của Việt Nam đã nỗ lực khai thác, gia tăng xuất khẩu vào những thị trường có dung lượng nhập khẩu lớn như: Hà Lan, Pháp, Đức, Italia đồng thời, khai thác khá tốt các thị trường ngách trong EU như Phần Lan, Ba Lan, Đan Mạch, CH Séc, Ai Len, Hungary... Đặc biệt trong 6 tháng đầu năm 2022, mặc dù các nước EU đang phải vật lộn với tỷ lệ lạm phát tăng cao kỷ lục, khiến nhu cầu tiêu dùng của người dân sụt giảm nhưng kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam vẫn chứng kiến sự tăng trưởng bùng nổ.

### **3. Một số giải pháp nhằm nâng cao khả năng xuất khẩu mặt hàng rau quả sang thị trường EU**

Mặc dù trong hai năm qua kể từ khi EVFTA có hiệu lực, khả năng xuất khẩu mặt hàng rau quả của Việt Nam sang thị trường EU đã được cải thiện rất nhiều, minh chứng qua giá trị và kim ngạch xuất khẩu gia tăng cũng như những chuyển biến trong nhận thức và triển khai của các cơ quan quản lý nhà nước, các nhà sản xuất, chế biến mặt hàng rau quả. Tuy nhiên để tận dụng được tối đa cơ hội từ EVFTA thì ngành rau quả của Việt Nam cần phải khắc phục những hạn chế và yếu kém của mình. Muốn vậy, Việt Nam cần phải triển khai một số giải pháp sau:

*Thứ nhất*, cần phải có sự hướng dẫn ngay từ những bước đầu tiên khi các doanh nghiệp và HTX rau quả của Việt Nam có ý định muốn kinh doanh ở nước ngoài. Các cơ quan quản lý nhà nước cần truyền thông, hướng dẫn, gia tăng sự đào tạo, huấn luyện một cách cụ thể và có thể cho các doanh nghiệp, HTX nhỏ có thể tiếp cận với các doanh nghiệp lớn trong lĩnh vực xuất khẩu sang thị trường EU.

*Thứ hai*, phải thiết lập vùng nguyên liệu lớn phục vụ xuất khẩu, các bộ, ngành cùng bắt tay doanh nghiệp tạo vùng nguyên liệu đủ lớn, đáp ứng các tiêu chuẩn giúp doanh nghiệp thuận lợi hơn khi xuất khẩu vào EU

*Thứ ba*, phía doanh nghiệp, cần lưu ý các luật và quy định của EU, mỗi loại sản phẩm và đối tượng khách hàng lại có quy định và yêu cầu riêng. Doanh nghiệp cũng cần chứng nhận đầy đủ về trách nhiệm xã hội, môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm cho nhà máy chế biến.

*Thứ tư*, cần thành lập hiệp hội rau quả xuất khẩu sang thị trường EU, để tạo uy tín và huy động sức mạnh tổng hợp, các doanh nghiệp liên kết, thành lập hiệp hội xuất

khẩu rau, quả sang EU và cùng lựa chọn ra sản phẩm đủ năng lực xuất khẩu dài hạn, dần tạo thương hiệu sản phẩm “Made in Việt Nam” tại thị trường EU

*Thứ năm*, cần phải phát triển chế biến rau quả, thực tế cho thấy trong giai đoạn khó khăn trong xuất khẩu do vận chuyển khó khăn, doanh nghiệp nào chuyển từ xuất khẩu sản phẩm tươi sang sản phẩm chế biến, đông lạnh và đạt hiệu quả bất ngờ. Chính vì vậy nên xây dựng chiến lược quốc gia cho các mặt hàng rau quả chế biến, trước mắt tập trung ít nhất 2 đến 3 sản phẩm. Từ các sản phẩm này chế biến thành đa dạng sản phẩm.

*Thứ sáu*, xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm rau quả: Đây là vấn đề các doanh nghiệp rau quả Việt Nam thường ít chú trọng. Với EVFTA, Việt Nam có 20 sản phẩm rau quả được bảo hộ chỉ dẫn địa lý đương nhiên mà không cần làm các thủ tục xin bảo hộ chỉ dẫn địa lý theo quy định của EU. Doanh nghiệp cần tận dụng cơ hội hiếm có này để quảng bá thương hiệu các sản phẩm liên quan với người tiêu dùng EU, qua đó nâng cao giá trị và hiệu quả cạnh tranh của các sản phẩm này

*Cuối cùng*, cần tìm hiểu kỹ các quy định và chủ động cập nhật thông tin về các quy định của EU về quản lý chất lượng sản phẩm. Các doanh nghiệp Việt Nam cũng cần chú ý đáp ứng đầy đủ các quy định nhập khẩu khác, đặc biệt là các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm dịch thực vật, ghi nhãn.... Các quy định nhập khẩu của EU đối với rau quả rất khắt khe, và thay đổi thường xuyên nên doanh nghiệp xuất khẩu phải liên tục cập nhật. Biện pháp trừng phạt nếu bị phát hiện vi phạm lại rất nghiêm khắc, không chỉ khiến doanh nghiệp vi phạm thiệt hại mà còn có thể ảnh hưởng xấu tới xuất khẩu của nhiều doanh nghiệp khác có sản phẩm tương tự. Do đó, việc tìm hiểu kỹ, đầy đủ các quy định nhập khẩu liên quan, thường xuyên cập nhật thông tin về các yêu cầu này và kết nối chặt chẽ với nhà nhập khẩu là điều mà các doanh nghiệp xuất khẩu rau quả phải đặc biệt chú trọng. Ngoài ra, do các nhà nhập khẩu EU thường xuyên có các yêu cầu bổ sung, doanh nghiệp xuất khẩu cần trao đổi cụ thể với nhà nhập khẩu để tìm hiểu các yêu cầu của họ để cân nhắc, tính toán khả năng đáp ứng cũng như chi phí phát sinh, đồng thời lên kế hoạch thực hiện (đặc biệt nếu việc đáp ứng đòi hỏi phải điều chỉnh quy trình sản xuất, chế biến sản phẩm liên quan). Đồng thời, doanh nghiệp cũng có thể chủ động tìm hiểu các yêu cầu của khách hàng tiềm năng, để có thể chủ động điều chỉnh, qua đó tìm kiếm cơ hội mới.

**Nhìn chung**, mặc dù chịu nhiều ảnh hưởng trước diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19, kim ngạch xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam sang Liên minh châu Âu (EU) trong hai năm kể từ khi hiệp định EVFTA có hiệu vẫn ghi nhận tốc độ tăng trưởng tích cực nhờ lợi thế về ưu đãi thuế quan cũng như sự chuyển biến trong tư duy và hành động của ngành rau quả Việt Nam. Tuy nhiên, mặt hàng rau quả Việt Nam vẫn còn tồn tại những hạn chế và yếu kém đã kìm hãm sự tận dụng tối đa cơ hội đến từ EVFTA để thúc đẩy xuất vào thị trường EU cả về số lượng cũng như giá trị gia tăng thu lại. Để khắc phục những hạn chế, yếu kém này phải có giải pháp đồng bộ từ các cơ quan quản lý nhà nước cho đến các nhà sản xuất, chế biến, xuất khẩu mặt hàng rau quả trên tất cả khía cạnh từ thay đổi tư duy cho đến hành động triển khai từ sản xuất, chế biến cho phát triển thương hiệu, nâng cao chất lượng sản phẩm, chủ động tìm kiếm thông tin nhu cầu thị trường, các chương trình quảng bá sản phẩm...

#### **Tài liệu tham khảo**

(1), (2), (3) Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch Hà Nội (2020), *Cẩm nang doanh nghiệp: EVFTA và ngành rau quả Việt Nam*, Nxb. Công Thương.

(4) Hà Anh (2021), *Xuất khẩu rau quả sang EU: tận dụng lực đẩy từ EVFTA*, tải ngày ngày 3-6-2022, tại: <https://nhandan.vn/xuat-khau-rau-qua-sang-eu-tan-dung-luc-day-tu-evfta-post672664.html>

(5) Nguyễn Hoàng Nam (2020), *Thực trạng và giải pháp phát triển mặt hàng rau quả Việt Nam*, tải ngày: 4-6-2022, tại: <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/thuc-trang-va-giai-phap-phat-trien-xuat-khau-mat-hang-rau-qua-viet-nam-69215.htm>

(6) Trương Thu Hà (2021), *EVFTA và nông sản Việt Nam xuất khẩu: Thách thức, cơ hội và giải pháp*, tải ngày 7-7-2022, tại: <https://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-kinh-doanh/evfta-va-nong-san-viet-nam-xuat-khau-thach-thuc-co-hoi-va-giai-phap-343659.html>

(7) Tiến Anh (2022), *Nhiều rào cản trong chế biến rau quả*, tải ngày: 10-7-2022, tại: <https://nhandan.vn/nhieu-rao-can-trong-che-bien-rau-qua-post704648.html>

(8) Xuân Anh (2019), *Cơ hội cho ngành rau quả Việt Nam*, tải: ngày 1-4-2022, tại: <https://bnews.vn/co-hoi-cho-nganh-rau-qua-viet-nam/115533.html>

(9) Lê Nam (2022), *Năng lực chế biến rau củ hạn chế, xuất khẩu “đánh rơi” hàng tỷ đô*, tải ngày: 14-7-2022, tại: <https://kinhtedothi.vn/nang-luc-che-bien-rau-cu-han-che-xuat-khau-danh-roi-hang>

(10) Ninh Thới (2021), *Diện tích cây ăn quả tăng mạnh*, tải ngày: 8/7/2022, tại: <https://diendandoanhnghiep.vn/dien-tich-trong-cay-an-qua-tang-manh-194680.html>

(11) Nguyễn Thanh Phi Vân, Nguyễn Thị Bưởi, Trương Thành Luân (2020), *Quốc tế hóa nông sản Việt Nam-Tư duy quốc tế hành động địa phương*, tải ngày: 6-7-2022, tại: <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/quoc-te-hoa-nong-san-viet-nam-tu-duy-quoc-te-hanh-dong-dia-phuong-77228.htm>

## XUẤT KHẨU TRÁI CÂY VIỆT NAM SANG EU TRONG BỐI CẢNH THỰC THI EVFTA: RÀO CẢN KỸ THUẬT VÀ KIẾN NGHỊ

*TS. Lê Văn Tuyên*

**Học viện Kỹ thuật quân sự**

**Tóm tắt:** Việt Nam là quốc gia có lợi thế về sản xuất trái cây nhiệt đới nhưng giá trị xuất khẩu trái cây Việt Nam sang EU còn khiêm tốn dù EU là một trong những thị trường nhập khẩu trái cây lớn nhất thế giới. Hiệp định EVFTA được ký kết đã mở ra cơ hội lớn cho trái cây Việt Nam xuất khẩu vào EU, một thị trường rất khắt khe về an toàn thực phẩm. Trong bài viết này, tác giả đánh giá các rào cản kỹ thuật mà EU đang áp dụng đối với trái cây xuất khẩu Việt Nam cũng như tìm hiểu về thực trạng xuất khẩu trái cây Việt Nam vào EU những năm qua, trên cơ sở đó tác giả đưa ra một số kiến nghị nhằm đẩy mạnh xuất khẩu trái cây Việt Nam vào thị trường EU trong thời gian tới.

### **1. Nhu cầu nhập khẩu trái cây của EU**

EU là thị trường lớn với 28 quốc gia (nay còn 27 quốc gia, Anh đã ra khỏi khối này), tổng sản phẩm quốc nội (GDP) 18.800 tỉ USD, chiếm khoảng 22% GDP toàn cầu. Khu vực dịch vụ chiếm đến 74,7% GDP của EU, trong khi ngành chế tạo chiếm 23,8% và lĩnh vực nông nghiệp chỉ 1,5%. Với thu nhập bình quân đầu người hơn 36.000 USD/năm, thị trường có khoảng 516 triệu người tiêu dùng này có nhu cầu nhập khẩu rất nhiều hàng hóa từ khắp nơi trên thế giới. Tổng kim ngạch thương mại hàng năm của EU lên tới trên 3.800 tỉ USD (Phúc Nguyên, 2019).

Tiêu thụ trái cây ở EU đã tăng đáng kể trong những năm gần đây do nhu cầu tiêu dùng các sản phẩm tự nhiên và tốt cho sức khỏe gia tăng. Nhưng do sản xuất trong nội khối không đáp ứng được nhu cầu ngày càng tăng nên sản lượng nhập khẩu của EU cũng tăng lên. Năm 2015, EU là nước nhập khẩu trái cây lớn nhất thế giới, chiếm 17% tổng lượng nhập khẩu trái cây của thế giới (Trung tâm WTO, 2021). EU nhập khẩu rất nhiều trái cây tươi từ các nước đang phát triển. Các sản phẩm được người tiêu dùng ưa chuộng và nhiều tiềm năng tại EU gồm: Bơ, xoài và khoai lang. EU cũng gia tăng nhập khẩu một số loại trái cây nhiệt đới không phổ biến như quả vải, chanh leo, mít,... khi ngày càng nhiều người EU du lịch vòng quanh thế giới và thử các loại trái cây



mới. Việc nhập khẩu trái cây vào thị trường EU chủ yếu thông qua Hà Lan do Hà Lan được coi là cửa ngõ để vào thị trường EU đối với các mặt hàng rau quả. Cụ thể, hơn 20% rau quả tươi do các nước đang phát triển cung cấp cho EU thông qua Hà Lan. Trị giá nhập khẩu rau quả tươi của Hà Lan từ các nước đang phát triển đã tăng 55% trong giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2018. Từ cảng Rotterdam, điểm nhập cảnh chính, các thương nhân Hà Lan và quốc tế sẽ phân phối sản phẩm đến phần còn lại của EU (Thanh Sơn, 2019).

Nguyên nhân chính khiến cho nhập khẩu trái cây của EU tăng mạnh là do sản lượng trái cây ở khu vực này gần như không tăng. Sản xuất nông nghiệp mặc dù là một ngành cơ bản, nhưng số lượng trang trại trồng cây ăn trái ở EU đang giảm. Nông dân EU lựa chọn sử dụng công nghệ và phát triển giống để tăng năng suất, kéo dài mùa sản xuất, cải thiện chất lượng và đặc tính sản phẩm. Những nỗ lực này khiến chất lượng sản phẩm cao hơn, nhưng sản lượng hầu như không tăng. Do đó, sản lượng trái cây tại EU trong dài hạn có xu hướng giảm nhẹ, góp phần tạo ra nhu cầu nhập khẩu trái cây.

## **2. Các rào cản kỹ thuật của EU đối với trái cây nhập khẩu**

Các rào cản kỹ thuật của EU với trái cây nhập khẩu tập trung phần lớn vào các biện pháp kiểm dịch thực vật và an toàn thực phẩm (biện pháp SPS) bên cạnh đó, cũng có một số quy định kỹ thuật và tiêu chuẩn bắt buộc (biện pháp TBT). Trong đó, các biện pháp SPS gồm: yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm; quy định về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và tạp chất; kiểm dịch thực vật và đánh giá sự phù hợp. Và các biện pháp TBT gồm: Quy định về dán nhãn và Tiêu chuẩn tiếp thị

### *Yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm*

EU yêu cầu các doanh nghiệp thực phẩm nước ngoài phải tuân thủ nguyên tắc Phân tích các mối nguy hiểm và điểm kiểm soát quan trọng (the Hazard Analysis and Critical Control Point- HACCP). Do vậy, muốn thuyết phục nhà nhập khẩu EU thì doanh nghiệp xuất khẩu cần chuẩn bị cung cấp chứng nhận HACCP với trái cây qua chế biến và Global GAP với trái cây tươi. Yêu cầu áp dụng HACCP với hàng nhập khẩu của EU là chặt chẽ hơn nhiều thị trường khác (xem Bảng 1). Việc tuân theo các nguyên tắc và yêu cầu của các hệ thống này vẫn là một thách thức với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đặc biệt từ các nước kém phát triển và đang phát triển như Việt Nam.

**Bảng 1: So sánh yêu cầu HACCP của một số nước nhập khẩu trái cây của Việt Nam**

|   | EU                        | Mỹ                      | Canada               | Trung Quốc | Nga   |
|---|---------------------------|-------------------------|----------------------|------------|-------|
| Sản phẩm thực phẩm được yêu cầu áp dụng HACCP | Tất cả sản phẩm thực phẩm | Nước hoa quả và hải sản | Thịt và thịt gia cầm | Không      | Không |

*Nguồn: Cơ sở dữ liệu TRAINS của UNCTAD, 2017*

*Quy định về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và tạp chất*

EU có quy định về mức độ dư lượng tối đa (MRL) cho thuốc bảo vệ thực vật đối với các sản phẩm thực phẩm để bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng và môi trường tại Quy định EC số 396/2005<sup>1</sup>. Tất cả các sản phẩm thực phẩm nhập khẩu sẽ bị trục xuất khỏi thị trường EU nếu chúng có chứa thuốc bảo vệ thực vật bất hợp pháp hoặc lượng thuốc bảo vệ thực vật tồn dư cao hơn so với giới hạn mà Quy định đặt ra. So với các thị trường xuất khẩu khác của Việt Nam, mức MRL mặc định của EU rất thấp và số lượng những loại thuốc bảo vệ thực vật được chấp thuận bởi EU lại ít. Hệ thống quy định về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật của EU còn phức tạp vì được cập nhật thường xuyên. Mỗi năm, Quy định 396/2005 được sửa đổi nhiều lần. Tiêu chuẩn MRL của một số loại thuốc bảo vệ thực vật được xem xét sửa đổi liên tục, khiến các nhà xuất khẩu nước ngoài khó cập nhật và tuân thủ theo.

Thêm vào đó, mức MRL EU áp dụng với một số sản phẩm cụ thể rất khác với mức mà Codex hay các quốc gia khác áp dụng. Vì các sản phẩm không chỉ xuất khẩu vào thị trường EU mà còn vào nhiều thị trường khác, sự khác nhau trong tiêu chuẩn của từng thị trường có thể khiến các nhà xuất khẩu nhầm lẫn và khó tuân thủ hơn. Chẳng hạn, xoài Việt Nam xuất khẩu sang EU, Mỹ và Nhật Bản phải tuân thủ các mức MRL khác nhau với một số loại thuốc bảo vệ thực vật, trong đó hầu hết MRL của EU chặt chẽ hơn so với các nước khác (xem Bảng 2).

**Bảng 2: So sánh chỉ số MRL một số loại thuốc bảo vệ thực vật theo quy định của EU, Mỹ, Nhật, Trung Quốc và Codex**

*Đơn vị: mg/kg*

| STT | Tên thuốc bảo vệ thực vật | EU  | Mỹ  | Nhật Bản | Trung Quốc | Codex |
|-----|---------------------------|-----|-----|----------|------------|-------|
| 1   | Azoxystrobin              | 0.7 | 2   | 1        | 1          | 0.7   |
| 2   | Buprofezin                | 0.1 | 0.9 | 0.9      | -          | 0.1   |

<sup>1</sup>Xem: <https://eur-lex.europa.eu/LexUriServ/LexUriServ.do?uri=CONSLEG:2005R0396:20100729:EN:PDF>

| STT | Tên thuốc bảo vệ thực vật | EU   | Mỹ   | Nhật Bản | Trung Quốc | Codex |
|-----|---------------------------|------|------|----------|------------|-------|
| 3   | Cyromazine                | 0.05 | 0.3  | 0.5      | -          | 0.1   |
| 4   | Difenoconazole            | 0.1  | 0.07 | 0.07     | 0.07       | 0.07  |
| 5   | Fludioxonil               | 2    | 5    | -        | -          | 2     |
| 6   | Imidacloprid              | 0.2  | 1    | 1        | -          | 0.2   |
| 7   | Pyraclostrobin            | 0.05 | 0.6  | 0.05     | 0.05       | 0.05  |
| 8   | Spirotetramat             | 0.3  | 0.6  | 0.3      | 0.3        | 0.3   |
| 9   | Tebuconazole              | 0.1  | 0.15 | 0.1      | 0.05       | 0.05  |
| 10  | Thiabendazole             | 5    | 10   | 3        | 5          | 5     |
| 11  | Thiamethoxam              | 0.2  | 0.4  | 0.2      | -          | 0.2   |

*Nguồn: số liệu được thu thập từ trang web của Codex, EU, Mỹ và Nhật Bản cùng với Báo cáo USDA cho số liệu về MRL của Trung Quốc*

Nguyên tắc của EU về kiểm soát tạp chất thực phẩm được nêu chi tiết trong Quy định của Hội đồng số 35/93/EEC và quy định hàm lượng tối đa đối với các tạp chất thực phẩm được chỉ định trong Quy định của Ủy ban số 1881/2006. Hàm lượng giới hạn với tạp chất được cập nhật thường xuyên. Các tạp chất thường gặp nhất ở các sản phẩm trái cây (tươi, sấy khô và đông lạnh) là độc tố nấm (aflatoxins, ochratoxin A, patulin), kim loại nặng (chì, thiếc và cadmium) và các tạp chất vi sinh (salmonella, norovirus, virus viêm gan A).

Để xử lý các tạp chất vi sinh có thể dùng phương pháp chiếu xạ. Tuy nhiên, EU không cho phép sử dụng phương pháp này cho các loại trái cây và rau quả chế biến. Với các sản phẩm tươi, EU chỉ cho phép sản phẩm nhập khẩu được xử lý chiếu xạ tại một cơ sở được EU chấp nhận. Hiện nay Việt Nam chưa có cơ sở nào như vậy, và do đó buộc phải xử lý nhiệt khi xuất khẩu sang EU. Tuy nhiên, phương pháp này có thể làm trái cây thối nhanh hơn, trong khi khoảng cách giữa Việt Nam và EU rất xa, mất nhiều thời gian vận chuyển.

#### *Kiểm dịch thực vật và đánh giá sự phù hợp*

Chỉ thị 2000/29/EC của Ủy ban Châu Âu thiết lập một bộ quy định thống nhất về điều kiện kiểm dịch thực vật và được áp dụng cho tất cả các đối tác thương mại của EU. Chỉ thị cũng lập danh mục những sản phẩm bị cấm nhập khẩu vào EU, và danh mục những sản phẩm thuộc diện kiểm soát tại biên giới EU và phải có giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật để xác nhận việc tuân thủ các quy định của EU. Khi đã vào lãnh thổ EU, sản phẩm nhập khẩu được cấp hộ chiếu thực vật và có thể được lưu hành tự do đến các nước thành viên EU. Trong 9 nhóm mặt hàng trái cây xuất khẩu tiềm năng Việt Nam, không có sản phẩm nào bị cấm và chỉ có 4 sản phẩm (xoài, chanh,

chanh leo và ôi- chỉ ở dạng tươi) phải có giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật. Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật được cấp bởi Tổ chức bảo vệ thực vật quốc gia của nước xuất khẩu, nhưng phải tuân theo mẫu của EU. Đạo luật mới về Sức khỏe Thực vật 2016 của EU được ban hành để thay thế Chỉ thị 2000/29/EC và có hiệu lực từ ngày 14/12/2019 sẽ thiết lập nhiều biện pháp kiểm soát hơn với việc nhập khẩu thực vật và sản phẩm từ thực vật (Trung tâm WTO, 2021).

Với mục đích đảm bảo các sản phẩm nhập khẩu tuân thủ các quy định của EU về an toàn thực phẩm và sức khỏe thực vật, nếu có sự vi phạm các quy định của EU hoặc có khả năng gây rủi ro cho sức khỏe con người hoặc thực vật, EU sẽ áp dụng các biện pháp bảo vệ dựa trên “nguyên tắc phòng ngừa”. Nguyên tắc này từ lâu đã được nhiều nước coi là một chính sách bảo hộ của EU, vì nguyên tắc cho phép EU và các nước thành viên bỏ qua các bằng chứng khoa học khi áp dụng các biện pháp phòng ngừa tạm thời đối với các sản phẩm nhập khẩu.

#### *Quy định về ghi nhãn*

Nhà xuất khẩu cần quan tâm Quy định số 1169/2011 của EU quy định những quy tắc chung cho ghi nhãn áp dụng với tất cả các sản phẩm thực phẩm và Quy định số 543/2011 yêu cầu chi tiết về ghi nhãn với trái cây và rau quả đã qua chế biến. Thông tin trên các thùng hàng hoặc bao bì nhỏ cần đảm bảo các nội dung và tuân theo định dạng (format) cụ thể do EU đưa ra, nhằm giúp truy xuất dữ liệu. Ví dụ, sản phẩm trái cây đã qua chế biến thì bao bì cần có thông tin chung về tên sản phẩm và tên nhà sản xuất, nước xuất xứ, hạn sử dụng, hàm lượng dinh dưỡng (giá trị năng lượng, hàm lượng chất béo, đường, muối, protein...), cảnh báo dị ứng (ví dụ: đậu nành, gluten, lactose, quả hạch). Các quy định về ghi nhãn của EU tương đối phức tạp và chi tiết. Các nhà sản xuất trái cây phải biết và hiểu tất cả các yêu cầu để tránh trường hợp bị thiếu thông tin bắt buộc, và phải tuân theo các quy định cụ thể về định dạng và hình thức của từng thông tin được thể hiện

#### *Tiêu chuẩn về tiếp thị*

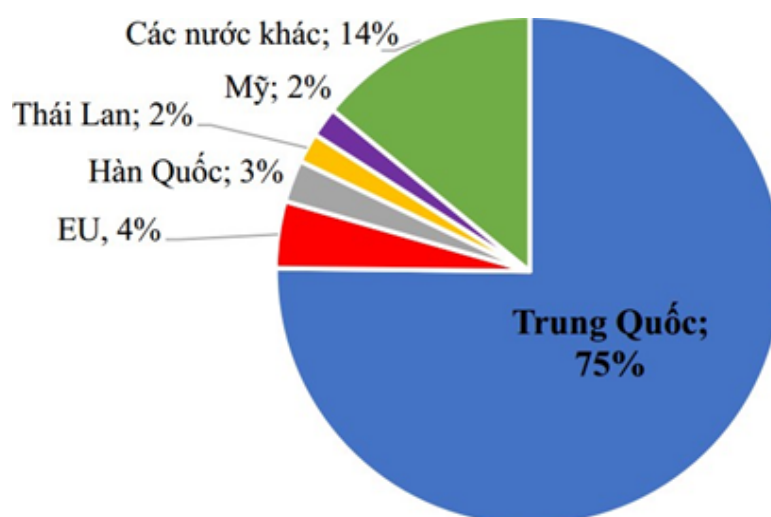
Việc tuân thủ các tiêu chuẩn tiếp thị với trái cây tươi ở thị trường EU là bắt buộc. Quy định 543/2011 của EU điều chỉnh các tiêu chuẩn tiếp thị cho chất lượng và độ chín của trái cây và rau quả tươi. Tiêu chuẩn tiếp thị được chia ra làm 2 loại: i) Tiêu chuẩn tiếp thị cụ thể (SMS) được áp dụng với 10 loại rau quả tươi và ii) Tiêu chuẩn tiếp thị chung (GMS) được áp dụng cho các sản phẩm rau quả tươi khác. Cả sản phẩm

SMS và GMS đều phải tuân thủ tiêu chuẩn chung về chất lượng và độ chín tối thiểu, tương đối phù hợp với tiêu chuẩn Codex với trái cây và rau quả tươi. Trái cây tươi nhập khẩu được cơ quan có thẩm quyền của nước thành viên kiểm tra ở biên giới EU. Nếu sản phẩm đã được kiểm tra tại nước xuất xứ, quốc gia đó có thể yêu cầu Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn từ EU. Trong các mặt hàng trái cây tươi xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường EU, chỉ có Chanh là sản phẩm SMS, những sản phẩm còn lại thuộc sự điều chỉnh của GMS. Chưa có sản phẩm trái cây nào của Việt Nam nhận được sự chấp thuận kiểm tra sự phù hợp quy chuẩn của EU.

### 3. Thực trạng xuất khẩu trái cây Việt Nam sang EU

Trong ngành nông nghiệp Việt Nam thì ngành trái cây có tiềm năng lớn về sản xuất và xuất khẩu nhiều loại sản phẩm, tận dụng lợi thế về khí hậu nhiệt đới và điều kiện đất đai. Tổng diện tích trồng trái cây ở Việt Nam đã tăng từ 300 nghìn hecta năm 1990 lên 923,9 nghìn hecta năm 2017 (Trung tâm WTO, 2021). Hiện có khoảng 40 loại trái cây trồng ở Việt Nam, trong đó có 27 loại có giá trị thương mại, trong đó sản lượng nhiều nhất là chuối, dưa hấu và thanh long. Việt Nam có những loại trái cây xuất khẩu sản lượng top đầu thế giới như vải, thanh long, nhãn, dứa, chanh leo, dưa hấu... nhưng sản xuất trái cây ở Việt Nam còn manh mún nhỏ lẻ.

Hình 1: Cơ cấu thị trường xuất khẩu trái cây Việt Nam



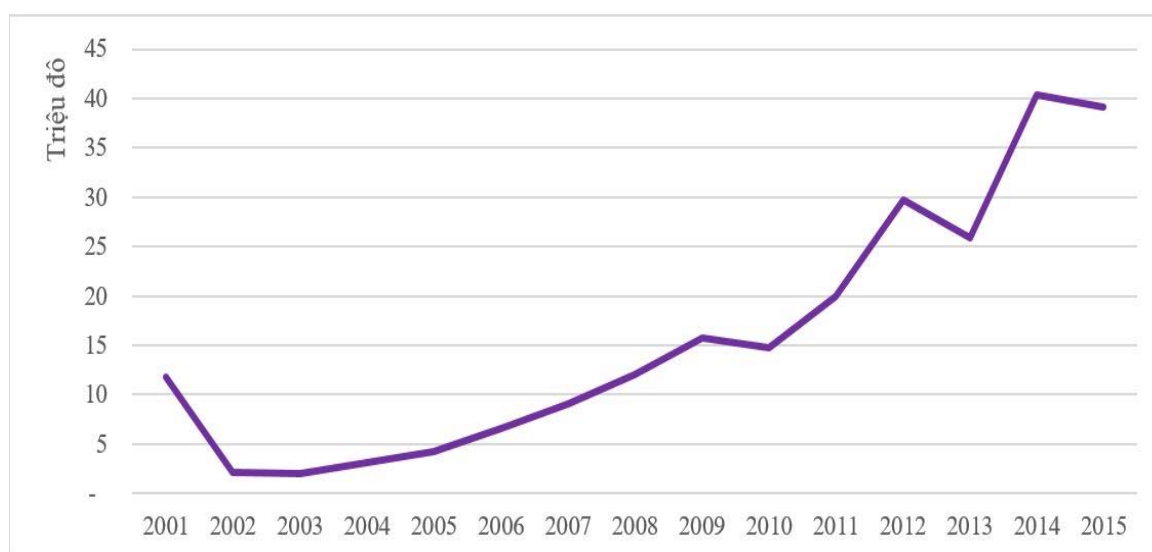
Nguồn: Trung tâm WTO, 2019

Việt Nam hiện xuất khẩu trái cây đến hơn 40 thị trường, trong đó Trung Quốc là đối tác lớn nhất (hơn 70%) tiếp đến là EU, Mỹ, Hàn Quốc (xem Hình 1). Trong cơ cấu

thị trường xuất khẩu, có thể thấy trái cây Việt Nam đang phụ thuộc rất nhiều vào thị trường Trung Quốc, nhu cầu tất yếu cần phát triển và gia tăng xuất khẩu sang những thị trường khác, trong đó EU là thị trường tiềm năng. Bởi vì, nông sản Việt Nam và EU không có sự cạnh tranh mà bổ trợ nhau. EU hiện là thị trường xuất khẩu lớn thứ 4 của rau quả Việt Nam. Trong khi đó, trái cây là nông sản chủ lực của Việt Nam, là ngành hàng có tốc độ phát triển nhanh nhất (Trần Mạnh, 2020). Hàng năm, nhiều loại trái cây nhiệt đới được châu Âu nhập khẩu với giá trị tăng nhanh hơn lượng nhập khẩu. Giá trị nhập khẩu của châu Âu đối với các mặt hàng như vải tươi, chanh dây, khế và thanh long (HS 08109020) tăng 40% trong 5 năm qua, lên 142 triệu euro vào năm 2019 (Nguyễn Quỳnh, 2020).

Nhập khẩu trái cây Việt Nam của EU tăng trưởng đáng kể trong giai đoạn 2001-2015 (xem Hình 2). Từ năm 2009 đến 2015, trong khi tổng giá trị nhập khẩu trái cây của EU dao động và tăng không đáng kể, thì nhập khẩu trái cây từ Việt Nam lại gia tăng khá nhanh. Tuy nhiên, một điểm cần lưu ý là thị phần trái cây Việt Nam trên thị trường EU còn rất nhỏ, đặc biệt khi xem xét trong bối cảnh nhu cầu nhập khẩu trái cây của EU rất lớn và tiềm năng xuất khẩu trái cây của Việt Nam khá cao. Trong năm 2015, chỉ có 5 mặt hàng trái cây Việt Nam (mã HS 6 chữ số) có giá trị xuất khẩu hơn 1 triệu USD sang EU, và tỷ trọng của 5 mặt hàng này còn rất hạn chế so với tổng giá trị nhập khẩu của EU (Bảng 3). Những con số này, ngoài việc chỉ ra tình hình xuất khẩu trái cây của Việt Nam sang EU còn yếu, cũng cho thấy tiềm năng rất lớn để mở rộng thị phần tại thị trường này.

**Hình 2: Giá trị nhập khẩu trái cây Việt Nam của EU giai đoạn 2001-2015**



Nguồn: UN Comtrade, 2017

**Bảng 3: Trái cây Việt Nam có giá trị xuất khẩu sang EU trên 1 triệu USD**

| Mã HS  | Miêu tả hàng hóa                                 | Giá trị nhập khẩu của EU từ Việt Nam (triệu USD) | Tỷ trọng trong tổng giá trị nhập khẩu (%) |
|--------|--|--|---|
| 081090 | Quả me, quả mít, quả vải, quả chanh leo tươi,... | 12.7   | 4.29                                      |
| 080111 | Dừa sấy khô                                      | 6.6  | 3.51                                      |
| 081190 | Loại khác, trái cây và hạt đông lạnh             | 9.1  | 2.08                                      |
| 080550 | Chanh tươi hoặc sấy khô                          | 5.2  | 0.96                                      |
| 080450 | Quả ổi, xoài và măng cầu tươi hoặc sấy khô       | 1.6  | 0.27                                      |

Nguồn: UN Comtrade, 2017

Nếu so sánh những trái cây Việt Nam có thể mạnh xuất khẩu và những trái cây nhiệt đới EU nhập khẩu nhiều (xem Bảng 4) sẽ thấy có nhiều điểm tương đồng, từ đó cho thấy tiềm năng xuất khẩu trái cây của Việt Nam sang EU. Tuy nhiên, sản phẩm của Việt Nam cũng gặp phải cạnh tranh từ nhiều đối thủ, chủ yếu đến từ các nước đang phát triển ở Trung Mỹ, Nam Mỹ, Nam Á và châu Phi.

**Bảng 4: So sánh những loại trái cây Việt Nam xuất khẩu nhiều nhất và EU nhập khẩu nhiều nhất năm 2015**

| STT | Mã HS  | Tên hàng hóa                        | Nhóm 10 trái cây Việt Nam xuất khẩu nhiều nhất năm 2015 | Nhóm 10 trái cây EU nhập khẩu nhiều nhất năm 2015 |
|-----|--------|-------------------------------------|---|---|
| 1   | 080111 | Dừa sấy khô                         | X   | X   |
| 2   | 080119 | Dừa tươi đã nạo vỏ                  | X   |   |
| 3   | 080390 | Chuối tươi hoặc khô                 | X   | X   |
| 4   | 080430 | Dứa tươi hoặc khô                   |   | X   |
| 5   | 080440 | Bơ tươi hoặc khô                    |   | X   |
| 6   | 080450 | Ổi, xoài, măng cầu tươi hoặc khô    | X   | X   |
| 7   | 080550 | Chanh tươi hoặc khô                 | X   | X   |
| 8   | 080711 | Dưa hấu tươi                        | X   | X   |
| 9   | 081060 | Sầu riêng tươi                      | X   | X   |
| 10  | 081090 | Quả me, mít, vải, chanh leo tươi... | X   | X   |
| 11  | 081190 | Loại khác, trái cây đông lạnh       | X   | X   |
| 12  | 081340 | Loại khác, trái cây sấy khô         | X   | X   |

Nguồn: Trung tâm WTO, 2019

**Bảng 5: So sánh thuế nhập khẩu trái cây EU trước và sau khi EVFTA có hiệu lực**

| Mã HS  | Tên hàng hóa                        | Thuế suất MFN trung bình EU áp dụng | Thuế suất theo chế độ GSP của EU | Thuế suất trung bình khi EVFTA có hiệu lực |
|--------|-------------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------|--|
| 080111 | Dừa sấy khô                         | 0%                                  | 0%                               | 0%   |
| 080390 | Chuối tươi hoặc khô                 | 16%                                 | 12.5%                            | 0%   |
| 080430 | Dứa tươi hoặc khô                   | 5.8%                                | 2.3%                             | 0%   |
| 080450 | Ổi, xoài, măng cầu tươi hoặc khô    | 0%                                  | 0%                               | 0%   |
| 080550 | Chanh tươi hoặc khô                 | 12.8%                               | 8.9%                             | 0%   |
| 080711 | Dưa hấu tươi                        | 8.8%                                | 5.3%                             | 0%   |
| 081090 | Quả me, mít, vải, chanh leo tươi... | 8.8%                                | 5.3%                             | 0%   |
| 081190 | Loại khác, trái cây đông lạnh       | 8.22%                               | 6.93%                            | 0%   |
| 081340 | Loại khác, trái cây sấy khô         | 4.1%                                | 1.25%                            | 0%   |

*Nguồn: Trung tâm WTO, 2019*

Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) đã chính thức kết thúc đàm phán năm 2015, sau đó được tách làm hai Hiệp định là Hiệp định Thương mại (EVFTA) và Hiệp định Bảo hộ Đầu tư (EVIPA). Hai Hiệp định đã được ký kết vào 30/6/2019 và ngày 12/2/2020 Nghị viện châu Âu chính thức thông qua EVFTA và EVIPA. Với hàng trăm dòng thuế xuất khẩu hàng hóa sang châu Âu sẽ về mức 0% sẽ mở ra cơ hội xuất khẩu lớn cho trái cây Việt Nam sang thị trường này (xem Bảng 5). Tuy nhiên, EVFTA không có nhiều cam kết mới về các biện pháp SPS và TBT mà hầu như chỉ khẳng định lại các nghĩa vụ theo Hiệp định SPS và TBT của WTO. Trong khi những rào cản kỹ thuật là vướng mắc lớn nhất cho trái cây Việt Nam xuất khẩu sang EU.

#### **4. Một số vấn đề đặt ra và kiến nghị**

##### **4.1. Một số vấn đề đặt ra**

Triển khai Hiệp định EVFTA, 100% các mặt hàng trái cây Việt Nam xuất khẩu sang EU sẽ có mức thuế 0% đưa đến cơ hội lớn cho ngành trái cây Việt Nam. Tuy nhiên, cũng đặt ra những khó khăn cho ngành trái cây Việt Nam trong việc đáp ứng các rào cản kỹ thuật khi xuất khẩu trái cây vào EU đó là:

*Thứ nhất*, cả người trồng, chế biến và xuất khẩu trái cây thiếu thông tin và hướng dẫn về quy định nhập khẩu của EU. Điều này xuất phát từ việc doanh nghiệp thiếu nhân lực có hiểu biết về pháp lý khi nghiên cứu thị trường và chưa có thói quen thuê



dịch vụ tư vấn pháp lý. Cách tiếp cận thông tin chính thống gần nhất là Cổng thông tin của văn phòng TPT và SPS thuộc Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn nhưng nhiều quy định mới được đăng lại bằng tiếng anh, thiếu đi tóm tắt, hướng dẫn bằng tiếng Việt. Những hội thảo phổ biến thông tin quy định thường tổ chức ở các thành phố lớn như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh nên đối tượng liên quan trực tiếp là nông dân và doanh nghiệp chế biến vừa và nhỏ ít có cơ hội tham gia.

*Thứ hai*, sự liên kết trong chuỗi cung ứng xuất khẩu trái cây còn yếu. Các công ty chế biến xuất khẩu trái cây thường không có hợp đồng thu mua dài hạn với người trồng trái cây (phần lớn là các hộ gia đình hoặc trang trại nhỏ). Mối quan hệ lỏng lẻo này gây khó khăn khi doanh nghiệp không thể yêu cầu người trồng dùng loại thuốc bảo vệ thực vật nào và quy trình trồng thế nào để đảm bảo quy định của EU về giới hạn dư lượng các chất. Bên cạnh đó, còn có hiện tượng người nông dân chạy theo lợi ích mà mua thuốc bảo vệ thực vật không đảm bảo trên thị trường với giá rẻ.

*Thứ ba*, việc áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng như HACCP hay Global GAP không phải là quy định nội địa bắt buộc với các nhà sản xuất trái cây Việt Nam, nhưng các chứng nhận chất lượng này lại thường được nhà nhập khẩu EU yêu cầu. Việc áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng đòi hỏi đầu tư lâu dài về tài chính và công nghệ, điều này gây khó cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam do thiếu nguồn lực.

*Thứ tư*, cơ sở hạ tầng hỗ trợ xuất khẩu trái cây còn nhiều hạn chế. Hạ tầng giao thông Việt Nam ở các vùng nông thôn, miền núi còn yếu kém nhưng đây lại là những vùng trồng trái cây lớn. Điều này dẫn đến tăng thời gian và chi phí vận chuyển, ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm vì trái cây là nhóm sản phẩm mau hỏng. Bên cạnh đó, khoa học công nghệ phục vụ thu hoạch bảo quản và chế biến trái cây xuất khẩu của Việt Nam còn hạn chế. Ngoài ra, các phòng thí nghiệm cấp vùng và cấp tỉnh của Nhà nước bị hạn chế về thiết bị, chỉ phân tích được một số loại thuốc bảo vệ thực vật và tạp chất nhất định. Nên nhiều lô hàng Việt Nam xuất khẩu cập cảng EU bị từ chối trả về do vi phạm các tiêu chuẩn về thuốc bảo vệ thực vật và tạp chất. Các phòng thí nghiệm tư nhân phát triển ở Việt Nam nhưng chi phí dịch vụ thường cao, vượt mức chi trả của nhiều doanh nghiệp nhỏ. Bên cạnh đó, khi EVFTA có hiệu lực, quy tắc xuất xứ để hưởng ưu đãi thuế quan có thể không dễ đáp ứng và bản thân cam kết trong hiệp định không giúp gỡ bỏ hay giảm bớt các TBT, SPS.

## 4.2. Kiến nghị

Trên cơ sở nghiên cứu các rào cản kỹ thuật của EU với trái cây nhập khẩu và thực trạng xuất khẩu trái cây của Việt Nam sang EU, bài viết đưa ra một số khuyến nghị với nhà nước và doanh nghiệp nhằm vượt qua các thách thức, đáp ứng những yêu cầu kỹ thuật để gia tăng xuất khẩu vào thị trường EU, đó là:

### *Đối với nhà nước*

*Một là*, tăng cường phổ biến kiến thức về quy định nhập khẩu của EU. Doanh nghiệp gặp trục trặc với quy định nhập khẩu của EU thường xuất phát từ việc thiếu thông tin. Nên việc đa dạng hóa các kênh thông tin để đưa quy định EU đến với người sản xuất - xuất khẩu là cần thiết. Các buổi hội thảo và đào tạo về tuân thủ quy định EU cần hướng tới cả những người trồng trái cây ở vùng nông thôn chứ không chỉ là doanh nghiệp xuất khẩu. Các cổng thông tin TBT và SPS nên có thêm các bản tóm tắt tiếng Việt về quy định mới của EU, chứ không chỉ đăng tải lại toàn văn tiếng Anh. Bên cạnh đó, việc ứng dụng mạng xã hội để thông báo về quy định mới và tương tác hỏi đáp với doanh nghiệp cũng nên được phát triển.

*Hai là*, tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất và công nghệ chế biến, xuất khẩu trái cây. Xây dựng các phòng thí nghiệm cấp quốc gia đạt chuẩn quốc tế để xử lý những lỗi thường gặp với trái cây Việt Nam xuất khẩu là vi phạm giới hạn dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và tạp chất. Bên cạnh đó, hệ thống giao thông cần tiếp tục được nâng cấp giúp giảm thời gian và chi phí vận chuyển từ vùng trồng đến khu vực chế biến và ra cảng xuất khẩu. Điều này không chỉ tốt cho lĩnh vực trái cây mà còn tốt cho cả nền kinh tế. Cuối cùng là đầu tư vào hoạt động nghiên cứu phát triển để đưa ra những giống cây chịu sâu bệnh tốt hơn, giảm sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong quá trình sản xuất; nghiên cứu cải tiến quy trình thu hoạch giảm tỷ lệ quả hỏng và nâng cấp công nghệ bảo quản giữ trái cây tươi lâu để đi thị trường xa như EU.

*Ba là*, tận dụng Hiệp định EVFTA để thúc đẩy xuất khẩu trái cây. Theo quy định tại Điều 10 về Công nhận tương đương của Chương SPS thuộc EVFTA, Việt Nam có thể yêu cầu EU công nhận tương đương biện pháp SPS với một số sản phẩm cụ thể. Sau khi nhận được yêu cầu này, EU sẽ bắt đầu quy trình tham vấn và xem xét tính tương đương để đưa ra quyết định. Nếu chúng nhận kiểm dịch thực vật do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp được công nhận bởi EU mà không cần thêm quy trình đánh giá sự phù hợp ở biên giới EU sẽ tiết kiệm rất nhiều thời gian và tiền bạc cho các

nhà xuất khẩu Việt Nam. Đồng thời việc này còn giúp giảm nguy cơ các lô hàng Việt Nam bị từ chối vì không vượt qua các cuộc kiểm tra của EU ở biên giới (mặc dù đã vượt qua các kiểm tra ở Việt Nam). Bên cạnh đó, EU đã cam kết hỗ trợ Việt Nam trong việc giải quyết những vấn đề cụ thể được yêu cầu liên quan đến việc tuân thủ các biện pháp SPS của EU.

*Bốn là*, tăng cường quảng bá hình ảnh. Bởi, dù được cấp phép nhập khẩu EU nhưng nếu không có hoạt động quảng bá hình ảnh, xúc tiến thương mại các sản phẩm trái cây Việt Nam đến người tiêu dùng thì lượng tiêu thụ vẫn không được như mong muốn.

#### *Đối với doanh nghiệp*

*Một là*, tăng cường nhận thức và hiểu biết về các quy định của EU với trái cây nhập khẩu. Doanh nghiệp có thể tham khảo từ cổng thông tin của Văn phòng TBT và SPS thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Tuy nhiên, 2 cổng thông tin này cung cấp thông tin về nhiều quốc gia chứ không chỉ riêng EU. Doanh nghiệp cũng có thể tìm kiếm trực tiếp các quy định tại Cổng thông tin điện tử EC (<https://ec.europa.eu>). Cổng này có một Trang hỗ trợ thương mại đặc biệt dành cho các nhà xuất khẩu nước ngoài (<http://trade.ec.europa.eu/tradehelp/>). Cổng thông tin của EC cung cấp thông tin và hướng dẫn chi tiết về từng biện pháp của EU với các sản phẩm nhập khẩu. Doanh nghiệp cũng có thể cập nhật danh sách đầy đủ các yêu cầu pháp lý tại cổng thông tin trợ giúp thương mại của EU (EU Trade Helpdesk)

*Hai là*, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng. Việc đầu tư áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng như HACCP và Global GAP không chỉ giúp các nhà sản xuất trái cây Việt Nam gia tăng xuất khẩu sang EU mà còn có thể tiếp cận những thị trường khó tính khác. Cũng cần lưu ý, ngoài các chứng nhận nêu trên, các nhà nhập khẩu EU có thể yêu cầu những chứng nhận an toàn thực phẩm khác tùy theo thị trường như Tiêu chuẩn Thực phẩm quốc tế (IFS),... Do đó, nhà xuất khẩu nên tìm hiểu và xác nhận với đối tác loại chứng nhận quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm mà họ thường yêu cầu.

*Ba là*, nâng cao năng lực nhân viên xuất khẩu hoặc thuê dịch vụ tư vấn xuất khẩu. Để hiểu và đáp ứng các quy định EU, các nhà xuất khẩu không chỉ cần giỏi ngoại ngữ (cụ thể là tiếng Anh) mà còn cần kiến thức pháp lý nhất định. Đây là hai điểm yếu lớn của các doanh nghiệp xuất khẩu trái cây Việt Nam do phần lớn là doanh

ng nghiệp vừa và nhỏ, năng lực tự nghiên cứu các quy định pháp lý của thị trường nước ngoài của nhân viên còn hạn chế. Do đó các doanh nghiệp phải nâng cao năng lực của nhân viên hoặc sử dụng đến các dịch vụ tư vấn pháp lý của các công ty chuyên nghiệp. Việc này có thể dẫn đến tăng chi phí, nhưng doanh nghiệp sẽ được hưởng lợi ích lâu dài từ việc ít bị từ chối nhập khẩu và tăng được giá trị xuất khẩu sang EU.

Bón là, tăng cường liên kết trong chuỗi cung ứng xuất khẩu trái cây. Các chủ thể quan trọng tham gia chuỗi cung ứng cùng với nhà xuất khẩu gồm người nông dân, nhà nhập khẩu trái cây EU và người vận chuyển. Người nông dân là thành phần cần được quan tâm từ đầu để đảm bảo kiểm soát hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật và tạp chất trên trái cây. Doanh nghiệp xuất khẩu có thể đưa đến các hướng dẫn sản xuất cho nông dân và ký kết các hợp đồng đảm bảo đầu ra cho nông sản. Với nhà nhập khẩu trái cây EU, cần liên lạc thường xuyên để cập nhật những thay đổi của quy định nhập khẩu thống nhất áp dụng những tiêu chuẩn chung giữa hai bên. Nhà xuất khẩu có thể nghiên cứu và tiếp cận các nhà nhập khẩu, các kênh phân phối và hệ thống bán lẻ ở Hà Lan để có thể xây dựng một chiến lược xuất khẩu các mặt hàng rau quả vào Hà Lan và qua đó vào EU. Với người vận chuyển, cần lựa chọn đơn vị uy tín để đảm bảo an toàn và chất lượng cho trái cây trong quá trình di chuyển với chi phí tối ưu.

### **Kết luận**

EVFTA đã mang đến cho ngành trái cây Việt Nam cơ hội tăng trưởng xuất khẩu, đồng thời cũng đặt ra những thách thức trong quá trình thực thi hiệp định, đặc biệt là các rào cản kỹ thuật. Tuy nhiên, những thách thức ấy cũng chính là đòn bẩy quan trọng, giúp ngành trái cây Việt Nam đáp ứng tốt hơn trong tiến trình hội nhập trên cơ sở nâng cao chất lượng sản phẩm, tập trung phát triển chế biến sâu và hướng đến nền nông nghiệp hữu cơ, hiện đại.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Trần Mạnh (2020), *Có EVFTA, trái cây Việt Nam lợi thế hơn trái cây Thái Lan vào EU*, <https://tuoitre.vn/co-evfta-trai-cay-viet-nam-loi-the-hon-trai-cay-thai-lan-vao-eu-20200917142920369.htm>, truy cập ngày 10/3/2022
2. Phúc Nguyễn (2019), *Mở rộng cánh cửa thị trường EU*, <https://baocantho.com.vn/mo-rong-canh-cua-thi-truong-eu-a112738.html>, truy cập ngày 10/3/2022.

3. Nguyễn Quỳnh (2020), *Trái cây vùng nhiệt đới được thị trường châu Âu quan tâm*, <https://vov.vn/kinh-te/trai-cay-vung-nhiet-doi-duoc-thi-truong-chau-au-quan-tam-818456.vov>, truy cập ngày 11/3/2022.

4. Thanh Sơn (2019), *Cơ hội đẩy mạnh xuất khẩu rau quả sang EU*, <https://nongnghiep.vn/co-hoi-day-manh-xuat-khau-rau-qua-sang-eu-d254526.html>, truy cập ngày 10/3/2022

5. Trung tâm WTO (2021), *EVFTA và ngành rau quả Việt Nam: Nhu cầu nhập khẩu trái cây nhiệt đới của EU*, <https://trungtamwto.vn/chuyen-de/17725-evfta-va-nganh-rau-qua-viet-nam-nhu-cau-nhap-khau-trai-cay-nhiet-doi-cua-eu>, truy cập ngày 11/3/2022

6. Trung tâm WTO (2021), *EVFTA và ngành rau quả Việt Nam: Tình hình sản xuất trái cây của Việt Nam*, <https://trungtamwto.vn/chuyen-de/17727-evfta-va-nganh-rau-qua-viet-nam-tinh-hinh-san-xuat-trai-cay-cua-viet-nam>, truy cập ngày 12/3/2022

7. Trung tâm WTO (2021), *EVFTA và ngành rau quả Việt Nam: Các biện pháp SPS chính mà EU áp dụng đối với mặt hàng trái cây tiềm năng của Việt Nam*, <https://trungtamwto.vn/chuyen-de/17729-evfta-va-nganh-rau-qua-viet-nam-cac-bien-phap-sps-chinh-ma-eu-ap-dung-doi-voi-mat-hang-trai-cay-tiem-nang-cua-viet-nam>, truy cập ngày 12/3/2022

## KINH NGHIỆM CỦA ĐỊA PHƯƠNG TRONG VIỆC THÚC ĐẨY XUẤT KHẨU HÀNG TRÁI CÂY SANG THỊ TRƯỜNG EU NHẪM TẬN DỤNG NHỮNG CƠ HỘI ĐẶT RA TỪ EVFTA

*TS. Hoàng Thị Thúy Hà*

**UBND Huyện Thanh Hà, Hải Dương**

Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA) là hiệp định thương mại toàn diện và mở cửa thị trường đầu tiên của Liên minh châu Âu (EU) với một quốc gia đang phát triển tại châu Á như Việt Nam. Hiệp định được ký kết vào ngày 30/6/2019 và có hiệu lực từ ngày 01/8/2020. Tuy nhiên, trước khi đi đến buổi lễ ký kết chính thức, chúng ta phải trải qua một hành trình dài, bắt đầu từ năm 2010 để đàm phán và chinh phục. Hiệp định gồm 17 Chương, 2 Nghị định thư và một số biên bản ghi nhớ kèm theo.

Hiệp định là dấu mốc quan trọng trong quan hệ hợp tác thương mại giữa Việt Nam và 28 nước châu Âu, hứa hẹn sẽ mang đến những cơ hội to lớn cho thị trường xuất khẩu của Việt Nam, đặc biệt là các mặt hàng nông, lâm, thủy sản mà Việt Nam có những lợi thế cạnh tranh, đồng thời thu hút nhiều nhà đầu tư đến từ EU thâm nhập vào thị trường nước nhà. Theo Hiệp định có tới 94% của 540 dòng thuế trái cây, rau quả từ Việt Nam vào thị trường EU đã về không ngay khi hiệp định có hiệu lực. Đây là cơ hội rất lớn cho hàng nông sản Việt Nam xuất khẩu vào EU - một thị trường tiềm năng với gần 500 triệu dân và đóng góp trên 20% GDP thế giới.

Huyện Thanh Hà nằm ở phía Đông Nam tỉnh Hải Dương. Phía Đông và phía Bắc giáp huyện Kim Thành, phía đông nam giáp huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, phía Tây và Tây Nam giáp huyện Tứ Kỳ, phía Tây Bắc giáp thành phố Hải Dương, phía Nam giáp huyện Tiên Lãng thành phố Hải Phòng. Huyện có diện tích tự nhiên là 140,70 km<sup>2</sup>, dân số 142.864 người. Tính chất đất đai cũng như địa hình của huyện mang đặc tính địa hình của đất phù sa sông Thái Bình. Khí hậu nhiệt đới gió mùa, hội tụ đầy đủ điều kiện để phát triển một nền nông nghiệp toàn diện với lợi thế, thế mạnh phát triển cây ăn quả với các loại cây chủ lực như cây vải, cây ổi, cây bưởi, đặc biệt là cây vải, huyện hiện có trên 3.500 ha vải; năm 2022 sản lượng đạt 44 nghìn tấn, giá trị đạt khoảng 1.360 tỷ. Sản lượng vải xuất khẩu sang các thị trường: Nhật, Singapo, Australia, Mỹ, EU đạt hơn 2 nghìn tấn.

Để có được sản lượng, giá trị lớn như ngày nay, quả vải của Thanh Hà đã có những thời gian thăng trầm. Từ xa xưa vải thiều Thanh Hà đã làm sản phẩm tiến vua. Những năm thập niên 90 của thế kỷ trước, vải thiều vẫn còn là cây ăn quả chủ lực, mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người nông dân. Tuy nhiên, đầu những năm 2000 cùng với sự phát triển của nhiều loại cây ăn quả khác, nhất là việc phát triển diện tích trồng vải tại tỉnh Bắc Giang làm cho vải thiều Thanh Hà đã bị mất giá trị về thương hiệu cũng như về kinh tế. Người nông dân không còn mặn mà với cây vải. Nhiều diện tích vải bị chặt hạ thay thế bằng các cây trồng khác như ổi, bưởi, quýt, chuối.

Những năm gần đây, cùng với sự quan tâm của các Bộ, ngành Trung ương, của tỉnh Hải Dương, đặc biệt là sự vào cuộc tích cực của cả hệ thống chính trị và nhân dân huyện Thanh Hà, thương hiệu vải thiều Thanh Hà đã dần lấy lại vị thế. Qua các hội nghị xúc tiến thương mại, các hội chợ, qua công tác quảng bá, giới thiệu sản phẩm và đặc biệt qua sự thay đổi trong chính tư duy sản xuất của người nông dân.

Vải thiều Thanh Hà lấy lại vị thế đúng vào thời điểm EVFTA được ký kết và có hiệu lực. Đây là cơ hội lớn cho quả vải thiều Thanh Hà cũng như các mặt hàng nông sản của Việt Nam xâm nhập vào thị trường EU. Thời cơ là vậy nhưng thách thức cũng không nhỏ dù thuế giảm xuống nhưng các yêu cầu về chất lượng của EU rất cao. Do đó, để xuất khẩu trái cây thành công và bền vững vào các thị trường nói chung và thị trường EU nói riêng đòi hỏi sản phẩm phải đảm bảo chất lượng, tuân thủ các yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc xuất xứ.

Phát huy tiềm năng, lợi thế sẵn có của huyện, tại Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXV, huyện Thanh Hà đã xác định một trong ba khâu đột phá trong nhiệm kỳ 2020-2025 là: Phát triển vùng cây ăn quả sản xuất đạt tiêu chuẩn VietGap, GlobalGap, tiêu chuẩn xuất khẩu gắn với du lịch sinh thái, xuất khẩu, công nghiệp chế biến sau thu hoạch để nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm. Giai đoạn vừa qua, mặc dù ảnh hưởng của dịch bệnh Covid - 19 nhưng các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện Thanh Hà được tiêu thụ thuận lợi, tạo giá trị kinh tế cao, đặc biệt vụ vải Thiều năm 2022 thành công nhất trong 10 năm trở lại đây cả về số lượng, chất lượng, giá trị kinh tế, thị trường tiêu thụ thuận lợi và theo đường chính ngạch. Kết quả là như vậy, nhưng chúng tôi cũng luôn trăn trở là làm sao duy trì bền vững, làm sao để người dân tuân thủ theo các quy trình sản xuất đảm bảo chất lượng để đáp ứng tiêu chuẩn ngày càng cao các thị trường khó tính. Từ thực tế, xin được rút ra một số kinh nghiệm như sau:

*Một là:* Vai trò của nhà nước trong việc quy hoạch, định hướng và quản lý sản xuất đặc biệt quan trọng. Để có sản phẩm tốt, thì yêu cầu đặt ra phải có các vùng sản xuất tập trung, áp dụng cùng một quy trình chăm sóc, thu hoạch. Chất lượng quả vải sẽ không thể đảm bảo nếu mỗi nhà, mỗi vườn canh tác một kiểu. Hiện nay, trên địa bàn huyện Thanh Hà có 85 vùng chuyên canh sản xuất vải với diện tích 969 ha. Để có được những vùng sản tập trung, chuyên canh hàng hoá để xuất khẩu UBND huyện Thanh Hà đã chỉ đạo làm tốt công tác quy hoạch, khoanh vùng phát triển tập trung, chuyên canh, tạo ra sản phẩm an toàn đạt tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP và tiêu chuẩn xuất khẩu. Hiện nay chúng tôi có 51 vùng được sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP; từ 51 vùng được sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP chúng tôi đã đăng ký và được cấp 128 mã số vùng trồng để xuất khẩu vải.

Để thuận tiện, thống nhất việc chăm sóc vải xuất khẩu, huyện Thanh Hà đã phối hợp với sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ban hành quy trình sản xuất vải an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP. Từ tĩa cành sau thu hoạch, bón phân, xử lý lộc, phòng trừ sâu bệnh hại, thu hoạch.... Đây được coi là cảm nang đối với những người trồng vải xuất khẩu. Họ thuộc lòng từng bước, từng quy trình áp dụng. Nhờ áp dụng đúng quy trình, kế hợp với thổ nhưỡng đất và khí hậu nên vải VietGAP Thanh Hà luôn được đánh giá rất cao về chất lượng. Đây là tiêu chuẩn đầu tiên để vải xuất khẩu.

*Hai là:* Tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm, đặc biệt là dư lượng thuốc bảo vệ thực vật. Đây là yêu cầu đặc biệt quan trọng đối với các mặt hàng nông sản xuất khẩu nói chung và quả vải Thanh Hà nói riêng; yêu cầu này khó nhất trong việc sản xuất vải tiêu chuẩn xuất khẩu. Vì tập quán canh tác, sản xuất của người nông dân từ xa xưa tới nay không theo một quy trình khoa học nào cả, hoàn toàn dựa trên kinh nghiệm. Đặc biệt là người nông dân thường không nhìn thấy lợi ích lâu dài mà chỉ nhìn thấy cái được trước mắt, nên rất khó để thay đổi tư duy, thay đổi cách làm của người trồng vải. Tuy nhiên, cách làm của Thanh Hà là thành lập các tổ sản xuất (đến nay huyện đã thành lập được 51 tổ) trong đó có tổ trưởng tổ phó; đây là cánh tay nối dài của các cơ quan chuyên môn trong việc hướng dẫn, giám sát quy trình sản xuất của các tổ viên. Chỉ được sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật được quy định; trước khi thu hoạch vải từ 10 đến 15 ngày phải chấm dứt phun, xịt thuốc bảo vệ thực vật và chất kích thích sinh trưởng. Thời gian đầu triển khai, cũng gặp nhiều khó khăn do sự không hợp tác của người dân, tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, người dân tham



gia vào các tổ sản xuất đã nhận thấy được lợi ích từ việc tham gia tổ sản xuất nên đã tự giác chấp hành và tuân thủ quy trình sản xuất theo quy định.

*Ba là:* Nội dung quan trọng trong việc đảm bảo vải thiều Thanh Hà đủ điều kiện để xuất khẩu đó là gắn QR-Code. Điều này thể hiện nguồn gốc, xuất xứ của quả vải. Nếu quả vải được trồng, được chăm sóc, được thu hoạch theo đúng quy trình Vietgap, Globgap nhưng không được gắn QR-Code để chứng minh đây đúng là sản phẩm đó thì quả vải coi như không đạt yêu cầu để xuất khẩu sang EU. Vì vậy nội dung thứ 3 rất quan trọng đòi hỏi phải có sự vào cuộc tích cực của các cơ quan quản lý nhà nước trong việc gắn tem và đặc biệt là trong việc quản lý tem vì sẽ có hiện tượng tem truy xuất nguồn gốc được gắn cho những quả vải không được sản xuất theo quy trình. Hiện tại, tất cả các mã vùng trồng vải xuất khẩu của Thanh Hà đã được cấp QR-Code để truy xuất nguồn gốc.

*Bốn là:* Vai trò tiêu thụ của các doanh nghiệp. Quả vải làm ra đúng theo quy trình sản xuất, được gắn QR-Code để truy xuất nguồn gốc nhưng ai sẽ là người mang nó đến tay người dùng. Đó là vai trò của các doanh nghiệp. Trong thời gian qua, huyện cũng đã rất tích cực mời gọi và tạo mọi điều kiện để các doanh nghiệp có uy tín, kinh nghiệm trong lĩnh vực chế biến, xuất khẩu hàng nông sản. Hiện nay, trên địa bàn huyện có công ty Ameii Việt Nam và Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Rông Đò đang tích cực hoạt động và nhận được sự ủng hộ nhiệt tình của người nông dân. Đặc biệt các doanh nghiệp này đã trực tiếp thành lập các HTX sản xuất vải mà thành viên của HTX chính là những người dân có vải, doanh nghiệp hỗ trợ cung cấp thuốc bảo vệ thực vật, giám sát quy trình chăm sóc và trực tiếp thu mua, sơ chế để tiêu thụ vào các thị trường.

*Năm là,* mặc dù là huyện có nguồn thu đạt thấp nhưng hàng năm huyện đều có cơ chế hỗ trợ bà con phục vụ sản xuất như hỗ trợ thuốc bảo vệ thực vật, thuê chuyên gia giám sát, lấy mẫu kiểm định để đề nghị cấp chứng nhận các vùng đạt tiêu chuẩn; quản lý tem, bao bì nhãn mác để giữ thương hiệu, mời gọi các doanh nghiệp đến địa phương để phối hợp tìm đầu ra cho các sản phẩm nông nghiệp.

Huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương được ví như “Miền Tây thu nhỏ”, được bao bọc bởi các con sông, phù sa bồi đắp tạo thành các vùng sản xuất cây trái tập trung theo vùng: Vùng sản xuất vải, vùng ổi, vùng bưởi, chuối, chanh, quýt..., sông nước

cảnh đẹp hữu tình, nhiều di tích lịch sử được công nhận cấp Quốc gia, cấp tỉnh; có nhiều đặc sản như rươi, cáy, cà ra..., tạo nên một vùng quê bình yên đang phát triển.

Để người dân ổn định sản xuất và tận dụng được cơ hội đặt ra từ Hiệp định EVFTA rất cần có sự quan tâm, hỗ trợ của các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương, của các nhà khoa học và các doanh nghiệp.

Thay mặt cán bộ và nhân dân huyện Thanh Hà cảm ơn sự quan tâm của quý vị đại biểu, kính mời quý khách về thăm quê hương Thanh Hà để có những trải nghiệm thú vị.

Xin được kính chúc các đại biểu có nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành công.  
Trân trọng cảm ơn.

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI XUẤT KHẨU GẠO CỦA VIỆT NAM VÀO THỊ TRƯỜNG LIÊN MINH CHÂU ÂU KHI EVFTA CÓ HIỆU LỰC

*ThS. Nguyễn Thị Thơm*

**Viện Xã hội học - Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam**

*ThS. Trần Thị Thảo*

**Khoa Nhân học - Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG TP.HCM**

**Tóm tắt:** *Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA) đã thể hiện những tác động đến việc xuất khẩu gạo của Việt Nam vào thị trường Liên minh Châu Âu. Bài viết tập trung vào những nội dung chủ yếu của EVFTA, mà qua đó, gạo xuất khẩu của Việt Nam đã có chỗ đứng nhất định cùng những thách thức được đặt ra. Đồng thời, bài viết đề xuất vài giải pháp trong tình hình mới để Việt Nam khẳng định và mở rộng thị trường cho mặt hàng nông sản gạo đặc trưng của mình.*

Sau thời gian dài đàm phán, ngày 30/6/2019, Hiệp định Thương mại tự do và Hiệp định bảo hộ đầu tư giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA và EVIPA) đã được ký kết tại Hà Nội, đánh dấu mốc lịch sử trong quan hệ đối tác giữa hai nền kinh tế.

EVFTA là một Hiệp định toàn diện, chất lượng cao và đảm bảo cân bằng lợi ích cho cả Việt Nam và EU, trong đó cũng đã lưu ý đến sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa hai bên. So với các FTA đa phương mà Việt Nam đã và đang tham gia, tính tới thời điểm ký kết, phạm vi cam kết trong EVFTA được đánh giá là rộng nhất, mức độ cam kết của Việt Nam cũng như cam kết mà một đối tác EU dành cho Việt Nam được đánh giá là cao so với các FTA mà Việt Nam đã ký kết. Điều này mở ra nhiều cơ hội, nhưng đồng thời cũng đặt ra một số vấn đề đối với việc xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam, trong đó có sản phẩm gạo, để có thể tận dụng tốt những ưu đãi theo các quy định của EVFTA.

## **1. Một số nội dung chủ yếu của EVFTA**

EVFTA là hiệp định thế hệ mới có phạm vi cam kết rộng với mức độ cam kết cao nhất của Việt Nam tính đến nay và cũng là FTA đầu tiên của EU với một quốc gia có

mức thu nhập trung bình. EVFTA gồm 17 chương, 2 nghị định thư và một số biên bản ghi nhớ. Nội dung chủ yếu của EVFTA đề cập tới những vấn đề sau<sup>1</sup>:

- Thương mại hàng hóa: EU cam kết xóa bỏ thuế quan ngay khi EVFTA có hiệu lực đối với hàng hóa của Việt Nam thuộc 85,6% số dòng thuế trong biểu thuế, tương đương 70,3% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam vào EU. Trong vòng 7 năm kể từ khi EVFTA có hiệu lực, EU cam kết xóa bỏ 99,2% số dòng thuế trong biểu thuế, tương đương 99,7% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam vào EU. Đối với 0,3% kim ngạch xuất khẩu còn lại (bao gồm: một số sản phẩm gạo, ngô ngọt, tỏi, nấm, đường và các sản phẩm chứa hàm lượng đường cao... EU cam kết mở cửa cho Việt Nam theo hạn ngạch thuế quan (TRQs) với thuế nhập khẩu trong hạn ngạch là 0%. Về thuế xuất khẩu của Việt Nam, Việt Nam cam kết xóa bỏ hầu hết các loại thuế xuất khẩu đối với hàng hoá xuất sang EU.

- Các hàng rào kỹ thuật: Về rào cản kỹ thuật đối với thương mại, hai bên thoả thuận tăng cường thực hiện các quy tắc của Hiệp định TBT trong WTO. Đối với các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm (SPS) Việt Nam và EU đã đạt được thỏa thuận về một số nguyên tắc về SPS nhằm tạo điều kiện cho hoạt động thương mại đối với các sản phẩm động vật, thực vật.

- Quy tắc xuất xứ: Hàng hóa sẽ được coi là có xuất xứ tại một bên (Việt Nam hoặc EU) nếu đáp ứng được một trong các yêu cầu mà hai bên đã thống nhất: Có xuất xứ thuần túy hoặc được sản xuất toàn bộ tại lãnh thổ của bên xuất khẩu; Không có xuất xứ thuần túy hoặc không được sản xuất toàn bộ tại lãnh thổ của bên xuất khẩu nhưng đáp ứng được các yêu cầu như hàm lượng giá trị nội địa không dưới 40%...

- Thương mại dịch vụ và đầu tư: Cam kết của Việt Nam và EU trong EVFTA về thương mại dịch vụ đầu tư hướng tới tạo ra một môi trường đầu tư cởi mở, thuận lợi cho hoạt động của các doanh nghiệp 2 bên. Trong đó, cam kết của EU cho Việt Nam cao hơn cam kết của EU trong Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và tương đương với mức cao nhất trong các FTA gần đây của EU. Cam kết của Việt Nam cho EU cao hơn cam kết của Việt Nam trong WTO và ít nhất là ngang bằng với mức mở cửa cao nhất mà Việt Nam thực hiện với các đối tác khác trong các đàm phán FTA hiện tại.

---

<sup>1</sup>Đặng Thị Huyền Anh (2017), “Hiệp định EVFTA và một số vấn đề đặt ra đối với xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường EU”, <https://tapchitaichinh.vn/nguyen-cuu-trao-doi/hiiep-dinh-evfta-va-mot-so-van-de-dat-ra-doi-voi-xuat-khau-cua-viet-nam-va-thi-truong-eu-129830.html>

EVFTA có hiệu lực từ tháng 8/2020, mở ra nhiều thuận lợi cho nông sản xuất khẩu sang thị trường 27 nước thành viên EU, trong đó có mặt hàng gạo, đặc biệt là các loại gạo chất lượng cao. Bước đầu, việc khai thác EVFTA để đẩy mạnh xuất khẩu gạo của Việt Nam được đánh giá là tích cực, khả quan. Tuy vậy, thị phần gạo của Việt Nam tại EU hiện vẫn còn khá khiêm tốn, trong khi thị trường EU đòi hỏi tiêu chuẩn cao bảo về đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, tuân thủ các yêu cầu về ghi nhãn có nguồn gốc hợp pháp..., nên cũng đặt ra không ít thách thức để doanh nghiệp xuất khẩu gạo của Việt Nam có thể tận dụng được những ưu đãi trong các quy định của EVFTA.

## **2. Cơ hội, thách thức đối với xuất khẩu gạo của Việt Nam sang EU và một số giải pháp**

Năm 2020, do nền kinh tế toàn cầu gặp phải khó khăn vì dịch Covid-19 nên xuất khẩu gạo của Việt Nam sang EU không tăng trưởng về sản lượng. Tuy nhiên, năm 2021, lượng gạo của Việt Nam xuất khẩu sang EU đạt 60.000 tấn, trị giá 41 triệu USD, tăng gần 1% về lượng, nhưng tăng hơn 20% về trị giá so với năm 2020<sup>2</sup>.

Xuất khẩu gạo đang dần khẳng định chỗ đứng tại thị trường EU bởi chất lượng gạo của Việt Nam trong nhiều năm qua đã không ngừng được cải thiện. Các loại gạo thơm, gạo chất lượng cao như ST24, ST25,... được người dân khu vực này ưa chuộng. Đây là dòng gạo thơm mà hiện nay Việt Nam đang có thể mạnh mẽ phát triển.

Theo số liệu của Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat), trong 10 nguồn cung gạo ngoại khối lớn cho EU, gạo xuất khẩu của Việt Nam vào EU đạt mức tăng giá mạnh nhất, tăng 20,3%, đạt trung bình 781 USD/tấn<sup>3</sup>.

Kết quả này cho thấy các doanh nghiệp đã tận dụng hiệu quả một số lợi thế từ EVFTA để gia tăng giá trị xuất khẩu gạo sang EU, nhất là trong bối cảnh dịch bệnh, giá cước vận tải biển đi EU tăng mạnh và nhập khẩu gạo của thị trường này giảm trong năm 2021.

Số liệu từ Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat) cho biết, EU nhập khẩu 3-4 triệu tấn gạo mỗi năm. Năm 2021, EU nhập khẩu 3,6 triệu tấn gạo; trong đó 1,6 triệu tấn giao dịch nội khối và 2 triệu tấn nhập khẩu từ các nước bên ngoài EU<sup>4</sup>.

<sup>2</sup>Ánh Tuyết (2022), “Tận dụng lợi thế FTA để xuất khẩu nông sản”, <https://nhandan.vn/tan-dung-loi-the-fta-de-xuat-khau-nong-san-post698289.html>

<sup>3</sup>Thế Hoàng (2022), “Xuất khẩu gạo cán đích thành công”, <https://baodautu.vn/xuat-khau-gao-can-dich-thanh-cong-d159669.html>

Hiện thị phần gạo của Việt Nam tại EU còn khá khiêm tốn, chỉ chiếm 3,1% tổng lượng gạo ngoại khối nhập khẩu vào EU. Như vậy, Việt Nam vẫn còn nhiều dư địa để gia tăng xuất khẩu vào thị trường này. Đồng thời, EU được nhận định là thị trường tiềm năng về xuất khẩu các loại gạo có giá trị cao, trong đó, một số giống gạo đặc sản của Việt Nam<sup>5</sup>.

Trước thời điểm EVFTA có hiệu lực, một trong những nguyên nhân cản trở đà tăng trưởng xuất khẩu gạo Việt Nam sang thị trường EU là bởi thuế suất EU áp lên gạo nhập khẩu từ Việt Nam khá cao. Bên cạnh đó, thời điểm này, Việt Nam chưa được EU dành hạn ngạch thuế quan, nên rất khó cạnh tranh với gạo của các nước khác được phân bổ hạn ngạch thuế quan như Thái Lan, Mỹ, Australia, Ấn Độ, Pakistan và các nước kém phát triển được miễn thuế và không bị áp dụng hạn ngạch như Lào, Campuchia, Myanmar.

Nhưng theo cam kết từ EVFTA, EU dành cho Việt Nam hạn ngạch 80.000 tấn gạo mỗi năm gồm: 30.000 tấn gạo xay xát, 20.000 tấn gạo chưa xay xát và 30.000 tấn gạo thom. Đặc biệt, EU sẽ tự do hóa hoàn toàn đối với gạo tằm, cam kết này giúp Việt Nam có thể xuất khẩu ước khoảng 100.000 tấn vào EU mỗi năm. Đối với sản phẩm từ gạo, EU sẽ đưa thuế suất về 0% sau 3-5 năm. Điều này đã mở ra cơ hội để gạo Việt Nam có thể cạnh tranh với các nước khác khi xuất khẩu vào EU.

Đồng thời, lạm phát kỷ lục đang diễn ra tại châu Âu trong những gần đây đã khiến giá của không chỉ các mặt hàng năng lượng tăng, mà nhiều loại lương thực, thực phẩm tại EU cũng tăng giá rất mạnh. Diễn biến này đang tạo cơ hội cho nông sản châu Á nói chung, nông sản Việt Nam nói riêng gia tăng xuất khẩu vào thị trường này.

Tuy vậy, theo quy định của EVFTA, các điều kiện tiêu chuẩn mà EU áp cho hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam, trong đó có mặt hàng gạo, là rất cao. Muốn tận dụng được ưu đãi về thuế, nông sản Việt Nam phải đáp ứng được các tiêu chuẩn khắt khe về nguồn gốc sản phẩm, tiêu chuẩn chất lượng, an toàn thực phẩm, tiêu chuẩn phát triển bền vững về lao động, môi trường...

Bên cạnh đó, để có thể tận dụng được hết mức hạn ngạch nhằm hưởng ưu đãi, các mặt hàng bị áp hạn ngạch cũng cần đáp ứng tối đa những quy định trong EVFTA. Đặc biệt là mặt hàng gạo, EU đang dành cho Việt Nam hạn ngạch gạo thom là 30.000

<sup>4</sup>Thế Hoàng (2022), “Xuất khẩu gạo cán đích thành công”, <https://baodautu.vn/xuat-khau-gao-can-dich-thanh-cong-d159669.html>

<sup>5</sup>Thế Hoàng (2022), “Xuất khẩu gạo cán đích thành công”, <https://baodautu.vn/xuat-khau-gao-can-dich-thanh-cong-d159669.html>

tấn/năm với điều kiện phải có giấy chứng nhận chủng loại gạo thơm theo đúng danh mục giống gạo thơm đã được liệt kê trong Hiệp định, nếu không sẽ bỏ lỡ lượng hạn ngạch gạo mà EU ban hành.

Theo Nghị định 103/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chứng nhận gạo thơm xuất khẩu sang Liên minh châu Âu, doanh nghiệp muốn xuất khẩu gạo thơm vào EU phải đáp ứng các yêu cầu về nguồn giống; có diện tích vùng trồng, địa điểm sản xuất đáp ứng yêu cầu; có các biên bản kiểm tra đánh giá chất lượng từng lô hàng ở từng thời điểm kiểm tra để có thể xuất khẩu hàng hóa vào các thị trường này...

Do đó, các cơ quan Nhà nước cần xây dựng và triển khai chiến lược, quy hoạch cụ thể đối với quỹ đất nông nghiệp, dành một diện tích cần thiết để phát triển lúa gạo chất lượng cao, có chính sách hợp lý để chuyển đổi, cải tạo giống nhằm đạt được sản lượng cao và chất lượng tốt. Mặt khác, doanh nghiệp cũng cần phải có diện tích canh tác đảm bảo đúng giống, chất lượng. Việc triển khai vùng trồng, giống, đánh giá đồng ruộng, xác nhận giống, thu hoạch, kiểm tra chất lượng... phải đảm bảo đúng theo quy định để có được xác nhận về giống lúa sản xuất.

Thị trường hàng hóa nông sản hữu cơ thế giới đang phát triển nhanh, nhu cầu đối với mặt hàng gạo hữu cơ cũng có xu hướng tăng cao. Vì vậy, Việt Nam cần thúc đẩy phát triển các sản phẩm gạo hữu cơ, vừa mang giá trị kinh tế cao, vừa đảm bảo yếu tố thân thiện với môi trường, góp phần giúp doanh nghiệp xuất khẩu tiến xa hơn, thâm nhập sâu vào thị trường EU. Song song với đó, doanh nghiệp và hộ gia đình cần chú trọng ứng dụng công nghệ như việc truy xuất nguồn gốc nông sản điện tử, tăng cường chế biến để tạo giá trị gia tăng, việc làm và tận dụng tốt nhất ưu đãi thuế quan của EVFTA đối với nông sản đã qua chế biến.

Mặt khác, cần quan tâm đặc biệt đến việc xây dựng thương hiệu cho gạo Việt Nam, góp phần nâng cao được sức cạnh tranh và tạo ra giá trị gia tăng cao cho sản phẩm gạo xuất khẩu. Vì vậy, Nhà nước cần hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng và đăng ký thương hiệu cho sản phẩm hàng hóa nhằm nâng cao uy tín trên thị trường và phòng tránh bị mất thương hiệu vào các doanh nghiệp nước ngoài. Đối với các doanh nghiệp, ngoài khâu tổ chức trồng trọt thì cũng cần phải tập trung vào khâu marketing, đóng gói nhãn mác, phát triển thương hiệu. Có như vậy người tiêu dùng EU mới biết tới gạo Việt nhiều hơn, từ đó giúp doanh nghiệp tăng lượng hàng và giá trị xuất khẩu, tận dụng được những lợi thế và cơ hội mà EVFTA mang lại.

Ngoài ra, theo đánh giá của VCCI, so với các FTA đã có hiệu lực, mức độ hiểu biết và kỳ vọng của doanh nghiệp đối với EVFTA là tương đối cao (30,19% doanh nghiệp được khảo sát hiểu và nắm rõ các thông tin về các cam kết trong EVFTA so với mức trung bình 22,95% ở các FTA khác)<sup>6</sup>. Tuy nhiên, vẫn còn khá nhiều doanh nghiệp chưa hiểu rõ, hiểu kỹ và có sự chuẩn bị đầy đủ nhằm tuân thủ đúng và tận dụng được những ưu đãi từ EVFTA. Vì vậy, các cơ quan Nhà nước cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, đào tạo nhằm thay đổi tập quán sản xuất nông nghiệp của nông dân như kỹ thuật sản xuất nông sản sạch, an toàn theo tiêu chuẩn quốc tế, ứng dụng khoa học kỹ thuật và đổi mới công nghệ. Mặt khác, các cơ quan Nhà nước cũng cần tăng cường thông tin về cam kết, cũng như cách thức tận dụng cơ hội do EVFTA mang lại. Trong khi đó, các doanh nghiệp cũng cần chủ động tìm hiểu thông tin về EVFTA, chủ động nghiên cứu và thực hiện tốt văn bản hướng dẫn thực thi EVFTA của Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan, chủ động chuẩn bị năng lực, nguồn hàng, từ đó nâng cao sức cạnh tranh thông qua việc xây dựng kế hoạch dài hạn, bài bản, nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh thông qua ứng dụng khoa học và công nghệ nhằm gia tăng giá trị sản phẩm.

Hơn nữa, bên cạnh lợi thế của hiệp định EVFTA, chúng ta cũng phải tự nâng cao chất lượng của hạt gạo Việt Nam cũng như thay đổi cách tiếp cận thị trường để có thể chiếm lĩnh mở rộng thị phần được nhiều hơn nữa. Với nhu cầu ổn định, đặc biệt là ở mức cao đối với các loại gạo đặc sản từ châu Á, trong thời gian tới EU sẽ tiếp tục là thị trường xuất khẩu gạo nhiều tiềm năng cho các doanh nghiệp Việt Nam. Tiếp tục chiến lược chất lượng, gia tăng giá trị sẽ giúp gạo Việt duy trì lợi thế cạnh tranh tại thị trường này.

Như vậy, tiềm năng xuất khẩu gạo, đặc biệt là gạo thơm của Việt Nam vào thị trường EU vẫn còn lớn và sản phẩm gạo của Việt Nam đang ngày càng khẳng định vị trí tại thị trường Châu Âu. EVFTA không những thúc đẩy cơ hội gia tăng giá trị mặt hàng gạo xuất khẩu của Việt Nam mà còn tạo động lực để Việt Nam nâng cao chất lượng và đáp ứng tốt hơn các tiêu chuẩn đối với các mặt hàng xuất khẩu vào thị trường EU, đặc biệt là gạo thơm, gạo hữu cơ.

---

<sup>6</sup>Nguyễn Hoàng (2021), “EVFTA là một trong những Hiệp định thương mại tự do Việt Nam tận dụng tốt nhất trong năm đầu thực thi”, <https://moit.gov.vn/tin-tuc/hoat-dong/evfta-la-mot-trong-nhung-hiep-dinh-thuong-mai-tu-do-viet-nam-tan-dung-tot-nhat-trong-nam-dau-thuc-thi.html>



### **Tài liệu tham khảo**

1. Đặng Thị Huyền Anh (2017), “Hiệp định EVFTA và một số vấn đề đặt ra đối với xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường EU”, <https://tapchitaichinh.vn/nguyen-cuu-trao-doi/hiep-dinh-evfta-va-mot-so-van-de-dat-ra-doi-voi-xuat-khau-cua-viet-nam-vao-thi-truong-eu-129830.html>
2. Trương Thu Hà (2021), “EVFTA và nông sản Việt Nam xuất khẩu: Thách thức, cơ hội và giải pháp”, <https://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-kinh-doanh/evfta-va-nong-san-viet-nam-xuat-khau-thach-thuc-co-hoi-va-giai-phap-343659.html>
3. Thế Hoàng (2022), “Xuất khẩu gạo cán đích thành công”, <https://baodautu.vn/xuat-khau-gao-can-dich-thanh-cong-d159669.html>
4. Nguyễn Hường (2021), “EVFTA là một trong những Hiệp định thương mại tự do Việt Nam tận dụng tốt nhất trong năm đầu thực thi”, <https://moit.gov.vn/tin-tuc/hoat-dong/evfta-la-mot-trong-nhung-hiep-dinh-thuong-mai-tu-do-viet-nam-tan-dung-tot-nhat-trong-nam-dau-thuc-thi.html>
5. Ánh Tuyết (2022), “Tận dụng lợi thế FTA để xuất khẩu nông sản”, <https://nhandan.vn/tan-dung-loi-the-fta-de-xuat-khau-nong-san-post698289.html>

# VIỆT NAM THỰC HIỆN HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO LIÊN MINH CHÂU ÂU-VIỆT NAM (EVFTA) - NHÌN TỪ GÓC ĐỘ QUYỀN CON NGƯỜI

*Vũ Ngọc Bình*

Cố vấn cao cấp/Viện Dân số, Gia đình và Trẻ em  
(thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam - VUSTA)

**Tóm tắt:** Việt Nam đã và đang tích cực các hiệp định thương mại tự do (FTA) từ những năm 1990s sau khi gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) để đảm bảo tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội cho việc hội nhập quốc tế. Điều này càng cơ bản và quan trọng hơn trong bối cảnh của Cuộc cách mạng Công nghiệp 4.0 và phục hồi kinh tế sau thời kỳ bệnh dịch Covid-19. Bài viết này xem xét không chỉ những cơ hội và thành tựu mà còn các thách thức mà Việt Nam cần giải quyết trong việc thực hiện Hiệp định Thương mại Tự do Liên minh châu Âu-Việt Nam (EVFTA) trong khi bảo đảm quyền lợi quốc gia qua việc thúc đẩy và hoàn thành những cam kết về quyền con người.

Phần 1 là phần giới thiệu, nêu khái quát Hiệp định EVFTA mà Việt Nam đang thực hiện với Liên minh châu Âu (EU); Phần 2 thảo luận những cơ hội, thành tựu và thách thức từ góc độ quyền con người; Phần 3 đưa ra một số kết luận.

## 1. Giới thiệu

Từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao vào tháng 10 năm 1990, Việt Nam đã trở thành một trong những đối tác chính của Liên minh châu Âu (EU) tại Đông Nam Á và kể từ đó hai bên đã thiết lập quan hệ hợp tác trên các lĩnh vực chính trị, thương mại và phát triển.

Quan hệ hợp tác EU-Việt Nam ngày càng được củng cố, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam đang đóng một vai trò địa chiến lược quan trọng ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương, nơi mà nhiều quốc gia trên thế giới muốn tạo lập được sự ảnh hưởng của mình. Về phần mình, Việt Nam tích cực đàm phán FTA với các đối tác chiến lược như EU không chỉ nhằm mục đích kinh tế, mà còn cả những lý do chính trị và an ninh.

Đi lên sau một quá trình dài trong hơn ba thập kỷ, đã tăng trưởng kinh tế ấn tượng, trải qua những thay đổi xã hội đáng kể và trở thành một nước có thu nhập trung

binh thấp. bất kể đại dịch COVID-19 và là một thành viên quan trọng trong ASEAN<sup>1</sup>. EU và các nước thành viên của mình đồng hành cùng Việt Nam trong hành trình này với vai trò là nhà tài trợ chính cho sự phát triển của Việt Nam, đồng thời tăng cường và làm sâu sắc hơn quan hệ song phương thông qua thương mại và đầu tư, đào tạo và giáo dục, quản trị và tăng cường hợp tác trong chính sách ngoại giao. Quan hệ đối tác vững mạnh và toàn diện này đã đạt đỉnh cao bằng việc ký kết giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam Hiệp định Khung Đối tác và Hợp tác Toàn diện (PCA) năm 2012 và Hiệp định Thương mại Tự do song phương Việt Nam-EU (EVFTA) năm 2019 là những cột mốc quan trọng trong quan hệ đối tác giữa EU với Việt Nam<sup>2</sup>. Năm 2022 đánh dấu kỷ niệm lần thứ 32 ngày thiết lập quan hệ ngoại giao giữa EU và Việt Nam<sup>3</sup>.

## 2. Những cơ hội, thách thức nhìn từ góc độ quyền con người

Để gia nhập những sân chơi như EVFTA để có được những cơ hội phát triển kinh tế, các quốc gia trong đó có Việt Nam phải chấp nhận những điều kiện của luật chơi chung và một trong những trọng tâm là vấn đề quyền con người và bình đẳng giới - mà cùng với tự do, dân chủ, pháp quyền và phát triển bền vững hiện là những giá trị phổ quát mà 27 nước Liên minh châu Âu đang phấn đấu đạt tới.

Khi đàm phán các hiệp định quốc tế với các nước ngoài EU, sự tuân thủ các quy định bảo vệ quyền con người thường được EU coi là một điều kiện đối với các nước ngoài khối muốn thiết lập quan hệ hợp tác với EU. Trong thực tế, các điều khoản quyền con người đã được đưa vào trong các hiệp định của EU với hơn 120 quốc gia trên thế giới. Việc tuân thủ các quy định về quyền con người trong các hiệp định này là một điều kiện tiên quyết mà sự vi phạm có thể dẫn tới các biện pháp trả đũa của EU hoặc thậm chí là đình chỉ hiệu lực của hiệp định đó. Trong các hiệp định này cũng quy định về cơ chế và quy trình đối thoại và tham vấn thường kỳ.

EVFTA là một loại hiệp định thế hệ mới, bao hàm không chỉ các quy định về thương mại theo nghĩa rộng, mà cả các quy định về quyền con người, không chỉ bao gồm các nhóm quyền thế hệ thứ nhất, tức là các quyền dân sự và chính trị (quyền được sống, quyền tự do ngôn luận, quyền tự do tín ngưỡng,...), mà cả các nhóm quy định thế hệ hai (tức là các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa như quyền được làm việc, quyền được hưởng an sinh xã hội, quyền tiếp cận giáo dục, quyền biểu tình, quyền

<sup>1</sup> <https://www.worldbank.org/en/country/vietnam>

<sup>2</sup> <https://bnews.vn/chinh-thuc-ra-mat-cong-thong-tin-co-so-du-lieu-thuong-mai-viet-nam/238588.html>

<sup>3</sup> <https://vnembassy-bruxelles.mofa.gov.vn/vi-vn/News/EmbassyNews/Trang/Chặng-đường-quan-hệ-Việt-Nam--Liên-minh-châu-Âu-30-năm-qua.aspx>

ngghi ngơi và giải trí,...) và cả các quy định thể hệ thứ ba, tức bao hàm cả các quyền liên quan tới môi trường, an ninh và phát triển. Ba nhóm quyền này không tách rời nhau mà ngược lại có quan hệ chặt chẽ với nhau.

Điều quan trọng là xác định và nhận biết được những tác động và tác hại không mong muốn làm ảnh hưởng đến việc hưởng thụ những quyền con người trên các lĩnh vực dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa được quy định trong pháp luật quốc tế về quyền con người cũng như Hiến pháp Việt Nam năm 2013, mà trước hết là quyền sống, quyền lao động, sở hữu trí tuệ, quyền sức khỏe, quyền tự do biểu đạt và quyền riêng tư trên Internet, lương thực-thực phẩm, nước sạch-vệ sinh, nhà ở, giáo dục, khoa học và văn hóa, các tiêu chuẩn lao động, tư pháp độc lập và hiệu quả, môi trường trong sạch...

Cũng trong vòng ba thập kỷ hội nhập quốc tế và phát triển vừa qua (1986-2016) sau khi trở thành thành viên của Liên Hợp Quốc vào năm 1977, Việt Nam đã và đang tích cực thực hiện các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa được quy định trong những văn kiện quốc tế về quyền con người, đặc biệt các điều ước quốc tế cơ bản của Liên Hợp Quốc<sup>4</sup>.

Bên cạnh đó, có những chuẩn mực và nguyên tắc ràng buộc liên quan về mặt pháp lý với các quốc gia thành viên, trong đó có Việt Nam mà phải phù hợp và tuân thủ là Những nguyên tắc hướng dẫn của Liên Hợp Quốc về Kinh doanh và Quyền con người (the UN Guiding Principles on Business and Human Rights<sup>5</sup>). Các quốc gia thành viên phải đảm bảo rằng những hiệp định và thỏa thuận về thương mại và đầu tư không làm cản trở họ trong việc thực hiện các nghĩa vụ quốc gia về quyền con người của họ (Nguyên tắc hướng dẫn số 9), đặc biệt không làm trầm trọng thêm vấn đề nghèo đói, làm tăng nợ công và nợ nước ngoài, làm ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền con người của những nhóm người dễ bị tổn thương như người bản địa, người thiểu số, người khuyết tật, lao động di cư... Trên thực tế, việc toàn cầu hóa đang diễn ra trên khắp thế giới và nhiều hiệp định hay thỏa thuận thương mại tự do và đầu tư song phương hay đa phương ở nhiều nơi đã làm tăng thêm những vụ việc vi phạm quyền con người.

<sup>4</sup> Gồm Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR), Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (ICESCR), Công ước về xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW), Công ước về xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt chủng tộc (CERD), Công ước về quyền trẻ em (CRC), Công ước về quyền của người khuyết tật (CRPD) và Công ước về chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người (CAT).

<sup>5</sup> <https://www.business-humanrights.org/en/big-issues/un-guiding-principles-on-business-human-rights/>

Theo tinh thần của Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 5/11/2016 của Đảng khóa XII, trong thời gian tới, Việt Nam sẽ phải nội luật hóa các quy định của EVFTA. Tuy nhiên, ở đây cần lưu ý rằng, khi chưa nội luật hóa được các quy định của EVFTA, chúng ta vẫn phải tuân thủ các cam kết trong hiệp định này, bởi lẽ, theo quy định của Luật Điều ước quốc tế năm 2016, các quy định của điều ước quốc tế sẽ phải được ưu tiên áp dụng so với pháp luật quốc gia, trừ Hiến pháp năm 2013.

### ***Quyền lao động (labour rights)***

Tuân thủ tiêu chuẩn quốc tế về lao động là nội dung luôn được đề cập đến trong các FTA thế hệ mới, trong đó có EVFTA. Tuy nhiên, EVFTA không đưa ra tiêu chuẩn riêng về lao động mà chỉ khẳng định lại các tiêu chuẩn lao động được nêu trong Tuyên bố năm 1998 của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) về Những nguyên tắc và quyền cơ bản trong lao động mà tất cả các nước thành viên EVFTA đều có nghĩa vụ tôn trọng, thúc đẩy và thực thi với tư cách thành viên ILO, như các vấn đề lao động trẻ em, lao động cưỡng bức, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp...

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, vấn đề bảo đảm quyền lợi của người lao động ngày càng được coi trọng trên cơ sở coi người lao động là người trực tiếp làm ra các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ trong thương mại quốc tế nên trước hết họ phải là người được hưởng lợi, được chia sẻ thành quả của quá trình này, cụ thể là họ phải được bảo đảm các quyền, lợi ích và các điều kiện lao động cơ bản.

Người lao động sẽ có thêm việc làm, việc làm sẽ bền vững hơn, người lao động sẽ có thu nhập cao hơn. Ở một góc độ khác, luân chuyển lao động giữa hai khu vực với nhau (Việt Nam và EU) cũng sẽ được thực hiện, nhất là với những tiêu chuẩn rất cao của EU thì người lao động chắc chắn sẽ được làm việc trong một điều kiện an toàn hơn.

EVFTA quy định rằng các nước thành viên sẽ phải bảo vệ các quyền lao động cơ bản, đặc biệt là quyền được có công đoàn độc lập và quyền thương lượng tập thể của người lao động. Các nước không tuân theo tiêu chuẩn quy định sẽ bị phạt về thương mại. Các tiêu chuẩn lao động của ILO được áp dụng với Hiệp định EVFTA không phải là các tiêu chuẩn mới về lao động mà chính là các tiêu chuẩn lao động được nêu tại Tuyên bố năm 1998 của ILO về các nguyên tắc cơ bản và những quyền tại nơi làm việc (the 1998 Declaration on Fundamental Principles and Rights at Work), gồm các nhóm quyền quyền tự do kết giao và thương lượng tập thể của người lao động và

người sử dụng lao động (Công ước số 87 và số 98 của ILO); xóa bỏ lao động cưỡng bức (Công ước số 29 và số 105 của ILO); tuổi tối thiểu và các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất (Công ước số 138 và Công ước số 182 của ILO); xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử về việc làm và nghề nghiệp (Công ước số 100 và số 111 của ILO).

8 Công ước của ILO quy định các quyền và nguyên tắc cơ bản gồm:

- Công ước số 87 về Tự do kết giao và Bảo vệ quyền tổ chức năm 1948
- Công ước số 98 về Quyền tổ chức và Thương lượng tập thể năm 1949
- Công ước số 29 về Lao động cưỡng bức năm 1930
- Công ước số 105 về Xóa bỏ lao động cưỡng bức năm 1957
- Công ước số 100 về Trả công bình đẳng năm 1951
- Công ước số 111 về Phân biệt đối xử (Công việc và Nghề nghiệp) năm 1958
- Công ước số 138 về Tuổi tối thiểu năm 1973
- Công ước số 182 về Các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất năm 1999.

Từ khi gia nhập lại ILO vào năm 1992 đến nay, Việt Nam đã phê chuẩn 25 trong tổng số 190 Công ước của ILO. Trong số 8 công ước cơ bản trên, Việt Nam phê chuẩn 5 công ước gồm các công ước số 29, 100, 111, 138, 182 và đang tiến hành nghiên cứu và chuẩn bị phê chuẩn 3 công ước cơ bản còn lại là các công ước số 87, 98 và 105. Tuy nhiên, Việt Nam chưa phê chuẩn Công ước số 87 về Tự do kết giao và Bảo vệ quyền tổ chức mà ở đó quy định rõ người lao động có quyền thành lập tổ chức của mình mà không chịu sự can thiệp của Nhà nước và được phép tham gia bất kỳ liên đoàn lao động nào.

Để nội luật hóa các cam kết trong EVFTA, Quốc hội đã ban hành những văn bản hướng dẫn việc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung nhiều luật có liên quan như Luật Kinh doanh bảo hiểm; Luật Sở hữu trí tuệ; Luật An toàn thực phẩm; Bộ luật Lao động; Bộ luật Hình sự năm 2015; Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015... Ở hai năm đầu tiên sau khi EVFTA có hiệu lực, có thể nói nước ta đã hoàn thành cơ bản công tác nội luật hóa. Tuy nhiên, tính chất phức tạp của các FTA thế hệ mới đặt ra yêu cầu nội luật hóa liên tục và phải thường xuyên rà soát pháp luật trong nước để kịp thời có những điều chỉnh phù hợp.

Để theo dõi, giám sát việc thực hiện EVFTA, có hai cơ chế là cơ chế tham vấn giữa EU và Chính phủ Việt Nam - một ủy ban hỗn hợp sẽ trông coi việc thực thi này và thành lập một nhóm tư vấn trong nước (DAG) để theo dõi, giám sát quá trình thực

thi. DAG bao các doanh nghiệp, các tổ chức của người lao động, tổ chức phi chính phủ độc lập, tổ chức xã hội dân sự. Mỗi nhóm DAG sẽ cung cấp tư vấn cho Chính phủ và EU về thực hiện Chương 13. Mỗi nhóm có thể họp một vài lần trong năm, và DAG Việt Nam gặp DAG của EU mỗi năm một lần để trao đổi. Điều này sẽ đem lại hiệu ứng tích cực cho việc theo dõi giám sát việc thực hiện EVFTA.

DAG Việt Nam trong khuôn khổ EVFTA bao gồm 06 tổ chức thành viên tính đến tháng 3 năm 2022 là:

- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (đại diện giới sử dụng lao động)
- Trung tâm Phát triển Nông thôn Bền vững (SRD)
- Viện Công nhân – Công đoàn (trực thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam)
- Trung tâm Giáo dục Thiên nhiên (ENV)
- Hội nghề cá Việt Nam (VINAFIS)
- Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP).

### **3. Kết luận**

#### ***Vấn đề công đoàn***

Quyền công đoàn là cam kết quan trọng nhất của Việt Nam. Đó là chấp nhận cho phép thành lập các tổ chức đại diện cho người lao động ở cấp cơ sở độc lập với hệ thống từ trung ương tới cơ sở, địa phương của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Mặc dù không quy định có công đoàn độc lập song Chương 19 chỉ ghi nhận các quyền chung và có tính cách lặp lại những công ước của ILO, đó là các quốc gia thành viên phải tôn trọng quyền tự do kết giao của người lao động. Mặc dù vậy, đây vẫn là một thách thức rất lớn với Việt Nam do có những đặc điểm riêng biệt về chính trị và pháp luật.

Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hiện là tổ chức công đoàn duy nhất của người lao động và việc thành lập công đoàn cơ sở hiện nay của công nhân cũng đòi hỏi phải được công đoàn cấp trên thuộc hệ thống Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam cho phép thành lập. Việt Nam đã cam kết sẽ xây dựng luật cho phép người lao động tại một doanh nghiệp được thành lập “tổ chức của người lao động” mà không cần phải có sự ủy quyền trước từ bất kỳ tổ chức hay cá nhân nào. “Tổ chức của người lao động” này có thể chọn đăng ký tham gia Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc đăng ký với một cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo luật định. Tất nhiên, công đoàn độc lập không có nghĩa là đứng ngoài luật pháp và không cần đăng ký. Việc đăng ký vẫn là

quy định bắt buộc và công đoàn độc lập cũng được hưởng các quyền và nghĩa vụ liên quan đến lao động theo luật lần thực tiễn.

Tuy nhiên, đặt lợi ích của một tổ chức trong lợi ích tổng thể của một quốc gia, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự hỗ trợ của Chính phủ, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoàn toàn thống nhất với việc Công đoàn Việt Nam chấp nhận phải cạnh tranh với tổ chức khác ngoài công đoàn truyền thống. Trong hệ thống chính trị của Việt Nam hiện nay, công đoàn là tổ chức đầu tiên và có lẽ là duy nhất đối diện với đa tổ chức trong hệ thống chính trị của Việt Nam. Đây là một vấn đề chưa có tiền lệ trong 90 năm qua nhưng vì lợi ích quốc gia, sự cạnh tranh vừa là một thách thức vừa là cơ hội để đổi mới, nâng cao năng lực của mình.

Hiệp định EVFTA sẽ bao gồm đòi hỏi về việc Việt Nam phải bảo đảm quyền tự do lập hội, bằng cách cho phép người lao động thành lập công đoàn độc lập. EVFTA sẽ đòi hỏi tất cả các nước tham gia hiệp định này phải điều chỉnh hay sửa đổi luật pháp và tập quán theo những nguyên tắc và quyền lao động căn bản.

EVFTA không đưa ra tiêu chuẩn riêng về lao động, nhưng đưa ra yêu cầu về lao động là phải áp dụng theo các tiêu chuẩn về lao động đã được nêu trong Tuyên bố năm 1998 về những nguyên tắc và quyền cơ bản trong lao động của ILO. Đây là FTA thế hệ mới dành nhiều ưu đãi cho hàng xuất khẩu Việt Nam, nhưng chúng ta phải thực thi các cam kết về lao động, công đoàn. Quá trình thực thi các cam kết về lao động, công đoàn trong EVFTA của Việt Nam đạt được một số kết quả bước đầu như hệ thống văn bản pháp quy của nước ta đáp ứng với các yêu cầu thực thi các cam kết trong Hiệp định, đáp ứng quyền tự do thành lập, tham gia tổ chức đại diện cho người lao động, thực hiện có hiệu quả quyền thương lượng tập thể,...

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực thi các cam kết về lao động, công đoàn trong EVFTA vẫn còn một số hạn chế như vẫn tồn tại khoảng cách giữa luật pháp lao động quốc gia và các tiêu chuẩn lao động quốc tế, những quy định trong pháp luật lao động Việt Nam về các nguyên tắc và quyền cơ bản trong lao động vẫn còn một số điểm chưa phù hợp với các tiêu chuẩn lao động quốc tế, cam kết trong EVFTA...

### ***Sở hữu trí tuệ và y tế***

Một mối quan tâm lớn khác liên quan đến các quy định của EVFTA về sở hữu trí tuệ là liệu những quy định này có gây hạn chế cho các chương trình y tế công cộng của Việt Nam, ví dụ như chiến dịch phòng, chống HIV/AIDS, do chi phí thuốc dự kiến



tăng hoặc khó tiếp cận hơn hay không. Tuy nhiên, Việt Nam sẽ có một “lộ trình” thực hiện phù hợp với “trình độ phát triển và năng lực thực thi” của mình theo với các tiêu chuẩn chung của EVFTA.

Bảo hộ quyền sáng chế ở Chương Sở hữu trí tuệ cũng đáng quan ngại khi chúng khiến cho khả năng tiếp cận chăm sóc sức khỏe ở các quốc gia nghèo hơn ngày càng khó khăn hơn, do việc tăng chi phí và độc quyền có thời hạn cho các loại thuốc đặc trị. Đồng thời, các quy định thực thi quyền tác giả ở chương này cũng gây ra những rủi ro đáng kể cho quyền tự do biểu đạt trên các phương tiện truyền thông mạng.

Vấn đề vi phạm sở hữu trí tuệ và sở hữu công nghiệp (nhãn mác, bao bì, kiểu dáng công nghiệp, thương hiệu...) khá lớn và các thiết chế bảo hộ sở hữu trí tuệ và sở hữu công nghiệp còn thiếu hiệu quả. Việc bảo hộ chặt chẽ các quyền sở hữu trí tuệ và sở hữu công nghiệp cũng sẽ dẫn tới những khó khăn trước mắt cho nhiều doanh nghiệp Việt Nam phải đầu tư nhiều hơn và người tiêu dùng cũng phải trả giá đắt hơn.

#### ***Vấn đề khiếu kiện và xét xử của tòa án***

EVFTA vừa xây dựng cơ chế giải quyết tranh chấp, cơ chế khiếu nại, lẫn cơ chế tham vấn của cộng đồng đối với các đạo luật liên quan đến quyền lao động. EVFTA có trao quyền khởi kiện cho các quốc gia thành viên nếu họ có tranh chấp pháp lý với quốc gia khác về việc vi phạm điều khoản lao động. Tuy nhiên, các công đoàn, nhóm vận động hoặc liên đoàn thương mại chỉ có thể kiến nghị, vận động hành lang hoặc yêu cầu các quốc gia thành viên thực thi quy định EVFTA chứ họ không phải là chủ thể được trao quyền nộp đơn khiếu nại theo Hiệp định. Điều này trái ngược với việc các nhà đầu tư và các công ty, tập đoàn nước ngoài và quốc tế lại có thể tiến hành các thủ tục giải quyết tranh chấp với các quốc gia thành viên theo quy định của Hiệp định về cơ chế giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và quốc gia (Investor-State Dispute Resolution – ISDR) nếu như các nhà đầu tư và các công ty, tập đoàn nước ngoài và quốc tế này cảm thấy họ bị thất thiệt và bị giảm bớt lợi nhuận<sup>6</sup>.

Tất cả những thách thức về vấn đề an toàn lao động, tiền lương, giờ làm việc, vệ sinh lao động, cấm lao động cưỡng bức, cấm lao động trẻ em, cùng cơ chế giám sát và chế tài đặt ra trong EVFTA sẽ tạo ra không ít thách thức khác đối với doanh nghiệp khi tham gia vào các chuỗi cung ứng xuất khẩu, vì nếu vi phạm, có thể bị điều tra, bị kiện và bị phạt.

---

6

<http://www.ohchr.org/FR/NewsEvents/Pages/DisplayNews.aspx?NewsID=16031&LangID=E#sthash.Szp8QhJP.d puf>

## Tài liệu tham khảo

1. Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Báo cáo quốc gia về thực hiện quyền con người theo cơ chế kiểm điểm định kỳ phổ cập của Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp Quốc, Hà Nội, 2019.
2. Ngân hàng Thế giới và Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Việt Nam 2035 - Hướng tới Thịnh vượng, Sáng tạo, Công bằng và Dân chủ (Báo cáo Tổng quan), Hà Nội, 2016.
3. Hiến pháp Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2015.
4. Chính phủ, Báo cáo số 77/BC-CP về Kinh tế-xã hội 5 năm 2016-2020 (gửi các đại biểu Quốc hội khóa XIII), Hà Nội, 2016.
5. Bộ Công thương, Cơ sở dữ liệu thương mại Việt Nam, Hà Nội, 2022.
6. Ảnh hưởng của thương mại tự do đến nhân quyền, NXB Hồng Đức Hà Nội. 2016.
7. Vũ Ngọc Bình, Các nhóm yếu thế và dễ bị tổn thương trên thế giới và Việt Nam - nhìn từ góc độ pháp luật quốc tế về quyền con người (Bài viết cho Đề tài khoa học cấp bộ năm 2015-2016: “Lợi ích nhóm trong xây dựng pháp luật - Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp” do Viện Khoa học Pháp lý thuộc Bộ Tư pháp chủ trì), Hà Nội, 2016.
8. Vũ Ngọc Bình, The Regional Comprehensive Economic Partnership (RCEP) - Opportunities and Challenges for Viet Nam. Hanoi, ([https://rosaluxhanoi.org/en/publications/publication\\_details/498.html](https://rosaluxhanoi.org/en/publications/publication_details/498.html))

## CÁC QUY ĐỊNH VỀ MÔI TRƯỜNG TRONG HIỆP ĐỊNH EVFTA

*TS. Nguyễn Đình Đáp*

**Viện Địa lí nhân văn**

***Tóm tắt:** Hiệp định EVFTA đã dành một chương riêng quy định về BVMT, phát triển bền vững. Trong đó, Chương 13 về Thương mại và phát triển bền vững của EVFTA (từ Điều 13.1 đến Điều 13.17), tập trung giải quyết các nội dung về môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu và phát triển bền vững. Các yêu cầu về BVMT được cam kết ở mức độ ràng buộc cao nhằm thúc đẩy chính sách hỗ trợ lẫn nhau trong thương mại và môi trường. Nội dung bài viết sẽ làm rõ rõ những quy định về môi trường của EVFTA, trên cơ sở phân tích thách thức, cơ hội trong thực hiện các cam kết môi trường trong EVFTA đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện theo tinh thần của Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi năm 2020 và các cam kết quốc tế có liên quan.*

### **1. Các quy định, cam kết về môi trường của EVFTA**

Ngày 8/6/2020, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 102/2020/QH14 phê chuẩn Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA) và Nghị quyết số 72/2018/QH14 ngày 12/11/2018 phê chuẩn Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). Trong đó các yêu cầu về BVMT được hai Hiệp định cam kết ở mức cao với các mục tiêu: Thúc đẩy chính sách hỗ trợ lẫn nhau trong thương mại và môi trường; đẩy mạnh thực thi pháp luật về môi trường và các điều ước quốc tế đa phương về môi trường; bảo đảm sự tăng trưởng về thương mại và đầu tư không ảnh hưởng đến chi phí BVMT; nâng cao năng lực của các bên trong giải quyết các vấn đề môi trường liên quan đến thương mại.

EVFTA bao gồm 17 Chương và các nội dung liên quan đến môi trường tại Chương 17 về Phát triển bền vững. Các cam kết và nghĩa vụ liên quan đến môi trường được thiết lập trong EVFTA nhằm tăng cường tính tương hỗ giữa chính sách về thương mại và môi trường, đảm bảo các hoạt động về thương mại, đầu tư sẽ không có tác động/ảnh hưởng tiêu cực tới vấn đề BVMT.

*Thứ nhất, cam kết bảo vệ môi trường ở mức cao nhất*

Điều 13.2.2 quy định mỗi bên phải nỗ lực để bảo đảm pháp luật BVMT quy định, đồng thời khuyến khích BVMT ở mức độ cao và tiếp tục tăng cường BVMT.

Đây là cam kết có tính chất bắt buộc nhưng nội dung ở các điều nêu trên lại dùng cụm từ “khuyến khích”, “cố gắng”. Ngoài ra, Hiệp định còn cho phép các bên tự thiết lập chính sách và thực thi quy định về BVMT.

Có thể nói đây chính là cơ sở để quy định các nội dung có tính chất bắt buộc ở các điều khoản khác và để nhà đầu tư có thể bảo vệ quyền lợi của mình bằng cách khởi kiện khi nhận thấy nước sở tại chưa bảo đảm sự cân bằng chi phí BVMT trong sản xuất hàng hóa giữa các nước thành viên. Đặc biệt, các nội dung 13.3.2, 13.3.3, 13.3.4 EVFTA không cho phép các bên giảm nhẹ hiệu lực pháp lý hoặc miễn trừ các quy định luật pháp về môi trường làm ảnh hưởng đến thương mại và đầu tư giữa các Bên.

#### *Thứ hai, kiểm soát chất ô nhiễm và thúc đẩy thị trường các bon*

EVFTA yêu cầu các bên thực hiện điều ước đa phương liên quan đến BĐKH UNFCCC, Hiệp định Paris và tích cực hợp tác để thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế ít phát thải, thích ứng với khí hậu, phù hợp với Hiệp định Paris (13.6.1 EVFTA).

Các bên phải tham vấn, chia sẻ thông tin, kinh nghiệm trong các lĩnh vực ưu tiên hoặc lĩnh vực, bao gồm: các bài học, thông lệ tốt nhất trong việc xây dựng, thực thi và vận hành các cơ chế định giá các bon; thúc đẩy thị trường các bon trong nước, quốc tế thông qua các cơ chế như Chương trình mua bán khí thải và Giảm phát thải từ phá rừng, suy thoái rừng; tăng cường tiết kiệm năng lượng, công nghệ khí thải thấp và năng lượng tái tạo (13.6.2 EVFTA).

Để thực hiện điều này, Luật BVMT (sửa đổi năm 2020) đã bổ sung thêm các quy định về thị trường các bon.

#### *Thứ ba, kiểm soát ô nhiễm do tàu biển*

Quy định mỗi bên phải thực hiện các biện pháp ngăn ngừa ô nhiễm môi trường từ tàu biển. Hiệp định cũng xác định các bên phải hoàn thành nghĩa vụ bắt buộc này nếu duy trì biện pháp hoặc các biện pháp được liệt kê trong phụ lục; thực thi nghĩa vụ trong khuôn khổ Công ước Marpol hoặc bất kỳ biện pháp nào sau đó tương đương hoặc cao hơn.

Hiện nay, Việt Nam đã đáp ứng được quy định này. Luật BVMT năm 2020 đã đưa nội dung BVMT từ tàu biển. Tuy nhiên vẫn cần b các quy định khung làm cơ sở

hợp tác với các bên để giải quyết các vấn đề liên quan đến ô nhiễm do tai nạn từ tàu biển.

*Thứ tư, bảo tồn đa dạng sinh học*

Hiệp định yêu cầu bảo vệ đa dạng sinh học ở mức độ cao. Theo đó, mỗi bên phải thúc đẩy, khuyến khích việc bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học.

Điều 13.17.2 EVFTA quy định các bên sẽ nỗ lực tạo điều kiện cho việc tiếp cận nguồn gen với mục đích đúng đắn và sẽ không áp dụng các hạn chế đi ngược lại với mục tiêu của Công ước về Đa dạng sinh học (CBD). Các bên sẽ khuyến khích việc sử dụng bền vững và bảo tồn Đa dạng sinh học, trong đó có việc tiếp cận nguồn gen, chia sẻ công bằng, hợp lý các lợi ích phát sinh từ việc sử dụng chúng; thông qua và thực thi các biện pháp hiệu quả, phù hợp với các cam kết của các hiệp ước quốc tế mà các bên tham gia, hướng tới giảm thiểu việc buôn bán trái phép các loài động vật hoang dã.

*Thứ năm, chuyển đổi sang nền kinh tế phát thải thấp*

Chuyển đổi sang nền kinh tế ít phát thải thấp là cam kết mang tính bắt buộc nhưng chỉ dừng lại ở mức yêu cầu các bên hợp tác và nỗ lực thực hiện việc chuyển đổi sang nền kinh tế ít phát thải, mau phục hồi.

Thỏa thuận này vừa là thách thức, vừa là cơ hội của Việt Nam vì việc chuyển đổi sang nền kinh tế ít phát thải với các nội dung đa dạng đòi hỏi phải được thực hiện đồng bộ. Đây là yêu cầu mới đối với thực tiễn phát triển ở nước ta do công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật và tổ chức bộ máy nhà nước còn một số hạn chế.

Tuy nhiên, Hiệp định cũng mở ra cơ hội hợp tác, hỗ trợ để cùng nhau xây dựng nền kinh tế xanh với các lĩnh vực hợp tác đa dạng như sử dụng hiệu quả năng lượng; phát triển công nghệ với chi phí thấp và ít phát thải, các nguồn năng lượng sạch và có thể tái tạo; giao thông vận tải và sự phát triển bền vững cơ sở hạ tầng đô thị; giải quyết việc phá rừng và suy thoái rừng; giám sát chất thải; cơ chế thị trường và phi thị trường; phát triển ít và chia sẻ thông tin, kinh nghiệm trong các lĩnh vực này.

*Thứ sáu, cơ chế tự nguyện thực hiện BVMT*

Cơ chế tự nguyện nhằm nâng cao thực hiện BVMT. Đây là nội dung bắt buộc thực hiện nhưng cũng chỉ dừng lại ở mức độ khuyến khích các bên sử dụng các cơ chế linh hoạt và tự nguyện để bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường; sự tham gia của các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ liên quan... vào việc xây dựng các tiêu chí sử dụng để đánh giá hoạt động BVMT theo cơ chế tự nguyện.

Như vậy, cần thiết phải có sự nghiên cứu để đưa vào quy định khung liên quan đến cơ chế tự nguyện nhằm nâng cao hiệu quả BVMT, trên cơ sở đó có sự hợp tác và những bước đi ban đầu tạo các cơ chế BVMT mới, hiệu quả hơn ở nước ta.

## **2. Một số thách thức trong thực hiện cam kết bảo vệ môi trường theo EVFTA**

Cả EU và Việt Nam đều coi trọng, đặt mục tiêu phát triển bền vững, hài hòa giữa phát triển kinh tế với xã hội, BVMT. Do vậy, các cam kết và nghĩa vụ về môi trường được thiết lập trong EVFTA đặt ra yêu cầu đòi hỏi trách nhiệm của Chính phủ, doanh nghiệp, tất cả mọi công dân trong việc thực thi nghiêm túc, hiệu quả các cam kết và nghĩa vụ môi trường.

Đối với doanh nghiệp, EVFTA là một Hiệp định thể hệ mới có các tiêu chuẩn rất cao. Như vậy, bên cạnh việc đáp ứng các yêu cầu và tiêu chuẩn về thương mại hàng hóa, dịch vụ, Việt Nam cũng cần phải tuân thủ, đáp ứng các yêu cầu, tiêu chuẩn cao về môi trường. EU là nhóm các quốc gia châu Âu phát triển, có yêu cầu rất cao, nghiêm ngặt về tiêu chuẩn, chất lượng, an toàn về môi trường đối với hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài. Do vậy, đối với hàng hóa và về môi trường, EU đưa ra các quy định chặt chẽ về quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan.

Ví dụ, sản phẩm phải được gắn nhãn CE (nhãn hiệu bắt buộc đối với hàng hóa (theo quy định) và được coi như hộ chiếu thương mại vào thị trường EU) mới được coi là đáp ứng các quy định về an toàn và môi trường, được lưu hành trên thị trường EU.

Thời gian qua, EU ngày càng quan tâm nhiều hơn đến các yếu tố thể hiện mức độ thân thiện với môi trường của sản phẩm và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong các hoạt động thương mại hàng hóa, dịch vụ.

Trong tình hình hiện nay, cùng với tác động của đại dịch COVID-19, doanh nghiệp khó có thể đáp ứng ngay các yêu cầu về tiêu chuẩn, quy chuẩn cao liên quan đến môi trường, đặc biệt đối với những doanh nghiệp có công nghệ sản xuất, kinh doanh lạc hậu.

Cùng với đó, nhiều doanh nghiệp thiếu thông tin, hoặc không nắm được thông tin chính xác và kịp thời về các tiêu chuẩn kỹ thuật, yêu cầu và điều kiện liên quan đến môi trường của EU, do vậy sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và kinh doanh.

Thời gian qua, mặc dù nhiều doanh nghiệp đã có chuyển biến về nhận thức và ý thức BVMT, tuy nhiên xuất phát từ lý do phát triển hoặc khó khăn về kinh tế mà ý thức BVMT vẫn còn nhiều hạn chế.

Đối với cơ quan quản lý ở các cấp, khó khăn trong việc thực thi các cam kết và nghĩa vụ liên quan đến môi trường, xuất phát từ một số nguyên nhân như hệ thống chính sách, pháp luật về môi trường vẫn đang trong quá trình tiếp tục được hoàn thiện.

Thời gian qua, nhiều chính sách, pháp luật về môi trường được xây dựng và ban hành, tuy nhiên, ở một số lĩnh vực liên quan đến môi trường còn thiếu những quy định cụ thể, còn tồn tại sự chùng chèo trong quản lý dẫn đến những khó khăn và bất cập trong công tác quản lý và thực thi các cam kết và nghĩa vụ quốc tế. Việc thực thi, tuân thủ pháp luật về môi trường nói chung chưa thực sự hiệu quả như mong muốn.

Mặc dù đã có nhiều quy định về BVMT, cùng với việc tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử phạt các vi phạm pháp luật về môi trường, nhưng hiện vẫn còn nhiều vi phạm pháp luật về môi trường được phát hiện. Năng lực của đội ngũ cán bộ trong việc xử lý các vấn đề thương mại quốc tế có liên quan đến môi trường chưa đáp ứng được yêu cầu. Nguồn lực về tài chính dành cho hoạt động BVMT còn hạn chế. Khó khăn về tài chính sẽ dẫn đến việc khó khăn trong đầu tư một cách thỏa đáng cho các công nghệ hiện đại phục vụ công tác quản lý BVMT. Điều này sẽ dẫn đến khó khăn trong việc đáp ứng và tuân thủ các nghĩa vụ và tiêu chuẩn cao đã cam kết trong các Hiệp định.

Cùng với ưu đãi về thuế quan và việc xóa bỏ dần các rào cản thương mại, việc nhập khẩu hàng hóa, vật tư, công nghệ trong điều kiện tiêu chuẩn về môi trường còn thấp hơn so với tiêu chuẩn quốc tế nói chung, đặc biệt là của các nhóm nước phát triển dẫn đến nguy cơ Việt Nam trở thành nơi chứa, sử dụng các thiết bị, dây chuyền lạc hậu và tiêu thụ các loại hàng hóa kém chất lượng. Vẫn còn tồn tại tình trạng địa phương còn đang áp dụng các biện pháp ưu đãi khác nhau để thu hút đầu tư FDI, trong khi chưa thực sự chú trọng đến công tác BVMT và phát triển bền vững.

### **3. Đề xuất các giải pháp thực hiện bảo vệ môi trường theo EVFTA**

Việt Nam cần chuẩn bị, sẵn sàng cho việc thực thi các cam kết và nghĩa vụ về môi trường, trước mắt cần phải có một kế hoạch hành động cụ thể, toàn diện nhằm giải quyết những khó khăn, thách thức nêu trên, trong đó tập trung vào một số nội dung chính như:

*Thứ nhất, hoàn thiện chính sách, pháp luật:*

Rà soát sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về BVMT, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật trong nước, tương thích với các cam kết, nghĩa vụ về môi trường trong các hiệp định MEAs và EVFTA. Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về BVMT, đặc biệt là hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường phù hợp, hài hòa (tiệm cận) với hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn của khu vực và quốc tế.

*Thứ hai, tăng cường năng lực quản lý môi trường*

Công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát việc chấp hành quy định pháp luật về BVMT, bảo đảm kiểm soát chặt chẽ, nghiêm ngặt đối với các ngành, lĩnh vực có khả năng gây ô nhiễm môi trường cao, tăng cường trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan, tăng các chế tài xử lý các vi phạm pháp luật về môi trường.

*Thứ ba, tăng cường nguồn lực cho BVMT*

Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về thương mại liên quan đến môi trường và môi trường liên quan đến thương mại, cũng như tăng cường năng lực, trình độ giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế, bao gồm cả tranh chấp liên quan đến môi trường cho đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ/chuyên gia pháp lý của các Bộ, ngành liên quan; đầu tư cho các hoạt động liên quan đến BVMT; xây dựng các cơ chế khuyến khích khối tư nhân tham gia vào các hoạt động thương mại, dịch vụ liên quan đến môi trường nhằm tận dụng các nguồn lực từ doanh nghiệp và người dân cho hoạt động BVMT.

*Thứ tư, tuyên truyền, nâng cao nhận thức:*

Tổ chức thông tin, tuyên truyền rộng rãi về việc tuân thủ các cam kết, nghĩa vụ về môi trường trong các EVFTA cho mọi thành phần và đối tượng, đặc biệt cho các đối tượng là các doanh nghiệp; thông tin về hậu quả, tác động của việc vi phạm các cam kết, nghĩa vụ này, đồng thời khuyến khích sự tham gia, tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân, doanh nghiệp trong các hoạt động BVMT.

*Thứ năm, thiết lập cơ chế phối hợp giải quyết các vấn đề môi trường trong EVFTA:*

Nội dung các cam kết và nghĩa vụ về môi trường trong EVFTA liên quan đến nhiều Bộ, ngành và lĩnh vực. Vì vậy, để đảm bảo thực thi nghiêm túc, hiệu quả các cam kết, nghĩa vụ này cần phải thiết lập các cơ chế phối hợp, hợp tác liên ngành ở Trung ương, địa phương và giữa Trung ương với địa phương.



Bên cạnh việc phối hợp, hợp tác thực thi các cam kết, nghĩa vụ, các cơ chế phối hợp này còn đặc biệt cần thiết, quan trọng khi phải giải quyết các vấn đề phát sinh (ví dụ các tranh chấp về thương mại liên quan đến môi trường) trong quá trình thực hiện EVFTA.

Đối với các doanh nghiệp, để tiếp tục duy trì chỗ đứng trên thị trường, mở rộng và phát triển hàng hóa, dịch vụ sang thị trường các nước phát triển, việc quan trọng hiện nay là: Nâng cao ý thức, trách nhiệm BVMT của doanh nghiệp, tìm hiểu, nắm bắt thông tin về các yêu cầu, tiêu chuẩn về môi trường của các nước, thị trường phát triển, chú trọng các giải pháp về quản lý, đầu tư đổi mới công nghệ để đáp ứng các tiêu chuẩn cao liên quan đến môi trường của các quốc gia, thị trường này.

#### **4. Cam kết môi trường được Luật hóa trong Luật Bảo vệ môi trường năm 2020**

Các cam kết về môi trường trong EVFTA phù hợp với những nỗ lực của Việt Nam trong việc giải quyết các vấn đề về môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu.

Luật Bảo vệ môi trường 2020 với 16 Chương, 171 (có hiệu lực thi hành từ 1/1/2022), với nhiều sửa đổi tiến bộ, cập nhật được xu hướng phát triển của pháp luật quốc tế về môi trường trên thế giới và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam. Lần đầu tiên trong các phiên bản của Luật BVMT, nguyên tắc chỉ đạo xuyên suốt xem bảo vệ môi trường là “điều kiện, nền tảng, yếu tố trung tâm, tiên quyết” cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững và yêu cầu hoạt động BVMT “phải gắn kết với phát triển kinh tế”, “được xem xét, đánh giá trong quá trình thực hiện các hoạt động phát triển”. Điều này tương thích với định hướng trong EVFTA về một nền kinh tế ít phát thải, cũng như xem mục tiêu BVMT song hành với mục tiêu phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường.

Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 cũng xây dựng một chương riêng về ứng phó với BĐKH (Chương VII). Trong đó, Điều 91 nêu rõ nghĩa vụ giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cũng như yêu cầu thực hiện biện pháp kiểm soát việc sản xuất, tiêu thụ và mua bán những chất làm suy giảm hoặc biến đổi tầng ô-zôn tại Điều 92, tương thích với khoản 2 Điều 13.6 EVFTA.

Đặc biệt, để thực hiện yêu cầu thúc đẩy thị trường các-bon với cơ chế định giá hiệu quả và phù hợp với thông lệ quốc tế theo yêu cầu tại Điều 13.6 EVFTA, Luật BVMT đã bổ sung quy định về vấn đề này tại Điều 139. Ngoài việc quy định các biện

pháp mang tính chất hành chính để kiểm soát lượng khí các-bon phát thải như xác định hạn ngạch lượng phát thải trong chiến lược quốc gia, theo dõi kết quả kiểm kê và xây dựng lộ trình, phương thức giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với điều kiện của đất nước và cam kết quốc tế, khoản 4 điều này cũng quy định cách thức tham gia thị trường các-bon như trao đổi, đấu giá, vay mượn, nộp trả, chuyển giao hạn ngạch, tín chỉ các-bon; Thực hiện các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước, quốc tế phù hợp với quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Như vậy, có thể thấy, Quá trình nội luật hóa các cam kết về môi trường từ EVFTA mang ý nghĩa tích cực trong việc góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật quốc gia về môi trường. Để thực hiện thành công quá trình này, đầu tiên cần có sự liên kết, phối hợp giữa các ngành. Do vậy, cần có sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan có liên quan cũng như các cơ quan chuyên trách về môi trường, ứng phó BĐKH như Tổng cục Môi trường, Cục Biến đổi khí hậu để có thể xác định lộ trình và nội dung phù hợp, đảm bảo đúng tiến độ, đúng thẩm quyền xây dựng và thực thi.

Cần tập trung vào giải quyết vấn đề bảo vệ tầng ô-zôn và chuyển đổi sang nền kinh tế các bon thấp. Việt Nam cần duy trì biện pháp được liệt kê trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal hoặc bất kỳ biện pháp nào tương đương hoặc cao hơn.

EVFTA cũng yêu cầu các bên thực hiện các cam kết trong UNFCCC, Hiệp định Paris và tích cực hợp tác để thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế ít phát thải, thích ứng với khí hậu.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Bùi Thanh Sơn (2020), Triển khai các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới trong giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng và toàn diện, <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/kinh-te/-/2018/815809/trien-khai-cac-hiep-dinh-thuong-mai-tu-do-the-he-moi-trong-giai-doan-hoi-nhap-kinh-te-quoc-te-sau-rong-va-toan-dien.aspx>
2. Hoàng Xuân Huy (2019), Cam kết, nghĩa vụ về môi trường của Việt Nam trong Hiệp định Thương mại tự do (EVFTA), Tạp chí Môi trường, số 7/2019
3. Nguyễn Lâm Trâm Anh (2021), Nội luật hóa các cam kết về môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu trong CPTPP và EVFTA, Tạp chí Công Thương, số 4/2021.

4. Phạm Thu Thủy (2011), Vấn đề chính sách REDD+ được thể hiện trong thông tin đại chúng Nghiên cứu điểm tại Việt Nam, [http://webdoc.sub.gwdg.de/ebook/serien/yo/CIFOR\\_WP/WP83.pdf](http://webdoc.sub.gwdg.de/ebook/serien/yo/CIFOR_WP/WP83.pdf)

5. Trần Việt Dũng (chủ biên) (2020), Các quy định về Môi trường trong EVFTA và CPTPP - Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật môi trường, NXB Hồng Đức.

## RÀO CẢN SPS TRONG EVFTA VÀ VẤN ĐỀ ĐÁP ỨNG CỦA VIỆT NAM

*ThS. Trần Thị Khánh Hà*  
Viện Nghiên cứu Châu Âu

**Tóm tắt:** *EVFTA là cơ hội để ngành hàng nông sản Việt Nam đẩy mạnh thâm nhập thị trường quan trọng này. Tuy nhiên, các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (SPS) của EU được xem là một trong những rào cản khó khăn nhất với các nhà xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm nghiệp và thủy sản nước ngoài, đặc biệt với các nhà xuất khẩu từ các nước đang phát triển. Vì vậy, Việt Nam cần tiếp tục nỗ lực hơn nữa để đáp ứng được yêu cầu đặt ra tại Hiệp định này, trong đó có việc đáp ứng các biện pháp SPS.*

### 1. EU - thị trường khắt khe đối với hàng nông sản xuất khẩu

Liên minh Châu Âu là một thị trường quan trọng đối với các nhà xuất khẩu nông sản thế giới. EU có tổng dân số khoảng 516 triệu người, mức thu nhập GDP bình quân trên 35.000/năm; mỗi năm, EU nhập khẩu hơn 160 tỷ USD các mặt hàng nông sản, chiếm 14,9% tổng nhập khẩu toàn cầu<sup>1</sup>. Năm 2021, Brazil là nhà cung cấp nông sản chính cho EU, tổng giá trị đạt 13,5 tỷ euro, tăng 19% so với năm 2020. Các mặt hàng nhập từ Brazil có giá trị tăng cao nhất là đậu nành (tăng 50%), cà phê (tăng 25%) và bánh dầu (tăng 13%). Các nước đạt được mức tăng đáng chú ý còn có Indonesia (tăng 1,2 tỷ euro) và Ukraine (tăng 1 tỷ euro). Nhập khẩu từ Vương quốc Anh sụt giảm nghiêm trọng, giảm 3,8 tỷ euro (25%) so với cùng kỳ năm ngoái. Nhập khẩu từ Mỹ cũng giảm, giảm 366 triệu euro (4%)<sup>2</sup>. Nông sản Việt Nam vào thị trường EU năm 2021 tuy có tăng nhưng vẫn chỉ chiếm 4% nhu cầu nhập khẩu của thị trường giàu có này.

<sup>1</sup> Bộ Công thương Việt Nam, Cơ hội, thách thức, triển vọng xuất khẩu hàng nông sản sang EU, <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/co-hoi-thach-thuc-trien-vong-xuat-khau-nong-san-sang-thi-truong-eu.html>, 10/02/2022.

Đỗ Hương, EVFTA: Cơ hội cho xuất khẩu nông sản, <https://baochinhphu.vn/evfta-co-hoi-cho-xuat-khau-nong-san-102274854.htm>, 01/07/2020.

<sup>2</sup> European Commission, The EU maintained its position of top trader in agri-food products in 2021, [https://agriculture.ec.europa.eu/news/eu-maintained-its-position-top-trader-agri-food-products-2021-2022-03-23\\_en](https://agriculture.ec.europa.eu/news/eu-maintained-its-position-top-trader-agri-food-products-2021-2022-03-23_en), 23 March 2022.

Là một thị trường hấp dẫn đối với các nhà xuất khẩu nông sản thế giới, mức độ cạnh tranh ở thị trường này rất cao. Đây đồng thời là một thị trường khó tính bậc nhất thế giới với những quy định cao về hàng hoá mà các nhà xuất khẩu phải đáp ứng.

UNCTAD (2012) định nghĩa các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (SPS) là những biện pháp được áp dụng để bảo vệ sức khoẻ hoặc tính mạng của con người, động vật và thực vật. Theo quy định của WTO, các biện pháp SPS được áp dụng phải căn cứ vào các nguyên tắc khoa học, không phân biệt đối xử và không gây cản trở bất hợp lý cho thương mại. WTO khuyến khích các nước dùng các tiêu chuẩn và khuyến nghị quốc tế nếu có.<sup>3</sup>

Từ trước đến nay, hàng nông sản xuất khẩu của các nước muốn vào được thị trường EU phải đáp ứng được những yêu cầu chất lượng rất cao của khối, đặc biệt là về kiểm dịch động, thực vật; quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm; chống khai thác bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định (IUU); khai báo nguồn gốc gỗ hợp pháp... Các biện pháp SPS của EU hầu hết được hài hoà hoá và quản lý ở cấp Liên minh, chỉ 2% các biện pháp được các nước thành viên áp dụng riêng và cho một số sản phẩm cụ thể. Các quy định của Liên minh tuân theo Hiệp định SPS của WTO và dựa trên tiêu chuẩn và khuyến nghị quốc tế. EU và các thành viên tham gia vào Ủy ban Tiêu chuẩn thực phẩm Quốc tế (Codex) và Tổ chức Thú y thế giới (IOE), đồng thời cũng ký kết Công ước Bảo vệ Thực vật quốc tế (IPPC). Tuy nhiên, trên thực tế các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm của thị trường EU khắt khe hơn so với khuyến nghị của các tổ chức quốc tế nói trên và các nước khác. Các tiêu chuẩn đó đại đa số do Ủy ban EU ban hành (một số trường hợp là quy định riêng của nước thành viên), cùng với yêu cầu bổ sung của các nhà nhập khẩu hoặc người mua EU. Tổng thể những yêu cầu này khiến các biện pháp SPS của EU trở thành một trong những rào cản khó khăn nhất với các nhà xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm nghiệp và thủy sản nước ngoài, đặc biệt với các nhà xuất khẩu từ các nước đang phát triển.<sup>4</sup>

Chẳng hạn, tiêu chuẩn của EC đối với hàm lượng độc tố nấm Aflatoxin trong ngũ cốc và các loại hạt, chủ yếu là lạc, khắt khe hơn nhiều so với tiêu chuẩn của Codex:

<sup>3</sup> VCCI, EVFTA và rào cản từ EU với hoa quả Việt Nam; Các biện pháp SPS chính mà EU áp dụng đối với mặt hàng trái cây tiềm năng của Việt Nam, <https://trungtamwto.vn/chuyen-de/17729-evfta-va-nganh-rau-qua-viet-nam-cac-bien-phap-sps-chinh-ma-eu-ap-dung-doi-voi-mat-hang-trai-cay-tiem-nang-cua-viet-nam>, 18/05/2021.

<sup>4</sup> Nguyễn Đức Thành, Phạm Văn Long, Phan Nhật Quang, Đỗ Thị Lê (2021), Báo cáo đánh giá một năm thực hiện hiệp định EVFTA Tác động đến kinh tế Việt Nam và sự thay đổi chính sách, trang 49.

VCCI, EVFTA và rào cản từ EU với hoa quả Việt Nam; Các biện pháp SPS chính mà EU áp dụng đối với mặt hàng trái cây tiềm năng của Việt Nam, <https://trungtamwto.vn/chuyen-de/17729-evfta-va-nganh-rau-qua-viet-nam-cac-bien-phap-sps-chinh-ma-eu-ap-dung-doi-voi-mat-hang-trai-cay-tiem-nang-cua-viet-nam>, 18/05/2021.

năm 1997 với lý do bảo vệ sức khỏe người dân, EC đã giảm hàm lượng cho phép xuống mức 4ppb (riêng B1 là 2ppb), trong khi tiêu chuẩn của Codex là 9ppb.<sup>5</sup> Các chính sách quản lý nông sản của EU nghiêm ngặt, các rào cản kỹ thuật đối với nông sản thực phẩm có xu hướng ngày càng khắt khe hơn...

Trong Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu (EVFTA), có một chương quy định về Các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (Chương 6), bao gồm các cam kết ràng buộc Việt Nam/EU trong việc ban hành và thực thi các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm (các quy định, thủ tục nhằm mục tiêu bảo vệ sức khỏe, tính mạng con người, động thực vật) đối với hàng hóa, đặc biệt là thực phẩm và các sản phẩm nông nghiệp.

Về nội dung, bên cạnh việc nhấn mạnh trách nhiệm bảo đảm tuân thủ các nghĩa vụ về SPS theo WTO, Chương 6 còn bổ sung thêm một số cam kết mới, trong đó đáng chú ý là: Cam kết về việc áp dụng thống nhất các biện pháp SPS đối với hàng hóa nhập khẩu từ Bên kia; Thống nhất về cơ quan có thẩm quyền quản lý SPS của Việt Nam và EU; Cam kết về việc miễn kiểm tra SPS với cơ sở sản xuất; Quy trình công nhận tương đương các biện pháp SPS của nhau; Biện pháp SPS khẩn cấp. Hiệp định EVFTA không có nhiều cam kết mới về các biện pháp SPS, hầu hết các cam kết chỉ khẳng định lại các nghĩa vụ theo Hiệp định SPS của WTO. Mặc dù những biện pháp SPS khắt khe là rào cản cần phải vượt qua song EVFTA vẫn được đánh giá là mang lại cơ hội cho hàng nông sản Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu vào EU nhờ đại đa số hàng rào thuế quan hoặc được về 0 ngay hoặc giảm theo lộ trình 3-7 năm.

EVFTA quy định mỗi bên cần thiết lập danh sách các doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa nông sản, thực phẩm đáp ứng các yêu cầu SPS theo mã hàng hóa xuất khẩu để gửi cho bên còn lại. Thời gian công nhận tương đương là 3 tháng kể từ thời điểm nhận được đề nghị, rút ngắn còn nửa thời gian so với quy định 6 tháng của WTO.

EVFTA cũng quy định linh hoạt đối với biện pháp SPS do EU ban hành. Việt Nam được lựa chọn 1 trong 3 giải pháp sau nếu gặp khó khăn trong việc đáp ứng một biện pháp SPS của EU: Thứ nhất, EU dành cho Việt Nam một khoảng thời gian chuyển đổi để tuân thủ biện pháp này. Thứ hai, Việt Nam đề xuất một biện pháp SPS

---

<sup>5</sup> Dẫn theo: Lê Quốc Bảo, Bàn về hàng rào kỹ thuật trong thương mại và một số công việc để hạn chế ảnh hưởng của hàng rào kỹ thuật, <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/ban-ve-hang-rao-ky-thuat-trong-thuong-mai-va-mot-so-cong-viec-de-han-che-anh-huong-tieu-cuc-cua-hang-rao-ky-thuat-52099.htm>, 25/01/2018.

tương đương và đề nghị EU xem xét công nhận. Cuối cùng, EU dành hỗ trợ kỹ thuật để giúp Việt Nam đáp ứng được biện pháp SPS.<sup>6</sup>

Về các biện pháp SPS khẩn cấp, do gắn với các vấn đề về dịch tễ vốn không phải luôn dự đoán trước được, bên cạnh các biện pháp SPS có tính ổn định (ví dụ dư lượng kháng sinh thủy sản, yêu cầu an toàn thực phẩm với sản phẩm đóng hộp...), có nhiều biện pháp SPS bất thường, khẩn cấp, gắn với các dịch bệnh bất ngờ. EVFTA có các cam kết riêng về SPS khẩn cấp, với mục tiêu vừa bảo đảm khả năng phản ứng nhanh với các trường hợp rủi ro cao về dịch tễ, đồng thời tránh hiện tượng lạm dụng, hạn chế tối đa các tác động không cần thiết đối với thương mại.<sup>7</sup>

Nhìn chung, Chương 6 chỉ nêu những nguyên tắc chung về kiểm soát SPS. Việc triển khai các biện pháp kỹ thuật về SPS sẽ do từng nước quy định với nguyên tắc là: Không được lợi dụng rào cản SPS để tạo ra sự cạnh tranh không bình đẳng và không được áp đặt các chỉ tiêu và mức giới hạn kiểm soát về an toàn thực phẩm và an toàn bệnh dịch động, thực vật... Như vậy, EVFTA không giúp giảm bớt các yêu cầu SPS của thị trường khó tính này. Đối với các doanh nghiệp Việt Nam, việc thực thi Hiệp định EVFTA chính là sự tiếp nối trong quá trình tuân thủ các yêu cầu này từ phía EU. Trong khi đó, nghiên cứu của World Bank (2018) cho thấy chi phí thương mại và tỷ lệ chi phí của các biện pháp phi thuế quan tại Việt Nam cao hơn so với các nước trong khối ASEAN khác; số lượng văn bản quy phạm pháp luật, thủ tục và biểu mẫu về các biện pháp phi thuế quan cao hơn nhiều so với các nước được so sánh. Chỉ số thuế quan giá trị tương đương (AVE) đối với các biện pháp phi thuế quan (bao gồm cả SPS và TBT) của Việt Nam là 22%, trong khi trung bình các nước ASEAN là khoảng 13%. Điều này dẫn đến chi phí thương mại tại Việt Nam đang cao hơn các nước trong khu vực, đồng thời làm giảm sức cạnh tranh của Việt Nam với các đối tác thương mại và nhà đầu tư nước ngoài. Mặt khác, Việt Nam có nguy cơ vi phạm các điều khoản trong Chương 4 của Hiệp định về Hải quan và tạo thuận lợi thương mại<sup>8</sup>.

Báo cáo: “Tận dụng hiệu quả Hiệp định EVFTA trong ngành nông nghiệp - Góc nhìn của cơ quan Nhà nước” đã chỉ ra những cơ hội và thách thức mà EVFTA đem lại cho nông nghiệp Việt Nam như sau:

<sup>6</sup> Bảo Ngọc, Xuất khẩu sang EU: Cần đáp ứng yêu cầu SPS, <https://congthuong.vn/xuat-khau-sang-eu-can-dap-ung-cac-tieu-chuan-sps-151858.html>, 02/02/2021.

<sup>7</sup> VCCI, Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU, Tóm tắt Chương 6 – Các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật.

<sup>8</sup> Nguyễn Đức Thành, Phạm Văn Long, Phan Nhật Quang, Đỗ Thị Lê (2021), Báo cáo đánh giá một năm thực hiện hiệp định EVFTA Tác động đến kinh tế Việt Nam và sự thay đổi chính sách, Tr. 52.

Cơ hội: Mở rộng thị trường xuất khẩu với các mặt hàng nông sản chiến lược và có lợi thế nhờ các cam kết cắt giảm thuế quan; Đa dạng hóa nguồn cung nguyên liệu đầu vào cho sản xuất nông nghiệp; Đa dạng hóa các thị trường đầu tư tiềm năng ở nước ngoài cho doanh nghiệp Việt Nam & Cơ hội thu hút lựa chọn đầu tư từ nước ngoài vào khu vực nông nghiệp; Nâng cao năng lực tiếp cận công nghệ, cải thiện năng lực quản lý, khả năng tự đổi mới của doanh nghiệp; Nâng cao chất lượng sản phẩm và đáp ứng nhu cầu tiêu dùng nội địa nhờ cắt giảm thuế nhập khẩu của Việt Nam và tuân thủ các quy định SPS và TBT; Tái cơ cấu, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực.

Thách thức: Gia tăng cạnh tranh với hàng nông sản nhập khẩu do hàng rào thuế dần được cắt giảm; Quy định SPS/TBT và các quy định về truy xuất nguồn gốc của các nước nhập khẩu ngày càng chặt chẽ và cao hơn khi giảm thuế; Việt Nam sẽ phải đảm bảo tuân thủ các quy định khác về sở hữu trí tuệ, lao động, minh bạch hóa thông tin...; Doanh nghiệp phải tuân thủ các quy định của các nước nhập khẩu không chỉ về chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm mà còn về các yếu tố quan trọng khác (các tiêu chuẩn về trách nhiệm xã hội, lao động, môi trường...); Thách thức trong kiểm soát gian lận thương mại<sup>9</sup>.

Thêm vào đó, chúng ta cần chú ý đến xu hướng tiêu dùng xanh đang được đẩy mạnh ở châu Âu, điều đó sẽ dẫn đến những yêu cầu về SPS và TBT sẽ tiếp tục có những thay đổi. Việc đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm là vô cùng quan trọng khi hàng nông sản Việt Nam từng nhiều lần bị từ chối hoặc cảnh báo do vi phạm các quy định SPS của EU. Trong những tháng đầu năm 2022, so với cùng kỳ năm 2021, hàng nông sản Việt Nam tại EU nhận cảnh báo nhiều nhất là về dư lượng hóa chất (47,5%)<sup>10</sup>. Mặt khác, cơ cấu nông sản xuất khẩu hiện tại cho thấy một số vấn đề nội tại của ngành nông nghiệp Việt Nam: quá phụ thuộc vào một số sản phẩm (tập trung vào 3 nhóm cà phê, trái cây và hạt tiêu), đa số mặt hàng xuất khẩu ở dạng thô có giá thấp, tỷ lệ chế biến sâu chưa cao, thiếu năng lực về vốn và kỹ thuật, chưa quan tâm đúng mức đến bảo hộ trí tuệ và xây dựng thương hiệu; về mặt quản lý, doanh nghiệp xuất khẩu thiếu thông tin và hướng dẫn về thị trường trong khi những quy định của EU thường xuyên thay đổi, phải vượt qua nhiều rào cản phi thuế quan hơn so với mức trung bình của các nước ASEAN... Nhìn chung, nông sản Việt Nam vẫn vượt rào cản

<sup>9</sup> Nguyễn Quốc Toàn, Tận dụng hiệu quả Hiệp định EVFTA trong ngành nông nghiệp – Góc nhìn của cơ quan Nhà nước. Agrottrade Vietnam.

<sup>10</sup> Nguyễn Hạnh, Nâng chất để gia tăng xuất khẩu nông sản tại thị trường EU, <https://congthuong.vn/nang-chat-de-gia-tang-xuat-khau-nong-san-tai-thi-truong-eu-182071.html>, 05/07/2022.



đề vào thị trường EU. Điều quan trọng là cần tận dụng tốt cơ hội EVFTA mang lại để gia tăng thị phần nông sản Việt Nam tại các thị trường khó tính này trước khi các nước xuất khẩu cạnh tranh với chúng ta đạt được một FTA với EU.<sup>11</sup>

## **2. Tận dụng EVFTA đẩy mạnh xuất khẩu nông sản Việt Nam**

### **2.1. Xuất khẩu nông sản Việt Nam vào EU từ khi EVFTA có hiệu lực**

Trong nhiều năm, các mặt hàng nông sản của Việt Nam vẫn vượt qua các rào cản về tiêu chuẩn SPS và TBT để lên kệ hàng tại các nước EU. EVFTA chỉ giúp loại bỏ hầu hết hàng rào thuế quan trong khi những hàng rào phi thuế quan vẫn giữ nguyên. Đối với Việt Nam, EU là thị trường xuất khẩu lớn thứ 3 của hàng nông sản. Năm 2021, Việt Nam xuất khẩu sang EU hơn 2,2 tỷ USD các mặt hàng nông sản chủ lực (gồm hạt điều, hạt tiêu, cao su, rau quả, hạt tiêu, gạo, cà phê, chè) (xem bảng 1). Hàng nông sản xuất khẩu vào EU của Việt Nam chiếm tỷ trọng 15% tổng giá trị nông sản cả nước<sup>12</sup>. Ngược lại, đối với EU, tổng giá trị hàng nông sản nhập từ Việt Nam chỉ chiếm khoảng 4% tổng giá trị nhập khẩu ngành hàng này của khối. Con số ở mức thấp so với tiềm năng xuất khẩu của Việt Nam, cũng như nhu cầu nhập khẩu của EU.

EVFTA, có hiệu lực vào ngày 1/8/2020, là cơ hội để hàng nông sản xuất khẩu của Việt Nam đẩy mạnh thâm nhập vào thị trường quan trọng này. Theo thỏa thuận của Hiệp định, ngoại trừ một số ít mặt hàng áp dụng hạn ngạch thuế quan, các mặt hàng khác, bao gồm các mặt hàng chủ lực của Việt Nam đều được hưởng được hưởng mức thuế suất ưu đãi ngay khi hiệp định EVFTA có hiệu lực. Sau 3 đến 7 năm, thuế suất mặt hàng này cũng sẽ về 0%. Hầu hết các sản phẩm trồng trọt, rau quả đều được hưởng ưu đãi thuế khi nhập vào EU: 520 trong số 556 dòng thuế về 0%. Thuế đối với hạt điều, cà phê, hạt tiêu đều về 0% ngay sau khi thực thi hiệp định. Với rau quả, phần lớn các dòng thuế mà EU cam kết xóa bỏ ngay đều đang có mức thuế theo nguyên tắc tối huệ quốc (MFN) trung bình là trên 10%, cá biệt, có những sản phẩm rau quả đang chịu thuế trên 20%. Bên cạnh giảm thuế đối với các mặt hàng cụ thể, EU còn có cơ chế bảo hộ 39 chỉ dẫn địa lý của Việt Nam như: vải Thanh Hà, vải Lục Ngạn, chè Tân Cương, nho Ninh Thuận, xoài Hòa Lộc, quýt Bắc Cạn, gạo Hải Hậu... Đây là một trong những điều kiện thuận lợi để nông sản Việt khẳng định được thương hiệu trên thị

<sup>11</sup> Các đối thủ cạnh tranh lớn đối với mặt hàng rau quả là Nam Mỹ, Tây Phi, Nam Phi, Thái Lan, Philippines, Ấn Độ, Trung Quốc...; với sản phẩm cà phê, tiêu và điều, Việt Nam chịu áp lực cạnh tranh rất lớn bởi Indonesia, Ấn Độ, Brazil, Bờ Biển Ngà, Mozambique; hàng thủy sản thì phải cạnh tranh với Na Uy, Trung Quốc, Ecuador, Maroc.

<sup>12</sup> Quảng Tuệ, Xuất khẩu nông sản sang EU tăng mạnh nhờ EVFTA, <https://vneconomy.vn/xuat-khau-nong-san-sang-eu-tang-manh-nho-evfta.htm>, 10/01/2022.

trường thế giới<sup>13</sup>. Điều này đem lại lợi thế cạnh tranh rất lớn cho Việt Nam so với các nước xuất khẩu có mặt hàng tương đồng.

Tác động tích cực của EVFTA được chứng minh bằng số liệu. Năm 2020, kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam vào EU giảm 5,4% so với năm 2019, chỉ đạt 3,39 tỷ USD do tác động của đại dịch COVID-19. Xu hướng đã thay đổi ngay khi EVFTA đi vào hiệu lực, khối lượng một số mặt hàng nông sản vào EU đã gia tăng: cao su (từ hơn 6,6 triệu USD tháng 7/2020 lên gần 7,1 triệu USD tháng 8/2020; cà phê (từ gần 56,5 triệu USD lên hơn 64,1 triệu USD)<sup>14</sup>. Tháng 8/2020, kim ngạch xuất khẩu nông sản Việt Nam sang EU tăng 11,9% so với tháng 7/2020; tháng 9/2020, tăng tới 35% so với tháng 8/2020. Trung bình giai đoạn từ tháng 8/2020 đến tháng 6/2021, giá trị nông sản xuất khẩu sang thị trường EU đã tăng trưởng ở mức 10% đạt 486 triệu USD (số liệu Bộ Công thương)<sup>15</sup>. Năm 2021, kim ngạch các mặt hàng nông sản chủ yếu vào EU đều ghi nhận tăng.

**Bảng 1: Kim ngạch xuất khẩu nông sản chủ lực của Việt Nam vào EU năm 2020, 2021**

*Đơn vị: 1.000 USD*

| <b>Mặt hàng</b> | <b>2020</b>      | <b>2021</b>      |
|-----------------|------------------|------------------|
| Hạt điều        | 673.758          | 694.917          |
| Cao su          | 92.564           | 168.686          |
| Rau quả         | 146.420          | 150.733          |
| Hạt tiêu        | 84.020           | 150.097          |
| Gạo             | 12.869           | 19.548           |
| Chè             | 1.228            | 1.696            |
| Cà phê          | 982.706          | 1.025.456        |
| <b>Tổng</b>     | <b>1.993.565</b> | <b>2.211.133</b> |

*Nguồn:* Tác giả tổng hợp theo: Tổng cục Thống kê, Trị giá xuất khẩu phân theo một số nước, khối nước và vùng lãnh thổ chủ yếu và phân theo mặt hàng chủ yếu sơ bộ các tháng năm 2020, 2021.

Tất cả các mặt hàng nông sản chủ lực của Việt Nam đều ghi nhận tăng trưởng, các mặt hàng đã tận dụng tốt ưu đãi của EVFTA điển hình là cao su (tăng từ hơn 92,5 triệu USD năm 2020 lên gần 168,7 triệu USD năm 2021), hạt tiêu (tăng từ 84,0 triệu

<sup>13</sup> Trương Thu Hà, EVFTA và nông sản Việt Nam xuất khẩu: Thách thức, cơ hội và giải pháp, <https://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-kinh-doanh/evfta-va-nong-san-viet-nam-xuat-khau-thach-thuc-co-hoi-va-giai-phap-343659.html>, 20/12/2021.

<sup>14</sup> Tổng cục Thống kê (2020), Trị giá xuất khẩu phân theo một số nước, khối nước và vùng lãnh thổ chủ yếu và phân theo mặt hàng chủ yếu sơ bộ các tháng năm 2020.

<sup>15</sup> Trương Thu Hà (2021), t.lđd.

USD lên 150,1 triệu USD). Trong khi đó dù không tăng trưởng mạnh mẽ như hạt tiêu và cao su, hạt điều và cà phê vẫn là hai mặt hàng chi phối, chiếm tỷ lệ lần lượt là 31,43% và 46,38%. Năm 2021, rau quả Việt Nam có thêm một số loại trái cây như vải, nhãn tươi được các nước Hà Lan, Bỉ, Pháp, Đức chấp nhận, trong khi đó một số hoa quả khác như thanh long, mít, xoài, bưởi cũng đang được đẩy mạnh xúc tiến thương mại để xuất khẩu sang EU. Nhờ việc hưởng các ưu đãi theo EVFTA, hàng nông sản Việt Nam có cơ hội vươn lên giành thị phần lớn hơn tại thị trường khó tính này.<sup>16</sup>

Trong năm 2022, các mặt hàng nông sản chủ lực vẫn tiếp tục đóng góp lớn vào tổng kim ngạch xuất khẩu ngành hàng đối với thị trường EU và vẫn còn nhiều không gian tăng trưởng. Trong đó, cà phê tiếp tục tận dụng tốt lợi thế về thuế suất 0% theo EVFTA để gia tăng thị phần trong tổng nhu cầu 10 tỷ USD mỗi năm mà EU đang có. Cao su được hỗ trợ bởi mức giá duy trì cao từ 2021 đến nay hứa hẹn đem lại mức kim ngạch tốt cho xuất khẩu nói chung và vào thị trường EU nói riêng. Với hàng rau quả, nhu cầu trái cây của EU có xu hướng ngày càng tăng, do đó Việt Nam cần khai thác để đẩy mạnh xuất khẩu vào EU. Về hạt tiêu, ngay khi EVFTA có hiệu lực, EU xóa bỏ thuế quan với sản phẩm này, đặc biệt là đối với các sản phẩm chế biến từng chịu mức thuế từ 5-9%. Ngoài ra, nếu các nhà đầu tư EU chuyển nhà máy chế biến về Việt Nam để tận dụng nguyên liệu và nhân công giá rẻ, sự di chuyển này sẽ tạo động lực thúc đẩy xuất khẩu hạt tiêu EU. Đối với hạt điều, trước khi EVFTA có hiệu lực, các mặt hàng điều nhân vẫn hưởng ưu đãi là 0% khi xuất sang EU, nhưng hàng điều chế biến sâu vẫn chịu thuế từ 7 - 12%. EVFTA cam kết sẽ giảm thuế xuống 0% với những sản phẩm chế biến sâu từ hạt điều, do đó sản lượng và giá trị xuất khẩu điều sang EU vẫn tăng trưởng tốt. Với gạo, tuy EU không phải là thị trường chính của gạo nhưng kim ngạch xuất khẩu gạo vào EU tăng đều trong những năm gần đây. Cơ hội của mặt hàng này còn nhiều nhờ chất lượng đã cao hơn, có lượng khách hàng truyền thống tại các nước như Đức, Hà Lan, Italia và Ba Lan, thức ăn châu Á có xu hướng phổ biến hơn tại EU, đồng thời còn chưa sử dụng hết hạn ngạch 80.000 tấn được ưu đãi thuế suất 0%.<sup>17</sup>

## **2.2. Đáp ứng tiêu chuẩn SPS đẩy mạnh xuất khẩu nông sản**

<sup>16</sup> Trương Thu Hà, EVFTA và nông sản Việt Nam xuất khẩu: Thách thức, cơ hội và giải pháp, <https://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-kinh-doanh/evfta-va-nong-san-viet-nam-xuat-khau-thach-thuc-co-hoi-va-giai-phap-343659.html>, 20/12/2021.

<sup>17</sup> Bộ Công thương Việt Nam, Cơ hội, thách thức, triển vọng xuất khẩu hàng nông sản sang EU, <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/co-hoi-thach-thuc-trien-vong-xuat-khau-nong-san-sang-thi-truong-eu.html>, 10/02/2022.

Việt Nam có nền nông nghiệp phát triển lâu đời, được biết đến với nhiều sản phẩm nổi bật, hàng nông sản, thực phẩm xuất khẩu của Việt Nam đã có mặt tại rất nhiều quốc gia trên thế giới, bao gồm cả những thị trường khó tính nhất. Đến nay, Việt Nam đã ký kết 15 FTA với các đối tác và là một trong bốn nước châu Á đã có FTA với EU. EVFTA có hiệu lực vào thời điểm nông nghiệp Việt Nam đang rất cần đa dạng hoá thị trường xuất khẩu. Hiệp định đem lại cho nông nghiệp Việt Nam những cơ hội to lớn để phát triển, mở rộng xuất khẩu và tham gia sâu vào thị trường thế giới. Trong các FTA đã có hiệu lực, EVFTA là hiệp định được doanh nghiệp tận dụng tương đối hiệu quả.

Với cam kết trong EVFTA, doanh nghiệp cần có sự thay đổi trong sản xuất, chuẩn hóa chuỗi giá trị để đáp ứng được yêu cầu mà các nước EU đặt ra tại Hiệp định này. Dù EVFTA có ưu đãi với những quy định về biện pháp kiểm dịch động thực vật linh hoạt nhưng EU còn có nhiều quy định không chỉ liên quan đến tiêu chuẩn sản phẩm mà cả đối với quy trình sản xuất ra sản phẩm đó. Nếu không nâng cấp được chất lượng hàng xuất khẩu và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của EU, đặc biệt là về truy xuất nguồn gốc, các doanh nghiệp sẽ không tận dụng được tối đa ưu đãi do EVFTA mang lại. Theo Thứ trưởng Bộ Công Thương Đỗ Thắng Hải, doanh nghiệp nông xuất khẩu “cần tiếp tục triển khai xây dựng và phát triển mô hình chuỗi về sản xuất nông nghiệp sạch, hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao, kiểm soát an toàn thực phẩm ngay từ những yếu tố đầu vào, đồng thời, liên kết sản xuất với tiêu thụ, phát triển chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn trên toàn quốc, đảm bảo nguồn cung thực phẩm chất lượng, an toàn cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.”<sup>18</sup>

Nhiều doanh nghiệp Việt Nam đã chủ động tìm hiểu các quy định về SPS và TBT của EU liên quan đến sản phẩm của thị trường; từ đó có những đầu tư, điều chỉnh trong sản xuất và chế biến, nhất là công nghệ bảo quản,... sản phẩm để đáp ứng yêu cầu của thị trường. Điều này giúp doanh nghiệp giảm thiểu tối đa thời gian, chi phí, giúp sản phẩm vào thị trường thuận lợi đồng thời nâng cao được tên tuổi, uy tín của doanh nghiệp.

Nhiều doanh nghiệp cũng đã chủ động khắc phục tình trạng sản xuất manh mún, thiếu liên kết của nông dân và doanh nghiệp để giải quyết tình trạng giống không đồng

---

<sup>18</sup> Ánh Ngọc, Doanh nghiệp phải đề cao chất lượng sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn, <https://kinhdothi.vn/doanh-nghiep-phai-de-cao-trach-nhiem-san-xuat-kinh-doanh-thuc-pham-an-toan.html>, 30/06/2022.

nhất, sử dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật không hợp lý và thiếu kiểm soát. Chẳng hạn, nhiều công ty đã liên kết với nhiều nông dân và hợp tác xã ở các địa phương nhằm tạo ra vùng sản xuất sạch theo quy chuẩn, tạo ra sản phẩm đáp ứng nhu cầu của thị trường nhập khẩu. Tuy nhiên, tới nay việc thay đổi thói quen canh tác của nông dân vẫn còn nhiều khó khăn khi người dân vẫn có thói quen dùng phân bón vô cơ làm chủ đạo. Hệ quả là nhiều loại nông sản bội thu, không tìm được đầu ra trong khi doanh nghiệp xuất khẩu không có hàng.

Tăng cường liên kết, thúc đẩy hợp tác giữa nông dân với nông dân, nông dân với nhà khoa học, doanh nghiệp, nhà quản lý để phát triển sản xuất quy mô lớn, bảo đảm chất lượng nông sản ổn định... Nhiều địa phương đã thực hiện liên kết 4 nhà để thay đổi theo hướng sản xuất sạch. Chẳng hạn, theo Phó giám đốc Sở NN&PTNT tỉnh Đồng Tháp, ngành nông nghiệp Đồng Tháp đang chuyển dần sang các mô hình ít sử dụng phân bón hoặc chỉ sử dụng phân hữu cơ và hướng đến không phun xịt thuốc trừ sâu. Cụ thể như mô hình lúa - tôm sinh kế cho người dân vùng lũ, luân canh 1 vụ lúa đông xuân - 1 vụ tôm càng xanh bằng cách làm mới luân canh lúa - tôm càng xanh có nhiều ưu điểm hơn trước; mô hình lúa - sen khi nông dân gieo cấy vụ lúa đông xuân và trồng sen vào vụ còn lại mỗi năm; mô hình cánh đồng sản xuất lúa tiên tiến, tiết kiệm nước ứng dụng các giải pháp công nghệ 4.0 tại Hợp tác xã Mỹ Đông 2, xã Mỹ Đông (huyện Tháp Mười) với quy mô 66,5ha... Hay tại tỉnh Sóc Trăng, ông Huỳnh Ngọc Nhã - giám đốc Sở NN&PTNT tỉnh Sóc Trăng cho biết, nhiều đơn vị trực thuộc phối hợp các địa phương triển khai một số mô hình sản xuất giảm chi phí đầu vào, nhất là giảm phân bón và thuốc trừ sâu. Trên cơ sở đó, Tỉnh sẽ đánh giá, chọn một số mô hình hiệu quả để thực hiện rộng rãi.<sup>19</sup> Nhiều địa phương có chính sách ưu đãi hợp lý cho các doanh nghiệp, cá nhân đầu tư vào chế biến sản phẩm nông nghiệp, hỗ trợ máy móc, thiết bị phục vụ chế biến nông sản thực phẩm, gồm máy sấy, kho trữ lạnh bảo quản sản phẩm, máy đóng gói... cho một số cơ sở sản xuất, hợp tác xã nông nghiệp...

Ứng dụng khoa học công nghệ để phát triển nông nghiệp xanh, nông nghiệp có giá trị gia tăng cao. Từ năm 2017, Bộ NN&PTNT đã lên kế hoạch phối hợp với các viện nghiên cứu, nhà khoa học... lựa chọn giống cây trồng tốt, ứng dụng khoa học kỹ thuật để phục tráng, lai tạo các giống cây, con chất lượng bảo đảm đưa vào sản xuất; đầu tư phát triển công nghệ thu hoạch, bảo quản, chế biến nông sản nhằm nâng cao giá

<sup>19</sup> Nâng cao chất lượng nông sản Việt: Kỳ 1: Nông dân đổ bỏ, xuất khẩu thiếu hàng, <https://tuoitre.vn/nang-cao-chat-luong-nong-san-viet-ky-1-nong-dan-do-bo-xuat-khau-thieu-hang-20220421081249757.htm>

trị cho nông sản xuất khẩu. Kế hoạch này giúp nông sản Việt Nam dễ dàng đáp ứng yêu cầu SPS của các thị trường xuất khẩu.

Vụ Hợp tác quốc tế (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) đã xây dựng Đề án thúc đẩy xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang thị trường EU đến năm 2030. Mục tiêu của đề án là năm 2025 giá trị xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang thị trường EU đạt từ 5 - 5,5 tỷ USD; tỷ trọng xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản chế biến sang EU đạt khoảng 30%, mặt hàng nông, lâm, thủy sản tiếp cận trực tiếp tới kênh khách hàng cuối cùng tại EU đạt 20%. Mục tiêu đến năm 2030 giá trị xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang thị trường EU đạt từ 7,5 - 8 tỷ USD, tỷ trọng xuất khẩu các mặt hàng nông lâm thủy sản chế biến sang EU đạt khoảng 50% và tiếp cận trực tiếp tới kênh khách hàng cuối cùng tại EU đạt 30%.<sup>20</sup>

Về phổ biến thông tin, Văn phòng SPS Việt Nam đã chủ động phối hợp đối với các đơn vị như trường đại học, viện nghiên cứu để tổ chức các diễn đàn thông tin kịp thời về các quy định SPS trong EVFTA, RCEP, và các quy định của thị trường nhập khẩu đối với thực phẩm và nông sản làm thực phẩm, đến cơ quan quản lý, khối doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ nông dân, các cơ sở sản xuất, chế biến xuất khẩu nông lâm thủy sản...

Để đẩy mạnh xuất khẩu nông sản vào thị trường EU, nhìn chung Việt Nam còn rất nhiều việc phải làm. Chẳng hạn, một nội dung quan trọng đó là sự kết nối, tham gia giữa các bộ ngành và địa phương trong việc thay đổi nhận thức, thói quen canh tác của bà con nông dân; nâng cao kiến thức và đầu tư, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất và chế biến nông sản và thực phẩm, nhất là những sản phẩm chế biến sâu có giá trị gia tăng cao; với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, việc đầu tư sẽ không dễ dàng nên cần có sự liên kết với nhau và có sự hỗ trợ của nhà nước...

Ngoài những giải pháp trong sản xuất, sơ chế, chế biến, ở góc độ quốc gia, cần tiếp tục thúc đẩy quan hệ thương mại, tăng cường khả năng đàm phán, thương thảo với các thị trường xuất khẩu để có những tiêu chuẩn kỹ thuật phù hợp, để tránh việc nông sản Việt Nam bị EU áp các rào cản kỹ thuật không hợp lý hay phải chịu những quy định cao hơn như trên đã đề cập; các cơ quan có trách nhiệm cần theo dõi và thông tin nhanh nhạy với doanh nghiệp về các biện pháp SPS khẩn cấp, để nhà sản xuất kịp thời điều chỉnh đáp ứng yêu cầu, tránh được nguy cơ bị trả hàng hoặc cảnh báo; xây dựng và hoàn thiện bộ tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm, kiểm dịch thực vật; đẩy mạnh quảng bá, tiếp thị các sản phẩm vào thị trường các nước...

<sup>20</sup> Nguyễn Hạnh, Nâng chất để gia tăng xuất khẩu nông sản tại thị trường EU, <https://congthuong.vn/nang-chat-de-gia-tang-xuat-khau-nong-san-tai-thi-truong-eu-182071.html>, 05/07/2022.

## **Kết luận**

EU là một thị trường xuất khẩu quan trọng thứ ba của hàng nông sản Việt Nam. Tuy nhiên, tổng giá trị nông sản xuất khẩu của Việt Nam mới chỉ chiếm 4% tổng nhu cầu nhập khẩu của khối. Nông sản Việt Nam đã tới hầu hết thành viên của EU, trong đó tập trung chủ yếu vào một số nước gồm Đức, Hà Lan, Italia, Tây Ban Nha, Bỉ, Pháp, Ba Lan. EVFTA là cơ hội để ngành hàng nông sản Việt Nam đẩy mạnh thâm nhập thị trường quan trọng này. Từ khi EVFTA có hiệu lực vào tháng 8/2020, xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang thị trường EU đã tăng mạnh.

Để tận dụng được cơ hội EVFTA mang lại, nông nghiệp Việt Nam đã có nhiều thay đổi, từ doanh nghiệp, nhà sản xuất và cơ quan quản lý nhà nước... từ đó tổng giá trị xuất khẩu nông sản vào EU đã được nâng cao, đặc biệt là các mặt hàng chủ lực. Tuy vậy, còn rất nhiều việc cần thay đổi để đáp ứng yêu cầu của thị trường khó tính này, nhất là liên quan đến những vấn đề nội tại của nông nghiệp Việt Nam, từ đó tiếp tục nâng cao hiệu quả xuất khẩu nông sản vào EU, đa dạng hoá sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu nhất là sản phẩm chế biến sâu, mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản Việt Nam ở châu Âu, từ đó hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng kinh tế đất nước.